

Hoàng Quốc Hải

Thăng Long Nổi Giận



WWW.VNTHUQUAN.NET, 2008.

Hoàng Quốc Hải

Thăng Long Nổi Giận

*Khoan thư sức dân để làm kẻ sâu gốc bèn rể
Đó là thượng sách để giữ nước.*

TRẦN QUỐC TUẤN

*Đến nay nước song tuy chảy hoài
Mà nhục quân thù không rửa nổi...*
(Bạch Đằng Giang phú)

TRƯƠNG HÁN SIÊU

Thăng Long Nổi Giận

SƠ GIẢN PHẢ HỆ NHÀ TRẦN

Để bạn đọc tiện theo dõi các nhân vật trong truyện, tác giả tạm sắp xếp một giản yếu tới tối giản về phả hệ nhà Trần. Song có một điều lộn xộn cần nói, đó là việc hôn nhân của họ Trần. Vì muốn

giữ gìn sự trường tồn của dòng họ, nhà Trần nghiêm cấm con trai, con gái kết hôn với người ngoại tộc. Cho nên, bạn đọc sẽ thấy anh em con chú bác ruột lấy nhau như cặp Trần Thủ Độ (Thái sư) lấy Trần Thị Dung (Linh từ quốc mẫu)

Cô cháu ruột lấy nhau như cặp Thiên Thành công chúa (em ruột Trần Liễu, Trần Cảnh) lấy Trần Quốc Tuấn (con Trần Liễu).

Chị em con chú con bác trực hệ lấy nhau: Khâm từ, Tuyên từ (con gái Trần Hưng Đạo) lấy Trần Nhân tông (con trai Trần Thánh tông). Vân vân và v.v...

Tuy nhiên, việc cấm kết hôn với người ngoại tộc chỉ có hiệu lực trong một hai triều đại đầu của nhà Trần, tới các triều sau, việc đó nhạt dần đi.

Và chưa nghe có vụ nào làm nghiêm (tức trị tội) đối với các cuộc hôn nhân dị tộc. Ngay Trần Minh tông cũng lấy hai người cô ruột của Hồ Quý Ly về làm phi.

Dẫu sao, đây cũng là một cuộc đại loạn luân mà lịch sử từng biết đến và không có gì có thể biện minh được.

Trong phả hệ này, tôi sẽ không thống kê đầy đủ mỗi đời vua sinh được mấy hoàng tử, mấy công chúa, mà chỉ đề cập tới những người nổi tiếng trong lịch sử và là nhân vật của tiểu thuyết. Ví như Trần Thái tông riêng con trai sinh được 6 người. Trong phả hệ này tôi chỉ kể có 5. Các vị khác cũng vậy.

Và sau rốt, phả hệ tôi giản này dùng cho cả 4 tập: **Bão táp cung đình; Thăng Long nổi giận; Huyền Trân công chúa; Vương triều sụp đổ.**

Coi như ta chấp nhận gia hệ nhà Trần bắt đầu từ cụ Trần Hấp.

TRẦN HẤP sinh TRẦN LÝ.

TRẦN LÝ sinh TRẦN THỪA.

TRẦN THỪA sinh TRẦN LIỄU và TRẦN CẢNH

Do sự tể vi của thời thế khi nhà Trần làm cuộc đảo chính, Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng, nên Trần Cảnh là em lên ngôi vua, còn Trần Liễu lúc ấy đã trưởng thành mà không được tức vị, từ đó nảy sinh mâu thuẫn khá sâu sắc trong hai dòng trưởng và thứ âm ỉ lâu dài.

CHI TRƯỞNG :

TRẦN LIỄU sinh:

- TRẦN QUỐC TRUNG còn gọi là TRẦN TUNG có pháp danh TUỆ

TRUNG THUỶ SỸ.

- TRẦN QUỐC TUẤN tức HƯNG ĐẠO VƯƠNG.

- TRẦN VŨ THÀNH tức VƯƠNG DOÃN. Trần Quốc Tuấn sau làm Quốc công tiết chế thống lĩnh chư quân sự, tương đương với chức Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Tổng tư lệnh quân đội ngày nay. Trần Quốc Tuấn sinh được bốn người con trai, đồng thời là bốn danh tướng:

- Hưng Vũ vương TRẦN QUỐC NGHIỄN.
- Hưng Trí vương TRẦN QUỐC HIỂN.
- Hưng Hiếu vương TRẦN QUỐC UẤT.
- Hưng Nhượng vương TRẦN QUỐC TẢNG.

Trong lịch sử đã có một giai đoạn khá dài nhầm lẫn, coi Trần Quốc Tảng là Tuệ Trung Thượng sỹ. Sự thật Thượng sỹ là bác ruột của Quốc Tảng.

CHI THỨ :

TRẦN CẢNH lên ngôi vua miếu hiệu là Trần Thái tông.

TRẦN CẢNH (Trần Thái tông) sinh:

- TRẦN QUỐC KHANG. (Bà Thuận Thiên là vợ thứ của Trần Liễu, khi đã có chữa Quốc Khang được hai tháng, Trần Thủ Độ và Trần Thị Dung ép Trần Cảnh (Thái tông) phải cướp lấy. Do vậy khi Quốc Khang lớn lên không được truyền ngôi).

TRẦN HOẢNG (Trần Thánh tông).

TRẦN QUANG KHẢI.

TRẦN ÍCH TẮC.

TRẦN NHẬT DUẬT.

Các con của Trần Thái tông đều là những bậc danh tướng văn võ toàn tài, sử sách không ngớt lời ca ngợi, trừ Trần Ích Tắc trong cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông lần thứ II (1285 - 1286) đem cả nhà đi đầu hàng quân xâm lược, sau chúng đưa về Yên Kinh rồi chết già ở đó.

Trần Thái tông còn có nàng công chúa út nổi tiếng trong lịch sử là AN TU.

TRẦN HOẢNG (Trần Thánh tông) sinh:

TRẦN KHẨM (Trần Nhân tông).

TRẦN NHÂN TÔNG sinh:

TRẦN THUYỀN (Trần Anh tông).

Trần Nhân tông còn có người con gái út là công chúa HUYỀN TRẦN, gả cho vua Champa, mà sính lễ gồm cả hai châu: Ô, Lý (miền đất Trị - Thiên ngày nay).

TRẦN ANH TÔNG sinh

TRẦN MẠNH (Trần Minh tông có 11 người con trai).

TRẦN MINH TÔNG sinh:

TRẦN VƯỢNG (Trần Hiến tông).

TRẦN HẠO (Trần Dụ tông).

TRẦN PHỦ (Trần Nghệ tông).

TRẦN KÍNH (Trần Duệ tông).

Trần Minh tông còn có người con nữa là CUNG TÚC ĐẠI VƯƠNG

NGUYỄN DỤC, lấy vợ là đào hát chèo đã có mang sẵn. Nguyên người này là vợ của người phường hát chèo Dương Khương. Sau đẻ ra Nhật Lễ. Khi

Dụ tông mất, bà thái hậu phò Nhật Lễ lên ngôi. Chưa được một năm thì những người trong tôn thất nổi lên như Trần Phủ, Trần Kính, Trần Nguyên Đán (Nguyên Đán là cháu trực hệ bốn đời của Trần Quang Khải) và công chúa Thiên Ninh (con Trần Minh tông) diệt Nhật Lễ, lấy lại ngôi vua. Trần Kính (Trần Duệ tông) còn có người con là Trần Hiện. Duệ tông chết trận tại thành Chà Bàn (Champa). Trần Nghệ tông cho cháu là Trần Hiện lên ngôi vua.

Sau vì có ý bài xích Hồ Quý Ly, nên Quý Ly xúi Nghệ tông phế truất rồi buộc phải thắt cổ tự tử.

Trần Nghệ tông có người con là Ngự Câu vương Húc theo chú là Trần Duệ tông sang đánh Champa, bị Chế Bồng Nga bắt làm con tin. Một người nữa là thiếu úy Trang Định vương Ngạc bị Hồ Quý Ly giết. Và sau rốt người con út là Trần Ngung (con rể của Hồ Quý Ly). Sau khi phế truất Trần Hiện, Ngung được đặt lên ngôi vua, hiệu là Trần Thuận tông.

Hồ Quý Ly ép Trần Thuận tông đi tu rồi bức tử. Đem con của Thuận tông là hoàng tử Ân 3 tuổi lên ngôi vua, hiệu là Trần Thiếu đế. Hơn một năm sau (1400), Hồ Quý Ly phế Ân (cháu ngoại), tự lập mình lên ngôi vua. Vậy là nhà Trần diệt, nhà Hồ lên.

Thăng Long Nổi Giận

CHƯƠNG 1

Vừa bước vào tới cửa cung Thánh từ, vua Trần Nhân tôn đã sụp lạy:

- Trình phụ hoàng.

Thượng hoàng Trần Thánh tôn vừa nhận ra con có điều gì không bình thường, liền nói:

- Ta miễn lễ, chẳng hay có chuyện gì cáo cấp mà quan gia phải vào cung đang buổi thiết triều?

- Bẩm phụ hoàng, vì có việc cơ mật, khẩn cấp, con đã cho bãi triều.

- Việc gì vậy?

- Tâu, người của ta lấy được tin từ Yên Kinh về nói rằng: Hốt-tát-liệt vừa lập An Nam tuyên úy ty, cử Bột-nhan Thiết-mộc-nhi làm tham tri chính sự An Nam tuyên úy sứ đô nguyên súy. Sài Thung và Khu-ghe làm An Nam phó đô nguyên súy. Lại cho lập triều đình bù nhìn. Y giữ đoàn công sứ của ta lại. Phong chánh sứ Trần Di Ái làm An Nam quốc vương. Lê Mục làm An Nam học sĩ, Lê Tuân làm thượng thư. Lại sai Sài Thung dẫn bọn này quay về Thăng Long và cho năm ngàn quân hộ tống. Trong đám quân ấy có một ngàn người Mông Cổ, còn bốn ngàn tên kia là quân tân phụ. Tiền quân của chúng đã tới Quảng Tây.

(- Theo chế độ nhà Trần thì Đông cung thái tử đã lớn, nhà vua trao cho ngôi báu, rồi lui về ở cung Thánh từ để giám sát công việc. Những năm đầu của vua mới lên ngôi, thực chất các việc lớn trong triều vẫn do vua cha quyết định. Đây là chế độ kèm cặp mang tính thực tập rất đáng lưu ý trong việc dùng người của nhà Trần.

- Quan gia: Đại danh từ chỉ nhà vua. Nguồn gốc: năm đời Đế lấy thiên hạ làm của công gọi là Quan; ba đời Vương lấy thiên hạ làm của nhà gọi là Gia.

- Yên Kinh tức Bắc Kinh ngày nay, cũng gọi là Đại-đô, nơi hoàng đế Hốt-tát-liệt nhà Nguyên lấy làm kinh đô.

- Quân tân phụ: Chỉ quân miền nam Trung Quốc-vùng đất Mông Cổ mới chinh phục.)

Thượng hoàng hơi biến sắc. Không biết vì giận bọn Trần Di Ái ngu tối, ương hèn hay căm uất bề lũ Hốt-tát-liệt. Ngài nói:

- Vậy là chúng đã biến nước ta thành quận huyện của chúng. Quân cầu trệ.

Bước ra khỏi long án, thượng hoàng dẫn từng bước chân nặng trĩu trong nội tâm. Đoạn ngài quay lại hỏi Nhân tôn:

- Quan gia khu xử việc này ra sao?

- Bẩm, con đã có chiếu thư cho bá phụ Hưng Đạo vương phải đón đánh bọn này ngay khi chúng đặt bước chân đầu tiên vào đất ta. Và bắt cho được bè lũ phản bội Trần Di Ái để trị tội.

- Thế còn Sài Thung thì sao? Bang giao hai nước căng thẳng. Nếu ta để Sài Thung chết trong đám loạn quân, Hốt- tất- liệt ắt có cớ cất binh ngay. Việc này phải cân nhắc kỹ lắm. Vạn bất đắc dĩ không tránh được can qua, thì cũng gắng nhẫn nhịn để còn trù liệu binh lương.

- Tâu phụ vương, con chắc là Sài Thung với danh nghĩa sứ giả, y sẽ đi trước, còn bọn kia núp bóng theo sau. Về đoàn sứ giả, con đã cử thúc phụ Chiêu Minh vương, tướng quốc thái úy (Trần Quang Khải) lên tận biên ải tiếp rước y về Thăng Long. Và cũng giám sát không cho y ngênh ngang dò xét nội tình nước ta từ biên thùy vào nội địa.

Thánh tôn vụt mỉm cười:

- Hai việc ấy, giao cho hai người ấy, ta yên tâm. Vương nhi quả là sáng suốt. Nhận được chiếu thư của nhà vua, Hưng Đạo vương cho triệu các con về bàn việc phụng chỉ. Bởi từ lâu nay, mạn đông và đông bắc, triều đình giao hẳn cho cha con đại vương trấn giữ. Khi các vương tử đã tề tựu đông đủ, đại vương bèn nói:

- Nay Hốt-tất-liệt đã bình định xong Trung Quốc, đặt nền thống trị và đổi quốc hiệu là Đại Nguyên rồi. Mong bá chủ gầm trời của y là không gì cản được. Ngọn cờ xâm lược đang trở về phương nam, mà Đại Việt ta là chẳng đường tiến quân chinh phục đầu tiên của y. Lẽ ra, sau trận thắng ở Nhai Sơn (Trận quyết chiến chiến lược của Hốt-tất-liệt tiêu diệt toàn bộ triều đình nhà Nam Tống), Hốt-tất-liệt đã kéo đại binh sang ta. Ngặt vì tướng sĩ sau nhiều năm chinh chiến ở Trung Nguyên đã mỏi mệt, y còn phải chinh bị lại. Và chẳng y cũng muốn giương oai gài bẫy răn đe để các nước nhỏ quy phục, hơn là phải cất quân đánh dẹp. Nay ta được mệnh vua ủy thác, phải xua tan đạo binh năm ngàn tên do nhà Đại Nguyên cử đi hỗ trợ sứ đoàn Sài Thung, dẫn bọn phản bội Trần Di Ái - bù nhìn quốc vương do Hốt-tất-liệt sách phong về nước. Vậy theo ý các con, ta dẹp bọn này thế nào cho êm thuận. Vừa giữ được chủ quyền quốc gia, vừa không để cho kẻ kia vin cớ cất quân. Các con của đại vương có mặt đầy đủ. Trước hết là trưởng tử Hưng Vũ vương Trần Quốc Nghiễn, bấy lâu nay vẫn cùng đại vương ở đại bản doanh vùng Kiếp Bạc - Bình Than. Tiếp đến là Hưng Trí vương Trần Quốc Hiến; Hưng Hiếu vương Trần Quốc Uất trấn giữ suốt một dải biên ải từ cực đông đến đông bắc. Sau rốt là Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tảng, trấn ngự cả một vùng biển đông bắc từ Ngọc Sơn đến Vân Đồn, Hạ Long.

Đại vương là một bậc trí tuệ, nghiêm cẩn, nên người giáo dưỡng các con theo nền nếp cực kỳ thâm viển. Đại vương thường dạy các con thấu đáo đạo làm người, trước khi học đạo làm tướng.

Các vương cũng biết rõ tính cha, nên trước khi nói ai cũng phải suy nghĩ cho cặn kẽ. Và ai cũng biết rằng, trong những cuộc nghị bàn như thế này là bàn việc quân cơ, việc lớn quốc gia. Sa xảy là đại vương chiếu quân pháp trị tội, chứ không mảy may xen lẫn tình phụ tử mà châm chước.

Đại vương đưa mắt nhìn các con. Phút im lặng nặng nề khiến không khí như ngột ngạt. Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tảng vốn tính bông bột, ưa hành động hơn là suy ngẫm, vừa mấp máy môi, toan nói. Nhưng chợt nhìn thấy gương mặt cha vẫn trầm mặc và các huynh vẫn điềm nhiên, vương hơi chột dạ. Và suy nghĩ: "Việc dễ như trở bàn tay. Phục binh bất ngờ diệt gọn. Chém đầu Sài Thung ném trả Hốt-tát-liệt cho y bớt tính ngông cuồng. Treo cổ Trần Di Ái ở kẻ chợ, để làm gương cho những tên phản bội đê hèn...".

Triền miên với những suy tư đầy tức giận bởi cách cư xử hỗn xược của triều đình nhà Nguyên, Trần Quốc Tảng bức bối nói với mình: "Thân làm tướng. Gặp giặc là đánh. Có gì đâu mà các vương huynh phải nghĩ lâu thế Chẳng nhẽ ta là tướng thủy, xin lên đánh bộ, phụ thân lại quở : mạn xược".

Khí giận toát ra ngoài khiến vẻ mặt Trần Quốc Tảng không vui.

Giây lâu, Hưng Vũ vương Nghiễn lên tiếng:

- Bẩm đại vương, việc này không lớn nhưng cực kỳ khó.

Hưng Đạo vương gật gật mái đầu đóm bạc, nét mặt có vẻ tươi nhuận, người giục:

- Vương nói rõ ý con, ta nghe đây.

- Trình đại vương, con nói việc này không lớn, là bởi chỉ có năm ngàn tên quân Mông - Thát vào cõi ta. Một đạo binh nhỏ của chú Hưng Trí vương Hiến, hoặc Hưng Hiếu vương Uất là quét sạch. Nhưng nó lại dính đến cái sứ đoàn nhà Đại Nguyên, do tên cáo già Sài Thung cầm đầu. Theo y có cả một triều đình bù nhìn do Hốt-tát-liệt nặn ra. Việc này làm không khéo sẽ chọc giận con sư tử Hốt-tát-hệt nổi máu điên khùng, kéo đại binh sang giày xéo núi sông ta. Biết mưu kẻ kia thâm hiểm, nên thượng hoàng và nhà vua mới ủy thác cha và chú Chiêu Minh trông nom cho kín kẽ.

Hưng Đạo vương vuốt chòm râu cứng tới ba lần rồi cười lớn:

- Khá khen cho con, không những vũ dũng mà còn có mưu sâu. Người thông thả nhấn thêm: - Phát lộ được mưu kẻ địch còn ẩn tàng, tức là con đã biết rõ gan ruột nó. Lướt nhìn các con một lượt, đại vương chậm chạp vuốt râu và thông thả nói tiếp: - Người làm tướng, không phải như thiên lôi chỉ đâu đánh đấy. Người làm tướng - Đại vương nhấn thêm - không phải chỉ biết đánh, mà phải biết thắng một cách nhàn hạ, không nhọc sức quân, không hao tổn máu xương sĩ tốt. Nhìn thẳng vào người con út, lúc này mang vẻ mặt buồn thiu, Đại vương nói như an ủi, như trách móc:

- Hưng Nhượng vương Tảng, ta lấy làm tiếc, con học nhiều, đọc rộng mà con vẫn chưa định được cái tâm, chĩnh được cái ý. Tính con nôn nóng, bông

bột, nếu con không ần nhần để sửa mình, ta e con khó thấu được thành tựu. Trần Quốc Tảng nghe cha nói, giật mình kinh sợ, mồ hôi toát đầm sống lưng. Vương thâm nhủ: "Vậy là cha biết cả tim óc ta".

Lại nhìn Hưng Vũ vương Nghiễn, đại vương chậm rãi:

- Việc này ta phó thác cho con lo liệu. Con nên cẩn trọng. Ngoài sứ đoàn Sài Thung ra, không cho một tên quan quân nào khác trong đoàn hộ tống lọt được vào đất ta. Con nên nhớ, chỉ cần cẩn không cho lũ kia sang đất ta, chứ không cần sát hại chúng. Bỏ bèn gì vài ngàn tên giặc. Đây là ván cờ bang giao, không được để xảy ra điều gì sai quấy.

Vương đột ngột ngừng lời. Đôi mắt vương bỗng sáng quắc. Vương như đang trưng nhãn lực nhìn cho thấu một vật gì đó qua màn sương mờ đục. Rồi cất cao giọng, vương nói:

- Gấp gáp lắm rồi. Cứ như ta suy ngẫm qua cung cách chèn ép, bức bách của nhà Nguyên, thì Đại Việt tiếp sứ Nguyên lần này có nhẽ là lần trót chẳng?

Cho nên việc canh phòng trên biên ải, cũng như việc thông đạt tin tức từ biên cương về bản doanh ta, không được lơ lửng, trễ nải. Các hỏa điểm, củi đóm lúc nào cũng phải đầy đủ, ngay cả khi trời mưa bão. Còn các trạm, phải luôn luôn có ngựa tốt, để hễ có tin gì, là các kỵ sĩ có thể lên đường ngay được.

Ngày mai ta về Thăng Long, để xem vua tôi nhà Nguyên giờ thêm trò gì nữa. Yết Kiêu đi cùng ta. Dĩ Tượng lo luyện tốt đội tượng binh, đội thần nỗ giúp ta. Các con cố gắng hoàn thành trách phận. Xong việc, ta sẽ có thưởng. Nói xong, vương đứng dậy đi về phía tàu ngựa. Con tía mặt thấy vương đi qua, nó hí lên một hồi dài, rồi lúc lắc bờm và gại móng, khiến vương phải dừng lại.

Thăng Long Nổi Giận

CHƯƠNG 2

Khi sứ đoàn của Sài Thung đến phủ Tư Minh (Nay là huyện Ninh Minh thuộc Quảng Tây, Trung Quốc) thì đội quân hộ tống An Nam quốc vương Trần Di Ái, theo lệnh thiên tử nhà Đại Nguyên Hốt-tất-hệt đã hạ trại ngoài cổng thành chừng năm dặm.

Nom đám lều trại, ngựa chiến, ngựa thồ của một ngàn quân Mông Cổ sắp đặt ngay ngắn tề chỉnh, khí giới lương thảo đều vào đó, Sài Thung lấy làm hài lòng. Và đám quân tân phụ bốn ngàn tên lấy từ quân bản bộ của lộ Quảng Tây, cũng hạ trại liền sau đó. Sài Thung có cảm giác khó chịu thấy lũ quân người phương Nam - đồng bào của y lơ mơ dưới những chóp nón tre đan rộng vành, mặt mũi đờn đờ ấy buồn thiu, ủ rũ không hồn như lũ lính ma trời. Với lòng khinh ghét, Sài Thung không thèm nhìn đám quân tân phụ, mà đi thẳng vào khu lều trại quân Mông Cổ. Viên lễ bộ thượng thư người Hán, được vua nhà Đại Nguyên sủng ái, cất nhắc vào chức An Nam phó đô nguyên súy. Vì Sài Thung từng lãnh chức chánh sứ sang Đại Việt nhiều lần: vừa quen thung thỏ, vừa am tường phong tục, lại có nhiều thủ đoạn trong nghề bang giao. Lần này, Sài Thung còn lãnh một trọng trách vừa to lớn, vừa mới mẻ, tức là bang giao có vũ trang. Sài Thung nắm trong tay một bộ máy triều đình của nước An Nam, do thiên tử nhà Đại Nguyên áp đặt. Từ quốc vương đến các đại thần, đều lấy ra từ đoàn cống sứ của Đại Việt Chẳng hạn Trần Di Ái dự hàng quốc thúc của An Nam quốc vương Trần Nhân tôn, vốn là viên chánh sứ sang đại đô năm trước được giữ lại. Thiên tử nhà Đại Nguyên đã mông ân cho y làm An Nam quốc vương, và phế truất cha con Nhật Huyền (Tên thật của Trần Thánh tông là Trần Hoảng, bọn vua quan và sứ giả nhà Nguyên đều gọi sách mé là Nhật Huyền.). Ngay cả bộ máy cai trị của thiên triều, cũng đã sắp đặt đều vào đấy.

Sài Thung khắp khơi, phen này y chỉ dùng ba tác lược với một đạo binh nhỏ, cũng thừa sức làm cho vua tôi nhà Trần phải run sợ đầu hàng. Vì rằng, nếu năm ngàn quân kia không xong, thì sẽ có năm mươi ngàn, sẽ có năm trăm ngàn. Sẽ có ức, triệu quân đến làm cỏ xứ này. Vì rằng Trung Nguyên mệnh mông là thế, vĩ đại là thế, còn bị vó ngựa Mông Cổ đạp nát cả thành trì, vua tôi nhà Tống công nhau nhảy xuống biển chết trôi, chết chìm, huống chi lũ sè Thăng Long, độ sao được với đại bàng thảo nguyên. Sài Thung mỉm cười bước vào lều trưởng của viên tướng người Mông Cổ, để bàn kế tiến binh vào đất An Nam cùng với sứ đoàn của y.

(Trận đại bại của vua tôi nhà Tống ở Nhai Sơn năm Kỷ mao (1279). Quân Nguyên đánh úp, quân Tống thua. Tả thừa tướng nhà Tống là Lục Tú Phu công vua Tống nhảy xuống biển chết. Qua bảy ngày, xác nổi lên mặt biển đến hơn mười vạn người. Đến đây kết thúc triều đại nhà Tống. Hốt-tát-liệt thống trị Trung Hoa và đổi niên hiệu là Đại Nguyên.)

Ba ngày sau, khi vừa canh một, Sài Thung đã đốc thúc đám Trần Di Ái dẫn đường qua cửa Tư Minh, để vào đất Đại Việt. Đám lính hộ tống người Mông Cổ quân ngậm tăm, ngựa bỏ nhạc đi cách xa chừng nửa dặm. Sau cánh quân người Mông Cổ là quân tân phụ.

Đêm mùa hè mát rượi. Trời đầy sao. Sương tưới đẫm cây cỏ hai bên vệ đường. Rừng cây âm u, đầy bí hiểm. Thỉnh thoảng lại lóe lên một đám lân tinh biếc sáng, như lũ ma trời rập rình nô giỡn. Rồi tiếng nước suối tuôn róc rách. Tiếng gió lao xao trên đỉnh ngàn cây. Và tiếng côn trùng rí rả. Vẳng đâu đây có tiếng cú rúc. Tiếng tắc kè. Tiếng mang tác. Thảng có tiếng chim hót hoảng đập cánh soàn soạt vút bay lên, xen cả tiếng chạy rậm rịch của đám thú ăn đêm.

Nằm trên cang, Sài Thung căng mắt ném cái nhìn mơ hồ vào những vòm cây đen sẫm mỉm cười. Viên chánh sứ lấy làm đắc ý. Y nhớ hồi tháng chạp năm Mậu Dần (1278), cách đây gần bốn năm, thiên tử nhà Nguyên cử y làm chánh sứ sang điều tang An Nam quốc vương (Trần Thái tôn). Y dẫn đoàn đi theo đường tắt Vĩnh Bình để vào đất Đại Việt. Y đã bị quan quân Đại Việt ngăn lại và Nhật Huyền đã gửi cho y một bức điệp văn, lời lẽ khôn ngoan tới mức không thể nào quên được: "Nay nghe quốc công đến biên giới tôi, biên dân không ai là không lo sợ, không biết sứ nước nào mà đến lối đó, xin đem quân về đường cũ mà đi. . . "

Hừm! Sài Thung phát đánh đét một cái vào mặt, y di bàn tay và xòe ra trong đêm tối. Không nhìn thấy, nhưng y biết là đầm máu. Những con muỗi quái ác như báo cho y biết là đã bắt đầu vào miền đất ẩm ướt phương Nam. Mặc dù vậy, mạch suy tư của quan thượng thư bộ lễ vẫn cứ tiếp nối. Y lại cười khẩy - "Nhật Huyền, vậy là lần này ta cho quân đi đúng đường vào đất nhà ngươi. Sao không có đại quân nghênh rước"?

Sài Thung tự nhủ: "Sớm mai ta sẽ cho quân tiến thẳng vào dinh thự hiệp trấn Lạng châu. Ta sẽ quở trách y vô lễ không ra địa đầu biên ải nghênh rước sứ giả thiên triều". Và Sài Thung mơ tưởng, chuyến bang giao vũ trang này của y thành tựu, mà nhất định phải thành tựu, sẽ là một kỳ tích không tiền khoáng hậu trong lịch sử, ngay cả đến Trương Nghi, Tô Tần cũng không sánh được. Y sẽ là người đứng ra cai quản xứ An Nam này. Chính y chứ không phải tên Mông Cổ võ biên Bột-nhan Thiết-mộc-nhi trị vì cái vương quốc bé nhỏ mà giàu có này. Y sẽ có kế sách đuổi tên Mông Cổ kia đi nơi khác. Nếu không, thì khí hậu lam chương và gái đẹp phương Nam cũng giết

hắn: Hoặc giả, các món ăn bổ béo, các thứ quý lạ và bạc vàng cũng giết hắn. Nghĩa là có y thì không có hắn. Trường suy tưởng của Sài Thung cứ miên man như một đàn kiến.

Bỗng một phát pháo hiệu nổ vang. Rồi hàng loạt pháo nổ như trời long đất sập. Lập tức từ hai cánh rừng, quân ủa ra như thác lũ bọc lấy bọn Trần Di Ái, Sài Thung.

Đám người ngựa của quân Mông Cổ đều sa xuống hố. Tiếng ngựa hí, tiếng người kêu cứu, tiếng khóc, tiếng chửi chìm đi trong tiếng reo hò của quân Nam.

Tảng sáng, bọn Trần Di Ái chạy tháo thân vào rừng. Đám gia binh của Hưng Vũ vương Nghiễn nhận mặt được, nên chẳng mấy chốc y đã bị bắt giải về kinh, theo đường ngựa trạm.

Từ lúc có tiếng nổ, Sài Thung lo chạy thoát thân, y đinh ninh rằng bọn Trần Di Ái đã chết trong đám loạn quân. Có điều lạ là Sài Thung không tìm cách quay lại đất Trung Quốc, mà lầm lũi đi theo cánh quân Đại Việt áp sát y. Khi mặt trời đã lên tới đỉnh đầu, cũng là lúc y quá mệt nhọc. Bởi sau trận phục kích bất ngờ quan bỏ lính, tở bỏ chủ chẳng còn ai vớ, cáng y nữa. Cái bụng y to, cái chân y ngắn, lại chạy tụt mất cả giày, hai bàn chân mồm mồm bị đất đá, gai sỏi chà sát rớm rớm máu tươi. Y nhìn trước ngó sau, không thấy có một tên quân Mông Cổ nào chạy theo y.

Sài Thung rất đổi hoang mang. Y tự nghĩ: Chẳng nhẽ binh lính của thiên triều lại bị cái lũ man di này giết hết cả rồi sao? Chẳng nhẽ hàng ngàn thiên binh thiên tướng bị bọn Nam man này dùng quỷ kế bắt hết rồi sao? Giữa lúc y muôn phần bối rối thì may thay, cái quán dịch - nơi tiếp sứ của quan hiệp trấn vùng địa đầu biên ải đã gần kề. Sài Thung bèn ngồi phệt xuống không chịu đi nữa. Quân lính Đại Việt được lệnh áp sát y chứ không dọa nạt, quát lác, đánh đập. Nhưng cũng không để cho y sai khiến.

Một lát sau, quan hiệp trấn ngựa xe vờng lọng, tiền hô hậu hét từ nhà quán dịch tiến về sứ đoàn thiên triều.

Ở cái trấn biên thù lại có cửa quan thông với nước lớn Đại Nguyên, viên hiệp trấn thường nhắm mắt các sứ đoàn Nguyên Mông. Vì vậy vừa nhìn thấy Sài Thung, quan hiệp trấn không nhìn được cười, phải quay đi vờ đưa tay áo thụng lên che miệng. Thật không ngờ, quan chánh sứ nhà Đại Nguyên, chân không giày, áo quần rách mướp, mũ đại thần có hai cánh chuồn thì rơi mất một, còn một chiếc thì quay ngược về phía trước. Mặt mũi quan chánh sứ bị gai cào rớm máu. Nom quan lớn thiên triều y hết một tên hề. Bấm bụng để khỏi bật thành tiếng cười, quan hiệp trấn làm ra vẻ nghiêm trang xuống kiệu, bước về phía quan chánh sứ nhà Đại Nguyên nghiêng mình thi lễ.

Không hiểu vì tức giận hay vì xấu hổ, Sài Thung liền quay ngoắt mặt đi.

Một lát sau, dường như đã trấn tĩnh, y liền quát:

- Vua tôi nhà các người to gan lớn mật, dám phục binh chống lại sứ giả thiên triều.

Quan hiệp trấn Đại Việt ôn tồn đáp:

- Bẩm đại quan, tôi phụng mệnh triều đình, rước đại nhân về nghỉ nơi dịch quán.

Sài Thung hầm hằm tức giận bước lên kiệu. Lữ tùy tùng nghênh ngáo đi theo.

Bỗng một hồi chiêng nổi lên, người ém từ trong rừng ủa ra, cờ quạt, tàn lọng màu sắc rực rỡ, cùng đồ tế khí vàng son lấp lóa hòa với tiếng trống, tiếng chiêng nổi lên ầm ầm. Không khí rõ ra một ngày hội. Đám quân kiệu, quân rước, áo nậu nẹp vàng, tề chỉnh. Khuôn mặt ai nấy đều hân hoan. Và những dũng sĩ đánh song đao cùng con kỳ lân cứ vờn trước kiệu của Sài Thung, ném ra những lời chúc mừng kính cẩn: "Sài Trang khanh thiên tuế! Thiên tuế?..."

Nom bộ mặt xây xát, bầm tím, mũ áo rách bươm, xộc xệch với dáng điệu vênh váo kệch cỡm của Sài Thung trên kiệu, Với cách tiếp rước theo nghi lễ trang trọng của quan biên trấn, khiến ai nhìn thấy cũng phải bụng miệng cười.

Vào nghỉ trong quán dịch tới xế chiều, vừa đói mệt, vừa uất ức căm giận, xấu hổ, Sài Thung cứ mong ngóng mãi không thấy một đại thần nào của triều đình nhà Trần lên biên trấn tiếp rước, cũng chẳng thấy viên quan bản hạt dâng cơm rượu.

Tới mức không chịu được nữa, Sài Thung đập phá quất tháo. Lính hầu của quan hiệp trấn ló vào, bị Sài Thung vợ lấy khay trà đánh lên đầu tóe máu. Người lính ôm đầu chạy. Lát sau yên ắng, quan biên trấn áo mũ chỉnh tề bước vào, nghiêng mình sá Sài Thung.

Sứ giả thiên triều đập án quát:

- Nhà ngươi láo thật? Định bỏ ta chết đói ở cái xó này phỏng?

Quan biên trấn làm ra vẻ run sợ:

- Bẩm đại quan, bản chức đã soạn cơm rượu đầy đủ ngay từ khi đại quan mới tới. Nhưng không thấy đại quan cho gọi, nên bản chức không dám tự tiện.

- Quân láo thật, dám lờn cả sứ thiên triều.

- Bẩm quan lớn, đó là tục nước chúng tôi. Kẻ dưới phải kính cẩn với người trên. Nếu bề trên không cho gọi hỏi, kẻ dưới đều không dám tự tiện.

- Được rồi, ta cho phép người dâng cơm.

Một mâm cỗ đầy, với hai tầng bát đĩa, lập tức được bê vào. Nom có vẻ ngon, nhưng ngội ngơ ngội ngắt, ruồi bâu đầy. Loáng thoáng đã có con ngả vào âu canh. Cơm thì rắn và đóng văng đóng chóc. Rõ là một mâm cơm thịnh soạn, thuần những đồ sơn hào hải vị. Nào gân nai, nấm thả, nào hải sâm, yến

sào. Vậy mà quan chánh sứ không nuốt nổi. Bởi càng nghĩ càng uất. Mang danh một trọng thần của thiên quốc mưu cao, chức lạ vừa mới đem ra thì thố đã bị bọn "man di" làm cho sập đổ. Bây giờ không biết số phận của một ngàn tên quân Mông Cổ, bốn ngàn tên quân tân phụ ra sao. Bọn lính tân phụ chẳng kể làm gì, chứ đám quân Mông Cổ kia mà bị nguy hại thì còn gì là uy danh thiên triều. Và chắc chắn là Hốt-tát-liệt sẽ không để cho y sống yên ổn. Lại cả cái đám triều đình do y dẫn từ đại đô về cũng bị giết chết hết, không còn một mạng nào. Bây giờ kiếm đâu được một đứa ra hồn để vẽ mặt, đặt nó lên ngôi quốc vương An Nam.

Hết nghe tên Hán gian hạnh học lại nhìn nó dẫn bát đĩa trên mâm cơm, quan hiệp trấn thừa biết y đang nuốt phải mật đắng của quân dân Đại Việt. ông thầm kính trọng đức Hưng Đạo điều binh khiển tướng thế nào, mà mỗi bước quân kia đi là đúng vào điều kế của quân mình. Thoạt tiên, ông được Hưng Vũ vương cho hay mật chỉ của triều đình, là ông với danh nghĩa quan biên trấn, phải lo tiếp rước sứ nhà Nguyên long trọng. Nhưng phải ráng che tai, bịt mắt Sài Thung và đám tùy tùng của hắn. Tuyệt nhiên không để chúng dòm ngó vào được kho tàng của ta, binh lực của ta. Đường ngang lối tắt của ta, một bước cũng không cho y lui tới. Bởi vậy, quan biên trấn đã nghĩ ra cách mở hội đón y. Che mắt y bằng cờ quạt, tàn lọng, và người chen người suốt dọc đường chúng đi. Bịt tai y bằng tiếng trống, chiêng, hò hát. Nhưng thảm hại cho viên chánh sứ, là hắn đang đau như hoạn, vẫn cứ phải gượng sàu mà lên mặt vênh váo.

Trong khi hắn đang lo són máu, thì Hưng Vũ vương hả hê vì đã làm được đúng như ý cha mong muốn. Nghĩa là tướng quân phục binh quanh dải rừng, đã đào sẵn một cái hào rộng ngay chỗ giáp ranh biên ải. Đêm ấy chờ cho đoàn sứ giả vừa đi qua, chợt lũ người, ngựa quân Mông Cổ ập tới, vương cho nổ pháo đùng đùng. Ngựa nghe tiếng nổ và khói pháo cay sè hoảng hốt nhảy chồm lên. Thế là người, ngựa chúng nó nhất tề lăn xuống hố.

Trời sáng rõ, lũ chúng nó, những đứa nào còn sống sót lồm cồm leo lên bờ. Không thấy Sài Thung, như rắn không đầu, bèn tìm đường chạy tháo trở lui. Trận bang giao có vũ trang này của Sài Thung, được xem là một kỳ mưu ở đại đô Yên Kinh. Hốt-tát-liệt hết lời cổ súy. Vậy mà mới mấp mé biên thù thôi, nó đã bị đại bại. Quân thì ôm đầu máu chạy về, tướng thì mặt mày xây xát ngời đây, với áo quần mũ mào bờm rách, như một tên hành khất, còn mấy con tát bù nhìn Trần Di Ái và đồng bọn, bị trói giật cánh khuỷu giải về triều từ đêm trước rồi. Nay y ngồi đây, đợi triều đình ta cho người đón về Thăng Long. Y ngồi đây, hẳn là y đang toan tính một nước cờ khác, liều lĩnh hơn, hiểm độc hơn. Quan biên trấn mừng tượng mỗi bang giao giữa hai nước, sẽ ngày một phiên toái thêm. Kể kia cậy thế nước lớn sẽ còn lấn tới. Ông rùng mình nghĩ đến cảnh can qua.

Sài Thung lòng dạ bồn chồn, ăn uống không được, đứng ngồi không yên. Y vẫy gọi quan biên trấn lại gần hỏi:

- Bao giờ thì vua tôi nhà ngươi đến đây rước ta?

- Bẩm đại quan, tôi đã cho chạy ngựa lưu tinh về tâu triều đình rồi. Đại quan chờ cho dăm ba bữa nữa, chúa công tôi sẽ có người lên rước thiên sứ về kinh.

Những lời nói ngọt ngào bình thản đến lạnh lùng của quan biên trấn, càng như chọc tức Sài Thung. Đôi mắt y như hai cục lửa, cứ long lên sòng sọc.

Không kìm nén được, Sài Thung ném ra một giọng nói miệt thị:

- Dân di địch các ngươi không biết lễ nghĩa. Ta chưa thấy một tiểu quốc nào lại dám nghênh đón sứ thần đại quốc như vua tôi nhà ngươi.

(Bọn thống trị Trung Quốc xưa coi dân các nước ngoài Trung Hoa là Man di, Địch quốc. Bởi trong chữ Man có bộ trùng, trong chữ Địch có bộ khuyển. Có nghĩa là chúng coi các dân tộc khác như dòi bọ, chó má.)

Quan biên trấn giận tên giặc già đến bầm ruột, vẫn vờ như không biết và dễ dàng đáp:

- Thừa đại nhân, ở nước chúng tôi từ loài trùng vô tri vô giác như con tằm, con ong, đều có nghĩa đối với người cho nó ăn. Nó giả tợ, giả mật cho người có công chăm sóc nó. Ở nước tôi trẻ con cũng biết con tằm “đáo tử ti phương tận”(Đến chết vẫn còn nhả tơ). Con chó, con ngựa là những vật nuôi trong nhà cũng trung thành với chủ cho đến lúc chết. Thật là khuyến mã chí tình. Nhưng con người, dù ở nước lớn hay nước nhỏ mà bất nghĩa bất nhân, thì đúng không bằng loài sâu bọ chó má thật.

Như giẫm phải tổ ong bò vẽ, Sài Thung hét lớn:

- Quân vô đạo! Ta đã bảo dòng giống vua tôi nhà các ngươi không có lễ nghĩa.

- Đại nhân quá lời đây. Chắc đại nhân nóng giận mà chưa kịp nghĩ chăng? Được biết đại nhân sẽ qua thăm nước chúng tôi, quốc vương tôi sai tôi phải túc trực để tiếp rước đại nhân. Khi đại nhân vừa tới địa đầu biên ải, chúng tôi đã kịp nghênh tiếp. Biên dân chúng tôi nô nức đi đón đại nhân vui như trẻ hội. Đại nhân tới đâu, từ lão phu tới bọn mục đồng đều kính cẩn vái chào. Từ quan đến dân, chúng tôi đều tỏ lòng hiếu khách, không hề có một sự sơ suất nào. Đại Việt chúng tôi là một nước văn hiến lâu đời sánh ngang Hán, Đường, tưởng như văn hiến bên quý quốc cũng đến thế mà thôi. Hà có gì đại nhân khinh mạn nước tôi. Đại nhân có thể coi thường tôi, thậm chí khinh miệt tôi, nhưng chớ có động đến quốc thể chúng tôi.

Quan biên trấn giận tới mức không thể kìm giữ được lời nữa. Mặt quan đỏ gay, lời lời phẫn uất, khiến Sài Thung chột dạ ngồi im.

Đúng lúc ấy bỗng vang rộn tiếng nhạc ngựa, tiếng quân rậm rịch ở phía ngoài. Rồi một người dong dỏng cao, mặt mũi tuấn tú, áo thụng tía, đai

ngọc, mũ bình thiên, chân mang hia đen thêu đôi phượng đỏ, tiến vào dịch quán. Người ấy nghiêng mình thi lễ:

- Bản chức có lời chào đại quan.

Liếc nhìn sắc diện và y phục Sài Thung, mặc dù đã được đảm liệu thuộc quan biên trấn bẩm báo từ trước, Chiêu Minh vương Trần Quang Khải không khỏi giấu mặt cười thâm. Để cho sứ thần thiên triều đỡ mất thể diện, Chiêu Minh vương bèn dâng bức điệp văn úy lạo của quốc vương Đại Việt, và một chút quà biếu. Nhìn nét mặt Sài Thung đọc bức điệp văn có hơi vui một chút.

Chiêu Minh vương truyền cho khiêng vào trước Sài Thung hai hòm quà biếu. Một hòm đựng đầy y phục đại quan may theo kiểu phương Bắc. Hòm kia thuần các đồ vàng bạc như bộ đồ trà bằng bạc trạm. Một bộ chén ngọc nạm vàng. Một viên ngọc minh châu to bằng quả trứng chim sẻ, đựng trong hộp vàng. Và một cặp ngà voi, cùng một trăm nén vàng.

Chiêu Minh vương sai viên nội nhân bày quà cáp lên kỷ. Đám quà cáp càng chồng chất cao bao nhiêu, thì gương mặt Sài Thung càng tươi tỉnh lên bấy nhiêu. Cuối cùng các vết nhăn trên khuôn mặt vốn đầy sát khí kia, như cùng một lúc giãn ra hết, và một nụ cười đầu tiên của Sài Thung đã nở trên đất Đại Việt. Y quay về phía Trần Quang Khải, hơi nghiêng đầu đáp lễ.

- Ta có lời chào quan tướng quốc thái úy. Và y thâm nghĩ: "Vậy là cha con Nhật Huyền cũng đã biết điều. Đã cử viên quan đầu triều đến tận biên trấn rước ta. Và với món lễ này - Y lại nhìn xuống đồng châu báu, vàng bạc - cũng tạm được".

Tướng quốc thái úy bèn mời Sài Thung sang nghỉ tại dinh quan biên trấn, để ngày mai lên đường về Thăng Long.

Trước sự tiếp đón long trọng của quan tướng quốc, lễ lạt lại ưu hậu, Sài Thung đã có phần nào nguôi ngoai. Chẳng đường từ biên trấn về tới Thăng Long nếu đi ngựa mất bảy ngày. Nhưng lấy có để bảo trọng quan chánh sứ thiên triều, Trần Quang Khải sức cho quan biên trấn phải cho lính cáng. Suốt chẳng đường đi cáng mất hai mươi ngày, cứ ngày đi đêm nghỉ. Sài Thung nằm cáng trước, Trần Quang Khải nằm cáng sau, hai người trò chuyện vui vẻ lắm. Đêm đêm lại cùng ngủ trong các dinh hay trong dịch quán, hai bên đã có phần nào hiểu biết nhau thêm. Tuy đi bộ, nhưng suốt dọc đường, sứ thiên triều như bị bung tai, bịt mắt. Lộ trình chỉ đi theo một đường thẳng, hai bên rừng núi ken dày. Thẳng có đường ngang đường rẽ, ngã ba ngã tư đều đã được trồng kín các loại cây cối và dây leo. Dù là người trong vùng cũng khó nhận ra, huống chi bọn ngoại nhân từ Yên Kinh tới.

Khi về đến dinh an phủ sứ lộ Kinh Bắc, thì ý đồ của Sài Thung rõ dần. Y nhất quyết phải tìm một người nào để thay thế Trần Di Ái. Sài Thung bèn mở một nước cờ thăm dò, y nói:

- Ta vẫn nghe danh quan tướng quốc thái úy, nay được tiếp kiến, ta rất lấy làm cảm mến.
- Đa tạ đại nhân. Biết kẻ kia đang giăng quỷ kế, Trần Quang Khải dè dặt đáp. Và ông cũng tương kế, tựu kế, hỏi luôn: - Đại nhân từ thượng quốc tới nước tôi lần này, chẳng hay thiên tử có điều chi dạy bảo vua tôi nước chúng tôi?
- Ta sao biết được ý thiên tử. Tất cả đều ở trong tờ chiếu được niêm phong rất cẩn thận, ta vẫn giữ đây.

Khí hậu phương nam thật lạ kỳ. Ban ngày thì nóng hầm hập mà đêm xuống, khí rừng núi loãng tan ra buốt lạnh tê tái khiến Sài Thung dù đã mặc áo Hồ cừu, tay ủ trong lồng ấp vẫn thấy rét run. Trần Quang Khải truyền đóng kín các cửa dinh lại, và cho đốt thêm ba lò than. Rượu hâm nóng. Thịt nai nướng mỡ cháy xèo xèo, hơi bay thơm phức. Không khí ấm nóng cùng với mùi thức ăn, mùi rượu làm cho con người quên bớt nỗi mệt nhọc, lo âu. Chỉ có hai người thù tạc, bọn quân hầu, nội nhân thấp thoáng ở phía ngoài chờ sai bảo. Các bọn tùy tùng của quan tướng quốc và quan chánh sứ, ăn uống khu biệt ra một nơi.

Quan tướng quốc người cao dong, mắt sáng, lông mày rậm, dài quá đuôi mắt, mũi thẳng, đôi lông quày rộng, cằm vuông, môi đỏ, da mặt tươi nhuận. Dáng người nhanh nhẹn, cứng cáp, đi đứng uy nghi. Tiếng nói trầm mà vang. Trời đêm tuy lạnh, nhưng quan tướng quân đã quen khí hậu nên chỉ vận lót trong mình một mảnh giáp hộ tâm sau lần áo kếp ngắn, bên ngoài phủ thêm chiếc thụng gấm màu tía, ngực thêu hổ phù và chiếc đai thêu hai con phượng vờn viên ngọc quý, thắt hồ.

Sài Thung có dáng điệu riêng của một người ở miền nam Trung Quốc. Ông ta mập mạp hơi lùn vì cái bụng quá to. Nom tựa tựa một cái thùng hình vuông. Được cái dáng đi khoan thai nhưng đầu lại cúi, như một người chỉ thích xem ngắm đôi chân mình. Sài Thung có cặp mắt híp. Khi nhướng lên lại hơi trố, và cặp lông mi thưa, tạo thành nửa vòng tròn nom ngồ ngồ như một chiếc lỗ đáo. Mặt ông ta thoát nom thì tròn, kỳ thực lại gồ ghề, bởi đôi lông quày thịt nổi lên thành múi. Nhẽ ra với gương mặt ấy, Sài Thung phải có cái mũi hình củ tỏi mới tương hợp. Song tạo hóa lại đặt vào đó một chiếc mỏ chim ưng, khiến tướng ông ta bị phá cách nặng nề. Sài Thung có nước da tái tái, giống như cặp môi dày của ông ta. Nom gương mặt lúc nào cũng khó đăm đăm. Ông ta có giọng nói hơi lạ, các âm tiết như phọt ra từng cục từ cổ họng cùng nước miếng phun ra như mưa phùn. Ông ta ăn uống nhồm nhoàm, vừa nhai vừa nói. Khí nóng từ lò than, cùng rượu và thức ăn, đã làm quan chánh sứ nóng bừng. Ông hé mở hàng khuy ngoài chiếc áo cừu. Một lát lại phanh cả vạt mấy chiếc áo bên trong, khiến bộ ngực ông ta lộ ra như một súc thịt trâu còn nguyên bì, vì nạm lông đen rậm phủ kín cả một

vùng ức.

Sài Thung mượn chén để tiếp nổi cuộc thăm dò. Y nói:

- Quan tướng quốc ạ, thiên tử rất mến tài ông, mong có dịp được trọng dụng. Trần Quang Khải tuy lượng ăn uống không kém Sài Thung, nhưng ông vẫn ung dung bình thản. Biết bụng kẻ kia càn dỡ, ông lấy lòng ngay chính khiêm nhường đáp:

- Tôi chắc đại quan hơi quá chén, nên có sự nhầm lẫn chẳng? Tôi là kẻ bất tài được vương huynh tôi đem lòng yêu, nên cho tập sự chức quan nhỏ, ngày đêm lo sợ. Vả lại, Đại Việt tôi là một tiểu quốc ở mãi nơi cuối biển cùng trời, thiên tử lo việc lớn bên đại quốc, người còn tai mắt nào để ý tới lũ chúng tôi.

Sài Thung vờ làm ra giận dữ, ông ta ngừng nhai, nhìn thẳng vào hai mắt Trần Quang Khải thăm dò. Bốn mắt giao nhau, Trần Quang Khải xem Sài Thung lúc này không hơn một con vật được nuôi nhốt, và được chăm sóc chu đáo. Quan tướng quốc bụng bảo dạ: "Tướng mạo tham bản, gian hùng, phản trắc. Người này dám làm tất cả mọi việc, trừ việc nhân nghĩa".

Nhìn gương mặt kiên nghị với tư cách đường hoàng của tướng quân Trần Quang Khải, Sài Thung thầm nhủ: "Kẻ này khó chinh phục đây".

Vẫn bộ mặt nghiêm lạnh, giọng nói cục cằn, thô lỗ, cậy thế nước lớn, y nói:

- Thiên tử thể thiên hành đạo. Việc gì xảy ra dưới cái vòm trời này mà thiên tử chẳng quan tâm. Tay chân của thiên tử ở khắp mọi nơi, kẻ nào hay dở, xấu tốt gì mà thiên tử không biết. Thật tình, mấy lần qua lại Thăng Long, ta có để mắt tới ông. Tất cả những gì mà ta lưu tâm, ta đều tâm thiên tử. Vì vậy, trước khi ta đi, thiên tử có gửi lời ủy lạo ông.

- Đa tạ đại nhân, Trần Quang Khải nói và ông ngập ngừng thăm dò Sài Thung: - Bẩm đại nhân, Quang Khải tôi vốn hiếu kỳ, dám xin đại nhân bỏ qua. Chẳng hay từ khi thiên tử đại định xong Trung Nguyên, ơn mưa móc đã nhuần thấm đến mọi nhà chưa?

- Ông hỏi ta điều ấy mà không sợ mang tội bất kính sao? Các ông ở xa thuộc dòng Di, Địch thiên tử còn mông âm, hưởng chi dân Trung Nguyên.

- Vậy chớ lần này đại nhân đem ơn riêng gì của thiên tử cho Đại Việt chúng tôi?

- Thiên tử hạ cố cho An Nam điều gì đã có ghi trong chiếu thư gửi cho Nhật Huyền. Riêng ông, ta có chút hậu tình, muốn tiến cử để thiên tử phong cho ông làm An Nam quốc vương. Nói xong, Sài Thung tự tay rót đầy hai chén rượu, và tiếp - Chúc ông đời đời vinh hiển.

Trần Quang Khải giận tái mặt, ông đã toan thôi cho tên Hán gian này một quả thoi sơn cho hả dạ. Chợt nghĩ đến thế nước, ông phải nén lòng, nói dần từng tiếng một để lấy lại sự bình tâm:

- Chắc đại nhân hiểu tôi thuộc dòng dõi nào? Giàu sang phú quý mà làm gì?

Ngôi cao lộc trọng mà làm gì? Tiên quân tôi xưa chỉ biết lấy xã tắc làm trọng. Còn ngôi báu, Người không coi hơn chiếc áo tơ của bọn nông phu. Sài Thung cười khẩy.

Hôm sau, Trần Quang Khải dẫn Sài Thung đến bến đò sông Thiên Đức(Sông Đuống ngày nay), y nhất định không chịu đi cưỡi ngựa mà đòi đi ngựa. Quang Khải biết y đã trở mặt.

Ông cho lính chạy ngựa đưa tin trước về triều.

Thăng Long Nổi Giận

CHƯƠNG 3

Khi Sài Thung chưa vào tới Thăng Long thì triều đình Đại Việt đã nghị án xong xuôi bọn Trần Di Ái. Công việc được giữ kín như bưng, trong ngoài không ai hay. Vì vậy Sài Thung vẫn định ninh rằng, lũ Di Ái đã chết trong đám loạn quân.

Trần Di Ái đáng tội chết. Đi sứ để nhục mệnh vua. Nhưng thương tình là người quốc thích, được tha tội chết. Song, để giữ nghiêm phép nước, Di Ái vẫn bị đồ làm binh khảo giáp ở Thiên Trường. Bọn tùy tùng như Lê Mục, Lê Tuân cũng bị đồ làm Tổng binh. Tức là cho gia nhập với những người nhà Tổng lưu vong sang ta, được phiên thành đội ngũ, dưới sự sai khiến của Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật. Mà Trần Nhật Duật đang trấn thủ mạn Đà Giang. Vậy là lũ Trần Di Ái cũng coi như bị lưu đầy viễn châu.

Lại nói về Trần Hưng Đạo, sau khi cắt đặt công việc cho các con và bọn gia tướng cùng môn khách, ông lên đường về kinh vừa kịp tham gia việc nghị án Trần Di Ái.

Một hôm từ Quốc phủ ông sang cung Thánh từ vấn an thượng hoàng Trần Thánh tôn. Nhân có quan gia đến châu, ông xin bệ kiến để tâu việc cơ mật. Lúc này điều hành công việc triều chính, thực đã ở tay Nhân tôn. Song Thánh tôn vẫn luôn xem xét giám sát. Vì vậy, ông xin được tâu trình để cả hai vua cùng biết.

Hưng Đạo là con Yên Sinh vương Trần Liễu, về thứ bậc, ông là anh em con thúc bá với thượng hoàng Trần Thánh tôn. Thánh tôn phải gọi ông bằng anh. Còn Nhân tôn lại là con rể ông. Tính tôn tộc là như vậy, nhưng ông giữ lễ vua tôi rất nghiêm cẩn.

Ông vừa quỳ lạy thượng hoàng xong, Nhân tôn đến, ông lại quỳ. Nhưng cả hai cha con Nhân tôn đều nâng ông dậy, và xin được miễn lễ. Nhân tôn nói: - Trình bá phụ, (Nhân tôn thích xưng hô như vậy hơn là quốc trượng), lễ vua tôi là ở nơi thiết triều. Còn bây giờ ở nhà thì phải theo lễ cha con, bác cháu.

Hưng Đạo vuốt râu cười, thông thả đáp:

- Quan gia thể tình mà rộng lượng, ấy là quyền ở quan gia; còn đạo làm tôi, Quốc Tuấn này đâu dám trái. Ấy tính Quốc Tuấn là như vậy, ông không ưa sự sàm sỡ. Vì sàm sỡ làm cho con người dễ xuê xòa mà lỗi đạo.

Tận đáy lòng mình, Quốc Tuấn cũng rất muốn được biểu lộ tình anh em, tình cha con cốt nhục. Hiềm có sự nghi kỵ ông đem lòng kia khác, vì mối thù cha ông và Trần Thái tôn nên ông càng phải giữ gìn. Lại nhớ hồi năm

Bính thìn (1256) Vũ Thành vương Doãn đem cả nhà trốn sang Tống, ông suýt bị liên lụy. Có người hỏi ông: "Sao đại vương không lo giữ mình?". Quốc Tuấn bèn đáp: "Tôi lo giữ đạo để giữ mình?". Đó là ý muốn bày tỏ lòng trung thuận với dòng thứ.

(Đây muốn nhắc lại sự kiện Trần Thủ Độ và Trần Thị Dung ép Trần Thái tôn cướp Thuận Thiên là vợ Yên Sinh vương Trần Liễu. Và việc Trần Thủ Độ phù Trần Cảnh (là em Trần Liễu) lên ngôi vua. Bính thìn (1256) Vũ Thành vương Doãn là con Yên Sinh vương Trần Liễu với Thuận Thiên. Yên Sinh có hiềm khích với Thái tôn, nên khi Thuận Thiên mất, thấy mình thất thế, Vương Doãn liền bỏ nước ra đi và bị bắt trở lại.)

Phân định lễ vua tôi xong, Quốc Tuấn liền nói:

- Tâu thượng hoàng cùng quan gia, lần này Quốc Tuấn tôi về triều kiến, là để tường trình việc thu góp binh, lương của ta, và việc rèn luyện quân sĩ chờ lệnh sai khiến.

Thượng hoàng Thánh tông từ sau cuộc chống Mông-Thát xâm lấn bờ cõi năm Đinh tỵ (1257), đã hiểu được lòng cô trung của Hưng Đạo. Nhà vua vì thế càng quý trọng người anh họ và cũng là người anh vợ mình.

Thánh tông hiểu những việc tận tâm báo quốc của Vương, chính là sự hóa giải mối hiềm khích giữa hai dòng trưởng và thứ. Chính nhà vua tự mình đi lại thăm hỏi Quốc Tuấn, khi thì ghé nơi Quốc phủ, khi đến tận thái ấp Yên Sinh. Tình anh em từ đây đã có phần bớt căng thẳng. Song Quốc Tuấn vẫn một lòng thủ lễ vua tôi.

Lần này Quốc Tuấn lại kinh, thượng hoàng mừng lắm. Bởi thế nước bị uy hiếp nặng nề. Mà Quốc Tuấn lại là một tướng tài kiệt kiệt, trong tay nắm giữ tới nửa số binh lực cả nước. Môn khách đầy nhà, thuần những bậc hào kiệt, văn võ kiêm thông.

Sau khi nghe Quốc Tuấn tâu bày, hai vua đều lấy làm đẹp ý vỗ về mãi không thôi. Đại ý Nhân tôn nói:

- Thế nước hưng lên được, phải nhờ vào bậc tể thần lương đồng như quốc phụ.

- Đa tạ. Ấy là nhờ hồng phúc của tổ phụ, và ân đức của bề hạ - Quốc Tuấn khiêm nhường đáp. Và ông hỏi thêm: - Tâu bề hạ, chẳng hay có tin tức gì từ Đại đô đưa về không ?

- Trình Quốc phụ, Nhân tôn đáp - người của ta từ Kinh Hồ hành sảng, từ Yên Kinh về đều nói: "Hốt-tất-liệt đang chuẩn bị đánh ta gấp lắm. Chỉ mùa thu này là phát binh". Nói xong, nhà vua rút trong tay áo thụng ra một phong thư, hai tay kính cẩn đưa cho Trần Hưng Đạo. - Quốc phụ xem, trong này nói tường tận lắm.

(Năm 1274 nhà Nguyên tập Kinh Hồ đẳng xứ hành trung thư tỉnh. Năm 1277 gộp Ngạc Châu (Hò Bắc) vào Đàm Châu (thành tỉnh Hồ Nam). Sau khi

diệt xong nhà Nam Tống lại sát nhập cả Lưỡng Quảng gọi là trung thư tỉnh Hồ Quảng (gồm Hồ Nam, Hồ Bắc, Quảng Đông, Quảng Tây). Tuy vậy vẫn cứ gọi là Kinh Hồ.)

Trần Hưng Đạo đỡ lấy bức tấu thư mở ra đọc. Ông kinh ngạc về những tin tức ông thu được qua con đường riêng, cũng trùng khớp với lời lẽ trong mật thư. Vậy là không còn nghi ngờ gì nữa, Hưng Đạo ôn tồn nói với hai vua:

- Tâu thượng hoàng cùng quan gia. Ta phải lo tính cấp kỳ, kéo hồi không kịp. Lực của ta, tuy vậy vẫn còn mỏng lắm. Thần nghe tin tức bên Đại đô nói: "Hốt-tất-liệt sẽ phát năm chục vạn binh, đích thân thái tử Thoát-hoan thống lĩnh để đi đánh Đại Việt".

Thánh tôn trầm mặc, Nhân tôn liền nói:

- Bẩm quốc phụ, vậy theo ý quốc phụ, ta còn cần bao nhiêu binh nữa thì mới tạm đủ dùng?

Quốc Tuấn ve vuốt chòm râu bạc, ông chậm chạp, dường như ông còn cân nhắc từng ý ở trong đầu:

- Xin quan gia cho huy động gấp đôi số hiện có. Tức là phải thêm hai chục vạn binh nữa. Điều này thần đã suy đến cạn nhẽ. Việc binh tốn kém lắm.

Thêm binh, tức là thêm lương thảo, khí giới, lại mất đi người cày, cuốc nơi ruộng đồng. Ngay người nông phu, khi bứt khỏi gia đình thôn ấp, bỏ lại nào vợ đại, con thơ, cha già, mẹ yếu, héo hon cả ruột gan chứ họ vui thú gì.

- Vẫn biết rằng thế - Thánh tôn nói.- Lòng vương huynh thương dân như con. Nhưng nếu không bắt dân làm việc binh thì anh em ta biết tính sao?

- Cái chính là ở chỗ "biết tính sao" như thượng hoàng nói đó. Theo ý thần, triều đình phải có chính sách vỗ về trăm họ, khiến cho các vương hầu, các chủ điền trang, thái ấp tự mình tăng thêm số gia binh. Còn đám nông nô, nông phu cũng phải được ân huệ gì đối với cha mẹ, vợ con họ. Điều quan yếu hơn nữa là binh sĩ phải ra công luyện rèn tinh thông võ nghệ. Lại phải có lòng kiêu dũng nữa, thì lâm trận mới thủ thắng được. Cho nên việc dụng binh, cần tinh chứ không cần nhiều.

Với vẻ băn khoăn, Nhân tôn nói:

- Quả như lời Quốc phụ, việc binh tốn kém lắm. Con chỉ ngại nhọc sức dân. Xin thượng hoàng cho ý chỉ, rồi con sẽ quyết.

Nhân tôn vừa nói tới đó thì có người ào vào. Với gương mặt tươi cười, đôi mắt sáng như sao. Người ấy quỳ trước thềm điện, giọng nói oang oang:

- Kính lạy thượng hoàng! Kính lạy quan gia! Kính chào Vương gia. Thần xin được diện kiến.

Nghe tiếng nói, mọi người đã biết là ai rồi. Nhân tôn vội chạy ra thềm, nâng người đó dậy và nói:

- Sư phụ, đây là gia đường. Sao sư phụ quá thủ lễ với cha con cháu làm vậy.

Thánh tôn lật đặt tới nắm tay Trần Quốc Trung nói:

- Sư huynh về triều lâu chưa?

Hung Đạo vương cũng đứng dậy vái:

- Vương huynh vẫn bình an chứ?

- Đa tạ, Trung này có bao giờ đau yếu gì đâu. Trần Quốc Trung vừa nói vừa cười tíu tít.

(Trần Quốc Trung, tức Trần Tung, tức Tuệ Trung thượng sĩ Hưng Ninh vương. Ông là con Trần Liễu, là anh ruột Trần Quốc Tuấn và Nguyên Thành Thiên Cẩm hoàng thái hậu - vợ thượng hoàng Trần Thánh tông và là bác Trần Nhân tông. Vì ông am hiểu sâu sắc đạo Thiền, nên cha con Thánh tông tôn ông là sư huynh và sư phụ. Còn thượng sĩ là pháp hiệu của Trần Tung. Theo Du già luận chú rằng: Không lợi mình, lợi người là Hạ sĩ. Có lợi mình mà không lợi người là Trung sĩ. Được cả hai thứ là Thượng sĩ.)

Hung Đạo lại hỏi:

- Chẳng hay vương huynh ở Hồng Lô hay ở Tịnh áp về triều?

(Lô Hồng, phần đất thuộc Hải Dương sau này. Nơi đây Quốc Trung được cử làm tướng trấn giữ. Tịnh áp: tức áp Tịnh Bang, nơi Tuệ Trung Thượng sĩ lui về vui cảnh điền viên và tu Thiền.)

Tuệ Trung cười phá lên:

- Giới ơi ! Hốt-tắt-liệt đánh đến dít rồi mà vương gia còn hỏi ta ở áp Tịnh Bang mà tu Phật chẳng? Ta ở Hồng Lô về. Nhưng Trung này xin với hai vua và vương gia, "cứu khổ cứu nạn" xong, lại về Tịnh Bang ấp vui với đạo Thiền.

Cả bọn anh em bác cháu đều cười xòa.

Nhân tông dâng Tuệ Trung một chén trà. Nhà vua hỏi:

- Thừa sư phụ, khi Thiền khi tục thế này bao giờ sư phụ mới thành Phật?

Tuệ Trung đỡ lấy chén nước, đáp:

- Sao lại không. Xuất nhập thế đều tại tâm cả. Ta dứt việc kinh sách để đi cứu khổ cứu nạn cho chúng sinh - đồng bào của ta. Ta tham gia diệt trừ cái ác, tức thị tâm ta là tâm Phật rồi, lo gì thành hay không thành Phật? Vả lại ta tu để đạt tới cõi thiện, chứ ta có cầu làm Phật đâu.

Chuyện đang vui thì Nguyên Thánh Thiên Cẩm hoàng thái hậu ra vãn an hai anh. Bà hết nhìn Quốc Trung lại nhìn Quốc Tuấn. Thấy Quốc Tuấn ít tuổi hơn, nhưng râu tóc lại bạc hơn Quốc Trung, bà biết là ông đang quan hoài đến thế nước. Bà thương anh đến xót xa. Một lát, đám quan nội hầu dâng ngự thiện.

Vừa vào tiệc, Thánh tông liền nói:

- Bữa tiệc nay vui quá. Chẳng mấy khi được tiếp hai vương huynh. Nhân có Thiên Cẩm hoàng thái hậu đây, xin mời hai huynh và quan gia bỏ lễ vua tôi mà theo tình anh em thuần phác, cho vui vẻ thân mật.

- Vương thượng nói chí phải. Hoàng thái hậu để theo.

- Vậy thì ta cứ cắt một người làm tử lệnh. Bữa nay xin cứ vui cho thỏa thuê. Thánh tôn cười mở hết lòng.

Quốc Tuấn nghiêm mặt nói:

- Tạm bỏ lễ vua tôi trong bữa tiệc vui vậy tình anh em tôn tộc, thần cho đó là một đặc ân của hoàng thượng. Nếu lại còn cử tử lệnh nữa, thời thần không dám vâng theo.

(Tử lệnh: Trong tiệc rượu vui chơi, thường cử một người cầm hiệu ra lệnh. Mọi người theo lệnh của người đó mà uống. Ai trái, phải phạt uống thêm rượu. Trong những cuộc vui chơi như thế này thường sa đà quá trớn, nên Quốc Tuấn không chấp nhận.)

Ai cũng biết Quốc Tuấn là người nghiêm chính, ông đã nói là làm, nên không ai bàn đến việc cử tử lệnh nữa.

Bữa tiệc thật là vui. Bởi Thiên Cảm biết tính chồng, con và hai anh thích ăn những món gì, nên bà đích thân coi sóc việc nấu nướng, bà lại ngồi xế ra một góc nhìn mọi người ăn, và sai đám quan nội hầu, bưng bê những món nào mà các vương ưa dùng. Thấy chồng con và hai anh ăn uống ngon lành, trò chuyện vui vẻ, lòng bà như mở hội. Chợt nghĩ Tuệ Trung ăn các thức ăn thịt cá chẳng kém gì Quốc Tuấn và Thánh tôn, Nhân tôn, bà liền hỏi :

- Anh Quốc Trung tu Thiền mà ăn thịt thì thành Phật sao được?

Tuệ Trung cười đáp:

- Phật là Phật, anh là anh. Anh chẳng cần làm Phật, Phật cũng chẳng cần làm anh. Cô có nghe các bậc cổ xưa nói: "Văn Thù là Văn Thù, giải thoát là giải thoát đó sao?". Và lại, nếu bằng sự ăn chay mà thành Phật, hóa ra loài thú ăn cỏ sớm thành Phật hơn loài người chẳng?

(Văn Thù: là một trong 8 vị đại Bồ Tát, đệ tử của Phật Thích Ca: 1/ Văn Thù Sư lý. 2/ Quan Thế âm. 3/ Đắc Đại thế. 4/ Vô Tận y. 5/ Bảo Đàn hoa. 6/ Dược Vương. 7/ Dược Thượng. 8/ Di Lặc.

Giải thoát: Chữ nhà Phật có nghĩa là dứt bỏ được sự trói buộc của mọi sai lầm, phiền não, nhờ vậy sẽ được tự tại mà đạt tới cõi Niết Bàn.)

Thiên Cảm không nói thêm gì nữa. Nhưng Nhân tôn rất trọng thị lời đáp của Quốc Trung. Nhà vua cho rằng Thượng sĩ vừa phá một công án, quả thực đó mới là người tu đạo chân chính. Bởi việc tu đạo là cốt ở tu tâm, chứ đâu phải vì chỗ kiêng khem ấy mà thành đạo. Có nhẽ từ việc làm, nay lại nghe thêm lời nói của Quốc Trung mà Nhân tôn ngộ đạo chẳng? Chắc vậy. Bởi trong suốt cuộc đời mình, nhà vua vẫn thường tôn Tuệ Trung là bậc sư phụ. Kịp đến khi lập Thiền phái Trúc Lâm, thời Nhân tôn cũng lấy việc tu tâm làm tôn chỉ.

Bữa ăn đang vui vẻ, đang từ chuyện đạo, Quốc Trung lại hỏi sang chuyện đời:

- Tôi nghe đại vương- Quốc Trung vừa nói vừa liếc nhìn Quốc Tuấn - đã bắt

được lữ Trần Di Ái, và Quan gia đã lưu đầy y đi viễn châu?

- Dạ, đó là nhờ uy đức của quốc phụ. Nhân tôn khiêm ái đáp lời.

- Thế còn bọn Sài Thung thì sao? Chúng có bắt bẻ gì việc đại vương ta đánh tan đoàn quân hộ vệ lữ Di Ái?

- Bẩm bá phụ, chắc chắn là sẽ rầy rà với hần đây. Hiện thời y còn bị chú Chiêu Minh kiềm chế trên đường đi bộ từ biên ải về. Nhưng mới sớm nay, chú Chiêu Minh cho chạy ngựa trạm về báo: "Sài Thung nhất quyết đòi đi ngựa từ bến đò sông Thiên Đức về kinh".

- Sao quan gia không nói cho ta hay từ sớm? Thượng hoàng nói.

- Trình phụ vương, tiếp sứ là việc nhỏ, con không muốn kinh động đến phụ vương, cùng quốc phụ và bá phụ. Dạ, tâu phụ vương, y đòi phải tiếp rước y với nghi lễ quốc vương. Và đích thân con phải ra bến Bò Đề nghênh đón.

- Quân cần đỡ! - Hưng Đạo buông mấy tiếng, vừa hàm chứa sự khinh ghét lẫn bức tức - Vậy chớ quan gia đã làm gì để đáp lời y?

- Dạ con cho đón y đúng với nghi lễ bang giao của một nước có chủ quyền. Việc con cử chú Chiêu Minh đi đón y, là đã có sự nhún một bước. Vì rằng, chú Chiêu Minh là trong hàng tam công, còn y mới chỉ là tước hầu.

(Tam công: Thái sư, Thái phó, Thái bảo, đó là ba chức quan đầu triều.)

- Con xử thế là phải, Thánh tôn nói. Nhưng ta chắc Sài Thung không để chúng ta yên. Vì rằng, việc vương huynh bắt bọn Di Ái, lại đánh tan đạo quân của nó, tức thị là phá tan mưu chước của nó. Làm cho nó bề mặt với Hốt-tát-liệt. Lại bởi y là người Hán mà tước trật cao, thế nào cũng bị bọn người Mông Cổ khích bác kiềm chế.

Bổng Tuệ Trung cười phá lên. Thánh tông nói:

- Sư huynh cười gì vậy?

- Quốc Trung này buồn cười vì cái bọn Hán gian, đứa nào cũng giống nhau. Từ cái thằng Tần Cối đến Trương Đình Trân, nay lại Sài Thung. Nó hạch sách ta để nịnh chủ nó hơn cả lũ chó săn. Liệu xem quan gia có nên tiếp rước nó, như tiên đế tiếp rước Trương Đình Trân năm Nhâm thân(1272)?

(Tần Cối: Đại thần nhà Tống. Khi quân Kim xâm lược, y thuộc phái chủ hòa. Nên lập mưu giả mạo chiếu vua bắt Nhạc Phi đang kịch chiến với quân Kim sắp đến hồi chiến thắng phải bỏ mặt trận quay về rồi kết án xử tử.)

Mọi người cười ồ lên.

Số là năm ấy Trương Đình Trân đem chiếu của Hốt-tát-liệt đến Thăng Long. Thái tôn đã đứng nhận chiếu của vua Nguyên, chứ không chịu quỳ lạy. Tên Hán gian này buông lời hỗn xược:

- Nếu tâu việc này lên thiên tử. Mười vạn quân Vân Nam lập tức kéo sang, sẽ biến vương miếu thành gò hoang, vương đình thành cỏ mọc. Rồi y đòi Thái tôn phải tiếp y theo lễ của tước vương. Thái tôn cứng cỏi vặn lại:

- Chúng tôi tuy là nước bề tôi, nhưng thiên tử vẫn tôn trọng. Lạ thay, sứ giả

của thiên tử phái đến đây lại thường là bọn vô lễ. Ông là quan Triều liệt, còn tôi là quốc vương, mà ông đòi lễ ngang tôi. Chẳng hay ông học sách nào? Phải chăng văn hiến lễ luật bên quý quốc là như vậy?

(Chức quan của Trương Đình Trân là Triều liệt đại phu).

Trương Đình Trân giận run người. Y đặt tay lên đốc kiếm. Trần Thái tôn đập án quát:

- Quân bay?

Lập tức đám võ sĩ trong đội quân hồ bôn đã phục sẵn sau bình phong liền ào ra, kiếm tuốt trần đứng vây chặt lấy Trương Đình Trân. Y bị lột khí giới rồi dẫn về nhà công quán giam lỏng. Y bị bỏ đói, bỏ khát. Mỗi khi Trương Đình Trân đòi uống nước, quân chỉ đem cho nước bẩn đục ngầu. Thấy vậy y không uống. Đòi uống nước giếng.

Đám quân hồ bôn canh phòng hần trả lời:

- Tục nước chúng tôi, nếu đã không ưa nhau, thường bỏ thuốc độc vào giếng để giết người.

Khát quá không chịu được, Trương Đình Trân đành phải hạ mình khẩn khoản:

- Ta khát lắm rồi. Cứ cho ta uống nước giếng, chết cũng cam, chứ uống nước bẩn ta không chịu nổi.

Đám lính cười khúc khích, thùng thảng đáp:

- Tại lời nói của ông xú uế quá, làm nhiễm bẩn nước chúng tôi đấy. Bây giờ tìm đâu ra nước sạch cho ông uống.

Cuộc trò chuyện đang vui, bỗng có tiếng vó ngựa dầm lộp cộp phía ngoài, rồi Chiêu Minh vương Trần Quang Khải bước vào sụp lạy.

Nhân tôn vội chạy ra đỡ lấy Chiêu Minh vương mà rằng:

- Sao thúc phụ phải giữ lễ với cháu. Chẳng hay thúc phụ có được mệnh giới không?

Mọi người xúm quanh Quang Khải. Anh em chú cháu chưa kịp đôi hỏi,

Quang Khải ngửa mặt lên trời cười sảng sặc:

- Sài Thung giờ chứng rồi!

- Y giờ trò gì, em nói ta nghe. Thượng hoàng Thánh tông nắm lấy tay Quang Khải hỏi.

- Tâu vương huynh. Từ biên ải về đến bến đò Thiên Đức, em vẫn dẫn Sài Thung đi cáng. Bỗng hần trở mặt đòi đi ngựa. Em cho kỵ sĩ mang biểu về triều như vương huynh đã rõ. Khi tới Thăng Long, em dẫn y vào nhà công quán, nhất định y không chịu vào, mà tể ngựa thẳng vào cửa Dương Minh, đòi vào đại điện gặp quan gia ngay. Quân thánh dực ngăn lại. Y lấy roi ngựa quát tóe máu đầu mấy tên lính. Nếu không có em ở đây, thì đám quân thánh dực đã bắt trói y lại rồi. Em bèn dàn xếp để y đi kiệu qua cửa tò vò. Y nhất định không chịu. Y bảo: "Bây giờ có mở toang cửa, rước ta đi ngựa vào ta

cũng không thêm nữa, mà phải bắc cầu vòng qua cửa Dương Minh lấy lối cho ta vào đại điện". Y còn hỗn xược đòi quan gia phải tiếp y với lễ của tước vương.

Trần Quang Khải nén giận một hơi thở dài. Rồi tiếp:

- Nếu không nhún nhường vì thế nước, chắc là Quang Khải này đã cắt đầu Sài Thung về dâng các vương huynh và vương diệt rồi.

Thấy sự việc căng thẳng, Quốc Tuấn liền hỏi:

- Vậy thời Sài Thung hiện đang ở đâu, xin Chiêu Minh tướng quân cho biết.

- Ô trời? - Quang Khải kêu lên rồi lắc đầu - Thấy sứ trời càn rỡ quá, không chịu nổi, tiểu tướng liền bỏ chạy, nhưng đã ngẫm sai đám gia tướng áp sát y về nhà công quán. Để đến chiều tối, y thật đói, xem y có dụ bớt hung hăng, rồi Quang Khải lại xin thù tiếp sứ trời.

Quốc Tuấn trầm mặc:

- Quan hệ hai nước lúc này mỏng manh như một sợi dây tơ. Xin thượng hoàng cùng quan gia và thái sư liệu bề khu xử cho tế vi. Phải nén lòng. Dù có phải dùng tới mặt kẻ như Hàn Tín, Câu Tiễn để tránh cho quốc gia khỏi rơi vào nạn binh hỏa vẫn còn hơn. Can qua lúc này là thất lợi cho ta nhiều lắm.

(Hàn Tín, đại tướng nhà Hán. Trong cuộc Hán – Sở tranh hùng, ông đã đánh tan Hạng Vũ thu tóm toàn thiên hạ cho Lưu Bang. Khi chưa thành đạt, ở kẻ chợ có tên hàng thịt coi thường kẻ sĩ gây sự, bắt Hàn Tín phải chui qua háng. Hàn Tín nhẫn nhục luồn háng y cho qua chuyện. Nhưng khi hiển đạt, ông không tìm cách trả thù tên hàng thịt, mà tìm bà Phiếu Mẫu khi ông cơ nhỡ đã cho lưng bát cơm nguội. Thấy nói ông đã biếu bà cả ngàn nén vàng. Nên mới có câu: "Bát cơm Phiếu mẫu trả ơn ngàn vàng".

Câu Tiễn làm vua nước Việt bị Phù Sai là vua Ngô đánh chiếm cả thành trì và bắt Câu Tiễn về Ngô hầu hạ. Câu Tiễn tỏ ra quy phục trung thành tới nước Phù Sai ốm, Câu Tiễn ném phân Phù Sai, để đoán bệnh. Quả nhiên, Phù Sai tin mà tha Câu Tiễn. Sau Câu Tiễn đánh phục thù làm cỏ kinh thành nước Ngô và giết Phù Sai.)

Thấy một đại trượng phu, một hủ tướng kiêm thông văn võ như Quốc Tuấn, mà phải khuyên mọi người nhường nhịn như vậy, đủ biết Quốc Tuấn phải nén lòng đến mức nào. Và cũng cho thấy, bên ta chưa đủ lực, chưa sẵn sàng nghênh chiến được.

- Dù sao vẫn phải giữ gìn quốc thể, cháu là quốc chủ, không thể đến công quán võ về Sài Thung được. Lại phải phiền chú Chiêu Minh đi cho chuyên nữa. Nhân tôn nói với tất cả sự dẫn lòng. Thật quá sức chịu đựng đối với một đấng quân vương mới ngoài hai chục tuổi.

CHƯƠNG 4

Trong lúc mọi người đang rối bời, triều đình được tin cấp báo, lãnh chúa người Man ở Đà Giang là Trịnh Giác Mật khởi binh làm loạn.

Nhân tôn đem việc này bàn riêng với Quốc Tuấn:

- Họ Trịnh nổi đời hưởng lộc triều đình. Nay nó trở mặt làm phản. Nếu không trị tội để làm gương cho các động, sách khác, e chúng khinh nhờn phép nước, xin quốc phụ cho hay việc này nên xử như thế nào?

Trầm ngâm suy nghĩ giây lâu, Hưng Đạo nói:

- Người Man họ sống chưa có lễ luật, nhưng lại có lòng trung tín đối với ai là chủ của họ. Việc Trịnh Giác Mật làm phản, chắc có nguyên ủy sâu xa. Một là việc chăm sóc vỗ về của triều đình thừa vắng. Hai là sĩ tốt vô tình phạm phải các điều cấm kỵ trong tôn giáo của họ. Ba là có kẻ xúi bẩy khích bác, nhằm chia rẽ họ với triều đình, để cho phen dậu của ta trống trải, kẻ thù dễ bề nhòm ngó. Kẻ xúi bẩy, chia rẽ đây không ai khác ngoài bọn tay chân nhà Nguyên. Vậy nên phải xem xét cẩn trọng trước khi coi họ như cừ thù. Làm thế nào kéo họ về với triều đình được là thượng sách. Hơn bao giờ hết, lúc này phải cố kết được lòng dân. Xin bệ hạ dù có phải xuất của kho cho dân họ, hoặc gia phong cho tù trưởng của họ thêm một vài phẩm trật, chớ có sèn kiệm.

Nghe Hưng Đạo vương nói, gương mặt nhà vua cứ tươi nhuận ra. Phút chốc bừng sáng lên. Đôi mắt nhà vua long lanh, như đang phát ra một thứ ánh sáng trong trẻo, ấm áp. Hưng Đạo vừa ngừng lời, nhà vua đã vui vẻ tiếp luôn:

- Được quốc phụ chỉ dẫn, lòng con bỗng thấy bình ổn. Đúng là không có quốc phụ, con sẽ bỏ đường sáng nghĩ đến việc tìm tướng giỏi, phái binh mạnh đến đánh dẹp họ, đề ra oai triều đình. Nhưng nay, đúng như lời quốc phụ dạy: "Phải vỗ về họ, chiêu nạp họ". Đúng thế, họ phải mãi mãi là phen dậu vững chắc để giữ gìn biên cương Tổ quốc. Cho nên, con định cử chú Chiêu Văn lo giúp việc này. Chẳng hay cao ý của quốc phụ...

- Bệ hạ trao việc ấy cho Chiêu Văn vương là phải. Thượng tướng tuy còn trẻ, nhưng kiến văn uyên bác, lại có lòng nhân, dũng, ít ai bì kịp. Hơn nữa, Chiêu Văn vương vốn thông thạo phong tục người miền ngược, và thường có giao du với họ. Bệ hạ nên trao cho thượng tướng việc phủ dụ là chính. Vạn bất đắc dĩ mới phải đánh dẹp. Ngừng một lát, với vẻ ưu tư đầu đầu. Cặp mắt Hưng Đạo nheo lại, như đang dõi nhìn một điểm vô hình nào đó thiêng

liêng lắm, khiến Nhân tôn đã định hỏi thêm một điều gì đấy, lại thôi ngay. Bổng Hưng Đạo lên tiếng:

- Tâu bệ hạ, có một điều, thần cứ cân nhắc mãi, liệu có nên nói. Giọng ông ngập ngừng.

Trần Nhân tôn dự liệu, hẳn có việc gì tối hệ trọng, nên quốc phụ mới phải cân nhắc kỹ lưỡng như thế. Để khích lệ đáng bề trên, nhà vua khẽ thưa:

- Trình quốc phụ, xin quốc phụ cứ thực lòng dạy bảo. Trên vì nước, dưới vì nhà, chớ có điều gì tư kỷ đâu mà quốc phụ e ngại.

Hưng Đạo lấy làm đẹp ý, ông ve vuốt mãi chòm râu rồi tiếp:

- Việc Trình Giác Mật làm phản, khiến thần vô cùng lo lắng. Thần đã tự xét định xem, chính lệnh của triều đình có điều gì hà khắc? Các quan đại thần thay mặt cho triều đình chặn dấy dân lành, có gì khiến cưỡng bức bách họ? Song lại tự trả lời. Miền Đà Giang, Tam Đái Giang là phen dậu phía tây của triều đình, đã được cử các tướng giỏi như Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật, Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc, sao lại có thể khinh suất về đối sách được. Tuy nhiên, xin bệ hạ cứ có nhờ răn với Chiêu Văn vương, trước khi thượng tướng đem quân vào đất của Trình Giác Mật. Cứ theo chỗ thần biết, người Man một khi họ đã thần phục, thường không có chuyện vô cớ làm phản. Hiện nay, ngoài thì giặc Nguyên đang uy hiếp ta rất lớn. Nếu vạn nhất xảy ra chém giết lôi thôi ở Đà Giang, thần sợ không giữ được lòng dân ở các sách, động khác. Một khi phen dậu trống trải, sẽ nguy cho đại cuộc. Mong bệ hạ hết sức cẩn trọng.

Những lời răn tâm huyết của Hưng Đạo như là một sự tâm truyền, khiến Nhân tôn càng thêm kính cẩn với công việc.

Khi nhà vua giao trọng trách cho Chiêu Văn vương, người cũng nói lại tất cả các điều mà Hưng Đạo vương bản thảo...

Khi tiễn Chiêu Văn vương ra cửa khuyết, nhà vua tự tay trao dây cương ngựa cho thượng tướng, và nói:

- Chúc chú mã đáo thành công.

- Xin bệ hạ yên tâm, Trần Nhật Duật thư thái đáp lời.

Trần Nhật Duật lập vương phủ ở gần cửa Đại Hưng. Nhà ông không lúc nào không có vài ba chục tân khách. Thôi thì...

(Sách thiếu 1 đoạn..)

Mọi người đều khen viên đầu bếp cao kiến. Và cuộc nghị bàn lập tức được giải tỏa. Ba ngày sau, quân do thám về báo, các việc Trần Nhật Duật nói trong thư, đều đã có làm. Và dân chúng các vùng đều muốn cầu hòa với triều đình. Trình Giác Mật bèn viết thư phúc đáp:

"... Mật này không dám trái mệnh, nếu ân chúa đi ngựa một mình đến bản doanh thì Mật xin hàng... "

Kèm theo đó là lời chỉ dẫn đường đi lối lại, nơi và ngày giờ đón tiếp. Nhận được thư của Trịnh Giác Mật với vài lời ngắn ngủi, Trần Nhật Duật đọc đi đọc lại tới cả chục lần. Ông cứ soi đi soi lại tờ giấy trên ánh nắng, xem có còn mật ngữ gì ở trong nữa không. Xoay đi lật lại tờ giấy với vài hàng chữ, ông vuốt các mép cho thẳng, đặt ngay ngắn trên án và chặn ngang bằng chiếc bút lông thỏ, ông đi dạo quanh đám cây cảnh trong vườn. Đột ngột, Trần Nhật Duật dừng bước và ông đi thẳng vào trong nhà, lấy bút son phê dưới góc tờ thư: "Y hèn, ta sẽ đến". Rồi ông gọi đám thư nhi, đem trao lại cho Trịnh Giác Mật.

Quyết xong một việc, ông cảm thấy nhẹ nhàng. Trần Nhật Duật ôn lại những lời Trần Quốc Tuấn răn dạy ông qua nhà vua. Kiểm xét lại từng việc, ông thấy Quốc Tuấn quả là xét đoán công việc sáng suốt. Ông đã dò tìm, và thấy được đầu mối của sự bất hòa. Và ông tin, Trịnh Giác Mật đã lấy bụng thực đãi ông, cũng như ông yêu dân họ thật lòng. Bây giờ, ông đang ôn lại những điều thuộc về phong tục, lễ nghi của Trịnh Giác Mật. Từ lời ăn tiếng nói. Cách chào, hỏi, gọi, thưa. Cả cách ăn, cách uống. Các bài hát, các điệu múa, cũng như cung bậc thanh âm trong âm nhạc của họ. Và từ bữa ấy, ông luôn mở các tiệc vui, ăn uống, chúc tụng đều theo phong tục của họ. Bữa thì uống rượu bằng cần, xoay quanh một vò lớn để giữa nhà. Bữa thì đổ rượu ra bát lớn, rồi chuyền tay nhau mỗi người uống một ngụm, cứ thế hết lại rót. Bữa thì uống bằng sừng trâu, dùng lỗ mũi hít cho rượu chảy vào mồm. Cách này chỉ một mình Trần Nhật Duật uống được. Binh sĩ cứ cười lăn cười bò ra, có người sắc gần chết, thượng tướng phải lấy miệng mình hút vào mũi họ cho rượu ra hết. Rồi ông sai chất củi thành đống ở ngoài vườn đốt lên, tự ông lấy lá làm kèn, thổi vang những âm thanh kỳ ảo cho mọi người nhảy múa. Sắp tới ngày vào trại của Trịnh Giác Mật, Trần Nhật Duật bèn họp tả hữu lại báo cho họ biết, tự thân ông sẽ đi thuyết phục viên tù trưởng làm phản. Quân sĩ xúm lại can ngăn không cho ông đi. Bởi ai cũng sợ tính tráo trở của họ. Trần Nhật Duật dẫn giải mọi điều về bản tính của người Man. Và việc xảy ra để Trịnh Giác Mật làm phản, là một điều đáng tiếc. Chỉ vì quân sĩ không chịu nghe lời ông dạy. Rằng đối với người miền ngược, phong tục tập quán và tín ngưỡng của họ, còn thiêng liêng hơn pháp luật của người miền xuôi. Ông cũng rất đau lòng khi phải hạ lệnh chém đầu người lính đã xâm phạm vào đền thờ của họ. Nhưng ông đã ngầm sai lợm thi thể cho chôn cất trong hòm gỗ thơm, lại sức về quê quán phải chu tất cho cha mẹ người lính kia. Ông nói: "Ta phải giết một người lính của ta, cũng đau xót như ta phải giết con ta. Nhưng nếu không biết hy sinh tình cảm tư riêng, để cho một dải đất Đà Giang mệnh mông này chống lại triều đình, trong lúc quân Nguyên đang dòm dò vào bờ cõi ta như cú dòm vào nhà bệnh, thì thật là có tội lớn với đất nước". Ngừng một lát, ông lại thông thả nói tiếp: "Các dân tộc sống trên

mảnh đất Đại Việt này, đều có chung một mẹ. Nhưng vì phong thổ đất đai, thời tiết khí hậu mỗi vùng mỗi khác, nên có phong tục riêng, nhiều khi lại có cả tiếng nói riêng. Mỗi dân tộc gìn giữ nền văn hóa của mình bằng các thuần phong mỹ tục, và nó được bồi bổ thêm qua nhiều đời tích tụ lại. Những nét riêng văn hóa ấy, các dân tộc đều phải trả bằng trí tuệ, mồ hôi, sức lực, và cả bằng máu nữa, nên hết thấy đều gìn giữ một cách kính cẩn, như đối với các ngôi đền thiêng. Kẻ nào đụng vào ngôi đền thiêng ấy, lập tức tự biến mình thành kẻ thù của họ. Vậy nên, ta khuyên các người, không những phải trân trọng, phải bảo vệ nền văn hóa của dân tộc mình mà còn phải tôn trọng và bảo vệ các nền văn hóa của các dân tộc khác, và cả các quốc gia khác. Đối với Trịnh Giác Mật vừa qua, là một bài học, đã phải trả bằng máu. Các người phải nhớ lấy nằm lòng, và cũng phải truyền đời lại cho con cháu...".

Trần Nhật Duật tới trại Trịnh Giác Mật vào một buổi mai nắng đẹp. Quân sĩ một lần nữa xúm lại van ông không nên đi. Có người khóc. Ông nói:

- Các người cứ để ta đi. Ta đi là đem theo cả tấm lòng nhân nghĩa của triều đình đối với dân họ. Nếu như Mật giáo giở với ta, thì triều đình còn có vương khác, tướng khác.

Trần Nhật Duật chỉ đem theo mình dăm bảy tên tiểu đồng và thư nhi. Ra khỏi quân doanh chừng hai chục dặm đã có người của Mật đón và dẫn đi theo các lối xuyên rừng. Trời quang, mây tạnh, chim hót, vượn kêu, tiếng suối róc rách, tiếng thác đổ, tiếng gió ngàn reo, khiến Chiêu Văn vương cảm như mình đang lạc vào thế giới thần tiên. Vương đã đi tưởng như khắp nước, quả thật chưa biết cảnh nào ngoạn mục như cảnh ở đây. Đúng là cảnh sắc này đều nằm trong đất vùng ông trấn trị, mà sao cứ thấy nó lạ, nó đẹp. Đang đi giữa một ngàn hoa trắng, tưởng phải trải đến vô tận, nhưng vừa chớm ngoặt sang một nẻo đường quanh, lại đột ngột hiện ra một khung cảnh khác lạ. Đó là một khu rừng già với những cây cổ thụ thẳng tắp. Thân cao vời vời, muốn nhìn thấu ngọn cây, phải ngả người ra phía sau, chóng cả mặt. Cây nào cây ấy to đến mấy người vòng tay ôm không xuể. Đúng là rừng trong rừng, cảnh trong cảnh, nó cứ thoát giấu đi, thoát mở ra, kỳ ảo khôn lường. Ông đã được xem nhiều bức họa cổ kim. Nhưng so với cảnh sắc thiên nhiên này, thì các đấng danh họa kia chỉ là mấy đũa trẻ nghịch ngợm màu mè. Rõ ràng chỉ có thợ Tào mới là những tay nghệ sĩ hoàn hảo.

Khi nghe tiếng gà rừng gáy dồn dập, cũng là lúc mặt trời gần đứng bóng, bỗng vang lên đâu đó tiếng nhạc réo rắt, tưởng đó là âm hưởng từ rừng cây và các loài muông thú phát ra.

Như có một cái gì đấy làm xao xuyến, Trần Nhật Duật tiện tay bứt một cặp lá làm kèn đưa lên môi thổi. Tiếng nhạc trong trẻo vang xa như tiếng nói từ lòng ngực ông phát ra. Rừng cây bỗng im tiếng gió. Chim chóc thôi hót. Cây cao như rủ xuống lắng nghe. Tiếng nhạc, như thôi thúc, như nỉ non trách

móc ai kia nữ phụ lòng nhau. Lạ thay, khi nghe thấy tiếng nhạc, Trịnh Giác Mật như ngây như dại, như bồi hồi xúc động, như héo hon lòng dạ, như ăn năn hối hận. Mãi tới một phút sau ông mới định thần được và nói:

- Thượng tướng quân đã đến! Quân bay tấu nhạc lên!

Trịnh Giác Mật vừa dứt lời, thì cả một rừng âm thanh tóe ra. Người ta chỉ nghe thấy tiếng âm ào của các nhạc khí như trống, chiêng, kèn, sáo đàn xen với tiếng rừng và muôn loài cầm thú. Ấy là tiếng nói của rừng, của núi đang cất lên chào đón người anh em chí tình chí nghĩa từ kinh đô Thăng Long lên với họ.

Một rừng thương, gươm, giáo chĩa lên tua tủa và quây lại hàng chục vòng về phía đài cao, nơi Trịnh Giác Mật đang oai nghiêm đứng dưới lá cờ ngũ sắc. Trần Nhật Duật để đám tiều đồng ở lại dưới sàn, ông mặc áo bào trắng, thắt chiếc đai ngọc đỏ, đầu trần ngồi nghiêm chỉnh trên lưng con ngựa tía, thả nước kiệu đi về phía Trịnh Giác Mật.

Thấy thượng tướng đến, Trịnh Giác Mật từ đài cao vội vã bước xuống vái Trần Nhật Duật, và cung kính dẫn ông lên đài. Trần Nhật Duật nói một hồi dài những lời chào mừng bằng tiếng của họ, rồi quay lại ôm lấy vai Trịnh Giác Mật. Quân sĩ ở dưới reo hò tưởng đến long trời sập đất.

Nhận lời kết nghĩa anh em với Trần Nhật Duật, Trịnh Giác Mật đã trối sẵn một con sơn dương mới săn được từ chiều hôm trước cùng một con lợn và một con bê, đặt bên cạnh hai vò rượu lớn. Một chiếc đỉnh đồng hun to bằng chiếc nong, cao hơn đầu người đang đốt trầm hương nghi ngút khói. Bốn giá cắm đầy các đồ binh khí sáng loáng. Trịnh Giác Mật vận lễ phục màu chàm, thắt một chiếc đai đỏ thêu hoa kim tuyến, có dát ngọc sáng long lanh. Chân giàn hia đen, thêu đôi chim trĩ trắng. Đầu để trần, tay ông nắm lấy tay Trần Nhật Duật đi vòng quanh đài cao vẫy chào đám binh sĩ đông như kiến. Trở về đứng trước đỉnh trầm và các đồ tế khí cùng các con vật hiến sinh, ông bụm tay lại làm loa nói lớn:

- Bớ quân sĩ ! Hôm nay ta làm lễ kết nghĩa anh em với thượng tướng Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật. Ta với tướng quân kết nghĩa anh em, cũng có nghĩa là người Kinh, người Man kết nghĩa anh em. Xin thề từ nay hoạn nạn có nhau, vinh hiển có nhau. Ai tự ý phụ nghĩa vong ân thì trời tru đất diệt, sẽ bị chết thảm thương như những con vật hiến sinh đây !

Trịnh Giác Mật vừa liếc nhìn vừa chỉ tay vào ba con vật, lập tức có hàng chục lực sĩ nhảy lên đài, kéo những con vật kia ra chọc tiết. Máu được hứng vào hai vò rượu lớn. Trịnh Giác Mật nhúng cả tay vào dòng huyết mấy con vật đang tuôn chảy, rồi vẩy lên các đồ tế khí. Đoạn ông lấy một chiếc tô lớn, múc đầy một tô rượu đã hòa máu tươi, chia về phía Trần Nhật Duật. Hai người cùng đỡ tô rượu, cùng đặt miệng vào lợi tô và cùng hút một hơi cạn sạch.

Đoạn, hai chủ tướng quay ra, mời đám binh sĩ dưới đài cùng uống rượu. Thế là ba quân xông vào chia nhau mỗi người một hóp, chỉ trong thoáng chốc, hai vò rượu cạn kiệt. Và tiếng hô: "Triều đình vạn tuế!". "Đức Nhân tôn thiên tuế!" cứ vang ầm lên như muốn dịch chuyển cả núi rừng.

Sau lễ thề là đại tiệc. Rượu để la liệt từng chum, từng chum. Các đồng lửa đốt đỏ cả trời, than hồng rực. Hàng đàn, hàng đàn các con vật như dê, nai, lợn được treo nướng trên than lửa. Mỡ cháy xèo xèo, ngọn lửa xanh ngút, khói tỏa mùi thơm ngọt ngào. Hàng đồng sừng trâu để làm đồ múc rượu. Và muối đặt từng chậu, từng chậu. Tiệc vui không chia ngôi thứ. Tất cả đều xông vào nắm lấy sừng trâu mà múc rượu. Rồi nhảy vào xé thịt nướng ăn. Hết thấy đều tu rượu bằng mũi, xé thịt bằng tay. Trần Nhật Duật cũng lẫn xả vào uống ăn như họ, không chút nề hà ngượng ngập. Rồi cùng ôm lấy họ mà múa, mà hò reo vang ầm như thác đổ.

Đám quân sĩ từ già đến trẻ, đều yêu thích Trần Nhật Duật. Họ trở vào ông mà rằng: "Tướng quân đúng là người dân tộc chúng tôi".

Vậy là sau hội thề và lễ kết nghĩa, mọi nghi kỵ cừ thù đều được gạt bỏ. Và cha con Trịnh Giác Mật theo Trần Nhật Duật về triều ra mắt Nhân tôn.

Chiến công của Trần Nhật Duật, làm nghiêng lệch định kiến của các bậc lão thần về tài năng xuất chúng, trí dũng cùng nhân nghĩa song toàn của viên tướng trẻ. Trận thắng tuyệt luân, không mất một mũi tên, đã đẩy oai danh Trần Nhật Duật lên tột vời.

Trần Nhân tôn hết lời khen ngợi quốc thúc thượng tướng quân. Nhà vua cũng ra sức vỗ về cha con Trịnh Giác Mật, vinh thăng cho Mật hai cấp và lưu người con trai của Mật lại triều. Trần Nhật Duật nhận con của Trịnh Giác Mật làm nghĩa tử. Nhà vua ban cho y tước thượng phẩm, và tạm giao cho chức canh trì. Tức là trông nom ao cá của nhà vua, chờ xem sở trường nẩy nở về mặt nào mà trao việc cho xứng với tài đức. Vậy là Đà Giang lại trở thành miền phen đậu vững chắc hơn xưa để che chắn cho kinh sư.

CHƯƠNG 5

Sẩm tối, nhà công quán sáng choang ánh đèn. Cỗ bàn sắp đặt linh đình. Các quan tiếp sứ luôn đến vấn an Sài Thung, nhưng y vẫn nằm quay mặt vào tường không nói một lời. Trần Quang Khải khẽ kéo ghế ngồi xế phía đầu giường Sài Thung, tìm hết lời nói nhún để y nguôi giận. Sự thật, quan Thái sư không lạ gì lối làm phách của lũ "con trời" này. Bọn chúng luôn kiếm cớ gây bất hòa. Và nếu ta càng lui, y càng lấn.

Quang Khải phải nén lòng để lấy lại sự ôn nhu, ông nói:

- Đại nhân đến nước chúng tôi. Quốc vương tôi phải cử tướng quốc lên tận biên ải tiếp rước. Nay đã tới quốc đô, thế nào quốc vương tôi cũng làm lễ tiếp kiến đại nhân. Việc gì đại nhân phải nóng vội. Đám quan quân của chúng tôi ngu dại, đã phạm phải oai ngài. Nhưng thực tình, chúng không có lỗi. Luật lệ của nước chúng tôi như thế. Cửa Dương Minh này cũng như cửa Ngộ môn bên quý quốc, chỉ có kiệu của nhà vua và thượng hoàng qua lại. Ấy là sự phân biệt trên dưới của một nước có kỷ cương. Tôi chắc bên thượng quốc cũng không thể làm khác được. Đại nhân không nên đòi cái mà ngài không thể đòi được.

Vừa nghe Trần Quang Khải khích, Sài Thung nộ khí xung thiên, bèn ngồi nhồm dậy quát:

- Các người lớn mật, dám phạm tới oai trời. Phải biết rằng, thiên triều muốn là được. Nếu các người thích cãi lý, thích ngang đầu cứng cổ thì không cần tiếp sứ nữa, cứ việc sửa sang thành quách cho vững, mài dũa khí giới cho bén để mà cãi lý với đại quân thiên triều.

- Sài Trang khanh đại nhân ! Theo chỗ tôi được biết, ngài vốn xuất thân khoa bảng, lại thấu hiểu nhẽ đời, và đã trải đủ bước thăng trầm của thời thế. Hiện giữ chức lễ bộ thượng thư.- Quang Khải biết tên Hán gian này xuất thân nho sĩ, đã phản bội Tổ quốc làm chó săn cho bọn xâm lược Hốt-tát-liệt. Vả lại trong thù tiếp, ông cũng biết y có tính háo danh, háo thắng, nên ông đang tìm cách lấy lòng hắn - Đại nhân là người kiến văn thâm viễn, hiểu thấu được cả nhẽ huyền vi của trời đất (Quang Khải cũng biết Sài Thung rất mê bói Dịch), nhẽ nào đại nhân lại không thương đến dân tôi, trước sau vẫn một lòng thờ thượng quốc. Nay đại nhân đã tới nước chúng tôi, nếu có điều gì chưa được như ý, xin đại xá cho.

- Ta muốn gặp quốc vương An Nam, nhưng phải xây cầu vòng qua cửa Dương Minh để ta đi vào đại điện. Chừng nào chưa xây xong cầu cho ta đi,

các người chớ đến quấy rầy ta.

Sài Thung nói xong quay ngoắt, y nằm xuống giường, mặt úp vào tường. Quang Khải giận lắm, bỏ ra về. Từ hôm sau, Sài Thung hạch sách các thứ ăn uống thật là quá quắt. Những món ăn cực hiếm như chân gấu hầm hoài sơn. Nấm sữa lợn rừng. Cò lửa, chim cuốc, rắn hổ mang gấm, cho vào hầm cách thủy bằng rượu với một số vị thuốc, và nhiều các món ăn kỳ quái khác. Ngay việc phục dịch được đầy đủ thực đơn hàng ngày của y, cũng là cả một khó khăn đối với triều đình. Những món ăn cầu kỳ đến mức bệnh hoạn ấy, vua tôi nhà Trần, cho đó là những đòi hỏi ngoài nghi lễ bang giao và sự ăn uống. Đây chính là nguyên cơ để sứ giả bất bình mà tuyệt đường giao hiếu. Và sau đây là quân xâm lược ào vào. Vì vậy, cả triều đình đã căn răng nhằn nhện để chiều sứ giả, cốt giữ cho hòa bình được ngày nào hay ngày ấy.

Sài Thung đã nhúc nhích đi lại dò xét các nơi trong kinh thành, nhưng không tiếp một đại thần nào của ta, cũng không ngỏ ý yết kiến quốc vương ta.

Tuyệt nhiên y không lộ một yêu sách nào của Hốt-tát-liệt.

Đề tạn mắt thấy tên sứ giả nhà Nguyên - một tên đại Hán gian phách lối thể nào, Trần Hưng Đạo bèn tới nhà công quán. Ông vận một bộ đồ vải nâu, đầu trần. Đến sứ quán, ông vào thẳng phòng trong. Sài Thung đang nằm đọc sách, thấy Hưng Đạo tới, vội đứng dậy vái chào, mời ngồi. Trong khi ngồi uống nước thù tiếp, tên người hầu của Sài Thung cầm cái tên nhọn giấu trong tay áo, chọc vào đầu Hưng Đạo tóe máu ra.

Sài Thung là một tay mê bói Dịch, lại ham thích khoa nhân tướng. Y cứ ngắm nhìn mãi khuôn mặt của Quốc Tuấn. Từ vàng trán cao vuông vức, đến cặp mày lưỡi mác xanh đen, và đôi mắt sáng long lanh, tựa như nơi hai đồng tử luôn tỏa ánh hào quang. Có lúc y nhìn thẳng vào gương mặt Quốc Tuấn, bắt gặp ánh mắt của ông chiếu vào, y không chịu nổi, đành phải quay đi, hay vờ cúi xuống. Y có cảm giác, con người này khí lực sung mãn tới dư thừa. Mà oai phong lại nảy sinh từ cặp mắt và giọng nói. Toàn bộ khuôn mặt ông ta từ tam đình, ngũ nhạc đều toát lên vẻ đặc cách thượng thừa, có uy nghi để vương thần thánh. Chỉ mới qua tướng mạo bề ngoài của Quốc Tuấn, đã làm Sài Thung đâm nể kính. Y nói năng tỏ ra lễ độ và có phần hơi lúng túng. Sau vài ba tuần trà, Quốc Tuấn nói:

- Thấy nói có đại nhân từ thượng quốc sang, ta ghé thăm sức khỏe. Rồi ông cáo biệt.

Sài Thung theo tiễn ra mãi tới cổng ngoài còn cung kính vái theo. Vào nhà, tên hầu mới thuật chuyện, khi đứng mời nước phía sau vị khách, y đã lấy mũi tên chọc chảy máu đầu ông ta. Sài Thung lấy làm kinh sợ, vì y không nhận thấy một nét gì biến đổi trên gương mặt khách.

Mấy năm sau, khi được biết con người đã có lần y thù tiếp và ngờ ngợ là một hòa thượng, chính là người thống lĩnh đội quân nhà Trần, đã đánh tan

nửa triệu thiên binh của nhà Nguyên với các đệ nhất danh tướng của Hốt-tát-liệt, thì Sài Thung lại càng kinh ngạc và thâm kính phục con người ấy.

Độ năm bảy ngày sau khi Sài Thung tới quốc đô nước Nam, đám quân trong sứ đoàn đi thu thập tin tức về báo. Tại Thăng Long có hai nhà buôn người Hồi-hộ, được thiên tử nhà Nguyên cấp vốn cho vào đây buôn bán. Mấy năm đầu, do tính nết thuần phác, lại không có ý dòm ngó gì vào nội tình của nước Nam, thì sự nghiệp phát đạt lắm. Chỉ ba năm sau từ Yên Kinh tới đây, bọn chúng đã có số vốn nhiều gấp mười lần. Nhưng mấy năm sau, bọn này ráo riết dò xét công việc của người Nam lộ liễu quá. Triều đình nhà Trần cấm dân chúng của họ không được mua bán giao thiệp gì với đám thương nhân Hồi-hộ. Bọn này không những không thu thập được tình hình mà còn bị phá sản. Và hiện thời chúng lưu tán ở đâu cũng chưa dò được tung tích.

Đi sâu vào các miền quê, thấy dân tình của họ no ấm. Mới vụ mùa vừa rồi lúa tốt bội thu. Có nơi mỗi chiếc đồng trống ra hai bông lúa to như những chiếc đuôi trâu. Đi về nẻo nào cũng thấy dân binh luyện tập chăm chỉ lắm. Quốc đô của họ, ngoài quân cấm vệ ra, không thấy động tĩnh gì. Không biết họ giấu quân ở đâu. Còn như chiếc cầu vòng, quan chánh sứ ta đòi họ phải xây vắt qua cửa Dương Minh, cũng không thấy họ đã động gì tới...

Nghe xong mọi việc của bọn người được nhà Nguyên gài lại Thăng Long do thám, cũng như các việc mà bọn trong sứ đoàn đi thu thập, Sài Thung tự nghĩ: "Vậy là những gì ta làm, vua tôi nhà Trần đều biết và ngăn chặn.

Những gì ta đòi, nếu không phạm vào quốc thể của họ, họ đều đáp ứng. Rõ ràng vua tôi nhà Trần thần phục vờ, và đang ngầm ngầm rèn quân tích lương đón đợi cuộc chinh phạt của thiên triều".

Qua những gì thu nhận được, Sài Thung định bụng phải thay đổi kế sách. Y mỉm cười, ngồi vào án thư thảo điệp văn gửi vua Trần: "Ta bằng lòng diện kiến quốc vương An Nam theo nghi lễ của quý quốc".

Một tờ khác y gửi tới Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc, lời lẽ rất khiêm nhã. "Từ lâu tôi đã được nghe danh vương, trong lòng rất lấy làm kính trọng. Vẫn thâm mơ ước có ngày được diện kiến. Lần trước cầm đầu sứ đoàn tới Thăng Long, tôi đã có ý đến thăm vương. Song vì công việc thiên tử giao cho chưa làm trọn, nên chưa dám nghĩ đến việc riêng. Kịp đến khi hoàn tất thì vương đã đi trọng nhậm tại vùng Tam Đái Giang. Thế là Thung này đành ngậm ngùi trở lại Đại đô. Mới hay: quý nhân nan kiến diện. Nay nhân lúc rảnh rỗi chờ hội kiến với quý quốc vương, nên gửi tờ thư này mong được vương nhận lời thù tiếp tại quý vương phủ. Ngày giờ do vương liệu định. Thư nói chẳng hết lời".

Cuối thư, Sài Thung hé lộ một cách kín đáo chức tước mà y vừa được Hốt-tát-liệt sách phong. Y viết hết sức nắn nót, khiến nét chữ mất đi phần hồn nhiên sắc sảo vốn có: "An Nam phó đô nguyên súy Sài Trang khanh kính

báo".

Triều đình được thiệp báo của Sài Thung, bèn hẹn ngày tiếp sứ để nhận chiếu của Hốt-tát-liệt. Sớm ấy, đám quân khiêng kiệu đón Sài Thung vừa tới chân cửa Dương Minh thì hạ đòn. Đúng lúc, Trần Quang Khải dẫn đầu đoàn các quan của triều đình ra đón sứ. Sài Thung với vẻ mặt không tỏ ra giận dữ, cũng không lộ vẻ thân tình, đi theo các quan vào triều. Khi Sài Thung tới giữa sân rồng thì nhạc quốc thiều tấu lên và đích thân Trần Nhân tôn bước xuống bậc tam cấp đón y.

Nhang án bày sẵn, đỉnh trầm đốt từ sớm, mùi hương sạ bay thơm ngào ngạt. Sài Thung bóc niêm phong chiếc hộp sơn son thếp vàng, rồi mở nắp lấy ra một tờ chiếu của nhà Nguyên trao cho vua Trần. Trần Nhân tôn đưa hai tay đỡ một cách kính cẩn. Nhà vua không lạy chiếu thư mà chỉ nói một lời chúc xã giao đối với nhà Nguyên: "Thiên tử vạn tuế!".

Rồi nhà vua đặt tờ chiếu lên hương án. Lễ tiếp chiếu thư xong, Nhân tôn mời trà sứ đoàn. Và sau đó là đưa thiệp mời Sài Thung đến dự dạ yến.

Tiến sứ đoàn về nhà công quán xong, vua Nhân tôn bèn triệu các quan văn võ vào nghị bàn về các yêu sách của nhà Nguyên.

Đại khái trong chiếu, vua nhà Nguyên trách quân trưởng của ta trải ba đời chưa vào châu. Hốt-tát-liệt nhắc lại các việc từ trước nhà Nguyên vẫn đòi:

- Quân trưởng phải vào châu.
- Con em phải sang làm con tin.
- Kê biên dân số.
- Phải chịu quân dịch.
- Phải nộp tô thuế.
- Vẫn đặt chức Đạt-lỗ-hoa-xích(toàn quyền) để cai trị.

Cuối chiếu, Hốt-tát-liệt nhấn thêm: "Đây là tuân theo thánh chỉ của đức thái tổ cao hoàng đế (tức Thành-cát-tur- hãn) thi ân cho các nước quy phục. Mấy việc trên là để tỏ lòng thành của kẻ thuần phục. Khanh làm được đủ các điều đó, há sao trẫm còn nghi ngờ gì nữa mà không tin yêu?".

Đọc xong, Nhân tôn nói:

- Các yêu sách trên đây của nhà Nguyên không có gì mới. Từ thời thái thượng hoàng, họ đã đòi ta như vậy. Tiên đế cũng như thượng hoàng, chưa bao giờ chấp nhận được một điều gì của họ. Bởi nếu vậy, ta sẽ là đất quận huyện của nhà Nguyên, chứ còn chi là chủ quyền của một quốc gia.

Các quan đều tỏ ra bất bình. Nhất là sự vô lễ và ngạo mạn của Sài Thung, khiến nhiều vị đại thần đòi phải trị cho hắn một trận, như xưa kia tiên đế đã trừng trị Trương Đình Trân.

Thấy các quan phần nộ, Chiêu Minh vương Trần Quang Khải bèn nói:

- Vâng thánh chỉ, tôi lên tận biên ải đón Sài Thung. Thực quả y là một kẻ kiêu ngạo. Nhưng nghĩ cũng thương tình, vì rằng các vương tử phủ Hưng

Đạo đã đánh một trận hết sức ngoạn mục, khiến y đau mà không kêu vào đâu được. Thành thử y tìm mọi cách trả thù. Đây là một tiểu tâm thù vặt có tính truyền thống lâu đời, từ thiên tử tới các bậc đại quan bên thượng quốc đối với các lân bang, mà họ thường gọi một cách xách mé là tứ di. Bệnh này đã ăn sâu vào tới cao hoang từ đời Hán, Đường, Tống tới nay không thuốc nào chữa trị được đâu Ngoại trừ ta có sức mạnh như thời Lý Nhân tông, dùng Lý Thường Kiệt với kế "Tiên chế phát nhân"(tiến công để phòng thủ). Thái úy Trần Quang Khải vừa dứt lời thì thượng vị Chương Hiến hầu Trần Kiện tiếp ngay. Kiện là con của Tĩnh Quốc đại vương Trần Quốc Khang. Khang là con nhận của thái thượng hoàng, về ngôi thứ là anh Thánh tông, là bác của Nhân tông. Vì thế Kiện là anh em thúc bá với nhà vua.

(Trần Quốc Khang, nguyên là con của Thuận Thiên với Trần Liễu. Khi Thuận Thiên đã có mang với Trần Liễu được ba tháng, theo ý của Thiên Cực công chúa với Trần Thủ Độ ép Trần Liễu phải nhường Thuận Thiên cho Trần Thái tôn. Vậy là nhà vua buộc phải lấy chị dâu mình làm vợ.)

Kiện nói:

- Liệu nước ta so với nước Tống ai yếu ai mạnh? Đất nước ta so với đất nước Tống ai lớn ai nhỏ?

Kiện đặt ra hai câu hỏi, lại tự trả lời:

- Lực của ta so với lực Tống như con kiến so với con voi. Đất ta so với đất Tống như chiếc khuy so với cả chiếc áo. Ấy vậy mà nước Tống bị vó ngựa Thát-đát đạp đổ thành trì, vua tôi khốn đốn, nhà Tống diệt vong.

Nước ta, hồi còn tiên đế quả có đánh thắng quân Thát-đát khi chúng đem binh vào cõi. Nhưng lực của Thát-đát năm Đinh ty (1257) so với lực nhà Nguyên hiện nay, thật là một trời một vực. Xin bệ hạ hãy cân nhắc cho thận trọng. Tôn miếu, xã tắc, số phận mất hay còn của hàng triệu sinh linh, đều nằm trong tay bệ hạ; không thể xem như là việc dốc túi đánh một nước bạc cuối cùng, rồi muốn ra sao thì ra.

Nói xong, Kiện ngồi xuống cứ xoay đi xoay lại chiếc mũ bình thiên ở trên đầu. Kiện có thói quen nghịch mũ. Và đó là cử chỉ tự hài lòng.

Vua Nhân tôn đưa mắt nhìn khắp lượt xem triều thần còn có ai muốn nói nữa.

Nhà vua thấy Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc đang nhúc nhích xem lại chỗ ngồi. Quả là Ích Tắc xin được nói.

Nhà vua vẫy tay khích lệ. Ích Tắc là con thứ ba của thái thượng hoàng, là em kế của thượng hoàng Trần Thánh tông, và thái úy Chiêu Minh vương Trần Quang Khải, tức là chú ruột nhà vua. Ông có một đầu óc thông tuệ khác thường. Ông cũng là người tài hoa bậc nhất kinh thành: cầm, kì, thi, họa ngón nào cũng tinh thông. ông có mở trường dạy học tại nhà. Học trò của

ông thuần những tay thần đồng cự phách, như Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Trung Ngạn, Trương Phóng... được ông tuyển lựa và gom về nuôi, dạy. Gần đây ông mới được nhà vua tấn phong thượng tướng trấn trị lộ Tam Đái Giang. Có thể nói, sau Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, ông là người được cả triều đình kính nể, trước hết bởi học vấn uyên bác hơn đời.

Nhẹ đưa hai bàn tay sửa lại chiếc mũ đội đầu, xốc lại cổ áo sau đó e hèm háng giọng, Trần Ích Tắc nhìn khắp cử tọa, rồi ông dùng cặp mắt phượng nơi Trần Kiện, nửa như đồng tình, nửa như răn dạy, ông nói:

- Không hẳn như thượng vị Chương Hiến hầu đã nói, Đại Việt ta vua tôi đều dốc lòng vì nước, sức mạnh đó không thể hình dung hết được đâu. Các bậc minh quân và tướng giỏi xưa nay đều xem sức mạnh lòng người như là một đội quân bất khả chiến thắng. Vả lại đã gọi là binh, thì không nên đem ra tranh cường. Bất đắc dĩ có phải sử dụng đến, chỉ nên dùng vào việc cứu dân, trừ bạo nghịch - Dùng một lát, ông lại nói: - Tuy nhiên, ta cũng đã đọc nhiều sách, tham bác việc dùng binh các đời, chưa từng thấy có thời nào, nước nào, người nào lại dùng binh một cách tuyệt luân như người Thát-đát. Đưa ngựa vào việc binh, thì từ thời thượng cổ, người Trung Hoa cũng đã có dùng vào việc kéo xe. Nó chỉ là một phương tiện cho con người. Hoặc để đi xa, đi nhanh, giúp cho con người đỡ mệt. Nhưng ngựa trong tay người Thát-đát, nó không chỉ là phương tiện, mà còn là mục đích của việc binh. Bản thân nó được xem như là một tân vũ khí lợi hại, nhân loại chưa từng biết. Vì vậy, người Thát-đát đã tung hoành hầu khắp gầm trời này, gần như không có đối thủ. Trung Nguyên đất rộng, người đông, của cải, tài trí đâu có thiếu. Trí như Văn Thiên Tường, dũng như Vương Công Kiên không phải là ít. Ấy vậy mà các vua Tống từ Tống Cung đế Triệu Hiến đến Tống Tường Hưng kẻ bị bắt đưa về Đại đô, kẻ nhảy xuống biển mà chết. Nhà Tống tuyệt diệt. Các việc sờ sờ ra đó, Đại Việt ta không thể không tham bác cho cặn kẽ, kéo lỗ mắt cơ hội tốt. Bởi vậy, việc tiếp sứ là một việc tế vi không thể khinh mạn người ta được. Là nước bề tôi, ta phải khu xử khôn khéo. Sao cho giữ được quốc thể, lại không méch lòng sứ. Nếu sứ thần bất mãn, thời chẳng mấy chốc lại dẫn tới can qua.

Chiêu Quốc vương nói chưa dứt lời thì có điệp văn của Sài Thung từ nhà công quán gửi tới.

Vua Nhân tôn trao cho hàn lâm thị độc, tuyên đọc cho cả triều đình cùng nghe. Quan hàn lâm cao giọng:

- ...Bữa trước, tiếp chiếu của thiên tử nhà Đại Nguyên, quốc vương An Nam đã không chịu lạy chiếu. Nay thết yến sứ giả thiên triều, lại định bày ngoài hành lang đại điện. Thật là một sự khinh mạn. Sứ giả nhà Đại nguyên báo cho nhà vua được biết, nếu dạ yến không được đặt tại điện Tập Hiền thì sứ đoàn chúng tôi xin cáo thoái...

Việc này không phải bàn bạc gì. Vua Nhân tôn chấp thuận yêu sách của Sài Thung. Các đại thần cũng cho là phải. Bởi lẽ việc đó không có gì phương hại đến quốc thể. Song ai cũng lấy làm ngạc nhiên và tự hỏi: - "Tại sao Sài Thung lại trở nên ôn hòa đến như vậy?".

CHƯƠNG 6

Nhận được thư của chánh sứ Sài Thung, Chiêu Quốc vương Trần ích Tắc cứ đọc đi đọc lại mãi không thôi. Vương tự lấy làm hài lòng. Vì danh tiếng của vương không những chỉ lẫy lừng trong nước, mà ngay cả Đại đô, người ta cũng biết tới. Và Sài Thung, ai cũng bảo y là kẻ kiêu ngạo, nhưng với riêng ta, Sài thượng thư lại hết sức khiêm nhường. Phải chăng Sài Thung có tư tình gì với ta? Hoặc giả mọi người đã quá khắt khe với ông ta?

Chiêu Quốc vương chăm chú nhìn nét chữ Sài Thung viết trong phần phẩm tước mới của ông ta: “An Nam tuyên úy phó đô nguyên súy”. Ồ hay, sao nét chữ có phần run run? Ông ta xúc động hay dè dặt? Ông ta thích thú hay ngượng ngùng? Vì chức quan này do Hốt-tát-liệt tấn phong, có nghĩa là nhà Nguyên đã chính thức coi nước ta như quận, huyện của họ. Có đúng họ đã sắp đặt xong vận mệnh của Đại Việt? Và Sài Thung sang ta lần này là để áp đặt cái mà cuộc xâm lăng năm Đinh ty (1257) do Ngột-lương-hợp-thai(Uryangqadai), cùng với năm vạn quân của y không làm được. Lại mới đây, Sài Thung cũng đã trắng tay năm ngàn quân với cả triều đình bù nhìn Trần Di Ái.

Chiêu Quốc vương lại tự hỏi: Tại sao Sài Thung căng cứng với mọi người, kể cả quốc vương Nhân tôn mà chỉ có riêng ta được y biệt đãi? Có ý mua chuộc hoặc chia rẽ gì ở đây chăng? Dù sao thì y cũng là người có biệt nhỡn. Ta không thể đãi y như đãi một người thường. Nghĩ vậy, Trần ích Tắc bày tỏ mối thiện cảm của mình với vị sứ giả thiên triều. Và hẹn ngày giờ nghênh tiếp sứ tại vương phủ.

Cùng với việc mời Sài Thung, Chiêu Quốc vương cho sửa sang quét tước, cũng như sắp đặt lại các đồ trần thiết trong vương phủ.

Phủ Chiêu Quốc không phải là phủ lớn nhất, nhưng là phủ đẹp nhất trong tất cả các vương phủ ở kinh thành Thăng Long. Phủ đệ nằm trên một doi đất vuông vức, ước độ hơn một trăm mẫu, xé cửa Quảng Phúc, ở phía tây Thăng Long thành chừng hơn một dặm. Bốn bề có thành đất bao quanh, có lũy tre dày ken kín. Lại có hào chạy theo thành lũy. Hào có đường ăn thông ra hồ Dâm Đàm (Hồ Tây), rồi ra sông Cái. Con hào này rộng tới bảy trượng, sâu hai trượng, thuyền bè đi lại thuận tiện như đi trên mặt sông. Hào có nhiều nhánh, chảy uốn éo theo hình thể các khoảnh vườn và chia làm ba nhánh như ba con rồng châu về hoa viên, nằm ở trung tâm vương phủ, ngay trước nhà đại bái. Hoa viên trồng đủ các loại kỳ hoa dị thảo, ngay đến cả vườn ngự

uẩn của đức vua, cũng chưa chắc đã hơn được. Bốn mùa hoa nở khoe sắc, khoe hương, muôn hồng ngàn tía. Chính giữa hoa viên là một hòn non bộ, cao tới hơn mười trượng, đồ sộ như trái núi thật. Xung quanh non bộ là khe, suối, ngòi, lạch. Và giữa các đỉnh núi nhỏ được bắc những chiếc cầu cong như vành lược, rộng chưa đầy gang tay, dài ngắn độ vài thước. Lại có người bằng đất nung, bày thật là ngoạn mục. Đám này một bàn cờ, mỗi bên là một tiên ông với chòm râu dài quá ngực, đang chăm chú nghĩ suy. Đám kia là văn nhân, xe, ngựa, kiệu, vờn thật là nô nức, như cảnh trẩy hội, hoặc tiến sĩ vinh quy. Loáng thoáng nhú từ kẽ đá mọc lên một vài cây tùng, nom gân guốc như thách thức với cả thời tiết và thời gian. Và dưới các tán cây cổ thụ trong vườn nổi lên những mái đình xinh xắn, ngói đỏ, rêu phong theo kiểu phương đình, bán nguyệt, ngũ giác, lục giác, bát giác... Mỗi đình có một tên gọi riêng: nơi là đình Tị huyền, nơi là đình Nghênh xuân, lại có đình Tịnh tâm, và cả đình Nghênh tiên và nhiều tên đình khác nữa, để Chiêu Quốc vương ghé nghỉ khi dạo vườn cho hợp với tình cảm và tâm trạng của chủ nhân lúc đó. Các đình đều để thông gió bốn mặt. Ba nhánh ngòi châu về hoa viên đều được bắc ba cây cầu vòng bằng gỗ. Mỗi cây cầu là một công trình khắc trạm rất tinh vi. Đoạn thì phượng múa, rồng châu. Đoạn thì theo bốn mùa: tùng, cúc, trúc, mai. Đoạn thì tứ dân: ngư, tiều, canh, mục... Và trong khắp dinh phủ, nếu Chiêu Quốc vương có nhà, thì đi về phía nào cũng nghe thấy tiếng đàn, địch, ca hát. Trong vương phủ có cả một đội nhạc công, ca công và một bày vũ nữ. Hát, múa hay phô diễn làn điệu, tích diễn gì đều do tay Chiêu Quốc vương soạn lời, chế nhạc và truyền dạy. Lại có cả một tòa nhà bày đặt tranh, tượng mà Chiêu Quốc vương đã dày công sưu tầm trên dưới hai mươi năm nay. Nghĩa là từ khoảng mười bảy, mười tám tuổi, Chiêu Quốc vương đã đem lòng yêu thích nghệ thuật hội họa, và đã có ý thức lưu giữ những tác phẩm nổi tiếng. Cho tới năm ngoài hai mươi tuổi, hiểu được ít nhiều về đường hội họa, và cũng có đôi khi cầm tới ngọn bút lông nhúng vào nghiên mực, và suy tư trước giá căng lụa. Và cũng nhiều lần suýt thành công trong một bức sơn thủy họa. Sau đó có một danh họa của nhà Tống từ Hàng Châu ghé thăm, có được xem phòng tranh sưu tập của Chiêu Quốc vương. Và cũng được Chiêu Quốc vương cho xem đôi bức họa của ông. Nhà danh họa kia lấy làm kinh ngạc về những ý đồ thể hiện trên tranh của tác giả. Ông phải thốt lên: "Một tâm hồn nghệ sĩ. Một con người đam mê nghệ thuật. Một tài năng bạt ngàn". Nhưng rồi ông lắc đầu. Chiêu Quốc vương gặng hỏi mãi, nhà danh họa mới đáp: "Chỉ đáng tiếc là các hạ chưa biết sử dụng ngọn bút lông. Nên nét vẽ không tuân theo nếp nghĩ của các hạ". Chiêu Quốc vương lấy làm tâm phục nhà danh họa, và cố ý lưu ông lại vương phủ được hai tháng. Ông có giảng giải cho Chiêu Quốc ít nhiều về nghề họa. Sau Chiêu Quốc có vẽ được dăm bảy bức vào loại khá, không kém

tranh Tống. Nhưng tự thấy không thể tiến xa hơn trong hội họa. Và lại, hội họa ở Đại Việt, ông cũng không có đối thủ, nên chẳng còn mấy hào hứng theo đuổi. Tuy nhiên, về đường thơ văn, người đương thời vẫn khen ông có chất rắn rỏi, gân guốc của đời Hán, lại có sự nhuần nhị, bóng bẩy mà siêu thoát của thịnh Đường. Về thi, thư năng lực của ông ít ai sánh kịp. Còn đường, cầm, ca, họa, nhạc. Ông không chỉ là người sành thưởng thức, mà còn là người sáng tác bậc thầy. Thế nhưng ông cũng khá am tường về đẳng võ bị. Ngay trong vương phủ, ông cũng lập được hai Đô vào loại tinh binh. Còn trong thái ấp, ông có tới bốn Quân là đám quân luân phiên vừa làm ruộng vừa luyện tập. Việc luyện tập cung tên, đao, kiếm, thủy bộ thế nào đều do đích thân ông xem xét. Ông lại thường đem binh thư ra giảng cho các tướng dưới quyền. Cũng có đôi ba lần ông sang chơi bên phủ Hưng Đạo để tham bác cách dạy tướng, rèn quân và cách hành binh bày trận của Trần Quốc Tuấn. Kể cả việc ông về ấp An Sinh xem Quốc Tuấn rèn binh, tập trận. Trong thâm tâm, ông không phục Quốc Tuấn lắm. Vì Quốc Tuấn không theo đúng sách của các nhà Tôn - Ngô thời cổ.

(Theo tổ chức quân đội nhà Trần của Trần Quốc Tuấn thì một đô có 80 người. Mỗi quân có 30 Đô = 2.400 người. Nhà Trần vẫn tổ chức quân đội theo chính sách "Ngụ binh ư nông" có từ đời Lý.)

Mấy bữa nay ông cho dọn dẹp dinh phủ để đón Sài Thung. Ông để mắt tới mọi nơi, mọi chỗ. Răn dạy kẻ hầu người hạ từng li từng tí. Rồi đám môn khách và học trò, ông cũng giảng giải để họ thấy, sao cho qua cuộc tiếp kiến này, Sài Thung phải kính nể giới sĩ phu Đại Việt và nền văn hiến Thăng Long. Ông đã từng mở mắt cho biết bao sứ đoàn qua thăm Đại Việt. Duy có Sài Thung, trước sau vẫn kiêu ngạo. Ông chắc lần này, y phải thay đổi các định kiến cố hữu của nòi đại Hán.

Một hôm ông đang huấn dụ đám học trò thì có quân vào bẩm: "Hưng Đạo vương và hoàng cô An Tư tới thăm". Cũng là tình cờ, Trần Quốc Tuấn vừa ở Giảng võ đường đi ra, chợt thấy tiếng vó ngựa phi gấp ở phía sau. ông thả cương cho ngựa đi nước kiệu. Một con ngựa bạch tiến sát con tía mật của ông, chỉ kém một cái đầu. Có tiếng chào trong trẻo: "Kính chào vương huynh". Ông ngoảnh lại, thấy công chúa nai nịt gọn ghẽ như một kị sĩ. Sắc phục thuần một màu trắng, điểm thêm những bông hoa kim tuyến.

(An Tư công chúa con gái út của thái thượng hoàng Trần Thái tông, nên nàng phải gọi Quốc Tuấn bằng anh họ. Vì Trần Liễu- cha của Quốc Tuấn là anh ruột Trần Thái tông.)

Ngang lưng, công chúa thắt đai trắng, có đính những viên ngọc sáng nạm vàng. Công chúa đi hia cao tới đầu gối chứ không đi hài. Hia màu đen tuyền thêu chim phượng đỏ, hai mắt phượng đính hạt châu. Công chúa đội mũ có tua kim tuyến rủ xuống hai vai và trước ngực. Ngang lưng dắt một thanh

trường kiếm. Hưng Đạo nhìn cô em họ mỉm cười, gật đầu: "Chào em! Chào công chúa!" - "Con bé tinh nghịch đến thế là cùng. Phận gái mà chỉ thích chơi trò cung kiếm như con trai" - Hưng Đạo thầm nghĩ vậy. Và ông hỏi thêm:

- Vậy chớ em ta đi đâu về đó?

An Tư công chúa cung kính đáp:

- Bẩm vương huynh, con ngựa này nghịch lắm, em phải theo nó đi dạo. Lại nhân bữa nay bên phủ Chiêu Quốc, vương huynh em gọi sang. Em nghe đâu bên Chiêu Quốc phủ đang dọn dẹp để đón sứ Sài Thung, chắc vương huynh đã biết?

- Ta cũng có nghe chuyện đó. Vậy chớ em đã giáp mặt Sài Thung lần nào chưa?

- Dạ chưa. Bữa trước em có nghe anh Chiêu Minh nói trong cung, thằng này nó hạch sách, láo xược lắm. Em định bụng, nếu gặp sẽ thì cho nó một đường kiếm vào cái miệng đại Hán của nó. Vừa nói, An Tư vừa vỗ tay vào đốc kiếm bên hông.

Hưng Đạo cười, vỗ vai công chúa, ông nói:

- Em ta dũng lược quá. Em cứ mài chí và mài kiếm cho sắc, nay mai ắt dùng đến. Còn như chém sứ giả thì đó là việc đại sự quốc gia, không phải việc của em, nghe chưa?

- Bẩm vâng. Nhưng em ghét nó quá đi. Vương huynh có ghé phủ Chiêu Quốc với em không?

Một thoáng lóe ở trong đầu, Quốc Tuấn nghĩ, nay mai ta về ấp An Sinh, tiện ghé thăm Chiêu Quốc vương rồi từ biệt luôn. Thế là hai anh em đều thả lỏng tay cương tiến vào phủ Chiêu Quốc.

Thấy Quốc Tuấn đến cùng công chúa An Tư, Trần Ích Tắc vừa mừng vừa băn khoăn. Băn khoăn vì nhẽ ông chưa có chủ định mời Quốc Tuấn trong dịp này. Và lại, nếu biết ông sắp tiếp Sài Thung, liệu Quốc Tuấn có phản bác gì không. Thật ra Trần Ích Tắc và cả mấy anh em trong chi thứ nhà ông đều ngại Quốc Tuấn. Vì Quốc Tuấn ngoài tài thao lược, thì ông có cái uy át chủ. Kể cả Trần Thánh tông, Trần Nhân tông đều không có cái uy toát ra từ nhân cách con người như Quốc Tuấn. Hơn nữa, mấy cha con Quốc Tuấn nắm trong tay quá nửa số quân trong cả nước. Và ai cũng canh cánh lo vì đều biết rằng, trước khi chết, An Sinh vương Trần Liễu đã di chúc lại cho Quốc Tuấn điều gì.

Chính việc cha dặn bị vỡ lở, người trong nước ai cũng biết, khiến Quốc Tuấn rất khó xử. Và mối hiềm nghi giữa hai chi trưởng, thứ cứ đeo đuổi riết róng làm ông lắm phen đau đầu. Nhất là sau khi Vũ Thành vương Doãn, người em cùng cha khác mẹ với ông bỏ nước trốn sang Bắc quốc bị bắt lại hồi năm Bính thìn (1256). Ông suýt bị liên lụy, nếu như hồi ấy không có

Thái tôn đứng ra che chắn trước sự đàn hặc của nhiều người. Số là Vương Doãn, con của Thuận Thiên sinh với cha ông. Khi Hiền từ hoàng hậu băng năm Mậu thân (1248), Vương Doãn cảm thấy mình hụt hẫng vì không có chỗ dựa. Lại tiếp vài năm sau, vào năm Tân hợi (1251), Yên Sinh vương tạ thế. Buồn bực vì thất sủng, Vương Doãn tính quần lo quanh thôi chứ chẳng có mưu mô phản trắc gì. Nhưng trò đời, thường là phù thịnh chứ đã mấy ai dám phù suy.

Chiêu Quốc vương chưa kịp mặc áo dài đội mũ, để làm lễ tương kiến vương huynh Trần Quốc Tuấn, ông cứ luôn miệng: "Xin vương huynh thứ lỗi," Khi đã dẫn Hưng Đạo và công chúa An Tư vào nhà tân khách, lại sai nội thị pha trà, ông vội trở lại phòng riêng mặc áo đội khăn, rồi mới điềm đạm ngồi tiếp anh và em gái.

Hưng Đạo không phải không nhận ra sự tế vi trong giao tiếp của Trần Ích Tắc. Song đó là nét riêng trong cá tính của từng người. Xưa nay việc giữ lễ để tỏ cái bụng của mình đối với người, cũng là sự tự kính trọng. Sau vài tuần trà, ông cùng công chúa được Ích Tắc dẫn đi xem khắp vương phủ, từ nhà cửa đến trang trí sắp xếp, bày biện. Cũng lại xem cả đội tinh binh đang luyện võ. Nhìn đám binh cường tráng tập tành, Hưng Đạo bằng lòng lắm. Ông thầm nhủ: "Thế nước đứng được, tự trung là do ở những người lính này". Cũng đã có đôi ba lần ghé thăm phủ Chiêu Quốc, nhưng chưa lần nào Hưng Đạo được chủ nhân cho đi xem xét một cách thấu đáo như lần này. Càng xem, Hưng Đạo càng thấy từ việc xây cất dinh thự đến trồng tía cây cảnh, sắp đặt khuôn viên đều tuân theo một quy củ thẩm mỹ cao. Lại như việc thành, lũy và hào lạch được đào theo thế thủy bộ liên hoàn, quả là chủ nhân không những có con mắt sắc sảo của một kiến trúc gia bậc thầy, mà còn có cái đầu của một chiến lược gia biết nhìn xa thấy rộng. Cho nên phủ Chiêu Quốc không thuần nhất là một dinh thự, mà còn là một pháo đài công, thủ đều có thể cả.

Cũng qua việc kiến trúc và bài trí, Hưng Đạo đọc được nét chung trong con người Trần Ích Tắc là tính phô trương, xa hoa, kênh kiệu, hiếu thắng. Nhưng phải thừa nhận, đây là một dinh phủ sang quý nhất Thăng Long.

Khi Chiêu Quốc vương dẫn Hưng Đạo trở lại nhà tân khách, ở đây đã có sẵn một bày vũ nữ, ca công, nhạc công. Đám nhạc công, ca công dâng hiến hai vương một khúc nhạc Champa. Trống paranưng bập bùng, rộn rã, âm vang sâu thẳm, như lời nhắn gửi từ vũ trụ mệnh mang tới con người. Kèn saranai như một lời ảo não oán than, một tiên tri đồng vọng, báo trước số phận bi thảm của một dân tộc tài hoa và bất hạnh, có một không hai trên cõi thế này. Ngồi cạnh Trần Ích Tắc, nghe giai điệu Champa buồn thảm, Hưng Đạo vương cảm như mình rơi vào lạc lõng. Lòng ông còn ngổn ngang biết bao việc lớn chưa làm được. Và ông nghe như bước chân quân thù đang dần

nhích tới biên cương. Đã toan đứng dậy cáo từ thì một bầy vũ nữ vận theo lối Champa, trông như những thiên thần cánh trắng vừa từ thượng giới sà xuống trần gian. Họ múa một điệu múa dân gian Champa, khi kết thúc, hợp lại thành một bông sen trắng, hàm tiếu. Sự sắp xếp và bài trí khéo đến nỗi, người xem chỉ thấy toàn thể khối người kia là một bông sen trắng khổng lồ, và mỗi con người là một cánh trắng mỏng manh, toát lên vẻ đẹp và sự cao khiết.

Nghĩ tới công việc ở An Sinh ấp, Trần Hưng Đạo thấy nóng lòng. Mặc dù khi đi, mọi việc ở nhà, ông đã ủy thác cho Dã Tượng. Lại mới cách đây vài ngày, ông cho Yết Kiêu về trước. Ông cam thấy bao việc đang chờ ông: việc quân, việc lương như lửa đốt đầu. Vậy mà ngồi đây nghe hát, nghe đàn thánh thót, nỉ non sao mà vô duyên thế.

Như đọc được ý nghĩ sâu xa của Quốc Tuấn, Trần Ích Tắc vẫy tay cho bầy ca-vũ-nhạc lui ra ngoài. Và sai tiêu đồng dâng rượu thạch xương bồ. Uống vội một chén, Trần Hưng Đạo cáo lui.

Khi tiễn người anh họ ra tới cổng ngoài, thân cầm cương ngựa trao cho Quốc Tuấn, Ích Tắc hỏi:

- Bẩm huynh trưởng, trước khi trở về An Sinh, huynh trưởng có điều chi dạy bảo?

Một tay đỡ lấy cương ngựa, một tay đặt lên bả vai Ích Tắc, với vẻ chân thành và cảm động, Quốc Tuấn nói:

- Chiêu Quốc vương, ta mong em để tâm nhiều hơn nữa vào việc mở rộng đám dân binh ở thái ấp. Cả đám tinh binh ở vương phủ, cũng nên lấy thêm vài đô nữa. Hốt-tất-liệt không để chúng ta yên đâu. Gấp lắm rồi. Thôi chào vương.

Nói xong, Hưng Đạo nhảy phắt lên mình ngựa. Chiêu Quốc vương chưa hết cảm động đã lại sững sốt. Ông không ngờ, đã ngoài năm chục tuổi mà Quốc Tuấn vẫn còn khỏe đến vậy. Vương mới kịp nói một lời: "Kính huynh", thì bóng con tía mật đã khuất ở nẻo đường quanh, chỉ còn vọng lại tiếng khua lộc cộc.

Thăng Long Nổi Giận

CHƯƠNG 7

Sài Thung đeo hồ phù (Biểu tượng do nhà Nguyên đặt ra cho sứ thần của họ được miễn trừ các qui chế của nước chủ nhà, họ tự coi mình như một tên thống sứ) đi lại nghênh ngang khắp đất Thăng Long như đi vào chỗ không người. Y hạch sách, đánh đập, quát, thét các quan tiếp sứ. Y đánh đập những người hầu hạ phục dịch rất tàn nhẫn. Phổ xá buôn bán, người qua kẻ lại tấp nập, y cứ phóng ngựa ào ào. Đã có mấy bà già nhà quê ra chợ mua sắm, bị ngựa của Sài Thung giẫm cho què cẳng. Từ quan đến dân khắp kinh thành, không một ai là không căm giận, không muốn moi gan móc mắt cả đám sứ giả bạo ngược.

Thăng Long đã từng tiếp nhận nhiều tên Đa-gu-ra-tri (Đạt lỗ-hoa-xích) người Mông Cổ, nhưng chưa có tên nào tàn bạo, vênh vang tự phụ như tên Hán gian mặt hạng này. Nhiều người toan hạ độc thủ hắn. Nhưng đích thân nhà vua, đã hạ chiếu cho quan đại an phủ sứ của kinh sư, phải phủ dụ cho dân chúng kinh kỳ hãy nén tâm chịu đựng, chớ có vì tức giận nhất thời mà làm hỏng đại cuộc. Kẻ kia hung hãn như vậy, là bởi đằng sau nó có cả một đạo quân lớn đang hùng hực khí thế giao tranh, chỉ cần có một cơ nhỏ là chúng ào qua biên ải.

Thật ra các hành vi của Sài Thung không phải chỉ là sự ỷ thế nước lớn, làm càn. Mà còn là hành vi đã được sắp đặt từ Yên Kinh. Cho nên triều đình quyết né tránh, để tên võ sĩ mù này đâm vào gió. Chưa giáng được đòn nào vào đối thủ, kể từ khi y đem mấy ngàn tên quân và bọn bù nhìn vào cõi ta tới nay, y càng lòng lộn. Thượng hoàng Trần Thánh tông đã nhắc bảo quan gia và cả triều đình rất kỹ, rằng võ sĩ thượng thừa là võ sĩ tránh đòn giỏi, chứ không phải loại võ biền cứ tới tấp ra đòn múa may quay cuồng như một con bọ gậy, vừa phí sức vừa gây cười cho đối phương.

Sang Đại Việt lần này, Sài Thung ngỡ mọi việc sẽ trôi chảy như Hốt-tát-liệt đã sắp đặt ở Yên Kinh. Và chính y cũng hăm hở muốn nắm giữ cái thực quyền của chức An Nam phó đô nguyên súy. Y cũng đã có kế sách để đẩy đi, hoặc trừ khử tên tướng Mông Cổ Bột-nhan-thiết-mộc-nhi ngu ngốc, đã được cử làm An Nam tuyên úy sứ đô nguyên súy. Y thừa biết, Giao Chi là đất giàu có, nhưng xa xôi. Địa bàn hiểm trở, khí hậu thì lam chướng, không hợp với người phương bắc. Cho nên, bàn tay của thiên tử từ Đại đô với tới là hệt hẫng. Nếu y được làm sứ đô nguyên súy, tức là làm vua ở một phương. Sự giàu có, thú hưởng nhân ở đây có kém gì ở Yên Kinh. Các chúa Giao Chi

từ xưa đến nay, dám chống lại các hoàng đế Trung Nguyên, cũng chỉ dựa vào trùng dương cách trở, rừng núi âm u, ma thiêng nước độc, nóng ẩm quanh năm. Nhiều lần cầm đầu sứ đoàn nhà Nguyên qua lại giao thiệp với Thăng Long, Sài Thung đã nắm kỹ địa thế xứ này.

Quả là "An Nam tứ khí". Đây là một vùng địa linh nhân kiệt. Khen cho quốc sư Vạn Hạnh, đã giúp Lý Công Uẩn dựng nghiệp tại đây. Quả là Vạn Hạnh có con mắt nhìn suốt tám cõi. Và Sài Thung còn nghiệm thấy một điều, dường như lòng trời tựa đám quân Nam, cho nên xưa, Cao Biền đã từng yểm đảo triệt linh, nhưng đất vẫn cứ kết phát. Và ta xem tinh tượng, Sài Thung tự nhủ - anh hùng hào kiệt còn quy tụ tại đây nhiều lắm. Chính vì vậy Sài Thung ao ước, nếu như y là chủ đất này, y cũng xưng đế. Tiến lên phía bắc, có thể cự được Nguyên triều. Lui về phương nam, mở rộng đất đai bờ cõi không giới hạn. Nhưng Sài Thung đang đứng trước một tình thế khó xử. Y không biết ăn nói như thế nào với Hốt-tát-liệt, một con người tính nóng như lửa. Và trong cuộc đời, ông ta không chấp nhận bất cứ một kẻ thuộc hạ nào dám nói với ông ta: "Việc này việc nọ không làm được. Thành này thành kia không hạ được". Ông ta chỉ chịu thua có trời. Ấy là lần đại đội binh thuyền của ông vượt biển đông, nhằm đất nước Phù tang trực chỉ, bị bão lốc nhấn chìm. Việc chinh đông tạm dừng. Song không vì thế đất ấy lại được phép nằm ngoài vòng cương tỏa của ông...

Rõ ràng là Sài Thung đang ở vào hoàn cảnh tiến thoái lưỡng nan. Y có thể đi bất cứ nơi nào trong đất Đại Việt và kinh thành Thăng Long, không ai động đến một sợi tóc của y. Nhưng y vẫn cứ như một kẻ mù lòa. Những tên tay sai, phái sang từ mấy chục năm nay đều bị triệt hạ. Những tên mới sang thì như một lũ ngớ ngẩn. Tin tức nội tình của triều Trần không thấu tóm được điều gì đáng giá. Quân lương của họ ra sao, bố trí binh lực thế nào đều không biết. Họ sở trường về đánh bộ, đánh thủy thế nào cũng chưa tường. Nếu các việc này chưa nắm được rõ ràng, lúc đại quân kéo sang thì khai triển thế nào. Vì vậy, Sài Thung đang tính một nước cờ liều. Tức là phải tìm nội ứng trong số các quan lại, tướng sủng triều Trần. Đạo trước, y đã ý tứ ướm gạn với viên tướng quốc thái úy Trần Quang Khải, nhưng việc không thành. Nay lại dần thêm một bước nữa. Đó là một việc làm táo bạo. Được ăn cả, ngã cũng không mất gì, Sài Thung nghĩ vậy. Chính vì thế y mới mạnh dạn gửi tới Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc một cánh thiệp và một chút quà mọn: bức tranh lụa. Y thừa biết, một con người phú quý, vinh hoa tột đỉnh, tài năng siêu quần như Trần Ích Tắc, dễ gì mua chuộc và lung lạc được. Song y vẫn cứ muốn thử xem. Vì mỗi con người, dù là vĩ nhân, vẫn có điểm yếu. Cái chính là tìm cho ra điểm yếu ấy nó ẩn tàng ở đâu, như Gia Cát tiên sinh tìm thấy nơi sau gáy Ngụy Diên một cái vẩy.

Nhận được thiệp phúc đáp của Chiêu Quốc vương, Sài Thung mừng lắm. Y gọi mấy tên thuộc hạ sẽ cho theo hầu, dẫn dò cẩn thận. Lại sai soạn sửa lễ biếu, quà cáp rồi lên kiệu qua cửa Quảng Phúc đi ra phía tây kinh thành. Thăng Long đã vào hạ. Các chùa chiền đêm ngày rộn rã tiếng chuông, mõ, kinh kệ. Các chùa lớn như Diên Hựu, Sùng Khánh, Báo Ân đều mở hạ. Tăng ni nhiều chùa xung quanh vùng tập nập về ngôi hạ. Khóa hạ năm nay đông vui hơn các năm trước nhiều.

Tháng năm, trời nóng như đổ lửa, ngôi trong kiệu lại có lọng che nắng hai bên, mà mồ hôi cứ chảy ròng ròng xuống cổ, xuống lưng áo. Tuy nóng nực, nhưng trong lòng Sài Thung rất vui. Thỉnh thoảng lại được một làn gió mát từ mặt hồ Dâm Đàm thổi hắt qua kiệu, Sài Thung cảm thấy khoan khoái.

Kiệu Sài Thung đi được chừng non một dặm đường, thì gặp kiệu của Chiêu Quốc vương ra đón. Hai kiệu vừa gặp nhau, quân hầu đốt pháo, cử nhạc thật là long trọng. Cả Sài Thung và Trần Ích Tắc đều xuống kiệu. Đôi bên thi lễ hỏi thăm sức khỏe của nhau, rồi Chiêu Quốc vương mời Sài thượng thư lên chiếc kiệu riêng, ông đem đi đón. Đó là một chiếc kiệu bốn đòn khiêng sơn thên bóng đẹp, lại chạm phượng ở cả ba mặt và rèm the mát rượi. Kiệu vừa xuống ở đầu dinh, đã có một đội tinh binh nai nịt gọn gàng, kiếm tuốt trần, chào đón sứ giả. Lại có cả nhã nhạc nổi lên, nhịp với bước đi của chủ khách từ cổng tới nhà tiếp tân.

Sài Thung để ý thấy ngôi nhà được xây trên một doi đất cao ráo. Phải leo chín bậc thềm mới tới nền nhà. Qua hai lần cửa bức bàn tới lần cửa võng mới vào đại sảnh. Vừa đặt chân vào nhà, Sài Thung thấy mát lạnh ớn cả sống lưng, và một mùi hương sạ ủa ra thơm phức.

Sài Thung được mời ngồi vào một trong hai chiếc thái sư ý. Những người theo hầu Sài Thung ngồi vào những chiếc ghế hoặc đôn kê xen kẽ. Giữa đại sảnh đặt một chiếc đỉnh đồng hun đen nhánh, cao hơn đầu người, trên nóc đỉnh đúc hình một con sư tử, to gần bằng con sư tử thật, đang vờn quả cầu. Hai bên đỉnh là một cặp lộc bình sứ cao ngang ngực người đứng, có hoa văn vẽ các loại cây cỏ, tiêu biểu cho bốn mùa trong năm. Đây là cặp lộc bình khá đẹp, do một nhà buôn người Ba-tư biếu ông, nhân dịp khánh thành nhà tân khách. Vì nó mới được sản xuất từ đầu đời nam Tống, tính ra độ hơn một trăm năm.

Phân ngôi chủ, khách xong, Sài Thung sai bày đồ biếu tặng cho chủ nhân. Ấy là một tập thơ Lý Bạch có bút tích của họ Lý, được đặt trong một chiếc hộp bằng vàng ròng. Và một bức tranh lụa của họa sư Triệu Mạnh Phủ.

Cùng một số thuộc văn phòng tứ bảo như nghiên mực, mực thỏi, son, lụa Tô Châu để vẽ tranh. Bút viết, bút vẽ đủ cỡ, đủ kiểu. Quý hơn cả là một chiếc đỉnh bằng trân ngọc, có vân như vân khoai sọ, to bằng quả bưởi. Đây là vật báu của nước Tề từ thời Chiến quốc lưu lạc trong dân gian, có một nhà phú

hào mua được đem biếu Sài Thung. Sài Thung hai tay nâng vật báu trao cho Trần Ích Tắc. Y nói: "Quý vật tầm quý nhân. Ngài là dòng dõi vương giả và có đại phước, nên vật báu mới tìm về. Xin ngài lưu giữ, và chứng cho tấm lòng thành của kẻ quê hèn này".

Trần Ích Tắc xiết bao cảm động. Từ trước, Chiêu Quốc vương vẫn quen nghĩ rằng, người nước ngoài tới thăm ông là lễ đương nhiên. Vì trong nước này, còn ai sang quý hơn ông, còn ai tài ba trác việt hơn ông? Họ tới thăm ông thường cốt để tỏ lòng sùng kính, và thỏa óc chiêm ngưỡng tò mò. Lần này quả thật ông không ngờ, một vị sứ giả tài ba, một quan thượng thư của thiên triều thật lòng quý mến, trao cho ông những báu vật, thế gian hy hữu. Về phần mình, ông cảm như những báu vật hiện ông đang được nắm giữ trong tay, là ngoài tầm mong ước của ông. Sợ rằng ông chưa đủ tài đức để thừa hưởng. Ví như một tập ba trăm bài thơ của thánh thơ họ Lý đây, lại có cả đôi dòng bút tích của ông nữa. Thật là một vật báu không thể liệt vào hạng thứ hai trong thế gian được. Rồi báu vật nước Tề...

Nhân có vài món đồ quý Sài Thung mới tặng, Chiêu Quốc vương mời khách cùng ghé thăm Thi-thư-họa viện của ông. Đó là một ngôi nhà cao ráo nằm sau nhà tân khách độ dăm chục bước chân. Hai nhà cách nhau bằng một vườn hoa và chậu cảnh. Bước qua khu vườn cây cảnh, nhìn ngắm những đôn, chậu và các loài cây, thế cây, Sài Thung ngầm đoán về tính tình và khát vọng của chủ nhân. Y gật gù tự nhủ: "Con người này quả là ghê gớm. Quả là thâm trầm".

Thi-thư-họa viện là một ngôi nhà bảy gian thoáng rộng. Năm gian dùng để chứa sách. Cũng gọi là tàng thư. Sách được xếp ngay ngắn trong các kệ. Gáy sách đều nhất loạt quay ra ngoài, có đề tắt tên sách và ký hiệu các thư mục. Thông thường, sách ở đây được đóng bằng một loại bìa có phết sơn ta, đen hoặc đỏ. Với những bộ sách quý, còn được đóng gáy bằng đồng lá. Toàn bộ số sách trong Thi-thư-họa- viện này có độ trên chục ngàn bản. Ghé vào khu vực tàng thư, là để Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc, đặt cuốn thơ Lý Bạch mà viên chánh sứ nhà Nguyên vừa đưa tặng lên vị trí trang trọng nhất. Trần Ích Tắc khẽ đẩy vào tấm cửa ngách ngõ then, chủ khách bước vào khu vực trưng bày tranh, tượng.

Sài Thung giật mình trước hết là bức chân dung thiếu nữ. Bức tranh to bằng một phần tư chiếc chiếu trải giường vẽ một thiếu nữ với vẻ mặt đài các, nhưng trong sáng như một thiên thần. Nàng vận toàn đồ trắng, tóc mây đen như bông phủ trên bờ vai. Một chiếc đai đỏ thêu kim tuyến đôi chim phượng đang múa. Mắt phượng dính ngọc sáng lấp lánh cùng với vẻ sáng từ đôi mắt thiếu nữ tỏa ra. Thiếu nữ ngồi vững vàng trên mình con ngựa sắc tía. Một tay thả lỏng dây cương, tay kia cầm ngọn roi xuôi chiều với đuôi ngựa. Ngang lưng nàng, trổ một thanh trường kiếm. Con ngựa đi nước kiệu. Từ

thiếu nữ và cả con ngựa, toát lên một sức mạnh bí ẩn nội tâm, và một vẻ yên bình thần thánh. Gương mặt thiếu nữ vừa toát ra vẻ thông minh hóm hỉnh, như đang thâm chế giấu ai điều gì, lại vừa tinh nghịch, như là nàng bất chợt ra roi phi nước đại, khiến cho cả con vật lẫn ai chiêm ngưỡng nàng đều bất ngờ. Và đằng sau đám bụi cuốn lên từ vó ngựa, là chuỗi cười giòn khanh khách. Bức tranh như có một ma lực hút chặt cặp mắt Sài Thung vào đó, khiến y không còn nhìn thấy bức "Sơn thủy họa" của Tống Huy tông treo bên cạnh, mà y mới đưa tặng cho Trần ích Tắc được ít ngày.

(Tống Huy tông (1101-1126) với các niên hiệu: Kiến trung, Tĩnh quốc, Đại quan, Tuyên hóa. Bản thân ông là một ông vua nghệ thuật - một họa sĩ lớn. Từ khi lên ngôi vua, ông đã khai nguyên một thời đại mỹ thuật huy hoàng chưa từng thấy tại Trung Quốc và cả châu Á.)

Sau vài giây định thần, Sài Thung như có ý ngượng. Bèn khen: "Đẹp quá! Bức tranh đẹp quá! Thần họa". Y lại nói tiếp trước khi ngồi vào ghế: "Chẳng hay đại nhân tìm ở đâu được bức họa tuyệt tác đường này".

Chiêu Quốc vương sung sướng tới mức như ông có thể bay lên trời được. Cái cảm giác siêu thoát tể vi màu nhiệm của Như Lai Phật tổ, chưa bao giờ ông cảm nhận một cách đầy đủ như lúc này. Khuôn mặt Trần ích Tắc vốn đã rực sáng như lúc nào cũng phát hào quang, bỗng ửng đỏ. Trên bàn đã dọn sẵn một be rượu Bồ đào của nước Thổ Phồn, do lão khách thương Hội-hội biểu ông từ hơn chục năm trước. Lại cặp chén "phí thúy" làm bằng một thứ đá ngọc, luôn phát ra màu cầu vồng bảy sắc, được đặt trên chiếc đĩa sứ màu da cam, nom như một chiếc đĩa lửa. Tự tay Trần ích Tắc rót rượu mời Sài Thung. Khách trân trọng nâng lấy chén rượu mà rằng:

- Chừng nào đại quan chưa cho bề nhân được biết nguồn gốc bức họa kia, thì kẻ quê hèn này chưa dám động đến rượu quý của ngài.

Lời nói vừa cao nhã, vừa tò mò khích lệ, khiến Chiêu Quốc vương có phần hơi lúng túng. Hết nhìn vào bức họa, lại nhìn vào khách, Trần ích Tắc nói:

- Bẩm đại nhân. Đại nhân cứ gạn hỏi làm cho kẻ quê mùa này thêm ngượng. Điều bất hạnh là bức họa kia lại do chính tay kẻ bất tài này vẽ. Và bỗng nhiên Chiêu Quốc vương nhớ lại cách đây mấy hôm, khi ông ra cổng đón Trần Hưng Đạo chợt nhìn thấy An Tư trong dáng điệu như thế này. Không hiểu sao, chỉ một thoáng thôi, mà hình ảnh em gái út của ông ăn sâu vào trí não đến kỳ lạ vậy. Đúng là lúc ấy, ông cũng có ý định vẽ một khuôn tranh. Cho nên khi tiễn Quốc Tuấn ra về, ông giữ An Tư lại và căng lụa lên, rồi hai anh em ra vườn vẽ. Ông vẽ tới hai ba bức, nhưng không một bức nào hài lòng. Bữa ấy, An Tư suýt khóc, bởi vì ông bắt công chúa phải diễn đi diễn lại mãi ở một tư thế. Lúc An Tư ra về lòng buồn rười rượi, vì cả ba bức, theo công chúa đều đẹp. Nhưng ông cứ khẳng khẳng rằng hỏng. Theo ông: "Nó không ánh lên được cái thần của em, như lúc ta vừa chợt trông thấy em bước

vào sân cùng vương huynh".

Mãi ba ngày sau, trong một giấc ngủ trưa chập chờn, Chiêu Quốc vương lại thấy lóe lên ở trong đầu cái thần thái của An Tư công chúa. Thế là ông nhồm dậy lấy bút lông, giá vẽ, mực tàu. Và ông vẽ một mạch theo trí nhớ bức chân dung này. Ông đã cho người gọi An Tư công chúa sang xem và định bụng, nếu em ông thích, ông sẽ tặng. "Tội nghiệp, hôm ấy con bé chỉ thích mấy cái tranh vô hồn". Thế nhưng em ông, đã theo vương huynh ra vùng An Bang. Lại đến lượt Sài Thung sừng sốt, chén rượu Bò đào trên tay y run run, sánh ra ngoài mấy giọt. Giọng y xúc động:

- Núi Thái sơn trước mặt mà ta không được biết. Xin đại vương tha lỗi cho sự thất lễ của kẻ có mắt như đui này. Cạn chén mừng vương, mừng một họa sư - một thi bá đời nay. Nói rồi, Sài Thung nâng chén rượu lên nhấp. Y nuốt từng giọt, như để cho thứ rượu quý vô ngần kia thấm dần vào từng thớ thịt, thấm cả vào mọi nơi vi tế nhất của cảm giác con người. Một lát, y lại nói:

- Đọc thơ, biết được cái tâm của ngài. Ở Đại Đô, người ta ví ngài như Lý - Đỗ đời Đường. Xem cây cảnh, biết được cái chí của ngài. Đúng là "An Nam tú khí" mới sinh ra được bậc kỳ tài như vương. Tự ngắt lời, hết ngấm bức tranh vẽ lại nhìn Trần Ích Tắc, Sài Thung tiếp - Người như ngài, ngay cả đến bên Đại Nguyên cũng không dễ gì có được.

Chủ khách cứ tăng bốc nhau hết lời.

Bức tranh quả có đẹp thật, người vẽ như lột tả được cả thần thái của nhân vật; nhưng có đẹp tới mức như Sài Thung suýt xoa khen ví, thì chính Trần Ích Tắc cũng nghi ngờ.

Nhìn ngấm mãi hết xa lại đến gần. Lúc này Sài Thung mới chú ý đến dòng lạc khoản. Y giật mình:

- Hóa ra đại nhân mới hoàn thành bức họa này được ba hôm nay.

- Dạ bẩm đại quan, đúng như vậy.

- Dám xin đại nhân tha lỗi, ngài vẽ nó trong bao lâu?

- Dạ, tôi vẽ mười lăm năm, không hơn không kém.

Lại đến lượt Sài Thung kinh ngạc, y nhắc lại - Mười lăm năm trời để vẽ một bức tranh.

- Bẩm đại nhân, đây là em gái út tôi - công chúa An Tư. Ở công chúa, tôi có một tình thương và một nỗi cảm thông đặc biệt. Em tôi vào đời không một tiếng khóc chào, dù người bảo mẫu có phát vào mông tới ba lần. Lớn lên, công chúa quả là một đứa trẻ có nghị lực. Thật tình tôi thương, có nhẽ vì sự lận đận trong cuộc đời mai hậu của An Tư. Vì tôi cảm mến em tôi từ lúc mới sinh. Tới nay An Tư đã tròn mười lăm tuổi, tôi mới bắt nổi cái thần của nó, thế chẳng là tôi làm việc suốt mười lăm năm sao?

Sài Thung gật gù. Một điều lạ với Chiêu Quốc vương, là vị sứ giả này cứ nhìn như muốn nuốt lấy bức tranh. Ông linh cảm như có sự chẳng lành, bèn

đứng dậy nói:

- Đại quan quá bộ giáng gót tới tệ phủ. Tôi vốn không tự lượng sức, dám khua khoắng cả ngọn bút lông. Tưởng treo chơi vài ba bữa, rồi tặng công chúa, để làm chút quà lưu niệm. Ai dè lại làm nghịch mắt đại quan. Tôi thật đáng trách. Nhân đại quan mới cho bức tranh của một đại sư, mà tôi chỉ được nghe danh, chứ chưa được coi họa phẩm. Vừa nói, ông vừa đứng dậy cuộn bức chân dung An Tư lại, và mở bức "Sơn thủy họa" của Triệu Mạnh Phủ treo thế vào đó. Điều ấy không làm Sài Thung phật lòng. Trái lại, y còn xăm xăm đứng dậy, cùng ngắm nghía với Chiêu Quốc vương.

Bức tranh có một sắp xếp rất lạ. Lốp lốp từng dãy viễn sơn hùng vĩ, như cắm sâu vào lòng đất, và chọc thẳng lên trời. Lô xô những ngọn nhọn với không biết bao nhiêu là kẽ nứt nơi sườn đá. Tường như đó là những dòng thác đang gieo nước xuống các vực sâu, và ta nghe rõ cả tiếng gầm gào. Bâng lảng trên các chòm cao một màu trắng mờ ảo như mây, như tuyết. Và cận cảnh là một ngã ba mệnh mông nước. Hai nhánh sông chảy về phía núi xa, lấp lánh sau những cây cỏ phát phơ bên bờ nước, là bóng mấy chiếc lâu thuyền đang lững lờ đi ra phía cửa sông. Và một bầy hạc sải cánh bay tạt ngang sườn núi. Sau một phút trầm ngâm, Chiêu Quốc vương lên tiếng. Ông nói như nói với chính mình:

- Mọi vật đều như hiện ra trong mộng vậy. Vừa huyền bí vừa quyến rũ xiết bao. Tôi thích những khoảng không bao la, nơi không có ngọn bút lông nào đặt tới. Dường như đó là những biểu hiện tư tưởng trác việt của họa sư về triết lý, nhân sinh và vũ trụ.

Sài Thung gật gù tán thưởng:

- Tôi chưa từng thấy một người nào có óc thẩm mỹ cao như đại nhân. Quả là đại nhân có một nhãn quan thấu thị. Triệu Mạnh Phủ hiệu Tử Ngang của chúng tôi, hiện nay được liệt vào loại đệ nhất danh họa. Dạ, Triệu họa sư còn trẻ lắm. Ông sinh năm Giáp dần, năm thứ hai đời Tống Bảo hựu (1254). Năm nay mới tuổi hai tám. ông là con một gia đình quý tộc dòng dõi Triệu Khuông Dã.

- Đúng là cha nào con nấy? Chiêu Quốc vương nói, mắt ông vẫn dán vào khuôn tranh. Ông lại hỏi:

- Tôi nghe nói Triệu tiên sinh còn có sở trường vẽ ngựa?

- Thật đáng tiếc là đại nhân chưa được xem bức tranh tả đàn ngựa quá giang của họ Triệu. Đúng là tiên sinh đã vẽ theo bút pháp của Hàn Cán, Lý Long Miên. Song tranh của tiên sinh lại làm lu mờ hết tiếng tăm của các bậc tiền bối.

- Thế còn bức kia, thưa đại quan - Chiêu Quốc vương hỏi Và ông chỉ vào bức tranh sơn thủy họa của Tống Huy tông.

Sài Thung mỉm cười đáp:

- Đó là một hoàng đế nghệ thuật của nhà Tống. Bản thân ông ta là một họa sĩ bậc thầy. Chính ông đã khai sinh cho thời đại mỹ thuật sáng lạn chưa từng thấy trong lịch sử văn hóa Trung Hoa. Suốt hai mươi lăm năm trị vì, ông đã đưa nền hội họa Trung Quốc lên đỉnh cao chói vót.

- Bức sơn thủy họa này - Chiêu Quốc vương chỉ vào bức tranh của Tống Huy tông, nói - chứa đựng một ý tứ thâm trầm và một khát vọng bao la về cái đẹp. Chứng tỏ, ông là một nhà nghệ thuật hơn là một kẻ trị vì.

- Quả có như nhận định của đại nhân, Sài Thung đáp. Và y chợt nhận ra cuộc thăm viếng đã sa đà vào đàm đạo về hội họa. Y thăm phục sự am hiểu rộng rãi và sâu sắc về nhiều lĩnh vực văn hóa của Chiêu Quốc vương. Quả là y có ngại nói ra những điều cần phải nói. Nhưng y lại tự nhủ - ta là người của một đại quốc, ta là đại nhân. Nhẽ nào hạ mình đi kết thân và tỏ lòng tán phục đối với con cái của một Man vương. Nghĩ vậy, y tự thấy mình là một con người khác: quyền thế hơn, oai phong hơn. Sài Thung bèn lái câu chuyện sang hướng khác.

Trở về chỗ ngồi, Sài Thung tự tay rót rượu Bò đào vào chén ngọc cho Chiêu Quốc vương. Y cũng tự rót cho mình. Rồi tay nâng chén rượu, miệng nói :

- Quả là ở An Nam ta chưa gặp một người nào để ta trọng nể như ông. Ông mới xứng đáng làm quốc vương xứ này. Giả vờ mượn rượu, Sài Thung đưa đẩy một ý thăm dò hiểm độc. Y nhìn thẳng vào mặt Trần Ích Tắc, xem ông có tỏ lộ nét gì khả dĩ đáp ứng điều y đang tìm kiếm.

Trần Ích Tắc bỗng tối sầm mặt lại. Ông đóng nút bình rượu và nói:

- Tôi thật có lỗi đã mời đại quan quá chén, để đại quan xúc phạm đến quốc vương tôi.

Sài Thung vờ như không biết gì hơn. Y nói thêm:

- Ô, quốc vương là cháu ông chứ ai, tôi nói đây là nói đến tài năng, đức độ của ông xứng đáng ở ngôi quân trưởng, chứ tôi có chê gì quốc vương An Nam.

Trần Ích Tắc bỗng sáng giọng:

- Nếu ông còn tiếp tục nói về quốc vương tôi với các lời lẽ bất kính, thời tôi xin phép được nói rằng, cuộc tiếp kiến ông tới đây là chấm dứt.

Sài Thung hiểu sự việc không thể đi xa hơn được nữa. Y cười sằng sặc:

- Tôi vẫn nghĩ đại nhân rộng lượng với người say. Lỗi tại cái rượu Bò đào của đại nhân ngon quá.

Trần Ích Tắc cũng hiểu tình thế không thể làm quá được với Sài Thung.

Trở lại chuyện trò vui vẻ, Sài Thung nói:

- Tôi vẫn có lòng mến đại nhân. Do đó, mến cả đất Giao Chỉ này. Nhưng tình thế không thể nói trước được. Tôi sợ thiên tử tôi lần này sẽ không dung thứ, nếu bên An Nam, quân trưởng không chịu vào chầu. Lại không cho con sang làm con tin, và nộp lương, giúp quân cho đại binh thiên triều đánh

Chiêm Thành.

Trần Ích Tắc tự thấy đây không phải là cuộc thương thuyết, và ông cũng không được triều đình giao cho thương nghị với sứ giả về việc này. Nhưng ông thấy, không nên bỏ qua cơ hội. Ông nói:

- Nếu thiên tử có thương nước chúng tôi, là trước hết, đại quan có thương nước chúng tôi không đã. Nếu đại quan thương, chỉ tâu cho một lời, ắt thiên tử sẽ thi ân cho cái nước phen dậu nghèo yếu xa xôi này.

Sài Thung cười hì hì:

- Hay thật, ở nước các ông, từ vua, quan, cho đến dân thường đều nói giống nhau.

- Ấy bởi bên thượng quốc từ xưa đến nay thiên tử cũng có nói với nước chúng tôi có mỗi một điều. Khi nào thiên tử nói khác, chúng tôi mới dám nói khác chứ.

Sài Thung không những không trách về lỗi ăn nói phạm thượng của Chiêu Quốc vương, mà y còn cảm thấy nét khôi hài nhưng rất miễn tuệ trong lời đáp của Trần Ích Tắc. Y nghĩ: "Quả là bên Đại Đô người ta chưa nói điều gì khác ngoài cái việc bức bách An Nam lệ thuộc. Thế thì sự trả lời của An Nam là xin cho không lệ thuộc, như miễn thuế, hoặc xin trì hoãn các việc một cách hết sức khôn ngoan". Nhìn thẳng vào mắt Chiêu Quốc vương, Sài Thung nói:

- Tôi vẫn có lòng ngưỡng mộ đại nhân. Sợ sau này hai nước có chuyện can qua, trong đám loạn quân không biết thế nào mà nói trước được, đại nhân nên giữ cái tín bài này, để dễ tìm nhau trong họa biến.- Y vừa nói vừa móc túi lấy ra một vật nhỏ gói bọc kỹ càng trao cho Chiêu Quốc vương, và dặn thêm: - Thiên tử vẫn có ý mến mộ ông lắm đấy.

Trần Ích Tắc đỡ lấy với vẻ xúc động.

Sài Thung lại nói:

- Xin đại nhân gia ân cho tôi một việc.

Trần Ích Tắc sừng sốt nhìn Sài Thung.

Y nói:

- Đại nhân cho tôi xin bức họa chân dung công chúa An Tư. Đó là bức chân dung đẹp nhất mà tôi được biết. Tôi chỉ muốn đem bức tranh này về Đại đô Yên Kinh, để bắt mọi người phải thay đổi quan niệm rằng: "An Nam đã có danh họa".

- Một khi đại quan đã muốn vậy, tôi còn biết nói thế nào. Ông trao bức tranh vào tay Sài Thung và nói thêm - Chỉ sợ nó không xứng với lòng mong muốn của đại quan. Và Trần Ích Tắc lo cho số phận em gái ông- điều mà từ lâu ông vẫn quan hoài về An Tư công chúa.

CHƯƠNG 8

Tự nhiên thấy nóng ruột, Trần Hưng Đạo đã cho Yết Kiêu về trước từ ba hôm. Nhưng cái buổi ra giảng binh pháp cho các tướng ở điện Giảng Võ, lúc trở về gặp An Tư công chúa, rồi hai anh em cùng ghé thăm phủ Chiêu Quốc vương tự nhiên ông lại thấy nóng nóng ở trong bụng. Thế là ông vội vã trở lại vương phủ, và ngay chiều hôm ấy ông xuôi về Vạn Kiếp. Thuận nước thuận gió, chiều hôm sau ông đã về tới thái ấp An Sinh.

Các gia tướng Yết Kiêu, Dã Tượng ra tận bến thuyền đón chủ tướng. Các vị môn khách như Trương Hán Siêu, Phạm Ngũ Lão, Phạm Lãm, Trần Thị Kiến, Trình Giũ, Ngô Sĩ Thường, Nguyễn Thế Trục... là các danh sĩ, danh tướng đương thời đã về qui tụ dưới trướng Trần Hưng Đạo cũng chuẩn bị xong xuôi công việc, chỉ chờ ông về, là đệ trình ông xem xét.

Nghe các gia tướng gia thần và môn khách tâu bày xong. Trần Hưng Đạo thấy không có gì sai khác như ông đã sắp đặt lúc ra đi. Vậy thì ông nóng ruột là bởi cái gì. Ông bèn hỏi:

- Ngoài những việc các người đã kể, trong thái ấp của ta có còn xảy ra chuyện gì nữa không?

Dã Tượng bèn tâu:

- Bẩm đức ông, đức ông hoàng Sáu (Trần Nhật Duật- con trai thứ sáu của Trần Thái tôn) có gửi từ Đà Giang về biểu phủ Hưng Đạo một đàn năm con voi tơ, để sung vào đội tượng binh của ta. Còn đức ông hoàng thì hẹn dăm bữa nửa tháng sẽ tới thăm ấp An Sinh.

Hưng Đạo "à" lên một tiếng và nói:

- Đúng. Đúng rồi, thế là ứng với điềm ta nóng bụng. Hỏi han sức khỏe và công việc của từng người xong, Hưng Đạo nói:

- Các ông hãy về nghỉ, để ta đi thăm quân sĩ một lát, rồi đêm nay, xin các ông lại tụ hội tại đây để nghe ta nói lại các khoản mà sứ thần nhà Nguyên đòi hỏi, cùng một số công việc khác. Cấp bách lắm rồi, không gấp lên là không kịp.

Thoạt tiên Hưng Đạo đi xem các đám dân binh luyện tập: chỗ kéo co, chỗ vật, chỗ chạy, chỗ bơi, lặn. Lại có đám tập leo trèo cây cao, cây to, bám chèo trên các cành cây khẳng khiu, chèo từ cây này sang cây khác. Rồi vác nặng, leo núi. Buộc túi cát vào hai bắp chân, tập nhảy cao. Đến đâu ông cũng úy lạo quân sĩ. Ông đi rồi, họ tập luyện hăng hơn. Hết đám lính bộ binh, Hưng Đạo lại sang xem đội kỵ binh tập cưỡi ngựa, bắn cung vượt qua

hào rộng, đầm lầy, núi cao. Qua đội kỵ binh của Phạm Ngũ Lão, ông ghé trại thủy binh của Yết Kiêu. Ở đây quân chia làm nhiều tốp. Tốp tập đánh tay vo cướp thuyền giặc đang lao nhanh. Tốp tập lướt thuyền chặn giặc. Tốp tập đánh sập lá cà. Tốp lại tập bơi vo, lặn sâu, lặn xa... Cuối cùng, Hưng Đạo vòng về đội tượng binh của Dã Tượng. Ở đây cũng chia làm nhiều tốp, tốp luyện voi non mới nhập trại của Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật vừa trao tặng. Tốp rèn cho voi xông xáo vào các mục tiêu, các địa hình trắc trở như gai góc, cây leo, bụi cây, cây to cản đường, núi cao, nước sâu, lửa cháy... Cái giỏi của Dã Tượng là tạo được địa hình tập luyện như thật. Hưng Đạo thích thú đứng nhìn một đội ba thớt voi đi vào một nhánh đường hẹp, giữa có một cây to chắn lối. Thế là một con voi lùi xuống, hai con tiến lên lấy thân đẩy qua đẩy lại làm cho cây lung lay. Xong chúng quay đầu lại, dùng vòi nhỏ bồng cây lên, ném qua vệ đường. Rồi ba con voi vừa gầm rống lên, vừa chạy ào ào như một trận bão lớn tràn qua, làm rung chuyển cả núi rừng. Lại một tốp ba thớt voi khác, đang đứng trên đường tiến quân, thì gặp một hồ nước rộng và sâu. Bờ hồ bên kia là quân giặc, đang nhất loạt bắn tên sang như mưa. Lũ voi gầm lên dữ dội, rồi ào xuống hồ nước bơi nhanh. Tới gần bờ, chúng dùng vòi phun nước tới tấp, làm cho cánh quân cung nỏ ngã nhào nhào như chuồn chuồn gặp bão. Lại một tốp khác, do chính Dã Tượng điều hành. Tốp này đang dạy cho voi quen dần với lửa. Vì voi vốn nhát lửa. Phàm thành trì bốc cháy, hoặc quân địch dùng hỏa công, voi thường bỏ chạy. Thấy Dã Tượng tận tụy với đội tượng binh và sáng chế ra nhiều cách đánh, Quốc Tuấn cảm động xuống ngựa, ông bước tới vỗ vào vai Dã Tượng nói:

- Liệu có thành tựu không con? Ta có lời khen ngợi đội tượng binh.

Dã Tượng với gương mặt biết ơn đối với sự săn sóc của chủ tướng, bèn đáp:

- Bẩm đức ông, chắc là được. Mấy con voi này hiện đã quen với màu lửa, nay cho chúng làm quen dần với lửa.

Hưng Đạo thấy cạnh đồng lửa cháy lom rom, ngọn lửa bập bùng khi nhỏ khi to, lá mía xếp rải rác xung quanh đồng lửa. Mấy con voi vừa đứng đỉnh nhai mía, vừa lơ đãng nhìn ngọn lửa.

Lại nói, Dã Tượng xuất thân nghề rèn. Tính người ôn thuận, trung hậu, sáng dạ và hay tìm tòi chế tác. Thêm có biệt tài tôi, rèn sắt, nên các đồ binh khí qua tay Dã Tượng đúc, rèn thường chém gỗ đá ngọt như chém chuối. Là một gia nô tin cậy, được Hưng Đạo giao hẳn cho việc rèn binh khí trong quân. Kịp đến khi Quốc công lập đội tượng binh, đã giao cho nhiều quản tượng luyện voi chiến, chúng đều không theo. Dã Tượng xin làm thử, và làm được. Quốc công mừng lắm, liền cho Dã Tượng coi sóc đội tượng binh.

Trên đường về, ông ghé thăm mấy ấp trại của đám nông phu. Ông ngó vào tận trong buồng, thấy nhà nào cũng đầy một lăm thóc. Hỏi ra, mấy năm nay dân đã đủ ăn, không còn lo đói nữa. Hình ảnh các quân sĩ đang ham mải

luyện rèn và dân tình no đủ, khiến ông thêm vững dạ. Nếu như mai đây quân Thát-đát có tràn vào xâm lấn cõi bờ, chắc là dân sẽ sát cánh cùng ông đứng lên gìn giữ mảnh non sông gấm vóc này.

Tối đến, tại nhà đại bái đèn nến thấp sáng choang, các gia thần, gia tướng và môn khách đã tề tựu, Trần Hưng Đạo mới từ ngoài nhà thư trai bước vào. Ông vận chiếc áo thụng tía, đầu quần khăn vành dây bằng lượt màu xanh ngọc. Tóc ông lơ phơ bạc. Ông có bộ râu năm chòm dài, rậm như râu Quan Công, và khuôn mặt vuông chữ điền. Mắt to sáng. Đôi tròng con người sáng sánh như phát hào quang. Cặp lông mày lưỡi mác rậm hơi xếch, mỗi bên đều có dăm sợi dài vuốt cong lên. Toàn bộ con người ông, gương mặt ông, và dáng đi đứng của ông toát lên một phong thái uy nghi, đường bệ. Ông có giọng nói âm áp, cứng cỏi thanh âm trong trẻo như tiếng chuông ngân, khiến như rót vào tai người nghe, không phải vì sự mê hoặc của ngôn từ, mà do uy lực của âm thanh quyền rũ. Chào hỏi mọi người, phân ngôi chủ khách xong, ông nói:

- Ta không sợ gì cha con Hốt-tát-liệt, nhưng không biết cảnh thanh bình mà chúng ta đang an hưởng đây, còn kéo dài được bao lâu nữa? Nếu các ông ở Thăng Long, lại phải tiếp sứ giặc như ta, thời các ông hoặc là phải chém đầu Sài Thung, hoặc là phải sôi máu, vỡ tim mà chết. Sài Thung và tay chân của y đi lại nghênh ngang, từ nhà công sứ đến các nơi thờ phụng tôn nghiêm, hoặc nơi hội hè chợ búa, không còn biết kiêng nể gì. Nơi đông đúc, thì chúng phóng ngựa chạy vào. Nơi thưa vắng mà gặp ai thì roi da chúng đánh đến vỡ đầu sứt mặt. Nói năng chửi mắng thô bỉ. Từ nơi cung điện tới miếu đường, chúng đều không giữ lễ. Ngay ta đây, - vừa nói Trần Hưng Đạo vừa bỏ khăn ra cho mọi người xem, dấu máu còn đọng kết trên đầu, - do đũa quân hầu Sài Thung lấy mũi tên nhọn đâm vào - Trần Hưng Đạo ghìm nén một tiếng thở dài trong lồng ngực. Ông dừng lời nhìn khắp lượt, các tướng văn, tướng võ, và gia thần. Ông đọc được trên gương mặt họ, lòng căm uất lũ giặc cậy thế ỷ quyền nước lớn, bắt nạt lân bang. Ông biết, chỉ khi nào ông truyền được lòng căm giận lũ chó kia, cho các chư tướng như lòng ông căm giận chúng, và các chư tướng lại truyền cho quân sĩ cũng được như vậy; tới khi nào cả vua quan, tướng lĩnh, sĩ tốt và thứ dân trong cả nước đều một lòng phan thanh xé xác quân giặc, thì khi ấy ông mới dám nghĩ đến chuyện ra quân và thủ thắng cha con Hốt-tát-liệt.

Biết các thủ hạ đang nóng lòng chờ ông nói tiếp, Trần Hưng Đạo lại chụp chiếc khăn lên đầu, và thông dong nói:

- Con sói già Hốt-tát-liệt nằm trong hang ổ ở Yên Kinh đòi nước ta cái gì, xin chư vị hãy nghe đây - Hưng Đạo cúi xuống mở nắp chiếc tráp nhỏ, lấy ra một cuốn sách, và đọc. Xong ông nói - Trước sau thì y vẫn đòi ta có sáu việc chính. Triều đình đã cân nhắc kỹ lưỡng. Nay chỉ cần nhận một trong sáu

việc là nước không còn chủ quyền quốc gia nữa. Và lại quân kia như loài hổ đói, ta nhận một, chúng đòi hai, đòi mười.

- Quân trưởng vào châu ư? - Không được.

- Phải chịu quân dịch?

- Phải nộp tô thuế?

Đó là bốn phận của các quận, huyện trong cả nước, phải đóng góp cho triều đình. Lũ chó này ở xa ta hàng vạn dặm, dám hỗn xược hư trương thanh thế, định biến ta thành nô lệ cho chúng chỉ bằng mấy lời dọa dẫm chẳng?

Các ông có biết, Hốt-tát-liệt còn dọa vua ta điều gì không? Y nói rằng: “ Nếu có ý kháng cự mệnh trẫm, thì người cứ bồi đắp thành trì, sắm sửa giáp binh, sẵn sàng mà đợi...”.

Ngừng lời một lát, Quốc Tuấn nhìn khắp gương mặt các thuộc hạ của ông.

Ông hiểu rằng, họ đã ghét cái mà ông ghét. Ông đặt cho họ một câu hỏi:

- Vậy chớ xin hỏi các ông, có phải lần này Hốt-tát-liệt vẫn dọa ta chứ?

Không khí im phăng phắc. Chỉ nghe thấy tiếng bắc đèn nổ lép bép, và cả tiếng muỗi vo ve trong xó tối.

Một lát sau, Phạm Ngũ Lão lên tiếng:

- Bẩm đức ông, theo ngu ý của tiểu tướng, lần này Hốt-tát-liệt nói thật, chứ không chỉ là việc đe suông.

- Căn cứ vào đầu tướng quân cho những lời dọa dẫm kia là thật?

- Bẩm đức ông, đó là do thái độ hống hách, trịch thượng, vô lễ của sứ giả. Y tìm đủ mọi cách khiêu khích, để sao cho ta nổi đóa lên là bọn chúng có cơ cất quân sang. Thái độ của Sài Thung như vậy, có nghĩa là ở Yên Kinh người ta đã sẵn sàng. Xin đức ông, với uy đức của mình, làm thế nào cho triều đình gắng nín nhịn. Và phải lấy lòng Sài Thung; dù việc đó có phải nhẫn nhục, tốn kém, vẫn còn hơn là xảy ra binh hỏa, trong khi lực ta chưa vững.

Phạm Ngũ Lão vừa dứt lời, Nguyễn Thế Trục đã lên tiếng:

- Bẩm đức ông, Phạm tướng quân nói rất đúng. Việc chiến hay hòa lúc này là tối quan trọng. Hòa với giặc có nghĩa là, hàng chúng nó. Là dâng nước cho quân Thát-đát một cách hèn nhát. Mà chiến trong lúc thế dân sức quân chưa sẵn sàng, tức là đánh một nước cờ liều, đem trứng chọi với đá, mất nước như chơi. Bởi thế, việc chọn lựa đường đi nước bước của ta, là không có quyền được sai. Sai là mất hết. Là không còn gì để làm lại nữa.

Trước lời nói chân thực của hai vị tướng văn, tướng võ, Trần Hưng Đạo vô cùng xúc động. Không những ông cảm thấy yên tâm, mà còn sung sướng nữa. Bởi kẻ sĩ đã nghĩ suy, điều mà cả quốc dân cùng đau khổ. Ông yên tâm, bởi không những họ chỉ biết quan hoài đến tình thế, mà còn biết cách thoát ra khỏi tình thế. Và ông vui sướng, cũng bởi họ đã chia sẻ cùng ông, nỗi lo cho cả dân tộc. Và vì thế họ rất xứng đáng là môn khách của ông.

Lấy làm mãn nguyện, Trần Hưng Đạo đưa tay lên vuốt vuốt chòm râu tới ba lần. Thông thả ông lại nói:

- Thế giặc lần này không sơ sài như năm Đinh ty (1257). Chúng đã bình định xong Trung Nguyên. Cái đất nước mệnh mông mà của cải và con người đều nhiều như cát sa mạc ấy, Hốt-tát-liệt có thể lấy cả trăm vạn quân, xéo nát bờ cõi giang san của ta không phải là chuyện chúng không làm được. Nhưng không phải việc gì chúng cũng làm được. Không phải việc gì chúng muốn là làm được. Như việc tiến đánh Nhật Bản. Đã mấy lần đi mà không đến. Thế mà bên ta còn nhiều điều thật đáng lo ngại. Như bữa trước ta đã bàn với các ông, xem có kế gì phá được cái oai hão, rằng quân Nguyên là một đội quân bất khả chiến bại. Rằng dưới gầm trời này, quân Nguyên là vô địch. Nỗi ám ảnh ấy không chỉ có ở những người nhát sợ trong dân chúng, mà nó còn có ở trong giới sĩ phu, tướng lĩnh và cả một số đại thần.

Lại nữa, điều này ta cho là trọng yếu nhất trong sự nghiệp hưng binh. Tức là phải làm sao cho dân chúng chóng giàu. Chí ít là nhà nhà dư dật, thì ai ai cũng sẽ chăm lo đến việc mở mang kinh tế. Nếu dân chúng giàu, thì nước mới có cơ mạnh được. Theo đó, nhà nhà lại yên tâm cho chồng con sung vào quân thứ, đi luyện tập dài ngày. Như trước đây là thời bình, mỗi năm hai lần sau mùa vụ, tới hạn kỳ đám nông phu đem tiền gạo của nhà đi ở lính, để tập luyện hoặc làm các việc trong quân. Hết hạn lại về làm ruộng. Nay xét tình thế gấp gáp. Việc luyện quân đòi hỏi phải ráo riết, và dài ngày. Ngay khi họ đã thạo các việc trong quân rồi, lại phải dạy cho họ về binh pháp nữa. Bởi ta xem người lính, khác với quân cờ. Nếu họ am hiểu, nhiều khi vắng tướng lĩnh, tự họ khắc xoay chuyển được tình thế.

Ta vẫn nói, nếu các ông có kế sách làm được các điều ta mong mỏi, thì dù có phải chia nửa thái ấp của ta cho dân chúng, và giải tỏa hết đám nông nô, ta cũng sẵn sàng. Việc này không chỉ riêng ta làm. Mà các vương hầu khác cũng sẽ phải làm. Vì mất một phần gia sản còn hơn là mất nước. Một khi nước đã mất thì thân cũng chẳng còn, nói gì đến thái ấp và nô tì. Nào, bây giờ đến lượt ta nghe các ông. Các ông cứ mạnh dạn, dù điều các ông nói có hại cho ta, nhưng lợi cho nước thì các ông chớ có nề hà.

Lời nói của Trần Hưng Đạo như dứt từ tủy xương, từ óc não ra, khiến các quan thuộc hạ đều cảm động. Đáp lời kêu gọi của ông, ít lâu nay các tướng đều lo đến việc tìm kế sách đánh giặc, giữ nước.

Tiếp lời ông, Trương Hán Siêu liền nói:

- Đáp cái ơn tri ngộ của đức ông, chúng thần đã bàn tới nát nước. Điều mà đức ông hỏi, làm thế nào cho trên từ đẳng quân trưởng, tới các vương hầu, dưới đến các sĩ thứ và con dân trong nước, ai ai cũng căm ghét quân Nguyên tàn bạo, và tin ở sức mình dám đánh, quyết đánh. Việc ấy, không gì hơn là phải phát hịch, bố cáo trong cả nước. Nói rõ cho mọi người biết sức địch, thế

ta. Nhất là đường lợi hại của lễ tồn vong, sự liêm sỉ của mỗi con người, và trách phận của họ trong lúc quốc gia hữu sự. Khi đã khơi được lòng tự tôn và tự trọng dân tộc trong mỗi con người, thì không còn kẻ thù nào là vô địch đối với họ nữa. Việc này xin đức ông, nếu thấy là việc cần kíp, nên phải làm ngay. Vì nếu mọi người còn chưa tin vào sức mình, thì chưa thể bắt đầu khởi sự được.

Trần Hưng Đạo gật đầu tán thưởng. Ông ghi lời nói của Trương Hán Siêu vào trong một cuốn sổ. Phía ngoài bìa cuốn sổ đó có hai chữ lớn: "MUU THUẬT".

Sau Trương Hán Siêu, Trình Giũ nói:

- Nhờ chính sách thân dân, từ đời tiên đế, đã lo cho dân được đủ ăn, đủ mặc. Nước thì đủ binh. Cho nên cuộc xâm lấn của Thát-đát năm Đinh tị đã bị đánh tan. Người dân trong nước, ai cũng tin triều đình. Cho tới ngày nay, mọi sự đều tinh tiến cả. Tuy nhiên, như đức ông nói: lực của kẻ thù lớn hơn xưa gấp bội. Cho nên, muốn thắng chúng, ta cũng phải có một nội lực kháng cường hơn. Tức là quân nhiều hơn, lương thảo, khí giới nhiều hơn. Tất cả những điều ấy, đều phải trông cậy vào dân. Nếu dân cùng lo với nỗi lo của quan quân, hẳn là ta không còn sợ kẻ kia cậy mạnh nữa. Nhưng làm thế nào để dân cùng lo mối lo của quan quân?

Trình Giũ kết thúc thâm ý của mình bằng một câu hỏi lửng.

Phạm Lãm tiếp luôn:

- Trình tiên sinh đặt câu hỏi, nhưng tiên sinh lại bỏ lửng. Thần dám chắc mọi điều giải tỏa nỗi quan hoài của đức ông, lại đều nằm trong câu hỏi đó. Chủ kiến của thần là: con người sinh ra có hai điều mong muốn nhất. Một là tự mình xoay xỏa lấy cuộc đời mình, không phải lệ thuộc ai, không phải sống kiếp tôi đòi. Hai là, phải có cái ăn cái mặc. Mà muốn có cái ăn cái mặc, trước hết phải có ruộng đất. Thâu tóm lại sở nguyện của con người từ thái cổ đến nay, vẫn chỉ là tự do và tự hữu. Đại Việt ta từ khởi thủy đến nhà Lý, ruộng đất vẫn là của nhà nước, gọi là quốc điền. Bản triều ta vẫn noi theo các triều trước. Duy tới năm Giáp dần (1254) Nguyên phong thứ tư đời tiên đế, mới ban hành chính sách bán ruộng công. Mỗi một diện là 5 quan. Từ đấy, nhân dân mới có ruộng tư. Từ khi có tư điền, lúa ruộng tốt hẳn lên. Mùa vụ thóc lúa nhiều hơn. Dân chúng ai cũng mong muốn có mảnh ruộng, và được làm ăn trên mảnh đất của mình. Nhưng không phải ai cũng có đủ tiền mua ruộng. Để trong dân, ai cũng có chút ít ruộng đất, theo thiện ý của tiểu nhân, nhà nước nên xén bớt quốc điền, để cấp cho những người không có ruộng. Lại cho dân tự khẩn hoang đất rừng, đất bãi bồi ven sông, và hạn chế phần chiếm hữu. Quá hạn giới, phải nộp cho quốc điền phần nửa, Nơi nào không có đất đai hoang hóa thì xén bớt một phần đất thái ấp của các vương hầu, bán cho dân. Ai không có đủ tiền được trả dần trong một hạn định. Lại

nữa, số nông nô, nô tì các nhà quan hiện chiếm hữu quá nhiều. Nếu như các dân ấy được giải tỏa mà lại có thêm ruộng đất nữa, thì thần đoán chắc, chỉ trong vòng vài ba năm, nước ta không muốn sung túc dư thừa (lương thực và các sản vật chăn nuôi như trâu bò gà lợn) cũng không được. Và một khi người dân đã được hữu sản, mà trong nước có họa xâm lăng, đức ông và ngay cả nhà vua, có muốn cản không cho họ nhập quân đánh giặc giữ nhà, giữ nước cũng không được. Bởi vì sự gắn bó của dân với nước là ở chỗ phần của họ có gì trong đó. Còn nếu như, bẩm đức ông - Phạm Lãm chột giật mình, vì ông ngại lời nói của ông có gì phạm thượng, ông nhìn Hưng Đạo như có ý dò thăm.

Hiếu ý Phạm Lãm, Hưng Đạo tươi cười, giục:

- Tiên sinh cứ nói hết ý mình, đừng nên lựa ý chọn lời sao cho đẹp lòng ta. Nếu ta đẹp ý mà dân bất bình, để rồi nước rơi vào tay giặc, thì cả ta và các ông đều có tội với tiên nhân, có tội với dân nước nhiều lắm.

Được lời an ủi, Phạm Lãm hồ hởi nói tiếp:

- Bẩm, xin đức ông và các chư huynh tha lỗi cho, ý thần muốn nói rằng, nếu người dân chỉ có mỗi cái quyền đi đánh giặc và để được chết, còn lợi thì thuộc hết thầy về nước và các quan trên, thì bẩm đức ông, nước không có nghĩa lý gì với họ cả. Và sự thể sẽ là họ trốn lính. Trốn mọi phận sự.

Dạ, ngu ý trên đây, là thần muốn đáp ứng lòng mong mỏi của đức ông, sao cho dân chóng giàu, và người dân hết lòng với nước. Đương nhiên là phải có va chạm đến quyền của các vương hầu. Bởi lẽ ruộng đất chỉ có hạn, nay muốn quân phân cho dân chúng, nếu không xén bớt quốc điền và điền trang, thái ấp thì lấy đâu ra? - Phạm Lãm ngừng lời. Trong thâm tâm ông cũng lo lời nói thẳng của mình. Nhất là lại đối với người mình hằng kính trọng.

Phạm Lãm vừa dứt lời, Nguyễn Thế Trục đã đứng lên. Ông nói:

- Trình đức ông, nếu các việc như Phạm tiên sinh vừa nói, được triều đình chấp thuận cả, thì lo gì ta không có binh nhiều, binh mạnh. Và theo ngu ý của tiểu sinh, đức ông thử suy ngẫm xem, ta có nên đặt thành lệ miễn việc quân cho những người còn cha mẹ già yếu, không nơi nương tựa. Hoặc những người chủ gia đình, nếu thiếu họ, vợ con sẽ lâm cảnh khốn cùng. Lại nữa, các gia đình chỉ có một con trai, cũng nên miễn việc quân cho họ. Còn như cha mẹ mới mất, thì được hoãn việc quân sáu tháng. Người nào đang ở trong quân, có cha mẹ chết, cũng cho về nhà cư tang sáu tháng. Ngoài các điều tha giảm trên đây, kẻ nào vi phạm đều bị khép vào tội ngũ nghịch mà trị.

Tiếp lời Nguyễn Thế Trục, Ngô Sĩ Thường tâu:

- Nếu những điều khải thị lữ thần vừa tâu như hạn nô, hạn điền, cấp đất... mà được đức ông cùng hoàng thượng chuẩn cho, thì triều đình phải ban bố thành một chương luật mới, bổ túc thêm cho bộ quốc triều hình thư.

Trần Thị Kiến rất lấy làm tâm đắc về cao ý của Ngô Sĩ Thường, ông nói:
- Từ cổ đến nay, các học giả đã bàn nhiều về nhẽ trị loạn nhưng đều không ngoài ý của Khổng Tử. Tức là không lo ít, chỉ lo không công bằng; không lo nghèo mà lo không yên ổn. Vậy muốn cho công bằng và yên ổn thời chỉ có giữ nghiêm pháp luật. Muốn giữ nghiêm pháp luật, không gì bằng những người cầm cân nảy mực trong bộ máy quốc gia, không được đứng ra ngoài hoặc đứng trên pháp luật. Về việc này trong thời tiên đế, Thái sư thống quốc Trần Thủ Độ đã nêu một tấm gương rực sáng, không những cho đương thời, mà còn cho muôn đời con cháu.

Nghe những lời tâm huyết đầy nghĩa khí của đám mưu sĩ và gia thần, Trần Hưng Đạo rất lấy làm cảm kích. Đúng là nuôi tướng ba năm dùng một giờ. Đúng là những người này cảm mến cái đức của ông, nên ông mới lưu giữ được họ ở lại thái ấp. Trước sau, ông vẫn đãi họ như đãi những bậc thượng khách. Và ông kính họ, như kính các bậc quốc sĩ. Mặc dù tuổi họ còn ít. Có người còn thua cả tuổi con ông như Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu. Còn về đường tài năng, quả là họ chưa có gì hiển lộ, chưa có cơ hội để họ bộc lộ chân tài. Nay nước nhà bị bọn giặc ngoài dọa nạt xâm lăng, bao nhiêu điều uẩn khúc như một búi tơ vò rối, lòng còn đang ngổn ngang, chưa biết chuyển xoay thế nước ra sao, thì chính họ - những kẻ được người đời gọi là bạch diện thư sinh này đã toan tính cùng ông... Trần Hưng Đạo đang mài miết nghĩ suy về những điều mà gia tướng, gia thần của ông mách bảo, thì Phạm Ngũ Lão lại nói:

- Các bậc huynh trưởng đã bày tỏ với đức ông đến cạn nhẽ, về các kế sách làm cho dân giàu nước mạnh. Thần tuy là một tướng trẻ bất tài, cũng xin trình đức ông một mẹo nhỏ. Đức ông thường dạy: "Quân cần tinh chứ không cần nhiều". Nay quân của ta không nhiều mà cũng chưa tinh. Vậy xin đức ông, trước hết hãy mở hội thi võ trong vùng ấp An Sinh này. Hội mở từ các xóm thôn, cứ tinh tuyển dần lên tới xã, tổng, trấn, lộ. Thi đủ các môn: vật, võ, đao, kiếm, côn, quyền, bắn cung, bắn ná... Thi bơi. Thi lặn. Lặn sâu, lặn lâu, lặn xa. Thi mang vác nặng. Thi đi nhanh, chạy nhanh, thi đua thuyền, đua ngựa. Cỡi ngựa, bắn cung... Rồi chim đua thư, chó đua tin, ai nuôi luyện được các loài cầm thú trên, đều được trọng dụng. Cứ là dân biết đến đâu, thi đến đấy. Biết môn nào thi môn ấy. Trong khi dân gian thi, thì các vương hầu cử người đi lựa tuyển. Nhân tài từ đấy mà ra. Nếu năm nay được một, sang năm ắt phải được hai ba lần nhiều hơn. Xin đức ông hãy cứ thử một phen - nói tới đây, Phạm Ngũ Lão ngừng lời.

Trong cuốn sổ "MƯU THUẬT", Trần Hưng Đạo ghi gần kín những lời bàn tâm huyết - những kế sách hưng quốc, hưng binh.

Đêm đã khuya, các đĩa đèn đã cạn dầu, những con muỗi, những con thiêu thân ngã vào ngấm dầu trưng phình lên, nay bắt đầu cháy và lép bép nổ như

bỏ rong. Ngay đầu sảnh, bọn đầu bếp đã dọn sẵn cháo gà. Trước khi về nghỉ, Trần Hưng Đạo cảm kích nói thêm đôi lời:

- Những điều các ông tỏ bày, đều là những việc cấp kỳ, không thể không làm. Có điều, các việc đó sẽ đụng chạm đến lợi lộc của một số người quyền cao chức trọng. Quả thật, việc này làm được là muôn khó. Vì rằng, từ lâu người ta đã quen sống với việc chỉ nhận thêm vào hơn là phải xén bớt đi, dù là quyền hay lợi cũng thế cả thôi.

Một phút đắn đo, gương mặt Hưng Đạo đầy đau khổ, như là ông đang vận nội công để nuốt trôi đi cả một túi mật đắng đang chẹn cứng nơi yết hầu. Sau giây lát phân tâm, Trần Hưng Đạo lại trở về với bản ngã đoan chính.

Bằng một giọng trầm ấm, ông nói thật là khúc chiết, rành rõ:

- Các việc trên đều phải được thực hiện. Vì nó là quyết sách sống còn của cả dân tộc và vương triều. Việc đó sẽ bắt đầu từ thái ấp An Sinh, từ phủ Hưng Đạo!

CHƯƠNG 9

Trần Nhân tôn cứ đọc đi đọc lại mãi bài: “ Tổng Sài Trang Khanh” của Trần Quang Khải. Thái sư đưa tiễn Sài Thung lên tận biên ải. Và bài thơ này làm đêm trước khi Sài Thung rời đất Lạng Châu. Tức là sau khi Sài Thung đã dẫn lòng nhận chuyển biểu chương của nhà Trần, xin hoãn các việc mà Hốt-tát-liệt đòi, với lời chứng của sứ giả rằng những điều trần tình trong biểu là thực.

Nhân tôn nhớ bữa thết yến Sài Thung tại điện Tập Hiền. Y cứ khẳng khẳng đòi nhà vua phải vào chầu. Mặc dù nhà vua có nói sức yếu, đường xa, thủy thổ không hợp. Không bắt bẻ thêm được, y lại đòi phải cho hoàng tử làm con tin. Nhà vua bèn cho gọi hoàng tử vào. Lúc ấy hoàng tử mới có sáu tuổi. Dáng người khôi ngô nhanh nhẹn. Hoàng tử vái chào vua cha và mọi người, rồi cúi chào Sài Thung. Sài Thung cứ khen mãi thái tử có quý tướng. Nhân tiện nhà vua lại nói: “ Mới chỉ có được một con. Trẻ nhỏ không chịu được nắng gió, lại sống xa sự dưỡng dục của cha mẹ, e không chịu nổi, xin quan chánh sứ hiểu lòng cho”.

Vậy là cứ từng điều một trong chiếu của vua Nguyên, đem ra bàn bạc cho cạn nhẽ. Điều nào Sài Thung cũng đỏi lý, không ép được. Cuối cùng y đành nói:

- Ta đến An Nam không phải chỉ có việc ủy lạo các ông. Mà đem chiếu của thiên tử nhắc các ông những việc từ trước chưa chịu làm. Nay các ông vin hết cớ này đến cớ khác, để thoái thác mệnh trên. Ngay việc tự quân đây lên ngôi cũng chưa có mệnh thiên tử. Lại không chịu lạy chiếu, thì sao tỏ được phận dưới trên. Rồi việc quân, việc lương, việc biên kê hộ khẩu nhất nhất chối từ. Vậy thời, trở lại Đại đô ta tâu với thiên tử như thế nào? Nếu cứ theo ý của các ông, ta không những bị cắt chức, mà còn bị cắt cả đầu. Thôi thì, ta nói trước với các ông ở đây, để khỏi mất lòng nhau. Rằng ta sẽ cứ tình thực tâu lên thiên tử: “An Nam cường mệnh” .

Mặc dù lời lẽ Sài Thung có dịu đi nhiều, nhưng sự thất buộc của y lại càng ráo riết. Chỗ nào chưa được rớt ráo thì tên phó sứ lại nhấn nhá thêm cho chặt chẽ.

Nhân tôn đã sai tìm mọi cách ly gián bọn chúng, và đút lót bạc vàng cùng các đồ châu ngọc quý hiếm. Nhưng bọn này cũng nhận một cách dè dặt lắm. Nếu chúng nhất loạt chê không nhận một tí gì, thì cơ sự coi như tan hồng. Đàng này nhận, nhưng có vẻ lấm lét. Như vậy có nghĩa rằng bọn chúng nghi

ky nhau, chứ không phải chúng là những chính nhân quân tử. Vì vậy, Nhân tôn sai cứ tìm biểu riêng, mà không đòi hỏi một điều gì. Vì thế, bọn sứ đoàn đã ít sục sạo săn tìm tin tức trong dân. Và cũng bớt hồng hách, hỗn xược đối với triều đình.

Cho tới khi sứ bộ của Sài Thung trở lại Yên Kinh, tướng quốc Trần Quang Khải còn theo tiễn. Cứ mỗi trạm nghỉ, Chiêu Minh vương lại tìm cách tặng Sài Thung một kỷ vật. Và kỷ vật sau thường quý hơn kỷ vật trước. Thành thử vàng bạc, châu báu vào tay Sài Thung không thiếu một thứ gì. Có thể làm quan suốt đời ở Đại đô, y cũng không đủ tiền mua nổi một trong những vật quý, đã được Trần Quang Khải trao tặng. Nào ngọc minh châu, ngọc trai đỏ, ngọc trai đen là loại cực hiếm trên đời, đắt gấp trăm gấp ngàn lần vàng. Nào gồi quạ, ngọc rết là những vật tưởng như chỉ có trong huyền thoại. Rồi những con giống như voi, rùa, hươu, công, trĩ to bằng cổ tay; cổ chân đúc thuần vàng ròng. Tượng Phật Quán thế âm bằng đồng đen. Đỉnh trầm bằng mã não. Rồi sừng tê, dạ minh châu.. thôi thì không thiếu một thứ gì. Chính những thứ đó đã làm lóa mắt quan chánh sứ, làm nhạt loãng máu đại Hán, và làm lệch đạo trung quân của quan lễ bộ thượng thư. Và vì thế, Sài Thung đã thay đổi dần cách cư xử với quan tướng quốc Trần Quang Khải. Những cung bậc thăng giáng của những lời nói căng thẳng, cạy quyền, hiếp đáp cứ tụt dần so với các quà tặng biểu cứ mỗi ngày một quý hơn và nhiều hơn. Cuối cùng là cách cư xử hòa nhã cười vui.

Vào một đêm trước ngày lưu biệt, Sài Thung đã lâm vào cảnh xúc động thực sự. Và y đã có làm thơ xướng họa với quan tướng quốc. Kể cả việc cam kết, về Yên Kinh sẽ tìm người giúp rập thêm cùng với y, để can gián Hốt-tát-liệt. Khi Quang Khải cứ gạn Sài Thung gắng giúp, y nói "Bằng mọi cách, tôi sẽ giải bày để cho thiên tử thấy cái nhẽ của An Nam. Nếu ngài thương, ấy là phúc lớn của dân Nam các ông. Nhược bằng có kẻ xúc xiêm khiến cho thiên tử nổi giận, buộc sớm tối phải ra quân, thì đó là quyền ở ngài chứ không phải lỗi ở tôi. Mong hiểu cho nhau".

Chính trong cảnh ngộ đó, tướng quốc mới viết bài "Lưu biệt" này để gây cho kẻ kia thêm lòng yêu nể.

Nhà vua cứ xoay đi xoay lại mãi bài thơ và đọc to thành lời.

Tổng quân quy khứ độc bàng hoàng".

Nhân tôn cười phá lên: "Thật không ngờ Chiêu Minh thúc phụ, tướng võ đã giỏi, tướng văn lại càng siêu việt - Tiễn ông về nước tôi thật bồi hồi. Có thật bồi hồi vì phải chia tay ông không? Hay là bồi hồi vì chưa biết ông sẽ nói thế nào với Hốt-tát-liệt về Đại Việt chúng tôi. Ông sẽ góp phần làm dịu bớt đi không khí chiến tranh của tên khát máu Mông Cổ. Hay ông cay cú thúc đẩy cho cuộc chiến mau hơn, với tâm địa độc ác của một tên Hán gian đê mạt.

Lại nữa:

Chủ tân đạo vị phiếm ly trường.

Nhất đàm tiểu khoảnh ta phân duệ

Cộng xướng thù gian tích đối sàng

Chao ôi, lại còn thế nữa? - Chủ khách say mùi đạo cùng nhau chuốc chén biệt ly. Nói cười vừa chốc lát, than ôi đã dứt áo chia tay! Trong lúc ngâm nga xướng họa, nhớ tiếc khi giường nằm đối diện.

Đúng là tâm sự của các bậc túc nho tri kỷ. Cứ như là Bá Nham - Tử Kỳ không bằng. Sáng suốt thay, trong cảnh đồng sàng dị mộng, nếu không vì nghĩa lớn, làm sao thúc phụ ta lại có thể giấu được tâm trạng căm giận kẻ kia, mà viết ra những lời hoa mỹ này.

Và rồi:

Vị thâm hà thời trùng đồ diện

Ân cần ác thủ tự huyền lương.

Ầy đây, thúc phụ lại còn luyện tiết và mong mỏi có dịp trùng phùng - Chưa biết ngày nào lại gặp nhau, tay nắm tay kể chuyện hàn huyên.

Nhà vua rất lấy làm tự hào vì có mấy ông chủ lỗi lạc. Đối với Chiêu Minh vương Trần Quang Khải thì: đánh tan mưu đồ của cả thiên tử, thiên sứ, khiến mệnh vua, sứ vua không làm tròn. Tay không trở về, tổng cho một ít bạc vàng vô dụng, để cho lúc nào cũng lo ngay ngáy. Phần lo việc bại lộ thì mất đầu. Phần lo nếu không được việc, sẽ ăn nói như thế nào với bên Đại Việt.

Đối với Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật lại sớm tỏ ra là một tướng nhân, dũng kiêm toàn. Đúng là ông có tài hàng long phục hổ. Chỉ một việc ông dùng nhân nghĩa, tay không, một mình vào trại giặc, dụ hàng được cả đám dân Man làm phản trở lại hết lòng trung với triều đình, cũng là một chiến công bất hủ.

Lại còn bậc siêu quần như bá phụ Hưng Đạo vương và biết bao nhiêu nhân tài khác nữa, lo gì không đủ sức chống lại quân Nguyên.

Lòng nhẹ lâng lâng, Vua Nhân tôn lên kiệu ra hồ Lục Thủy. Tới bên, nhà vua đã thấy hoàng cô An Tư và đám tì nữ lao xao đón đợi. Một lát sau, kiệu của Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật cũng vừa tới. Tất cả đều xuống lầu thuyền và cùng xuôi về An Bang.

Trong chuyến đi An Bang lần này, Nhân tôn đem theo hoàng cô An Tư công chúa và thúc phụ Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật, là có hàm ý tăng thêm tình thân mật giữa ngành thứ và ngành trưởng. Hầu mong xóa hết nghi ngờ, để ai nấy đều một lòng vì nước mà ra sức giữ yên bờ cõi. Vì rằng sự rạn nứt đã có từ đời tiên đế, cứ âm ỷ mãi. Nhà vua tự biết mình phải làm gì để nối bước thái thượng hoàng và thượng hoàng, cho tình thương tôn tộc không bao giờ trở thành cừ hận. Như bá phụ Trần Tung thì chẳng nói làm gì. Người

dốc một lòng cho sự nghiên cứu Phật điển, lại để tâm vào trước tác và tu đạo. Nay thấy nước nhà lâm nguy, tạm gác việc riêng trở về thái ấp, tự săn sóc việc chiêu binh và tập luyện. Đến như thượng vị Chương Hiến hầu Trần Kiên (con của Tĩnh Quốc đại vương Trần Quốc Khang) thời thật là khó hiểu. Thế nước đang như chuông treo chỉ mảnh lại bỏ về Thiên Trường, lấy cớ là học đạo Lão trang, cầu tìm sự trường sinh bất lão, không biết để làm gì? Nếu nước mất, đạo kia sao còn? Đây hẳn chỉ là sự bất như ý trong vị thế cao thấp, mà hầu cho rằng chức kia với tài này không cân xứng. Nhân tôn tự nghĩ rằng, những mối bất hòa này nếu không được hóa giải mà cứ để âm ỉ, tới một ngày nào đó sẽ bùng lên, mà như thế thì sức mạnh đâu để chống trả với quân thù.

Thuyền xuôi chừng vài bốn dặm, nhà vua sai quạt trà, rồi mời Chiêu Văn vương lên vọng lâu đàm đạo.

Chiêu Văn với Nhân tôn tình là chú cháu, nghĩa là đạo vua tôi. Hai người tuổi lại xấp xỉ nhau. Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật sinh năm ất mão (1255), còn nhà vua sinh năm Mậu ngọ (1258). Trước khi Nhân tôn lên ngôi và Chiêu Văn chưa đi trấn trị đạo Đà Giang, hai chú cháu thường gặp gỡ vui chơi đàm đạo. Nhất là phủ Chiêu Văn, không lúc nào không nườm nượp khách vào ra. Chiêu Văn biết nhiều tiếng nước khác. Ngoài tiếng Trung Hoa, thì sứ các nước Tiêm la, La-hộc, Champa, Chân-lạp tới Thăng Long, triều đình đều phải nhờ ông đến tiếp và thông dịch. Tính tình ông lại vui vẻ, cởi mở, nên tân khách kéo đến mỗi ngày một đông. Ngay cả một số cự thần và binh sĩ nhà vong Tống, cũng đến tá túc tại nhà ông khá nhiều. Ông có lưu giữ họ lại, và phiên chế thành một đội, gọi là Tống binh, do ông chỉ đạo việc tập luyện và hành binh.

Khi Trần Nhật Duật trèo lên vọng lâu thì Trần Nhân tôn thân ra hành lang đón vào. Trần Nhật Duật đã toan thụp lạy, Nhân tôn bèn đỡ dậy và nói luôn: - Bữa nay trên thuyền xin tạm gác lễ vua tôi, mà giữ tình chú cháu cho được tự nhiên thôi, chú Chiêu Văn ạ.

Trần Nhật Duật cười ha hả - Chỉ sợ tới một lúc nào đó bệ hạ lại quở trách thần - Nhờn phép nước, bỏ lễ vua tôi.

- Không. Lễ vua tôi thì không bỏ. Bỏ thì mất hết kỷ cương. Nhưng là ở nơi triều chính thôi. Chú không nhớ hồi còn sinh thời đức Thái thượng hoàng đã cho làm cả một cái sàn dài. Thiết triều xong, cha con, anh em, chú cháu về nhà đánh chén rồi ôm nhau mà ngủ. Các chú còn đánh vật ầm ầm kia mà. Chú có nhớ cái bữa bác Tĩnh Quốc múa điệu người Hồ được tiên quân ban áo cho không?

(Tĩnh Quốc đại vương Trần Quốc Khang, con đầu của Trần Thái tôn, nhưng thực là con của Trần Liễu.)

Trần Nhật Duật lấy tay vỗ lên trán rồi "à" một tiếng:

- Nhớ, thần nhớ ra rồi. Bữa ấy vào đầu mùa đông năm Mậu thìn (1268). Sau lễ Thường tân (Lễ cúng cơm mới vào ngày 10 tháng 10 hàng năm) mới có cuộc vui đó. Ngày ấy bề hạ còn bé lắm, mới có mười tuổi, còn thần thì mười ba tuổi. Thần còn nhớ sau khi anh Quốc Khang được vương phụ ban áo, thì vương huynh ta (Trần Thánh tôn) cũng nhảy ra múa kiêu người Hồ để xin lấy áo ấy.

Tĩnh Quốc bèn nói:

- Quý nhất là ngôi hoàng đế, hạ thần không dám tranh với chú hai, nay đức chí tôn cho hạ thần một vật nhỏ mọn này mà chú hai còn muốn cướp lấy chăng?

Phụ vương ta cười lớn mà rằng: "Thế ra mày coi ngôi hoàng đế với cái áo này không kém gì nhau". Thượng hoàng khen mãi anh Quốc Khang về tính khiêm nhường, rồi ban cho áo ấy.

- Bây giờ, cháu cũng chỉ mong sao trong hoàng gia và hoàng tộc ta, có được tinh thần hòa mục đó - Nhân tôn vừa nói vừa đưa mắt nhìn Trần Nhật Duật với ý thăm dò. Một lát, nhà vua nói tiếp - Việc lớn như phụ vương cháu với bác Tĩnh Quốc, còn chẳng để lại điều gì âm ức, thế mà tự xưng Chương Hiến hầu lại bỏ nhiệm sở đi tu đạo trường sinh, cháu thật không hiểu nổi. Đất nước thái bình chẳng nói làm gì, đằng này giặc ngoài đang đe dọa, họa chiến tranh chỉ còn trong gang tấc, người biết nghề không ai làm như vậy - Nhân tôn lại liếc nhìn khuôn mặt vô tư bừng sáng của Trần Nhật Duật, và gắng hỏi - Theo ý chú, nên như thế nào?

Trần Nhật Duật vẫn lắng nghe nhà vua nói, nhưng mắt ông bị hút vào đám mây bông trắng nổi trên nền trời xanh ngắt. Đám mây biến ảo kỳ lạ. Thoạt tiên nó có hình như trái núi. Rồi tự tan ra như hình chiếc ngai, và lồ lộ hình người quỳ phủ phục như đương buổi thiết triều. Sau đó, lại là hình lũ quỷ, đang vờn đuổi nhau. Và bây giờ, thì loăng chìm trong màu xanh sẫm, không để lại dấu vết gì. Thoáng lát, gây trong ông một ấn tượng buồn. ông có cảm giác, các hình thù kia, tựa như một triều đại đã đi qua, một cuộc đời đã đi qua mà chẳng để lại một dấu vết gì trên trần thế. Cuộc đời con người, so với chuyển xoay của vũ trụ, có khác nào cảnh tượng ta vừa nhìn thấy. Vậy mà con người không tự biết, cứ đi tranh giành những thứ hư ảo để làm chi?

Ngay cả bọn Thát-đát. Ngay cả tên chúa Mông Cổ Hốt-tát-liệt, đang đô hộ miền đất đai Trung Hoa mệnh mông kia cũng thế mà thôi. Y có hơn gì các người khác. Thật tình, nó cũng chỉ là một thứ "Sú bì đại" như phụ vương ta đã nói.

(Sú bì đại: Cái túi da đựng các đồ thôi tha. Ý Trần Thái tôn nói về con người.)

Chợt tên trà nô dâng lên một khay với hai chiếc chén ngọc và một bình ủ nước. Nhân tôn ra hiệu cho lui. Nhà vua tự tay rót mời. Nước được một tuần.

Nhân tôn lại nhắc - Theo ý chú, tại sao Chương Hiền hầu Trần Kiện bỏ đi tu đạo? Triều đình nên xử việc này ra sao?

Như là một sự khó nói. Để có thời gian cân nhắc, Trần Nhật Duật tự tay rót cho mình một chén trà nữa. Ông đi thẳng vào điều mà Nhân tôn đã hai lần gặng hỏi. Đặt chiếc chén xuống, nhìn thẳng vào gương mặt phúc hậu nhưng không kém phần kiên nghị của nhà vua, ông nói:

- Chuyện về dòng trưởng dòng thứ, giữa bên nhà ta với bên phủ Hưng Đạo, bệ hạ biết hết cả rồi chứ?

- Dạ. Chuyện ấy thì cháu biết?

- Thế còn chuyện tại sao phụ thân bệ hạ được lập làm đông cung rồi được truyền ngôi, còn Tĩnh Quốc đại vương phải vào trấn trị Thanh Hóa, bệ hạ biết chưa?

- Dạ cháu biết rồi ạ.

- Biết như thế nào?

- Là bởi tiên đế xét thấy phụ thân cháu có đức hơn ạ.

- Không phải như vậy. Bệ hạ nhầm đấy.

- Bẩm chú, thế thì vì có gì tiên đế lại bỏ trưởng, lập thứ?

- Chuyện cũng chẳng tốt đẹp gì. Đây là việc của các bậc tiên bối. Mà chính là do sự sắp đặt của Linh từ quốc mẫu với Thượng phụ thái sư Trung Vũ đại vương Thượng trụ quốc, đệ nhất Khai quốc phụ chính đại thần Trần Thủ Độ. Trời ơi, đây là con người có một không hai trong lịch sử. Một con người mà chắc chắn hậu thế sẽ mất khá nhiều thời gian xét định- Thiện ư? Sao ông ấy vương vào nhiều việc tàn bạo thế - Ác ư? Sao ông ấy bỏ cả cuộc đời vào việc hưng nước an dân, cứu cả một dân tộc thoát khỏi vòng nguy họa. Riêng thần xét đoán thời: không có đức Trung vũ đại vương, sẽ không có nhà Trần. Được, rồi thần sẽ nói vì sao bỏ trưởng lập thứ, ấy là vì tiên đế, sau khi gả nghĩa với công chúa Chiêu Thánh, hơn mười năm sau vẫn không có con. Nói đúng ra thì có một lần nhưng không nuôi được. Mãi năm năm sau không sinh được nữa. Linh từ quốc mẫu với Đức ông sợ bị phạt tước (không có con trai) bèn ép tiên đế phải lấy vợ của anh, tức Hiền Từ hoàng thái hậu sau này (lúc ấy là phu nhân Yên Sinh vương (tức Trần Liễu, anh ruột Trần Cảnh (Trần Thái tôn), cha đẻ của Trần Quốc Tuấn). Chẳng là khi Hiền Từ về với tiên đế, đã mang sẵn một bào thai ba tháng. Sinh ra, người ấy chính là Tĩnh Quốc đại vương Trần Quốc Khang. Lý thì vẫn là con ruột của tiên đế, nhưng tình lại không phải thế. Vì vậy mới có chuyện bỏ trưởng lập thứ. Buộc phải làm thế, nhưng tiên đế cư xử độ lượng lắm, nên Tĩnh Quốc cũng không oán thán gì. Tới nay, Trần Kiện vì không biết nhẽ tới lui lại kíp đến việc mới đây hoàng thứ tử Đức Việp(Con thứ của Trần Thánh tôn, em ruột của Trần Nhân tôn.) được phong tằng Tá thiên đại vương, nên ngầm có ý ghen tỵ, bỏ đi tu đạo. Việc này để rồi thần sẽ nói với Tĩnh Quốc bắt Chương Hiền hầu

phải tái nhiệm sở.

Nghe xong vua Nhân tôn thở dài. Hẳn là trong lòng nhà vua không được vui. Mãi lâu sau, Nhân tôn mới lên tiếng. Giọng nhà vua rời rạc :

- Phải gỡ bỏ hiềm khích trong hoàng tộc. Nếu không thì mối nguy sẽ từ đây mà ra. Việc này tự thân cháu phải làm. Phải gỡ bỏ các thứ tư riêng hiềm oán, thể nhập vào với đại cuộc của quốc gia dân tộc, may ra mới giữ được nước. Bây giờ chia rẽ là chết, chú Chiêu Văn ạ. Kẻ thù không mong gì hơn thế.
- Thân cũng nghĩ như bệ hạ.

Hai chú cháu trò chuyện thì An Tư công chúa kéo theo một lũ tỳ nữ, vừa chạy vừa nói và thở hồng hộc. Vừa ló vào vọng lâu, An Tư vừa nói:

- Giờ ơi, mấy chú cháu bỏ lên hết đây đàm đạo. Sướng thật. Nói chưa dứt lời. An Tư leo tót lên vọng lâu. Đám tỳ nữ đứng ngơ ngẩn nhìn lên.

Trần Nhật Duật nhìn cô em gái nghịch ngợm vào loại nhất trong hoàng cung, hỏi:

- Công chúa An Tư !

- Dạ, vương huynh dạy em điều gì ạ?

- Em có biết ai đây không? - Chiêu Văn vương vừa hỏi vừa chỉ vào Trần Nhân tôn.

An Tư hết nhìn Chiêu Văn lại nhìn Nhân tôn như một sự lạ Rồi nàng phá lên cười.

Chờ cho em gái dịu cơn cười, Trần Nhật Duật nhắc lại:

- Ta hỏi, em chưa trả lời đấy, An Tư !

- Trời ơi! (An Tư nhú mày). Đây là Trần Khảm, con ruột hoàng huynh Thánh tôn, ai còn lạ gì mà anh khéo vờ.

- Suyt! Trần Nhật Duật đưa tay bịt miệng An Tư – Đồ quỷ sứ, em ăn nói gì vậy. Đây là đức vua của cả nước. Em chỉ quen thói càn dỡ.

- Lại còn thế nữa! - An Tư ngoẹo đầu giễu cợt - Vua của cả nước chứ vua gì của em.

- Nhưng em phải biết giữ lễ chứ. Đây là ở trong nhà không ai biết. Chứ nếu ra đường hoặc đang buổi thiết triều mà em ăn nói như thế này, các quan đàn hặc, là em mất đầu như chơi.

Là một cô gái thông tuệ, nghịch ngợm và mẫn cảm, trước mọi việc xảy ra, An Tư công chúa thường ứng đáp được tức thời. Nàng vội rút cổ lại, đưa tay lên sờ khắp một vòng từ yết hầu tới gáy. Rồi nàng lắc đầu nói:

- Trước hết là em không có can dự vào việc triều chính. Nên chẳng bao giờ em ló mặt vào chỗ vua tôi các anh thiết triều làm gì. Lại nữa ra ngoài đường, ai đại gì đi với vua. Mỗi lần vua của anh ra đường là em chúa ghét. Kiệu trước, kiệu sau, lính cấm vệ, lính hộ bôn xáo sấn đầu sấn đuôi, quát hét như mấy thằng rồ nhảy múa trên sân khấu của đám giáo phường. Khiến người đi đường phải chạy dạt ra hai bên. Ai không kịp chạy thì phải cúi đầu

phủ phục xuống mép đường. Trông thật thảm hại, y hết mấy con ngựa bị hổ đuổi không kịp chạy, phải rúc đầu vào bụi rậm, còn hai chân sau thì đá tít lên, trong khi mắt nhắm nghiền. Đã sinh ra đường đi lối lại, là để cho mọi người cùng đi, có sao chỉ có mỗi một nhà vua đi?

- Đây là nghi thức của triều đình, em chẳng hiểu gì cả - Nhật Duật giảng giải cho em gái về lễ nghi triều đình rất kỹ- Vả lại đó là để tỏ rõ phận thần dân kính cẩn đức vua của mình - ông nói thêm.

- Vậy chớ nếu vua của anh rong ruổi suốt ngày ở ngoài đường, thì dân chúng lợi sông lợi suối hết à? Dở. Dở lắm. Bỏ cái kiêu đi đứng quá quắt ấy ngay đi, kéo dân người ta ghét. Em đây còn ghét nữa là dân.

- Em chỉ được cái bú rống bình là không ai bằng. Phép nước chớ đâu phải chuyện đùa.

- Em nói thật nhé, anh Chiêu Văn- công chúa An Tư nhìn anh với vẻ chế giễu, lại nhìn Nhân tôn với vẻ thăm dò - Em nghĩ đây là chuyện đùa chứ không phải là phép nước. Nếu đúng là phép nước, thì đây là điềm gỗ, nó tựa tựa như nạn động đất, sao chổi hoặc một điều gì na ná như vậy. Mấy luật lệ phép tắc gì, cũng đều do các anh bịa đặt ra cả thôi - Với vẻ nghiêm trang đột ngột, công chúa kính cẩn nhưng cao ngạo, quay ra nói với nhà vua - Bẩm đức chí tôn, thần thiếp nói thế có điều gì tỏ ra bất kính với bề hạ không?

Trần Nhân tôn mỉm cười đáp:

- Hoàng cô An Tư, những điều cô vừa nói là rất hợp đạo làm người. Luật lệ như thế, không phải là hà khắc, nhưng quá quắt, gây phiền toái cho dân. Hồi còn tiên đế đã nói : "Luật lệ là phải làm cho dân được tiện, được lợi. Cái gì không lợi cho dân, cũng sẽ là không tiện cho dân". Hoàng cô cứ yên tâm, những gì không cần thiết cho dân phải được bãi bỏ. Hoàng cô nói đúng, luật lệ gì thì cũng đều ở trong tay những người có quyền, có thế cả. Vì vậy ngay bây giờ, luật này bãi bỏ. Nay mai sẽ bố cáo cho toàn dân đều biết.

Lại đến lượt An Tư và Nhật Duật sững sốt.

- Có thể thật chẳng, hoàng thượng? - An Tư hỏi

- Như vậy có vội vàng quá không, thưa đức vua. Thường muốn thêm hoặc bớt một điều gì phải được các đại thần xem xét, nhất là bên thẩm hình viện, và kiểm pháp quan.- Trần Nhật Duật nói và có hàm ý mong rằng, nếu đây là tình cảm xúc động tạm thời của nhà vua thì vẫn có thể xem xét lại.

- Chú Chiêu Văn ạ- Trần Nhân tôn nói- ý của hoàng cô An Tư đúng đấy. Hoàng cô mang tiếng là nghịch ngợm, nhưng cô ấy sống gần dân hơn chú cháu mình. Đây không phải là không suy xét. Bỏ đi một điều cấm kỵ vô lý, ta được lòng dân, được gần dân thêm nữa. Nhất là trong cảnh ngộ đất nước đang bị giặc ngoài đe dọa, cháu nghĩ làm bất cứ việc gì để cố kết được toàn dân lại, vẫn cứ nên làm. Suy cho cùng thì ta có mất cái gì đâu chú. Đường sá cầu cống, mọi thứ đều do dân làm ra cả; chứ có phải chú cháu mình làm đâu.

Ta bỏ sự cấm đoán đi, dân hoan hỉ như là ta đã ban ân cho họ nhiều lắm. Tuy vậy, cấm hay không, đường đi lối lại ấy, người của triều đình đi lúc nào thì đi, chứ dân họ có cấm ta đâu. Tức là chú Chiêu Văn ạ, - Trần Nhân tôn vừa nói vừa cười - Triều đình chỉ ban cho dân cái mà triều đình không mất. An Tư công chúa bỗng phá ra cười:

- Thế thì cho tất cả, anh Chiêu Văn ạ, cứ để nhà vua cho tất cả những cái gì ta không mất, để dân chúng được cậy nhờ.

- Không được - Trần Nhật Duật nghiêm mặt, ngay cả những cái cho mà không mất, cũng không được. Nếu cho tất cả những gì mà ta không mất thì triều đình mất hết uy linh, còn trị vì ai được nữa? Ngay cả việc cho mà không mất ấy cũng phải suy xét cho kỹ, và phải sển kiệm.

Câu chuyện đang có đà thì bị ngắt quãng bởi viên quan nội hầu vào tâu đến giờ nhà vua dùng ngự thiện. Nhân tôn lệnh cho dùng bữa chung với hoàng cô An Tư và thúc phụ Chiêu Văn. Câu chuyện đột ngột chấm dứt, như nó tự nhiên hình thành. Càng gần tới hạ lưu nước chảy xiết, lại được chiều gió thuận, thuyền đi nhanh vun vút.

Trong khi ăn, An Tư công chúa tỏ vẻ hỏi:

- Anh Chiêu Văn ạ, trên đường nhà vua ra Tịnh Bang, thuyền có qua Tịnh Bang ấp của anh Tuệ Trung không?

- Thuyền có qua Tịnh Bang, nhưng nhà vua không ghé Tịnh Bang ấp, đúng thế không bệ hạ? - Chiêu Văn hỏi.

- Dạ đúng - Vua Nhân tôn đáp.

- Ôi thế thì chán lắm - An Tư nũng nịu - Xin bệ hạ cùng hoàng huynh ghé thăm Tịnh Bang ấp một chuyến.

- Nhưng chú Tuệ Trung lại không ở Tịnh Bang, thừa hoàng cô.

An Tư là một cô gái bướng bỉnh, lại được thượng hoàng cưng chiều. Tuy còn ít tuổi, công chúa đang ở tuổi mười lăm, nhưng tính nết hơi lạ, đã thích cái gì thì làm cho bằng được. Con gái mà chỉ thích cưỡi ngựa, bắn cung. Thích đi đó đi đây, thăm hết danh lam thắng cảnh này đến đền đài, đình miếu khác. Thấy hai người không muốn ghé ấp Tịnh Bang, công chúa tỏ vẻ khó chịu. An Tư nói như nói với chính mình:

- Quí nhau thì ngay cả khi người ta không có nhà cũng cứ đến. Biết đâu chuyến đi này lại chẳng là chuyến đi cuối cùng.

Biết không cho công chúa vào thăm Tịnh Bang ấp cũng không được. Nàng sẽ day nghiền chọc giận suốt cuộc hành trình. Nhân tôn bèn đưa mắt ra hiệu cho Chiêu Văn. Hai chú cháu ngầm hiểu ý nhau. Sau bữa ăn, Chiêu Văn báo cho viên chu sự ghé Tịnh Bang ấp.

Mãi tới khi thuyền áp mạn vào bờ, An Tư công chúa vẫn chưa hay biết đây là đâu. Vì thủy đạo tại miền đất này, lần đầu tiên nàng đặt chân tới, nên mọi chuyện nàng đều ngỡ ngàng mới mẻ cả.

Lên bờ dẫn bộ được một lát thì gặp tiểu dinh thự hiện ra. Và khi đi sát tới cổng thấy ba chữ đề "TỊNH BANG ẤP"; An Tư công chúa sững sờ. Nàng không ngờ, hoàng huynh và vương diệt đã dành cho nàng một ân huệ. Nàng bèn quay lại cúi đầu vái nhà vua và anh trai.

Quản gia của ấp Tịnh Bang là một người đàn ông trạc ngoài ba mươi tuổi, khỏe mạnh, cân quắc như một lực sĩ. Tầm thân to lớn của ông được giấu trong bộ áo nâu sồng kiểu nhà chùa. Nom dáng dấp ông ta di chuyển nhẹ nhàng như một con chim, khiến ta liên tưởng tới những tay hòa thượng võ nghệ cao cường trong các thiếu thất của Thiếu Lâm tự. Khu ấp trại mệnh mông được chia cho dân cày làm lụng, chỉ phải nộp cho chủ một phần chín sản lượng thu được, kiểu như chế độ tì điền xưa(Chế độ nộp tô cổ đại theo kiểu chữ Tịnh, tức là ruộng đất chia làm 9 phần. Tám phần xung quanh của nhà dân. phần ở giữa của nhà quan. Nhưng từ cấy đến gặt 8 nhà dân phải chịu trách nhiệm).

Nhà vua không dùng nghi lễ xa kiêu hoàng đế, mà cải dạng như người thường. Còn Trần Nhật Duật và An Tư ăn vận kiểu cách tuy có sang trọng, nhưng bất quá cũng không hơn mấy so với các nhà quyền quý. Vả lại Trần Nhật Duật cũng chỉ nói là người nhà của Trần Tung từ Thăng Long ghé thăm.

Viên quản gia sau khi mời khách an tọa ở nhà thư trai, bèn tự xưng danh phận:

- Tôi là cư sĩ Viên Sơn, hiện được thầy tôi (ý nói Tuệ Trung thượng sĩ Trần Tung) phó cho việc trông nom Tịnh xá. Và san định kinh sách Phật điển do thầy tôi xướng xuất.

Trần Nhân tôn qua vài lời hỏi han việc trước tác của thầy trò Viên Sơn, liền ngỏ ý muốn được xem Tịnh thất.

Viên Sơn bèn mời khách lên thăm. Đó là một ngôi nhà không lớn lắm, làm theo kiểu chuôi vồ. Hai gian đầu nhà bày khít các kệ sách. Gian giữa nhà xây lên một sàn gạch cao hơn bề mặt độ hai gang tay. Ở đó có bày một vài cái kỷ, mỗi kỷ lại có đủ cả đồ văn phòng tứ bảo. Gian chuôi vồ, cũng gọi là hậu cung, trên bức tường chắn phía hồi sau, vẽ một bức tranh choán hết khung tường. Đó là hình ảnh Đức Phật Thích Ca đang giảng kinh Kim Cương cho 1.250 vị Đại Tỳ Kheo ở trong Tịnh xá Kỳ Hoàn, nơi vườn của Thái tử Kỳ Đà nước Xá Vệ. Ở một góc tranh có ghi bài tụng, mọi người đều nhắm đọc:

Nễ hỷ ngã bất hỷ

Quân bi ngã bất bi

Nhận tư phi hàn bắc

Yến ức cự sào qui

Hai câu cuối mờ quá không đọc được, trong khi Viên Sơn cư sĩ lại vừa chạy

ra ngoài lo trà nước. Lập tức nữ tì Yến Ly bèn đọc tiếp:

Thu nguyệt xuân hoa vô hạn ý

Cá trung chỉ hứa tự gia tri

Dịch nghĩa:

Người vui ta chẳng vui

Người buồn ta chẳng buồn

Nhạn bay về biển Bắc

Yến nhớ ở trời nam

Xuân hoa thu nguyệt vô cùng ý

Lãnh hội thế nào tự mình thôi.

Đại ý bài này diễn tả Bát Nhã vô trụ, Bát Nhã chân như. Có nghĩa rằng việc hiểu đạo là tự bản tâm mỗi người.

Mọi người đều kinh ngạc hỏi tại sao nàng biết. Yến Ly vòng tay cung kính đáp:

- Muôn tâu bệ hạ, đây nguyên là bài tụng của ngài Xuân Thiền sư, làm sau khi đã lãnh hội được diệu nghĩa của Kinh Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật, mà thần thiếp có được đọc qua từ nhỏ.

Vừa lúc ấy thì Viên Sơn cư sĩ cũng đã bước chân vào Tịnh xá, và nghe được trọn vẹn câu chuyện trên. Ông rập đầu kêu lên: "Cúi xin thánh thượng đại xá cho lũ quê hèn chúng tôi, có mắt cũng như đui".

Nhân tôn vội đỡ dậy và an ủi:

- Đó là lỗi tại trẫm, chớ đâu tại cư sĩ. Trẫm đi lạng lẽ là bởi không muốn cho tai mắt kẻ thù dòm nom thấy. Nhưng xin cư sĩ cho hỏi, tại sao trong Tịnh thất lại không có bày tượng, mà chỉ có mỗi hình Đức Phật đang giảng kinh tại vườn nhà thái tử Kỳ Đà nước Xá Vệ.

- Dạ, muôn tâu bệ hạ, - vị cư sĩ vừa nói vừa nhìn đức vua - Thầy tôi và tôi chủ trương theo về yếu ước của Phật giáo nguyên thủy, chứ không chấp nhận các nghi thức thần bí, mà giáo hội sau này tự đặt ra để huyền hoặc lòng người. Bức tranh đó là thực chứng tinh thần của Phật trên đường hành Đạo. Và lại việc tu đạo là cốt ở tu tâm. Tu tâm lại chính là tu về cái thiện. Mà thiện thì phải tự mình tu chớ cầu tìm gì ở ngoại lực, ở tha nhân. Chính Phật dạy: Hãy làm điều thiện và trở nên thiện. Và điều ấy sẽ đưa người đến tự do giải thoát và đến bất cứ chân lý nào có thật".

- Nếu như vậy thì hiểu như thế nào về việc các sa môn đến tu chùa? - Nhà vua hỏi

Cư sĩ đáp:

- Tâu bệ hạ, thầy tôi thường dạy: "Không ai có thể đem nhốt Phật vào chùa được. Phật là cái gì vô thi vô chung, là chân lý vĩnh hằng cho thế gian chiêm nghiệm. Còn chùa chỉ là nơi tu tắt của đám thầy tu muốn mau thành Phật". Tiếc thay, những kẻ tham lam, ích kỷ, khoa trương thường lại được

đám dân chúng khờ khạo tin theo. Bình sinh Phật rất ghét cái ác và sự dối trá. Cho nên trong ba đức tính cần yếu mà Phật dạy có "Đại hùng". Tức là khi cần thì không những chỉ có đệ tử Phật, mà ngay cả Phật cũng tham gia vào việc diệt trừ cái ác. Chuyện thầy tôi giao lại Tịnh thất cho tôi để cầm quân, nhằm chống lại nguy cơ đe dọa xâm lăng của người Nguyên, cứu lấy giang san, nòi giống, cũng chính là biểu lộ tâm Phật chứ không khư khư cố chấp theo con đường ngũ giới. Ngay cả tôi, thầy tôi cũng cho phép nhập thế diệt ác, rồi sau đó nước thanh bình lại trở về với Đạo.

(Ba đức tính đó là: Đại hùng - Đại lực - Từ bi (Sức mạnh - Lòng can đảm - Tình thương người bao dung rộng rãi).

Ngũ giới : Năm điều răn, cũng là năm điều cấm kỵ đối với đệ tử Phật: Cấm sát sinh. Cấm trộm cắp. Cấm tà dâm. Cấm dối trá. Cấm các chất cay (rượu). Nhân tôn lại hỏi:

- Vậy chớ hai câu cuối của bài tụng mực phai, lại mất nhiều nét rất khó đọc. Liệu như nữ tì vừa đọc có đúng không?

- Dạ, bẩm hoàng thượng, thần có nghe nàng đọc, vẫn còn chưa hết bâng hoàng. Rằng không hiểu vì sao còn ít tuổi, nàng đã thông tuệ Phật điển đến như vậy?

Chiêu Văn vương đưa mắt nhìn An Tư công chúa như dò hỏi: "Chắc em biết rõ chứ. Vì nàng là tì nữ của em kia mà".

Công chúa gật đầu, đoan nàng dễ dàng thưa:

- Yên Ly của em vốn là người Tống. Con nhà đại gia vọng tộc ở Yên Kinh. Loạn lạc chạy sang ta. Lạc cha mẹ trên đường chạy loạn. Nàng trôi dạt tới phủ Chiêu Quốc cách đây dăm năm. Gần đây, nhân buổi viếng thăm anh Ích Tắc đang dạy học tại nhà. Lại nghe đồn đám học trò anh ấy thuần loại thần đồng. Em bèn đến xem họ học. Trời, có cái nhà anh Mạc Đĩnh Chi, người đâu mà xấu thậm tệ. Nhưng thông tuệ khác đời. Bữa em đến, Yên Ly tới phiên dâng trà, và sau đó được phép ngồi hầu giảng. Nàng am hiểu kinh sách lắm, đôi lúc anh Chiêu Quốc có quay lại hỏi nàng vài điều, đều ứng đáp trôi chảy. Dem lòng cảm mến, em ngỏ lời xin về bên này. Anh Ích Tắc bảo: "Nếu phụ hoàng ưng để em nhận thì anh cho". Thế là tự nhiên em có bạn. Bây giờ thì Yên Ly nói tiếng Đại Việt mình cũng như anh em ta thôi. Còn em đang học cách nói của người Tống, chứ cách mình đọc đây, họ không nghe được. Thành thử cùng dùng chung một thứ chữ, lại hóa ra đồng tự bất đồng ngôn.

Trần Nhật Duật và cả Trần Nhân tôn đều hết sức chú ý lắng nghe câu chuyện này. Vì thực ra trước đây ít ai chú ý tới. Bởi người nhà Tống bị nạn ở bên này nhan nhản, từ binh sĩ đến đại thần có thiếu gì. Và lại, các nhà quyền quý, nhà nào chẳng nuôi hoặc cưu mang mấy người Tống. Ngay như Trần Nhật Duật, có hẳn một đội binh người Tống thì sao. Tuy nhiên, đây lại là

một cảnh ngộ khác. Với Yến Ly vừa đáng thương, vừa đáng trọng. Hơn nữa trong lúc hai bên đang ra sức dò xét nội tình của nhau, biết đâu nhan sắc kia và với học thức cùng sự thông minh lanh lợi, nàng chẳng giúp cho ta được nhiều việc.

Chuyện đang vui vẻ, Nhân tôn giục mọi người tiếp tục hành trình.

Viên Sơn cư sĩ hai ba lần lưu lại, nhưng nhà vua cố chối từ.

Biết không giữ xa giá lại được, cư sĩ bèn nói:

- Muôn tâu hoàng thượng, chủ tôi hiện đang mở cuộc thi võ tại lỵ sở, xin hoàng thượng ghé thăm cuộc tuyển lựa nhân tài cho nước. Dạ, cuộc thi hàng xã, hàng tổng đã cách đây một tuần trăng.

Nghe nói về cuộc thi võ, Nhân tôn hết đời vui mừng. Nhà vua thầm nghĩ:

"Khá khen cho bác Tuệ Trung một nhà tu hành, một nhà trước tác đã nghĩ ra được cách tuyển người tài để dùng cho nước. Trong khi triều đình cứ mãi lo việc khác. Nhưng cái việc cần kíp thiết yếu này, lại không chỉ ra được cho các vương hầu".

Nghĩ vậy, nhà vua xăm xăm trở lại lâu thuyền, và giục thủy đoàn tức tốc đêm nay phải tới được Tịnh Bang lỵ sở.

CHƯƠNG 10

Sau khi gặp gỡ Trần Quốc Tung ở ly sở Tịnh Bang, Trần Nhân tôn và Trần Nhật Duật cùng một số tùy tùng lên ngựa về thái ấp An Sinh. Trước khi rời Tịnh Bang, Trần Tung có đem tặng nhà vua một viên tì tướng vừa mới lựa tuyển được trong hội thi võ của toàn vùng.

Đó là chàng trai hai mươi một tuổi, người vùng thượng du Đà Giang. Chàng đem trăm ra bán tận hải cảng Vân Đồn, nhân lúc về qua Tịnh Bang, thấy có hội thi võ. Thế là chàng ghé vào thi đủ các môn, từ vật, đến côn, quyền, đao, kiếm, môn nào chàng cũng được giám khảo liệt ưu hạng. Riêng môn phi ngựa bắn cung, chàng là một tay vô địch. Cách xa một trăm bộ, chàng có thể cho ngựa phi nước đại rồi ngoái ngược người lại bắn trúng hồng tâm. Ai được nhìn thấy những mũi tên của chàng cắm vào đích, cũng đều phải thốt lên hai tiếng: "thần tiễn!". Trần Tung đã đem chàng về dưới trướng để sai bảo. Nhưng chợt có đức vua ghé thăm, tướng quân bèn đem tặng. Vì ông thấy cần phải có những tay võ nghệ cao cường mà trung thành hộ giá.

Nhất là trong thời chiến, việc đó không thể khinh xuất.

Thế là võ tướng có cái tên Đặng Dương ấy được hầu cận vua Nhân tôn. Và ngay lập tức chàng được xăm trên trán ba chữ "Tọa thượng nô" màu chàm. (Thời Trần, nô bộc của nhà vua ghi trên trán ba chữ "Tọa thượng nô". Nô bộc của các vương tôn quý tộc ghi trên trán ba chữ "Quan trung khách").

Vua Nhân tôn cùng với thượng tướng rong ruổi khi lội suối lúc trèo non, khi lại bám sát bờ con sông Rừng mệnh mông nước. Sông lớn, hai bờ sậy, lau, cây cối và rừng già rậm rạp. Xét thấy đường bộ, đường thủy đều rất không thuận tiện cho việc dùng binh của quân Thát-đát, nhưng lại lợi cho việc đánh quân phục của ta. Nhà vua bèn nói với thượng tướng:

- Chú Chiêu Văn ạ, trời cho ta mảnh đất thủ hiểm này để chống lại với bọn cường địch phương Bắc, phải tận dụng cho bằng được, để nhân sức quân lên mà cự giặc.

- Bệ hạ nói đúng. Chắc chắn Hưng Đạo vương sẽ bấy giặc quanh vùng này. Khi nhà vua và tùy tùng đến ấp An Sinh, đã sang quá nửa chiều ngày hôm sau. Đường tuy xa xôi hiểm trở, nhưng hai chú cháu còn đang độ tuổi thanh niên nên không cảm thấy mệt mỏi. Vừa tới đầu ấp, được tin thượng hoàng cũng từ Thăng Long xuôi thuyền về từ ba bốn hôm trước. Vậy là việc lưu thủ kinh sư do tướng quốc thái úy Trần Quang Khải đảm nhận.

(Lưu thủ kinh sư: Chúc giám quốc khi nhà vua ra khỏi kinh thành. Chúc

này chỉ giao cho thái tử. Trần Quang Khải vừa là con vua, vừa là tể tướng nên kiêm.)

Trần Hưng Đạo làm lễ cung nghinh hai vua thật là long trọng, và giữ đúng đạo quân thần, song bề ngoài vẫn cứ lặng lẽ khiến cả đám nông phu trong ấp cũng không hề biết khách từ Thăng Long tới. Trong việc binh nhung, Hưng Đạo luôn nhắc mọi người phải giữ đúng qui củ: lai vô ảnh khứ vô hình. Tức là đi lại đều không lưu dấu vết, cốt để che tai bịt mắt quân thù.

Hai vua lần này đi thị sát mạn đông và đông bắc, nhân ghé thăm ấp An Sinh, và hội kiến với Trần Hưng Đạo về các việc quân quốc trọng sự.

Cuộc hội kiến được giữ kín như bưng. Chỉ có hai vua, Trần Quốc Tuấn và Trần Nhật Duật tham dự. Sau khi khớp cả hai nguồn tin của triều đình, và tin riêng của Quốc Tuấn thu được từ Yên Kinh và các tỉnh Kinh Hồ, Phúc Kiến và Lưỡng Quảng đều nhất quán ở chỗ là Hốt-tát-liệt đang ráo riết động binh sang đánh An Nam. Triều đình nhà Nguyên ra sức ép Đại việt cho mượn đường sang đánh Chiêm Thành không được. Thật ra đây cũng chỉ là mưu "đồ Ngu diệt Quắc". Việc ép không xong, nhà Nguyên có thể khởi binh đánh Chiêm trước. Rồi lấy đất Chiêm làm căn cứ hậu thuẫn. Quân Nguyên sẽ đánh ta từ hai mặt bắc-nam. Kẹp ta vào giữa hai gọng kìm ấy, là các danh tướng đã chinh phục khắp cõi Trung Nguyên và hàng chục quốc gia khác. Thượng hoàng Thánh tôn vẻ mặt hơi buồn, hỏi Quốc Tuấn:

- Huynh trưởng thử liệu sức quân ta có cự được với quân Nguyên không?

- Tâu thượng hoàng cùng quan gia, nếu cứ ngồi đây mà hình dung ra một đoàn năm mươi vạn quân, với hàng chục vạn lừa ngựa, xe cộ và chiến thuyền, thì chúng thừa sức xéo nát từng bụi cây khóm cỏ, đạp đổ thành trì, chuyển rung sông núi, và chúng thừa sức tàn sát hàng triệu sinh linh. Một khi có đoàn quân như thế đi qua, thì chúng sẽ biến các vùng đất chúng đặt chân tới thành đất chết. Ấy là thần nói cái sức mạnh mà chúng có. Thế nhưng chúng có làm được theo ý chúng không, còn tùy thuộc vào sức mạnh và ý chí của ta. Liếc nhìn thấy sắc mặt hai vua có vẻ không vui, Quốc Tuấn liền hỏi:

- Tâu thượng hoàng cùng quan gia, với cái thể nhân chủ, thần muốn biết thánh ý của thượng hoàng và bệ hạ.

Trần Thánh tôn nói:

- Giặc đến tất phải đánh. Chỉ thương đám con đồ vô tội.

Biết lòng vua đã núng trước thế giặc, Hưng Đạo gắng hỏi Nhân tôn:

- Vậy còn ý quan gia thế nào? - Rồi quay sang phía Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật, ông hỏi - Cao ý của vương đệ trong việc này thế nào?

Trần Nhân tôn sau cái chau mày, dường như nén giấu nỗi căm uất, ông nói:

- Thượng hoàng thương dân như thương con. Nhưng dân cũng thương vua như con thương cha. Cho nên hai bên phải tựa vào nhau mà chống giặc. Thế

của ta không thể lùi được. Kẻ kia đã căm thù ta từ cuộc xâm lăng năm Đinh ty. Nay nếu lấy được nước ta, chúng phải trả cái hận thua trận hai mươi lăm năm về trước. Vậy thời tôn miếu, xã tắc cùng non sông gấm vóc của tổ tiên truyền lại, lẽ nào để cho chúng dày xéo.

Nhân tôn vừa dứt lời, Trần Nhật Duật tiếp ngay:

- Bữa trước qua Tịnh Bang, lệnh huynh Trần Tung đã có mở hội thi võ từ xóm ấp tới xã, tổng, lý, trấn để chọn tuyển nhân tài. Lại được biết, huynh đã xén bớt phân nửa ấp trại của mình chia cho đám nông nô, và cho họ được làm ăn tự do. Đi đến đâu trong vùng Tịnh Bang, cũng thấy dân tình hồ hởi lắm. Phần ra sức cấy trồng, phần vui vẻ cho chồng con đi làm việc quân. Nay đến ấp An Sinh, cũng thấy các việc giống như Tịnh Bang. Rõ ràng là trong việc này, bên phủ Hưng Đạo đã có "Bình Nguyên sách". Vậy xin huynh trưởng hãy đệ trình sách lược lên cho thượng hoàng ngự lãm.

Trần Hưng Đạo chưa kịp đáp lời, chợt có sứ từ Thăng Long tới - Tướng quốc thái úy Trần Quang Khải cấp báo với thượng hoàng, có sứ đoàn Champa sang xin viện binh. Và thái tử Harijit cũng cho biết, ông vừa bắt được một đoàn thuyền có sứ bộ nước Nguyên, nói là đi Tiêm-la, gồm có vạn hộ Hàn Tử Chí, thiên hộ Hoàng Phủ Kiệt và một đoàn sứ bộ nữa đi Mã-bát-nhi (Mãbar), gồm có tuyên úy Vuơu Vĩnh Hiền và A'lan (Alan). Họ nói rằng họ tới các nước kia, nhưng bị dạt vào đất Champa. Bất chấp mọi lý lẽ biện minh, triều đình Champa cứ sai bắt giam lại tất cả. Việc này ắt không tránh khỏi can qua.

Nghe thông bạch xong, Trần Hưng Đạo trầm ngâm một lát, bỗng ông tươi tỉnh hẳn lên, nói:

- Vậy ta có chí ít là một năm để dự phòng binh lực. Yên Kinh không thể cất quân đánh Đại Việt trước năm Quý mùi (1283). Thật là trời giúp ta. Xin thượng hoàng và hoàng thượng quyết ngay việc cử binh giúp Chiêm Thành. Ta giúp họ, cũng chính là tự giúp mình. Nếu Chiêm Thành thắng, Hốt-tát-liệt chưa chắc đã dám đánh ta. Nếu Chiêm Thành giữ được ở thế không thắng, không thua thì tình hình còn có thể cứu vãn từ một đến hai năm. Nếu ta có được quãng thời gian hai năm, chắc chắn đủ sức cự giặc.

Trần Nhật Duật cũng nói việc đó rất nên làm. Nếu không, kẻ kia chiếm được Chiêm Thành, ta sẽ bị kẹp giữa hai gọng kìm của chúng. Tình thế sẽ trở nên rất hiểm nguy. Trong khi còn đang bàn bạc, lại tiếp thêm một đạo biểu nữa của Trần Quang Khải gửi tới:

"Tình thế cấp bách. Đợi ý chỉ của hoàng thượng, e chậm trễ. Việc không thể không làm. Thần đã nhận với Chiêm Thành chỉ viện một vạn quân thủy bộ. Thần xuất quân bản bộ và cử đích trưởng tử Trần Đạo Tái làm tướng".

Nghe xong biểu, Trần Hưng Đạo lặng người đi. Trong thâm tâm, ông hết sức khâm phục việc làm của Trần Quang Khải. Vừa sáng suốt kịp thời, vừa dám

hi sinh vì nghĩa cả. Xuất quân bản bộ, lại cử con mình đi giúp nước láng giềng, dân thân vào vòng nguy họa; phi các bậc đại trí, đại nghĩa không ai làm nổi. Có một cái gì đấy gần như một sự hối hận dâng lên ở trong lòng. Vì từ trước, ông vẫn đem lòng nghi ngại con người này.

Trở lại công việc đang dang dở, Trần Nhân tôn nói:

- Vừa nãy chú Chiêu Văn có nói đến "Bình Nguyên sách" của bá phụ, chẳng hay điều đó thế nào?

Trần Hưng Đạo ve vuốt chòm râu tới ba lần, rồi thông thả đáp:

- Tâu thượng hoàng, tâu bệ hạ. Từ khi Thát-đát bình xong Trung Nguyên tới nay, lòng thần chưa lúc nào được yên ổn. Vẫn lo sao cho dân trong ấp có cái ăn cái mặc. Lại lo cho binh mạnh lương nhiều. Song, xét ra mới chỉ có ấp An Sinh, ấp Tịnh Bang làm thôi thì chưa đủ. Nay bệ hạ hỏi, thần xin dâng kế "PHÚ QUỐC CƯỜNG BINH" (Nước giàu binh mạnh) chớ như chú Chiêu Văn nói, thần có "Bình Nguyên sách" là chưa đúng. Vì rằng, quân Nguyên mới uy hiếp ta thôi, chứ chúng đã tràn vào cõi ta đâu mà gọi "bình Nguyên" được.

Mọi người đều khen ý của Hưng Đạo là xác đáng.

Trần Hưng Đạo quay vào nhà trong bưng ra một cái tráp nhỏ. Ông mở tráp lấy ra một cuốn sách đóng bìa nâu, hai tay dâng lên thượng hoàng Trần Thánh tôn. Và ông nói thêm:

- Tâu, mọi điều đã được tóm lược thành từng chương mục, lại có chú dẫn, chú giải rõ ràng. Phần lớn các điều ghi trong đó đã được ấp An Sinh làm thử. Gần đây ấp Tịnh Bang cũng đã khai triển.

Ngoài các việc đã nói trong sách, thần xin bày tỏ thêm đôi điều. Tức là sự cấp bách phải mở mang dân trí. Hồi còn tiên đế đã có nói đến mở mang hệ thống trường tự học hiệu, kiểu như nhà Hạ, nhà Thương, nhưng ta chưa làm được. Nay xét trong dân chúng, còn nhiều điều mê muội, bọn có học chẳng đáng là bao, lại chọn dùng vào các chức sắc cả. Nên thần xin triều đình cho mở các trường hàng tổng, nếu như chưa mở được cho các xã. Rồi cứ thế dần dần ta mở mang thêm lên.

(Đời nhà Hạ, nhà Thương trong lịch sử cổ đại Trung Hoa, chủ trương mở trường tới tận thôn ấp cho dân học.)

Việc này xem ra cũng cấp bách không kém việc quân. Vì rằng, một dân tộc mà nền văn hóa thấp, là một dân tộc ngu muội. Để cho việc này duy trì được lâu bền, thần xin triều đình trích lập quỹ ruộng đất, để bảo trợ cho các trường. Và hết loại đất ruộng ấy vào quỹ học điền, cấm xâm phạm. Lại phải có chính sách khuyến học. Ai có chí học hành, có khiếu năng thông tuệ, triều đình nên cấp bổng cho họ học lên cao.

Và nữa, việc chiêu dụng hiền tài cho nước, là việc vua sáng các đời thường làm. Hiện thời, ta phải làm thế nào quy tụ được các nhà tài đức trong nước.

Nếu họ hết lòng vì xã tắc, thì đây là một sức mạnh thần thánh không thể lường trước được. Triều đình phải coi người hiền tài là kho báu quốc gia. Thiên tử phải nhún mình mà thờ họ thì mới dùng được họ. Giống ngựa hay thường có tật kén chủ, không phải ai cũng dùng được ngựa hay. Người tài cũng vậy, không thể để cho bọn bất tài thất đức sai khiến họ được đâu. Thần khẩn thiết xin thượng hoàng cùng nhà vua, hết sức lưu tâm đến việc này. Bởi thần cũng rất lo ngại, vì ít lâu nay nhiều người có tiếng nói không đồng tình với các quan cai trị các phủ, trấn, ly; hoặc có người còn cho một vài chính sách của triều đình là không hợp thời. Bọn họ hết thấy đều bị bài xích. Nhiều người còn bị đe dọa tới cả tính mạng nữa. Có biết đâu rằng, những người dám nói lên chính kiến của mình, hoặc bày tỏ sự bất bình của mình trước công chúng hoặc quan lại, đều là những người có học vấn uyên bác, có tâm thuật vững vàng. Và họ cho điều họ đã suy ngẫm là đúng, là tốt hơn cái hiện có, nên họ mới dám nói. Còn đám người ăn càn nói rỡ thì lại khác. Bọn ấy có thể nói được, chê được, nhưng chúng chẳng làm được cái gì nên hồn. Bọn này thường là bọn a dua, xu nịnh, ăn theo nói leo. Chúng chỉ là một lũ khoác lác phải được loại bỏ và trị tội. Tiếc thay, bọn súc sinh này lại có khiếu năng ton hót, hợp với khẩu ngôn của bề trên, nên thường là chúng vẫn len lỏi được vào bộ máy quốc gia.

Ngay như kể : "Phú quốc cường binh", thời cũng có phải đâu là ý của riêng thần. Chẳng qua là thần chịu trách nhiệm trước bề hạ về việc làm đó. Còn hết thấy là do sự nghĩ hiểu các của môn khách, các gia tướng, gia thần trong phủ Hưng Đạo, trong ấp An Sinh qui góp lại. Lúc đầu, thần cũng thấy trái tai trái ý lắm. Ví như việc thả bớt nông nô, xén bớt đất ruộng để cho, hoặc bán chịu cho đám nông phu này. Tức là nó làm thiệt của thiệt người của thần nhiều lắm. Sau được các tướng giảng giải; của ấy, người ấy chẳng đi đâu mà mất. Nó vẫn quanh quẩn trong gầm trời Đại Việt. Của không ở trong kho của các vương hầu, thì nằm trong các nhà dân. Nhưng lợi hơn nhiều. Vì rằng đất ruộng ở trong tay thần, một năm chỉ cấy trồng một vụ. Trái lại, đất ruộng ở trong tay đám nông phu, họ làm hai vụ. Thế là vốn ruộng đất chỉ có một, nhưng sản vật lại thu về gấp đôi. Cho nên bây giờ, bề hạ đi khắp vùng đất của ấp An Sinh này, sẽ thấy nhà nhà bỏ lã đều đầy thóc lúa. Không ai còn biết đói là gì. Mà thần muốn chiêu binh lúc nào cũng được, chiêu bao nhiêu cũng được, không một ai trốn tránh. Cúi xin thượng hoàng cùng bề hạ minh xét.

Trần Thánh tôn mãi miết đọc kể "Phú quốc cường binh". Điều lớn nhất ông thấu nhận được trong kể sách, là các vương hầu phải nhún mình để thân dân. Và phải chia bớt một phần của cải tài sản cho dân. Nhà vua tự nghĩ: việc này thật không dễ dàng một chút nào. Có thể các vương hầu sẽ chống lại. Song, nếu là quốc sách trong thời chiến, thì nhất thiết phải cưỡng bách thi hành. Và

lại phủ Hưng Đạo đã làm rồi, các phủ khác, không thể không theo. Việc này, nếu được thi hành khắp cõi, thì đúng như anh Quốc Tuấn nói, chỉ một năm sau, cả nhà nước lẫn nhà dân, đều không đủ kho lẫm mà chứa thóc. Và việc gọi lính sung quân, hẳn không có khó khăn gì. Ông lại nghĩ, hơn lúc nào hết, bây giờ phải lấy sự tồn vong của xã tắc làm trọng. Lợi quyền tư riêng, hết thấy đều phải dẹp bỏ. Phải làm thế nào để từ vua chúa, vương tôn công tử đến thứ dân, ai ai cũng một lòng căm giận quân giặc dữ, quyết liều thân vì nước, có như thế mới đủ sức kháng giặc.

Trong khi Thánh tôn đang chìm nghĩ vào sách lược "Phú quốc cường binh" của Hưng Đạo, thì Nhân tôn lại chú ý đến sự quan hoài khẩn thiết của bá phụ, về việc những người bất đồng chính kiến, có nguy cơ bị áp chế, ngày một gia tăng. Và theo như ý của bá phụ, thì đó phần nhiều là các người tài đức, triều đình phải nhún mình thờ họ, rồi mới dùng họ được.

Suy ngẫm lại, nhà vua thấy đúng. Từ ngày ông lên ngôi hoàng đế tới nay đã 5 năm. Vẫn cứ là bộ máy cũ, những con người cũ do vua cha để lại. Bản thân ông chưa tìm gặp được người hiền tài nào trong thiên hạ. Vả lại, ông cũng chưa hết tâm cầu tìm. Người tài đức, xưa nay vẫn là hiếm quý, triệu người chưa chắc đã có được một hai. Hơn nữa, họ là những người có nhân cách lớn, dễ gì sai khiến họ được. Ấy vậy mà triều đình lại tỏ ra khinh thị những ai trái ý mình. Bọn quan lại từ xã ấp đến phủ trấn, hết thấy đều dương dương tự đắc, coi thường những người chưa có chức tước trọng thiên hạ. Gần đây, nhà vua cũng nhận thấy sự bài xích, đàn hặc, rồi biểu chương tố giác các nơi gửi về ngày một nhiều. Chắc là trong lúc "quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách" (khi thế nước lâm nguy thì kẻ ngu khờ cũng phải gánh phần trách nhiệm), cho nên mọi người đều hết lòng lo cho nước. Họ thấy chính lệnh của triều đình, mà các quan lại toa rập lâu nay, không còn thích hợp nữa, nên họ phải lên tiếng. "Đúng rồi" - Nhân tôn nghĩ - Nếu không có bá phụ cảnh tỉnh, ắt ta lại nghe đám nội nhân và tam cung lục viện mà áp chế họ, thì thật là phụ lòng họ quá. Được rồi, ta sẽ nghị bàn cho thấu đáo, để sao cho trong công cuộc chống giặc dữ này, không một tấm lòng nào, không một kẻ sách nào, không một tài năng nào có lợi cho nước, cho dân lại không được huy động vào sự nghiệp cứu nước.

Trần Nhật Duật tuy là một danh tướng trẻ, nhưng không phải là người thiếu sự trầm sâu suy tưởng, mặc dù ở kinh sư, ông nổi tiếng là một người tài hoa phóng túng. Trước kẻ sách của Trần Hưng Đạo dâng vua, và các việc áp An Sinh đã làm, Trần Nhật Duật không thể không nghĩ về Trần Quốc Tuấn, như nghĩ về Khương Tử Nha đối với nhà Chu. Và ông khâm phục, không những tài năng mà cả về đức độ của Quốc Tuấn. Từ lâu, ông vẫn nghe thấy những tiếng sấm sì hét ở trong nội tẩm, lại ở trong phủ Chiêu Quốc, rồi loáng thoáng nơi này nơi khác. Rằng phải coi chừng Quốc Tuấn, phải sên bót

quyền lực của Quốc Tuấn. Nếu không, con người mưu lược như thần, và có tài điều binh khiển tướng chẳng thua gì Tôn-Ngô, Hàn Tín ấy, chỉ cần ông ta phẩy tay một cái là cả triều đình nghiêng ngả. Những lời dị nghị ấy vốn đã không lọt tai Nhật Duật thì nay lại càng chứng tỏ, tấm lòng của Quốc Tuấn đối với non sông đất nước, đối với vương triều tỏ rạng như sao Khuê, như ngọc quý, không một tí vết. Việc ông đi lại thăm viếng hay biếu tặng Hưng Đạo, là tự đáy lòng ông yêu kính người anh họ, chứ không phải như người ta nói là để thăm thú dò tìm, là để lấy lòng. Chắc điều đó, một con người sáng suốt như Quốc Tuấn không thể không biết.

Về phần Quốc Tuấn, việc hai vua đến tận thái ấp của ông để bàn bạc những việc quốc gia trọng đại. Điều đó khiến ông biết ơn, song cũng làm ông áy náy. Tuy ông là phận bề trên cả hai vua. Vua cha, với ông là chỗ anh em thúc bá, còn vua con lại là con rể ông, là cháu gọi bằng bác. Tuy vậy, đạo quân thần ông vẫn tôn thờ hết dạ. Tại sao nhà vua không cho gọi ông về triều, hoặc điều ông đến một nơi nào khác, mà thân xuống tận đây? Phải chăng lòng cha con Thánh tôn vẫn còn vương vấn tị hiềm, nên lúc nào cũng muốn làm đẹp lòng ông. Ôi, ta làm sao giải bày được gan ruột ra với mọi người. Rằng lúc này đừng có nghĩ suy tạp loạn. Hãy hướng tâm thức, trí lực vào việc tìm mưu hay, kế lạ để ngăn giặc. Họa chiến tranh sắp ụp xuống đầu cả một dân tộc, đó là nỗi lo lớn nhất mà ta hằng đau đầu ngẫm suy.

Trong lúc mọi người đang im lặng suy tư thì phu nhân Quốc Tuấn ló vào - Bà chính là Thiên Thành công chúa - người đã gả nghĩa cùng Quốc Tuấn hơn ba chục năm nay. Bà tuy đã ngoài năm chục tuổi, tóc đã điểm sương. Da loáng thoáng có vẩy đồi mồi, nhưng gương mặt bà vẫn toát lên vẻ tươi mát. Nhất là khi bà hé môi cười, hai hàm răng trắng đều và nhỏ tắp. Ai cũng nghĩ tới đám cưới bà hơn ba chục năm trước, đã làm chấn động cả kinh thành. Bà vào mời mọi người dùng bữa. Lấp ló sau lưng bà là An Tư công chúa. Nàng trở về ấp An Sinh vẫn bằng lâu thuyền lúc ra đi.

Trước khi vào bữa, Thánh tôn gấp cuốn "Phú quốc cường binh" lại, nhìn thẳng vào Trần Hưng Đạo, ông thông dong nói:

- Tất cả những điều nằm trong kế sách của vương huynh, phải trở thành quốc sách của nhà nước Đại Việt - Vừa nói Thánh tôn vừa ngoảnh mặt về phía Nhân tôn. Đưa tập sách cho nhà vua và tiếp - Quan gia xem xong, cần tu chỉnh gì thêm, thì trình với quốc trượng. Rồi đưa cho nội thị sảnh tuyên cáo cho thần dân đều biết. Và ban thêm một đạo sắc dẫn dụ cho mọi người hiểu cặn kẽ, để còn làm. Kẻ nào chống lại, khép vào tội bậy nghịch mà xử.

(Quốc trượng: bố vợ vua. Nội thị sảnh: theo quan chức nhà Trần, Nội thị sảnh có các chức nội thị, thiên chương các học sĩ, giữ việc hầu vua và tuyên

chế lệnh. Bạn nghịch: làm phản.)

Dùng giấy lát, Thánh tôn nói thêm:

- Mai đây vào cuộc chiến, sức người, sức của phải tiêu tốn nhiều lắm. Hiện nay trong dân nhiều nhà giàu có, họ thêm khát có một chức vị gì đó của triều đình, và họ sẵn sàng đánh đổi một phần sản nghiệp. Vậy từ nay, triều đình ủy thác cho vương huynh có toàn quyền được phong các tước từ Minh tự trở xuống cho những người có của, để lấy tiền xung vào công quỹ nhà nước, không cần phải hỏi về triều nữa. Ngoại trừ có tước hầu thì phong trước, tâu sau.

(Quan tước thời xưa theo phẩm trật như sau: Vương - Công - Hầu- Bá - Tử - Nam.)

Quốc Tuấn hết sức cảm kích về tấm lòng ưu hậu của Thánh tôn, nhưng trong cuộc đời, ông không quen sử dụng đặc quyền, cho nên dù cho phép, ông cũng không làm. Duy nhất có một lần ông phong cho một nhà phú hộ, vì họ dám bỏ ra một ngàn phương thóc để mua chức lang tướng, trong khi ông lại rất cần gạo nuôi quân. Bởi vậy ông đã phong cho họ, nhưng cũng chỉ là chức "Giả lang tướng". Tức là ông chỉ cho làm lang tướng giả, chứ không cho làm lang tướng thật. Tấm gương cao khiết ấy, có thể soi thấu muôn đời sau.

Đêm, hai vua xuống thuyền về lại Thăng Long. Nhân tôn nắm lấy tay Trần Hưng Đạo, nói với giọng trang nghiêm, kính cẩn:

- Quốc phụ phải giữ gìn tấm thân muôn quý để dùng cho đại cuộc. Cả nước trông vào quốc phụ!

Trần Hưng Đạo cảm kích dặn Nhân tôn:

- Ta xem phụ hoàng con, tâm thật chưa vững. Tâm có vững mới dám xông vào cuộc. Hốt-tất-liệt sẽ cử đại binh sang tàn phá nước ta. Nếu người giữ trọng trách quốc gia không vững tin ở mình, ta e khó đấy. Con hãy liệu lời khuyên cho phụ hoàng vững dạ. Còn ta, sẽ lo xoay chuyển thế quân, để thượng hoàng tin ở lực mình. Ngập ngừng giây lát, Trần Hưng Đạo nói thêm

- Nay mai nếu ta không về được, sẽ cử người về Thăng Long, quan gia thu xếp với An Tư công chúa cho ta xin con Yên Ly, để còn dạy dỗ vào việc quân - Rồi ông dẫn Nhân tôn xuống thuyền. Vào tận khoang trong, Trần Hưng Đạo nắm chặt hai tay Thánh tôn. Ánh nến lung linh soi tỏ hai khuôn mặt kiên nghị thánh thiện, cùng hai cặp mắt giao nhau, như đang tỏa sáng soi khắp khoang thuyền. Giọng run run, ông nói với Thánh tôn: "Em hiểu cho lòng ta. Phải lấy nước làm trọng. Sự mất còn là ở đấy". Xúc động quá, vì lần đầu tiên nói ra được nỗi uẩn ức trong lòng, vương đã để rơi mấy giọt lệ. Và cũng lần đầu tiên, từ khi ý thức được tình anh em, Thánh tôn nhận được những lời nói chân tình đến nhỏ máu, và điều đó làm ông như có gì ân hận, như hối hận, nước mắt tự nhiên trào ra. ông ôm ghì lấy Quốc Tuấn: "Thế nước có đứng được hay không là nhờ ở anh đó!".

Hai vĩ nhân chia tay nhau trong niềm xúc động chân thành. Những giọt lệ họ nhỏ ra, để khóc cho một quá khứ đắng cay và lầm lỗi của các bậc cha anh. Nước sông Lục Đầu lóc róc vỗ bên mạn thuyền như ngàn vạn tiếng reo vui, như một lời chứng thiêng liêng cho cuộc hóa giải oan cừ, để các vĩ nhân đi vào lịch sử như những khối kim cương trong suốt.

Thăng Long Nổi Giận

CHƯƠNG 11

Bồ-già-la cầm đầu đoàn công sứ Champa một trăm người tới Thăng Long. Họ đem voi trắng, vải trắng, trầm hương cùng nhiều đồ quý, lạ đến dâng cùng với thông điệp xin binh cứu viện thật là khẩn thiết của vua Chiêm Indravarman V. Ngoài thông điệp Bồ-già-la còn nói rất nhiều về công cuộc phòng thủ của quân Chiêm, kể cả việc đắp thành cố thủ chống giặc từ ngoài bãi biển Thị-nại. Lại cũng cho biết vua Chiêm tuổi cao sức yếu, nên mọi trọng trách quốc gia đều trao cho thái tử. Thái tử Harijít tuy còn ít tuổi, nhưng có tài thao lược. Đích thân thái tử nắm trọn quyền chỉ huy phòng thủ, cũng như kinh chống với quân Nguyên. Chính thái tử đã ra lệnh bắt và tổng giam hai đoàn thuyền nhà Nguyên, cố tình đi vào đất Chiêm do thám. Họ nói thác là đi Tiêm-la, Chân-lạp bị lạc đường. Việc đó trở nên căng thẳng, và chiến tranh là điều không thể tránh.

Trần Quang Khải đã nghĩ tới việc giúp họ, cũng có nghĩa là tự giúp mình. Ngặt vì thượng hoàng và nhà vua đi kinh lý chưa về, nên mới chỉ nhận lời và nói với Bồ-già-la nên chờ ít bữa.

Nghe Quang Khải nói, viên chánh sứ rập đầu tâu:

- Nước chúng tôi từ trước tới nay vẫn một lòng thờ thượng quốc, việc tiến cống không bao giờ trễ. Nay nước chúng tôi đang bị bọn nhà Nguyên đe dọa xâm lăng. Họa Thát-đát tràn vào chỉ trong sớm tối. Nếu nước chúng tôi bị mất, thì giặc Mông-thát sẽ kẹp quý quốc giữa hai gọng kìm. Thăng Long sớm muộn cũng trở thành cung thất của Trần nam vương Thoát-hoan, và của An Nam sứ đô nguyên súy Bột-nhan- thiết-mộc-nhi. Cúi xin đại vương xét tình mà khẩn cấp cứu cho. Việc chống giặc còn cần kíp hơn việc cứu hỏa, nếu đại vương chậm ra quân một ngày, là nguy họa đối với nước chúng tôi sớm thêm một ngày. Mà có giúp nhau, thì giúp lúc giặc còn ở xa mới tiện cho việc sắp xếp binh lực. Vả lại, các vị tướng lĩnh cùng binh sĩ quý quốc, cũng phải có thời gian làm quen với địa hình nước chúng tôi, thì mới có kế sách cùng nhau đánh giặc. Còn như khi giặc đã vào đất chúng tôi rồi, quý quốc mới cử binh sang, thì ôi thôi vua chúng tôi hoặc đã bị bắt, hoặc phải ra hàng. Lúc ấy, không những đoàn quân cứu viện đó sẽ không có ngày về, mà ngay cả kinh thành Thăng Long đây dễ gì giữ được. Trái lại, nếu giúp nhau lúc này, chúng tôi giữ yên được bờ cõi, kíp khi quân kia có tràn vào quý quốc thì nước chúng tôi đẩy, kho người, kho của, quân thủy, quân bộ xin đặt dưới quyền thống lĩnh của quý quốc. Nếu sai xin trời tru đất diệt.

Trước lời lẽ thiết tha của Bồ-già-la, không những Trần Quang Khải, mà cả triều đình đều xúc động. Ai cũng khen Bồ-già-la là tôi trung kiệt hiệt của nước Chiêm Thành. Đi sứ không làm nhục mệnh vua. Xin mà không hạ thấp mình, nói năng phải lẽ, lý tình tròn vẹn mà đánh thép, thật chẳng thua kém gì những tay thuyết khách kỳ tài đời Chiến quốc như Tô Tần, Trương Nghi. Các đại thần nhất đán khuyên quan tướng quốc nên sớm quyết, kéo lỗ việc lớn quốc gia.

Thật ra, không phải Trần Quang Khải không thấy hết sự trọng yếu, và lợi ích thiết thân của việc đem quân giúp Chăm. Tin tức ông nhận được, từ sau khi ta cự tuyệt việc mượn đường, mượn quân, mượn lương của Đại Việt đánh Champa, Hốt-tát-liệt đã lớn tiếng hét giữa triều đình: "Ta sẽ bắt cha con Nhật Huyền đem về Yên Kinh trị tội". Cho nên, nếu sứ đoàn Chiêm quốc lần này không khởi xướng việc xin viện binh, ông cũng sẽ gợi ý. Và nếu như thượng hoàng cho phép, ông sẽ thân chinh giúp Chăm.

Nhưng hiện thời, tình thế trở nên cấp bách, trong khi vẫn còn đủ thì giờ và cơ hội cứu vãn, nên ông quyết định:

- Sứ giả không phải nhiều lời. Không phải dạy khôn chúng ta. Đại Việt với Champa quan hệ mật thiết với nhau như môi với răng. Hiện thời quân Nguyên chưa kéo qua mặt bộ vào Champa được, là bởi Đại Việt nhất quyết chống lại việc nhà Nguyên đánh Champa. Nay mai, bọn chúng đánh Champa, cũng tức là tạo cơ hội đánh Đại Việt. Cứu Champa đây không phải là lần đầu. Nhưng người Champa các ông hay tráo trở. Vậy trước khi ta xuất chinh, phải có làm tờ cam kết.

- Dạ, bẩm đại vương, chúng tôi xin chấp thuận mọi điều ước do quý quốc đề ra. Bồ-già-la nói, và dường như ông ta rất sợ bên Đại Việt đòi ý.

- Chúng tôi không ép quý quốc. Nhưng sự giúp đỡ là phải có đi có lại. Tức là chúng ta phải tựa vào nhau làm thế ỷ giốc, thời kẻ kia phải sợ. Nay chúng tôi xin đưa con em Đại Việt sang giúp quý quốc chống giặc. Chỉ xin giúp lại nhau khi cần. Chúng tôi không đòi hỏi đất đai hay của cải gì của Champa. Chỉ cần sự thỏa thuận giữa hai triều đình, trong một văn bản khế ước. Trần Quang Khải ngừng lời, sau khi ông đã coi kỹ ánh mắt và những cử chỉ bày tỏ của Bồ-già-la, lại nói:

- Ta lưu ý ông chánh sứ, ước thúc giữa hai nước sẽ được thảo và ký ngay hôm nay. Vậy, ông chánh sứ phải lo liệu các sứ đoàn sớm trở lại Champa, báo tin trước cho quốc vương yên tâm.

Viên chánh sứ vái Trần Quang Khải hai vái:

- Đội ơn đại vương đã ra tay cứu giúp chúng tôi. Nhưng chúng tôi chưa thể ra về mà chưa biết quý quốc sẽ giúp bao nhiêu quân. Và bao giờ thì cất quân. Xin đại vương cho chúng tôi theo chân quân Đại Việt trở về, lữ chúng tôi sẽ là người dẫn đạo. Thủy bộ chúng tôi đều thông tỏ cả.

Trần Quang Khải cười thâm, viên sứ thần này quả là một tay đao thủ. Ông nói:

- Bình quí thần tốc. Chắc ông chánh sứ biết điều đó. Khi chúng tôi đã nhận lời, là chúng tôi phải đi thật nhanh. Còn đi lúc nào, hoặc số quân chúng tôi đưa sang bao nhiêu thì xin ông chánh sứ cảm thông: cơ mật là sự sống còn của việc binh. Tuy nhiên, chúng tôi sẽ nói riêng với ông những điều cần thiết về lương thảo, về chiến cụ để ông cử người về trước lo liệu, một số các ông sẽ ở lại đi với quân chúng tôi về Chiêm.

Viên chánh sứ sung sướng quá, hét lên giữa triều đình: "Quốc vương Đại Việt thiên tuế!". Rồi ông khóc ròng như một đứa trẻ.

Tất cả những việc trên xảy ra trong mấy ngày qua, diễn lại trong óc Trần Quang Khải, dường như mới chỉ vừa trước khi thượng hoàng và nhà vua về có một lúc. Tướng quốc thái úy tường trình lại các việc trước hai vua.

Những điều ông đã làm, và những việc còn đang tiếp.

Hai vua đều chấp thuận các việc giám quốc thái úy đã quyết. Và cho đó là sáng suốt, kịp thời. Hai vua cũng cho ông biết tỉ mỉ về kế sách "Phú quốc cường binh" của Hưng Đạo vương. Và hầu như những điều Hưng Đạo khởi xuất, ông đã có làm thử và thu được những thành tựu đáng kể trong vùng ấp An Sinh, ấp Tịnh Bang. Cho nên, việc này phải hoạch định thành một chính sách của triều đình. Rồi ban bố cho cả nước cùng theo.

Trần Quang Khải xin khẩn việc xem xét sách lược "Phú quốc cường binh" lại ít ngày nữa. Và ông xin được phép điều động binh nhung, để trong vòng ba ngày tới sẽ lên đường.

Hai vua mời Trần Đạo Tái vào cung Thánh từ. Thái úy Trần Quang Khải cũng tới dự.

Mở đầu, Nhân tôn nói:

- Việc giúp binh cho Champa là cần lắm. May mà họ hỏi, nếu không ta cũng phải thương nghị để đưa quân sang. Cái chính là cần mặt nam, không cho Hốt-tát-liệt lập được hai thế gọng kìm. Việc này, lẽ ra thượng hoàng có nhà thì sẽ điều quân túc vệ, nhưng thúc phụ giữ ý, đã cho điều quân bản bộ, và cử chú Đạo Tái làm tướng xuất chinh. Trẫm chỉ bắn khoăn, quân ta sang đó gặp thủy đánh thủy, gặp bộ đánh bộ, mà chú Đạo Tái lại chưa quen việc đánh thủy lắm. Chẳng hay việc ấy nên như thế nào?

Trần Đạo Tái thưa:

- Tâu bề hạ, thần không phải là tướng chuyên đánh thủy. Nhưng phép làm tướng, từ thế thủ, thế công, đánh thành, diệt viện, phục binh, cướp lương, đánh thủy, đánh hỏa... thấy đều phải biết. Thần tuy bất tài, nhưng nghề đánh thủy, chắc là không thể kém bọn lính thảo nguyên và sa mạc của lũ Mông-Thát. Ngay cả đám quân tân phụ miền nam Trung Quốc, cũng không phải là quân tinh thông về sông nước.

Thượng hoàng Trần Thánh tôn nắm lấy tay Trần Đạo Tái nói:

- Ta biết cháu có tài thơ văn nổi tiếng cả kinh thành. Nếu không vì việc nước thì sao thi nhân phải ra trận. Cháu đi lần này muôn sự khó. Chiêm Thành là một nước nhỏ. Quân tinh nhuệ, nhưng sức chiến đấu không bền. Thắng kiêu, bại nản. Ta nghe nói, thái tử Chế-mân là một người có bầu nhiệt huyết. Lúc nào cũng sôi sục muốn uống máu ăn gan kẻ thù. Điều ấy thì tốt, nhưng dễ nản, nếu như tướng địch là một tay đa mưu túc trí, vị tất hoàng tử đã kiên định được. Vậy cháu phải giúp thái tử nhận ra được chỗ yếu của mình, chớ có chỉ nhìn thấy chỗ yếu của địch, thì sự bại vong là điều không thể tránh. Cha con Trần Quang Khải bái biệt hai vua ra khỏi kinh thành lúc mờ mờ tối. Hai người hóa trang làm hai khách thương với một tốp lính túc vệ, cải trang như dân thường. Thăng Long vẫn bình yên như không có gì xảy ra. Việc điều binh giúp Chiêm vẫn yên lặng như tờ. Ngay các đại thần, các quan thị vệ, và cả quan đại an phủ sứ của kinh sư cũng không ai hay biết gì cả. Vì vậy, tay chân của Hốt-tát-liệt mà đám Sài Thung gài lại, cũng như đui như điếc hết. Riêng đoàn cống sứ Chiêm Thành đã dời khỏi Thăng Long từ ba ngày trước đó. Và viên chánh sứ Bô-già-la được lệnh: Khi tới cửa biển Thần Phù thì một nửa cứ đi thẳng về Chiêm, một nửa còn lại ghé vào bờ chờ binh Đại Việt.

Khi cha con Trần Quang Khải tới cửa Thần Phù vào khoảng giờ tuất ngày hôm sau. Một vạn quân điều động ngay tại vùng cửa Thần Phù(Là một cửa biển lớn thuộc đất Ninh Bình, còn có tên là cửa Đại. Cửa này ngày nay đã bị bồi lấp.), và một phần từ Thiên Trường ra đã tề tựu đầy đủ. Chiến thuyền san sát như lá tre. Các thuyền lấp lánh những ngọn đèn dầu le lói, nom xa như một bờ sao đầy đặc của dải ngân hà vào những đêm tối trời.

Thấy báo có thái úy tướng quốc đến, viên đô đốc thân lên bờ cung nghinh. Đô đốc dẫn thái úy và thượng tướng đến chỗ chu sư. Nghe có tiếng động rậm rịch ở phía ngoài, Trần Hưng Đạo bèn sửa lại vuông khăn lượt, rồi bước ra khỏi lầu thuyền. Đúng lúc cha con Trần Quang Khải từ phía mũi thuyền đi vào, chợt nhìn thấy Trần Hưng Đạo lưng lưng đi ra. Quang Khải sững người lại không kịp cả chào hỏi, trong khi ấy Hưng Đạo vừa sá xong một sá đã lên tiếng trước:

- Ta đón thái úy và vương diệt ở đây từ tối hôm qua.

Trần Quang Khải cúi chào, còn Trần Đạo Tái thì phủ phục xuống vái hai vái. Hưng Đạo đỡ Đạo Tái dậy rồi anh em bác cháu đưa nhau vào khoang thuyền. Trần Quang Khải vẫn chưa hết kinh ngạc. Ông cho Hưng Đạo là người xét đoán công việc như thần. Việc điều binh cũng như địa điểm xuất quân, ông không hề hé lộ với ai, ngoại trừ đức vua, mà Trần Hưng Đạo rõ ràng không ghé Thăng Long. Vậy tại sao ông biết được kế của ta, không những thế, ông còn đến nơi xuất phát trước ta.

Như để giải tỏa điều Trần Quang Khải băn khoăn, Hưng Đạo nói:

- Hôm trước ở ấp An Sinh, nghe hoàng thượng bố cáo, tướng quốc sẽ xuất quân bản bộ và cử đích trưởng tử làm thượng tướng, thống lĩnh ba quân.

Vậy nên ta liệu định:

- Một là tướng quốc không muốn động tới binh lực của triều đình. Vì như vậy sẽ sa vào bàn cãi lôi thôi.

- Hai là tướng quốc muốn giấu nhem ý đồ cứu viện Chiêm Thành, để bung tai bịt mắt nhà Nguyên. Như thế thì không thể điều binh ở Thăng Long được.

- Ba là đã không điều binh ở Thăng Long, thì phải điều quân bản bộ ở Thiên Trường. Mà hải đạo xuất phát thuận lợi nhất trong vùng này chỉ có cửa Thần Phù.

Với ba điều dự liệu trên, nên ta tới thẳng đây. Vẫn nghĩ rằng đêm nay xuất binh nên phải tới từ đêm qua, để có thể còn kịp chia tay vương diệt, và cũng có đôi điều nghĩ thấy về người Champa hoặc người Thát-đát, nên muốn truyền dặn lại cho cháu. Ai ngờ may mắn lại được gặp cả thái sư. Vậy thời, sự có mặt của ta trở nên thừa chăng?

Quang Khải nắm tay Quốc Tuấn cùng đi vào lầu thuyền, và trong lòng ông rộn lên những nghĩ suy từ lâu vẫn giằng xé. Kể cả người trong nước lẫn trong hoàng tộc, hoàng gia, thường cho rằng cầm đầu hai thế lực kinh chống ngấm ngấm giữa hai dòng trưởng và thứ, là do ông và Trần Quốc Tuấn. Đúng là người ta nói rất về các âm mưu thôn tính của Quốc Tuấn, và thế lực to lớn cũng như tài cầm quân của ông. Trần Quang Khải đã tung cả bộ máy đi dò xét, kể cả việc bố trí binh lực, phòng khi có biến. Song đó chỉ là những việc người đời suy diễn rồi gán cho Quốc Tuấn, chứ thực tình Quang Khải chưa nhận thấy một biểu hiện khuynh loát nào, dù là rất nhỏ. Riêng có một điều Quang Khải thấy, và có phần nào lo ngại, rằng Quốc Tuấn lúc nào cũng ráo riết luyện đám tinh binh. Xong lại tha cho về và đến lượt đám dân binh được lấy lên luyện cho tới khi thành tinh binh. Cứ cái lối thay phiên nhau ấy, lúc nào Quốc Tuấn cũng có trong tay một đội tinh binh cực lớn. Và giờ đây, nếu huy động, thì hầu như hết thủy dân binh trong thái ấp An Sinh của Quốc Tuấn, đã trở thành tinh binh. Nhất là trong các chủ trương về việc binh, Quốc Tuấn thường nói: "Quân cần tinh chứ không cần nhiều". Bây giờ nghĩ lại, Quang Khải thấy trong lòng có một cái gì nhen lên, như là sự hối hận. Rõ ràng là anh ấy vất vả, khi các vương hầu khác nhàn rỗi. Nhưng bây giờ anh ấy đã có sẵn trong tay một đội binh lớn, tinh nhuệ, chứ không phải rèn dạy những bước sơ đẳng của người lính. Đã đến lúc anh ấy rảnh tay, dạy cho tướng lĩnh và binh sĩ dưới quyền về binh pháp. Ta đọc sách "Đồ bát quái cửu cung" ("Đồ bát quái cửu cung" còn có tên khác là "Vạn kiếp tông bí truyền thư". Sách này nay đã thất truyền. Chỉ còn một đoạn tựa của Trần Khánh Dư

do Lê Văn Hưu chép trong Đại Việt sử ký toàn thư.) của Quốc Tuấn thấy anh ấy hơn cả Tôn - Ngô. Vì rằng Tôn - Ngô coi binh sĩ như một lũ ngu khờ. Mọi sự đều do người tướng quyết cả. Đằng này, Hưng Đạo sử dụng binh sĩ như những con người, và cho họ học cả binh pháp, thấy được cả việc lớn của người làm tướng, và thấy cả bốn phận của người lính phải làm gì. Đến lúc này Quang Khải mới thấy ngay cả điều lo ngại trước đây về Quốc Tuấn, nay lại là việc đáng mừng. Nếu vương hầu nào cũng làm như Quốc Tuấn, thì dân đều được no ấm, mà nước thì đủ binh mạnh, lo gì giặc dữ ngoại xâm. Gạt bỏ mọi điều suy nghĩ xằng bậy, và ghép gán, hỗn tạp của người đời, tự đáy lòng mình, Trần Quang Khải thừa nhận: Quốc Tuấn là một chính nhân quân tử, là một hiền tài, một bậc nhân tướng, một bậc lương tướng, một con người nhìn xa thấy rộng - quả anh ấy hơn ta nhiều lắm. Nước muốn đứng được, không thể không dựa vào con người này.

Vào trong lầu thuyền, trà nô vừa dâng xong một tuần, Quang Khải cho lui. Ông đi thẳng vào việc:

- Anh Quốc Tuấn, hiện tình đất nước cực kỳ nguy cấp như anh đã biết. Anh em mình không nên thủ lễ nữa. Trước đây bọn tôi có gì không phải, xin anh độ lượng bỏ qua. Số binh đưa sang Chiêm, tôi định cho chi viện bốn quân. Cháu Đạo Tái được cử thay tôi làm thượng tướng.

Cho dù đã thuộc tất cả từng chiếc sẹ nhỏ trên gương mặt "thằng bé", ấy vậy mà khi nghe Trần Quang Khải nói, ông lại nhìn ngó chằm chằm Trần Đạo Tái, như lần đầu nhìn thấy cháu.

Với gương mặt dường như bình thản, nhưng trong giọng nói, lại đượm vẻ xúc động, Trần Quốc Tuấn đáp:

- Một vạn quân không phải là nhiều. Nhưng chiến trường Champa hẹp, cũng không cần nhiều hơn thế. Song ít hơn nữa, lại không võ về được cha con quốc vương Champa, và cả đám dân chúng đang cực kỳ hoang mang.

Đột nhiên Quốc Tuấn quay ra hỏi Trần Quang Khải:

- Chú định bao giờ cho khởi binh?

- Quan thái bộc bói được giờ tí. Tôi cũng cho đó là giờ tốt, vì nó là cái giờ thanh khiết nhất của một ngày.

- Chú liệu định thế trận sẽ diễn ra ở Chiêm là như thế nào? Và bao lâu nữa thì quân Nguyên tới Chiêm?

- Số quân dồn về Kinh Hồ định đánh ta. Nay Hốt-tát-liệt tính chuyện ăn chắc, đánh Chiêm trước, rồi sau đó đánh ta từ hai mặt bắc và nam. Trù liệu đánh Chiêm, chắc không thể dưới năm vạn quân. Hiện thời số quân đánh Chiêm đã lên đường. Chính người Chiêm cũng biết việc ấy, nên họ ráo riết xây dựng thành lũy cản giặc, một mặt sang ta xin viện binh.

- Người Chiêm được thái tử Chế-mân truyền cho lòng căm giận giặc dữ, cho nên cả nước Chiêm Thành đang hùng hực như một bể dầu sôi, chỉ cần ném

vào đó một tia lửa nhỏ, sẽ trở thành biển lửa, Quốc Tuấn nói với vẻ trầm buồn. Một lát ông quay lại hỏi Đạo Tái:

- Thế cháu định ở bên đó bao lâu?

- Trình bá phụ. Việc binh không biết đâu mà hẹn trước. Nhưng ít ra cũng phải giúp người ta đứng vững thì mình mới về được.

- Cháu nói có lý. Ý chú Chiêu Minh thế nào?

- Theo tôi, việc binh quý ở thắng chứ không quý ở lâu. Nếu Đạo Tái giúp họ tạo nổi cái thế tự đứng được thì nên rút ngay.

- Đúng như vậy. Ta nghe Hốt-tát-liệt cử nguyên soái Toa-đô thống lĩnh đại quân đánh vào Chiêm Thành. Nếu binh được Chiêm Thành, thì đạo quân của y cùng với quân Chiêm sẽ đánh tập hậu ta ở mặt nam, còn Thoát-hoan sẽ thống lĩnh đại binh đánh vào mặt bắc. Kỳ này, ta xem Toa-đô không đại thắng Chiêm Thành được, là bởi tuy y có dạn dày bách chiến nhưng y hết sức coi thường địch. Trong khi đó ở Chiêm Thành, cả nước một lòng. Chỉ có điều ta hơi ngại, người Chiêm thiếu tính ngoan cường. Nếu thua trận đầu họ dễ hoảng sợ. Cho nên vương diệt sang Chiêm, điều quan trọng chưa phải trực tiếp đánh, mà chỉ nên thanh viện giúp kế và bình ổn nhân tâm. Nói với người Chiêm, chớ có mắc mưu Toa-đô. Nếu y quyết dốc toàn lực, đánh quy đôi phương ngay từ trận đầu, thì phải phân tán ra đánh y ở nhiều hướng.

Làm cho y mất ăn mất ngủ. Việc đánh Toa-đô phải xuất quỷ nhập thần. Khi y dàn trận, nên tránh. Khi y rút, chặn hậu mà đánh. Nên nhớ, lấy sức mạnh của ta, đánh vào chỗ yếu của địch bao giờ cũng thắng. Người Chiêm Thành giỏi bơi lội, giỏi leo trèo, chỉ nên dùng những đội binh nhỏ mà đánh chớp nhoáng vào lúc giặc bất ngờ nhất. Và phải biết lợi dụng thời tiết nóng ẩm phương nam mà đánh giặc. Nếu như cứ đêm đêm quấy rối, bắn hỏa pháo vào trại giặc, reo hò, chiêng trống, rồi đốt lửa ngoài thành, làm cho quân kia ăn không ngon, ngủ không yên, khiến chúng phải thành cao hào sâu mà thế thủ. Khi chúng đã thế thủ thì tìm triệt nguồn nước, triệt đường tiếp lương. Nói đến đây Hưng Đạo ngừng lời, ông để ý nhìn hai cha con Quang Khải. Trong đáy mắt Đạo Tái ánh lên như là một sự khẩn cầu, còn Chiêu Minh vẫn chăm chú lắng nghe. Quốc Tuấn lại nói:

- Nếu Toa-đô không thắng mà Chiêm Thành cũng không thua, ấy là lúc vương diệt nên rút quân về cùng với quân của Tĩnh Quốc đại vương ở Nghệ An, để hợp trấn mặt nam. Ta ngờ rằng nếu con không ra sớm, thì Toa-đô sẽ ra trước con.

Hưng Đạo nói với ánh mắt quả quyết, khiến Trần Đạo Tái và Trần Quang Khải đều giật mình - Ý chú Chiêu Minh thế nào? ông quay ra hỏi Trần Quang Khải.

- Hẳn rằng diễn tiến chiến cuộc sẽ đúng như anh lượng định. Chiêu Minh vương đáp lời, ông nhìn con trai, dặn thêm:

- Con đi chuyến này là muôn khó, muôn khổ. Giúp cho Chiêm Thành không thua tức là thắng. Lại kìm giữ được chân quân Nguyên ở đây càng lâu, thì ở nhà cha và bá phụ càng có thời cơ chinh bị quân lương mà kinh chống với giặc. Con nên nhớ, thế nước mình hiện nay đứng được là việc thế gian hy hữu.

Trần Đạo Tái bùi ngùi. Hưng Đạo nắm lấy tay cháu nói:

- Phụ thân cháu nói vậy, để cho cháu kiên quyết và thận trọng trong việc binh. Riêng bác nói để cháu yên tâm: khi nào đầu bác và đầu phụ thân cháu còn chưa rơi, thì lũ Mông - Thát chó có hồng ngự trị được mảnh đất từng thấm máu cha ông ta. Ngừng một lát, Hưng Đạo lại ân cần dặn:

- Con nên nhớ kỹ một điều. Quân Mông - Thát cực kỳ tàn bạo. Chúng thường dùng chính sách đốt sạch, giết sạch làm cho dân bản xứ điêu linh, khiếp đảm mà phải qui hàng. Nhưng điều đó không ngại bằng, trong hàng tướng lĩnh quân Nguyên, có bọn tay sai người Hán, mưu kế cực kỳ thâm độc, xảo trá. Không những con phải canh chừng, mà còn phải giúp người Chiêm nhận cho ra những mưu ma quỷ kế của bọn vong quốc, cam tâm làm chó săn cho lũ chủ mới này. Tựa như bọn Sài Thung là tên Hán gian đại gian đại ác mà con đã biết.

Sắp đến giờ xuất phát, Trần Quang Khải, Trần Quốc Tuấn đến úy lạo từng quân một. Trong đoàn viện binh được phiên chế thành bốn quân. Mỗi quân đặt dưới quyền điều khiển của một viên đại tướng. Trần Đạo Tái giữ quyền thượng tướng, thống lĩnh cả bốn quân, được trao ấn và cờ tiết.

(Từ năm Đinh Mão (1267) nhà Trần đã định lại quân ngũ như sau: Mỗi Đô có 80 người. Mỗi quân có 30 Đô, tức là 2.400 người.)

Chiến thuyền cũng được phân theo từng quân. Mỗi quân mang một sắc cờ: đỏ, vàng, xanh, đen. Thuyền của thượng tướng mang cờ đuôi nheo đỏ có tua vàng. Đội ngũ thật là uy nghi, trùng điệp.

Trời đầy sao. Trăng hạ huyền mảnh mai như một chiếc vành lược. Trong thôn xóm đã im tiếng chó sủa. Thảng có tiếng gà gáy ở một xóm chài đâu đó lan tỏa trên mặt sông. Giữa lúc mọi người đang náo nức chờ, chỉ còn vài khắc nữa chuyển sang canh, là tới giờ xuất phát. Bỗng có tiếng vó ngựa khua giòn, và một đoàn chừng hơn chục con ngựa ghì cương đứng ngơ ngác giữa một vùng bát ngát các chiến thuyền.

Dưới ánh trăng mờ đục, người ta nghe thấy một giọng nữ cất vang với vẻ ngao nghễ, hách dịch:

- Quân đâu! Cho ta hỏi chu sư ở chỗ nào?

Viên đô trưởng tiến lại gần chỗ người con gái quát hỏi. Anh ta đồng dục nói:

- Tôi phụng mệnh tuần kiểm trên cửa sông này, ai hỏi han việc quân đều phải trình báo theo luật lệ, không được ăn nói hàm hồ.

Lập tức người con gái đáp lại bằng một giọng cười giòn tan:

- Này mấy chú kia. Trời tối om, bọn ta không biết trạm canh ở đâu. Nhưng ta có việc khẩn cấp lắm. Các chú lại đây mà xem hỏa bài, rồi dẫn ta đến ngay chỗ chu sư của thượng tướng. Nàng vừa nói vừa chìa hỏa bài cho viên đô trưởng, và tiếp - Thoảng lên, kéo lơ việc là bọn các người sẽ mất đầu đấy! Viên đô trưởng bật bụi nhùi lấy lửa soi vào tấm hỏa bài, rồi lòi ngay con ngựa trạm của điểm canh gần đó nhảy phắt lên, miệng nói:

- Xin các đại nhân theo tôi. Cấp tốc lên, chỉ còn vài khắc nữa là sang canh. Quân vào bầm, Hưng Đạo, Quang Khải, Đạo Tái đều thân ra nghênh tiếp. Bởi ai cũng nghĩ có chế, cáo gì của nhà vua đưa tới. Nhưng dẫn đầu đám kỵ sĩ kia lại là một cô gái. Mọi người đều nhận ra. Trần Đạo Tái nói như reo:

- Hoàng cô An Tư! Sao hoàng cô lại đến vào giờ này?

Dưới ánh đèn lấp lánh, trông công chúa đẹp như một vị tướng của nhà trời. Nàng vận bộ quần áo bằng nhiều tím thêu những con phượng màu kim tuyến. Lưng thắt một chiếc đai da rái cá có đính mấy viên ngọc lưu ly tỏa sáng. Ngang lưng dắt một thanh đoản kiếm. Chân nàng đi đôi hia màu xanh thêu đôi hạc trắng mỏ đỏ. Đầu đội mũ kim khôi. Mắt đẹp mà dài như mắt phượng. Khuôn mặt trái xoan có lúm đồng tiền. Mũi thẳng, nhỏ, xinh đẹp, hợp với đôi lông quỳ, lại được nước da trắng hồng như trứng gà bóc, cặp môi hơi mỏng, mọng đỏ như tô son. Hai hàm răng nhỏ đều tăm tắp. Nàng cười như nắng lóa.

Đạo Tái vội đỡ An Tư xuống ngựa. Vừa đặt chân xuống đất, nàng nói luôn:

- May quá! Vẫn còn kịp. Sang canh mới đi chứ? Nàng hỏi dồn dập qua hơi thở.

Đạo Tái ngạc nhiên, không hiểu tại sao An Tư lại biết giờ xuất phát, liền hỏi:

- Sao hoàng cô biết sang canh xuất quân?

- Tại vừa nãy, tên đô trưởng giục ta phải đi nhanh, kéo còn vài khắc nữa sang canh thì lỡ. Nói xong An Tư nhìn thẳng vào mắt Đạo Tái, có phần như trách móc - Việc binh mà để cho hạ cấp bép xép thế là không được đâu thượng tướng ạ. Bữa trước ta có đọc: "Vạn kiếp tông bí truyền thư" của Hưng Đạo vương huỳnh, thấy có nói: "Việc binh cần phải kín nhem. Người không cần biết thì không được biết". Nhưng thôi, đây là việc của những người làm tướng. Ta vội vã đến đây, cốt để chia tay và có món quà quý tặng vương diệt. Dứt lời, nàng vẫy tay một cái, lập tức có một tráng sĩ xách hai chiếc lồng chim, ngoài phủ vải đỏ bước vào. Tráng sĩ ước chừng hai mươi, hai một tuổi. Chàng có khuôn mặt trẻ măng, da thịt chắc nịch, các bắp tay bắp chân nổi cuộn lên như được đúc bằng đồng. Nước da nâu sẫm sần. Cặp mắt to, đen láy, lông mày lười mác hơi xếch, cằm vuông, miệng rộng, mũi to, thẳng. Nom chàng đẹp như một pho tượng. Từ nơi chàng toát lên vẻ cường tráng, tự tin, mà oai dũng lạ thường. Chàng đặt hai lồng chim xuống trước Trần Đạo Tái, hơi nghiêng mình vái hai vái. Rồi tiến lên mấy bước,

trước Trần Quang Khải, Trần Quốc Tuấn, chàng sụp xuống lễ bốn lễ. Hai vương chưa biết chàng là ai, bèn hát hàm hỏi An Tư:

- Chàng hiệp sĩ này từ đâu tới?

An Tư bước lên thông dong nói:

- Bẩm hai vương, bữa trước em có đi chơi vùng núi Tản Viên, gặp chàng trai này đang làm nghề bẫy chim. Bỗng An Tư ngừng lời - chuyện hơi dài, liệu hai huynh có đủ thì giờ nghe không đã - Hưng Đạo nhìn Quang Khải - Tướng quốc bèn gật đầu. Nàng lại tiếp - Em mãi xem quá không để ý, bỗng con nê thông(Giống ngựa Hồ có sắc lông đen, trắng lẫn lộn trông giống như màu bùn. Đây là nòi ngựa hay và có trí nhớ kỳ lạ) em thường cưỡi đây buộc ở một gốc thông gần đó, hý lên một hồi dài hoảng hốt. Em vội quay lại thì đã thấy một con hổ đang lững thững đi về phía em. Sợ quá, em khuyụ xuống ngất đi. Tỉnh dậy, được biết chính là chàng hiệp sĩ này đã phóng một lưỡi dao trúng mắt con hổ. Nó gầm lên và xông thẳng vào chàng. Vật lộn cho đến cuối cùng chàng giết được hổ. Và vực em về sơn trại. Cha chàng là một người săn voi. Hai cha con thường khi mỗi người mỗi phương rừng cách biệt. Để biết tin nhau, chàng đã nuôi và dạy những con chim bồ câu, hằng ngày đưa tin đến cho cha chàng, và đem tin từ chỗ cha chàng về. Có lần, cha chàng bị một đàn voi vây kín các ngã. Ông phải chèo thuyền cảnh lên tận đỉnh một ngọn cây ở trên chóp núi cheo leo, mà voi không lên được. Nhưng chúng rình phục không cho ông xuống. Chính những cánh chim bồ câu này đã tìm thấy ông già. Và sau khi biết tin, chàng đã đánh lừa được đàn voi đi về phía thung lũng. Nghe chàng nói, trong ngàn dặm, chim bồ câu có thể nhớ đường đi lại. Vì vậy em đem theo cả chàng và những con chim kia cho vương điệt.

Không còn nỗi vui mừng nào hơn thế nữa. Cứ nom gương mặt ba vị tướng kia thì biết. Với Trần Hưng Đạo, từng nếp nhăn bên khóe mắt ông từ từ giãn ra. Toàn khuôn mặt bừng sáng. Ông nắm lấy tay chàng hiệp sĩ lắc mạnh. Trong thâm tâm, ông coi chàng như một người có cánh, một đạo sĩ có chiếc gậy rút đất trong tay. Trần Quang Khải cũng cùng tâm trạng như Quốc Tuấn. Vì rằng, chỉ nhờ vào những con chim kia và "phép lạ" của chàng trai này, tin tức về con ông, về đội quân cứu viện cho Chiêm Thành cùng những gì xảy ra trên đất này và bọn xâm lược Nguyên - Mông, Đạo Tái có thể thông báo về triều, chỉ ít một tháng đôi ba lần. Chao ôi, ông có đọc ở sách nào đó viết, từ thời Chiến quốc, ở bên Tàu người ta đã biết dùng bồ câu vào việc đưa thư. Song từ đó băng đi không thấy nói đến nữa.

- Nhưng làm thế nào để nhận được thư do chim mang từ Chiêm Thành về, nếu không có một ám hiệu gì đó cho nó nhận biết mà đáp xuống. Hỡi chàng hiệp sĩ hào hùng kia! Nếu chàng đã cứu hoàng cô của ta, nay lại muốn cứu cả binh đội của ta, thì chàng phải cho ta biết "pháp thuật" của chàng chứ?

Trần Đạo Tái vui vẻ hỏi chàng trai.

Chàng cười hồn nhiên, những chiếc răng của chàng trắng bóng, tỏa ra một thứ ánh sáng cùng với luồng sáng nơi trong mắt chàng, khiến ta cảm như đang đứng trước một thiên thần. Chàng đưa tay lên sờ vào mang tai, và như bẽn lẽn, chàng nói:

- Có ám hiệu chứ. Dạy cho cô kia biết rồi. Chàng nói và hát hàm về phía An Tư công chúa. Nếu quên - chàng lại nói, về núi Tản Viên hỏi bố tôi ấy. Ông già rành việc nuôi dạy chim và bầy voi lắm.

Thời ấy rừng già ăn tận tới các triền sông, ăn ra tới cửa biển. Đâu đâu cũng có rừng. Mà hổ, báo, voi, gấu thì nhiều vô kể. Ngay kế cận đất kinh kỳ, hổ cũng thường về. Còn voi đã từng có trong khu rừng trên một hòn đảo lớn giữa hồ Dâm Đàm.

Trần Đạo Tái vỗ vai chàng trai hỏi:

- Chàng có ưng đi với ta không. Đi theo quân, xa ngàn dặm? Mang theo cả những con chim quý của chàng đi.

- Có chứ, chàng trai nhận lời vẻ thản nhiên - Bố tôi nói rằng, bố của cô kia làm vua của đất này. Vua sai là mình phải nghe chứ. Mình theo các ông đi đánh giặc hả? Chàng gặng hỏi.

Trần Đạo Tái gật đầu.

Rõ ràng là chàng trai người dân tộc này chưa biết lễ nghi gì. Nhưng chàng là một người dân với tấm lòng yêu nước hồn nhiên như cây cỏ, khiến các vương đem lòng yêu mến.

Bỗng gà gáy ran. Đâu đó bật lên một hồi trống. Sang canh nền trời hơi sáng. Tại trung quân, tiếng trống đồng thúc lên hồi hả rồi im bật. Đó là hiệu lệnh xuất quân. Trần Đạo Tái nói lời bái biệt thân phụ, bá phụ cùng hoàng cô.

Ông vẫy tay chỉ cho chàng hiệp sĩ xuống lầu thuyền.

An Tư đặt chiếc dây cương con ngựa nê thông của mình vào tay hiệp sĩ, và nói:

- Ta tặng chàng con ngựa này, để chàng cỡi trên đường về báo tiệp. Con nê thông không chịu bước xuống thuyền theo hiệp sĩ. An Tư vỗ nhẹ trán nó và ghé tai nói thì thầm điều gì. Mắt nó chớp chớp rồi đứng đĩnh bước theo chàng.

Hiệp sĩ cúi đầu chào biết ơn, và đôi mắt chàng nhìn An Tư đau đáu, như một lần nữa ghi trọn dáng hình nàng vào thẳm sâu ký ức.

CHƯƠNG 12

"Phú quốc Cường binh sách" của Trần Hưng Đạo dâng hai vua đã được biến thành quốc sách. Tuy một số nhà quyền quý, một số công hầu khanh tướng tỏ ra không hài lòng. Vì họ phải thả bớt nông nô, phải xẻn bớt đất ruộng ra bán chịu cho nông phu. Nhưng đứng trước sự mất còn của non sông đất nước, buộc họ phải chọn lựa. Hoặc là phải bớt đi một phần không đáng kể của cải, tài sản, nhưng quyền uy vẫn không hề giảm sút. Hoặc mất tất cả, và ngay đến bản thân họ cũng phải làm kiếp ngựa trâu cho quân Mông - Thát. Tình thế đất nước, buộc họ phải chấp thuận. Và nữa, triều đình cũng xẻn bớt một phần quốc điền chia cho những người có cha già, mẹ yếu, con thơ phải đi làm việc binh. Lại giành cả phần ruộng đất cho cha mẹ, vợ con những người lính phải bỏ mình ngoài chiến trận trong cuộc chống giặc ngoại xâm. Chính sách ấy ban hành mới được một vụ cấy gặt, xem ra hết thảy trong dân gian đều hồ hởi. Các cụ già đến tám chín mươi tuổi đều nói: "Từ thượng cổ chưa có lệ này. Chưa bao giờ vua lại lo cho dân nhiều đến thế". Nhà nhà có ruộng. Người người chăm lo cấy cày, vun bón. Lúa tốt chưa từng thấy. Các lộ thượng hạ Hồng, Bắc Giang thượng hạ, Thiên Trường, Nghệ An... đều có sớ về triều tâu nhiều sự lạ. Như kỳ lân, rùa vàng, chim trĩ trắng xuất hiện. Lại lúa trở một dò hai bông, hạt sai trĩu trĩ. Được mùa to. Đúng như Trần Hưng Đạo đã dự liệu: "Nhà nhà bồ lẫm đầy ắp, thóc không còn đủ chỗ chứa". Kho dựn của nhà nước cũng phải coi nới hoặc làm thêm. Sẵn thóc, lệnh vua lại ban, mỗi nhà phải nhận năm phương lúa kho về xay giã rồi đồ chín, phơi khô cất giữ cẩn thận làm lương khô, phòng bị khi nước có giặc, tiện quân qua cấp tốc có thức ăn ngay.

Lệnh vua ban khắp nước tiến cử người tài bất kể văn, võ đều được tuyển dụng, sung vào việc quân. Cả nước mở hội thi võ.

Khắp bốn phương, trai tráng đều ra sức luyện rèn, võ, gậy kiếm, cung, đao, trượng, quyền, cước, bơi, lội... Thôi thì không thiếu một môn gì trong thập bát ban võ nghệ, mà đình tráng không tham gia tập tành, thi tuyển. Rồi nườm nượp các đại hoàng nam, các tiểu hoàng nam, kéo đến cửa các vương, hầu xin được tuyển vào đội tinh binh.

Chỉ trong vòng sáu tháng, lượng quân đã tăng gấp đôi. Thế nước bắt đầu nổi. Trần Nhân tôn xin với vua cha hội các chư tướng, vương hầu cùng bá quan để bàn kế sách đánh giặc giữ nước. Suy đi tính lại, Trần Thánh tôn nói:

- Đúng là thế nước đã nổi. Dân chúng hồ hởi. Binh nhiều, lương sẵn. Nhưng

binh cần phải tinh luyện nhiều hơn nữa, phải có đủ tướng tài và kế sách thâm sâu. Lại mới đây, Hốt- tất-liệt hối thúc việc mượn đường, cấp lương, đòi quân... Hạn kỳ sắp mãn, các việc ấy bàn ở Thăng Long e không tiện. Vì tai mắt nhà Nguyên đầy rẫy kinh kỳ, quan gia thử xem nên họp mặt nghị bàn ở đâu thì tiện?

Sau một lúc đắn đo suy nghĩ. Đường như đã có sự tính toán chín chu. Vua Nhân tôn nhỏ nhẹ nói:

- Trình phụ hoàng, theo con nên hội ở Bình Than. Vì đây là một vùng sông nước mênh mông, lại có nhiều rừng núi rậm rạp, thủy binh ta ken dày bốn mặt, quân gian khó mà lọt được vào do thám. Vả lại, bá phụ con vẫn thường nhắc đây sẽ là vùng chiến trường ác liệt. Nên cho các tướng ra đây để biết thêm địa hình, và bàn cả kế sách bố trí binh lực luôn thể.

Một sớm mùa đông. Đã qua giờ dần, mặt trời lẽ ra phải lên cao quá ngọn tre. Nhưng sương mù vẫn giăng trắng xóa. Bốn bề mịt mù sương khói. Cách mười mười lăm bước, chỉ nghe thấy tiếng nói chứ không nhìn thấy mặt nhau. Được nhà vua triệu, các vương, hầu, các đại thần, các tướng đi thủy, đi ngựa nườm nượp kéo về Bình Than từ chiều hôm trước. Cuộc nghị bàn của triều đình trên đất An Sinh thuộc thái ấp của Trần Hưng Đạo, nên vương vừa có phận sự cảnh giới quân gian, bảo vệ xa giá, vừa chu cấp phục dịch cho quan quân. Mãi tới cuối giờ mao mây mù mới tan hết, lộ ra một vùng nước rộng mênh mang. Xa kia, nơi sáu con sông qui đầu hội tụ. Quanh vùng sông nước bao la là rừng. Rừng bạt ngàn từ mép sông, giăng mắc khắp từ thung lũng tới các đỉnh núi điệp trùng. Bầu trời xanh, cao vợi vợi. Một vùng rộng lớn chỉ có trời, nước và rừng xanh. Thiên nhiên vừa vén lên chiếc màn sương không lồ, đã thấy thuyền đậu san sát quanh bến Bình Than.

Khắp sáu ngả sông dồn về, liên tiếp các trạm quân thủy, các binh thuyền tuần cảnh oai nghiêm. Các tay cung thủ, đao, kiếm tuốt trần, mắt dõi nhìn cảnh giới từ xa. Trên bộ lại càng nghiêm ngặt. Các ngả đường dồn về Bình Than, trại quân đóng ken dày. Từng tốp, từng tốp, hết bộ binh lại đến kỵ binh thay nhau từng khắc một, tuần hành rậm rịch, bụi cuốn mù đường. Cả mặt thủy, mặt bộ tưởng đến một cánh chim cũng khó lọt vào Bình Than. Đây là cuộc hội sư cao cấp, chỉ những người đứng đầu các thái ấp với các tước từ vương, hầu, công, khanh và các quan từ hạng nhất, nhị, tam phẩm cùng các tướng đứng đầu quân ở các lộ, phủ; đứng đầu các quân hồ bồn, cấm vệ, thánh dực... mới được về dự.

Mặt sông cách bờ chừng trăm trượng là bãi đỗ thuyền đông nghịt. Giữa là thuyền ngự. Đó là chiếc thuyền mang hình con rồng không lồ, sơn son thếp vàng. Trong các khoang thuyền đều có hàng con tiện chạy quanh, làm cho thông thoáng, có rèm buông với các tua ngũ sắc lấp lánh. Trên thuyền ngự la liệt các tàn, lọng màu vàng, thêu các hình long, ly, qui, phượng. Mất các con

vật thường được đính bằng những viên mã não, đá ngọc phát sáng nhiều màu. Các đồ nghi trượng, đàn bày oai vệ. Trên đỉnh cột buồm là ngọn cờ lớn thêu hai chữ "Đại Việt" bằng kim tuyến chói vàng. Xung quanh thuyền ngự là thuyền của các vương hầu, tướng lĩnh sơn màu anh vũ hoặc sơn then, có chạm khắc hoặc vẽ các hình phượng múa. Những thuyền áp sát thuyền ngự, là thuyền của các đại vương. Trên mỗi thuyền đều có cắm một lá cờ: Tá Thánh đại vương, Hưng Đạo vương, Chiêu Minh vương, Chiêu Quốc vương, Chiêu Văn vương, Chiêu Đạo vương, Trung Thành Vương, Chiêu Thành vương. . . Kế tiếp là đến các bậc dưới như Nhân Túc vương, Hưng Vũ vương, Hưng Trí vương, Vũ Đạo hầu, Văn Nghĩa hầu, Nghĩa Quốc hầu, Chương Hiền hầu . . . Tiếp đến là công bộ thượng thư, trạng nguyên Nguyễn Hiền; hàn lâm viện học sĩ kiêm Quốc sử viện giám tu, bảng nhãn Lê Văn Hưu... Và nữa là các tướng như Trần Bình Trọng, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Khoái...

Quân mới dâng được hai tuần trâu, nước, các vương hầu còn đang thăm hỏi nhau và đàm đạo ngoài lề, chờ xong tuần trà nữa thì nhà vua khai diễn nghị hội. Bỗng Nhân tôn trông thấy một chiếc thuyền lớn chở than, gỗ, đúng lúc nước rặc, gió thổi ngược chiều, làm vén cả vạt áo ngắn của người lái thuyền, phơi ra tấm lưng trần trắng mốc, và chiếc nón lá đội đầu cũng xô sụp xuống mặt. Khi người ấy hất chiếc nón lên, nhà vua ngờ ngợ bèn hỏi đám quan thị thần: "Người kia có phải Nhân Huệ vương không?". Lập tức sai người chèo thuyền nhỏ đuổi theo đến cửa Đại Than thì kịp. Đám lính bèn đồng thanh hô to: "Ông lái kia, vua sai đòi nhà ngươi".

Người lái thuyền vẫn đứng đỉnh chèo và đáp lại: "Ta chỉ là người nghèo buôn bán nuôi thân, có việc gì mà gọi đến ". Quân về tâu lại. Nhà vua nói: "Thế thì đúng là Nhân Huệ vương rồi. Người thường tất phải đến ngay". Nhân tôn lại sai nội thị đi gọi. Không cưỡng được mệnh, Khánh Dư mặt mũi lem luốc màu than, củi, vạt áo vải ngắn, đội nón lá ra mắt hai vua. Thánh tôn mỉm lòng bảo: "Nam nhi cực khổ đến thế là cùng". Bèn lập tức xuống chiếu tha tội. Lại cho dự bàn việc nước, việc quân. Trông mặt mũi Trần Khánh Dư lúc này, thật đúng là một ông lão bán than chất phác. Nhưng quả thực là một tướng mưu lược. Khánh Dư vốn là con riêng của thượng tướng Trần Phò Duyệt, thực ấp được phong ở vùng Chí Linh. Khi quân Nguyên xâm lược năm Đinh tị (1257), Khánh Dư nhân chỗ sơ hở của giặc, đem quân đánh úp, giặc khiếp đảm. Thượng hoàng (Trần Thánh tôn) khen là người có trí lược, lập làm thiên tử nghĩa nam(Con trai nuôi của vua). Sau đó theo vua đi dẹp loạn người miền núi, thắng to. Thượng hoàng tiếp phong phiêu kỵ đại tướng quân. Đây là tấm lòng ưu ái Thái tôn ban cho, chứ đúng phép nước, chức phiêu kỵ tướng quân, chỉ dành phong cho các hoàng tử có tài cầm quân. Nhưng vì Trần Khánh Dư đã được thiên tử nhận làm nghĩa

nam, xét ra không trái luật, nên có mệnh ấy. Rồi từ tước hầu được phong dần mãi lên tử phục thượng vị hầu, quyền chức phán thủ. Lại nhân trong một bữa tiệc mo nang (Tiệc hóa trang. Uống rượu say, đeo mo nang có vẽ hình các con giống lên mặt nhảy múa, có khi tắt đèn hỗn đâm trong phút chốc.)

Khánh Dư đã tìm cách thông dâm với công chúa Thiên Thụy là vợ của Hưng Vũ vương, con trai cả của Hưng Đạo vương. Việc này gây tai tiếng khắp kinh thành. Lại bấy giờ Hưng Đạo vương bình quyền chất ngất, vua sợ phạt ý nên sai trị tội Khánh Dư. Tức là đem Khánh Dư ra đánh chết ở hồ Dâm Đàm. Nhưng lại ngầm dặn đám quân hiệu nói tay, chớ có đánh đau quá để không đến nổi chết. Khánh Dư tuy không phải tội chết, nhưng bị lột hết quan chức, sản nghiệp bị tịch thu, rồi đuổi về quê quán. Bởi thế, Khánh Dư phải lam lũ, sống bằng nghề đốt than và buôn bán than củi.

Yên vị xong đầu đó, Trần Nhân tôn bèn nói:

- Từ ngày triều đình dụng sách "Phú quốc cường binh" thấy rằng việc binh có nhiều thuận tiện. Dân binh đông đúc mà tinh binh cũng tăng. Số tinh binh hiện có đã tăng gấp đôi so với các năm trước. Theo đó việc lương lại càng sung mãn. Khắp nước, không còn nạn thiếu đói nữa. Bỏ lăm nhà dân, kho dựn nhà nước đều ấm áp thóc. Đất ruộng từ một vụ, nhiều nơi đã cấy được hai. Lại chăm bón đầy đủ: lúa, ngô, khoai đều tốt bời bời. Bây giờ còn mấy việc lớn, có quan hệ đến sự mất còn của đất nước, cần phải bàn bạc thấu đáo. Trần Nhân tôn tạm ngừng lời, đưa mắt nhìn khắp xem các vương hầu, các quan, tướng có biểu lộ điều gì khác biệt trên gương mặt không. Một lát, nhà vua tiếp:

- Hốt-tát-liệt liên năm yêu sách Đại Việt ta làm đủ sáu việc như các khanh đã biết. Chúng ta đều khôn khéo chối từ. Trước đây, các việc đó không thỏa mãn, bên Đại đô có đưa thư trách. Lời qua tiếng lại, mọi việc rồi cũng qua đi. Nhưng từ năm Kỷ mao (1279), sau khi đã diệt xong nhà Tống, đặt được nền thống trị ở Trung Nguyên, thì sự việc ngày một thêm gay gắt. Thực tình, Hốt-tát-liệt muốn dùng sức ép bang giao, buộc ta phải nội phụ. Tức là người nước ta phải trở thành quận, huyện của nhà Nguyên.

Các việc gần đây mà Sài Thung và sứ đoàn của y ngênh ngang giữa đất Thăng Long, giữa chốn triều đình của ta một cách ngang ngược, thô bỉ cũng là biểu thị lòng khinh mạn của Hốt-tát-hệt cùng ý đồ thôn tính Đại Việt của y. Chúng ta đã hạ mình, đã nín nhịn hết mức. Không phải vì vua tôi ta không biết đến quốc sỉ, quốc thù. Mà hận vì lực ta còn yếu. Dân ta gần ba chục năm sống trong hòa bình. Nay nghe đến chuyện binh hỏa, nhiều người đâm hãi sợ. Vậy, ta cần có thời gian để khơi gợi lòng dân, khích lệ lòng quân. Nếu chẳng may kẻ kia đem đại binh tràn vào, như cách đây một năm, chắc là lực ta không đủ kinh chống với vài chục vạn tinh binh của Hốt-tát-liệt. Nhưng nay, thế nước đã nổi, liệu ta có thể một lần nữa cự tuyệt yêu sách của nhà

Nguyên, đòi ta phải:

- Một là, cho mượn đường bộ để quân Nguyên qua đánh Chiêm Thành.
- Hai là, ta phải góp thêm binh cùng với quân Nguyên thôn tính Chiêm Thành.
- Ba là, khi quân Nguyên qua đất Đại Việt, ta phải lo lương, thảo cho người, ngựa của họ. Rồi sau đó lại phải cung đốn thêm quân lương cho họ chờ qua Chiêm Thành.

Vậy các khanh hãy nghị bàn cho cặn kẽ.

Tiếng nhà vua âm vang như tiếng chuông trong trẻo, ngân dài trên mặt sông rộng. Nước sông xanh, sóng vỗ nhẹ, không khí yên ả, thanh bình, khiến ai nấy đều có cảm giác như đang sống trong thời thái cổ, khi mà loài người còn chưa biết đến chiến tranh.

Giữa lúc triều thần đang im phăng phắc nghe nhà vua bố cáo các việc quân quốc trọng sự, thì có hai chàng thiếu niên phóng ngựa như bay về phía bên Bình Than. Hai con ngựa một xám, một tía, bọt xùi trắng mép, bốn vó sải dài như bay vào không gian. Tới chân cầu phao, nơi dẫn ra đoàn thuyền cò xí rợ trời, vàng son lóa mắt thì họ dừng ngựa, rồi nhảy phắt xuống nhẹ nhàng như những kỵ sĩ dạn dày chinh chiến. Lập tức họ bị quân canh ngăn lại. Chàng thiếu niên đi đầu, mặt đỏ gay, mồ hôi nhễ nhại, vừa nói vừa ghìim hơi thở mạnh:

- Ta, chàng chỉ vào mũ, áo, đai bồi mang tước hầu của chàng và nói - Hoài văn hầu Trần Quốc Toản. Chàng ngược cặp mắt trong sáng với vẻ ngạc nhiên nhìn người quân hiệu.

Quốc Toản vừa dứt lời, thiếu niên thứ hai cũng nói luôn:

- Còn ta, Hoài Nhân vương Kiện.

Mặc dù hai người đã xưng đủ phẩm tước, lại nói với vẻ thành thật, nhưng người quân hiệu vẫn đứng chắn lối đi, và lễ phép thưa:

- Bẩm, tôi không dám nghi ngờ gì các vương, hầu. Nhưng đây là đức vua nghị bàn việc nước, chỉ có những đức ông đã lớn tuổi mới được vào. Ai vào đây cũng phải có tín bài xuất trình.

- Bậy nào, Quốc Toản quát mắt nạt. Việc nước là việc của mọi người, mọi nhà. Lại chợt nghe lồm bồm tiếng được tiếng mất, cái gì như là "Cho mượn đường để quân Nguyên đánh qua Chiêm Thành" lúc vừa đặt chân tới bến. Thế là chàng gạt người quân hiệu ra, chạy băng lên. Vương Kiện không dám chạy theo chàng mà đi ngược lại bến.

Quốc Toản vừa chạy vừa la: "Xin quan gia đừng cho giặc mượn đường ! Mưu đồ Ngu diệt Quắc đấy !". Người quân hiệu không đuổi, chỉ rút chiếc tù và ở lưng ra thổi ba tiếng. Lập tức có cả chục người đứng canh ở phía đầu cầu phao, tiếp giáp với các mạn thuyền, thuận những tay to lớn như các đồ vật nhô ra cản chàng.

Tiếng la làm kinh động, khiến một số người ở những cánh thuyền vòng ngoài nhao nhao nói:

- Trối chúng lại!
- Quân phạm thượng?
- Tội khi quân?
- Chém để giữ nguyên quân pháp !

Nghe tiếng ồn ào, Trần Thánh tông, Trần Nhân tông cả hai vua đều lộ ra hỏi:

- Có chuyện gì vậy?

Thị vệ liền cho đòi mấy người quân hiệu lại. Họ thuật các việc như đã xảy ra. Hai vương cùng cười xòa.

Các đại vương nhiều người xin vua cho tiếp tục nghị bàn. Lại có người đòi phải nghiêm trị.

Vũ Đạo hầu nói:

- Quân pháp vô thân! Không trị tội, khó mà giữ nghiêm được phép nước.

Trần Bình Trọng nói:

- Quốc gia hữu sự, thất phu hữu trách. Nay Hoài Văn hầu người nhỏ mà chí lớn. Muốn đem tuổi trẻ hiến dâng cho Tổ quốc, họ chẳng đáng nêu gương sáng cho thiên hạ chung soi? Có sao lại bắt bẻ tội tình gì?

Hoài Văn hầu không những không được dự bàn, còn nghe họ đòi trị tội, chàng giận đến tràn hông. Nổi uất ức bốc lên như chẹn cứng nơi cổ họng, không bật ra thành tiếng nói được. Chàng không thể hiểu, tên tuổi một số vương xưa nay chàng từng đem lòng kính ái, mà lại tới tấp thiên cận đến như vậy. Chàng cười thầm:

- Họ độc quyền cả lòng yêu nước! Nghĩa là chỉ có họ - người có quyền cao chức trọng mới được dự bàn việc nước? Còn dân chúng thì sao? - Dân chúng chỉ là một thứ bèo bọt trong tay họ sai khiến, áp đặt?

Thấy lời qua tiếng lại gay go. Chiêu Thành vương bèn đứng lên vái hai vua mà rằng:

- Hoài Văn hầu chẳng may cha mất sớm. Hạ thần là chú ruột, lại không dạy bảo được cháu chu toàn. Hạ thần xin được chịu tội thay cho cháu, vì nó chưa đến tuổi thành niên. Vả lại, cảnh nhà Toàn hiem hoi một mẹ một con -

Ngừng nhìn hai vua, mắt ông đỏ lên vì giận, cả vì xúc động nữa, ông lại nói: - Âu cũng là chuyện hổ phụ sinh hổ tử. Cuộc đẹp giấc Mông - Thát tràn vào năm Đinh tỵ, cha nó hăng hái lập được công lớn. Thượng hoàng đã ban cho hai ba phẩm tước, lại cho hưởng thêm thực ấp. Nay con trẻ đại đột trót bộc lộ thái quá lòng trung với nước, nên phạm oai trời, kính mong bệ hạ soi xét.

Thượng hoàng Thánh tông nghe thấu xong mỉm cười - Chiêu Thành vương hãy bình tâm. Nhà vua đưa mắt nhìn Quốc Toàn suốt từ đầu đến chân, lòng thầm khen: "Thằng bé khôi ngô, tư chất đàng hoàng". Đoạn Thánh tông thông thả truyền:

- Hoài Văn hầu phạm vào luật cấm, không thể nói là không có tội. Nhưng đáng trọng thay nhân cách của một con người - một thiếu niên đối với sự mất còn của đất nước. Ta cho đây là một điểm báo trước vận nước đang hưng, nên sự hùng tâm hùng lực đã biểu hiện ngay cả ở đám thiếu niên non nớt. Ta cho lời nói của tướng quân Trần Bình Trọng về gã tiểu anh hùng này là hữu lý.

Đúng lúc đám quan nội hầu dâng hoa quả lên hai vua. Đây một mâm cam, quýt, Trần Nhân tôn nhón lấy một quả cam đặt vào tay Quốc Toàn, nói lời an ủi:

- Lòng trung dũng của em, vậy là cả nước đều biết. Vận mệnh nước nhà, nhất định phải trông chờ vào lớp người sau như em. Tiếc rằng em còn nhỏ quá. Hãy về quê thờ mẹ cho trọn hiếu, chịu khó rèn luyện thân thể cho cường tráng, tập tành võ nghệ cho tinh thông, chờ ngày giết giặc lập công. Nhà vua nhẹ nhàng đặt hai tay lên đôi vai hơi gầy của Trần Quốc Toàn. Đám quan thị vệ dẫn Quốc Toàn lên bên. Đi qua đoạn cầu phao, lòng chàng đầy hậm hực, hai ba lần ngoái nhìn lại nơi các vương hầu đang nghị bàn việc nước, với ánh mắt giận hờn - “Được, ta sẽ cho các người biết thế nào là gan dạ thiếu niên - Dám coi ta là con nít”, chàng thầm nhủ lòng như vậy. Khi người quân hiệu đặt chiếc dây cương ngựa vào lòng tay chàng. Quốc Toàn xòe ra đỡ, quả cam trong tay chàng đã bóp nát từ lúc nào, chỉ còn lại một nắm bã. Vứt xác quả cam xuống đường, chàng nhảy phốc lên mình ngựa ra roi. Đi được một quãng thì Hoài Văn hầu gặp Vương Kiện đang tha thẩn chờ chàng.

Lại nói đến việc nghị bàn. Sau khi Trần Nhân tôn nói về các yêu sách vô lý của vua nhà Nguyên, và những điều kiện láo xược mà Hốt-tát-liệt áp đặt, tiếp đến là tướng quốc thái úy Chiêu Minh vương Trần Quang Khải, bố cáo các việc trong nội tình đất nước, như việc binh, việc lương. Khi nói đến công cuộc bang giao với ngoại nhân, chủ yếu là với triều đình nhà Nguyên, thái úy không nén được lòng căm uất, vì tất cả những điều quốc sỉ mà với tư cách một tướng quốc, thái úy phải cân nhắc, nhường nhịn sứ giặc. Cuối cùng thái úy dẫn giọng:

- Hai mươi lăm năm kể từ sau cuộc xâm lăng của giặc Mông-Thát năm Đinh ty, quốc triều ta đã nhún mình thờ nước lớn cho phải đạo. Nhưng ta càng nhún, kẻ kia càng lấn. Khi trước Hốt-tát-hệt chưa định xong Trung Nguyên, y còn nương gượng, khi căng khi chùng. Nhưng từ khi y đã đại định được Trung Nguyên, thì việc lấn tới ngày càng trắng trợn. Chúng ta càng không muốn có nạn binh đao, cho nên chúng ta cứ phải nhượng bộ; kẻ kia cậy mạnh, nên càng ép. Chúng ép được mà không phải động binh, tức là thượng sách của chúng. Khi chúng không ép được, lập tức chúng sẽ dùng binh. Theo thiện ý của hạ thần, công cuộc bang giao không còn mấy may hy vọng. Nếu

chúng ta không tự mài nanh giữa vuốt, binh mạnh, lương nhiều, tức là chúng ta nộp mình cho hổ đói.

Trần Nhân tôn nhìn khắp lượt triều thần, rồi quay lại hỏi quan công bộ

Nguyễn Hiền:

- Khanh cho biết công cuộc rèn đúc khí giới đến đâu. Có sáng chế thêm được loại nào đặc dụng không?

Được nhà vua hỏi đến, Nguyễn Hiền vội liếc nhìn lại cái hốt cầm trong tay.

Đó là những việc chính cần tâu, cần bàn, ông đã ghi kín cả hai mặt hốt.

Nguyễn Hiền có dáng người nhỏ nhắn, nom ông có vẻ một văn nhân hơn là một võ tướng. Từ khuôn mặt, cặp mắt cho đến đôi môi, các đường nét đều toát lên sự thanh tú, thâm trầm mà điềm đạm. Ta còn nhớ khoa thi năm Đinh mùi (1247), khi nhà vua cho tam khôi vào bệ kiến, và trao mũ áo trạng nguyên, Nguyễn Hiền ngày ấy là một chú bé mười ba tuổi, đã làm cả triều đình kinh ngạc. Đức Thái tôn đặt chiếc mũ lên đầu trạng, mũ rộng sụp gần kín cả khuôn mặt. Lại chiếc áo bào có đai ngọc, mặc trùm kín cả người như một cái chăn rộng. Nhà vua phải thốt lên: "Thời thịnh chăng? Thần đồng xuất hiện chăng?". Ba mươi lăm năm trôi qua, cuộc đời trạng xiết bao thăng trầm, từng trải.

Nhớ lại chiến trận chớp nhoáng năm Đinh tỵ, tướng giặc Ngột-lương-hợp-thai kéo quân vào cõi, tướng ăn tươi nuốt sống Đại Việt. Ngày ấy Nguyễn Hiền mới hai mươi ba tuổi, ông chỉ làm việc quanh quẩn trong Nội thư gia(thư viện hoàng gia), Quốc tử viện(nơi con cái các đại thần hoàng thân quốc thích học tập), rồi lại Quốc sử viện. Phải nói, buổi sơ Trần chỉ có Trần Thủ Độ là người kiệt kiệt nhất. Trị nước đã giỏi, giữ nước cũng giỏi. Ông tạo dựng cũng được lắm người tài. Như Trần Quốc Tuấn chẳng hạn. Ngay khi Trần Thủ Độ còn sống thì Quốc Tuấn đã là một tướng giỏi. Trận giao tranh đầu tiên với giặc mạnh, ông cũng tìm được phép đánh, không cho giặc phát huy sở trường. Ông là một vị tướng đánh giặc không cần thắng ngay, không ham thắng nhiều, mà chỉ cần những trận thắng quyết định có cơ chuyển xoay đại cuộc. Từ ngày ấy, Quốc Tuấn đã hé lộ bản lĩnh của một bậc trí tướng. Và nay, ông là cột trụ của triều đình. Nguyễn Hiền liếc nhìn Quốc Tuấn, con người uy phong凛冽 như Quan Công, lúc nào cũng điềm đạm. Thắng không kiêu, bại không nản.

Trước sự uy hiếp ghê gớm của kẻ thù, ông vẫn thông dong thư thái. Nguyễn Hiền nhận thấy Hưng Đạo vẫn chăm chú nghe mọi người nói. Đôi mắt sáng thỉnh thoảng lại dọi vào người này người kia, hệt như đôi kính chiếu yêu, để tìm ra sự trong đục đang ẩn náu đằng sau những tấm áo thụng tía của các vương thần. Có lúc ông ve vuốt chòm râu rậm đã ngả màu sương khói, và mỉm cười. Nom ông thanh thoát như một đạo sĩ Lão-Trang, như một tiên ông đang trầm mặc bên bàn cờ thế sự. Ấy vậy mà Quốc Tuấn cũng chỉ hơn

ông chừng bốn năm tuổi. Sức nhớ lời vua hỏi, Nguyễn Hiền cẩn trọng tâu:

- Tàu thượng hoàng, tàu quan gia. Hiện theo lệnh của triều đình, dân chúng đang mở mang nghề rèn. Mỗi làng bắt buộc phải có một bể lò rèn để rèn đúc khí giới. Các lò mới lập thợ chưa giỏi, thường chỉ rèn các loại giáo búp đa, dao trường, mã tấu, đinh ba, câu liêm và các đồ dao rựa, cuốc cào cho dân binh, và cho cả nông phu. Còn các lò lớn, thợ giỏi sẽ rèn, đúc các loại vũ khí to, nặng như trùy, đao, búa, côn, kiếm và các mũi tên đồng cho các bậc đại tướng, các dũng sĩ và đội quân thần nỏ. Dạ tâu, nếu mua được đủ sắt, gang, đồng, các lò làm cật lực thì trong vòng một năm nữa mới đủ binh khí cho hai mươi vạn tinh binh và ba mươi vạn dân binh. Dạ, đây là nói số binh khí trang bị đại đồn, chứ dự trữ thì chưa có. Dạ, việc khai mỏ đồng, mỏ sắt của ta vẫn tiếp tục, nhưng không đủ dùng cho việc binh quá lớn.

Trần Thánh tôn ngắt lời:

- Liệu Hốt-tát-hệt có chờ một năm nữa để cho khanh rèn xong binh khí, rồi y mới đề binh không?

- Muôn tâu thánh thượng, Nguyễn Hiền nói - Nếu Hốt-tát-liệt cấp thời đánh ta ngay, thì hiện số binh khí trong nước cũng tạm thời đủ dùng cho mười lăm vạn tinh binh, hai mươi vạn dân binh. ấy là chưa kể số vũ khí do dân tự tạo như cung, nỏ, côn, đao. Và lại nhiều thái ấp, các vương đều có lò làm binh khí cả. Bẩm hoàng thượng, lúc đó phải nhân lòng căm giận của toàn dân lên thành sức mạnh thần thánh mà đánh giặc. Hơn nữa phép làm tướng, phải biết lấy ít đánh nhiều, lấy yếu đánh mạnh, cướp lấy binh khí của giặc mà đánh lại giặc. Lấy lương thảo của giặc mà nuôi quân mình.

Dạ, muôn tâu, hiện thời thần đang cho chế thử mấy loại súng lớn, gọi là "Cự thạch song sảo pháo", và "Cự thạch ngũ sảo pháo" (Đây là loại pháo bắn đá hai nòng, năm nòng. Đương thời quân đội Ba-tư cũng được trang bị loại pháo này do họ tự chế). Dạ, loại đơn sảo thì trong quân đã có dùng lâu rồi. Loại này có thể bắn xa vài ba ngàn thước, mỗi lần bắn khoảng gần trăm viên đạn đá. Đá ấy có thể xuyên thủng được chiến thuyền bọc đồng lá và ván gỗ dày ba tấc. Loại này chủ về đánh tàu thuyền hoặc công phá thành trì. Một loại nữa là hỏa pháo. Loại này chủ về đốt kho lương, kho cỏ, hoặc bắn vào nơi tập trung quân bộ, quân kỵ. Dạ, còn chiến thuyền hiện có ba lò đang đóng ở Bạch Hạc, Thiên Trường và cửa Hội đủ cung cấp cho quân thủy của ta. Nỗ liên châu thì đã giao hẳn cho Trịnh Giác Mật làm từ hơn một năm nay, đủ phân phát cho các đội thần nỏ trong quân.

Dạ, muôn tâu bệ hạ, các loại binh khí, chiến cụ của quân Nguyên không hơn gì quân ta. Thậm chí, nếu ta chế thành công mấy loại pháo thì ta hơn địch. Tuy nhiên, không thể coi thường quân kỵ của giặc Nguyên. Hàng trăm quốc gia nghiêng đổ thành trì vì kỵ binh Mông Cổ. Việc này chắc Quốc công đã có sách lược. Nguyễn Hiền nuốt một hơi thở nhẹ vào bụng, như nén đi nỗi

một nhọc mà từ mấy năm nay ông phải gánh vác. Đoạn ông lại nói - Tàu hoàng thượng, sự thắng bại không hoàn toàn lệ thuộc vào nơi binh khí mà ở tài thao lược của tướng lĩnh, và lòng trung dũng của ba quân. Nhân đây, thần xin bệ hạ cho xuất kho ba mươi vạn lượng vàng để mua đồng, sắt và thuốc súng. Dạ mua ngay của khách buôn người nhà Nguyên và người Hồi-hột. Nguyễn Hiền vừa dứt lời, không khí im phăng phắc, chỉ nghe tiếng sóng vỗ lóc róc quanh mạn thuyền. Và bất chợt một đàn ngỗng trời bay qua che rợp cả mấy chục chiến thuyền. Đúng lúc chúng giăng ngang thuyền ngự, thì cả bầy cùng thả ra những tiếng kêu vang từ lưng chừng trời, tưởng như đó là khúc nhạc tiên thiên tấu mừng các quần hùng tụ hội. Thế nhưng Trần Thánh tôn lại nghĩ khác. Nhà vua liên tưởng đến tiếng quạ kêu đêm khi chúng bay ngang qua thủy trại của Tào Tháo trên sông Trường Giang, lúc Tháo sắp sửa đánh Đông Ngô. Nét mặt nhà vua lộ vẻ buồn chán. Thánh tôn hát hàm hỏi Hàn Thuyên: "Thế là điềm gì?".

(Hàn Thuyên vốn họ Nguyễn làm quan tới chức thượng thư bộ Hình. Tháng 8 năm Nhâm ngo (1282) (trước sự kiện Bình Than hai tháng) có cá sấu nổi lên ở sông Lô. Vua sai Nguyễn Thuyên làm văn, thư ném xuống. Cá sấu tự đi mất. Vua cho việc này giống như việc của Hàn Dũ đời Đường, bèn cho Thuyên đổi họ Hàn.)

- Muôn tàu thượng hoàng, quan Hình bộ thượng thư nói - Thiên nga là một giống chim quý của phương bắc. Nay chớm mùa đông, chúng tránh rét di trú về phương nam ấm áp. Vậy là đất lành chim đậu, xưa nay vẫn thế. Đàn chim đông đúc thế kia, càng làm tăng thêm cảnh đẹp và sự phồn vinh của phương nam. Xin bệ hạ yên tâm. Đó là lộc trời cho Đại Việt ta đó. Dạ, muôn tàu thượng hoàng, cảnh nay khác xa cảnh tiếng quạ kêu đêm của Tào Tháo. Vì quạ là loài ác diệu. Quạ là giống chim ăn ngày, lại bay ra kêu đêm như loài cú. Điều trái tự nhiên ấy, báo hiệu một điềm gở. Chính nó đã ứng vào trận Xích Bích, khiến tám mươi ba vạn quân Tào bị đánh tan tác.

Nghe Hàn Thuyên phân giải, vua tôi lại vui vẻ. Trần Nhân tôn gạn hỏi:

- Vậy là vương triều ta nhất tâm cự tuyệt việc nhà Nguyên mượn đường đánh Chiêm, cùng các yêu sách khác của Hốt- tất -liệt đều gạt bỏ?

Thánh tôn nói tiếp:

- Cự tuyệt, nhưng vẫn cứ phải nhún nhường. Theo ta, nên gửi biểu trần tình sao cho kẻ kia không vì lẽ ta chối từ mà nổi giận.

Chiêu Quốc vương Trần ích Tắc từ sớm vẫn chưa khai khẩu nói điều gì. Mặc dù trong các lời qua tiếng lại, có nhiều việc, nhiều điều bất như ý. Trong thâm tâm ông vẫn cho hai vua và triều đình đều thiện cận, không biết tự lượng sức mình. Ông thương cho đám dân đen vô tội, một khi bị cuốn vào cơn binh hỏa, thì họ cũng chỉ là một lũ thiêu thân.

Thấy không thể không bày tỏ ý của mình, Chiêu Quốc vương bèn nói:

- Tàu hoàng thượng, tàu quan gia, Đại Việt ta từ thuở lập quốc vẫn một lòng thờ nước lớn lân bang. Mạnh yếu mỗi thời khác nhau. Như Ngô vương Quyền, Đinh Tiên Hoàng, Lê Hoàn tuy có đánh đuổi được quân Nam Hán, quân Tống, nhưng vẫn một lòng thần phục, chịu cho phương Bắc phong thần. Tiếp đến nhà Lý, tạo dựng được một quốc gia hùng cường. Nhằm lúc nhà Tống suy yếu, thừa cơ Lý Thường Kiệt đem quân vào đánh phá hai châu Khâm, Liêm. Nhưng rồi lại phải nhanh chóng rút về phòng thủ, và vẫn phải xin giảng hòa và chịu phạt phiên thuộc. Nhưng nhà Tống cũng chỉ phong cho tước An Nam quận vương. Mãi sau đó mới chịu phong các vua nhà Lý làm An Nam quốc vương. Lại so binh ta với binh thời Lý thế nào? Binh ta nhiều hơn, mạnh hơn binh thời Lý? Nhưng binh Nguyên so với binh Tống thời ấy thì sao? Trần Ích Tắc dẫn giọng hỏi. ông tự ngừng một lát, rồi lại lên tiếng - Binh nhà Nguyên hiện nay có sức mạnh di sơn đảo hải. Khắp bốn phương trời, đều không có địch thủ. Từ đông sang tây, từ nam đến bắc, từ miền rừng rậm núi cao, sông hồ đầy rắn rết, đến các miền sa mạc khô cằn, cả đời người không thấy một trận mưa. Từ miền bốn mùa rét mướt giá băng đến các vùng biển sâu thăm thẳm, núi cao chót vót chọc trời. Từ đế quốc hùng mạnh ghê gớm, mà âm vang còn khiếp đảm nhiều dân tộc, như đế quốc La Mã cổ xưa, hoặc của quốc gia mệnh mông gấp trăm vạn lần các quốc gia khác, như Trung Hoa, Thiên Trúc, Nga-la-tư, Ba-tư, Ai-cập... tất cả các thành trì ấy, các vương quốc ấy đều run cầm cập hoặc bị xéo nát dưới vó ngựa tàn bạo của quân Mông Cổ. Quân Mông Cổ đi đến đâu thì gió ngừng thổi, cát ngừng bay, nước sông ngừng chảy. Vó ngựa quân Mông Cổ lướt tới đâu, đường không còn một ngọn cỏ. Các quốc vương đều nơm nớp cúi đầu dâng nộp thành trì. Đội quân ấy đã chinh phục Trung Hoa, làm nhục nhiều đời vua Tống, đã tàn phá xác xơ và hiện đang thống trị Trung Nguyên. Sức mạnh Mông Cổ, hợp với kho của kho người của Trung Hoa, sẽ là nguồn cung cấp vô tận cho cả chục cuộc chiến tranh lớn, sẽ kéo dài tới trăm năm không nao núng. Thử hỏi, cái cang xe con bộ ngựa của chúng ta, có làm đổ cỗ xe hàng trăm voi kéo của nhà Nguyên không, mà bệ hạ cự tuyệt không cho Hốt-tát-liệt mượn đường? Người thức giả phải biết làm việc gì có lợi cho nước, cho dân. Kết liên với nước mạnh, là việc làm khôn ngoan nhất. Phải biết tự lực sức mình mà chờ thời, nếu không sẽ có tội với quốc dân và làm trò cười cho hậu thế. Mọi người đều đã đọc qua Kinh Dịch sao không biết ngẫm cái chữ "thời"? Trần Ích Tắc hạ một lời hết sức cao ngạo, khiến ai nấy đều bất bình.

Trần Khánh Dư một con người thất thế. Một tướng tài bỏ xó đã nằm chết dí ở góc rừng sâu, kiếm ăn cho qua ngày đoạn tháng, như một lão tiều phu. Ông không còn gì nữa để chờ thời. Gia sản bị tịch thu. Tước trật bị cách tước. Ông vua đối với ông là chưa phải chết, và chưa phải đổi họ tên. Từ lúc bị

gọi lên thuyền ngự, ông vẫn ngồi bó gối nghe bàn. Điều gì ông cũng nghe cả, nhưng rồi ông cũng coi như một cơn gió thoảng, chẳng còn ngưng đọng được chút gì trong óc não. Việc ông quan tâm hơn hết trong lúc này, là chiếc thuyền than đầy ắp của ông đang nằm đây, như một kiểu bị cầm giữ, trong khi các lái mua đang chờ ông tại bến. Thế là ông đã sai hẹn, và họ sẽ mua than của thuyền khác. Than ông lỡ mất một phiên chợ. Vợ con ông lại thiếu đói mất năm ngày gạo.

Nhưng nói cho công bằng, thì sự việc xảy ra ban sáng, đối với thằng bé cháu nhà Chiêu Thành vương, tức Hoài Văn hầu Quốc Toản, cũng có làm ông tủi lòng. Sự thật, ông rất trọng nhân cách của cậu bé này. Tuy là trong nội tộc, nhưng ông ở khác chi, và nhất là sau khi ông thất thế, thân còn cũng coi như đã khuất. Vì có thân mà không có danh, đời còn ai biết đến, nên ông chẳng có đi lại, có quan hoài với ai trong nội tộc. Nhưng vừa nghe mấy lời dạy dỗ cao ngạo của hoàng tử Chiêu Quốc vương, ông thấy nổi máu uất ở trong người. Chao ôi một con người cứ nghe đồn nổi tiếng tài hoa, văn học lẫy lừng vào bậc nhất Thăng Long. Kiến thức hơn đời gì mà nhân cách không bằng thằng bé con. Đã không dám chống lại bọn rợ Hồ, lại còn dùng ba tác lược biến chúng thành con ngoáo ộp nạt dọa người đời. Bực mình, Trần Khánh Dư đứng phắt chạy đến trước mặt thượng hoàng, sụp lạy:

- Muôn tâu, thần tuy có bị lỡ phiên chợ, cũng xin được tỏ đôi lời.

Nghe Khánh Dư nói, mọi người cười ồ. Khánh Dư nghiêm lạnh nhìn khắp lượt.

Không khí có vẻ căng thẳng.

Trần Thánh tông nhìn sắc mặt Khánh Dư hiện lên vẻ quắc thước, trở lại phong độ của một vị tướng, chứ không còn rụt rè của một ông lái bán than. Nhà vua thấy đẹp lòng bèn khích lệ:

- Khanh cứ nói tự nhiên. Đây là bàn việc quốc sự. Chưa ngã ngũ bề nào. Các ý phải trái chưa phân, không việc gì phải che giấu lòng mình.

- Kính thưa thượng hoàng ! Kính thưa quan gia - Khánh Dư lại nói và đưa mắt nhìn khắp lượt - Kính thưa các vương hầu, các đại quan - Cuộc chiến năm Đinh ty tôi được Thái thượng hoàng cho theo đánh giặc Thát. Ngày ấy chỉ thuần quân Thát-đát hung bạo, chứ chưa có đám quân tân phụ hèn yếu xen lẫn vào như quân Nguyên bây giờ. Theo thiên ý của tôi, các nước lớn bị thua bọn rợ Hồ này, là vì nội tình họ ngu hèn vị kỷ, chứ không vị dân, vị quốc. Chúng nó, cái bọn nhà Nguyên ấy, thuần là một lũ giặc, cướp. Thiên binh, thiên tướng, thiên tử, thiên triều gì nếu đem quân vào đất người cũng đều là giặc, là cướp cả. Giặc vào nhà, cướp vào nhà phải đánh đuổi nó ra, để mà yên ổn làm ăn. Thử hỏi, có nhà nào, trộm cướp đến không lo việc hô hoán làng xóm cứu rồi tự mình đánh đuổi nó đi, lại trói cha mẹ vợ con anh em lại nộp cho cướp. Và chỉ cho nó chỗ cất giấu của cải. Đó là việc tự cổ

chưa từng thấy. Cho nên đối với nhà Nguyên, dùng sức mạnh ép ta đủ điều. Ta muốn sống đàng hoàng như một con người thì phải chống lại, đánh lại? Tôi tuy bất tài, xin theo dưới quân đánh giặc. Ông thượng thư bộ công lo phần binh khí thế là rất quý. Mong sao các loại cự thạch "Song sảo", "Ngũ sảo" pháo và "Hỏa pháo" ấy thành công mỹ mãn. Thần đã được đọc và có nghiên ngẫm kỹ "Hưng Đạo binh pháp". Xin đem sách ấy dạy cho tướng sĩ. Thâu nhận được tinh thần đó thì sức mạnh trong quân không biết đến đâu mà lường trước được. Xin chớ có ngại ba cái thằng kỵ binh Mông Cổ nhai ranh, với mấy con ngựa nòi. Chính chúng đã đại bại trên đất này hai mươi lăm năm trước. Nhiều người ở đây đã từng đánh giặc Thát. Cũng nhiều người chứng kiến khi giặc Thát rút chạy nhanh hơn là khi nó đến.

Lời nói của Trần Khánh Dư như khích vào lòng tự trọng dân tộc và tự tôn phẩm giá, khiến ai nấy đều cựa muốn nói. Khác với khi Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc biện bác, làm cho không khí im lìm. Tuy nhiên, không phải chỉ có một mình Ích Tắc có lòng nể sợ Hốt-tát-liệt, mà rất nhiều người ở vào hàng tôn quý cũng nghĩ như ông, song họ không dám nói ra.

Nghe lời bàn của Trần Khánh Dư, hai vua rất đẹp lòng. Ngay lập tức, Trần Thánh tông ban ý.

- Triều đình sẽ trả lại tất cả gia sản cùng thái ấp phủ tước cho khanh. Trẫm sẽ mua thuyền than của khanh với giá gấp mười lần giá chợ. Khanh có bằng lòng không? Nhà vua nhìn về phía Khánh Dư và mỉm cười.

Trần Khánh Dư vái tạ với tấm lòng biết ơn.

Kế đó, Trần Nhân tôn nói:

- Vậy là ngày hôm nay trời cho ta thêm một viên đại tướng ! Có đúng là ứng với điềm thiên nga sớm nay không các khanh?

Mọi người cười vui.

Nhà vua lại hỏi:

- Vậy chớ còn ai muốn bày tỏ điều gì. Ngay cả sự lo ngại nữa, cũng nên nói cho cạn nhẽ, rồi ta bàn thật thấu đáo. Đây là việc nước, ai ai cũng có trách phận như nhau. Trần Nhân tôn nói và dùng lại cặp mắt hiền hậu nơi hàn lâm học sĩ Lê Văn Hưu.

Thấy nhà vua có lòng ưu ái đối với mình, quan quốc sử bèn vòng tay vái bệ trên hai vái, rồi nói:

- Dạ muôn tâu, ý trăm quan đều tỏ rạng cả. Thần là một sử quan, xin ghi nhận và chép lại hết thấy sự việc thật trung thực, để đời sau được biết, trước thế nước nghìn cân treo tóc, vua tôi đã bàn như thế nào, và sẽ làm như thế nào để giữ nước. Dạ, thần không dám bình phẩm gì cả. Lời bàn của quan đôi khi làm thiên lệch sức kiến giải của hậu thế. Như đo đẵn mả và dẫn lòng, Lê Văn Hưu lại nói:

- Tuy vậy, thần chỉ nêu lại một vài cảnh ngộ đã diễn ra trong lịch sử gần đây,

để thượng hoàng và các bậc đồng liêu nghiêm khảo. Ấy là việc nhà Bắc Tống bị quân Kim thôn tính. Nhưng Mông Cổ lại chinh phục được nước Kim. Năm Nhâm thìn (1232), tháng năm, Mông Cổ chiếm Biện Kinh(Khai Phong), Kim Ai tông chạy về Qui Đức, rồi về chốt ở Thái Châu(nay là đất Nhữ Nam thuộc tỉnh Hà Nam).

Người Mông Cổ vừa thiếu quân vừa cạn lương. Muốn diệt được quân Kim, họ bèn liên minh với nhà Nam Tống cùng đánh. Giao ước rằng diệt xong Kim, nhà Nam Tống sẽ thu hồi ba kinh thành: Đông Kinh(một tên khác của Khai Phong), Tây Kinh(tức kinh đô Lạc Dương của đất Hà Nam) và Nam Kinh(tức Thượng Khâu, thuộc tỉnh Giang Tô ngày nay).

Tổng Lý tông bèn sai Mạnh Hồng làm tướng, đem hai chục ngàn quân và ba trăm ngàn thạch lương, giúp Mông Cổ vây Thái Châu.

Năm Giáp ngọ (1234), tức là hơn hai năm sau, liên quân Mông-Tống đánh vỡ Thái Châu, Kim Ai tông tự sát. Nước Kim mất.

Theo ước thúc, nhà Nam Tống tiến quân thu hồi lại các miền đất cũ. Nhưng quân Mông Cổ đã tháo nước sông Hoàng Hà dìm chết mấy vạn quân Tống. Kế đó là một cuộc đại xâm lăng nhà Nam Tống. Vương triều Tống đã kết thúc thê thảm trong thế trận Nhai Sơn vào năm Kỷ mao (1279). Lê Văn Hưu thở dài, như là ông muốn chia sẻ nỗi buồn khờ dại của vua tôi nhà Nam Tống. Rồi ông thông thả nói như đếm mấy lời sau đây:

- Xem ra việc Hốt-tát-liệt mượn đường, vay lương, vay quân của Đại Việt đánh Chiêm Thành ngày nay, cũng không có khác gì với việc năm mươi năm trước, họ liên minh với nhà Nam Tống đánh nước Kim vậy?

Kể lại bài học cay đắng của nước láng giềng, Lê Văn Hưu đã gieo vào lòng mỗi người một hạt giống cảnh giác. Và vì vậy không còn ai bần lười nữa. Cuộc nghị bàn vừa sôi nổi, vừa sâu sắc.

Sau ba ngày cuộc nghị bàn kết thúc, Nhân tôn đã phong lại cho Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư làm phó đô tướng quân, và cất cử các tướng đi trấn giữ những nơi hiểm yếu. Ít lâu sau, lại phong thái úy Chiêu Minh vương Trần Quang Khai, kiêm chức thượng tướng, thái sư. Và Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn, làm quốc công tiết chế, thống lĩnh thiên hạ chư quân sự.

Thăng Long Nổi Giận

CHƯƠNG 13

Lại nói về thượng thư bộ lễ Sài Thung, sau khi dời Đại Việt, lòng canh cánh lo về cái đám một ngàn tên quân Mông Cổ và bốn ngàn tên quân tân phụ hồ

trợ cho phái bộ bang giao của y, bị đánh hất lại ở ngay địa đầu biên ải, chẳng biết sống chết thế nào. Sự thật, điều y lo nhất là cánh quân Mông Cổ - người đồng tông với thiên tử, chứ "lũ dòi bọ" - những đồng bào của y mà y quen gọi trong đám quân tân phụ ở Quảng Tây thì chẳng có gì đáng nói.

Vừa về tới Yên Kinh, Sài Thung đã vội dò tìm xem có ai đàn hặc y ở triều đình. Nhưng được biết, mọi tiệc đều im ắng. Riêng cánh quân Mông Cổ bị đánh bất ngờ đã quay lại. Vài mươi tên bị chết, bị thương do lăn xuống hố, bị ngựa dẫm đạp hoặc giày xéo lên nhau mà chết. Chúng chạy tìm về nhập lại với quân thứ cũ. Nghe nói, bọn ấy hiện đang tập hợp dưới trướng nguyên soái Toa-đô, sắp vượt biển sang đánh Chiêm Thành.

Sài Thung thở phào, như người vừa trút được gánh nặng ngàn cân, cứ dè trầu lên y bấy lâu nay. Bây giờ nếu nhà vua có hỏi đến, y sẽ phải trách viên đô úy đã chậm trễ, khiến rơi vào ổ mai phục, thành thử không thực hiện được đầy đủ thánh ý của thiên tử. Tuy một mình y phải đối phó với vua tôi nước Nam, nhưng ân uy của thiên tử vẫn được nhuần thấm tới nước họ. Y sẽ nói lại tất cả những điều y đã hạch sách triều đình nhà Trần, và họ nhất nhất kính cẩn đối với thiên triều và thiên tử ra sao...

Song cái khó nhất đối với Sài Thung là các yêu sách của Đại đô áp đặt, đều bị Thăng Long cự tuyệt. Đây không phải là một sự cự tuyệt trắng trợn, mà họ chỉ xin với thiên triều thương tình soi xét gia ân. Chao ôi, vua tôi nhà Trần, cái lũ man rợ này sao mà chúng tham lam đến thế. Ta đã ép đến cùng đường, vậy mà chúng cũng không chịu nhả ra một tí cho thiên tử. Sài Thung nhớ bữa dạ yến trong điện Tập Hiền, y đã nhắc Trần Nhân tôn:

- Thiên tử lúc nào cũng nhớ tới ngài và con cái ngài. Người muốn thấy dung nhan kẻ thần tử xa xôi để ngài vỗ về, phong thưởng. Vả lại, từ khi thiên tử lên ngôi, quân trưởng An Nam chưa có một ai tới chầu?

Nhân tôn giả vờ run sợ đáp:

- Xin các hạ về tâu giùm thiên tử, tôi sinh trưởng chốn thâm cung, không biết cưỡi ngựa, không quen phong thổ, sợ chết dọc đường lại nhọc lòng thiên tử xót thương. Ngoài ra, con em từ các bậc thái úy trở xuống cũng đều như thế cả. Còn như thiên tử lên ngôi, đó là việc lớn của toàn thiên hạ, tiên quân tôi trước đây tuổi cao sức yếu không đi được, đã cử sứ sang dâng biểu cùng các đồ phương vật tiến cống.

Bực mình, Sài Thung nói:

- Cứ cho rằng điều ngài nói trên là đúng. Thế thì việc nộp sổ kê biên dân số có mất gì, mà An Nam cũng không chịu nộp? Chẳng qua thiên tử muốn biết các nước nội phụ to, nhỏ thế nào để bề trên còn trừ liệu việc chặn dất!

Nhân tôn làm ra vẻ bối rối:

- Quả như lời các hạ nói. Nhưng nước chúng tôi nhỏ, đáng gì để thiên tử bận tâm. Vả lại, trong thôn ấp khó tìm ra được người thạo thông chữ nghĩa thì

làm sao mà kê khai được. Nếu như đưa tất cả các quan lại của triều đình đi làm việc này, phải gần hai chục năm mới xong. Tới lúc ấy còn ích gì nữa mà làm. Sợ khi sổ sách dâng lên không được như ý, chỉ làm thiên tử thêm nổi giận.

Sài Thung cười lớn:

- An Nam biện bác thật giỏi. Triều đình bảy năm mở đại khoa một lần. Đứa trẻ mười ba tuổi còn đỗ trạng. Nhân tài có thua kém gì thiên quốc. Chẳng biết nhà vua có coi tôi như con nít không mà nói như vậy.

Đại loại các việc, không việc gì họ không tìm được cách thoái thác ngọt ngào. Nhưng phải công bằng - Sài Thung thừa nhận - Họ biểu dâng ta thật là hậu hĩnh. Ta đã đi sứ nhiều nước, chưa nước nào có lễ dâng sứ lớn đến như vậy. Song quả thực, cũng chưa có nước nào nội phụ lại dám cưỡng mệnh thiên tử như An Nam. Phên này vào tàu, ta cứ thực tình để hoàng đế phát binh, kéo họ cạy thế ở xa cứ dây dưa lẫn lộn, khiến oai trời mất thiêng thì không còn ra thế thống gì nữa.

Sài Thung về tới Yên Kinh, đã dâng ngay biểu văn an thiên tử. Và xin được diện kiến đức vua để trần tình các việc xứ An Nam. Nhưng Hốt-tát-liệt đã hạ chỉ: "Chờ tuyên triệu".

Nhận thánh chỉ, Sài Thung lấy làm lo sợ. Vì y được các bạn đồng liêu cho biết: "Thiên tử đang cân nhắc: Nhật Bản, Chiêm Thành, An Nam, đánh xứ nào trước, hay cả ba xứ cùng một lúc?". Do phân vân, nên thiên tử vẫn kè bả quan.

Quan thái úy bèn tâu:

- Đất Phù Tang xa xôi, dân man di chưa biết lễ nghĩa. Dăm ba hòn đảo chơ vơ với số dân ít ỏi sống lẫn với cầm thú bỏ gì thiên tử phải bận tâm. Và đi lại khó khăn, quanh năm gió bão. Cuộc tiến binh của đại quân thiên triều vào đất ấy năm Giáp tuất (1274) đã bị bão sóng đánh vùi dập gần hết binh thuyền. Quân sĩ hiện nghe nói đến Phù Tang vẫn chưa hết kinh hoàng, vì thần biển tác oai. Còn An Nam là đất qui phục thiên triều từ lâu. Nay vô cớ cất quân vào cõi, sợ rằng ân chưa đến mà uy đã ra, lòng người không phục. Lại như nước Champa bé nhỏ, thường năm tiến cống thuần đồ phương vật quý lạ, như voi trắng, trầm hương, sừng tê, ngọc trai, yến huyết, họ giữ đúng đạo thần tử. Các nước đó đều nhỏ bé, nếu có chiếm được cũng chẳng ích gì. Hưng binh tàn hại sinh mạng lê dân, sao bằng sai sứ lấy điều hòa phúc mà chiêu dụ, nếu họ không phục tùng thì ta đánh cũng chưa muộn. Còn như bây giờ, ta lấy cớ gì để cất quân?

Hốt-tát-liệt hầm hầm nổi giận, đập án quát:

- Thiên tử thế thiên hành đạo. Ý ta là ý trời. Tại sao còn phải hỏi cớ cất quân? Lũ man di, quân trưởng chúng nó nổi đời ăn lộc ta, mà không đưa nào chịu vào châu. Con cái chúng không một đứa nào tới làm con tin. Ta có việc

lớn chinh đông, chinh tây không một nước nào chịu nộp quân, nộp lương. Đến mượn đường chúng còn không cho. Đạo thần tử như thế, há không lỗi sao? Ta vờ chúng không được, để phải cất quân, gặp bão gió, hàng ngàn chiến thuyền với hàng chục vạn sinh linh làm mồi cho biển cả. Ngót chục năm nay, lòng ta khôn nguôi thương nhớ đám binh sĩ vô tội. Ta thề phải băm nát đất Phù Tang! Còn lũ dòi bọ An Nam cũng chẳng hơn gì đám dân bất trị Phù Tang. Chúng dám ăn ở hai lòng, câu kết với lũ dơi chuột nhà Nam Tống. Nên mới xảy ra cuộc thảo phạt năm Đinh tị (1257). Ta đã thương tình gia ân, cho sứ sang dụ bảo nhiều lần, nhưng chúng chỉ khéo mồm van xin lần lữa. Thử hỏi, dối dân lừa thiên tử, thế không đáng trị tội sao? Lại nữa lũ hải tặc Champa, đã không dốc lòng thờ ta, còn dám ngang nhiên bắt sứ của ta. Thế còn chưa đáng tội chết sao?

- Khanh ! Viên thái úy kia – Hốt-tát-liệt trở mặt quan thái úy mắng - Ta đãi ngươi như đãi một kẻ sĩ. Ta không phân biệt ngươi là người Hán mà được cất đặt ở trên người Mông Cổ. Lột ta ban cho ngươi thật là ưu hậu. Thế mà ngươi dám vạ bẻ ta: "ân chưa đến uy đã ra, lòng người không phục!". Lòng người nào không phục, hay chính ngươi không phục ta? Đồ chó phản bội? - Pháp quan? Hốt-tát-liệt hét lên - Dẫn nó đi rồi đem đầu về cho ta!

Triều đình im phăng phắc, các quan nghe rõ hơi thở của nhau. Khi thiên tử đã nổi cơn thịnh nộ thì đến các giám quan cũng nem nép cúi đầu. Viên thái úy là một trong những đại thần nhà Nam Tống lập công đầu với Hốt-tát-liệt. Chính y đã bày kế cho Hốt-tát-liệt liên minh với nhà Nam Tống đánh Kim Ai tông. Và cũng chính y dâng kế khơi nước sông Hoàng Hà chìm chết hơn mười vạn binh Tống, khiến công cuộc bình định Trung Nguyên của Hốt-tát-liệt sớm hoàn tất. Nay y dâng lời can gián đậm vạ miệng; chỉ nằm phủ phục, không dám ngửa mặt van xin. Trong lòng y, nỗi hối hận trào dâng như thác đổ. Y hối hận vì đã dâng lời can không đúng lúc, hay hối hận vì trót theo giặc hại nước hại dân. Nước mắt y chảy đầm cả hai cánh tay áo thụng, toàn thân y run lên như một con vật bị trúng thương - chờ chết.

Các quan trong triều không một ai bước ra can gián. Người Mông Cổ vừa khinh y là kẻ chim mồi chó săn, vừa ghen y được bề trên sủng ái. Người Hán khinh y là kẻ phản quốc, giết hại người đồng tông.

May thay, đang giữa lúc tính mạng quan thái úy ngàn cân treo sợi tóc, thì có một viên thị thần người Tây dương bước ra tâu:

- Muôn tâu thánh thượng, thần nghe nói bệ hạ đã hạ chiếu chinh phạt Champa. Y nói giọng mũi ồ ồ khó nghe. Hốt-tát-liệt phải nghiêng tai chú ý. Chính điều đó làm cho cơn thịnh nộ của nhà vua lui dần. Viên thị thần người Tây dương có nước da trắng như người quanh năm ở xứ tuyết. Y có chỉ mũi thẳng, nhọn, chuẩn đầu cao héch lên, nom đẹp nhưng lộ khổng. Cặp mắt y xanh như màu nước biển, đôi đồng tử trong veo như mắt mèo. Tóc mềm

xoăn, vàng óng như tơ. Y có cái tên hơi khó gọi, dù gọi theo âm Hán hoặc âm Mông Cổ cũng thế thôi. Phần nhiều, tên của người Tây dương không có nghĩa. Đọc đúng cái tên của ông ta lên, chỉ làm trò cười cho các đồng liêu. Vì thế thiên tử đã phiên ra và gọi ông ta là Phao-lồ.

(Đây ám chỉ Marco Polo người Ý sinh ở Venise (1254 – 1324). Có thể coi ông là một nhà thám hiểm. Ông đã tới Bắc Kinh, và ở lại đó phục vụ dưới triều đại Hốt-tát-liệt (Koubilay) 16 năm. Nhờ theo các đoàn quân viễn chinh của đế quốc Nguyên mà ông đã đi khắp Châu Á. Cuốn du ký (Le Livre de Marco Polo) của ông là một tài liệu vô cùng quý báu cho tất cả những ai muốn nghiên cứu về đế quốc Nguyên - Mông.)

Ông Phao-lồ nói tiếp - Dạ muôn tâu, sắp xuất binh mà chém đại thần, e không lợi. Xin thiên tử rộng tình xét lại. Vả chẳng như chỗ thần được biết, quan thái úy có lỗi lầm, nhưng cũng chỉ vì yêu kính chúa thượng mà chưa kịp lựa ý. Lại xét trước đây quan thái úy theo chúa thượng, lập được công lớn trong sự nghiệp diệt nhà Kim cũng như nhà Nam Tống, xin chúa thượng thương mà tha tội.

Nghe thị thần người Tây dương La Mã nói, Hốt-tát-liệt đã thấy nguôi nguôi. Nhà vua tự nghĩ: "Mà phải, nếu không có y, sao ta lừa nổi Kim Ai tông và Tống Lý tông". Nghĩ vậy, Hốt- tát-liệt bèn nói:

- Nể mặt quan thị thần Phao-lồ, kẻ đã giúp ta được nhiều việc lớn, nên ta tha cho. Nhưng phải biết giữ mồm giữ miệng. Lần sau còn phạm phải, ta sẽ trị tội gấp đôi. Nhưng để răn dạy cho nước bề tôi bất kính, ta truyền nguyên soái Toa-dô thống lĩnh đại đội binh thuyền gồm một trăm hải thuyền và hai trăm năm mươi chiến thuyền, quân lấy tại các tỉnh Hồ Triết, Phúc Kiến, Hồ Quảng. Ta cho phép sung quân tất cả bọn tử tù (ngoại trừ các tội "mưu phản" và "bạn nghịch") để chúng lập công chuộc tội. Lương thực, thuyền bè, khí giới đảo Hải Nam phải lo thu gom cung ứng cho quân viễn chinh. Đến Chà-bàn, Toa-dô nguyên soái phải bắt bằng được cha con Chiêm Thành quận vương về đây cho ta trị tội.

(Các triều đại Trung Hoa xưa từ Tống đến Nguyên thường ngạo mạn, chỉ công nhận vua các nước nhỏ làm quận vương. Họ thường phong các vua ta là: "Giao chỉ quận vương", hoặc "An Nam quận vương". Chỉ các triều đại nào của ta mạnh họ mới chịu phong là "An Nam quốc vương".)

Tới đây, Hốt-tát-liệt đã tỉnh trí, thiên tử liền truyền:

- Phao-lồ, khanh là người thích du ngoạn xem xét con người, sản vật, thiên nhiên, ta cho khanh đi theo Toa-dô vào Chiêm Thành không phải để làm việc quân, mà làm các điều khanh ham thích. Ghi chép được gì, khi về khanh trình cho ta xem.

Marco Polo cho đây là một đặc ân của Hốt-tát-liệt, viên thị thần này bèn rạp đầu theo kiểu Trung Hoa để tạ ơn.

Khi được biết mọi điều kể trên, Sài Thung rất phân vân. Cứ theo như sự thấy biết của y thì Chiêm Thành tuy có tiền công nhà Đại Nguyên, nhưng vẫn quy phụ An Nam. Hai nước này có quan hệ mật thiết với nhau. Nếu đánh thì phải cùng lúc đánh cả hai nước, để chúng đầu đuôi không ứng cứu được cho nhau, nam bắc không thông được tin tức cho nhau. Nếu chỉ đánh một Chiêm Thành không thôi, chưa chắc đã là thượng sách.

Sài Thung tuyệt nhiên không nhớ một chút gì về việc vua tôi nhà Trần nhờ y tâu với thiên tử nhà Đại Nguyên, thương tình tha cho mọi việc. Y quên rằng những vàng bạc châu báu với biết bao đồ quý hiếm y được dâng biểu, là để trả cái công y làm cho việc binh chậm lại. Thế mà giờ đây, y lại muốn hối thúc cho cuộc chiến sớm được khai mào. Y đã nói ý đồ của mình với một số bạn đồng liêu, nếu như nay mai thiên tử tuyên triệu, y sẽ dâng kế nam chinh. Việc ấy tuy chưa đến tai thiên tử, nhưng lại đến tai Yến Ly. Ta còn nhớ Yến Ly, một nữ tì của An Tư công chúa sinh trưởng trong một gia đình quyền quý ở Hàng Châu. Khi nhà Tống mất, Yến Ly theo cha mẹ chạy loạn. Giữa đường, gia đình lạc nhau. Nàng phiêu bạt sang Đại Việt, rồi tình cờ An Tư xin được nàng về hầu hạ. Thực tình là để An Tư có bầu có bạn. Hai người tính nết trái ngược nhau: An Tư hiếu động, tinh nghịch, thích các trò cưỡi ngựa, bắn cung, thích giao du với các bậc hào kiệt. Trái lại, Yến Ly dịu dàng, cầm, kỳ, thi, họa, dung, công, ngôn, hạnh không ngón nào nàng không thông thạo. Từ ngày đôi trẻ có nhau, ngoài là tình thầy trò, chủ tớ, trong là tình bạn. Họ gần gũi nhau, yêu mến nhau, người nọ hỗ trợ cho người kia. Ví như Yến Ly có thêm được tính xông pha, bạo dạn, An Tư biết thêm các việc thâm thù, đàn địch. Tức là một người thì cứng rắn thêm lên, một người lại dịu dàng vi tế, đó là các đức tính trước khi gặp nhau họ chưa có. Yến Ly thực quả không phải tên nàng, mà chính là Chiêu Quốc vương căn cứ vào cảnh ngộ nàng đặt cho tên ấy. Vương ví nàng như một con chim én lìa đàn. Tên thật nàng là Triệu Quế Anh, dòng dõi Triệu Hổ (nhà thơ nổi tiếng đời Tống). Triệu Quế Anh tuy còn nhỏ tuổi, nhưng nàng tự biết mình là một người dân vong quốc. Và nàng biết rất kỹ kẻ thù của đất nước nàng là lũ giặc Mông Cổ. Nay chính bọn ấy cũng đang lăm le thôn tính Đại Việt. Nếu mai đây can qua khói lửa, nàng thật không còn chỗ nương thân. Quế Anh biết các chuyện căng thẳng giữa hai nước, một phần do An Tư nói lại về các áp đặt của nhà Nguyên đối với Đại Việt. Mặt khác, qua các cuộc theo công chúa đi du ngoạn những nơi danh thắng trong nước, Quế Anh tận mắt thấy ở bất cứ nơi nào, người ta cũng luyện võ, luyện binh. Dân binh tập tành, vận chuyển lương thảo đông như hội. Không khí hùng hực như một bể dầu sôi. Một bữa Yến Ly ngồi đối diện với Trần Hưng Đạo, ông bảo :

- Trước hết phải nói, ta với con cùng có chung một kẻ thù. Con có biết kẻ thù đó là ai không?

- Dạ, bẩm vương, Yến Ly e lệ đáp - Bẩm vương, đó là bọn Mông Cổ - Bọn nhà Nguyên đấy ạ?

- Đúng, bọn Mông Cổ, bọn nhà Nguyên, Hưng Đạo xác nhận. Đức ông vuốt chòm râu đốm bạc, ông nhìn Yến Ly với vẻ yêu thương trìu mến như nhìn đứa con út của mình, với giọng trầm thoảng, vương lại nói - Can qua giữa hai nước Nguyên - Việt là điều không tránh được. Hốt-tát-liệt không cho đất nước ta sống cuộc sống yên bình. Hoặc là phải làm kiếp ngựa trâu cho chúng, hoặc là phải chống lại chúng ít nhất là bằng một cuộc chiến tranh. Yến Ly? Ta thương con đã mất nước, lại mất nhà.- Dừng lại, như để cho cô bé có thể hiểu được lời mình, Hưng Đạo lại tiếp - Thường là như vậy, nước mất là nhà tan. Ta không muốn con khổ một lần nữa vì nạn binh hỏa. Ta đã cho người dò tìm về những người thân thích của con ở Hàng Châu, và cả ở Yên Kinh.

Yến Ly mắt sáng long lanh, nàng kinh ngạc đến ngỡ ngàng. Xúc động quá, trái tim nàng đập gấp như một con chim bị nhốt đang thúc mạnh vào lồng, phá phách để tìm lối ra. Và nơi trông mắt nàng tự nhiên thấy cay cay. Lệ trào. Nàng òa khóc.

Đại vương ngồi nhìn nàng khóc, trong lòng ông đầy niềm cảm thông đau đớn. Ông nghĩ đến cuộc xâm lăng, tức là cuộc chiến tranh của giặc Mông - Thát dội lên đầu biết bao nhiêu quốc gia dân tộc. Cuộc chiến tranh ấy kéo dài từ sáu, bảy thập kỷ qua vẫn chưa hề có dấu hiệu chấm dứt. Chúng tàn sát không biết bao nhiêu sinh linh. Nhân loại bị chìm trong lửa, máu. Tất cả các nẻo đường quân Mông - Thát tràn qua như thần dịch hạch đi gieo cái chết. Trời, một kẻ hung bạo như Hốt-tát-liệt, sao thượng đế lại trao cho y nắm giữ một sức mạnh ghê gớm thế. Chẳng lẽ, y là "con trời" thật sao? Sức mạnh ở trong tay người thiện, là hạnh phúc cho mọi người. Nhưng trở trêu thay, người thiện hầu như không có sức mạnh, bởi họ không biết kết liên lại với nhau được để thành một lực lượng. Theo ông, chỗ yếu nhất và cũng là sự ngu khờ nhất của người thiện, là họ coi mình như một thứ chân lý, tự nó là sức mạnh rồi. Chính vì thế mà họ trở thành kẻ yếu. Đức ông cứ mãi miết với những điều thiện, ác ở trong đầu, dường như vương quên cả Yến Ly đang sụt sịt. Chợt tiếng khóc của nàng vang lên làm vương sự tỉnh. Vương nhìn đắm đắm vào khuôn mặt Yến Ly, như một tấm gương lóa nước. Sự trong trắng đến cao khiết của trẻ thơ như thức tỉnh trong ông một sức mạnh. Vương tự nghĩ "Chẳng lẽ những đứa bé kia, và cuộc sống yên bình này đều là kẻ thù của Hốt-tát-liệt cả sao? Nhân loại trong sáng y hệt những thiên thần sống rải rác, tựa như một bó đũa vút tung tóe mỗi nơi mỗi chiếc. Phải làm thế nào cho từng chiếc đũa ép sát vào nhau thành bó, mới có thể có sức mạnh".

Vương đặt nhẹ bàn tay lên mái tóc Yến Ly và nói:

- Người của ta đã đến Hàng Châu, không có tin tức gì về cha mẹ con đâu. Ngôi nhà hiện vẫn còn. Lão bộc cùng một số kẻ hầu hạ nay đã về lại Triều gia trang. Chỉ có nhũ mẫu của con lên Yên Kinh cùng với người quản gia. Họ đã mở một ngôi hàng mua bán kim hoàn mang tên "Bảo Kim" ngay cạnh lâu đài "Ngoạn Nguyệt" của nhà con. Ta chưa được biết đích xác, song thân của con có cư ngụ trong lâu đài, hay còn tá túc một miền nào đó trong nước, để chờ cho sóng yên biển lặng. Người của ta ở bên đó, nần nỉ mãi mới mua được một chiếc gia huy của nhà con, bày nhưng không bán tại cửa hàng "Bảo Kim". Con thử xem vật đó có khớp với vật con đang có không ?

Yến Ly đón chiếc gia huy từ tay Hưng Đạo, cô gỡ chiếc đeo ở cổ ra so sánh, tất cả đều giống nhau. Kể cả ba chấm đột sống ở phía sau, tức là khi đã đúc hoàn tất rồi, trước khi mỗi người được phát đeo thì tự tay phụ thân cô đóng dấu sống đó một cách kín đáo ở mặt sau.

Cầm tấm gia huy trong tay, Yến Ly khóc ròng. Phần thương song thân không biết còn mất ra sao, phần tự xót nỗi mình bơ vơ nơi đất khách. Rồi nàng tự hỏi: "Vì sao đại vương lại tốn công nhọc sức tìm kiếm gia đình ta vậy? Việc này có ẩn ý gì không?" Nhưng rồi nàng lại tự trách mình đa nghi. Nàng nhìn ngắm gương mặt đại vương, một gương mặt phương phi, trung hậu và toát lên một phách lực anh hùng, nom chẳng khác gì Quan Công. "Nghĩ ngờ một người như thế là có tội".

Hưng Đạo vương vẫn không ngừng xem xét các nét vẽ đôi thay trên gương mặt Yến Ly. Một người như ông, làm gì không "đọc" được nỗi lòng con trẻ. Đại vương chậm rãi nói:

- Ta thương con, như ta thương con ta. Như ta thương tất cả những đứa trẻ trên thế gian này bị Hốt-tát-liệt tàn hại. Ta đang nghĩ: phải cứu lấy tuổi thơ của các con. Việc ấy không thể cầu xin ở Hốt-tát-liệt - Con biết Hốt-tát-liệt là ai chứ ? Vương đột ngột hỏi Yến Ly. Nàng gật đầu - Vương lại tiếp- Đã không cầu xin y được thì phải chống lại y. Muốn chống lại y phải có sức mạnh của nhiều người, nhiều quốc gia. Vương hơi cúi xuống giọng buồn buồn - Ta tiếc cho nước Trung Hoa của con - một nước có nền văn hiến cao vào bậc nhất hoàn vũ, đất rộng, người đông, giàu có không xiết kể mà uơ hèn gục ngã, đến nỗi phải làm nô lệ cho bọn Mông-Thát. Nhục quá! Đây không chỉ là sự tủi nhục của riêng dân tộc con. Mà còn là sự tủi hổ chung cho các quốc gia, các dân tộc sống trong sự chia rẽ, sự ích kỷ. Cũng còn là sự tủi hổ của những người tốt, người thiện cứ đứng dưng trước tội ác của kẻ khác gây ra, và trước sự đau khổ bất hạnh của người khác. Ta thường hay nghĩ đến sức yếu kém vô dụng của từng chiếc đũa vút bừa bãi khắp nơi, với sức mạnh thần thánh của cả một bó đũa được chung góp lại từ mỗi chiếc mỏng manh - Yến Ly! Ta biết con đang nghĩ gì. Hưng Đạo nói và nhìn thẳng vào cặp mắt trong veo ngơ ngác của nàng.

Ta giúp con trở về quê hương. Ta không muốn con phải chia xẻ nỗi bất hạnh của con dân Đại Việt chúng ta. Vậy một trong hai nơi đó, con muốn về đâu, ta sẽ cho người dẫn con về đến nơi đến chốn. Đừng có nghi ngờ gì ta. Trong việc giúp con, chúng ta chỉ có tốn kém, thậm chí nguy hiểm, chứ không có lợi lộc gì. Ta khuyên con nên về lại quê hương, nhưng nếu con thấy không còn gì để luyện nhớ cái quốc gia chỉ có sự chia rẽ đến hèn yếu ấy, mà con muốn ở lại Đại Việt, ta sẽ cho con về bầu bạn với An Tư công chúa. Đại Việt ta tuy là một nước nhỏ, nhưng lòng nhân nghĩa thì không có giới hạn. Nghe đại vương nói, thuận những điều làm cho con người thêm cao phẩm giá. Nhưng cũng có một cái gì đẩy khơi dậy từ đáy sâu nhân cách của con người. Và tuy có mạo hiểm, Yên Ly cũng mạnh dạn thưa:

- Bẩm đại vương, nghe đại vương phân giải, con thấy Người thực sự muốn cứu vớt con ra khỏi cảnh máu lửa hiểm nguy. Tiện đây, con xin nói thêm để đại vương dạy bảo - Ban nầy, con nghe đại vương nói tới tiệp kim hoàn "Bảo Kim". Không biết có ý gì ở đây không, chứ "Bảo Kim" là tên thân phụ con đặt cho con ở tuổi chưa thôi nôi. Chẳng là thuở mới sinh con ra, khi lấy xong cho con lá số tử vi, phụ thân con buồn lắm, đóng cửa suốt ba ngày không ra ngoài. Và dặn bảo mọi người gọi con bằng tên đó, thay vì tên Quê Anh đã đặt từ trước khi con được sinh ra. Và suốt từ nhỏ cho tới khi con bị lạc, phụ thân con yêu chiều, dạy bảo chăm sóc dư thừa sự chu đáo Nhiều lúc cảm nhận như phụ thân con chỉ sợ để rơi mất con ở đâu đó.

Qua sự xác nhận của Yên Ly, Hưng Đạo hiểu ngay phụ thân Yên Ly vẫn còn sống. Và việc lấy tên hiệu "Bảo Kim" với chiếc gia huy bày biện, chính là để kiểm lại con gái mà ông hết hy vọng dò tìm.

Song, Hưng Đạo ngẫm nghĩ, cũng có thể đây là một cái bẫy, một âm mưu gì đó đối với Triệu gia. Đoạn vương lại hỏi :

- Vậy chớ ý con ra sao? Con quyết như thế nào, ta cũng chiều con. Nhưng nếu việc chậm quá, ta e không còn kịp được nữa.

Sau một hồi suy nghĩ lung lắm, thực tình Yên Ly không biết quyết thế nào cho phải. Nàng nghĩ: "Nếu song thân còn mà ta không về, tức ta là đứa con bất hiếu. Ta nương nhờ tá túc ở đây trong cảnh đất nước thanh bình, ta được nuôi nấng đối xử như một khách quý, như một người con ruột thịt. Vậy mà bây giờ, nước đang sắp có họa xâm lăng, ta lại bỏ đi, ắt người sẽ khinh ta là quân bất nghĩa". Trong lòng Yên Ly đang có sự giằng xé giữa về và ở. Bỗng nàng nhớ, vừa xong đại vương có nói: "... Tui hờ cho những người tốt, người thiện cứ đứng vững trước tội ác của kẻ khác gây ra, và trước cả sự khổ đau, bất hạnh của người khác, của dân tộc khác...". Nàng chợt nghĩ: "Tại sao ở Yên Kinh, ta lại không thể giúp gì cho Đại Việt được?" Yên Ly đem nói hết sự tình nàng suy nghĩ với Hưng Đạo. Vương mừng lắm. ông cầm tay nàng cảm tạ:

- Thôi được, mọi việc sẽ liệu sau, trước mắt ta lo cho con về. Nếu như con có lòng nghĩ đến chút tình khi lưu lạc, ta chỉ xin con hai điều:

- Một là, nếu con có gặp người của ta ở Thăng Long đang sống trên đất Yên Kinh, con hãy coi như chưa gặp gỡ quen biết gì.

- Hai là, nếu có gì cần kíp, người của ta phải đến nhờ con, mà không có gì nguy hại, mong con giúp cho.

- Dạ, ơn trời bể đối với Đại Việt, đối với đại vương con đâu có kết cỏ ngâm vành cũng chưa trả được, huống chi vài việc nhỏ mà đại vương nói.

Yến Ly nhớ lại tất cả những ngày sống trên đất Đại Việt và những lời Hưng Đạo vương dạy dỗ. Và cho tới một hôm Yến Ly thấy Sài Thung ghé tiệm "Bảo Kim" đòi gặp phụ thân nàng là bậc đại khoa, gặp thời loạn, ông không ra làm quan. Ở ẩn tại nhà, kíp khi quân Mông Cổ đánh tràn khắp nước, ông hưởng ứng chiêu cần vương mộ quân, đánh giặc. Nhưng triều đình nhà Tống nhu nhược, yếu hèn, chia rẽ lại có cả một quá khứ điểm đàng hưởng lạc, bóc lột tới tận xương tủy, nên dân tình oán ghét. Vì thế, vua tôi nhà Tống không huy động được sức mạnh của toàn dân vào việc chống giặc ngoại xâm. Triệu tiên sinh lưu lạc mãi rồi mới trở về lại Yên Kinh. Ông cho gia nhân mở tiệm kim hoàn, cũng chính là để dò tìm Quế Anh. May thay, người của Hưng Đạo vương đã sớm nhận ra tung tích. Và nàng được trở về đoàn tụ.

Triệu tiên sinh cũng ghi lòng tạc dạ nghĩa lớn của Đại Việt, và các vương hầu triều Trần, đối với cha con ông. Nhiều đêm ông trăn trở về ơn sâu Đại Việt, và sự miệt thị từ nhà Tống xưa kia tới nhà Nguyên hiện nay đối với quốc gia nhược tiểu này. Ông tự nghĩ, nếu có lẽ công bằng trong trời đất, thì phải tôn vinh dân tộc đó là đại hùng, đại nghĩa.

Bữa Sài Thung đến gặp tiên sinh, cái chính là để bán một ít đồ quý vừa đem ở Đại Việt về. Nhân tiện y kể lại một số việc trong triều, và sở kiến của y là muốn thiên tử khởi binh đánh Chiêm Thành và Đại Việt cùng một lúc, khiến hai kẻ kia không ứng cứu cho nhau được. Tin ấy lọt vào tai Quế Anh. Và ngay lập tức được chuyển đến cho Đỗ Vỹ, người của ta đang làm chủ một tiệm kim hoàn lớn tại Yên Kinh. Đỗ Vỹ mà mọi người ở Yên Kinh được biết thì tiên sinh quê tận vùng Quảng Tây, tức là người miền nam Trung Quốc. Hiệu kim hoàn của Đỗ Vỹ có mang biểu hiệu "Quảng Hưng Long". Ngoài ba chữ đó còn vẽ thêm một con rồng đang bay lượn ngoằn ngoèo trên mặt bằng. Và chủ nhân thường được mọi người tôn xưng thật là kính quý: "Quảng tiên sinh". Trong nhà tiên sinh có mấy người thợ chế tác kim hoàn, cũng là chỗ thân tình cả. Hiệu của tiên sinh mở chưa lâu, nhưng được tiếng khắp kinh thành. Khách đến mua bán nườm nượp. Hàng ngày tiên sinh chỉ nhận tiếp đón các loại tao nhân mặc khách. Thường là khách đến khoe một món đồ quý hiếm đã có từ thời Tây Chu, Đông Chu hoặc Hán, Đường. Chủ khách say sưa ngắm nghía, tán tụng, tìm ra những vẻ đẹp ẩn giấu đằng sau

màu men, dáng vẻ và phong cảnh phác họa trên món đồ, nếu là loại gốm, sứ. Hoặc những nét chạm trổ tài hoa về các tích điển dân gian, nếu là các đồ vàng bạc. Rồi chủ khách làm thơ xướng họa thật là tâm đắc. Cũng có khi khách chỉ đến xem (chứ không mua) một vài món đồ quý lạ, mà chủ mới sẵn tìm mua được từ Đại Việt, Champa, hoặc Tiêm-la, Chân-lạp...

Đỗ Vũ nhận được tin Sài Thung định tráo trở. Một mặt y nhận lời với nhà Trần để tâu lên Hốt-tát-liệt, sao cho cuộc chiến không nổ ra. Thật ra Đại Việt cũng hiểu, với tham vọng của Hốt-tát-liệt thì nạn binh hỏa không thể không nổ ra. Nhưng nhà Trần mong muốn nó nổ ra chậm hơn. Đằng này, Sài Thung lại mưu toan thúc đẩy cho nó sớm nổ ra.

Đúng như Hưng Đạo vương tiên liệu và thường răn dạy: "Bọn giặc Mông Cổ, dầu sao cũng chỉ là một đám võ biên. Điều ta quan ngại là bọn Hán gian làm tay sai cho Mông Cổ. Bọn này mưu mô thâm độc, ác hiểm khôn lường. Con luôn nhớ lấy mà đề phòng".

Thu thập tin tức xong, Đỗ Vũ bèn cho người gửi một phong thư dán kín đến tư dinh của quan thượng thư bộ lễ Sài Thung. Vừa lúc Sài Thung đi dạo về thì nhận được chỉ "Tuyên triệu" của Hốt-tát-liệt cùng lúc với phong thư không có địa chỉ người gửi. Đọc xong chỉ "Tuyên triệu", Sài Thung bèn mở phong thư kia ra. Quan thượng thư vô cùng ngạc nhiên thấy có một bài thơ xướng họa của mình với tướng quốc thái úy Trần Quang Khải. Trong đó, bài "Tống Sài Trang khanh" của Quang Khải, lời lẽ thân thiết quý mến, khiến người đọc phải ngỡ về mối quan hệ giữa hai người. Sài Thung đã đốt đi và quên đi từ khi bước chân qua biên ải. Còn bài "Lưu biệt" ta làm, gọi là đáp lại thịnh tình và lễ hậu của vua tôi nhà Trần cho họ đỡ ngỡ. Bài này mà đến tai thiên tử, chắc là bị quở trách. Vì rằng sứ thiên triều không được phép hạ mình thân thiện với tứ di. Bài "Lưu biệt", Sài Thung ngỡ ngợ về nét chữ. Về ngoài tự dạng rất giống chữ ta - Nhưng những nét phẩy, nét móc của ta không đẹp mà sắc như loại chữ này. Khen cho kẻ nào bắt chước, kẻ cũng đã khéo. Sài Thung cứ băn khoăn: "Không biết kẻ nào gửi cho ta của nợ này để làm gì?" Lòng nghi hoặc, Sài Thung bèn giờ phong thư lên soi. Thấy rõ bì thư dày tới hai lần giấy và có nét chữ hiện lên. Quan thượng thư nhẹ gỡ theo nếp hồ dán mà sao tay cứ run lên bần bật. Mở ra thấy có mấy hàng chữ sau đây: "Nhược bằng Sài sứ giả cố tình nói xấu Đại Việt trước thiên tử, thì chúng tôi buộc phải tâu lên người chút hậu tình mà sứ giả đã để lại Đại Việt qua các bài thơ xướng họa, cùng các đồ lễ lạt quà biếu sứ giả đã nhận ở Thăng Long...".

Đọc xong lá thư, mặt Sài Thung trắng bệch ra. Y thầm nghĩ: "Bọn An Nam láo xược dám dọa nạt cả ta. Lớn mật hơn nữa, chúng còn dám hoạt động gián điệp trên đất của thiên tử".

Tuy nhiên, hôm sau vào triều kiến Hốt-tát-liệt, y cũng không dám nói những

điều gì khác mà y đã hứa ở Thăng Long. Nhưng trong lòng, y rất căm uất, vì như thế có nghĩa là y đã thấp mưu thua trí vua tôi nhà Trần. Việc này mà bị cáo giác hẳn y không thể thoát chết.

Lại nói đến công việc ở Thăng Long và toàn cõi Đại Việt, sau cuộc nghị hội các vương hầu, tướng lĩnh ở Bình Than, việc binh bị được thúc đẩy gia tăng. Các vương hầu đều tăng thêm số dân binh, tinh binh. Khắp nước mở hội thi võ. Toàn dân tập tành hoặc tham gia vào việc vận lương, lập các chiến hào, chiến lũy, chuyển các kho lương vào sâu trong rừng, trong các hang núi.

Một hôm, đang xem các tướng bày trận đón đánh quân kỵ của giặc, bỗng có người tới dâng Hưng Đạo vương một phong thư. Nhìn dấu ám hiệu, đại vương biết ngay thư từ Yên Kinh. Vương bèn lên ngựa trở lại quân doanh mở thư đọc:

Bẩm vương.

Đến đầu tháng Tý năm Nhâm ngọ này (Tức là tháng 11 âm lịch, tương ứng với cuối tháng 12 năm 1282), Toa-đô sẽ dẫn binh thuyền xuất phát từ Quảng Châu để đánh Chiêm

Thành... ". Đại vương cau vùng trán: "Vậy là Chiêm Thành đã đánh nhau với Toa-đô từ hơn hai tháng nay - Sao ta không được tin Đạo Tái?" Vương có vẻ hơi sốt ruột.

Đọc xuống phần dưới thấy ghi: "Quân Mông Cổ rất thiện chiến. Họ có thể vừa phóng ngựa phi nước đại ngoài người lại bắn cung, bách phát bách trúng. Ưu việt nhất của họ vẫn là kỵ đội. Trăm quân kỵ quay vòng, có thể bọc được vạn người, ngàn quân kỵ tản ra, có thể dài trăm dặm... Địch phân tức phân, địch hợp tất hợp. Cho nên kỵ đội là ưu thế của họ. Hoặc xa hoặc gần, hoặc ít hoặc nhiều, hoặc tụ hoặc tán, hoặc hiện hoặc ẩn. Họ đến như rơi từ trên trời xuống, họ đi nhanh như chớp giật... Phép phá địch của họ, trước hết là lên chỗ cao nhìn ra xa, xem địa thế, xét địch tình. Thừa cơ địch rối loạn là lúc bắt đầu giao phong. Thường dùng kỵ đội xông thẳng vào trận địch. Mới xông vào mà địch đã núng thì không kể nhiều hay ít, Ồ ạt tiên lên, địch tuy chực vạn, cũng không thể đương được. Nếu địch không núng, thì đội phía trước tản ngang ra, đội tiếp theo xông lên, nếu không vào được thì đội sau nữa lại tiến lên như vậy. Họ thắng thì rượt đuổi theo giết rất tàn bạo. Họ mà thua thì chạy rất nhanh, đuổi theo không kịp. Quân Mông Cổ có sở trường đánh vu hồi. Họ thường tránh thực đánh hư, dụ địch ra khỏi căn cứ mà tiêu diệt. Nay họ lại học thêm được cách đánh thành của người

Trung Quốc và việc chế dùng các loại vũ khí của người Tàu. Quân Mông Cổ có sức khỏe phi thường và sức chịu đựng dẻo dai. Họ ăn ngủ ngay trên mình ngựa mà chuyển quân suốt ngày đêm. Nhưng họ vẫn có chỗ yếu. Người Mông Cổ không chịu được khí hậu ẩm thấp phương nam, dễ gây các bệnh viêm nhiệt, mệt mỏi rã rời, rồi các bệnh lở ngựa phát sinh. Ngựa Mông Cổ

sợ nhất sông sâu, đầm lầy, rừng rậm, đường nhỏ hẹp quanh co gai góc, dây leo chằng chịt. Cỏ tươi xen lẫn cỏ hôi, ngựa Hồ thà nhịn đói chứ không ăn. .
."

Đọc hết bức thư, Hưng Đạo thầm khen Đỗ Vỹ: "Vậy là con đã am tường nhiều về binh pháp. Con cho ta biết quá nhiều về những điều ta cần biết về kẻ địch. Tất cả chỗ yếu, chỗ mạnh của đội quân làm cho khắp hạ giới đều kinh hoàng này nhờ con mà ta có được. Ta sợ nhất khi giao tranh với quân thù mà chưa biết gì về chúng. Có nhẽ Đại Việt ta kinh chống được với giặc dữ, là nhờ ở các con em can đảm dám xông pha vào tận hang ổ của giặc để dò tìm về chúng. May thay !"

CHƯƠNG 14

Từ Đại hội Bình Than ra về, gần tới bến đò sông Thiên Đức, Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản chia tay Hoài Nhân vương Kiện. Hai trang thiếu niên nắm tay nhau nghẹn ngào, Quốc Toản nói:

- Hứa với anh, nhất định tôi sẽ lập một đội tinh binh quyết sống mái với giặc Thát, để cho cái ông Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc ấy thấy rằng, non sông xã tắc là của muôn dân, mọi người, mọi nhà đều có trách phận giữ gìn, chứ không phải chỉ có riêng các vương hầu quyền cao chức trọng được độc chiếm quyền yêu nước đâu.

Vương Kiện vẫn còn chưa hết bức mình về việc người ta coi thường bọn thiếu niên, nắm chặt tay Quốc Toản nói:

- Noi gương anh, tôi cũng xin song thân cho lập đội gia binh để cùng nhau giết giặc Thát. Chỉ hiềm sức chúng mình còn mảnh quá.

- Việc ấy không lo. Chúng ta đang sức lớn. Anh không thấy sao, đức Phù Đổng xưa mới có ba tuổi cũng chỉ vì khát vọng yêu nước thương dân muốn phanh thây xé xác quân thù, nên trời đã cho thêm sức mạnh. Trần Quốc Toản nói rồi sá Vương Kiện một sá - Hẹn gặp nhau ngoài chiến địa! Dứt lời, Toản ra roi vút ngựa phi nước đại.

Cho ngựa vào tàu rồi Quốc Toản lên nhà đại bá chào mẹ.

Thấy con về, phu nhân vội buông kim chỉ đứng dậy. Quốc Toản chạy ào vào nhà, nắm lấy hai vai mẹ:

- Mẹ ngồi xuống đi. Mẹ gầy quá, con thật có lỗi nhiều với mẹ. Chợt nhìn xuống thúng khâu, Quốc Toản liếc thấy chiếc áo mới bữa trước ở nhà thi vật, chàng bị lão quản gia bầu rách xoạc cả một bên vai - Mẹ lại vá áo cho con đây à. Hứa với mẹ, từ nay con sẽ ở trần tập luyện để khỏi làm phiền lòng mẹ, lại đỡ tốn vải.

Phu nhân thở dài.

- Nhà ta đâu đã đến nỗi thiếu để con phải mặc rách. Mẹ định vá lại cho mấy nông nô mặc đỡ. Họ làm lưng sưng nắng, mặc cái gì chả được.

Nhìn tấm áo vóc đại hồng màu đã phai bạc, được mẹ vá bằng miếng vải thô màu chàm sẫm, tựa như phẩm cấp một nhà tu hành, Trần Quốc Toản thấy ngò ngò:

- Thừa mẹ, con sẽ mặc áo này ra trận.

- Không được con ơi! Phu nhân giầy nảy lên. Ra trận, con phải vận phẩm phục uy nghi của một vị tướng, đây là thể diện quốc gia, không được tùy

tiện, giặc nó khinh.

- Ôi, mẹ ơi, con thích mặc tấm áo này ra trận, vì lúc nào con cũng yên tâm có bàn tay mẹ che chở.

- Con tôi! Phu nhân vừa nói vừa vuốt xuôi hai vai Quốc Toàn. Bà phải với, vì bà chỉ cao tới ngực cậu con trai mười sáu tuổi Như chợt nhớ ra, bà hỏi:

- Việc nước thế nào con? Đức vua và các vương hầu bàn tính ra sao? Con kể mẹ nghe đi. Mắt phu nhân có vẻ mơ màng - Chao ôi trong thôn ấp đình tráng phần khích lắm, ai cũng muốn xung quân đánh giặc Thát.

Sau khi thuật lại mọi điều xảy ra trong Đại hội Bình Than với tất cả sự hậm hực, Quốc Toàn đắn đo mãi mới dám hé lộ một ước muốn của mình:

- Con xin phép mẹ cho lập một đội tinh binh của thái ấp nhà ta.

Sau một phút cân nhắc, phu nhân đáp:

- Liệu có được không con? Nếu thân phụ con còn sống chẳng nói làm gì, kể như hồi năm Đinh ty (1257) đấy, cha con với đội gia binh đã lập nên công lớn, khiến bọn Thát-đát phải kinh hồn tháo chạy. Mẹ chỉ sợ con còn nhỏ tuổi quá mà đứng đầu ba quân, trước hết chưa đủ uy để sai khiến, sau nữa là triều đình chắc gì đã cho đám vị thành niên ra trận. Còn như việc tốn kém mẹ không có ngại. Đấy con xem, vâng mệnh triều đình, nhà mình phải xén tới non nửa phần điền sản và gia nô cho họ được tự ý làm ăn rồi. Vì nước, nếu có phải cung hiến cả gia sản, mẹ cũng vui lòng. Chỉ tiếc là mẹ yếu quá, không làm được các việc như xưa kia Linh từ Quốc mẫu đã làm.

(Linh từ Quốc mẫu tức bà Trần Thị Dung, vợ Thái sư Trần Thủ Độ. Khi giặc Mông - Thát tràn vào, bà đưa con cái các nhà hoàng gia đi sơ tán. Bà còn lo mua tàng trữ vũ khí, lương thực, tiếp tế cho quân.)

- Thừa mẹ, con tuy còn nhỏ tuổi, nhưng người cũng đã lớn, chứ không như bọn con nít. Vả lại, việc quân có phép, mẹ đừng lo con không sai khiến được. Tuy nhỏ tuổi, nhưng con cũng có tham bác binh pháp các đời. Lại gần đây con có nhờ chép được ít thiên trong "Hưng Đạo binh pháp", có thể ứng dụng ngay được trong quân. Điều mẹ lo là con đang trong tuổi vị thành niên, triều đình không cho ra trận. Nhưng thừa mẹ, có phải lập tức con ra trận đâu. Giặc đã đến đâu mà đánh. Con nghĩ phải luyện binh từ bây giờ cho thật tinh thông, để sẵn sàng chờ giặc. Tới lúc ấy, chắc con cũng đã tới tuổi thành niên. Con thấy đức Hưng Đạo cùng hai vua và các đại thần, đều bàn tính làm thế nào để cuộc chiến chậm nở ra, cho ta còn kịp lo việc binh, lương. Dạ thừa mẹ, việc này phải khôn khéo lắm mới qua được mắt giặc. Vậy mẹ khỏi lo con cứ mãi ở tuổi nhỏ này, mà cho dù vị thành niên đi nữa, cũng đánh được giặc. Đức Phù Đổng xưa mới có ba tuổi, cũng phải nhảy ra khỏi vành nôi mà đánh giặc thì sao? Con chắc là triều đình không nỡ bắt đám vị thành niên ra trận, chứ triều đình không cấm. Ai lại đi cấm nhân dân đánh giặc, có chẳng thì cấm bọn hèn nhát theo giặc phản lại giống nòi.

Nghe con nói, phu nhân cảm thấy mát lòng mát dạ. Vì rằng Trần Quốc Toản, đúng là tuổi còn nhỏ, nhưng chí đã lớn. Phu nhân thật yên tâm. Rõ là hổ phụ sinh hổ tử. Bà liền cho gọi viên quản gia vào bàn việc lập đội gia binh.

- Bẩm phu nhân, người gọi con chẳng hay có việc gì dạy bảo - Viên quản gia cúi lạy.

- Ta miễn lễ. Mời ông ngồi. Có việc gấp cần bàn với ông. Phu nhân đẩy cối trầu về phía viên quản gia - Ông nhai một khẩu cho ăm.

Viên quản gia lấy tay mở miếng trầu ra xem đã vừa vôi chưa, ông nói:

- Bẩm phu nhân năm nay rét sớm. Mới tháng mười mà trời đã giáng sương giá. Vụ chiêm này chắc lại bội thu.

- Ông xem đám nông phu từ ngày cấp ruộng đất cho ra ở riêng tới nay, họ có làm được đủ ăn không?

- Bẩm phu nhân sao lại gọi là đủ ăn. Phải nói họ dư dật. Dư dật nhiều lắm ạ. Họ biết ơn phu nhân và công tử không kể xiết.

- Đây là ơn của triều đình chứ ơn gì ta. Ta nghe nói sở dĩ có mệnh này là do đức Hưng Đạo dưng "Phú quốc cường binh sách",

- Dạ bẩm phu nhân đúng thế đấy ạ. Khởi thủy là từ đức ông Trần Hưng Đạo sau khi kiến tạo xong "Phú quốc cường binh sách", đã cho làm thủ ở thái ấp An Sinh, rồi lan sang thái ấp Tịnh Bang của Tuệ Trung thượng sĩ Trần Quốc Tung. Thấy hai ấp đó dân được hưởng lộc của các vương trở nên no ăm, phấn khích. Việc binh, việc lương đều dễ dàng, triều đình liền xuống chiếu cho cả nước cùng làm.

- Chuyện đó mọi người đều biết, đều đã làm cả rồi. Hôm nay có một chuyện khác bàn với ông. Tức là thế nước đang bị giặc uy hiếp mạnh lắm. Công tử vừa ở Bình Than về, nói tình hình nguy ngập, sớm tối giặc có thể tràn sang. Nay công tử thấy trách phận phải lập một đội tinh binh, tức là đội gia binh, phòng khi nước có giặc phải dùng đến như hồi phu quân ta còn sống. Còn đám dân binh, ông vẫn cho rèn tập đều đặn chứ?

- Dạ bẩm phu nhân, công tử nghĩ thế là phải. Nhưng không biết phu nhân và công tử định lập mấy đô tinh binh. Dạ bẩm phu nhân, số dân binh hiện có trong thái ấp nhà, nếu tính từ tiểu hoàng nam tới đại hoàng nam thì được mười lăm đô. Nếu tính gộp tới giáp tuổi long lão thì được hai quân. Phu nhân biết đấy, lập tinh binh là cực kỳ tốn kém. Phần phải nuôi quân tập luyện, phần phải mua sắm khí giới. Dạ bẩm phu nhân, nếu không có tinh binh thì không cản được quân giặc dữ. Dạ vâng, trong lúc này vừa phải luyện tập tinh binh, vừa phải luyện tập dân binh. Dân binh còn là nguồn bổ sung cho quân các đạo. Nếu không sẽ dùng vào việc đánh nhỏ tại các thôn ấp để kìm chân giặc, hoặc tiêu hao giặc trong các thời cơ thuận lợi.

(Một đô thời Trần = 80 người, một quân = 30 đô.

Qui chế con trai thời Trần : 18 tuổi gọi là tiểu hoàng nam, 20 tuổi trở lên gọi

là đại hoàng nam. Long lão là đàn ông đã 60 tuổi, 70 tuổi gọi là đại long lão.)

Từ này Trần Quốc Toàn vẫn ngồi nghe phu nhân bàn việc lớn với viên quản gia. Tuy không tham góp ý gì, nhưng trong đầu viên thiếu niên trí dũng này đã phác họa tới hai ba kế sách cho đội quân tương lai của chàng.

Nghe viên quản gia nói, phu nhân cũng thấy phân vân về việc tốn kém. Kể từ khi phu quân bà mất đi, mọi việc trong thái ấp đều phó mặc cho viên quản gia coi xét. Đám dân binh vẫn cứ luân phiên nhau đi luyện tập, ấy là lệ chung của triều đình. Vì Quốc Toàn còn nhỏ, nên bà cũng không chiêu tập tinh binh. Nhưng bây giờ con bà đã là một trang thiếu niên dũng lược, biết lấy sự tồn vong của xã tắc làm trọng, nên dù có phải dốc hết sản nghiệp ra cho việc quân, việc nước bà cũng vui lòng. Điều bà băn khoăn là nếu cuộc chiến chưa xảy ra, phải nuôi đội quân ấy trong vài năm, ắt là rất tốn kém. Vậy thời số quân cần độ bao nhiêu cho vừa đủ tầm bao quát của công tử, và thái ấp của bà có sức cung dưỡng? Bà liền hỏi :

- Thế nước nguy khốn, không thể không lập tinh binh để kinh chống giặc. Việc này ta giao cho ông và công tử lo liệu. Số người số của trong thái ấp của ta, có những gì ông biết cả. Vậy nên lập như thế nào, bao nhiêu quân, bao nhiêu vũ khí, xe ngựa, ông phải tính cho khớp với số lương và số tiền hiện thái ấp ta đang có. Nói xong, phu nhân vẫy tay cho lui.

Trần Quốc Toàn sung sướng quá, thiếu chút nữa chàng nhảy bổ lên mà reo như một đứa trẻ, như bản tính hồn nhiên của chàng. Chợt nhớ, mẩu thân vừa mới băn khoăn: "Mẹ chỉ

sợ con còn nhỏ tuổi quá mà đứng đầu ba quân, trước hết chưa đủ uy để sai khiến". Đầu óc mách bảo chàng phải tỏ ra là người lớn. Thế là chàng liền toa rập các bậc cao niên, mái đầu chàng hơi cúi, hai tay chấp lại với vẻ cung kính.

"Con xin tạ mẫu thân!". Lời nói của chàng vừa cầu kỳ, vừa kiêu cách với cử chỉ xa lạ khiến phu nhân cảm thấy khôi hài, suýt nữa bà bật lên thành tiếng cười.

Ba tháng sau, Trần Quốc Toàn đã lập xong đội tinh binh gồm mười đô, tức tám trăm người. Đội quân ấy gồm sáu đô bộ binh, ba đô thủy binh, một đô dùng vào các việc như do thám, viễn thám, tuần sát, cảm tử và hầu hạ ở trung quân. Chàng tự phong cho mình là tiểu tướng quân và tấn phong lão quản gia Lê Như Hồ làm đô tổng quản dưới quyền chàng, lo liệu việc luyện binh. Chàng sai dựng trước trung quân một lá cờ bằng vóc đại hồng thêu sáu chữ vàng

"PHÁ CƯỜNG ĐỊCH, BÁO HOÀNG ÂN"

(Phá giặc mạnh, đền ơn vua.)

Mấy tháng đầu việc luyện quân rất chuệch choạc. Đô tổng quản giao việc

trực tiếp xem xét tập tành của sĩ tốt cho các đô trưởng. Còn suốt ngày ông phải lo tập với tiểu tướng. Phải nói, Trần Quốc Toàn dốc lòng rèn luyện để mình xứng đáng là một viên tướng võ nghệ cao cường. Chàng luyện tập khắc khổ đến không thương xót cả bản thân. Sau mỗi ngày tập như thế, người mệt mỏi rã rời, chàng nằm sấp xuống cho hai tên quân lấy những khúc gỗ lim vuông cạnh dần lên da thịt chàng. Chúng dần chàng đến tê buốt toàn thân, nhưng chưa một lần chàng hé miệng kêu rên, hoặc tự ý đứng dậy trước khi đô tổng quản truyền cho đám lính hầu ngừng tay. Ba tháng sau, chàng là một con người hoàn toàn khác. Tuy gương mặt chàng vẫn non choẹt, má vẫn còn lông tơ, nhưng chân tay da thịt đã cứng như thép. Chàng đi đứng hùng dũng, oai phong凛凛.

Lê Như Hồ là người đàn ông đảm tính, ông đã ngoài năm chục tuổi. Cuộc đời ông gắn liền với thái ấp nhà Hoài Văn. Ông theo phụ thân Trần Quốc Toàn từ độ tuổi thiếu niên. Ông là người chịu khó học hỏi, cả võ lẫn văn. Gọi là văn, chứ thực ra ông chỉ đủ chữ nghĩa để đọc sách. Riêng về võ thì ngay đến đám người Tổng lưu vong vào loại siêu quần, cũng phải kiêng mặt ông. Chính vì thế, ông muốn truyền cho công tử, để mai đây chàng còn tỉ thí với đám tướng lĩnh nhà Nguyên. Nghe đâu Toa-đô, A-lí Hải-nha... đều là những danh tướng vừa mưu lược quỷ quyệt vừa sử trùy, đao vào loại thượng thặng. Các đường thương, đao của công tử đã điêu luyện. Nhưng côn, trùy, quyền, cước thì còn sơ hờ lắm. Thật ra, những cái đó luyện mãi rồi cũng được. Song cái ông lo chính là giúp công tử kiên nhẫn luyện nội công. Nếu nội lực không thâm hậu, thì tất cả các môn học kia, chỉ có tác dụng như một loại người mãi võ, đi những đường quyền cho đẹp mắt thiên hạ để kiếm ăn. Cũng may công tử là người có chí khí anh hùng. Và tuổi chàng còn trẻ, sức đang lên, nếu biết hướng cả tâm thức vào sự luyện tập, vào việc nâng cao nội lực, thì chẳng mấy chốc chàng có cơ thành tựu. Về đường luyện tập của công tử thế là được. Tuy nhiên, hướng của cả đội quân thì chưa ổn. Công tử còn nặng về hình thức. Y hết như người ta luyện cho đám binh sĩ chuyên dùng vào các việc lễ lạt, tế tự cốt sao đi đứng cho đẹp mắt. Giữa công tử và người lính cũng còn một khoảng cách khá xa. Lính sợ công tử mà chưa yêu công tử. Công tử cần họ như những con tốt trong một ván cờ, chứ chưa thương quý họ như tình ruột thịt. Thành thử họ tập ráo riết đấy mà vẫn như đám quân giấy. Đã hai ba lần ông định nói cho công tử đôi điều, nhưng chưa tiện. Vì công tử bầm thù tính tình cương cứng, nên tốt nhất phải chỉ ra cho công tử thấy những tấm gương. Qua đó, công tử rút lấy các việc cần thiết phải làm. Nghe nói Phạm Ngũ Lão là một tướng dạy quân vừa nghiêm cẩn, vừa yêu thương họ. Trong quân, ông có tình huynh đệ, tình phụ tử, nên quân của ông muôn người như một. Chính đức ông Trần Hưng Đạo đã hai ba phen khen Phạm Ngũ Lão, có cái đức và cả cái uy của người làm tướng. Ông

đang cố thu xếp công việc để đi với công tử một chuyến thăm ấp An Sinh. Và cũng là để cho công tử hấp thụ lấy cái khí hạo nhiên của Hưng Đạo, và của các tướng thuộc hạ của Đại vương.

Nhận được thư phúc đáp của đức ông, Trần Quốc Toàn bèn cho sửa soạn lên đường viếng thăm thái ấp An Sinh. Tháp tùng công tử có đô tổng quản Lê Như Hổ, và mười viên đô trưởng. Trước khi đến An Sinh, Trần Quốc Toàn đã viết thư xin đức ông Trần Hưng Đạo cho phép chàng tới thăm thái ấp, để được đích thân xem xét các gia tướng của đức ông luyện binh.

Đọc xong thư, Hưng Đạo mỉm cười: "Cậu bé ở Bình Than đây! Hẳn cháu ta đang nuôi chí lớn? Đáng trọng thay nhân cách của gã thiếu niên này". Rồi đại vương thảo một lá thư lời lẽ rất chân tình. Cuối thư, ông nhắc: "Ta ngày đêm trông đợi cháu".

Hưng Đạo sững sờ khi vừa nhìn thấy Hoài Văn hầu Trần Quốc Toàn. Một câu hỏi chợt lóe lên ở trong đầu đức ông: "Cái gì đã làm cho gã thiếu niên này trở thành một chàng trai kiên nghị dường kia?". Ông lướt cặp mắt từ đầu tới chân Trần Quốc Toàn và đánh giá sự trưởng thành của chàng. Ông nắm lấy cánh tay chàng lắc lắc:

- Vậy mà mới có nửa năm, từ ngày cháu tới Bình Than Hẳn là bây giờ không ai chê cháu là vị thành niên nữa rồi. Hiện thời cháu bao nhiêu tuổi? Trần Hưng Đạo hỏi.

- Dạ bẩm đại vương, cháu tuổi Bính dần (1266), Trần Quốc Toàn đáp, vẻ mặt chàng tươi roi rói.

- Vậy là cháu ta mười bảy tuổi. Chỉ ít tháng nữa là cháu tới tuổi thành niên. Đại vương dẫn khách vào nhà. Phân ngôi chủ khách xong, vương nói:

- Ta nghe nói, cháu đã lập được đội tinh binh. Đang tập gấp lắm. Lại nghe nói cháu cho dựng một lá cờ thêu sáu chữ vàng, dân trong vùng mến mộ cháu lắm, phải không? Đúng là cháu tuổi nhỏ, chí lớn. Ta thật vui lòng được thấy cháu sớm bộc lộ tư cách của một kẻ trung quân ái quốc. Nào, bây giờ cháu hãy kể cho ta nghe trong quân cháu được bao nhiêu đô? Binh lực thủy bộ sắp xếp ra sao?

Trần Quốc Toàn cứ thực trình bẩm lại lực lượng chàng đã có trong tay. Nghe xong, Hưng Đạo mỉm cười, ông vuốt ve chòm râu tới hai ba lần rồi mới cất giọng hỏi:

- Công việc hàng ngày của cháu thế nào? Cháu cứ kể lại các việc đã làm.

Trần Quốc Toàn kể một cách say sưa về công việc của từng ngày, và cả mấy tháng qua chàng đã làm. Và những thành tựu về võ công mà chàng thu được. Càng nghe Quốc Toàn kể, gương mặt đại vương càng nghiêm lạnh. Ông lắc đầu:

- Hồng! Hồng! Cháu đã làm một việc trái khoáy. Thậm chí trái khoáy. Các việc cháu làm đó là công việc của một người lính. Mà cháu, trách phận chính là

làm tướng. Nếu không, ai sẽ cầm đầu đám nghĩa binh của cháu.

Đại vương nghiêm giọng hỏi:

- Trong đám các ông phụ tá cho công tử đây, ai là đô tổng quản ?

Lê Như Hồ đứng dậy chấp hai tay vái đại vương:

- Bẩm vương, kẻ hạ tiện này được công tử trao cho việc đó.

- Vậy ông đã có theo đòi trong quân từ hồi đánh Thát-đát năm Đinh tỵ?

- Bẩm đúng như thế - Lê Như Hồ xác nhận.

- Ai cho phép ông biến viên đại tướng thành một tên lính?

Trần Quốc Toản ngơ ngàng, hết nhìn đại vương lại nhìn viên quản gia của mình, chàng lo lắng đến bồn chồn. Không hiểu viên quản gia phân giải thế nào với đại vương. Và ông ta có bị khép tội gì không?

Lê Như Hồ sắc mặt không hề thay đổi. Ông ta bình tĩnh đến lạ lùng. Lại vòng tay như người thi lễ, mình cúi lom khom, ông ta đáp:

- Bẩm đại vương, công tử sớm mồ côi cha, được phu nhân săn sóc hết lòng.

Chính vì thế mà công tử chưa từng trải việc đời, cũng như chưa biết mọi nỗi thống khổ của đám người cùng đinh dân dã. Ngay đến cảnh ngộ của từng người lính dưới quyền công tử, công tử cũng không hề biết, hoặc không cần biết đến. Giá như trong thời bình, công tử được rèn giũa ở quốc tử viện hoặc giảng võ đường, rồi cùng với năm tháng công tử sẽ thấu hiểu nhẽ đời.

Nhưng bây giờ thì khác. Giặc đang rình rập ngoài biên ải, sớm tối chúng tràn vào lúc nào chưa rõ. Mà, tâu đại vương, việc đánh giặc là cực kỳ gian khổ, nó đòi hỏi mỗi người vừa phải có ý chí kiên cường, vừa phải có sức lực dẻo dai, có thể dầm dãi gió sương ngoài chiến trận. Vì thế, theo thiên nghĩ của kẻ hèn mọn này, trước khi công tử trở thành một vị tướng, công tử hãy ném thử nỗi gian lao của người lính. Bẩm đại vương, có như thế công tử mới có nỗi cảm thông với binh sĩ dưới quyền, và vì thế mới yêu thương được họ, để họ tận tâm gắng sức vì công tử, vì nước.

Bẩm đại vương, nay công tử vừa trải qua nửa năm luyện rèn, sức vóc tăng, võ nghệ tinh tiến. Cho nên công tử không thể không qua cửa đại vương để học lấy những điều cần yếu của bậc làm tướng. Tâu đại vương, kẻ hèn mọn này tuy đọc sách có hiểu được đôi ba phần, khả dĩ có thể dẫn dụ cho công tử. Nhưng điều đó sao bằng đích thân chủ tớ chúng thần đến đây xin được đại vương dạy bảo. Rồi sau đó, được đứng vào hàng quân ít bữa để tướng quân Phạm Ngũ Lão và các tướng Yết Kiêu, Dã Tượng răn dạy cho trong thực hành. Bẩm đại vương, nếu các việc kẻ tôi tớ này hầu hạ công tử trở nên trái đạo, mà phải khép vào trọng tội, thì xin đại vương cho được chết ở chiến trường để lập chút công thừa cho vong hồn đỡ tủi.

Nghe viên đô tổng quản phúc trình các việc theo một ý đồ tốt đẹp, Trần Hưng Đạo lấy làm đẹp ý. Mắt vương long lanh chan hòa tình cảm. Khi y dứt lời, đại vương vội đỡ dậy, ôn tồn nói:

- Hóa ra ta không sát công tử bằng ông. Ta phải cảm ơn ông lắm. Phải, việc rèn giũa con người cũng như uốn một cái cây. Người ta sinh ra không phải để làm tướng, mà đó là một việc bất đắc dĩ. Kẻ thù buộc ta phải làm như vậy - Còn cháu, đại vương quay ra nói với Quốc Toàn - phẩm chất cốt yếu của người làm tướng cần có, chưa phải là việc đánh thành, cướp lương của quân giặc. Các việc đó, một viên tướng tồi nhất cũng hiểu được, và đôi khi cũng làm được. Song, có một điều chính yếu mà giản dị vô cùng, ấy là việc phải thật lòng yêu thương sĩ tốt, và phải biết quý máu xương họ như máu xương cha mẹ anh em mình, như chính máu xương mình, thì chưa hẳn viên tướng nào cũng làm được đâu. Nhớ nhé, đại vương dặn giọng - Phải thật lòng yêu thương sĩ tốt và phải biết dè sẻn máu xương họ như máu xương của chính mình. Điều ta nói đây, cũng có nghĩa là điều căn cốt nhất của đạo làm tướng. Trần Quốc Toàn nhất nhất nghe theo lời răn dạy của đại vương.

Trong những ngày ở thái ấp An Sinh, công tử được đại vương săn sóc, dạy bảo chí tình. Quốc Toàn cũng rất hợp với vương. Công tử vừa sáng dạ, vừa tỏ ra là người có chí khí anh hào, khiến vương càng mến, càng hết lòng truyền dạy cho những điều tâm phúc nhất.

Công tử được sắp vào đoàn quân của Phạm Ngũ Lão. Phạm tướng quân cử chàng giữ chức tiểu tướng quân, trông nom hẳn hai quân gồm một nửa quân bộ, một nửa quân kỵ. Các việc chàng làm đều theo sự chỉ dẫn của họ Phạm. Đôi khi có những nét dị biệt chàng đưa vào thế trận, khiến Phạm Ngũ Lão không những chấp nhận, mà còn coi như là một biểu hiện của một người có tài cầm quân kiệt xuất. Ví như có trận đánh tập giữa công tử với một viên tướng khác, mỗi bên đều có số quân như nhau, binh khí như nhau. Chiến trường là một thung lũng, hai bên dàn trận đánh, mục đích là làm thế nào bên này tiêu diệt hoặc đánh bật được bên kia ra khỏi trận địa, và làm chủ toàn bộ địa hình. Sau hiệu lệnh, hai bên đều cho quân nhất loạt xông lên. Suốt một giờ, không bên nào lấn được của bên nào một tấc đất. Bỗng có ba phát pháo hiệu nổ vang, rồi từ hai khe rừng hai tốp kỵ binh đổ ra chọc thẳng vào hai sườn của đối phương mà đánh, khiến cho quân kia rối loạn. Thoắt kỵ đội bên phải chạy vòng sang trái, kỵ đội bên trái chạy vòng sang phải bọc kín lấy quân đối phương bằng hai vòng tròn kỵ binh. Làm cho cả quân bộ, quân kỵ của đối phương trở tay không kịp. Vòng vây cứ mỗi lúc một thít lại nhỏ hơn, tới lúc đối phương phải kéo cờ trắng xin hàng. Trận ấy Quốc Toàn thắng lớn. Và chính điều mới mẻ trong chiến thuật tiến công này của công tử đã làm Phạm Ngũ Lão phải kinh ngạc. Tướng quân thuật lại từ đầu đến cuối trận đánh với Hưng Đạo đại vương.

Đại vương cười nói - Điều này không có gì mới. Trong binh pháp gọi nó là thuật đánh vu hồi. Hơn một ngàn năm trước đây tướng La Mã đã tạo ra cách đánh này, và ông trở nên một danh tướng không có đối thủ. Nhưng với Quốc

Toản thì lại khác. Đó là một sự sáng tạo song trùng chứ không phải sự bắt chước. Ta tin Quốc Toản sẽ trở thành một tướng tài kiệt kiệt, nếu như gã thiếu niên này để toàn tâm toàn ý vào việc quân, việc nước.

Ngày lại ngày trôi qua, Quốc Toản và đoàn tùy tùng ở ấp An Sinh đã được nửa tuần trăng. Tớ thầy đều nhất tâm đề dọ vào các việc: từ rèn luyện quân sĩ đến thuật cầm quân, nuôi quân, khao thưởng và cả các hình thức trách phạt binh sĩ, các tội trạng, tội danh cùng biết bao chuyện khác, không để sót một điều gì.

Hết nửa tuần trăng, Quốc Toản ngỏ ý xin về thái ấp tiếp tục rèn luyện quân sĩ. Trần Hưng Đạo thuận cho, và mở tiệc khao thưởng công tử và đám tùy tùng, và cả các tướng đã có công rèn cặp Trần Quốc Toản. Rượu uống thả cửa, của ngon vật lạ của sông núi như ba ba, lươn, ếch, rùa, rắn, hươu, nai đều được các đầu bếp chế biến thành những món ăn lạ lùng. Các tướng đều nhiệt thành bày tỏ với Quốc Toản những điều tâm phúc nhất. Tiệc gần tan, Hưng Đạo vương ưu biệt nói với Hoài vương những điều nghiêm cần:

- Tới nay cháu thật sự là một người có đủ tư cách cầm quân. Phải nhận, cháu là một tướng trẻ nhưng có nhiều mưu lạ. Sắp tới, ta sẽ trình với hoàng thượng về một cuộc đại duyệt toàn quân để kiểm xét lực lượng. Cháu sẽ được triệu tới tham gia ngang hàng với các vương hầu khác, chứ không như ở Bình Than.

Nhân đây ta nói thật để cháu tiện lo liệu việc quân. Các tin tức đều cho biết Hốt-tát-liệt đang ráo riết trưng binh đánh Đại Việt. Nghe đâu y huy động tới năm chục vạn quân đánh ta. Hiện nay lương thảo, binh khí đang vận chuyển dần xuống các tỉnh phía nam Trung Quốc để dồn sang ta. Nếu lần này ta lại cự tuyệt các yêu sách của nhà Nguyên, chắc chắn Hốt-tát-liệt sẽ sớm tới động binh. Cuộc xâm lăng sắp tới của nhà Nguyên, sẽ là cuộc xâm lăng lớn nhất trong lịch sử dân tộc ta từ thời dựng nước. Cả dân tộc ta đang đứng trước một chọn lựa cực kỳ gay gắt: hoặc còn hoặc mất, hoặc độc lập tự chủ hay làm nô lệ tôi đòi cho giặc. Vậy thời, cháu phải làm thế nào truyền được cho binh sĩ lòng căm giận bè lũ Thát-đát không muốn cho dân ta sống yên lành, để mỗi người họ tự thấy cần phải làm gì trước thế nước đang nguy ngập. Cháu nên nhớ kỹ, việc nước là phải mọi người chung lo, chứ không phải chỉ có riêng đức vua và một dùm quan lại triều đình. Còn sức mạnh của quân ta có được, lại nhờ vào lòng dũng cảm chiến đấu của từng binh sĩ, chứ không phải chỉ ở nơi mấy vị tướng. Cho nên, đứng đầu thái ấp, cháu phải chăm lo đời sống cho dân và cả binh lính dưới quyền. Làm chu đáo hai việc đó, tự khắc trong quân cháu có sức mạnh không lường hết được đâu.

Đưa tiễn Trần Quốc Toản ra khỏi quân doanh chừng non một dặm, Trần Hưng Đạo bắn khoản như muốn căn dặn thêm điều gì đó với viên tướng trẻ mà ông giàu lòng yêu mến. Nhưng rồi ông lại ngập ngừng và đi tiếp. Cứ như

là trong lòng ông đang day dứt vì một lẽ gì đó, nếu nói ra thì sẽ ân hận, mà không nói ra thì sẽ hối hận. Đi thêm chừng mười sải ngựa nữa, ông níu tay cương Quốc Toàn:

- Ta cho cháu vật này. Rồi ông móc trong ngực áo ra cuốn sách bìa đen gáy bọc đồng lá vàng au - Không phải ta không muốn cho cháu. Chỉ vì cháu còn trẻ tuổi quá, sợ không lĩnh hội được đầy đủ các điều ta viết trong sách. Ta gọi nó là "Vạn Kiếp tông bí truyền thư". Đây là các bí thuật của phép dùng binh. Cháu phải lấy cái tâm trong sáng, tức là khi đọc sách của ta phải minh tâm kiến tính. Chớ có hấp tấp bạ lúc nào đọc lúc ấy. Khi tâm thần bất định hay vì một tức giận nhất thời, tuyệt nhiên không được mở sách này. Các mưu thuật và bí thuật của ta, chỉ đem dùng vào việc đánh giặc giữ nước. Nếu đem lòng ngu tối tham bản mà dùng các mưu thuật của sách ta, trong việc tranh đoạt quyền lợi với người đồng tông, đồng bào thời tai ương không biết đâu mà lường. Nguy cơ tuyệt diệt là điều không thể tránh. Ta cũng dặn trước, nếu con cháu không có được cái tâm nhân bản, cũng không cho lưu giữ sách này. Về cháu thì ta yên tâm. Song cháu phải rèn sao cho lúc nào cũng giữ được cái tâm trong lặng. Tâm có trong lặng, xét đoán sự việc mới sáng suốt. Và đó là cái gốc của mọi sự thành tựu. Nói đoạn, đại vương trao cuốn sách vào tay cho Trần Quốc Toàn, rồi ông quay ngoắt ngựa, phi nước đại. Quốc Toàn sững sờ vừa vái, vừa nói theo: "Cháu đội ơn đại vương!". Trở lại dinh, trao ngựa cho quân thả vào tàu, Trần Hưng Đạo đi thẳng vào thư phòng đóng chặt cửa lại như người chạy trốn. Ông nằm ngửa nhìn lên mái nhà, những đám kèo cột, đầu sen, chân quì, rui, mè sắp xếp dọc ngang làm ông hoa cả mắt. Lòng ông bồn chồn và nước mắt ứa ra. Như có một cái gì xót xa cứ bào chữa vào gan ruột ông. Nỗi cay đắng khiến ông không thể kìm nén được xúc động, ấy là lòng ông xót thương cho Trần Quốc Toàn - một đứa trẻ mồ côi, bằng ấy tuổi đầu, nhẽ ra việc nó phải đề tâm là ăn, học và kết bạn chơi bởi sao cho thỏa thuê. Ấy thế mà nó phải tranh lo việc đánh giặc với các bậc huynh trưởng. Lòng ông réo sôi lên nỗi uất căm tên giặc già Hốt-tát-liệt: "Hỡi con sói già ác độc kia. Dưới móng vuốt của mày, hàng triệu sinh linh đã phải chết. Hàng trăm quốc gia nghiêng đổ thành trì. Mày gieo rắc tang tóc cho nhân loại Vì mày, người trẻ không có tuổi xuân, người già không được yên nghỉ. Ta thề, nếu không moi gan móc mắt mà ra được thời ta cũng chặt hết vây cánh mày khi mày vác bộ mặt xâm lược vào đây. Mày đừng tưởng vó ngựa của mày là không giới hạn, mày là một hoàng đế của mọi hoàng đế. Hãy liệu hồn mày đây!".

Phải nói, từ sau năm Đinh tỵ (1257), giặc Mông-Thát đã để lại trong lòng vị tướng trẻ thời ấy một nỗi đau nhức nhối. Rằng làm thế nào để trong tay có một nhân dân giàu có, và một đội quân đủ mạnh để đè bẹp các thế lực xâm lược ngoại bang. Chỉ tiếc ông không có đủ quyền lực để ban bố các đạo luật

cần thiết có lợi cho người dân. Nhưng ông đã dốc gần như toàn bộ trí tuệ và sức lực, vào việc sáng tạo các mưu thuật công thủ đối với kẻ thù. Trong phần thuyết dẫn và cả thực hành, ông hết sức chú ý các sự kiện. Vì sao thành Điều Ngư nhỏ làm vậy, mà quân Mông Cổ không hạ được? Lại vì sao mà một nước Đại Tống mệnh mông là thế phải tiêu vong một cách nhục nhã? Đó không chỉ là những câu hỏi mà còn là những bài học của sự thành bại. Cái gọi là bí truyền trong binh pháp của ông nó nằm sờ sờ trước mắt mọi người, nhưng ít ai chịu hiểu. Mai đây ông sẽ khai triển nó trong chiến trận, nhất định còn lắm điều hay có thể thêm thắt nữa vào các chương mục.

(Điều Ngư, một trái núi nhỏ ở tỉnh Tứ Xuyên có đắp thành ở đó, do Vương Công Kiên tướng của nhà Tống trấn giữ. Quân xâm lược Mông Cổ do Mông Kha (Anh trai Hốt-tát-liệt) đánh tới sáu tháng mà không hạ được, quân bị chết nhiều. Mông Kha phải rút.)

Lại nói về Quốc Toàn từ khi trở lại thái ấp, chàng như người vừa lột xác. Nghĩa là chàng gần gũi chăm sóc mẹ hơn. Chàng lẫn lộn cùng với đám quân sĩ, khi thì giảng giải cho họ về binh pháp. Khi thì đặt các tình huống giả định để họ tự tìm cách phải vượt thoát. Trong những ngày tập tành để đi vào trận đánh thử, chàng ăn chung ở lộn với họ. Chàng không nề hà các việc nặng nhọc. Chàng cùng ăn các thức ăn với họ. Khi luồn lách vào hang sâu bụi rậm, chàng cũng ăn gạo đồ phoi khô, uống nước bầu, nước ống. Vì liên vai sát cánh cùng với binh sĩ, nên chàng cảm thông với cảnh ngộ của từng người. Bởi vậy chàng càng thương quý họ hơn. Chàng ráng bắt chước những gì mà tướng quân Phạm Ngũ Lão đã làm với binh lính của ông. Chàng thấy ở Phạm tướng quân một tình cảm vừa thấm đượm vừa chan hòa, binh sĩ coi ông như một người anh cả. Chăm lo thăm hỏi họ như tình cảm của người chị đối với cả một đàn em. Có lần chàng thấy một người lính trong khi tập bị ngã ngựa rách da đầu gối. Mấy hôm sau vết thương sưng tấy lên. Phạm Ngũ Lão vào rừng tìm lá nấu nước rửa vết thương, rồi lấy mảnh chai cạo phoi cây ba ngạc đắp vào cho hút mủ. Thấy cử chỉ đáng kính đó, Quốc Toàn bèn lên la hỏi:

- Thưa tướng quân ! Tiểu sinh chưa trải việc đời, dám xin tướng quân chỉ bảo.

Phạm Ngũ Lão ngừng tay băng bó vết thương, nhìn Quốc Toàn với nụ cười mỉm và nói như giục:

- Có điều gì xin công tử cứ nói. Chắc không làm vừa lòng công tử được. Nhưng thôi, cứ gắng xem sao.

- Thưa, cử chỉ của tướng quân gợi nhớ cảnh Tào Tháo ghé miệng hút mủ nhọt của một tên quân. Cử chỉ của tướng quân, tôi ghi nhận tướng quân làm với lòng yêu thương binh sĩ như tình huynh đệ. Nhưng tại sao hành động của Tào Tháo thì bị các sử gia chê là xảo trá. Tôi nghĩ lòng không yêu, khó mà

làm được các việc như bản ấy.

Phạm Ngũ Lão gật gật đầu, ông buộc xong vết thương cho người lính rồi cho anh ta về trại. Đoạn ông tiếp chuyện Quốc Toàn:

- Về việc công tử hỏi, không có gì khó hiểu. Đối với người lính vừa rồi, tôi yêu thương họ thực sự. Là bởi chúng tôi một tình cảm chung, một kẻ thù chung. Còn Tào Tháo thì khác. Ông ta làm việc đó vì cái chí của ông ta chứ không phải vì cái tâm. Công tử nên nhớ, vì chí hướng riêng, người ta có thể làm đủ mọi việc từ cao thượng đến đê hèn. Tào Tháo hút mủ cho một tên lính, để rồi thu phục một trăm vạn quân dưới quyền ông ta, rằng ông ta là người nhân nghĩa. Cũng chỉ vì đa nghi, không cho ai đến gần lúc mình ngủ, cho nên Tào Tháo đã giết một người lính hầu cận, khi người này kéo chăn đắp cho y. Rồi y cho làm ma thật to, và vờ hối hận, y khóc rống lên rằng: "Ta ngủ mê". Cũng có mặt trong đám tang ấy, Dương Tu là người biết gan ruột Tào Tháo, nên ông khóc người lính kia: Khổ thân mày ngủ mê nên không biết, chứ thừa tướng có ngủ mê đâu. Vì chuyện đó, sau này Tào Tháo giết Dương Tu bởi một lẽ rất vu vơ. Ấy, tâm địa của Tào Tháo là như vậy, nên các nhà viết sử đời sau đều chê Tào Tháo là gian hùng, xảo trá. Tuy nhiên, ông ta vẫn cứ là một danh tướng - một danh tướng tàn bạo, một chính trị gia kiệt xuất để nhiều sự tranh cãi nhất trong lịch sử.

Phải nói, trong nửa tuần trăng ở với Hưng Đạo đại vương và các tướng Phạm Ngũ Lão, Yết Kiêu, Dã Tượng... đã để lại trong đầu óc Trần Quốc Toàn biết bao gương sáng. Khi về thái ấp, công tử cũng thể hiện được tâm tình huynh đệ chi binh. Bởi vậy chàng rất được binh sĩ tin yêu. Họ ra sức luyện rèn, và những thành tựu thu được là điều đáng khích lệ. Ngay cả việc đó cũng làm cho phu nhân đẹp ý. Bà không những chỉ săn sóc Quốc Toàn, mà còn săn sóc cho cả đoàn quân. Bà đã tự may thêm cho tất cả mười đô, mỗi đô một lá cờ hiệu, và con trai bà riêng một lá cờ có thêu ba chữ "HOÀI VĂN HẦU" cắm ở trung quân.

Viên đô tổng quản Lê Như Hổ lại khéo chọn từ mỗi đô một người bằng tuổi với Quốc Toàn, và có dáng vóc hao hao như chàng. Các chú lính trại nhi ấy, nói là để hầu hạ chủ tướng nhưng thực ra đô tổng quản đã luyện cho họ thành những tay võ nghệ cao cường, không thua kém chủ tướng là mấy. Họ luôn ở bên cạnh công tử, và lúc nào cũng có thể xả thân vì công tử, vì nước. Mười võ sĩ ấy được ăn vận giống nhau, binh khí giống nhau, cưỡi ngựa giống nhau đi lộn vào với Quốc Toàn; nếu như Quốc Toàn cũng mặc trang phục và cưỡi ngựa giống họ, hẳn khó ai phân biệt được công tử với đám quân cận vệ. Công tử đối đãi với họ như với bạn, như với lũ đàn em, ấy là ngoài lúc tập luyện. Còn như khi thi hành công vụ thì trên dưới rõ ràng, kỷ cương nghiêm chỉnh. Thật là một đội quân mạnh, trăm người như một, ngàn người như một. Công ấy trước hết thuộc về phu nhân, một bà mẹ nhân ái

trung nghĩa, hết lòng vì nước. Công ấy còn thuộc về viên quản gia- viên đô tổng quản Lê Như Hổ, đã có công dìu dắt chủ tướng đi từ bước chập chững đến thành tài.

Và nữa là Trần Quốc Toàn, một con người như được tạo ra từ khí thiêng sông núi. Nay chàng đã chững chạc là một vị tướng, đứng đầu một đội quân tám trăm người với sức mạnh hùng hổ, sẵn sàng tử chiến với giặc dữ.

CHƯƠNG 15

Từ sau buổi đưa tiễn trên cửa Thần Phù trở về, nhớ lại những sự việc đã qua, An Tư công chúa cảm thấy tất cả đều trôi đi như một giấc mộng. Từ việc theo quan gia đi thăm Tịnh Bang ấp của Tuệ Trung thượng sĩ, gặp tráng sĩ Đặng Dương, đến cuộc du ngoạn trong rừng núi Tản Viên gặp hồ và cuộc hội ngộ tao phùng với chàng hiệp sĩ người vùng Tản Viên. Lại cuộc tiễn đưa Trần Đạo Tái với chàng ta đi cứu viện Chiêm Thành. Rồi nữa cuộc chia biệt đau lòng giữa nàng với Yên Ly.

Vốn người hiếu động, nhưng lúc này An Tư thấy không thể một mình một ngựa xông xáo vào các nơi tướng phủ như trước nữa. Hoặc kéo cả một bộ đoàn con hầu đầy tớ, nghênh ngang du ngoạn cảnh đẹp đất nước. Như thế sẽ rất vô duyên, bởi tất cả đều rộn lên khí thế đánh giặc Thát. Đi về bất cứ nẻo nào trên toàn cõi Đại Việt, người ta cũng đều nghe thấy tiếng rền đục khí giới, tiếng quân tập luyện reo hò dậy đất. Và từng đoàn người tấp nập chuyển tải lương. Chính vì thế An Tư phải giam mình trong cung. Nàng buồn lắm. Phần vì nhớ bốn phương, vì tính nàng ưa bay nhảy. Nhớ nhất Chiêu Thành vương - chàng tráng sĩ mài kiếm dưới trăng đã ba thu chờ ngày giết giặc Thát. Chiêu Thành vương nổi tiếng khắp kinh thành vì lòng kiên nhẫn luyện rèn kiếm kích, và nuôi chí diệt thù. Tráng sĩ có khuôn mặt đẹp, cơ thể cường tráng võ nghệ cao cường, nhưng lại không chịu để cho một bóng giai nhân nào lọt vào mắt chàng. Chính lòng kiêu hãnh của Chiêu Thành vương đã khích lệ An Tư chinh phục. Và cuối cùng trái tim tráng sĩ cũng phải mềm lại trước bàn tay ngà ngọc ve vuốt và những lời nói nũng nịu yêu kiều của công chúa. Mới đây chàng lại tình nguyện nhập vào đội quân thám sát. Và hiện thời chàng đang ở trên vùng ải bắc. Đã ngót một tuần trăng, chàng chưa trở lại, và cũng không có thư tín gì. Điều đó làm cho An Tư băn khoăn đến rối rắm: "Phải làm một việc gì đây?" Nàng đặt cho mình câu hỏi ấy. Bởi khắp trong nước không một người nào là không có công việc. Và tất cả mọi việc lớn nhỏ đều hướng về cuộc bảo vệ giang sơn. Chợt nhận ra mình như một người ngoài cuộc, nàng giật mình và tự ngượng. Công chúa bèn đòi bọn tỳ thiếp vào hỏi:

- Các em có biết hiện nay mọi người đang làm gì không?
- Dạ bẩm công nương, biết ạ ! Mọi người gần như đồng thanh đáp lời công chúa.
- Vậy mọi người đang làm gì? Công chúa gắng hỏi.

- Dạ bẩm công nương, mọi người đang làm các công việc để chờ đánh giặc Thát, khi chúng tràn vào cõi.

An Tư vẻ hơi ngậm ngùi tự thẹn: "Thì ra ai nấy đều biết mình cần phải làm gì để cứu nước. Ngay cả bọn nàng hầu còn quan hoài đến vận nước. Thế mà ta chỉ ham mãi các cuộc vui". Nghĩ vậy, công chúa chậm rãi nói:

- Các em, chúng ta là phận nữ nhi không xông pha trận mạc được, chúng ta phải làm gì chứ, chẳng nhẽ chỉ có mỗi việc trang điểm sao? Việc ấy Hót-tát-liệt đâu có sợ.

- Dạ bẩm công nương, chị em chúng con ai cũng muốn được làm một việc gì để góp vào với thể nước.

Công chúa vui vẻ hẳn lên. Nàng nói:

- Ủ, nhưng mà chúng ta làm gì nhi? Đó là một câu hỏi thành thực, khiến cả đám nữ tỳ ngơ ngác. Họ cũng vừa chột hỏi nhau: "Làm gì?".

Một tỳ nữ nom có phần rần rỗi, từng trải xin nói:

- Bẩm công nương, chị em chúng con có thể làm được mọi việc. Như cày cấy lấy lúa gạo nuôi quân. Hoặc gánh gạo, tiếp lương cho quân ở mãi các vùng miền heo hút, không có sông suối thuyền bè qua lại, hoặc xe không qua, ngựa không tới. Nhưng chúng con đi như thế, lại không có người hầu hạ công nương. Vậy theo ý con, chúng ta nên làm các việc nhỏ tại đây thôi, vẫn có thể phân khích được lòng quân.

Nghe nàng hầu nói, An Tư công chúa mắt sáng lên một cách tin tưởng. Nàng dôn hỏi:

- Chúng ta làm được à? Tất cả mọi người đều làm được à? Cả ta nữa chứ? Thế thì tốt quá. Nhưng làm gì mới được chứ?

- Bẩm công nương, ví như chúng ta đan các túi đựng tên bằng mây, tre, may các túi đựng trầu cho quân sĩ. Ai khéo tay thì thêu thùa bông mai, bông cúc hoặc hình dũng sĩ vào khăn tay, để trao tặng cho các chiến sĩ có công luyện rèn. Lại nữa, nếu có vải thì may áo mền, cho các chiến sĩ mặc trong mùa đông giá buốt.

Nghe nàng hầu nói, An Tư cảm thấy ấm lòng. Vì rằng, chính các công việc đó sẽ là chỗ dựa cho nàng, an ủi nàng yên tâm rằng mình đã hòa nhập vào đại cuộc. Lập tức mẹ quản gia được triệu đến, và chỉ mấy hôm sau các công việc được bắt đầu. Cung cấm của công chúa, bỗng chốc nhộn nhịp như công trường. Đám gia nô mạnh chân khỏe tay được sắp xếp vào các toán đi lấy mây, lấy song về pha chế thành nan để đám nữ tỳ khéo tay đan thành những chiếc túi đựng tên. Thoạt đầu chỉ có vài ba người biết đan. An Tư bắt họ phải dạy cho những người khác. Vài bữa sau, ai cũng biết đan, chính công chúa cũng đan được. Tuy vậy, khó nhất vẫn là lúc gảy nan. Tức là những thanh nan đầu tiên để tạo chiếc túi hình ống, y hệt một ống tre nhưng mềm mại đẹp mắt. Sau có người sáng ý nghĩ ra cách đan túi có nắp đậy, phòng khi

người lính di chuyển, tên không bị xóc mà rơi ra ngoài. Chiếc nắp đây được gắn vào miệng túi bởi cái bản lề cũng bằng mây. Tức là nó được kết gút và quấn nhiều vòng cho thật chắc.

Công chúa chỉ tập đàn một vài túi tên cho biết, cho vui để khích lệ đám thị nữ. Còn nàng đích thân trông nom các việc thêu may các túi đựng trầu và khăn tay. Tất cả các loại kích cỡ to nhỏ, thêu thùa mẫu mã, màu sắc thế nào đều tự công chúa nghĩ ra và truyền cho đám thị nữ làm theo. Riêng có việc may áo mền thì còn cho người đi mua bông, mua vải, phải chờ ít bữa nữa. Ngày lại ngày tiếp nối, công việc cứ cuốn hút mọi người với một vẻ đắm say kỳ lạ. Đến nỗi công chúa cũng quên cả chải chuốt trang điểm, mà lao vào việc từ sáng đến tối mịt. Việc ăn uống cũng không được xem trọng như trước nữa. Đôi khi An Tư cũng ăn uống chung lẫn với đám người hầu hạ. Nàng không hề nghĩ việc xuề xòa là làm thấp phẩm giá và địa vị cao sang của mình. Trái lại, nhờ sự hòa đồng đó mà công chúa được đám thị nữ càng gần gũi, yêu trọng. Và vì thế công việc cứ mỗi ngày thành tựu một cao hơn. Ví như mấy ngày đầu lóng ngóng, có khi mỗi người loay hoay cả ngày không đan xong một chiếc giỏ đựng tên. Nhưng mới qua nửa tuần trăng, ai cũng thạo việc. Bây giờ các nàng cứ nhắm mắt lại ai cũng đan được, đêm tối cũng đan được mà không sợ sai, sợ lỗi. Và mỗi người đan một ngày đã dư chục chiếc giỏ đựng tên. Bên may thêu cũng không kém bên đan lát. Chợt một bữa An Tư đi kiểm tra xem các vật phẩm làm ra được nhiều chưa, để còn gửi đi tặng các đoàn quân. Nàng kinh ngạc thấy dãy nhà ngang đã chứa đầy ắp tới sáu, bảy gian thuận những thứ để làm quà cho binh sĩ. Trong lòng nàng phần chần lả thường. An Tư chợt nghĩ về năm Đinh tỵ, quân xâm lược Thát-đát tràn vào bờ cõi, Linh từ Quốc mẫu đã làm biết bao việc, khiến cả triều đình đều sùng sốt và kính trọng. Ví như một tay Quốc mẫu lo việc sơ tán con em các hoàng thân quốc thích, về ẩn náu mãi tận vùng Long Hưng(thuộc Thái Bình ngày nay). Lại lo thu gom lương thực, mua sắm và tích trữ khí giới, chờ tới khi quân ta phản kích giặc, Quốc mẫu đem ra cung hiến kịp thời, khiến ba quân thêm khí thế diệt thù. Việc ấy, hiện sử gia Lê Văn Hưu đã chép trong quốc sử. Lại nghe nói, các việc đó Quốc mẫu cứ lặng lẽ làm, đến cả thái sư Trần Thủ Độ cũng không biết nữa. Mới hay ai có lòng vì nước, tự khắc biết mình phải làm gì.

Bởi thế, từ ngày nghĩ ra được các công việc cùng làm với đám thị nữ, An Tư công chúa thấy trong lòng thư thái. Việc còn lại lúc này là trao tặng các sản phẩm của cung An Tư cho ai, cho đoàn quân nào. Thật ra, các chiến sĩ ở bất cứ vương phủ nào cũng đều xứng đáng được trao tặng. Song nàng ao ước giá như Chiêu Thành vương lập riêng đội gia binh của vương phủ, để nàng được trao các tặng phẩm đến tận tay đám binh sĩ này thì đẹp xiết bao. Tiếc thay, chàng lại là tướng của triều đình. Trước đây chàng coi sóc đội quân thân võ

nay vì có việc gấp trên biên ải, hoàng thượng riêng cử chàng đi. An Tư băn khoăn, việc gấp thì phải kíp quay về để hồi âm. Sao chàng lại đi biệt? Nàng đặt ra không biết bao nhiêu câu hỏi với nhiều cảnh ngộ éo le, trạng huống phức tạp. Để rồi lo lắng, âu sầu. Suốt ngày nàng miên viễn ủ dột vì những điều không đâu ấy. Đêm về, nàng trần trọc ôm gối, vò chăn tự vẽ ra mối sầu chinh phụ. Và lòng buồn nẫu ra như một chiều quan tái. Khi mảnh trăng hạ huyền chéch soi nơi rèm cửa sổ, hắt vào nhà một màu trắng trắng ảo huyền, thì nàng không thể nào nhắm mắt ngủ lại được nữa. An Tư vùng dậy lấy các đồ nghề ra thêu. Đích thân nàng sẽ thêu một chiếc khăn tay tặng chàng. Công chúa căng vuông lụa bạch lên khung thêu rồi chọn màu chỉ. Nhưng thêu cái gì mới được chứ? Nàng ngồi trầm tư. Thoạt đầu, nàng định thêu một con chim đại bàng, đang sải cánh lao vào bầu trời giông bão, để nói lên cái chí của chàng - Cái chí của chàng ai mà chẳng biết. Chính là nói lên nỗi lòng của ta đối với chàng. Về tấm lòng của mình, công chúa định thêu một bông mai trắng e ấp trở trên một cành khảnh khiu - Thế thì kín đáo quá, ai mà hiểu được. Chợt An Tư nghĩ đến việc đề thơ. Ý này làm nàng phấn chấn hẳn lên. Vì thơ, ý tại ngôn ngoại nói được nhiều lắm. Nàng không màng tới việc múa bút khoe văn với chàng, mà chỉ muốn thêu một bài Đường thi tứ tuyệt nào đấy cho hợp với cảnh ngộ của hai người. Thoạt đầu, An Tư nghĩ đến bài "Xuân oán" của Kim Xương Tự. Đọc lên nghe hợp với tâm trạng mình quá, công chúa đã toan đặt mũi kim thêu. Nhưng đọc đi đọc lại vài lần, nàng lưỡng lự. Tứ của bài thơ, hợp với cảnh ngộ kẻ ở chốn cô phòng chờ người lữ thứ. Song hồn thơ mộng lung, ủy mị, đành bỏ. An Tư lại lần giở trí nhớ tìm đến các bài thơ khác. Công chúa nhắm đọc bài "Xuân tứ" của Lý Bạch. Nàng lắc đầu. Bài thơ cực tả cảnh thiếu phụ chờ chồng đi chinh chiến ở cõi xa. Tâm trạng nao nao buồn, như là cảnh góa phụ, cũng không hợp. Thả hồn phiêu lãng lên vùng ải bắc - miền đất nàng chưa hề đặt chân tới. Nàng hình dung trong lung linh sương khói, cảnh núi non trùng điệp cao chát ngất, rừng thẳm bạt ngàn chỉ có tiếng gió núi ào ào, tiếng suối nước róc rách xen với tiếng chim, tiếng thú, lúc thì thắm lúc gào thét. Và Chiêu Thành vương - tráng sĩ của nàng, một mình một ngựa len lỏi đó đây để dò tìm tin tức về quân giặc. Lại nữa, nàng cũng hình dung thấy phía bên kia biên ải, quân Nguyên đông như một đàn kiến đang rập rình ào vào cõi ta. Trí tưởng tượng đưa nàng về với thực tại, nàng đang đối diện với vuông lụa bạch đã căng sẵn trên khung thêu. Vậy chữ nghĩa hoặc cảnh vật nào phủ lên đó, mang được chí hướng chàng và tâm thức ta? Câu hỏi cứ xoáy sâu vào đầu óc An Tư. Chợt một bài thơ khác, cứ hiện dần ra như khuôn tranh trước mắt nàng. Ấy là bài "Lương châu từ" của Vương Hàn. Công chúa đọc:

Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi
Dục ẩm tì bà mã thượng thôi

Túy ngọa sa trường quân mạc tiểu
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi

Dịch nghĩa:

KHÚC LƯƠNG CHÂU

Rượu ngon, trong chén ngọc dạ quang
Sắp uống, tiếng tì bà trên ngựa đã giục già
Say sưa nằm lẫn lóc nơi sa trường, chàng dừng cười nhé
Xưa nay đi chinh chiến đã mấy ai trở về.

Vừa đọc dứt, An Tư đã hình dung thấy cảnh tráng sĩ đang ngụp lặn ngoài sa trường, da ngựa bọc thây không hề nản. Và cả những nét gian khổ, lam lũ hằn sâu trên từng khuôn mặt cùng cái chết cặp kè đe dọa. Nhưng sao vẫn thấy phong dạng anh hùng toát ra từ nơi các chàng trai mã thượng ấy. Bức tranh chiến trận như có một ma lực hấp dẫn nàng. Dường như có thần linh xui khiến, An Tư không chút đắn đo, gỡ luôn một búp chỉ màu thiên thanh thêu áp lên mặt lụa bạch. Trái với lệ thường, phải viết chữ vào vải rồi mới thêu; An Tư không làm thế, nàng thêu vo, nét chữ đều đặn sắc sảo như viết trên giấy. Nàng vẫn cầm cùi, một tay giữ khuôn, một tay nhể thoăn thoắt, khiến ta có cảm giác nàng đã nắn nót viết các dòng chữ kia bằng các đầu ngón tay với một thứ mực chiết ra từ hồn nàng. An Tư cứ gò lưng lấy từng mũi kim một cho tới khi gà gáy dồn, ngoài vọng lâu đã gióng lên ba tiếng trống sang canh. Cũng vừa lúc nàng kết gút nét chữ cuối cùng của bài thơ. An Tư ngấm nhìn bức thêu như ngấm nhìn một vật lạ. Nàng ngạc nhiên đến nỗi không ngờ rằng đó lại chính là tác phẩm của mình. Nàng chợt nhận ra phải đi thêm một đường viền màu lam nữa quanh khăn, nếu không bức thêu sẽ trở nên trống trênh. Vừa toan khâu chỉ, chợt có hơi thở âm âm phả vào cổ nàng, và một giọng nói khe khẽ vừa đủ nghe:

- Đẹp quá !

Công chúa giật nảy người. Nàng run sợ, tưởng như có quân gian tế lọt vào. Đã toan kêu cứu thì một bàn tay đặt nhẹ lên vai nàng và nói nhỏ:

- Công nương không nhận ra ta ư? An Tư quay lại. Vừa chợt thấy Chiêu Thành vương, nàng ôm ghì lấy chàng thồn thức:

- Chiêu Thành vương của em! Tráng sĩ của em? Sao chàng đi biệt, làm em lo quá!

Chiêu Thành vương nắm lấy hai bờ vai của công chúa lắc nhẹ, rồi đặt lên đôi mắt lim dim, đôi môi chúm chím như nụ hồng hàm tiếu kia những chiếc hôn ngọt ngào.

- Ta nhớ nàng đến đau lòng, chàng nói - nhưng mệnh quân vương trao cho chưa hoàn tất, sao ta dám trở về bệ kiến. Nói xong chàng nở một nụ cười tươi rói. Và như chợt nhớ ra điều gì, chàng vội chạy ra ngoài thềm.

An Tư bước theo chàng. Trăng hạ huyền như một nét mày cong thiếu nữ,

treo lơ lửng trên nền trời mờ sương khói. Công chúa nhìn xuống bậc tam cấp, nơi có cây ngâu cổ thụ lơ mờ hiện ra một bóng ngựa. Thì ra chàng cọt ngựa ở gốc ngâu - Ta vô tâm quá! - Nàng tự trách - có nhẽ chàng từ biên ải về thẳng đây, chưa kịp com nước. Chàng lấy vật gì đó trên yên ngựa, rồi thoăn thoắt lên thêm, kéo công chúa vào nhà.

- Ta đem quà từ biên ải về cho nàng đây. Vừa nói, chàng vừa mở chiếc túi vải chàm thêu nguệch ngoạc vài đường chỉ đỏ. Bỗng mặt chàng đổi sắc buồn thiu.

Không hiểu có chuyện gì, An Tư ghé nhìn vào trong túi. Chao ôi những trái hồng xứ Lạng dập nhoe nhoét như một nồi hồ vữa.

Về mặt chàng buồn rười rượi. Chàng nhìn như cầu khẩn nàng tha thứ cho nỗi vụng về.

An Tư không chịu nổi cái nhìn đó, nàng ôm ghì lấy chàng và nói những lời đứt nối chân thành:

- Ôi tráng sĩ của em. Chàng trở lại với em, quý biết đường nào. Đừng buồn nữa chàng. Mấy trái hồng nát là do đường sá gập ghềnh, và tuần mã của chàng không quen đi nước kiệu...

Vẫn thấy chàng ngùi ngùi không đáp. An Tư lại nói:

- Hãy coi như em đã được ăn hồng rồi, bởi tình chàng gửi gắm vào đó còn quý hơn nhiều. Ôi, chàng cho em nhiều quá ! Em được hạnh phúc đủ đầy quá !...

Lời âu yếm được thốt ra từ trái tim chân thực, lại được bàn tay ngà ngọc của nàng ve vuốt, và mái tóc nàng, khuôn mặt nàng cứ áp sát vào bộ ngực nở nang của chàng, như kiếm tìm một nơi ẩn náu chở che, khiến chàng vừa cảm động, vừa sung sướng đến bàng hoàng. Hai tay chàng khẽ nâng khuôn mặt kiều diễm của nàng lên, và đặt vào đó những nụ hôn nồng cháy.

Như có một cái gì huyền ảo cứ len lỏi khắp trong huyết quản, khiến công chúa mềm người ra, ngã hẳn vào tay chàng. Hai người quấn quýt riết ghì lấy nhau thì tiếng ngựa ngoài thêm hí vang. Con ngựa vừa hí, vừa gõ móng dồn dập, như thúc hối một điều gì gấp gáp lắm. Chiêu Thành vương giật mình thủ thế, chàng vội buông công chúa, tay nắm đốc kiếm ngó vội ra sân. Ngọn bạch lạp hắt ra một luồng sáng mờ mờ, khiến chàng nhìn thấy cặp mắt con Hắc long đỏ ngầu. Chàng bước tới bên con ngựa, đặt tay lên vầng trán nó. Con ngựa lắc mạnh bờm hất tay chàng ra. Biết nó đang giận, Chiêu Thành vương chột nhớ, trên đường về chàng đã ngon ngọt dỗ dành nó thế nào. Và nó đã không tiếc sức sải vó trên đường trường để đưa chàng về sớm với nàng. Vậy mà chàng đã vô tâm để nó đói khát. Ngay đến giống ngựa thồ cũng không thể đối xử như thế được, huống chi Hắc long là loài ngựa quý, và đã từng gắn bó với chàng mấy năm nay. Chàng liền ghé vào tai nó, nói những lời vỗ về dịu ngọt. Ngay trong giọng nói, chàng đã tỏ ra ân hận. Hắc

long nhận ra điều ấy, đôi mắt nó chớp chớp chứ không bực bội, hẳn học như trước nữa. Vừa lúc công chúa xốc áo bước theo chàng. Chiêu Thành vương quay nói với nàng:

- Em dẫn ta dắt ngựa vào tàu. Nó vừa đói, vừa mệt.

Trước khi thả ngựa vào tàu, chàng xoa bóp các bắp chân cho nó. Con ngựa khát run lên, nó đưa mũi hít khan rồi hóp hóp không khí.

- Em chỉ cho ta chỗ lấy nước, lấy cỏ cho ngựa - Chiêu Thành vương quay ra hỏi công chúa.

Một thoáng băn khoăn rồi nàng quyết:

- Chàng cứ trở lại lầu Thiên Quang đi, em khắc sai bọn thị tì làm mọi việc.

- Nàng nhớ dặn nữ tì rắc một dúm muối vào cỏ nhé. Hết cỏ, cho ăn thóc cũng được. Và nếu tiện, cho nó ăn độ chục quả trứng gà sau khi uống nước. Bước vào lầu, cái mà Chiêu Thành vương nhìn thấy đầu tiên là bài thơ thêu trên vuông lụa. Mới thoáng đọc hai chữ "Bồ đào"... chàng đã thuộc cả bài - chắc là nàng thêu tặng ta. Quả ta không ngờ nàng lại khéo tay đến bực này. Nhưng sao khi này ta không nhìn thấy các hàng chữ trên? Chàng cười thầm: bởi khi có nàng, ta không còn nhìn thấy gì khác nữa.

Khi An Tư trở lại lầu Thiên Quang thấy vương đang ngấm nhìn bức thêu, nàng vừa sung sướng, vừa e thẹn.

- Em ủy mị quá phải không vương? Xin vương rộng lượng bỏ lỗi cho.

- Công chúa thông minh lắm. Cảnh chiến địa đúng là như vậy. Ta đi thám sát vùng biên ải tuy chưa có chiến tranh, nhưng đời người lính là thế đấy. Ta chắc Vương Hàn đã từng là lính thú ải xa, hoặc là lính chiến, nên mới có xúc cảm mạnh và thực đến thế...

- Nhưng mà câu kết... thêu xong rồi em mới thấy sợ. An Tư nói áp ứng.

- Không. Không có gì đáng sợ. Phạm ở đời hề cái gì có sinh là có diệt. Công chúa thử nghĩ xem, ai không phải một lần chết. Ngay cả đức Phật, trước khi bước vào cõi vĩnh hằng, ngài vẫn phải trả lại cái thân xác của trần thế cho trần thế. Thân nam nhi sinh vào thời loạn, được chết cho giang san nòi giống để tiếng thơm cho muôn đời, thì còn gì vinh hạnh cho bằng.

Trong khi vương say sưa luận về cái chết cao đẹp của một tráng sĩ, thì An Tư hình dung thấy những nắm mồ và những vành khăn tang chít trên đầu những người vợ trẻ, những đứa bé đang độ tuổi dấp dỏ bé bỏng. Nàng vội nhắm mắt xua tay cho cảnh ấy qua ôi, và cũng là để cho vương đừng nói nữa. Nhưng vương nào có biết, chí của chàng đã để ở nơi da ngựa bọc thây, nên càng cao giọng, vương tiếp:

- Đại Việt ta từ khi lập quốc tới nay, chưa thời nào có họa xâm lăng lớn như lúc này. Ta hình dung, nếu cuộc chiến nổ ra, sẽ cực kỳ khủng khiếp. Đầu rơi, máu chảy không biết đâu mà lường. Vì rằng, Hốt-tát-liệt và binh sĩ của y, đều là giống quỷ hôi tanh, lúc nào cũng khát thèm máu mủ. Phải nói thật với

công chúa, ta đã đi khắp biên ải, đi sâu cả vào đất Nguyên, ở đâu ta cũng thấy mùi tanh lạnh, khiến ta - một tráng sĩ cũng phải nổi da gà. Ta bèn vào trú tại một ngôi chùa cho tĩnh tâm. Và kể lại cảm giác của ta cho hòa thượng nghe. Nghe xong, người liền đi thắp một tuần nhang rồi quay lại bảo ta: - "Mùi tanh lạnh mà tráng sĩ cảm được chính là mùi tử khí. Đó là điềm báo trước sẽ có cuộc chém giết lớn lắm. Nghĩ mà khiếp sợ cho tương lai của đám hung thần, ác quỷ". Nói xong, hòa thượng ngồi tĩnh tọa, mắt mơ màng như thả hồn về một cõi xa xăm nào đấy. Ta có cảm giác như vị lão tăng này có khả năng linh thị, và đây chính là lúc người đang giao cảm với thần linh. Phút trầm tưởng qua đi, hòa thượng trở lại vẻ điềm đạm vốn có của người già. Bất chợt người lại cất lên giọng nói trầm âm vang xa, khiến ta linh cảm đây là lời khải thị của đấng thiêng liêng: - "Mọi người đều phải tạ thế. Ta và tráng sĩ, kẻ trước người sau, đều về huyết mộ. Đó là mệnh số tự nhiên, do tuổi già và bệnh tật, không ai cưỡng lại được. Song tàn sát để chiếm đoạt đất nước người ta, dân tộc người ta, chỉ cốt sao cho thỏa mãn cái cuồng vọng của kẻ khát máu, thì quả chúng đã chuốc lấy tội tổ tông. Bất hạnh cho dân tộc nào có những đứa con yêu nghiệt ấy. Vì rằng, kẻ có sức mạnh thường hay tự thị, và chúng đem dùng nó vào những mục đích phi nhân. Sớm muộn rồi đất nước ấy, giống nòi ấy cũng đến ngày tuyệt diệt, ấy là nghiệp báo!". Công chúa An Tư bị hút vào câu chuyện kể của Chiêu Thành vương. Gương mặt nàng lúc bừng sáng, lúc tái mét. Nàng nhập chuyện như người bị thôi miên. Chính nàng cũng cảm thấy mùi tử khí lạnh tanh, và cả lời khải thị của đức Quán thế âm bồ tát từ cao xanh kia vắng xuống. Nàng cảm thấy hoang mang hãi sợ, như là nạn đao binh đang ập đến. Đúng lúc ấy thì đám tì nữ, kẻ trước người sau, hồi hả leo lên bậc tam cấp vào nhà. Họ vái chào công chúa và Chiêu Thành vương, rồi đặt mâm đồ ăn lên kỷ. Kẻ trải thêm nệm gấm vào các ghế ngồi. Kẻ tức tốc quạt lò hâm rượu. Kẻ sắp đặt bát đĩa, mời mọc... Công chúa thấy lòng nhẹ nhõm.. Một cơn gió lạnh tạt vào nhà. An Tư sai đốt thêm lò trầm, nối thêm sáp vào các giá đèn. Căn phòng ấm hẳn lên, mùi trầm ngào ngạt, Chiêu Thành vương cảm thấy lòng ngất ngây. Chính chàng ra lệnh cho các tì nữ lui hết ra ngoài. An Tư cũng thấy chàng làm thế là phải, bèn vẫy tay cho đám tì nữ lui khỏi lầu Thiên Quang.

Chỉ còn lại hai người, tự tay công chúa rót rượu mời chàng. Căn phòng sức ấm, chàng liền cởi chiến bào và bảo kiếm ném lên một chiếc đôn cạnh kỷ. Lửa ấm và hơi men đã làm gương mặt công chúa và Chiêu Thành vương ửng đỏ. Nhất là công chúa, nàng có vóc dáng cân đối săn chắc, khiến nét đẹp trong nàng toát lên từ sự khỏe khoắn kiên nghị, chứ không phải là cái đẹp ủy mị yếu đuối của những công nương khuê các. Còn Chiêu Thành vương có nét đẹp khác. Chàng có khuôn mặt vừa thông tuệ vừa phúc hậu, thân thể chàng toát lên vẻ đẹp cường tráng hài hòa của một tráng sĩ pha chút mơ

mộng của thi nhân.

Công chúa e ấp hỏi chàng về các việc trên biên ải. Chiêu Thành vương không dám nói hết các điều chàng được mục kích, hoặc qua tổ giác của đám binh lính, rằng vẫn có những bọn ma giáo trong quân xén bớt khẩu phần của lính, câu kết với bọn buôn lậu đem hàng qua lại biên giới để kiếm lời. Bọn này, Chiêu Thành vương định bụng sẽ xin với quan gia và Hưng Đạo vương, xử giảo mấy tên để giữ nghiêm quân pháp. Nhưng có một điều Chiêu Thành vương thấy cần phải nói cho công chúa được am tường. Ấy là mưu xâm lược nước ta của nhà Nguyên. Chàng nói:

- Trước sau rồi nhà Nguyên cũng đem quân sang xâm lấn bờ cõi ta. Công nương đã thấy Sài Thung ngông nghênh ngạo mạn giữa đất Thăng Long thế nào. Đến cả vua ta, y cũng không coi ra gì. Còn Hốt-tát-liệt thì không thừa nhận hai vua ta mà đòi sách lập Trần Di Ái. Y còn đòi các việc khác mà ta chấp nhận, thì có khác gì là một lộ của nước Nguyên. Ta không nhận, chính là cái cớ để chúng cất quân thảo phạt. Hiện nay, một mặt chúng ép ta rất căng. Một mặt chúng đôn quân, đóng thuyền bè, khí giới, lương thảo rất gấp và với số lượng lớn, đang chuyển dịch về các tỉnh phía nam. Chiêu Thành vương ngừng lời, chàng nhìn công chúa, thấy An Tư có vẻ trầm buồn như là tư lự một điều gì. Chợt nàng hỏi:

- Đạo trước, vương có dự bàn ở Bình Than chứ? Nghe nói các vương nghị bàn căng lắm phải không?

- Chao ôi, nàng còn nhắc đến làm gì. Ta vừa đau đầu vừa đau lòng. Mọi người không phải đã đồng tâm nhất trí cả đâu. Có người còn sợ quân Nguyên nữa là khác, nói gì đến chuyện đánh.

- Có phải đạo ấy không có vương thì Quốc Toản bị khép vào quân pháp?

- Đúng. Ta phải bảo lãnh cho cháu. Nhưng nếu không có quan gia rủ lòng thương thì còn là rắc rối. Thăng bé quả là có nhiệt huyết. Nó đã lập được một đội tinh binh, luyện rèn chu đáo lắm.

- Vương có nghe tin tức gì về Trần Kiện không?

- Lại chuyện Tĩnh Quốc vương trước kia không được lập, bây giờ y thấy địa vị mình không được ở trên các vương nên hậm hực chứ gì?

- Chuyện đó qua lâu rồi. Đây là chuyện mới, chắc vương đi xa không biết.

An Tư nói xong thở dài - Số là gần đây Kiện bất mãn, giữ bỏ mọi việc, không thèm biết đến thế nước lâm nguy, đem thân vào chôn lâm tuyền tu đạo thần tiên, mưu cầu sự trường sinh bất lão - Công chúa chép miệng - Chẳng biết loại người như y cầu tìm sự sống lâu làm gì, hạng ấy mà đa thọ ắt đa nhục?

- Vậy chớ sao mọi người trong hoàng gia không giúp y tỉnh ngộ. - Chiêu Thành vương ngạc nhiên hỏi lại.

Chợt có tiếng trống điểm canh tàn, An Tư giật mình nhìn ra ngoài thêm, đã

thấy một luồng ánh sáng nhàn nhạt lọt qua cửa âm dương. Giận vì đêm tàn quá nhanh mà chuyện riêng hai người chưa nói được gì với nhau. Công chúa ngả vào lòng chàng nũng nịu: "Em bắt đèn vương đây, trời sáng mất rồi, đêm nay chàng phải trở lại lầu Thiên Quang đây nhé!". Chiêu Thành vương ôm nhẹ công chúa vào lòng như ôm một đóa hoa.

CHƯƠNG 16

Hung Đạo vương dáng dấp đăm chiêu tư lự. Vừa đặt xấp thư này xuống, ông lại cầm lấy xấp thư khác. Nhoài người về phía trước án thư, vương rút cây bút lông thỏ quét vào nghiên mực son, rồi khuyên những khuyên tròn nhỏ hoặc đánh dấu một dấu tròn nghi bên cạnh những dòng chữ viết li ti như một đàn kiến. Chợt tên trà nô bê vào một khay chuỗi tiêu vàng, loáng thoáng có những đốm nâu, và một đĩa cơm xanh ròn, hạt nào hạt ấy bệt, mỏng như được cắt ra từ một phiến lá. Y vừa đặt nhẹ chiếc khay xuống kỷ vừa nói:

- Bẩm đại vương, đức bà mời đại vương nếm chút phương vật mùa thu ạ.

Tới lúc này Hung Đạo mới ngừng nhìn tên trà nô, và ông cũng nhìn thấy cả khay chuỗi, cơm.

- Hóa ra đã lại mùa thu ! Hung Đạo nhếch môi nở một nụ cười mỉm.

- Bẩm đại vương, hôm nay là mừng mười tháng tám rồi đây ạ. Lệnh bà con đã sai nhà bếp nấu canh cua đồng để dâng đức ông vào bữa chiều nay.

Nhón vài hạt cơm trong lòng bàn tay, vương đưa lên mũi hít khan hương cơm mới rồi khen:

- Cơm dẻo, thơm quá - ông vừa nếm cơm vừa nói – Nếu không có phu nhân đánh thức ta bằng những thứ phương vật này có nhẽ ta quên hẳn thời tiết đã sang mùa.

Trong lòng ông thầm biết ơn sự chăm sóc đến tế vi của phu nhân đối với ông. Hung Đạo vẫy tên trà nô lại dặn: "Con vào tâu với lệnh bà rằng cơm ngon lắm, ta cảm ơn. Cho con lui".

Trà nô vừa ra khỏi cửa, ông lại cúi húi với xấp thư. Đây là thư của tướng quân Trần Đạo Tái - Một, hai, ba, bốn... chiếc do đường chim câu chuyển về phủ thái sư. Thượng tướng Trần Quang Khải, sau khi xem xong đã chuyển cả cho Quốc công tiết chế tham cứu. Vậy là ngày rằm tháng giêng năm Quý tị (1283), lúc nửa đêm quân Toa-đô tiến công vào thành gỗ bên bờ biển vũng Thị-nại. Đánh nhau dữ dội, quân chúng chết nhiều, binh thuyền đắm tới quá nửa. Quân Chiêm rút về kinh đô Chà-bàn... Hai ngày sau Toa-đô lại tiến đánh Chà-bàn. Thái tử Ha-ri-jít (Chế Mân) đã cho lui quân sâu vào rừng núi. Các kho lương thực và các đồ quân dụng, ngựa dụng không chuyển kịp đều phóng hỏa đốt hết. Chà-bàn như một biển lửa, cháy suốt ba ngày. Quân ta phối hợp với quân Chăm đánh chặn các cánh quân Toa-đô tiến sâu vào đất Chăm. Quân Chăm ráo riết đánh tía và quấy rối quân Toa-đô suốt ngày đêm... Thái tử Ha-ri-jít đang lập mẹo trá hàng, nhử quân Toa-đô vào sâu nội

địa để tiêu diệt. Quân Chăm đã xử tử hình Vua Vĩnh Hiền và A-lan mà họ nghi là gián điệp đã bị bắt giữ từ năm trước... Thái tử Ha-ri-jít đánh thắng nhiều trận lớn. Toa-đô đã rút quân ra khỏi thành Chà-bàn về đóng ở bờ biển, chờ viện binh... Quân Chăm triệt nguồn nước, cỏ ngựa và lương thực. Quân Toa-đô đang khốn đốn... Người Chăm đã đứng vững trên mảnh đất của mình. Chờ có gió mùa đông nam, quân ta sẽ rút..

Và đúng lễ thượng nguyên năm Giáp thân (1284), Trần Đạo Tái đã dẫn toàn bộ đại đội binh thuyền đổ bộ vào cửa Hội. Tĩnh Quốc đại vương Trần Quốc Khang - an phủ sứ Nghệ An thay mặt triều đình mở tiệc khoản đãi vương diệt và khao thưởng ba quân. Cánh quân cứu viện Chiêm Thành của tướng quân Trần Đạo Tái năm ấy ăn tết muộn mười lăm ngày. Và gần hai tháng sau, Toa-đô rút hết số quân còn lại ra đóng trên mảnh đất cực bắc của Chiêm Thành, giáp giới với Đại Việt. Khi biết được tin này, Trần Đạo Tái sừng sốt nhớ lại lời dặn của bá phụ Hưng Đạo đại vương, bừa người đi tiền đoàn quân nam chinh tại cửa Thần Phù: "Nếu Toa-đô không thắng mà Chiêm Thành cũng không thua, ấy là lúc vương diệt nên rút quân về, để cùng với quân của Tĩnh Quốc vương ở Nghệ An hợp trấn mặt nam. Ta ngờ rằng nếu con khôngra sớm, thì Toa-đô sẽ ra trước con".

Xét cách hành binh trợ giúp của Đạo Tái, tiến lui đúng lúc, vào ra kín nhem, khiến Quốc công tiết chế rất hài lòng. Ông hy vọng, Đạo Tái sẽ có cơ hội lập công lớn. Lại xem xét cách đánh, giữ, tiến thoái, công thủ, cũng như mẹo mưu phản gián lừa địch, dụ địch, trá hàng, thái tử Ha-ri-jít đã kinh chống ngang sức ngang tài với Toa-đô, một danh tướng kỳ cựu của nhà Nguyên, thì quả thái tử cũng vào hàng tướng trí - dũng song toàn của đời nay vậy !

Xếp các tờ thư ngay ngắn vào chỗ cũ, Hưng Đạo vương bóc sang xấp khác, đây là thư của Đỗ Vỹ gửi từ Yên Kinh. Xấp thư này mới về dồn dập từ cuối tháng bảy tới đầu tháng tám.

Cứ theo như Đỗ Vỹ tâu thì tháng bảy, ngày Mậu tí năm Giáp thân(Tức ngày 12 tháng bảy âm lịch nhằm ngày 24-8-1284.), Hốt-tát-liệt đã hạ chiếu cho con trai là thái tử Thoát-hoan (Toyan) đem hai mươi vạn binh mã, thuyền bè sang đánh Chiêm Thành, và phong cho y làm Trấn Nam vương...

Lệnh này ban ra, Sài Thung đã hấp tấp đến yết kiến thái tử. Y dâng ít đồ phương vật quý của An Nam. Sau đó, y lại hiến bức chân dung An Tư do Trần Ích Tắc vẽ, mà y gắng xin cho bằng được để bây giờ dâng cho Thoát-hoan. Thái tử ngậy mặt ra ngắm nhìn bức họa với vẻ ngưỡng mộ, thèm khát. Một lúc lâu y mới cất giọng nói:

- Từ khi chinh phục xong Trung Nguyên, được xem chân dung Dương Quý Phi, ta mới thừa nhận trên thế gian này chỉ có nàng là đẹp. Nghe nói Tây Thi cũng là người đẹp lạ kỳ, nhưng chưa thấy chân dung nên khó nói. Nay xem bức họa chân dung An Tư, ta cho nàng mới là người đẹp hoàn hảo, hợp với

người Mông Cổ của ta lắm. Quý Phi có nét đẹp đài các nhưng vẫn là một thứ đẹp yếu đuối, ủy mị trong cung cấm. Còn An Tư vẫn phảng phất nét đẹp quý phái kiêu sa, nhưng hơn cả là sự khỏe khoắn, hồn nhiên, tự chủ mà ngay đến Quý Phi và các nương tử con các bậc vua chúa từ đông sang tây, có tới cả trăm quốc gia bị vương phụ ta chinh phục; họ đem các nàng đến dâng hiến, khi thì cho thiên tử, khi thì cho ta, song ta cho đó là một lũ con gái có chút nhan sắc nhưng nhu nhược, yếu hèn. Phần đông cái lũ ấy, chỉ là vật trang trí, và để giải khuây trong lúc hành binh chứ không có gì phải lưu tâm.

Sài Thung cứ ngồi yên lặng lắng nghe và thâm đánh giá: "Con quý háo sắc này ăn phải bả mỹ nhân rồi. Đúng là có đem cả nền quốc họa Trung Hoa cho hấn, thì hấn cũng di nát dưới vó ngựa, nhưng với chân dung người con gái này, hấn sẵn sàng xuống ngựa, quì gối". Nghĩ vậy, Sài Thung bèn làm ra vẻ nghiêm trọng nói:

- Bẩm Trần Nam vương, cứ theo như sắc chỉ của thiên tử thì bao lâu nữa đại vương cất quân chinh phạt Chiêm Thành?

Thoát-hoan có vẻ bần thần chưa đáp lời. Sài Thung lại hỏi:

- Bẩm đại vương, thế năm vạn quân của đại tướng Toa-đô từ hai năm nay không làm gì nổi người Chiêm sao?

Câu hỏi như một mũi kim chích vào da thịt Thoát-hoan khiến y nổi cáu:

- Tên ăn hại đó bị cha con Bồ-đích đánh cho toi bời. Y đã rút hết quân ra ém sát biên thủy Đại Việt rồi. Y lại còn xin với thiên tử lập hành tĩnh Chiêm Thành và cho thêm viện binh!

(Vị vua Chiêm già yếu này có tên là Indravarman V, người Trung Quốc gọi ông là Bồ-đích.)

Sài Thung làm ra vẻ ngờ ngàng hỏi:

- Bẩm đại vương, thế hồi tháng hai vừa rồi, thiên tử đã phái A-tháp-hải cùng với ngót hai vạn quân và hai trăm chiến thuyền đi tăng viện cho đại tướng Toa-đô kia mà?

Thoát-hoan rầu rĩ đáp:

- Đi nhưng không đến. Tăng viện cho hải vương hết cả rồi- Thoát-hoan nhìn tận mặt Sài Thung đe - Tin này chỉ có thiên tử và ta biết, hớ ra nhà người mất đầu đấy. Sài Thung rút cổ làm ra vẻ kinh sợ.

(Tên tướng Mông Cổ này có tên chính là Ataquai (A-ta-khai) tháng 2 năm Giáp thân (1284) dẫn đại quân sang tiếp viện cho Toa-đô bị bão nhấn chìm.)

Thoát-hoan dịu giọng hỏi:

- Ông đã nhiều lần qua Đại Việt, chắc ông biết rõ nội tình đất Giao Châu.

Vậy theo ý ông, ta nên đánh Chiêm Thành rồi cuốn chiếu ra làm cỏ Đại Việt, hay là đánh Đại Việt trước rồi sau sẽ trị tội cha con Bồ-đích?

Chỉ cầu mong có cơ hội được Thoát-hoan hỏi đến. Sự thật, đã mấy lần Sài Thung định yết kiến Hốt-tát-liệt để dâng kế đánh Đại Việt, nhưng y chưa

được thiên tử nhà Nguyên vời đến. Cái chức An Nam phó đô nguyên súy do Hốt-tát-liệt phong cho y, cùng với việc đưa tên vua bù nhìn Trần Di Ái về Thăng Long, đã bị vua tôi nhà Trần làm cho thất bại, y đang còn cay cú. Lại cũng chính lẽ đó, làm cho Hốt-tát-liệt chán y. Nhưng cái mộng làm vương đất An Nam của y vẫn cứ luôn luôn thôi thúc. Nhân được Thoát-hoan hỏi, y trình bày khúc triết. Nào Toa-đô ém quân mặt nam Đại Việt, mà bây giờ ta cắt quân từ mặt bắc kẹp vua tôi nhà Trần giữa hai gọng kìm, thì việc bắt cha con Nhật Huyền về Đại đô trị tội chỉ là điều trong gang tấc. Y trình bày chi tiết đến cả từng gương mặt tướng lĩnh, khả năng phòng chống, binh khí, lương thảo của Đại Việt. Cả những kẻ sẵn sàng làm nội ứng cho quân thiên triều, Sài Thung cũng đệ trình một danh sách khá dài. Còn dân chúng Đại Việt thì mong Trần Nam vương từng ngày, như con trẻ mong mẹ về chợ. Trong câu chuyện Sài Thung cố tình không đề động đến bức chân dung người đẹp, khiến Thoát-hoan phải lên tiếng:

- Bức chân dung người đẹp, mà dòng lạc khoản kia, chỉ cho biết tên nàng là An Tư. Vậy nàng là ai? Và tại sao ông lại dâng ta bức chân dung đó?

Sài Thung hí hửng, lúc này y mới cười thâm trong bụng, và cố tình trình bày sự việc cho vừa ý bề trên. Y nói:

- Bẩm đại vương, nàng An Tư này là công chúa út của An Nam quận vương Trần Thái tôn. Nàng chính là em ruột của Nhật Huyền. Bức chân dung này là do chính tay Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc, anh ruột nàng vẽ. Ích Tắc là một tay tài hoa lỗi lạc bậc nhất đất Thăng Long. Cầm, kỳ, thi, họa không ngón nào là y không thông tuệ. Ích Tắc vốn ngưỡng mộ đại vương, nên y muốn dâng hiến em gái để cầu thân. Nếu đại vương cất binh sang, không những không phí công nhọc sức mà vẫn chiếm được thành trì Đại Việt, biến tôn miếu của chúng thành gò bãi, và nữa thiên kim công chúa sẽ là tì thiếp của đại vương. Bẩm đại vương, còn như tại sao bức chân dung này lại được dâng lên đại vương, ấy là bởi Trần Ích Tắc có nhờ Sài Thung tôi kính chuyển tới đại vương.

- Vậy chớ tại sao ông không đưa đến cho ta từ khi ông mới ở Đại Việt về?

Sài Thung cười khà khà:

- Xin đại vương tha tội. Khi mới đi sứ về, tôi biết đại vương chưa có cơ hội chinh nam. Lại nữa việc này lộ ra, thiên tử sẽ khép tôi vào tội thông mưu với Đại Việt dùng mỹ nhân kế. Còn đại vương sẽ bị thiên tử chê là hiếu sắc, sao còn trao cho các việc nam chinh nữa. Và nếu tôi bị biếm truất hay bị trị tội, thì đại vương đâu còn có cơ may thấy được một bậc nữ lưu vào hàng kim cổ kỳ quan nữa.

Giây lâu suy nghĩ, Thoát-hoan chậm rãi:

- Ông nói có phần hợp ý ta. Từ lâu ta đã có chủ tâm đánh Đại Việt, song thiên tử còn cân nhắc, vì bọn quân trưởng và tướng lĩnh nhà Trần ương

bướng lăm. Nên Người muốn bình định xong Chiêm Thành, sẽ làm bàn đạp đánh sang. Hai mặt nam - bắc kẹp lại, thì kẻ kia đâu có cánh cũng khó bề bay nổi. Thôi được, để ta nghị bàn với các tướng rồi cùng thỉnh mệnh lên thiên tử.

Trước khi cáo thoái, Sài thượng thư còn thêm một điều, tưởng như là chẳng dính gì đến câu chuyện quan trọng hai người vừa nói. Song thực tình nó lại là điều Hốt-tát-liệt đang canh cánh lo âu:

- Đại vương nên tính kỹ, nếu sang Chiêm phen này ắt lại phải đi đường biển. Mà đường biển thì chuyển đại quân ta sang Nhật Bản những năm trước, cùng chuyển viện binh cho đại tướng Toa-đô vừa qua, đều gây thất lợi cho quân mình nhiều lắm.

Khi Thoát-hoan và bộ tướng của y, đệ trình lên Hốt-tát-liệt kế sách đánh Đại Việt thay vì đánh Chiêm Thành không phải Hốt-tát-liệt đã chuẩn y cho ngay, mà y còn cân nhắc và đưa ra tả hữu bàn tới nát nước.

Cuối cùng, chính Hốt-tát-liệt xuống chiếu đánh Đại Việt, cũng một phần là để tránh cho quân khỏi cái họa đường biển. Các danh tướng dạn dày chiến trận do đích thân thiên tử nhà Nguyên lựa chọn. Y phong cho Thoát-hoan thái tử thứ chín, một tướng giỏi do chính y đào luyện cầm đầu đội quân nam chinh. Lại chọn A-lí Hải-nha(tên Mông Cổ là Ariq-Qaya) làm phó tướng, phụ tá cho Thoát-hoan. Sau A-lí Hải-nha lại thêm danh tướng Lý Hằng. Vậy là bộ phận đầu não của đội quân xâm lược Đại Việt đã hình thành. Đích thân Hốt-tát-liệt xuống chiếu và có sắc phong cho từng viên tướng. Sài Thung không phải là kẻ đầu tiên xuống xuất ra chuyện này. Vì mưu thôn tính Đại Việt của Hốt-tát-liệt đã có từ năm Kỷ mao (1279), tức là sau khi quân Mông Cổ vừa hoàn tất việc chinh phục nhà Nam Tống. Tuy vậy Sài Thung cũng lấy làm hài lòng, vì y đã tác động việc nam chinh của Thoát-hoan nhằm hướng chính là Đại Việt chứ không phải là Chiêm Thành. Và thế là y cũng thỏa nỗi uất căm mà vua tôi nhà Trần đã biến y thành một tên bại sứ.

Tất cả những tin tức trên, Đỗ Vỹ lấy được do nhiều nguồn Song nguồn chính vẫn là Yên Ly.

Trần Hưng Đạo lật đi lật lại những lá thư viết bằng một thứ ngôn ngữ qui ước, ông còn được Đỗ Vỹ trình thêm là quân Nguyên đang điều từ các ngả về Kinh Hồ. Và vào khoảng đầu tháng tám thì xuất chinh. Trần Hưng Đạo lại lấy bút son khuyên vào chữ "tháng tám".

Là một tướng dạn dày chiến trận. Lại là người lâu thông binh pháp, biết mình, biết người, tiến thoái tùy lúc tùy thời, nhưng vị lão tướng ấy cũng không khỏi giật mình với một số lượng quân binh khổng lồ: năm mươi vạn tên. Cho dù trong năm chục vạn quân ấy, có tới non nửa là đám dân binh tải lương và chiến cụ, thì chỉ với ba chục vạn quân thiện chiến và dăm bảy vạn

ngựa chiến, xe chiến cũng đủ làm kinh động đến toàn cõi Đại Việt. Kiểm xét lại, trên bảy mươi năm qua, kể từ khi Thành-cát-tur-hãn khởi sự, quân Mông Cổ đã xóa sổ không biết bao nhiêu quốc gia từ đông sang tây. Bao nhiêu thành trì nghiêng đổ, bao nhiêu vua chúa bị chém giết hoặc bị cầm tù. Đất đai của đế quốc Hãn mệnh mông không giới hạn. Bây giờ ngọn cờ xâm lược của chúng đang trở sang Đại Việt. Các tướng lĩnh được Hốt-tát-liệt chọn lựa, đều là những đệ nhất danh tướng thời nay. A-lí Hải-nha vốn người Hồi-hộ. Đối với Hốt-tát-liệt, y được liệt vào hàng khai quốc công thần, là một trong ba bốn viên đại thần thân cận nhất của hoàng đế. A-lí Hải-nha là một viên tướng lỗi lạc nhất, và cũng tàn bạo nhất trong công cuộc chinh phục nhà Nam Tống. Chính y công phá Phàn Thành, Tương Dương, chiếm lĩnh Ngạc Châu, Giang Lăng và hàng mấy chục châu, quận miền nam như Khâm, Ung, Tần, Hoàng, Hải Nam... A-lí Hải-nha là một viên tướng đa tài, mưu mô hiểm độc. Y có thể đánh thủy, đánh bộ, công thành, lấp sông, tháo nước, dụ địch, trá hàng... khiến cho đối phương không biết đâu mà lường. Y cũng là một viên tướng ác độc và man rợ khôn cùng. Chính y đã tàn sát nhân dân Đàm Châu, chôn sống tất cả dân chúng ở Tĩnh Giang. Các viên tuyên phủ Chu Di Tôn, Cao Đạt ở Giang Lăng ra hàng, y còn giết chết cả vợ con. Hơn nữa, y còn đập vỡ đầu hai tướng Tống ở Tân Sinh để lấy óc họ uống rượu trước đám đông dân chúng.

Dưới trướng A-lí Hải-nha, cũng còn nhiều danh tướng khác, đã kinh qua hàng trăm trận, do chính tay y rèn cặp và cất nhắc như Áo-lỗ-xích, Toa-đô, Đường-ngột-đãi, Lưu Quốc Kiệt, Trịnh Bằng Phi, Triệu Tu Kỷ, Phàn Tiếp, Ô-mã-nhi, Vân Tông Long, Trương Vĩnh Thực...

Bên cạnh A-lí Hải-nha còn có danh tướng Lý Hằng cũng ở dưới trướng Thoát-hoan. Chính Lý Hằng đã đánh bại Văn Thiên Tường, Trương Hoàng Phạm trong thế trận Nhai Sơn, đẩy nhà Nam Tống xuống hố diệt vong. Phải chống trả với một đạo quân thiện chiến, với những tướng tài đầy dạn như vậy, mà quân ta gần ba chục năm nay chỉ rèn luyện trong hòa bình, dân chúng cũng quen sống cảnh thái hòa, tránh sao khỏi kinh hoàng chao đảo. Hưng Đạo vương đang lo sao cho toàn quân toàn dân, muôn người như một, hết lòng căm giận quân giặc dữ, cùng sống chết với non sông, không để một tấc đất lọt vào tay quân thù.

Đêm khuya tĩnh mịch, tiếng côn trùng rí rả, gió thu lay động cành cây, khiến lá vàng trút rụng lao xao. Tất cả những âm thanh ấy, động tĩnh ấy Hưng Đạo vương không hề nghe thấy và cảm thấy. Ông đang tập trung tâm tư vào việc làm sao cho thế quân, thế dân đều nổi, đều sục sôi như một bể lửa. Ông biết, cả hai vua và các hàng tướng lĩnh đều chung một mối lo cho thế nước. Chính Nhân tôn, tháng mười năm ngoái đã điều các vương hầu huy động hết quân thủy, quân bộ, và đích thân nhà vua chỉ huy việc tập trận. Kể tài nhà vua

cầm quân như vậy, cũng vào hàng tướng giỏi. Nhưng các chủng quân phối hợp chưa thật ăn ý. Các vương hầu chưa quen vào trận lớn. Nếu các vương hầu không có một chiến thuật chỉ huy linh lợi, trăm tĩnh, ba quân chưa có cái oai hùng sấm, tướng binh chưa có tình phụ tử, chắc là không địch lại được với đám quân lang sói kia của Thoát-hoan. Nỗi lo canh cánh khiến vương ngày quên ăn, đêm nằm canh vỗ gối, đầu tóc bạc phơ. Quốc công tiết chế đã lệnh cho các vương hầu cuối tháng tám này sẽ huy động toàn quân đại duyệt ở Đông-bộ-đầu. Có lẽ vương nghĩ đây là cuộc đại duyệt và cũng là trận biểu dương lực lượng cuối cùng trước khi quân Mông-Thát vào cõi. Bởi như Đỗ Vũ phi báo, có nhanh cũng phải tháng chạp giặc mới tới được biên thù nước ta. Vậy là ta chỉ còn bốn tháng nữa để hoàn tất mọi mặt.

Vương râu rĩ, ruột gan quặn thắt. Ngoài thì giặc dữ đe dọa, trong thì anh em chưa thật sự tin nhau. Nếu việc trong không ổn, việc ngoài chắc sẽ khó yên. Một quá, vương gục xuống án thư. Ngài thiếp đi. Trong giấc ngủ chập chờn, Hưng Đạo thấy trước ông là một đám đông dân chúng và binh sĩ. Họ im lặng ngược nhìn ông, như chờ đón ở ông một điều gì nghiêm trọng lắm mà ông sắp nói ra. Và như có gì thôi thúc tự đáy lòng, ông cất lời kêu gọi: "Hỡi binh sĩ và chúng dân của ta! Các ngươi có biết tính mạng của các ngươi và số phận cả dân tộc đang nghìn cân treo sợi tóc? Giặc Mông - Thát sắp tràn vào cõi ! Thế giặc lớn lắm! Ý các ngươi thế nào? Hòa hay đánh?"

- Đánh ! - Đánh!

- Xin vương cho đánh!

- Còn một người cũng đánh!

Tiếng hô vang trời dậy đất, khiến vương giật mình tỉnh giấc. Giây lâu định thần lại, vương mới biết mình vừa trải qua một giấc mơ. Và cũng từ giấc mơ ấy gợi lại một ý tứ hào hùng, mà vương đã nung nấu trong tâm trí suốt mấy năm nay. Rằng phải có một cái gì đấy như là một lời hiệu triệu, một lời khích lệ, để khích lệ ba quân và chúng dân lòng yêu mến thiết tha non sông gấm vóc, và đẩy lên ý chí căm giận quân xâm lăng, quyết tiêu diệt chúng để bảo vệ giang san nòi giống. Nghĩ vậy, đầu óc vương thấy nhẹ nhõm, trong lòng thư thái, tay với lấy cây bút lông thỏ quệt vào nghiên mực nho. Tập giấy long tiên đã nằm ngay ngắn giữa án thư. Vương xấp ngọn bút hai ba lần định viết. Nhưng viết cái gì đây thì trong lòng vương còn ngổn ngang lắm. Đánh viết "hịch". Nhưng lời hịch giành cho ai? Cho các vương tôn quý tộc, quan trường hay cho dân chúng? Thế còn binh sĩ thì sao? Hình ảnh binh sĩ hiện lên trong óc vương như có một ma lực gì ám ảnh, khiến vương không thể nào dứt ra được. Suy ngẫm lâu lắm, vương nhận thấy: Trong chiến trận, ưu biệt nhất vẫn là binh sĩ. Chính họ là kẻ quyết định sự thành bại trong công cuộc kinh chống ngoại bang. Vậy nên, không thể không khích thích hào khí nơi họ. Vương liền hạ bút viết ba chữ thật to: "HỊCH

TUỐNG SĨ".

Rồi thuận dòng suy nghĩ, vương nêu không biết bao gương hào kiệt từ các đời Xuân Thu - Chiến Quốc đến Hán, Đường, Tống... thuần những người tận trung báo quốc, lấy tính mạng mình ra để thờ vua, giữ nước. Vương lấy làm đắc ý lắm. Chợt vương dừng bút và đọc lại những lời mình vừa viết. Hưng Đạo giật mình tự nhủ: "Thế này thì làm sao mà khơi dậy được trong tướng sĩ lòng tự tôn dân tộc, và sự khinh ghét lũ chó Hốt-tát-liệt?". Đắm mình trong suy tưởng, vầng trán vương gợn lên những vết nhăn như sóng lượn. Hai khóe đầu son căn nhú lại dựng đứng cả hàng mi, khiến gương mặt vương thêm khắc khổ. Đêm càng khuya, hơi may thổi về càng se lạnh. Nhưng mồ hôi đọng trên trán, trên cổ vương đã chảy xuống lôm đôm ướt cả trang văn. Ngay cả điều đó nữa, vương cũng không mấy may để ý. Và bỗng lóe lên trong ký ức vương, hình ảnh viên sứ giả Sài Thung. Vương nhớ như in buổi tiếp kiến y, cùng vết sẹo trên đầu vương, tóc vẫn còn chưa mọc lại, như là một chứng tích về tội ác của sứ giả thiên triều. Và nữa, các hành động ngang ngược của Sài Thung, như việc y đòi phóng ngựa qua cửa Dương Minh. Rồi tiệc yến thết sứ, y đòi phải đặt trong điện Tập Hiền, là nơi chỉ diễn ra các nghi thức trọng thể đối với các việc mang tầm văn hiến quốc gia. Và trong khi yến ẩm, y bắt các phường nhạc cung đình phải tấu nhạc thái thường, là thứ quốc nhạc chỉ tấu trong các đại lễ như lễ tế cáo trời đất, lễ nguyên tiêu, hoặc lễ tế trong nhà thái miếu. Ấy vậy mà vua tôi vẫn phải nhẫn nhục, nhin nín. Vương nhớ tới tất cả các thói ngạo mạn ỷ thế nước lớn, để làm những điều dè mạt mà chỉ có giống chó lợn và các loài hôi tanh, như bản mới làm được với tất cả sự bất lương, vô sỉ. Tự nhiên trong lòng vương như bùng cháy lên ngọn lửa hờn căm, chỉ muốn moi gan xé xác loài rắn rết kia cho hả dạ. Và dường như là một sự thăng hoa của tâm linh cừ hận, vương vờ ngọn bút lông trong nghiên mực, rồi viết tiếp: "Huống chi ta cùng các người sinh ra phải thời loạn lạc lớn lên gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường. Uốn lưỡi cú diều mà lăng nhục triều đình, đem thân dê chó mà khinh rẻ tể phụ. Ỗ mệnh Hốt-tát-liệt mà đòi ngọc lụa, để thỏa lòng tham khôn cùng. Khoác hiệu Vân Nam vương mà hạch sách bạc vàng để vét cạn của kho có hạn. Thật chẳng khác nào đem thịt ném cho hổ đói, tránh sao khỏi tai họa về sau...".

(Vân Nam vương: Tức Gughêtu (Hugaci) con trai Hốt-tát-liệt, được phong làm Vân Nam vương năm 1267 tại tỉnh Vân Nam Trung Quốc, để khống chế các tỉnh phía nam Trung Quốc và làm áp lực quân sự đối với nước ta.)

Với tất cả lòng yêu thương từ ngọn cỏ lá cây đến mọi sinh linh trên toàn cõi Đại Việt, quyết không cho bè lũ Hốt-tát-liệt ngang ngược muốn làm gì thì làm. Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương như trút hết cả ý chí của mình, máu huyết của mình, và cả tủy xương mình dồn lên đầu ngọn bút, và với

mong muốn truyền được tấm lòng yêu giận của mình tới từng tướng sĩ và muôn dân. Vương thường nghĩ, phải đánh quân giặc hung bạo kia, bằng tất cả những gì mà dân tộc mình có. Từ cỏ cây, sông suối, núi non, ngòi rãnh chẳng chịt, hiểm trở đến cả thời khí nóng ẩm không thích hợp với lũ người phương bắc. Nhưng trước hết phải đánh chúng không những bằng sức mạnh của ba quân, mà còn bằng tinh thần quật khởi của binh dân trong toàn cõi. Vương cứ mãi miết viết cho tới lúc tàn canh. Ánh bình minh đã le lói đội những tia nắng thu vàng qua khe cửa khép hờ vào thư phòng. Tới lúc ấy, vương cũng vừa viết xong. Vương buông bút vươn vai bước qua thềm điện với đầu óc nhẹ nhõm siêu thoát, như người mới từ cõi thái hư trở về.

Sau một hồi đi dạo quanh khu hồ bán nguyệt có hàng liễu rủ, rồi quanh về bãi kim cúc, hoa đã tãi vàng, hương đưa thi thoảng hòa quyện với không khí thanh khiết của buổi mai nắng đẹp, khiến vương cảm thấy như đất, trời và cảnh vật An Sinh này chưa có bao giờ lại hiện lên với một vẻ bình dị mà đầm thắm tới mức thiếu nó, cuộc đời vương cũng chẳng còn nghĩa lý gì hết. Vương khẽ nâng một bông cúc còn đang hàm tiếu, và hơi khom tấm thân đẩy đà xuống hít hà mùi hương thoảng nhẹ. Đây là giống cúc Yên Hoa, vương đưa từ Thăng Long về trồng. Loại cúc này thường được ướp trà dùng suốt cả mùa đông, mùa xuân. Hơn nữa, loài cúc này cùng với giống nếp cái hoa vàng còn dùng để cất rượu, rồi hạ thổ đủ một trăm ngày mới đem dùng. Vương ưa dùng loại rượu này hơn cả rượu thạch xương bồ. Tất nhiên, cây xương bồ lấy từ đỉnh núi về cất rượu, cũng vào loại cực quý. Sứ thần các nước được thết bằng loại rượu này, họ thích hơn cả rượu của người Thổ Phồn xứ Tây vực.

Sực nhớ đến bản "Dụ chư tì tướng hịch văn" (Tức là "Hịch tướng sĩ") vương bèn quay về cung, sai mấy gã thư nhi đi mời tất cả các gia tướng, gia thần đến đầu giờ mao tới nhà đại bái nghị bàn.

Khi mọi người đã tề tựu rồi vương mới xuất hiện. Bữa nay, vương mặc bộ áo thụng tía, ngực thêu đôi chim phượng màu kim tuyến. Đầu quần khăn vành dây, sau gút khăn gài một chiếc lông đuôi trĩ, sắc lông óng ánh đủ màu. Chân vương giận đôi hài cỏ bông. Một tay cầm chiếc tráp nhỏ sơn màu cánh dán, tay kia ve vuốt chòm râu bạc. Vương thông dong bước lên bậc tam cấp, nom thư thái như một văn nhân, một nhà hiền triết, chứ không mang dấu ấn gì của một vị Quốc công tiết chế thống lĩnh chư quân sự trong toàn cõi Đại Việt.

Các gia thần, gia tướng và cả gia nô đều nhận thấy vương có gì vui lắm. Gương mặt hồng hào tươi nhuận, ánh mắt như hé cười với mọi người một cách chân tình. Vương vừa bước vào thềm, hết thấy các quan đều cúi rạp đầu chào. Quốc công vừa nói vừa vẫy tay cho mọi người an tọa. Nhìn khắp lượt gia tướng, gia thần và có cả gia nô như Yết Kiêu, Dã Tượng, Nguyễn

Địa Lô... Quốc công mỉm cười. Vương cáo cấp cho mọi người biết, thế nước đang sắp lâm vào cuộc chiến. Hốt-tát-liệt đã cử chính con trai y là Thoát-hoan thống lĩnh năm mươi vạn quân, hiện đã xuất chinh tại hành tỉnh Kinh Hồ từ đầu tháng tám. Phó tướng của Thoát-hoan là những tay lão luyện như A-lí Hải-nha, Lý Hằng. Ngoài ra còn hàng trăm viên tướng cũng đã dạn dày chiến trận. Thật ra thì các gia tướng, gia thần chấp nhận tình thế này từ lâu, nên đã được chuẩn bị chu đáo, chỉ chờ vương phát lệnh là mọi người vào cuộc chiến. Tuy nhiên, tin Thoát-hoan đã xuất chinh với một đội quân lớn đến như vậy thì trong thâm tâm, nói đúng ra, ai cũng có phần hơi ngại. Và nếu như có kẻ động dao, hoảng hốt thì đó cũng không phải là chuyện lạ. Vì rằng quân Mông - Thát là một đội quân rất ư tàn bạo, và chưa hề biết đến chiến bại.

Để mọi người bàn tán xầm xì một lát, vương lại tiếp:

- Cha con Hốt-tát-liệt ngông cuồng định ăn tươi nuốt sống Đại Việt ta, nên mới cử một đạo binh lớn như thế. Mắt vương lúc này đã có phần nghiêm lạnh, gương mặt đanh lại và giọng nói đầy quyền lực, vương tiếp:

- Cách đây hơn một năm, các ông đã dâng kế phải làm thế nào truyền được lòng căm giận quân Mông - Thát của vua quan, tướng lĩnh xuống đến bách tính. Để ai ai cũng căm ghét quân kia, thì mỗi người dân của ta sẽ là một người lính. Quân giặc đi tới đâu cũng đụng phải sức kháng cự. Nơi nơi đều là chiến địa, thì dầu quân kia có đông tới cả triệu đứa cũng không làm gì nổi nước ta. Kế của các ông diệu kỳ lắm. Song thực hiện được là muôn khó.

Lòng ta không lúc nào không để ý tới. Nay thời cơ đã đến, và việc lo chống giặc bây giờ gấp lắm. May thay, nhờ phúc âm tổ phụ, suốt đêm qua ta đã viết xong được bài hịch mà ta ấp ủ tới cả chục năm nay. Vậy các ông thử nghe qua xem, nếu được thì sẽ trình lên hoàng thượng, rồi bố cáo cho các tướng sĩ và bách tính - Nói xong, Trần Hưng Đạo mở tráp lấy ra một tập sách mỏng đã đóng bìa, rồi trao cho Trương Hán Siêu. Vương truyền:

- Hán Siêu tốt giọng, đọc to lên cho mọi người cùng nghe.

Ai nấy đều hồi hộp. Chính Trương Hán Siêu, một chàng trai vẫn được coi là điềm đạm, gan dạ, gặp nguy mặt không biến sắc, mà tay cầm tờ hịch lòng cũng thấy nao nao. Hán Siêu thoát nghĩ, chắc cũng là một bài hiệu triệu ba quân phải kỷ cương, gan dạ khi lâm trận. Bởi bình sinh trong việc dạy dỗ tướng sĩ, vương thường huấn hễ điều này.

Trương Hán Siêu hít sâu một hơi vào tận huyệt đan điền để lấy lại sự bình tâm, rồi chàng cất cao giọng đọc. Càng đọc, lời hịch càng hào sảng tha thiết mà cao thượng, rõ ra cái chí của bậc thánh nhân. Lời hịch như thức tỉnh đến tận đáy sâu huyết quản của mỗi con người, hễ đã biện biệt được với loài dã thú, thảy đều phải có lòng tự trọng giữ lấy thân mình, không để cho giặc Mông - Thát kia động tới. Lại phải giữ lấy hương hỏa, phần mộ, đất đai cùng

non sông nòi giống do tổ tông để lại. Lời hịch như truyền cho ta sức mạnh phi thường và lòng căm uất sục sôi, hết như một trận cuồng phong nâng bổng khí phách và phẩm giá ta lên. Chính Trương Hán Siêu cũng thấy mình sồn gai ốc, dựng tóc gáy, máu trong tim như trào sôi, và tay chân động cựa, như muốn chồm lấy một thứ binh khí, và xông thẳng vào chiến trận đối mặt với quân thù. Sức mạnh của lời hịch thật khó lường!

Khi Trương Hán Siêu ngừng lời, chàng thấy một cảnh tượng hết sức lạ lùng. Tất cả các gương mặt đều bùng bùng lửa giận, mắt đỏ hoe, và tâm trí họ như đang trút lên đầu ngọn giáo. Phút trầm hùng cao khiết tưởng như hồn thiêng sông núi đang tụ hội, bỗng ở đâu đó bật nảy lên hai tiếng đánh sắc như một lời sấm truyền: "Sát Thát!". Thế là kéo theo những tiếng hô: "Sát Thát!" âm âm như trời long đất lở.

Hung Đạo vương đọc trên từng gương mặt các tướng lĩnh và văn thần, ông biết ông đã truyền cho họ được điều mà non sông đất nước mong đợi. Quốc công thấy lòng an tĩnh, nhưng trên khóe mắt vị tướng già đã để vương một giọt lệ.

CHƯƠNG 17

Vài ngày sau khi "Hịch tướng sĩ" được đọc và bàn luận xôn xao trong đám gia tướng, gia thần của thái ấp An Sinh, Hưng Đạo vương bèn hỏi các tướng xem có cần thêm bớt gì trước khi trình lên hoàng thượng. Phạm Ngũ Lão và Trương Hán Siêu sau khi đã bàn kỹ với nhau và cùng bàn với một số tướng văn tướng võ khác, bèn mạnh dạn tâu:

- Bẩm vương - Phạm Ngũ Lão nói, chúng thần chỉ muốn nhân lời hịch này, Quốc công kêu gọi các tướng phải chuyên tâm học hành "Bình thư yếu lược". Vì rằng Quốc công soạn rất công phu, từ kẻ làm tướng đến các đô, các quân và ngay cả sĩ tốt đều có thể học sách ấy mà lập nên công trạng. Hưng Đạo vương gật đầu và đáp với vẻ khiêm nhường: "Để ta xem". Xong Hưng Đạo hỏi các tướng việc chuẩn bị cho kỳ đại duyệt sắp tới vào ngày hai mươi tháng tám này đã xong chưa? Các tướng đồng thanh đáp: Từ tượng binh, kỵ binh, thủy binh, bộ binh thấy đều đã sẵn sàng, chỉ chờ lệnh của vương là xuất phát. Tướng gia nô Nguyễn Địa Lô được Quốc công gọi riêng căn dặn:

- Người cùng với Yết Kiêu, Dã Tượng đều là chân tay của ta. Tiếc rằng ngày đại duyệt toàn quân sắp tới, người không được tham dự để thấy hết khí thế quân sĩ của ta. Hưng Đạo ngừng lời, vương thấy Nguyễn Địa Lô nghe lệnh một cách chăm chú. Vương biết, thuộc hạ của ông đã sẵn sàng, dù cho ông có sai họ nhảy vào lửa.

Với giọng nói ân cần, nhưng có phần nghiêm trọng, vương tiếp:

- Thế giặc lần này lớn lắm, không thể đánh một trận mà xong ngay được. Vậy người phải lên ngay vùng ải bắc, cùng với đầu lĩnh Nguyễn Thế Lộc ở trên đó đón đợi.

- Bẩm vương, con xin lĩnh mệnh. Nguyễn Địa Lô nói với một tấm lòng thành kính.

- Hãy nghe ta nói đã - Quốc công tiếp - Không phải các người đón đánh quân Mông - Thát khi chúng mới tràn sang. Lúc ào vào cõi ta, chúng đi như thác lũ, các người sao ngăn nổi. Chính là các người phải giấu kín lương thực vào sâu trong các hang động hẻo lánh, mà ngay cả dân địa phương cũng không hay biết. Khi quân kia đã dần sâu vào đất ta. Vùng biên ải chúng chỉ còn rải một lực lượng mỏng, để hộ vệ đám quân chuyển lương. Có thể khi lâm chiến, việc liên hệ giữa đại bản doanh của ta với các người trên ấy, sẽ thưa vắng hoặc gián đoạn. Song, hễ khi nào thấy quân giặc đi lại ngênh

ngang, canh phòng chênh mảng. Ấy là lúc đại quân của chúng đã vào sâu trong cõi, mà quân ta thì đang gặp khó khăn. Chính lúc ấy, các người nên tung lực lượng ra mà đánh. Đánh vào những nơi sâu hiểm của chúng. Đánh vào những nơi chúng phòng bị sơ sài. Gắt triệt hạ được thật nhiều quân lương của chúng, và làm tắc nghẽn các đường tiếp tế lương thảo. Nên chia quân ra mà đánh, kẻ kia tưởng ta có mặt ở khắp nơi, khiến chúng hoang mang, hoảng loạn. Bởi thế, thành tựu thu được còn lớn hơn nhiều số quân, lương của chúng bị các người diệt, hủy.

Bổng Quốc công nghiêm giọng, người dẫn từng tiếng như để cho viên tì tướng kia khắc cốt ghi tâm - Đây là một công việc cực kỳ hệ trọng, người phải truyền dặn cho Nguyễn Thế Lộc thấu hiểu ý ta. Nếu làm sai mệnh ta, thì tai họa không biết đâu mà lường. Người nên nhớ, việc thành bại còn ở chỗ, các người có gan tòng ản thật kín nhem hay không? Ngừng lại giây lâu như để cân nhắc thêm, Quốc công lại nói:

- Còn một việc nữa, ta nghe Chiêu Thành vương tâu trong quân, có kẻ ăn chặn khẩu phần của sĩ tốt. Lại có kẻ thông đồng với đám gian thương, qua lại biên ải bán buôn kiếm lời. Người lên trên đó, cùng với viên quan biên trấn, phải làm rõ việc này. Nếu quả như vậy, sau khi tìm ra đúng kẻ tội nhân, ta cho tiền trăm hậu tấu để làm gương răn kẻ khác. Vả lại, nếu luật pháp không nghiêm, lòng quân sinh nản. Lại nữa, nhằm lúc sơ hở, lũ nhà Nguyên có thể cho gián điệp trà trộn vào hàng ngũ của ta. Việc gấp lắm rồi. Ta cho người ba ngày về nhà từ giã vợ con, rồi tức tốc đi theo đường ngựa trạm. Trước khi đi, người đến dinh ta nhận binh phù.

Nguyễn Địa Lô cúi đầu vái lạy.

Lại nói đến chuyện ở Thăng Long, khi Trần Nhân tôn nhận được "Dụ chư tì tướng hịch văn" cùng với lời khải rất khiêm ái của Quốc công tiết chế, nhà vua đọc một mạch, cảm thấy toàn thân nổi da gà. Lời hịch đi thẳng vào huyết quản, bất chấp sự lĩnh hội của trí tuệ, khiến đức vua có cảm giác như đây là lời sấm truyền được toát ra từ khí thiêng sông núi. Lập tức nhà vua vào ngay cung Thánh từ trình lên thượng hoàng.

Trần Thánh tông đọc xong, với giọng rung rung cảm động:

- Quan gia, có phải đây là hồn nước không con? Ta không tin vào chữ nghĩa và ngôn từ nữa. Chính đây mới là đạo quân hùng mạnh nhất của Đại Việt ta để kinh chống với giặc Mông - Thát.

Nhân tôn lấy làm đắc ý, bèn thưa:

- Tâu phụ hoàng, có nhẽ đưa Hịch văn này sang bên hàn lâm viện để họ nhân bản. Và ngày đại duyệt toàn quân sắp tới sẽ cho truyền hịch này, rồi sau đó phát cho mỗi đô quân một bản để truyền thấu tận sĩ tốt.

- Không những thế, Hịch này còn phải được truyền tới tận các thôn cùng xóm vắng, để trăm họ được biết, và cùng chăm lo việc đánh giặc giữ nước

với triều đình.

- Bẩm vâng, con sẽ truyền. Ngẫm nghĩ giây lâu Nhân tôn lại nói - Tâu phụ vương, con đồ rằng Hịch này truyền tới muôn dân, sẽ đem lại sức mạnh siêu thần nhập hóa. Giặc Mông - Thát hẳn không lường nổi sức mạnh của lòng dân Đại Việt.

Trước khi trở về ngự tâm, vua Nhân tôn sai trung sứ(người hầu cận của vua) đem bài Hịch cùng với biểu chương của Quốc công tiết chế sang phủ thái sư cho thượng tướng Trần Quang Khải xem. Nhân tôn vốn người trầm tĩnh, điềm đạm, vậy mà khi đọc xong lời Hịch, ông không thể không lập tức đem trình cha. Và bây giờ, ông lại đưa sang cho chú. Rồi sớm mai thiết triều, chắc chắn nhà vua sẽ bố cáo lời Hịch cho bá quan cùng nghe.

Đêm về khuya, Nhân tôn thao thức không sao ngủ được. Qua lời Hịch, ông nghĩ về Hưng Đạo, người cha vợ của mình, như nghĩ về một bậc thánh hiền. Lời lời như được tụ kết từ khí thiêng sông núi, hẳn phải nung nấu trong tâm trí vương biết bao năm ròng. Chắc chắn qua Hịch này, những ai còn chút nghi kỵ vương đem lòng kia khác, sẽ thôi ngờ vực, tị hiềm. Nhân tôn cố nhắm mắt, và muốn chìm vào giấc ngủ để sớm mai còn thiết triều, còn chia sẻ niềm vui này với bá quan văn võ. Nhà vua đã nhắm mắt, mà như vẫn nhìn thấy các tia sáng lọt qua khe cửa vào trong cung, như những sợi chỉ trắng đặt trên miếng thạch đen. Và đâu đây tiếng trống từ ngoài phường phỏ cứ vang lên. Nghe nhịp trống, nhà vua nhận ngay ra là trống múa sư tử, múa tứ linh - "Vây là trung thu!" - Nhân tôn chợt nhớ ra - Đúng thế, bữa nay là rằm tháng tám, thảo nào trăng sáng. Nhà vua như hối hận vì quên cả năm tháng, quên cả thăm hỏi, quà bánh cho các con.

Đêm khuya, trăng xế, các tia sáng nhạt dần rồi mất hẳn. Nhưng lại vang lên tiếng sáo diều. Tiếng sáo diều như gọi nhớ tuổi thơ. Những năm thơ trẻ, nhà vua thường hòa nhập với đám con trai ngoài phường trại đi săn bắn, hoặc đi thả diều... Tiếng sáo vi vút như gần như xa. Nhà vua nằm nghiêng, áp tai xuống long sàng để nghe cho rõ. Thoạt tiên là những tiếng đu đu dứt quãng. Sau đó là tiếng ròn ròn đồng dục vang xa như tiếng cồng thu quân. Tiếng cồng khiến nhà vua nhớ đến một loại sáo đại, cắm ở trên đầu những cánh diều to như những con thuyền. Ấy là những chiếc sáo mà miệng được khoét từ các loại gỗ nhẹ, mịn thớ không nặng gió nào làm cho co nứt như gỗ gáo, gỗ thị, còn thân sáo là những ống tre, ống trúc. Tùy theo loại sáo to nhỏ mà chọn tre, bương, hoặc trúc. Loại diều lớn vài chục sải cánh, phải đeo sáo cồng, to bằng bắp vế. Tiếng sáo đang vắng vào trong cung, chính là sáo cồng. Đêm càng khuya khoắt, nhà vua càng nghe rõ những âm thanh réo rắt từ trời cao vọng xuống. Nghe như có tiếng rì rên dài dài, cả tiếng than vãn nức nở. Lại có cả tiếng chơi chơi, the thé rít lên như tiếng còi. Ấy là tiếng của các loại sáo đầu, sáo còi hòa quyện với sáo cồng thành một thứ thanh âm

đa cung bậc. Càng nghe, các âm thanh càng rõ dần càng mạnh lên. Đức vua không còn cảm giác rằng các âm thanh kia từ trời cao vọng xuống, mà từ mặt đất nó đang bay, bay vút lên mặt trăng. Tiếng sáo điều đã đưa nhà vua vào giấc ngủ muộn. Trong giấc ngủ chập chờn nửa trần thế nửa thiên tiên, Trần Nhân tôn mơ thấy quân Mông - Thát tràn vào cõi, ào ào như nước từ Ngân hà ụp xuống. Vó ngựa Mông Cổ cứ tung hoành khiến bụi phủ mờ cả vàng trắng, và tiếng khóc cứ rí rí, rí rí như quỷ sứ đang tấu khúc nhạc sầu. Chợt có tiếng nổ xé trời như sét đánh, nhà vua giật mình mở choàng mắt. Ánh ngày đã tràn ngập cả ngự tẩm. Đức vua toát mồ hôi ướt đầm y phục. Nghe tiếng thét, tráng sĩ Đặng Dương đẩy cửa bước vào. Thấy nhà vua mặt mày tái mét, chàng sụp đầu:

- Bẩm quan gia, có điều gì bất như ý mà người thét to vậy?

Nhà vua vẫy tay cho Đặng Dương tới gần, ngài phán:

- Ta mơ ngủ. Một giấc mơ khủng khiếp. Quân giặc sắp tràn vào bờ cõi rồi! Mặt nhà vua buồn rười rượi.

- Xin bệ hạ bình tâm. Đặng Dương vừa đầu vừa sụp lạy.

Đặng Dương, tráng sĩ toàn năng trong hội thi võ đã được Tuệ Trung Thượng sĩ Trần Quốc Trung đưa về dưới trướng. Rồi sau đó Tuệ Trung lại đem dâng vua Nhân tôn. Với con mắt tinh tường, Tuệ Trung nhận thấy nơi tráng sĩ này, không chỉ có tài cao võ thuật, mà còn có lòng trung nghĩa vô hạn. Những con người như thế túc trực hầu hạ bên vua, lúc thường cũng như lúc hữu sự, là điều khiến Thượng sĩ yên tâm.

Đặng Dương là một người ít học, nhưng cũng biết suy nghĩ thấu đáo. Chàng thầm nhủ: "Chắc nhà vua lúc nào cũng nghĩ kế sách chống giặc Mông - Thát, nên trong giấc ngủ cũng mơ thấy giặc". Nghĩ thế, nhưng tráng sĩ không sao tìm được lời nói để an ủi đức vua. Chàng cứ tần ngần đứng nhìn vào một điểm ở góc long sàng. Nơi ấy người ta chạm nổi một con rồng, và gắn cho nó cặp mắt bằng đá ngọc lưu ly. Bốn góc bốn con rồng châu vào đức Nhân tôn. Vừa tỉnh giấc, nhà vua nhòm người dậy, đôi mắt ngài ngự ánh lên màu xanh khiến Đặng Dương nghĩ tới bức tranh "Cửu long tranh châu" treo nơi đại điện, và nhà vua chính là hạt châu - hạt châu lớn nhất Đại Việt - hạt châu lớn nhất thế gian. Nghĩ vậy, trong lòng tráng sĩ thấy vui vui.

Chợt nhà vua hỏi:

- Ta nghe như có trống thu quân ở đâu sớm vậy, Nhân tôn hỏi bất chợt.

Đặng Dương lắng theo nhịp trống, rồi đầu:

- Bẩm quan gia, trống ngoài hồ Thủy Quân. Đêm qua con thấy đức ông hoàng Sáu đưa quân thủy vào lập trại.

(Hồ Thủy Quân, cũng có tên là Hồ Tả Vọng. Đây là hồ lớn dùng để luyện tập quân thủy của nhà Trần. Trước đây hồ rộng từ khu vực Hoàn Kiếm hiện nay liền với cả khu Vọng Đức, Tràng Tiền, Cầu Gỗ, Hàng Buồm thông với

Hàng Than quanh về Hàng Chuối và bến Đông bộ đầu xưa. Từ đó thông ra Hồ Tây và ra sông Cái (sông Hồng) theo ngã Quảng Bá. Tên Hoàn Kiếm mới có từ thời Lê- thế kỷ 15.)

- A, sắp tới ngày đại duyệt toàn quân! Vua Nhân tôn nói như reo. Nhà vua lấy làm hài lòng về ông chủ mẫn nhuệ. Một người làm việc gì cũng chu đáo. Nhưng bề ngoài lại thánh thoi nhàn hạ như không, khiến nhiều người tưởng Nhật Duật là người chỉ ham mãi các cuộc chơi vui.

Song phải thừa nhận, ông là người thông minh hiếu động. Ông ở nhà thì không lúc nào là không có các trò vui. Khi thì đàn hát, khi thì cờ bài, khi thì thơ phú xướng họa. Ông ở trong quân thì náo động bởi các cuộc thi: đấu võ, đấu vật, bắn cung, chèo thuyền... Lúc nào trong quân ông cũng vui như hội. Bỗng nét mặt nhà vua tươi hẳn lên. Ngài sai Đặng Dương đi lấy một cái côn, rồi đức vua phi một mạch ra vườn ngự. Đặng Dương chạy theo, gần tới nơi đã thấy nhà vua múa tít cây gậy, tả xung hữu đột, bước tới bước lui cứ thoăn thoắt, khiến tráng sĩ cũng phải ngạc nhiên về võ nghệ của đức vua. Người có nghề, chỉ thoáng nghe tiếng côn vút gió, và tiếng di động bước chân, cũng đủ biết nội lực của nhau thâm hậu hay sơ sài. Thấy đức vua luyện võ, Đặng Dương mừng lắm. Bởi mai đây vào cuộc chiến, không biết thế nào mà nói trước được.

Buổi chiều hôm nay trái với lệ thường, nhà vua đến hơi trễ. Thông thường cứ đầu giờ mao, các đại thần đã tề tựu cả ở đại điện, độ một khắc sau thì nhà vua bước vào. Hôm nay, mãi đầu giờ thìn, vua Nhân tôn mới ra thiết triều, ấy là bởi nhà vua có ghé qua vài nơi tập kết quân của các vương hầu, các lộ, trấn về dự đại duyệt. Buổi thiết triều hôm nay, nhà vua bố cáo cho bá quan biết việc nghiêm trọng nhất của quốc gia là Hốt-tát-liệt đã khởi binh đánh ta.

Các quan cũng đã nghe bàn về việc này, nhưng nay được nói ra từ miệng đức vua, ai nấy đều bội phần xúc động và lo cho thế nước.

Nhân tôn nói dần từng tiếng chậm rãi như người đếm, để nén nỗi uất căm:

- Hốt-tát-liệt phát năm mươi vạn binh, cho con trai y là Thoát-hoan thống lĩnh cùng với những viên tướng dạn dày vào hàng đệ nhất công thần phụ tá. Quân khởi từ hành tỉnh Kinh Hồ cách đây một tháng - Nhà vua lại hít sâu, đề khí vào huyết đan điền cho tâm thần an tĩnh, và tiếp - Chúng ta đã nín nhịn, đã thần phục, đã triều cống họ đủ thứ. Nhưng vua tôi nhà Nguyên như một lũ hổ đói, ta càng cống nạp, chúng càng đòi hỏi. Nay không thỏa mãn, chúng cử binh xâm lấn. Để văn hồi tình thế, đầu tháng bảy, ta đã sai trung đại phu Trần Khiêm Phủ làm chánh sứ sang hành tỉnh Kinh Hồ xin nhà Nguyên cho hoãn binh. Kịp đến đầu tháng tám này, ta sai Đoàn Ái, Lê Quý sang sứ nhà Nguyên. Cách đây vài ngày thượng hoàng hối thúc ta sai thiện trung đại phu Nguyễn Đạo Học sang sứ nữa. Trước sau ta chỉ một mục xin nhà Nguyên

cho hoãn binh. Hiện thời vẫn chưa có hồi âm – Đức vua nén một hơi thở nhẹ, ngài lại điềm đạm nói - Thật ra còn nước còn tát, để rồi không còn gì phải ân hận trong thuật bang giao, cũng như trong đạo nhường nhịn của nước nhỏ đối với nước lớn. Nhưng muốn cho lời nói của ta thành nguyện vọng và ý chí hòa bình của cả dân tộc, không gì có thể minh chứng vững vàng bằng Đại Việt ta phải có một lực lượng đủ mạnh, để kinh chống được đội quân hùng sỏi kia, thời tham vọng bành trướng vô lối của thiên triều mới dần dần giảm thiểu.

Vậy các khanh nghĩ thế nào, và có mưu lạ chước hay gì ngoài các điều ta đã làm cho việc binh, việc lương, việc dân thời các khanh cứ thực lòng tâu lên để giữ nước. Ấy là việc ngoài to lớn, còn việc trong, có hai điều hệ trọng. Trước mắt là tới ngày 20 tháng tám này, ta sẽ đại duyệt toàn quân. Tổng quản ta đã trao cho quốc công tiết chế Hưng Đạo vương coi xét. Trấn, lộ nào bê trễ, cứ chiếu quân pháp thi hành - Ngừng một lát, nhìn khắp triều quan, thấy các đại thần vẻ lo âu hiện lên từng gương mặt. Nhà vua rất hài lòng, vì mọi người đã cùng chung lo việc lớn quốc gia. Vua lại truyền - Để khích lệ ba quân cùng chúng dân trăm họ, Quốc công tiết chế vừa soạn xong một bài "HỊCH", ta đã cho nhân bản. Nay phát trước cho trăm quan về đọc, nghĩ thấy điều gì cần tu chỉnh, thời phải sớm tâu lên để còn kịp truyền cho toàn quân vào ngày đại duyệt. Nói xong, vua cho bãi triều rồi đi thẳng ra khu các trại quân.

Vua Nhân tôn vào trại của tướng quân Trần Nhật Duật. Chiêu Văn vương lật đật ra đón, không kịp cả xỏ chân vào dép. Tướng quân toan sụp lạy, nhà vua vội chạy lại đỡ dậy:

- Chú là bề trên, sao cứ thủ lễ quá chừng?

- Muôn tâu bề hạ, muốn giữ được kỷ cương, thì lễ phải là điều nghiêm cần bảo tồn. Lễ mà tùy tiện thì luật dễ bị khinh nhờn. Bề hạ nên nhớ, tình tôn tộc là ở trong nhà. Và chỉ ở trong nhà thôi. Trần Nhật Duật nói vậy, nhưng ông là một người rất dễ thương. Có nhẽ cũng vì lòng cảm mến đó mà Nhân tôn hay đến thăm ông. Nhật Duật tươi cười hỏi nhà vua:

- Sao bề hạ biết thân về mà đến thăm?

- Đám tụng quan(quan phục vụ trong nội cung) nói chú đưa quân về lập trại từ đêm. Vừa tan châu xong là ghé thăm chú ngay.

Chiêu Văn vương mời nhà vua vào trung quân. Triệu Trung đang ngồi trên kỷ vội nhảy xuống sụp lạy. Vua cho ngồi, rồi hỏi:

- Triệu tướng quân vẫn mạnh khỏe?

- Muôn tâu thánh thượng, thân vẫn được bằng an.

- Nhưng cha con Hốt-tát-liệt không để cho chúng ta an Dâu. Tướng quân biết cả rồi chứ?

- Dạ bẩm bề hạ biết ạ. Chúng thần đang bàn việc "tiếp đón" Thoát-hoan, sao

cho chúng cứ mỗi khi nghĩ đến Đại Việt là phải nổi da gà, như mỗi khi chúng nghĩ đến việc vượt biển đánh vào Nhật Bản vậy.

Nhân tôn trong lòng vừa vui, vừa nghi ngờ pha chút khinh kẻ vong thân nhà bại Tống này. Đức vua vui còn vì đám nhà vong Tống này đang góp phần chung lo với quân dân Đại Việt. Nhưng mấy chục năm qua cũng cho thấy trong đám người vong quốc ấy không thiếu gì kẻ lộng ngôn, chỉ cao đàm khoát luận, chê bai hết nhân vật này đến nhân vật khác trong lịch sử, cũng như trong hiện tại. Rồi lại khích bác lẫn nhau, tranh giành xâu xé nhau, chỉ vì các thứ danh hão lợi hờ mà quên mình là kẻ vong quốc, quên rằng nước Đại Tống của người Trung Hoa đang rên xiết dưới vó ngựa quân Mông-Thát. Đức vua có cảm giác như bọn này họ quên cả quốc nhục quốc thù, yên tâm nướng nấu trọn đời nơi đất khách. Song nghĩ cũng thương tình, họ còn biết làm gì hơn thế nữa.

Nhà vua quay lại nói với Trần Nhật Duật:

- Chú Chiêu Văn à, binh lực chú sắp xếp ra sao. Nghe nói chú có một đội binh thuần người Tống, mặc quần áo Tống tham gia trong quân của chú?

- Đúng như thế đấy ạ, tâu hoàng thượng. Nhìn thần sắc đức vua, tuy có lo nhiều việc nước, nhưng tướng vẫn tươi nhuận vững vượng lắm. Dù nhà vua tuổi nhỏ, nhưng điều hành bộ máy quốc gia tỏ ra có bản lĩnh, trên dưới chặt chẽ, trong ngoài qui củ. Lại thêm cái đức khiêm ái kiệm cần, tướng đến như Lê Hoàn, Lý Thái tổ hoặc Hán Quang Vũ, Đường Thế tôn cũng không thể hơn được. Chợt nhớ nhà vua hỏi về đội binh Tống, Trần Nhật Duật vội thưa:

- Tâu quan gia, trong số vong thân nhà Tống vào tá túc ở bản phủ, số người kẻ có hàng vạn. Nhưng phần nhiều đã sắp xếp cho họ về các trang ấp làm ruộng. Hoặc giả như ai có nghề nghiệp thì cho phối làm với các nghề của ta. Nếu vì nghề của họ cao hơn, hoặc lạ hơn, thời cho họ lập riêng lò xưởng để làm như nghề sành sứ, nghề nhuộm vải, nghề bào chế dược liệu và trị bệnh trong dân. Chọn trong số trẻ trung, mạnh khỏe, thần đồn vào được khoảng hơn sáu mươi đô. Mấy năm nay cho luyện tập đều đặn dưới sự coi sóc của Triệu tướng quân đây - Trần Nhật Duật vừa nói vừa chỉ tay về phía Triệu Trung. Triệu Trung lại đứng dậy vái vua Nhân tôn. Đức vua vẫy tay cho phép Triệu Trung ngồi xuống. Trần Nhật Duật lại nói:

- Thần định sớm tối hôm nay phải vào triều kiến, xin quan gia cho phép đội quân này được mặc sắc phục Tống, dùng binh khí Tống.

- Vì sao vậy? Nhà vua hỏi.

- Tâu, đó là sở nguyện của họ. Một là để bày tỏ với mọi người, lòng họ vẫn hướng về cố quốc. Hai là để trả cái ơn tri ngộ của Đại Việt trong những năm họ tá túc trên đất ta, được nhà vua cho hưởng mọi điều ưu hậu. Ba là kẻ thù của ta cũng chính là kẻ thù của họ, nên họ muốn góp xương máu với ta để rửa hận.

Một thoáng suy nghĩ, Nhân tôn thấy có thể chấp nhận được Hơn nữa, việc này còn gây tâm lý thất lợi rất nhiều cho binh lính Thát-đát, một khi chúng biết có người Tống đánh lại chúng trên đất Đại Việt.

Vừa gật đầu, nhà vua vừa nói:

- Thôi được, Triệu tướng quân, vua Nhân tôn nói thẳng với Triệu Trung - Ta chấp nhận sở nguyện của các ông, nhưng phải đánh lũ Mông - Thát này bằng tất cả sự hùng tâm, hùng khí của dân tộc Trung Hoa để mà trả cái hận Nhai Sơn. Ông hiểu ý ta chứ?

Triệu Trung quỳ lạy:

- Muôn tâu hoàng thượng, chúng thần có cả thủy năm ngàn người, phiên chế làm sáu mươi hai đô, chiến đấu dưới cờ của Chiêu Văn vương tướng quân, xin được nhận công việc như hai quân. Sơ sót điều gì xin chịu tội. Nếu xảy ra việc nhút nhát để thua; nếu xảy ra việc ngu tối mà trúng vào kế giặc để thua, để nhục; chúng thần xin được cùng chết để tạ tội.

Vua Nhân tôn lấy làm bằng lòng lắm. Ngài nói - Trong quân bất kể là người Đại Việt hay người Tống, hễ ai lập được công lớn, sẽ có trọng thưởng.

Nhà vua đã toan đứng dậy, Nhật Duật vội nói:

- Xin bệ hạ nán lại vài giây, thần có một việc riêng, mong bệ hạ gia ân.

Biết ý, Triệu Trung vái nhà vua và chủ tướng rồi đi giật lùi ra ngoài. Vua Nhân tôn nhìn Trần Nhật Duật rồi mỉm cười, hỏi:

- Còn việc gì nữa chú Chiêu Văn? Chú định dọn tiệc rượu hay bày cuộc hát?

Trần Nhật Duật xua tay:

- Tâu bệ hạ, các việc ấy thần đều đã dẹp bỏ, ăn chơi bây giờ không phải lúc. Chẳng biết bệ hạ có nhớ cái tên mà bệ hạ giao cho chức trông nom ao cá của bệ hạ không nhỉ?

Nhân tôn nhăn vầng trán như cố nhớ ra một điều gì đó. Chợt như tươi hẳn lên nhà vua nói:

- Nhớ ! Nhớ ra rồi, chú Chiêu Văn. Việc lâu rồi đấy. Bốn năm năm rồi còn gì?

- Dạ đúng, từ năm Canh thìn (1280).

- Cái thằng bé con của tù trưởng Trịnh Giác Mật chú nhận nó làm nghĩa tử chứ gì?

- Dạ phải.

- Thế bây giờ chú định tính sao?

- Tâu bệ hạ, việc quân Nguyên xâm lấn là điều không tránh khỏi. Có giữ thằng bé ở lại, nó cũng chỉ hầu hạ đức vua thôi chứ không dùng vào việc lớn được. Nhưng nếu võ về nó, gia phong cho cha con nó thêm một vài phẩm tước gì đấy, thì chính nó cũng trở thành một viên tiểu tướng ở vùng phen dậu của ta. Thế giặc lần này mạnh lắm. Phải chia sức ra mà đánh. Vì vậy, thần đã nói nó mấy hôm nay rồi, để nó về lập lấy một đội binh. Khi giặc ồ ạt

kéo vào thì tìm đường ẩn nấp. Khi giặc đánh mạnh ở dưới xuôi, thì tung quân ra mà đánh chen, mà quấy rối chúng.

- Được. Được lắm. Mưu chú cao đấy - Nhà vua vội chen lời- Ý thằng bé thế nào?

- Tâu bệ hạ, nó vui lắm. Ta cho nó về, bằng thả hổ về rừng. Ở Thăng Long tuy có quan chức, có kẻ hầu hạ, nhưng nó vẫn coi là bị tù túng. Bệ hạ nên vỗ về nó, để sau ngày đại duyệt toàn quân, thần thân dẫn nó về trao cho Trịnh Giác Mật, rồi bàn luận kế đánh giặc và ủy thác trách phận cho y.

- Chú lo giùm việc ấy, tôi thật yên tâm.

- Thần xin lĩnh mệnh. Trần Nhật Duật cúi đầu vái Trần Nhân tôn. Nhà vua đỡ dậy, rồi vua tôi nắm tay nhau cùng đi ra ngoài trại. Cho tới khi Nhân tôn lên kiệu đi khuất rồi, Chiêu Văn vương mới trở lại quân doanh.

CHƯƠNG 18

Chỉ còn vài ba ngày nữa là tới hạn kỳ đại duyệt toàn quân, Quốc công tiết chế Trần Quốc Tuấn thân dẫn chu sư về Thăng Long. Các gia tướng của ấp An Sinh thuộc lộ Hải Đông như Hưng Vũ vương Trần Quốc Nghiễn, Hưng Trí vương Trần Quốc Hiến, Hưng Hiếu vương Trần Quốc Uất, Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tảng, đại tướng quân Phạm Ngũ Lão cùng các tướng Yết Kiêu, Dã Tượng... đều dẫn các đội bộ binh, thủy binh, kỵ binh, tượng binh... theo các ngã đường thủy, bộ cùng tiến về Thăng Long.

Chu sư của quốc công về tới cửa sông Cái vào khoảng canh ba, ngày mười bảy tháng tám, thì giòng thẳng buồm vào hồ Dâm Đàm. Quốc công sai hạ buồm và ẩn giấu binh thuyền quanh các đảo trong hồ. Căn dặn viên đô đốc xong đâu đó, Hưng Đạo cho lầu thuyền vào hồ Thủy quân rồi lên kiệu về thẳng tướng phủ.

Sáng sớm, quốc công lên ngựa vào cung Thánh từ vừa lúc thượng hoàng Trần Thánh tông đang dùng trà. Hưng Đạo sụp lạy, Thánh tông vội vàng nâng dậy và nói:

- Anh em trong nhà gặp nhau, sao vương huynh phải thủ lễ làm vậy.
- Tàu thượng hoàng, lẽ là khởi đầu của mọi mối rường, bề hạ có yêu mà miễn thứ, thần cũng không dám vâng theo.

Thánh tông vừa dẫn Hưng Đạo vào kỷ vừa nói:

- Vương huynh cứ bày vẽ, lẽ là ở chốn triều chính, chớ trong nhà, phải theo đạo nhà. Vương huynh là bề trên.
- Ấy chết, sao bề hạ dạy thế ! Hưng Đạo vẫn điềm đạm nói lời.

Uống chưa xong một tuần trà, Hưng Đạo và Thánh tông mới thăm hỏi nhau được đôi điều thì Trần Nhân tông đã vào chầu.

Nhân tông tuy ở ngôi cao, nhưng lòng vẫn khôn nguôi đạo hiếu. Tuy đã ra ở cung Quan triều coi sóc việc nước, song thường nhật vào lúc sáng sớm, nhà vua vẫn tản bộ sang cung Thánh từ để vấn an vua cha.

Vừa gặp thân phụ, vừa gặp nhạc phụ, Nhân tông bèn sụp lạy. Đúng lúc Hưng Đạo cũng toan quỳ lạy cho phải đạo vua tôi nhưng Thánh tông đã kịp ngăn lại.

Vừa xong lễ tương kiến, Nhân tông liền tỏ lòng ái mộ bản "Dụ chư tì tướng hịch văn" của quốc công tiết chế. Nhà vua nói :

- Bẩm quốc phụ, làm thế nào mà Người viết ra được những lời tâm huyết thiêng liêng dường ấy! Đọc xong, con cứ cảm nghĩ như hồn thiêng sông núi

của Đại Việt, đã kết tụ từ ngàn năm vọng lại qua bốn tâm đại hùng đại lực của quốc phụ.

- Bệ hạ quá khen - Quốc Tuấn đáp - ông hơi ngượng với lời khen đó, sắc mặt ông bỗng ửng đỏ, ông đưa tay lên vuốt chòm râu.

Nhân tông dường như không nghe Quốc Tuấn nói gì, và nhà vua cũng không để ý tới nét thay đổi trên gương mặt vị tướng già. Rõ ràng là hoàng thượng chỉ chú tâm bực bạch điều mà người đã đau đầu suy tư về bức "Hịch văn" của quốc công tiết chế. Ngài lại nói:

- Thượng hoàng muôn phần đẹp ý về bản "Hịch văn" của quốc phụ. Tiều tử đã đưa cho sử quan Lê Văn Hưu chép vào quốc sử. Lại định tới ngày đại duyệt này, sẽ đưa ra bố cáo trước toàn quân, để khích lệ lòng ái quốc của tướng sĩ. Và rồi giao cho xuất nạp quang phổ lời "Hịch" xuống tận muôn dân. Chẳng hay ý quốc phụ thế nào?

(Xuất nạp quan: Một chức quan trọng yêu đời Trần, có nhiệm vụ đem mệnh lệnh của vua tuyên cáo cho dân chúng trong nước biết, rồi đem các ý nguyện của dân tâu lên triều đình. Nhờ chính sách này mà triều đình luôn gần dân.)
Hưng Đạo vương nghe thấu từng lời của nhà vua, quốc công có phần hơi xúc động, ông lại đưa tay lên ve vuốt chòm râu và đáp:

- Đội ơn bệ hạ, từ độ nhận tin Đỗ Vỹ báo về: Hốt-tát-liệt đã phong cho Thoát-hoan con trai y làm Trấn Nam vương. Và tên này đã khởi binh sang đánh Đại Việt từ hành tỉnh Kinh Hồ, lòng thần xiết bao căm giận. Lòng căm giận lũ chó lợn này dồn nén gần ba chục năm nay, bỗng bật trời dậy. Thần nghĩ, phải có cách nào thổi vào lòng tự tôn dân tộc bùng lên thành một bể lửa, thời mới có cơ may diệt được đội quân xâm lăng hùng hổ kia. Đào bới đến quận lòng cũng chưa tìm ra được kẻ gì. Chợt lời "Lộ bố" của quan thái úy Lý Thường Kiệt phát ra khi đánh Tống, cứ vang bên tai thần. Quả nhiên như có hồn thiêng tiên tổ gọi về, thần thấy không có gì diệu lý hơn là: VIẾT HỊCH. Thế là thần ngồi vào viết một mạch từ giờ tuất đến giờ dần. Thần cảm thấy như có một đấng chí tôn nào đấy đang ngự ở trong đầu, và đọc cho thần chép. Thần có thể dâng bệ hạ bản chính với bản sao, không khác một lời. Kỳ thật!

(Tể tướng nhà Tống là Vương An Thạch chủ trương đánh An Nam. Năm Ất mao (1075) ngầm tập trung 10 vạn quân tại các châu Khâm, Liêm, Ung thuộc tỉnh Quảng Tây Trung Quốc. Quân ta dò biết được việc này, Lý Nhân tôn bèn sai Lý Thường Kiệt và Tôn Đản đem hơn 10 vạn binh sang đánh dẹp. Khi sang đất Tống, Lý Thường Kiệt cho phát lời "Lộ bố". Tức bản cáo trạng kể tội Vương An Thạch dùng phép "Thanh miêu" (các kế hoạch cải cách) làm khổ dân Trung Quốc; lại có âm mưu xâm lược Đại Việt. Quân Việt sang chỉ có mục đích giúp dân Trung Quốc phá kế "Thanh miêu" chứ không có ý đồ xâm lược. Vì vậy rất được lòng dân Trung Quốc.)

- Kỳ thật! Vua Nhân tông nhắc lại. Nếu quả như quốc phụ nói: đây là lời tổ phụ tâm truyền, thời cả nước chỉ có một mình quốc phụ là người độc nhất xứng đáng được tin cậy, ủy thác. Thật là đại hồng phúc cho nước nhà. Vậy lời "Hịch" này phải được truyền thấu từ trăm quan đến thứ dân trong cả nước. Sức mạnh của lời "Hịch" sẽ nhân sức quân, sức dân ta thành sức mạnh thần thánh, kẻ thù không thể nào hiểu được.

Khuôn mặt nhà vua hân hoan bừng sáng như gương mặt trẻ thơ. Đức vua lạy từ hai đấng bề trên, rồi lui về cung Quan triều.

Vua Nhân tông đi rồi, Hưng Đạo vương tâu trình các việc cần kíp phải làm, trước khi quân giặc xâm phạm cõi bờ với thượng hoàng Trần Thánh tông.

Hai đại nhân nói cười cười mở ra vẻ tâm đắc lắm.

Giây lâu Hưng Đạo cáo từ thượng hoàng để còn liệu lo công việc. Hưng Đạo ra khỏi cung lâu rồi mà Trần Thánh tông vẫn chưa vội nguôi xúc động.

Thánh tông tự xét, từ các ý nghĩ đến việc làm như "Phú quốc cường binh sách" trước khi tâu về triều, ấp An Sinh đã tự làm, và thu được thành tựu đáng khích lệ. Dân tình hồ hởi. Cha, con, anh em có khi một nhà bốn năm người cùng xin tình nguyện xung quân. Quốc công có được một đội quân luyện tập dạn dày và đông đúc, dũng mãnh nhất trong các vương hầu. Nay lại lao tâm khổ tứ viết được lời "hịch", như moi móc từ tâm can óc não ra, hề ai đã nghe một lần, dù là gỗ đá cũng phải nghiêng rã, trợn mắt cầm lấy vũ khí xông ra giết giặc, bảo vệ giang san nòi giống. Nếu không phải là người tận tâm báo quốc, thời không thể có được hành vi ấy. Tự đáy lòng mình, Thánh tông giữ bỏ mối hiềm nghi giữa hai ngành trưởng, thứ. Song có một điều làm nhà vua hơi áy náy, ấy là việc Hưng Đạo lúc nào cũng giữ gìn cẩn kẽ quá, thủ lễ quá, khiến anh em cảm vẻ kém chan hòa. Và nữa về tư chất, từ con người này toát ra vẻ uy nghi cùng tài đức của một bậc đế vương. Chỉ lo sau này... Thánh tông không dám đi đến cùng ý nghĩ. Bởi trong lúc này anh em trong nhà ngờ vực lẫn nhau, cũng tức là nuôi mầm tai họa. Thật tình, Thánh tông đã dứt tuyệt các phương sách đối phó, và ngăn chặn ngành trưởng bạo nghịch từ lâu. Vì rằng không tìm đâu ra, không nghe đâu được những hành vi, hoặc những lời nói có ẩn chứa mưu mô. Trần Hưng Đạo, tâm tưởng trong suốt như một khối băng. Ai đó hoài nghi vương, tức là người ấy mờ ám, Thánh tông nghĩ vậy. Nhưng khổ nỗi: đôi khi có một vài vấn đề trong suy tư của ta, cũng có phần lỗi ở Hưng Đạo nữa. Vì rằng ân, uy, đức độ của vương, không chỉ giới hạn trong An Sinh ấp, mà nó tỏa khắp vương triều, tỏa khắp dân gian. Ngay như việc hạn điền, hạn nô trong hàng vương hầu, trong giới quý tộc do phủ Hưng Đạo khởi xướng, đã được quan gia ban thành quốc sách, khiến đám nông nô tri ân vô hạn. Song việc thi hành thật không dễ. Biết bao nhiêu các bậc cự thần, cố lão, kể cả các bậc tôn trưởng, đều nhao nhao bài xích, nhà vua phải răn tay lắm thời "Phú quốc cường binh

sách" mới được thành tựu.

Mấy người trong hoàng tộc ỷ thế không chịu thả nô, sên điền liền bị kê biên gia sản, bị lưu đày viễn châu, rồi mới nghiêm lệnh được. Nhờ quốc sách ấy mà chỉ trong vài năm nay, trong dân gian nhà nhà đã no đủ dồi dào, quốc khố dư dật. Thế dân, thế binh nổi lên như sóng cồn. Trong dân, trong quân người người đều sẵn lòng xả thân vì nước. Thế mới biết quốc công là người có nhãn quan xa rộng. Chính vương đã âm thầm trù liệu cho công cuộc chống trả quân Mông – Thát sắp diễn ra nay mai từ sau cuộc chiến năm Đinh ty. Có nghĩa là hai mươi bảy năm ròng rã, vương làm một việc mà chỉ người có cái chí của bậc thánh nhân mới làm nổi.

Trong khi vua Thánh tông cứ mãi suy ngẫm về bản “Hịch văn”, về “Phủ quốc cường binh sách” thì Hưng Đạo vương tức tốc trở lại quân doanh, kiểm xét lại một lần nữa các công việc cho ngày đại duyệt, Quốc công không chỉ bàn bạc, huấn hồ cho các viên thượng tướng, đại tướng, đô đốc, mà còn thân xuống tận các quân, các đô vừa thị sát vừa ủy lạo sĩ tốt. Công việc xong xuôi thì đã quá giờ mùi. Quan hỏa đầu dâng bữa. Vương chỉ dùng qua loa, rồi lên ngựa phi tới thẳng phủ thái sư thượng tướng Trần Quang Khải.

Đúng lúc đám gia tướng của thái sư cũng dắt ngựa ra khỏi tàu. Anh em thi lễ xong, Quốc Tuấn bèn cáo thoái:

- Nếu ta không nhầm thì thượng tướng có việc sắp phải đi đâu đó? Để khi khác ta lại thăm vương tiện hơn.

Quang Khải cười lớn, giọng cười sáng khoái như người bộc bạch hết cả gan ruột.

- Quốc công quả có con mắt tinh đời. Đúng là em đang định đi kiểm xét lại quân doanh rồi ghé qua chỗ huynh trưởng, thỉnh huynh vòng lại hồ Thủy quân, xem thủy trại của các vương, hầu đồn đóng ra sao.

- Nếu vậy mời thượng tướng lên yên - Quốc Tuấn nói - Ta cũng có việc cần bàn riêng với thượng tướng.

Hai ngựa sóng đôi. Quốc Tuấn vẫn cười con tía mặt - một con ngựa Hồ to cao, sắc lông cháy lên như màu lửa. Đại vương thân hình lẫm liệt, đầu không đội mũ trụ mà quấn khăn vành dây, mình khoác áo thụng tía, ngang lưng thắt một dây lưng bằng da bện, thanh trường kiếm dắt cạnh sườn. Chân giận đôi hia đen, thêu chim phượng múa. Thượng tướng Trần Quang Khải người mảnh mai như một thư sinh. Vương cười con hắc long màu đen tuyền. Sắc lông bóng mượt như nhung. Con ngựa Hồ này cũng cao to không kém con tía mặt của Quốc Tuấn. Khu biệt giữa loài ngựa Hồ với ngựa ta không chỉ ở chỗ chúng có thân hình to, cao mà chúng còn có đôi mắt rất tinh tường. Ban đêm nhìn vào đôi mắt chúng như nhìn vào hai cục lửa rực sáng. Chính vì vậy mà chúng đi suốt đêm trong rừng sâu, cũng không khác đi giữa ban ngày trên những nẻo đường quang đãng. Chúng có thể đi suốt ngày đêm hàng

trăm dặm, vừa đi vừa ăn cỏ hoặc thóc treo ở trước mõm; và liếm những giọt sương đọng trên các cành lá ven đường, thay cho nước uống. Thế nhưng chúng lại có thể tham chiến bất kể lúc nào. Khi lâm trận gặp núi cao, sông sâu ngay cả lửa cháy ngút ngàn, khí hăng bốc lên, chúng cũng lao vào không do dự. Cái khó đối với loài ngựa này là vừa kén ăn, lại vừa kén chủ. Nhất là đối với những con có quý tướng, mà rơi vào tay những kỵ sĩ nhút nhát, hoặc những vị ngu tướng, thì chúng không quật ngã trên bộ cũng chìm chết dưới sông.

Khác với Quốc Tuấn, Quang Khải vận áo bào thượng tướng. Hình hồ phù thêu trước ngực gắn đôi mắt ngọc lấp lánh hào quang như mắt thật, và những chiếc móng sắc dữ dằn. Thượng tướng đội mũ trụ dát vàng, lưng dắt thanh bảo kiếm chuôi ngọc nạm vàng, chân đạp đôi hia màu tím sẫm thêu chim phượng trắng. Thấy Quốc Tuấn trong sắc phục giản dị, Quang Khải có ý hơi ngượng. Nhưng tính Quang Khải vốn nghiêm cẩn; mỗi khi bước vào quân doanh, ông đều thay hết mũ áo thái sư bằng mũ áo thượng tướng.

Hai người, hai ngựa thông dong vào quân doanh của thượng tướng Trần Quang Khải. Quốc công tiết chế Trần Quốc Tuấn liếc nhìn qua một lượt các trại quân, thấy hàng lối ra vào thuận tiện. Quân đi lại thưa thớt, mau lẹ có cảm nghĩ đây là các lều trại bỏ trống. Thế nhưng nó lại đang chứa đựng trên một vạn quân bộ, quân kỵ và lừa ngựa, lương thảo đã chiến. Phía sau các lều trại là các bãi tập láng đầy cát. Ở đây quân đang tập theo từng đô một. Chỉ nghe thấy tiếng kim khí va chạm, tiếng đám, đá, tiếng chạy huỳnh huyếch, tiếng cung tên rít gió, và tiếng vó ngựa quằn trên cát bịch bịch như tiếng chày đập vải nơi hồ Giặt lụa. (Địa phận hồ Trúc Bạch ngày nay, xưa mang tên hồ Giặt lụa, vì các làng quanh hồ này làm nghề ươm tơ, dệt lụa và thường bắc cầu rửa ven hồ để giặt, đập tơ lụa ươm, ngâm.)

Trong khi Quang Khải hỏi han và cắt đặt công việc cho các tướng dưới quyền, thì Quốc Tuấn vẫn đi lại xem xét khu lều trại của sĩ tốt tập luyện. Ông rất hài lòng vì sĩ tốt đều khỏe mạnh, tập tành theo khuôn phép, kỷ cương, thuần thực, say mê. Quốc Tuấn thầm khen: "Quang Khải quả là một tướng văn, tướng võ kiêm thông, kiệt xuất". Ông ước ao có vài chục viên thượng tướng, đại tướng như Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật, Trần Khánh Dư, Phạm Ngũ Lão... thời công cuộc kinh chống lũ giặc Mông - Thát kia bớt được bao nhiêu trắc trở, máu xương.

Công việc vừa xong, Quang Khải liền quay ra mời Quốc Tuấn về đình Ty Huyền ngay cạnh hồ Tịnh Tâm trước cửa cung Ngoạn Thiềm. Ở đó đã có sẵn một bình trà ủ nóng với đủ khay chén. Còn có cả một bàn cờ với quân ngà bày sẵn, như chỉ chờ hai vương tới đàm đạo và giải trí. Hai vương thả ngựa cho chúng tha thảo trên các trảng cỏ quanh hồ, rồi cùng vào Ty Huyền đình. Quang Khải rót trà mời Quốc Tuấn. Xong hai tuần trà, Quốc Tuấn vào

chuyện:

- Ta gặp thượng tướng không phải để bàn việc đại duyệt vào ngày kia.
- Dạ bẩm huynh trưởng, em cũng nghĩ thế - Quang Khải đáp và ông hỏi thêm - Bẩm huynh, chẳng hay kỳ này Thoát- hoan đánh ta bằng ngón đòn gì, huynh đã định liệu cách chống đỡ đến đâu rồi?

Quốc Tuấn trầm ngâm một lúc rồi ve vuốt chòm râu, đoạn ông đáp:

- Trong thế cờ cuồng vọng này, Thoát-hoan không chỉ có đám tốt biên. Mà y dùng tất cả những gì hiện có hoặc có thể có trong tay: xe lệch, pháo lồng, tốt kẹt nách chờ nhập cung...

Vừa nói, Hưng Đạo vừa chọn trong đám quân ngà bày ra ra một thế cờ như ông miêu tả. Đối mặt với thế lực hùng hậu này, phía bên kia chỉ có một xe một mã. Nhưng có lợi thế được đi trước. Đây bàn cờ nhích thêm một chút về phía Quang Khải, với vẻ thận trọng, ông nói:

- Mời thượng tướng! Giả tí như đây là thế trận, là thực lực giữa quân xâm lăng Mông - Thát với Đại Việt ta. Tôi xin chọn phía quân ít - Nói rồi Quốc Tuấn nhắc luôn quân xe chiếu vỗ mặt tướng bên kia.

Quang Khải xuất tướng, Quốc Tuấn lại chiếu bồi thêm nước mã quì. Hai vương bắt đầu vào cuộc tỉ thí từ khoảng nửa cuối giờ thân, đánh tới gần trót giờ dậu, cho tới khi trời tối đặc không còn trông thấy gì nữa, các vương vẫn cứ đánh tiếp. Lúc này không nhắc quân nữa mà đánh bằng lời. Khởi đầu, Quang Khải cho đây là cách Quốc Tuấn khai mào câu chuyện, ông đánh cầm chừng. Sau thấy Quốc Tuấn có vẻ toan tính nghiêm trọng lắm, khiến thượng tướng cũng phải dè chừng. Và ông nhập cuộc lúc nào không biết. Quốc Tuấn tuy có thay đổi nước chiếu, cách chiếu để lừa Quang Khải, nhưng không ngại chiếu. Quang Khải phát bực lên vì quân đông, thế vững nhưng không tài nào giành nổi một nước để tiến công. Chỉ cần một nước thôi, là ông thắng. Cứ giằng dai như vậy sang giờ tuất, nhân lúc Quang Khải sơ hở, Quốc Tuấn đi nước chém tốt chiếu tướng.

Quang Khải ngừng đánh và hỏi:

- Bẩm huynh, nếu đánh tiếp thì huynh thắng hay đệ thắng?

Quốc Tuấn nói với giọng trầm trầm:

- Còn tùy theo cách đánh của vương đệ, nếu vương kiên nhẫn không mắc vào sơ hở nữa thì không thua, nhưng ta cũng khó thắng. Vì rằng ta mới chỉ tạo được thế, song lực của vương đệ còn vững lắm.

Một cái gì đấy vụt lóe ở trong đầu khiến Quang Khải rùng mình và bật thành câu hỏi:

- Bẩm huynh trưởng, có phải đây chính là chước thuật của huynh trưởng đem ra kinh chống Thoát-hoan?

- Phải? - Quốc Tuấn đáp gọn lỏn.

Một chiến lược thoáng hiện ra rất mau trong óc não thượng tướng Trần

Quang Khải nhờ thông qua một thế cờ mà vị quốc công tiết chế vừa trình bày với ông rất mực tế vi. Điều đó có nghĩa là thế quân của Thoát-hoan vô cùng hùng hậu. Khi tràn vào cõi ta, chúng chỉ mong tìm ra lực lượng chính yếu của quân ta để giao tranh, tiêu diệt, kết thúc thắng lợi chiến cuộc cho thật nhanh. Nói cho cùng thì không một đội quân xâm lược nào không có mong muốn đó. Còn về phía ta, binh lực so với quân Nguyên, yếu hơn nhiều. Cho nên phải tránh va chạm lớn. Phải nghi binh, phải che tai, bịt mắt quân thù, khiến chúng có muốn tiến binh cũng không thể tiến được, muốn đánh không biết đánh vào đâu. Quân xâm lược đi xa, biết bao khó khăn, càng ở lâu trên đất địch, lòng quân càng sinh biến. Với quốc công, bên ta chủ yếu là phải bảo toàn được lực lượng; nhằm sơ hở của địch mà đánh. Kẻ địch muốn đánh nhanh, ta đánh nhẩn nha; kẻ kia muốn đánh lớn ta đánh nhỏ. Khi đã buộc địch phải theo ý ta, thời trước sau chúng cũng thất bại. Thật là cao kiến. Đây chính là phương thuật lấy nhỏ đánh lớn, lấy quân ít thắng quân nhiều. Khi hiểu rõ Quốc Tuấn muốn tâm truyền bí thuật binh pháp của ông, Quang Khải thấy lòng mình se thắt lại. Đúng là bấy lâu ông chưa hiểu hết tầm lòng cao khiết của người anh thúc bá. Niềm xúc động chân thành dâng lên, khóe mắt ông tự nhiên ứa lệ. Trong đêm tối, Quốc Tuấn không nhận ra điều đó. Chợt Trần Quang Khải nói, giọng run run:

- Em xin bái phục huynh trưởng. Và ông sụp lạy - Quang Khải, một con người thông tuệ, dũng lược, chín chu chưa tỏ lộ một điều gì sơ xuất trong thuật trị nước, thuật bang giao và cả thuật cầm quân nữa. Hành vi này của ông đối với Quốc Tuấn, không phải là hành vi do lý trí chi phối, mà đó chính là tấm lòng của ông. Ông đã tâm phục.

Quốc Tuấn vội đỡ Quang Khải dậy, bằng giọng đầm ấm, ông nói:

- Vậy là vương đệ hiểu lòng ta, hiểu kẻ của ta. Đa tạ! Đa tạ ! - Từ nay, ta có thể coi em là người tri ngộ. Trước khi vào đại cuộc, vương đệ có điều gì quan ngại nữa không?

- Bẩm huynh trưởng, điều lo nhất của em được huynh trưởng gỡ bỏ qua một thế cờ.

Giây lâu Hưng Đạo lại nói:

- Chúng ta thân làm tướng nên có thể miễn cảm được với thế trận, chớ như thượng hoàng, ta lo ngại vẫn còn e ngại cha con Hốt-tát-liệt lắm. Ngại là đúng. Chỉ có những kẻ mù lòa, mới không thấy hết sức mạnh đảo hải di sơn của đạo quân hùng hổ, sắp tràn vào cõi ta nay mai. Song chúng không hoàn hảo tới mức khiến ta phải khoanh tay thúc thủ. Bởi thế, vương đệ nếu có cơ hội nên thừa lại với thượng hoàng cho cạn nhẽ. Chỉ khi nào ngại cùng quan gia đều vững dạ, thời chúng ta mới yên tâm vào trận được.

Điều Hưng Đạo băn khoăn, đã có lần ông nói với vua Nhân tông, để trong tình cha con thân cận, nhà vua bàn bạc với thượng hoàng tiện hơn. Nay, lại

một lần nữa, ông bày tỏ với thượng tướng. Hóa ra một trong những điều Hưng Đạo quan hoài nhất, là làm sao cho những người giữ thể nhân chủ phải có lòng tự tin. Tin vào mình. Tin vào kẻ thuộc hạ dưới quyền. Tin vào thần dân. Nếu không, đất nước tới lúc gặp phải những khúc quanh nguy hiểm, sao họ đủ dũng lược leo lẻo con thuyền quốc gia cập bến bờ đắc thắng.

Nghe Quốc Tuấn nói điều ông quan ngại, Quang Khải lấy làm hợp ý. Vì ông thường được nghe Thánh tông bày tỏ lòng thương dân vô tội, sẽ là mối ngon cho lũ điều quạ Thoát- hoan, nếu như quân triều đình không cản được giặc từ ngoài biên ải. Thánh tông cũng thường kể về tính hung dữ hơn loài ác thú của cha con Thành-cát-tur-hãn, của quân Thát-đát cuồng khát. Rằng khi Thành-cát-tur-hãn đánh chiếm các công quốc của người Nga-la-tur, bị họ chống cự mãnh liệt. Tiếp đến khi quân Thát-đát phá vỡ được thành trì, tiến thẳng vào kinh đô của họ. Chúng bắt gọn được cả triều đình từ vua đến các đại thần, các vương tôn, công tử khoảng hơn năm trăm người. Thành-cát-tur-hãn ra lệnh chôn họ vào lòng đất như chôn các hàng cột gỗ để nâng một bụi sàu cực lớn. Trên đó, quân chiến thắng bày yến tiệc, ăn uống thỏa thuê, nhảy múa điên cuồng. Rồi chúng hất tung các tấm ván sàu đi, và chém rụng hết năm trăm chiếc đầu người ấy như phạt củ chuối... Kể lại những chuyện này hẳn trong lòng Thánh tông chưa yên lắm trong quyết sách đối với lũ giặc Mông - Thát...

Chợt nhớ điều Quốc Tuấn căn dặn, Quang Khải vội đáp :

- Bẩm huynh trưởng, chính em cũng nghĩ như huynh. Để em lựa lời - Rồi vương gạn hỏi:

- Bẩm huynh, từ nay tới khi Thoát-hoan vào tới cõi bờ ta, chắc còn nhiều việc quan yếu phải cấp kỳ khai triển. Em chỉ muốn hỏi, ngoài điều huynh vừa bày tỏ, còn có điều gì vương vẫn khiến huynh phải bận tâm nữa không? Thật tình, Quang phải chỉ muốn Quốc Tuấn chuyên tâm lo việc lớn.

Đoán giây lâu, Hưng Đạo nói:

- Chẳng giấu gì vương đệ. Em hiểu ruột gan ta rồi đó. Nói rằng ta lo cũng được. Nhưng nói ta thiết tha mong muốn thì đúng hơn. Ta mong sao trong công cuộc kinh chống giặc dữ cam go này mà vua tôi đồng lòng, anh em hòa mục thời mới tạo dựng được cơ may thủ thắng.

Quang Khải không đáp. Ông nắm lấy bàn tay Quốc Tuấn. Người ông run lên vì xúc động. Đúng lúc một đội kỵ binh lướt tới, trong tay mỗi viên kỵ binh là một ống hồng sáng rực cả bờ hồ.

Hai vương đều biết họ đi tìm mình. Và hai con ngựa đang đứng chầu vào đình Ty Huyền tự lúc nào, các vương đều không để ý. Chia tay lên ngựa, Quang Khải còn nói theo:

- Mai sớm, em sẽ lại thăm chu sở của huynh trưởng.

Đêm ấy Quốc Tuấn ngủ ngon lắm. Bởi ông đã làm được một việc bấy lâu

ông hằng canh cánh. Rằng các người trong ngành thứ, từ Thánh tông đến Quang Khải đều ngỡ rằng ông sẽ thoán đoạt ngôi cao. Suốt mấy chục năm, ông giữ mình như giữ một đồng rơm khô bên cạnh một lò lửa, sao cho lửa không bén vào rơm.

Bằng các việc làm nghiêm chính của mình với dân, với nước, biết liệu trước, lo sau, nhìn xa thấy rộng. Tới nay cha con, anh em Thánh tông đã hiểu rõ được lòng ông. Sở dĩ có sự hiềm nghi ấy, là bởi cha ông - Yên Sinh vương Trần Liễu, vì u uất trong các việc mà xưa kia Trần Thủ Độ bức bách. Tới khi hấp hối, ông cho gọi Quốc Tuấn vào cạnh giường, nắm lấy tay con mà trời trăng rằng: “Mày mà không vì cha lấy được thiên hạ thì cha chết không nhắm mắt”.

Việc trời trăng ấy sau vỡ lở, nên anh em trong hai ngành trưởng, thứ đâm hăm hè nghi kỵ, và trăm quan trong ngoài đều có ý nghe ngóng cả. Đứng đầu hai thế lực của hai ngành cả nước đều biết, chỉ có hai người: Trần Quốc Tuấn và Trần Quang Khải.

Mấy năm gần đây triều đình nhà Nguyên rộng hành khinh thị Đại Việt quá đáng, họa xâm lăng xảy ra chỉ trong sớm tối. Quốc Tuấn một mặt lo cho binh mạnh, dân giàu, một mặt lo cho nội tình đất nước, nhất là trong gia tộc phải hòa thuận, bỏ hết mọi điều tị hiềm, dộc lòng vì nước. Ông đã làm mọi cách để gỡ bỏ mối lo đó. Nay tới Quang Khải nữa, là nút thắt buộc chính yếu cuối cùng, ông cũng vừa gỡ bỏ được. Vì thế mà lòng ông thư thái, tâm hồn trong lặng, và ông đã ngủ một giấc ngủ yên bình như một đứa trẻ ngủ trong nôi ấm.

Lúc tỉnh dậy thì trời đã mờ sáng, lâu lắm Hưng Đạo mới lại có được một giấc ngủ muộn như thế. Lòng sáng khoái, chân tay nhẹ bỗng, ông cảm thấy sức lực tràn trề, bèn sai đám thư nhi đem cho ông thanh đại đao ra phía sau nhà đại bái. Tầm thân to lớn với đôi tay rắn chắc, ông sử dụng đại đao lanh lợi như người ta dùng chiếc que cời bếp mà múa may vậy. Các đường đao của ông khi tiến công thì như vũ bão; khi thủ thế thì uyển chuyển như hoa rơi tuyết rụng, bao kín toàn thân, tới mức có vốc cả một vốc sỏi ném vào ông, cũng bị thanh đại đao kia gạt ra hết. Hưng Đạo chưa so đao với ai nhưng ai cũng suy tôn ông là một tay đao, thương, quyền trượng vào bậc nhất Thăng Long.

Khi trở về nhà đại bái dùng trà xong, ông đi thẳng ra nơi đồn trú của chu sư. Mặt trời lên cao chừng ba trượng, thượng tướng quân Trần Quang Khải thân dẫn một đội khinh thuyền, chiếc đi đầu cắm lá cờ hiệu có đề ba chữ "Chiêu Minh vương" thẳng tiến tới chu sư của Trần Hưng Đạo.

Hai vương làm lễ tương kiến xong thì trà nô của Hưng Đạo dâng trà. Đã vào tiết trung thu, nên Hưng Đạo sai pha trà kim cúc.

Sau đó, hai vương cùng đi xem xét nơi đồn trú các chiến thuyền trong đội

thủy binh của Trần Hưng Đạo. Trước đông đảo tướng lĩnh và sĩ tốt, hai vương đứng áp sát vào nhau trò chuyện tươi cười, khiến ba quân cùng vui lây niềm vui của chủ tướng. Vòng hết một lượt, hai vương lại trở về nơi chu sư đồn đóng, mặt trời đã lên tới đỉnh đầu, lúc này quân sĩ đang tập luyện. Cứ từng đô quân một cỡi trần, đóng khố, người nào cũng to khỏe, da đỏ sẫm pha màu chàm như một khối sắt nguội, bởi bụng, hai bắp đùi và sau lưng đều sẫm hình các loài thủy quái như thường luồng, giao long. Họ bơi trong nước, khiến ta có cảm giác đây là một loài thủy tộc hùng mạnh, kiêu như lính ngự lâm của hải long vương vậy.

Sinh ra và lớn lên trong các vùng sông, biển, lại luyện tập kỹ càng trên các địa bàn sông nước, đầm lầy, nên đám thủy quân này vượt sông với đủ thứ binh khí, lương thảo mà không cần cầu phao, không cần thuyền vẫn có thể tạo ra nhiều tình huống bất ngờ, khiến kẻ địch phải kinh hồn khiếp đảm.

Nhìn họ tập, hai vương mỉm cười hài lòng.

Mặt trời càng lên cao, cái nắng mỗi lúc một thêm chói chang hơn. Hai vương vẫn đứng phoir người trước mũi thuyền, mồ hôi chảy ròng ròng trên trán và trên cả hai bên thái dương.

- Vương đệ có tắm không?

Quang Khải lắc đầu:

- Chẳng giấu gì huynh trưởng, em thuở nhỏ hay quật quẹo. Nhũ mầu cứ tắm nước nóng mãi đâm quen, mất nếp, nay không tắm được nước lạnh.

Quốc Tuấn ghé tai tên lính trạo nhi nói nhỏ: "Người vào trong khoang nấu nước lá thơm để ta tắm cho thượng tướng". Rồi ông quay lại nói với Quang Khải:

- Thượng tướng tắm sau, xin cáo lỗi, ta phải xuống hụp lặn với đám binh sĩ này.

Nói rồi ông cởi bỏ võ phục, và cũng chỉ một manh khố. Thân hình Trần Quốc Tuấn nở nang cân đối, các bắp thịt tay chân ông nổi cuộn lên thành múi, như đô vật lúc gồng người giữ thế. Thân thể ông không sẫm đặc như đám sĩ tốt, mà chỉ có mỗi hình hổ phù sẫm kín vùng ngực. Cái đầu hổ phù sẫm trên lồng ngực y hệt đầu hổ phù thêu trên áo. Chỉ khác là裳 này sẫm sâu vào da thịt với màu chàm sẫm, còn hình trên áo thì thêu nhiều màu sắc sỡ. Quốc Tuấn bơi nhanh, lướt đi nhẹ như một chú cá kình, đôi lúc hụp lặn lâu như một con giải.

Ngoi từ mặt nước lên, Quốc Tuấn leo phất vào thuyền. Cũng vừa lúc tên lính trạo nhi ra bẩm: "Nước thơm đã nấu xong". Ông liền vẫy tay cho đám lính khiêng thùng nước tắm vào khoang giữa. Rồi ông chạy lại kéo tay Quang Khải:

- Mời thượng tướng đi tắm.

Quang Khải không nề hà, ông trút bỏ bộ võ phục thượng tướng, rồi đi thẳng

ra nơi có thùng nước thơm đang bốc khói. Mùi lá sả, lá hương nhu, lá bưởi lại pha thêm chút dầu hồi quen thuộc, khiến Quang Khải nhớ đến chậu nước mà nhũ mẫu thường tắm gội cho ông hồi nhỏ. Không cưỡng lại lời mời của Quốc Tuấn, bởi trong thâm tâm ông cũng tự thấy: đây không phải là cuộc tắm gội thông thường, mà chính là cuộc hóa giải mối hận cừu giữa hai dòng trưởng - thứ, do các bậc cha ông để lại. Quang Khải nói to giữa đám đông tướng sĩ tò mò nhìn anh em ông tắm tấp cho nhau:

- Xin Quốc công tắm giùm thân cáu bẩn.

- Chẳng mấy khi được tắm cho thượng tướng - Hưng Đạo đáp lời Và ông kỳ cọ cho Quang Khải thật tỉ mỉ, từ đường sống lưng, hai cánh tay, bắp đùi và cả những chỗ kín của cơ thể thượng tướng. Cử chỉ ông vừa chăm bẵm, vừa thân tình, khiến đám tướng sĩ của hai phủ Quốc công và phủ Thái sư đều hết sức kinh ngạc.

Đúng lúc thuyền ngự đi thăm các thủy trại cũng vừa tới. Trần Nhân tôn khẽ kéo tay sử quan Lê Văn Hưu hỏi:

- Có phải mắt ta bị lóa nắng chẳng, Lê sử quan nhìn kỹ giúp ta xem có đúng là Quốc công đang tắm cho Thượng tướng không?

Lê Văn Hưu căng mắt nhìn vào chiếc thuyền phía trước chỉ còn cách vài trượng, thấy không phải nhà vua lóa mắt, mà đó chính là sự thực. Ông đáp:

- Tàu thượng hoàng, đó là cảnh thực. Rồi ông mở luôn tráp lấy giấy bút, chép sự việc đúng như nó diễn ra mà ông được thấy vào quốc sử. Và ông nghĩ: Đây không chỉ là việc quốc công tắm cho thượng tướng hoặc Quốc Tuấn tắm cho Quang Khải, mà là sự tẩy rửa mối cừu hận, khôi phục tình thân nội tộc. Vượt lên tất cả là sự hóa giải cho những tướng lĩnh dưới quyền của hai phủ, và các vương hầu trong cả nước, thường quan hoài đến sự mất mớ âm ỷ giữa hai phủ và hai ngành trong hoàng tộc, từ mấy chục năm nay. Đây không phải là cuộc tắm gội bình thường, mà là một nghiã cử cao cả và đúng lúc, đúng thời của các bậc đại trí. Nghĩ vậy, nhưng Lê Văn Hưu không chép lời ông vào quốc sử. Bình sinh, ông không bao giờ chen lời bàn của riêng mình vào sử sách, bởi ông cho việc làm đó sẽ gây cho sự cảm thụ của đời sau, về các biến cố đương thời có thể rơi vào sự nhầm lẫn, khó bề minh định. Việc xuất hiện bất ngờ của nhà vua khiến hai vương hơi lúng túng. Nhưng Nhân tôn chỉ kính cẩn đáp lễ hai bậc bề trên, rồi sai ngư lâm quân chèo lâu thuyền đi thẳng.

Chứng kiến một sự việc mà trong lòng Nhân tôn bấy lâu mong đợi, khiến nhà vua tràn ngập niềm vui. Tự nhiên lồng ngực ngài ngự đập lên rộn rã, và trong huyết quản thấy râm ran, mặt nóng nóng, làm nước da nhà vua hồng lên, đôi mắt rực sáng. Không ghìm được mềm xúc cảm, Nhân tôn nhìn thẳng vào gương mặt trầm tư của Lê Văn Hưu nói:

- Ta nói điều này không phải để ông chép vào quốc sử. Song thực quả, cử

chỉ thân tình của quốc công và thượng tướng vừa rồi, khiến ta cảm nhận như chính mình được tắm gội từ trong đầu óc. Hành vi đó của hai vương làm ta thật sự tin tưởng vào công cuộc kinh chống giặc Thát nay mai, ta thủ thắng.

- Tâu bệ hạ - Lê Văn Hưu đáp, cuộc đại duyệt ngày mai trong quân sẽ dồn ầm lên sự việc mà bệ hạ cùng hạ thần được chứng kiến hôm nay. Và điều đó, họ không thể lường hết được.

Cuối giờ dần ngày hai mươi tháng tám, các quân được lần lượt gọi vào điều hành tại bãi sông bên Đông Bộ Đầu. Một đài cao dựng giữa khu đất rộng mênh mông, trên đó treo lá đại kỳ màu đỏ rực, có hai chữ Đại Việt màu vàng sẫm. Thấp hơn là lá cờ đuôi nheo có thêu hàng chữ "Quốc công tiết chế".

Trên đài cao, nơi hàng ghế đầu, có thượng hoàng Trần Thánh tông mặc áo hoàng bào, đầu đội mũ bình đỉnh, tay cầm gậy trúc có khắc hình đầu hổ, và chạm hai con rồng leo quần quýt quanh thân gậy vàng óng. Hàng ghế thứ hai, Trần Nhân tông mặc áo long cốn màu vàng, trước ngực thêu hình lưỡng long triều nhật, đầu đội mũ hoàng đế, tay cầm ngang thanh bảo kiếm vó bằng đồng đen nạm vàng, chuôi kiếm bằng gỗ mun cấn ngọc minh châu là báu vật truyền quốc.

Đứng châu ở hàng thứ ba có quốc công tiết chế Trần Quốc Tuấn uy nghi trong bộ võ phục màu tía, đai vàng thêu chim phượng; ngực áo thêu hình hổ phù. Bữa nay Hưng Đạo đeo giáp hộ tâm, nên ngực ông càng đầy đà; đầu đội kim khôi, ngang sườn dắt thanh trường kiếm, nom ông uy nghi lẫm liệt như một vị thiên tướng. Cạnh Quốc Tuấn là quan tướng quốc thái úy Trần Quang Khải, ông đội mũ thái sư, mặc áo thụng tía thắt đai ngọc, tay cầm chiếc hốt vàng.

Tới giờ đại duyệt, ba phát pháo hiệu nổ vang, quốc thiều tấu lên hùng tráng. Dứt âm nhạc là tiếng loa gọi quân tiến vào trong bãi. Loa hét:

- Thân quân! (Quân bảo vệ kinh thành do viên điện tiền chỉ huy sứ cai quản)

Lập tức viên điện tiền chỉ huy sứ dẫn các đạo Thiên thuộc, Thiên cương, Chương thánh, Cung thần, Thần sách rồi đến Thánh dực đô, Thần dực đô, Long dực đô, Hồ dực đô... vào quân trường.

Đạo thân quân đi qua kỳ đài nơi có hai vua, quốc công và thái sư rồi vòng về xếp thành hàng tề chỉnh theo nơi chôn qui định trước.

Loa lại hét :

- Du quân! (Quân của triều đình đi đóng ở các lộ).

Viên tướng thân dẫn quân vào. Đi đầu là Thiết lâm đô rồi đến Thiết hạm đô, Vũ ân đô, Hùng hồ đô...

Quân triều đình đã vào hết, loa lại hét:

- Vương hầu quân! (Quân của các vương hầu trong điền trang thái ấp).

Đây là đạo quân đông đảo nhất của các vương hầu đều lần lượt tiến vào. Mở đầu là quân của phủ Tá Thánh vương Trần Đức Việp, rồi đến quân của phủ

Chiêu Minh vương Thượng tướng Trần Quang Khải.

Tiếp đến là quân của phủ Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc; Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật. Lại đến quân của phủ Tĩnh Quốc vương Trần Quốc Khang; Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn; Hưng Vũ vương Trần Quốc Nghiễn; Hưng Trí vương Trần Quốc Hiến; Hưng Hiếu vương Trần Quốc Uất; Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tảng. Tiếp đến Tuệ Trung thượng sĩ Trần Quốc Tung; phó đô tướng quân Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư; Chương Hiến hầu Trần Kiện; Văn Chiêu hầu Trần Lộng; Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản; Vũ Đạo hầu; Văn Nghĩa hầu; Minh Thành hầu; Minh Trí hầu; Nghĩa Quốc hầu... Tất cả đều lần lượt đưa quân vào đại duyệt. Quân của các vương hầu, gia đồng ở các thôn ấp, thường được phiên chế thành ba đạo: Dục đồng đô, Toàn hầu đô, Sơn lão đô.

Các tướng như Trần Ích Tắc, Trần Nhật Duật, Trần Khánh Dư, Trần Bình Trọng, Phạm Ngũ Lão, Trần Đạo Tái, Nguyễn Khoái... đều đứng lẫn vào trong quân của mình.

Cuối cùng là các đoàn đội trạo nhi (Gồm quân sĩ khiêng kiệu, chèo thuyền, chạy trạm thông báo tin tức, gánh cung tên) lần lượt đi vào trong quân của mình ở quân trường.

Khi đại quân đã tề tựu đông đủ rồi, vua Nhân tôn tiến chéch về bên tả bảy bước, Trần Quốc Tuấn tiến sang bên hữu năm bước, đứng chéch và thấp hơn nhà vua.

Vua truyền:

- “Quốc gia đang cơn nguy biến, giặc Mông - Thát dọa nạt xâm lăng. Nạn binh hỏa chỉ là trong sớm tối. Xét tài thao lược của Hưng Đạo vương tướng quân, năm ngoái trăm đã phong chức:”Quốc công tiết chế thống lĩnh chư quân sự“. Nay trăm ban thêm cho quốc công lá cờ tiết và thanh bảo kiếm truyền quốc này, để quốc công thay trăm điều hành việc quân cơ chống giặc trong cả nước. Ai trái lệnh, quốc công được quyền chém trước tâu sau”..

Vừa dứt lời, vua Nhân tôn bèn trao lá cờ đuôi nheo màu đỏ, tua vàng, góc trên cùng thêu ráng mây năm sắc và quốc ấn màu vàng.

Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn bèn quỳ xuống giơ hai tay đỡ lấy cờ, kiếm vua ban.

Vua Nhân tôn vội đỡ quốc công tiết chế đứng dậy, và nói vài lời ủy lạo trước toàn quân về bản “Dụ chư tì tướng hịch văn”. Đoạn nhà vua sai quan hàn lâm thị độc tuyên đọc.

Quan hàn lâm hấp tấp leo lên đài cao và đọc. Cũng như lúc nhà vua tuyên dụ, có một hạ quan nhắc lại lời đọc thông qua chiếc loa đồng do hai lính thị vệ nâng vừa tầm miệng. Lại có tám chiếc loa đồng nữa đặt ở bốn phương chính đông, chính tây, chính nam, chính bắc và ở bốn góc; chọn tám người có giọng đọc tốt và có sức truyền cảm đồng thời nhắc lại từng lời quan hàn

lâm vừa xướng.

Tiếng hịch phát vang như tiếng chuông đồng dón dả. Lời hịch như lời sấm truyền, thức tỉnh tận sâu thẳm lương tri từng người, khích lệ họ phải biết tôn quý và giữ gìn mảnh giang sơn gấm vóc do tổ tiên tạo dựng, và truyền lại cho đời đời con cháu. Hàng chục vạn quân, muôn người như một, đều yên lặng lắng nghe. Sau mỗi giây, tiếng loa dừng, không khí im phăng phắc, mãi cuối hàng quân người ta còn nghe được cả tiếng lật giấy của quan hàn lâm thị độc, và tiếng ậm ề lấy giọng của ông.

Thượng hoàng Trần Thánh tông lấy làm đẹp ý, vì thế quân đã nổi. Các loại binh khí như ngài đòi hỏi quan công bộ Nguyễn Hiền tại đại hội Bình Than, như song sảo pháo, ngũ sảo pháo, nổ liên châu... thấy đều đã thấy có trong quân. Sĩ tốt đều khỏe mạnh, binh khí sắc nhọn, đầy đủ. Các lộ, trấn, các vương hầu, thái ấp không một nơi nào chậm trễ và thiếu vắng trong cuộc hội quân này. Đủ tỏ lệnh của triều đình đã thấm nhuần cả trong quân, trong dân; đủ tỏ tài nghệ điều khiển ba quân của quốc công tiết chế là mẫn nhuệ, thao lược.

Tiếng loa vẫn vang vang, lời lời thống thiết:

“Ta từng đến bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, nước mắt giàn giụa, lòng dạ như dần, vẫn căm giận muốn ăn thịt nằm da, nhai gan uống máu quân giặc. Dầu trăm thân ta phơi ở đồng nội, dầu nghìn xác ta bọc trong da ngựa, cũng nguyện xin làm...”.

Cả rừng quân vẫn im phăng phắc như nuốt lấy từng lời hịch. Quốc Tuấn và Quang Khải đều lướt nhìn các gương mặt binh sĩ đang chăm chú hướng về kỳ đài, hướng về những chiếc loa đồng sáng bóng. Gương mặt họ vừa cháy lên niềm kiêu hãnh, vừa phảng phất nét u buồn pha phần căm giận, và chợt những giọt nước trong trẻo như nước suối Cam Lộ đang nhều ra, và lăn trên hầu hết các gương mặt dầu dãi gió sương kia.

Các vị trụ cột của vương triều đều cảm nhận thấy binh sĩ đã biết lo cái lo của bậc tôn trưởng, và ngậm yên tâm rằng thế quân đã nổi.

Cuộc đại duyệt toàn quân này đã làm nao nức lòng dân, lòng quân từ mấy tháng nay. An Tư công chúa cũng nao nao mong đợi. Nàng băn khoăn không biết các đồ đan lát thêu thùa của cung An Tư sẽ biếu tặng cho ai. An Tư nghĩ, nếu Chiêu Thành vương của nàng không trực tiếp cầm quân, thì nàng sẽ tặng các thứ quân dụng kia cho đội tinh binh của Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản. Hoài Văn hầu vừa là cháu ruột Chiêu Thành vương, vừa là gã thiếu niên có chí khí anh hào, từng nổi tiếng từ Đại hội Bình Than, mà khắp vương triều không ai không mến mộ. May thay, giữa lúc nàng đang phân tâm thì nghe có lệnh quốc công gọi chàng về, và giao cho trọng trách đứng đầu thánh dực đô. Có nghĩa rằng chàng được quốc công tin cậy giao cho việc điều hành đạo quân bảo vệ hai vua. Cơ may đã đến, nàng đem hầu hết

số giỏ đựng tên và khăn thêu tặng cho đạo quân của chàng. Hôm nay, nàng không được vào trong kỳ đài, nhưng ngồi trên kiệu ở mép quân trường, nàng nom rõ Chiêu Thành vương của nàng oai phong trong bộ võ phục, và cười trên lưng con "Hắc long" đi cạnh hàng quân, sao chàng kiêu dũng thế, đáng yêu thế. Lại chiếc khăn nàng thêu tặng chàng với cả bài thơ, chàng buộc vào đốc kiếm kia, phải chăng chàng tỏ lòng kiêu hãnh với mọi người, hay ngầm báo: lòng chàng yêu quý ta. Nàng cũng đã bày tỏ và được chàng cho phép, số giỏ đựng tên còn lại với tất cả số áo ấm, chăn mền, nàng sẽ tặng cho đạo quân của Trần Quốc Toản. Chỉ sau ngày đại duyệt này, nàng sẽ thân đến thăm Hoài Văn hầu và trao biểu các tặng phẩm của cung An Tư. Ngồi trong chiếc kiệu sơn màu anh vũ có chạm những con chim phượng sơn màu trắng, buông rèm the, công chúa An Tư còn nhìn thấy cả Trần Đạo Tái và chàng trai người Man nàng đã gặp trong vùng sơn trại trên Tản Viên. Nàng cũng nhìn thấy cả mấy tên trong sứ đoàn nhà Nguyên cười ngửa đi nhón nhác quanh quân trường. Mấy đứa mặt mày có vẻ ngơ ngác, như là một sự lạ về đạo quân đông đúc và dũng mãnh này của Đại Việt. Dường như lũ này không còn tin vào mắt chúng nữa. An Tư thầm nghĩ: "Tại sao quốc công không sai người ngăn lũ chó này lại, cho nó đỡ đánh hơi tìm mồi". Nàng lại nghĩ: "Hay quốc công muốn qua miệng lũ đòi nợ này tâu về cho cha con Hốt-tát-liệt. Rằng Đại Việt đang sửa soạn binh khí, lương thảo để "đón" quân Mông - Thát, như lời Hốt-tát-liệt vẫn hù dọa?". Đang mãi mê theo đuổi hình bóng Chiêu Thành vương và thả hồn phiêu diêu suy tưởng, thì lời hịch tới hồi thống thiết, khiến mạch suy nghĩ của An Tư chợt dừng.

“Giặc Mông-Thát là kẻ thù không đội trời chung, bọn các người cứ điềm nhiên không nghĩ rửa nhục, không lo trừ hung, mà lại không dạy quân lính, thế là trở giáo đầu hàng, tay không chờ giặc, để cho sau khi dẹp loạn, muôn đời để nợ, còn mặt mũi nào mà đứng trong cõi trời che đất chở nữa? Cho nên ta muốn các người biết rõ lòng ta, mới viết ra bài hịch này”.

Lòng nhi nữ bị lời hịch hút cuốn, nàng cảm nhận như huyết quản mình sục sôi, và muốn cầm lấy một thứ binh khí mà ulla xông vào với đoàn quân kia ra chiến trường, dù da ngựa có bọc thây cũng không hề nản.

Bỗng đâu đó trong quân có tiếng hô "Sát Thát!". Thế là đoàn quân hàng chục vạn người kia hô theo: "Sát Thát!", "Sát Thát!". Và tất cả dân chúng kinh thành đứng vây quanh quân trường đều hòa giọng hô: "Sát Thát!".

Tiếng "Sát Thát!" thét vang trời. Dường như cả Thăng Long: Sát Thát! Sát Thát! Sát Thát! S...át Th...át!... Dường như cả Thăng Long nổi giận!

CHƯƠNG 19

Sau ngày hội quân với ngụ ý biểu giương lực lượng, thống nhất ý chí bảo vệ bờ cõi, gương mặt phố phường Thăng Long dường như đổi khác. Theo lệnh quan đại an phủ sứ của kinh sư, các viên câu đương cùng các bậc trưởng nghề ở các phường đã hội họp toàn dân trong phường để bàn việc giúp quân đánh giặc. Mở đầu là phường Lò Rèn, nhận đem tất cả số sắt có trong các lò bể của mỗi nhà, rèn đúc thành khí giới để cấp cho dân binh trong phường; số còn dư hiến cho các vệ quân bảo hộ kinh thành. Ngoài ra, phường Lò Rèn còn nhận đúc binh khí giúp các phường khác, không lấy công...

Phường Hàng Buồm, các nhà góp vải may một trăm lá buồm, cung hiến cho quân thủy. Và nhận may buồm không lấy công cho bất cứ vệ nào, quân nào cần may. Phường Hàng Vải, mỗi nhà đều hiến vải để may đủ mười chiếc áo ấm cho binh sĩ. Nhiều nhà giàu có, còn may đủ áo ấm cho cả một quân.

Phường Hàng Chĩnh, các nhà gom hết số chum to vại lớn để chia cho các phường tích chứa lương khô, phòng khi quân sĩ vắng lại dùng đến. Lại số gạo sấy khô của quốc khố gửi trong nhà dân từ ba bốn năm nay, dân cũng xin được đổi hạt kéo để lâu ngày không còn dùng được nữa. Đại khái những việc giúp quân hoặc lập ra các đội dân binh, dân phòng, ngựa khi giặc đến là có thể ứng phó được ngay, dân kinh thành đều nhất đán làm trước các lộ, các trấn trong toàn cõi.

Lại nói về sĩ tốt, sau khi nghe xong lời "Hịch", tinh thần trong quân đội như một bể dầu sôi, ai nấy đều sẵn sàng xả thân vì nước. Lòng căm giận quân giặc dữ phát khởi, khiến nhiều đám lính tụ tập nhau thích hăm hai chữ "Sát Thát" lên cánh tay mình. Trước còn lác đác, nhưng chỉ vài ngày sau, sĩ tốt trong quân hầu như không một người nào lại không có chữ "Sát Thát" màu chàm bên cánh tay mặt. Ấy là người lính tự biểu hiện lòng tức giận của mình đối với quân Mông-Thát. Ấy là người lính tự bày tỏ lòng trung với nước. Việc thích chữ thật không dễ. Vì trong quân ít người biết chữ. May ra trong một đô, chỉ có viên đô trưởng biết ít chữ nghĩa. Do vậy, quân lính phải xếp hàng chờ đến lượt được viết hai chữ bằng mực tàu lên cánh tay. Đợi cho mực khô họ mới sấm lẫn cho nhau. Cánh tay người lính nào cũng rỉ máu. Và họ kiểm tìm các lá có chất nhựa chàm, xát đi xát lại trên da cho nhựa thấm đẫm các lỗ kim châm trong da thịt.

Đường phố lính tráng đi lại nhộn nhịp, họ đổ về các chợ Cầu Đông, phường Hà Khẩu để mua kim. Hoặc kéo nhau vào các dải rừng ven hồ Dâm Đàm để

kiếm tìm các loại lá chàm.

Cũng sau ngày hội quân, quốc công tiết chế Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn đã điều binh và cắt cử các tướng trấn giữ những miền trọng yếu trong nước. Nhất là vùng Lạng Châu, binh lực được tăng thêm dọc các đồn ải cho tới Chi Lăng. Điện tiền Phạm Ngũ Lão và một số tướng như Hưng Vũ vương, Hưng Trí vương, Hưng Hiếu vương, Hưng Nhượng vương, phó đô tướng quân Trần Khánh Dư cùng nhiều tướng khác được điều lên trấn suốt một dải dài biên thủy phía bắc và vùng biên đông. Quân quân Nguyễn Lộc là một thổ hào có thế lực cũng được Hưng Đạo sai trấn ở châu Thất Nguyên (Vùng đất thuộc huyện Trảng Định Lạng Sơn ngày nay).

Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật trấn giữ lộ Đà Giang. Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc cùng Văn Chiêu hầu Trần Lộng chẹn giữ vùng Tam Đái là cửa ngõ phía tây bắc của kinh thành Thăng Long. Thượng tướng thái sư Chiêu Minh vương Trần Quang Khải, lưu trấn tại kinh sư, có Chiêu Thành vương và tiểu tướng quân Trần Quốc Toản phụ trấn.

Tĩnh Quốc vương Trần Quốc Khang cùng một số tướng khác như Trần Đạo Tái, Trần Kiện đặc trấn mặt nam, ngăn giữ không cho quân của Toa-đô đóng ở vùng Ô Lý, Việt Lý, Chiêm Thành đánh tràn qua vùng đất Nghệ An.

Các tướng Trần Bình Trọng, Nguyễn Khoái cùng quân thủy, chẹn các mặt sông bao quanh kinh thành. Vùng Bình Than - Vạn Kiếp sẽ là nơi ác chiến với quân Mông - Thát, cũng được quốc công điều quân các lộ khác về hợp trấn. Đại bản doanh của Trần Hưng Đạo đóng ở ải Nội Bàng (Vùng đất thuộc huyện Lục Ngạn Bắc Giang) để ngăn giặc và tiện việc chỉ huy, điều động toàn quân.

Lại nói về việc truyền "Hịch". Sau ngày đại duyệt toàn quân, các xuất nạp quan của triều đình đã về tận các trấn, lộ kể cả các đạo xa xôi trên biên thủy phía bắc đề khẩu truyền. Các trấn, lộ, đạo lại truyền về các châu, quận. Các châu, quận truyền về đến xã, thôn, ấp. Suốt ngày đêm, tiếng "Hịch" truyền rộn ràng trong khắp cõi. Từ kinh thành đông đúc tới thôn cùng xóm vắng, cả các vạn chài heo hút trong các đầm rạch cho tới các dân tận rừng sâu núi thẳm, không ở đâu người dân không được nghe tiếng "Hịch" truyền.

Lời "Hịch" như lời nguyên sắt đá của muôn dân, thề cứu mảnh giang san gấm vóc, do tổ tiên để lại cho cháu con Lạc- Hồng. Lời "Hịch" không bay theo gió mà đọng lại trong máu thịt, trong tim óc từng người. Lời "Hịch" hùng tráng thiết tha như hồn thiêng sông núi từ ngàn xưa gọi về, khích lệ lòng người với tinh thần tự trọng cao vời: "NINH THỌ TỬ, BẤT NINH THỌ NHỤC" (Thà chết chứ không chịu nhục).

Thường ngày trong các làng bản, người già có chữ nghĩa lại đọc rồi giảng giải các điều sâu kín trong "Hịch văn" cho cháu, con nghe hiểu. Lời "Hịch" cứ được nhắc đi nhắc lại mãi như thế trong quân, trong dân, khiến không

một ai có thể nguôi quên lòng trung với nước, mà voi vợi nổi oán hờn quân Mông - Thát.

Chia quân chẹn giữ các ngã thủy, bộ xong, hai vua Trần Thánh tông, Trần Nhân tông thường lui tới ủy lạo quân dân trong nước. Nhất là vua Nhân tông, sức trai tráng, lòng đầy nhiệt huyết, ngài muốn đích thân dò tìm sự nghĩ hiểu của người dân, người lính như thế nào với cuộc đời lịch sử sắp diễn ra giữa quân dân Đại Việt cùng quân Mông - Thát xâm lăng. Khi thì ngài xúc tiếp với các người dân tận nơi sâu vắng, hoặc với đám quân thú chốn biên thùy. Khi thì với cương vị một hoàng đế, khi thì giả trang vi hành lẫn vào trong dân, trong quân nghe ngóng hoặc luận bàn. Hết thấy những điều Nhân tông nghe được đều làm nhà vua hài lòng, bởi không có một người dân nào lại tỏ ra run sợ trước sức mạnh của quân thù. Vậy là triều đình đã cố kết được lòng dân. Việc còn lại chỉ là đánh giặc, giữ nước. Nhưng đánh thế nào để vừa thủ thắng, vừa không thiệt hại nhiều lắm tới máu xương binh sĩ, ngăn sao không cho giặc tàn sát đám lê dân. Càng căm giận quân giặc dữ bao nhiêu, nhà vua lại thương đám dân chúng và sĩ tốt bấy nhiêu.

Trong khi Nhân tông bận mãi đốc thúc việc quân, việc lương, thì Thánh tông lại chuyên lo việc bang giao với nhà Nguyên. Phương sách của ngài là còn nước còn tát. Tức là nếu không ngăn được cuộc chiến, thì cùng gắng làm cho nó chậm nổ ra ngày nào hay ngày ấy. Tranh chiến là một hạ sách, là một chọn lựa cực kỳ bất đắc dĩ. Trong thâm tâm thượng hoàng Thánh tông vẫn nghĩ Hốt-tát-liệt lòng tham không đáy, kiêu mạn không cùng. Y vẫn thường nói với sứ thần các nước đến đại đô Yên Kinh rằng: “Ngọn cờ của thiên tử nhà Đại Nguyên trở về phương nào thì phương ấy phải thành tro bụi...”. Cho nên, Hốt-tát-liệt không thể chấp nhận dưới cỡi trời này, lại có một tiểu quốc như Đại Việt dám chống lại sự nội thuộc. Các sứ thần nước ta tới Yên Kinh thường bị Hốt-tát-liệt đập án thét mắng: “Ý ta là ý trời! Chống lại ta là chống lại trời! Ta sẽ cử đại binh bắt cha con Nhật Huyền về bêu đầu trước cửa khuyết. Ta sẽ làm cỏ nước Nam để nêu gương cho những kẻ nào, những nước nào dưới gầm trời này dám trái ý ta. Ta sẽ...”

Thánh tông lại nghĩ: chắc rằng sứ ta trở về không dám nói hết các lời Hốt-tát-liệt lăng mạ vua tôi Đại Việt. Cứ suy ra thì biết, sứ giặc ở Thăng Long còn dám hỗn hào đến nổi vào bệ kiến ta, chúng còn không cúi chào. Xông xáo trong nội điện, nói năng xác xược, khạc nhổ thô bỉ như ở chỗ không người. Chúng hạch sách đủ điều, đòi hỏi đủ thứ quý hiếm khó tìm, khó mua như vuốt hổ, sừng tê, ngà voi, ngọc rắn, mật chuột... Ra đường gặp dân ta, chúng nạt nộ đánh mắng, gây án mạng là thường. Ta đã nhiều phen khuyên dụ dân chúng nhún nhường, hoặc lánh xa bọn chúng. Đại khái những chuyện như thế đám sứ giặc nhãi nhép còn dám làm, huống hồ vua nó mãi tận Yên Kinh thì tiếc gì lời lẽ mạt sát ta, mạ lị ta.

Ấy vậy mà ta vẫn cứ nhịn nhục chống đỡ bằng các biểu chương với lời lẽ kính cần ôn hòa, bằng các đồ sang quý tiến cống Hốt-tát-liệt và đút lót cho bọn sứ thần nhà Nguyên.

Ta biết Hốt-tát-liệt đã cử binh sang xâm lấn, nhưng ta vẫn cố nhún cầu hòa. Tháng bảy vừa rồi ta sai thiện trung đại phu Trần Khiêm Phủ sang hành tỉnh Kinh Hồ xin Thoát- hoan hoãn binh. Đầu tháng tám, ta lại sai Đoàn Ân, Lê Quý sang Yên Kinh trần tình với Hốt-tát-liệt xin bãi binh. Cuối tháng tám, ta tiếp sai Nguyễn Đạo Học sang Nguyên không ngoài mục đích cầu hòa. Tất cả đều chưa có hồi âm. Lòng ta nóng sôi như lửa đốt. Ta biết, sự thể rồi sẽ tan hỏng. Vì rằng ta thì không thể nhịn nhục hơn nữa, mà kẻ kia lại quyết không nhường một ly. Tranh chiến là điều ta không muốn? Ta không muốn nhưng không có một chọn lựa nào khác hơn. Bởi chưng cha con Hốt-tát-hệt buộc Đại Việt ta phải cầm binh khí.

Thánh tông tự thấy bụng nóng khác thường, như báo trước một điềm gì quan yếu lắm. Nhà vua bèn xốc áo bước ra hành lang, mắt đăm đăm nhìn về phía vườn thượng uyển. Chợt một cơn gió tạt qua khiến nhà vua thấy se se lạnh. Biết là tiết trọng đông đã tới. Thánh tông vừa toan trở lại cung, thì một viên quan nội hầu đã hấp tấp bê chiếc áo hồ cừu ra dâng vua. Thượng hoàng định đi dạo về phía vườn ngự uyển cho đầu óc thông thoáng; chợt nghe tiếng vó ngựa lộp cộp, tiếp đó là Chiêu Thành vương với đội quân thánh dực xuất hiện. Đám quân tản ra, còn Chiêu Thành vương tiến lại rạp đầu lạy. Thượng hoàng vừa nâng Chiêu Thành vương dậy thì Trần Nhân tông và Nguyễn Đạo Học tiến vào cúi lạy. Thánh tông phẩy tay miễn lễ. Lòng mừng khôn xiết, ngài nắm bả vai Nguyễn Đạo Học mà lắc, và nói:

- Ta mong khanh quá. Ta lo cho tính mệnh của khanh vô cùng. Thôi thì cũng vì nước cả.

Rồi sẫm sẫm, thượng hoàng đi trước về cung Thánh từ.

Mọi người vừa yên vị xong, Thánh tông liền hỏi:

- Nào, Đạo Học kể ta nghe việc khanh sang sứ nhà Nguyên ra sao? Nhìn vua Nhân tông và Chiêu Thành vương, Thánh tông lại hỏi:

- Quan gia cùng Chiêu tướng quân gặp Đạo Học ở đâu?

Chiêu Thành vương liếc nhìn Trần Nhân tông như ngầm xin lệnh chỉ. Vua Nhân tông phục lạy và tâu:

- Bẩm phụ vương, đức quốc công tiết chế mật báo cho con rằng sứ thần Nguyễn Đạo Học đã được Thoát-hoan cho về nước, cùng với hai tướng người Mông Cổ đem thư của y sang dụ ta. Được tin, con vội cải trang đi cùng tướng quân Chiêu Thành vương lên đón sứ nhà, và cũng là để xem xét việc bố phòng quân cơ trên mạn bắc. Hai tướng Mông Cổ đã có người tiếp rước, chắc nay mai cũng về tới đây thôi.

Nghe con nói xong, Thánh tông hơi nhúu đôi hàng mi đã có mấy sợi bạc

xám, dài rủ cong xuống mắt. Thượng hoàng dần lòng nói với vẻ như an ủi, vẻ như trách móc:

- Thế nước đang nghìn cân treo sợi tóc, cuộc tranh chiến sẽ nổ ra trong sớm tối. Sao quan gia khinh xuất thế. Phải bảo trọng tấm thân muôn quý để dùng cho nước.

Nhân tông cúi đầu tựa như người biết hối lỗi, nhà vua nói khẽ:

- Bẩm, con xin lĩnh ý phụ vương.

- Khanh, nói đi. Thánh tông vừa nói vừa chỉ vào Nguyễn Đạo Học.

- Muôn tâu thượng hoàng, hạ thần đi đến địa giới tỉnh Hồ Nam ít lâu thì gặp tiền quân của Thoát-hoan. Chúng giữ lại và dẫn ngược đường về ra mắt Thoát-hoan mất đúng năm ngày ngựa. Thần bèn dâng thư của hoàng thượng cùng các đồ tiến lễ. Mặt y hăm hăm tức tối, hắt đổ án thư, quát mắng thần không tiếc lời. Y còn thóa mạ cả vương triều ta rồi đe dọa thần ra chém. Bộ tướng của y là Quy-lê (Kulá) và Ta-khai Xa-ric (Tagai-sariq) bước ra can. Y dọa cả hai cận thần kia và cử chúng đem thư sang dụ Đại Việt. Dụ muôn tâu, cứ theo ngu ý của thần thì bọn Thoát-hoan dùng quỷ kế đẩy thôi ạ.

Vua Thánh tông và cả Nhân tông cùng gật gật đầu, vẻ như chấp thuận lời bàn của Nguyễn Đạo Học.

- Thư của Thoát-hoan đâu? - Thánh tông hỏi.

- Muôn tâu, Nguyễn Đạo Học đáp - Thư do hai viên tướng giặc là Quy-lê và Ta-khai Xa-ric cầm. Quan gia sai cho chúng đi cáng, để che tai bịt mắt, lại cũng để cho hành trình chậm lại, chắc rồi ngày một ngày hai sẽ đến Thăng Long. Chúng phải đích thân dâng thư Thoát-hoan lên thượng hoàng cùng các lời nhấn bảo của y.

Hai hôm sau, sứ của Thoát-hoan dâng thư. Trong thư, Thoát-hoan cao giọng răn đe hết sức hỗn hào. Và y buộc triều đình Đại Việt phải: "Chờ lương thực đến Chiêm Thành tiếp tế cho quân Toa-đô. Quốc chủ phải đón Trần Nam vương tại địa đầu biên ải. Mở đường cho quân ta mượn qua đánh Chiêm Thành...".

Mặc dù kẻ kia kiêu hỗn, Thánh tông vẫn một mực mềm mỏng, sai tiếp sứ thật ưu hậu. Thôi thì các món nem công chả phượng không thiếu một thứ gì ngon, quý mà không đưa ra thết sứ. Lại vàng bạc châu báu, lại đồ biếu tặng riêng, nhiều khôn kể xiết. Hai quan chánh phó sứ nhà Nguyên tối mắt lại trước đồng vàng bạc ngọc ngà được biếu tặng, mà quên phắt việc dò tìm manh mối, chấp nổi tin tức xem binh lực của Đại Việt mạnh yếu thế nào, cùng các nơi hiểm yếu đã bố phòng ra sao, thấy đều sao nhãng. Chúng chỉ cốt hưởng trọn các cuộc truy hoan, nào rượu ngon, nhắm tốt, gái đẹp, hát hay, múa giỏi...

Lưu giữ sứ giả tại Thăng Long chừng non nửa tháng thì bọn Quy-lê nhất quyết đòi vua nhà Trần phải có thư phúc đáp Trần Nam vương Thoát-hoan,

và phải chấp nhận các việc như nộp lương, mượn đường...

Trần Thánh tông một mặt an ủi sứ giặc rằng, các việc xin với thiên tử và Trần Nam vương như thế nào, hết thầy đã nói trong biểu; một mặt nhà vua lại sai quan trung lương đại phu Trần Đức Quân và quan triều tân lang Trần Tự Tông mang biểu chương sang sứ nhà Nguyên. Trong biểu nhà vua từ chối: " Nước thần năm trước mất mùa, dân đang đói, nên không có lương phụng thượng quốc. Còn việc đến Chiêm Thành, từ nước tôi, đường thủy, đường bộ đều không tiện"

Trước khi các ông Trần Đức Quân, Trần Tự Tông lên đường, Trần Nhân tông còn lựa lời an ủi:

- Vì mệnh vua, các khanh phải xông vào đất giặc. Chuyến đi này là muôn khó, lành ít dữ nhiều. Kẻ kia đã rắp tâm đánh ta, thì sự cầu hòa chẳng khác gì việc rủi may trên chiếu bạc. Các khanh liệu mà đối đáp, mềm, cứng tùy lúc, tùy thời, nhưng quyết không để nhục cho vua, cho nước như bọn Trần Di Ái năm trước. Các khanh đi rồi, việc cha mẹ, vợ con ở nhà, triều đình sẽ lo chu tất.

Hai quan chánh phó sứ gạt nước mắt mà lĩnh mệnh. Họ cùng lên đường với hai viên sứ giặc trở lại đất Nguyên.

Tin từ Yên Kinh, từ hành tỉnh Kinh Hồ, từ Lương Quảng do bọn Đỗ Vỹ, Đỗ Hựu đưa về tới tấp: "Quân Nguyên ngày đêm đi như nước chảy xuống phía nam. Tiền quân hiện đang ở. . . đang ở.. Việc chúng xâm lấn Đại Việt là điều không tránh khỏi . "

Hai vua Trần Thánh tông, Trần Nhân tông lại cho triệu quốc công tiết chế Trần Quốc Tuấn và thái sư thượng tướng Trần Quang Khải về nội điện bàn quốc sự.

Mở đầu Trần Quốc Tuấn tâu:

- Khí thế trong quân hiện thời là khá thuận cho việc kinh chống giặc Mông - Thát. Lòng căm giận tới mức không ai là không thích hai chữ "Sát Thát" lên cánh tay. Trong dân thì hồ hởi, nhà nhà đều dốc lòng đưa chồng, đưa con xung quân. Nhờ quốc sách của triều đình, khiến người dân đã có ruộng, lại mấy vụ nay được mùa, dân chúng no đủ, dư dật, cho nên chiến cuộc có nổ ra thì mỗi người dân sẽ là mỗi người lính tự bảo vệ thôn ấp. Ấy là nói về lòng người. Còn việc phân bố binh lực, cất đặt tướng tài; trấn, chẹn các nơi hiểm yếu, thần đã làm xong xuôi kín nhem, xin thượng hoàng và bệ hạ yên tâm. Ngừng một lát, nhìn sắc mặt hai vua, Quốc Tuấn nói thêm - còn một việc nữa xin thượng hoàng cùng bệ hạ lượng xét. Tức là khi quân giặc nhất đán tràn vào cõi, không phải bất cứ nơi nào ta cũng đủ quân đủ lực ngăn giữ. Cho nên sức cho dân chúng, nếu thế không ngăn được giặc thì cho phép lần tránh vào rừng rậm hang sâu. Nhưng phải cất giấu lương thực và các đồ vật dụng cần thiết, để khi quân kia có tới cũng không lấy gì mà ăn được. Lại khi

gấp quá chẳng kịp cất giấu thì được phép đốt đi. Kế ấy gọi là "KẾ THANH DÃ" - tức là vườn không nhà trống. Khiến quân thù đi bất cứ nơi nào trong đất ta, cũng như đi trên sa mạc.

Trong khi hai vua rất mực khen ngợi diệu kế của Hưng Đạo vương thì thượng tướng Trần Quang Khải thầm nghĩ: - "Anh Quốc Tuấn quả là một nhân tài kiệt xuất, không phải thời nào cũng có được. Từ "Phủ quốc cường binh sách" đến "Vạn kiếp tông bí truyền thư", từ "Dụ chư tì tướng hịch văn" nay lại đến kế "Thanh dã". Tất cả những mưu thuật đó, cấu thành quốc sách chống giặc Nguyên - Mông của nhà nước Đại Việt mà chỉ xuất phát từ cái tâm của Quốc Tuấn thôi thật là việc thể gian hy hữu.

- "Thanh dã!" - vua Nhân tông nhắc lại hai tiếng đó, và khen - Kế ấy thực dễ làm mà thành tựu thì lớn lắm. Tức là ta hãm địch vào đất chết - Ý chú Chiêu Minh thế nào? - Nhà vua quay ra phía Trần Quang Khải, hỏi:

- Tàu hoàng thượng, thần cũng nghĩ như vậy, Quang Khải đáp, và ông thêm - Thần đang ngẫm về các binh pháp và sách lược của Hưng Đạo vương, đã dâng lên hai vua để cứu nước. Thần cứ nghĩ: hay là Trời cho Đại Việt ta một bậc thần tướng để chống lũ cuồng khấu phương bắc?

Trần Thánh tông vuốt râu cười khà khà - Em ta dễ tính quá, vội quy công cho trời. Ta nói thật, nếu không có Yên Sinh vương tổn công nhọc sức tìm thầy giỏi từ bốn phương về giáo dưỡng; lại nếu không có thượng phụ thái sư Trung Vũ vương sớm nhận ra tài năng của anh Quốc Tuấn mà đưa về kinh sư rèn cặp; và nữa, nếu Hưng Đạo không khổ công trau dồi suốt cuộc đời thì làm sao có được sự kiêm thông văn võ. Âu cũng là mệnh trời! Trời thí phúc cho hoàng triều ta. Có nhẽ ý chú Chiêu Minh đúng chẳng.

Thánh tông dứt lời, mấy anh em chú cháu nhà vua cùng cười vui Riêng Hưng Đạo đỏ mặt, vì các lời khen mà ông cho là hơi quá.

Tiếng cười vừa dứt, không khí trở lại thật là trang nghiêm ủa một cuộc luận bàn về quân quốc trọng sự.

Vua Nhân tông lại hỏi:

- Quốc phụ và quốc thúc có còn kế sách gì thật hoàn hảo cho công cuộc phòng bị đất nước?

Quang Khải bèn tâu:

- Bẩm thượng hoàng, bẩm quan gia, theo ý thần thì các kế sách từ việc binh, việc lương, đến việc bố phòng binh lực, việc bang giao thầy đều đã có phương lược rõ ràng. Thần dân trong nước đều được vỗ về. Đám sĩ tốt và trai trẻ vừa đây lại được lời "Hịch" của Quốc công khích lệ, khí thế đang hăng. Duy chỉ còn các bậc cao niên trong thôn ấp là chưa được vỗ về. Đám người này tuy không nhiều, nhưng họ lại có tiếng nói thật là hệ trọng trong các tộc họ và trong thôn ấp. Nên chẳng, thượng hoàng cho tuyên triệu các bậc bô lão về triều để yên ủi...

Quang Khải vừa tâu về một đại hội các bô lão, Quốc Tuấn đã hiểu ngay tầm rộng lớn của nó. Ông thầm so sánh: Nếu như Đại hội Bình Than tháng mười năm Nhâm ngọc (1282) là để bàn kế sách chống giặc, thì Đại hội bô lão lần này sẽ là quyết sách thắng giặc, bởi nó thể hiện ý chí vua tôi đồng lòng.

Sau một đôi giây ngắn ngủi, Thánh tông bèn hỏi:

- Ý anh Quốc Tuấn thế nào? Ý quan gia thế nào?

Nhân tông nói:

- Bẩm phụ hoàng, các vị bô lão trong các trấn, lộ, thôn, ấp, họ sẽ truyền cho con cháu trong các làng xã lòng phấn khích bội phần trong công cuộc chống giặc giữ nước này. Việc thực nên làm, thành tựu sẽ lớn khôn lường. Có điều con đang băn khoăn, ta nên lấy danh nghĩa gì để tuyên triệu. Vì từ thượng cổ, chưa hề có các cuộc hội nghị toàn dân như thế.

Thánh tông lại đưa mắt về phía Quốc Tuấn, như muốn ông cho một lời đoan quyết.

Quốc Tuấn bèn tâu:

- Triều đình lấy danh nghĩa vấn kế các bậc bô lão là hợp lẽ nhất. Xưa nay các việc lớn, không việc gì các triều đại không hỏi ý các bậc cao niên. Và lại, nếu việc trước chưa có ai làm, nay ta làm, thời nó sẽ đi vào lịch sử như là một việc không tiền khoáng hậu. Hơn nữa, nếu thượng hoàng chấp thuận lời tâu của quan tướng quốc thái úy tướng cũng nên khai triển cấp kỳ, kéo không kịp.

Trần Thánh tông nhẩm tính:

- Nay là hạ tuần tháng một. Quân giặc đang ở...

- Dạ tâu, quân giặc đang ở huyện Linh Lăng tỉnh Hồ Nam - Hưng Đạo vương tiếp lời. Và ông nói thêm - Nhanh ra cũng phải hơn một tháng nữa chúng mới tới được biên thùy nước ta. Nếu triều đình mở hội vào đầu tháng chạp, thì mọi việc đều êm đẹp cả.

Quốc Tuấn vừa dứt lời, Quang Khải lại nói:

- Tâu hoàng huynh, tâu quan gia, việc phải làm gấp. Trong lúc này còn làm kịp được việc gì khích lệ cho thể nước nổi lên, thì không nên trì hoãn. Và lại nếu hoàng huynh cùng quan gia vì một số ít các bô lão mà tuyên triệu về nghị bàn việc nước, lại vì họ mà thất đãi yến tiệc, thì các bô lão sẽ vì thượng hoàng mà khích lệ trăm họ nhảy vào bể lửa để cứu lấy giang san. Đây chẳng phải là kế đánh vào lòng người sao?

Thấy hai vua đã chấp thuận tới tám chín phần rồi, Quốc Tuấn lại hỏi thúc thêm:

- Gọi là tuyên triệu các bô lão về triều bàn việc nước, về triều để vua vấn kế, là sách lược triều đình nhún mình để thu phục thiên hạ. Kỳ thực các bô lão về triều là để nghe vua tuyên cáo việc nước, là để thiết chặt mối ràng buộc từ thứ dân đến bậc quân trưởng đều đồng lòng giết giặc, cứu nước. Hai vua lấy làm

đẹp ý, và việc mở đại hội bộ lão được nhà vua lượng định vào đầu tháng chạp, lại chọn điện Diên Hồng, là cung điện to lớn và sang đẹp nhất của hoàng triều làm nơi hội họp.

Cuộc chiến đã gần kề. Bước đi của tử thần ngày mỗi ngày lại nhích thêm lên. Công cuộc kinh chống giặc ngoài, toàn dân đã được triều đình dẫn dắt từng bước thật thấu đáo. Nhưng càng gần tới ngày cuộc chiến khai mào, tinh thần dân chúng càng thêm hồi hộp, lo lắng. Và không ít người từ quan đến dân ngấm ngấm khiếp sợ. Chưa ai có thể hình dung ra khuôn mặt góm ghềnh của chiến tranh. Dẫu rằng toàn dân Đại Việt lấy hết can đảm gồng người lên mà đón đợi nó; song không phải vì thế mà coi thường nó. Và lại, trong mỗi con người đều có nửa phần phấn khích, và nửa phần kia là lo sợ, là cầu mong cho nó đừng xảy ra. ấy là nói về lòng dân, chứ sĩ tốt thì khí thế bừng bừng, chờ đón, háo hức. Ai ai cũng mong lập chút công với nước. Mấy bữa nay có chiếu của triều đình ban xuống về kế "Thanh dã". Người ta treo bảng ở khắp các trấn, lộ, châu, quận hoặc giấy dán la liệt khắp nơi, mấy câu lệnh chỉ, ngắn gọn mà đầy đủ, của kế sách kia: "Tất cả các quận, huyện trong nước, nếu có giặc ngoài đến, phải liệu chết mà đánh. Nếu sức không địch nổi thì cho phép lần tránh vào rừng núi, không được đầu hàng. Lại phải cất giấu hết lương thực cùng các đồ có thể dùng vào việc hỏa thực, hoặc nếu không kịp cất giấu thì cho phép đốt phá... khiến quân giặc tới đâu cũng phải chịu cảnh đói khát, khốn đốn". .

Lại nữa, lời tuyên triệu các bậc bộ lão về triều hội vào ngày mùng bảy tháng chạp, tại điện Diên Hồng cứ vang lên từ làng nọ sang xã kia. Khắp thôn cùng xóm vắng, không ở nơi nào trên mảnh đất Đại Việt mà không nghe thấu lời "Hịch" truyền, và chiếu tuyên triệu bộ lão về Đại hội Diên Hồng. Càng gần tới ngày mùng bảy, các đoàn người tứa về Thăng Long càng đông. Các trấn, lộ, thôn, ấp, giáp kinh thành, các cụ tự đi lấy. Cụ nào cụ ấy đều râu tóc bạc phơ, lông mi trắng xóa, da nhám đồi mồi, tay chống gậy trúc, tay xách nải thêu. Các cụ từ sáu bảy mươi tuổi thường mặc áo dài màu thâm hoặc màu nâu, quần dài nâu, dây lưng đen hoặc nâu, gút thắt về một bên sườn. Vành lưng trước bụng giắt một vuông khăn trầu. Trên đầu, các cụ quấn khăn vành dây bằng lượt màu hồng hoặc bằng nhiều tím trùn lên búi tóc tròn phía sau gáy; chân thường đi giày cỏ bện hoặc dép mo cau, quai ngang. Với các cụ tuổi xấp xỉ tám mươi hoặc trên tám mươi, làng cử đình tráng võng đi. Các cụ nằm cẳng thường vận áo dài đỏ, quần đỏ, mũ trùn đầu cũng màu đỏ. Khi các cụ bỏ mũ ra, tóc có màu trắng phau như màu nấm mốc, nên trong dân gian quen gọi các cụ bằng một cái tên chung, vừa kính cẩn vừa quen thuộc thân tình: cụ mốc. Các cụ nằm cẳng, miệng bồm bẻm nhai trầu, cây gậy trúc đùi gà, các giống đốt được hun khói màu nâu đen đặt một bên cẳng, bên kia là tráp trầu.

Quan đại an phủ sứ của kinh sư đón khách ở cửa đông và cắt cử các quan chức sắc dưới quyền đón khách về dự Đại hội Diên Hồng tại các cửa tây, nam, bắc. Khách về nườm nượp. Dân chúng kinh kỳ ủa ra đường chào đón khách. Nơi các ngã ba, ngã tư, dân trong phường tự nấu nước chè xanh vào các nồi mười lăm, hai mươi đặt trên các giá gỗ, có cả những chiếc mâm đồng bày chén tổng; lại thêm hàng rá trầu tèm cánh phượng, cau tươi bồ tư, hạt bánh dày trắng muốt sẵn sàng mời khách.

Tháng chạp, Thăng Long lạnh giá, cây cối lá rụng thưa dần. Các cây bàng, cây sấu đông lấp ló phía sau những mái nhà tranh, cảnh trơ trụi như đang thu mình sưởi hơi ấm từ các mái rá bốc lên mờ mờ như sương, như khói. Từ bến Đông Bộ Đầu bước vào, khách đã nhìn khắp một dặm dài những cây hòe thân mốc trắng, và những chùm quả teo khô trên cành màu nâu cháy. Rặng bưởi nhà quan đại an lóa lên một màu quả vàng au, sai lúc liu. Vườn nhà kia đào trụi hết lá, nụ chúm chím đầu cành như báo hiệu một mùa hoa nở rộ, như báo hiệu tết đang về.

Thăng Long rộn lên vì đón khách. Các nhà khá giả thì chằng đèn, kết hoa, nhà ít lực hơn cũng treo trước cửa chiếc đèn lồng hoặc đèn kéo quân. Các nhà quan, các công đường lại càng nguy nga, rực rỡ bởi đèn, hoa, cờ, phướn. Ngoài những lâu đài, những điện các sang trọng của kinh sư được mở ra đón khách; vua Nhân tông còn cho mở thêm cửa Quốc học viện và cung Cảnh Linh để tiếp rước các bô lão khắp nước về triều hội. Lại đặc ân cho các bô lão tuổi từ tám mươi trở lên được vào nghỉ trong điện Tập Hiền.

Các bô lão đến từ nơi thôn ấp hoặc tận rừng xanh núi thẳm lần đầu tiên được về Thăng Long, lần đầu tiên trong cuộc đời bảy, tám mươi, thậm chí cả trăm tuổi mới được thấy cảnh phồn hoa đô hội. Lần đầu tiên được mục kích những điện các nguy nga, cung thất tráng lệ. Lại được đặt chân lên thềm những lâu đài, điện, các, cung thất kia thì thật ngay trong mơ các cụ cũng không dám ao ước. Thế nhưng, đấy lại là sự thật. Thành thử khi bước lên thềm điện, các cụ vẫn cứ còn ngập ngừng, trông trước trông sau xem có ai quát tháo chửi mắng không.

Vua Nhân tông đã cải dạng lẫn vào với đám quân cấm vệ để nghe ngóng, để dò biết tình thực lòng người. Thấy các cụ cứ đứng vón lại trước thềm cung Cảnh Linh, nhà vua ghé tai viên đô úy nói nhỏ:

- Người cho lính dẫn các cụ vào nghỉ trong cung.

Cùng với đám quân cấm vệ, nhà vua vừa nói vừa thở hỏn hển :

- Lão trượng quê ở đâu ta?

- Bẩm ông, tôi ở lộ Hải Đông.

Đến bậc thềm cuối cùng, các cụ mệt quá, đều dừng lại nghỉ. Quân cận vệ bê nước tới mời từng cụ. Tay cầm chén nước nóng bốc khói, mùi trà hương thơm phức. Nhẽ ra trong lúc mệt, khát thì phải uống ngay, nhưng xem ra

chưa thấy một cụ nào nhấp môi mà cứ xoay đi xoay lại chiếc chén trong tay, ngắm nghía từ màu men đến các đường hoa văn trang trí, và cả những cảnh vẽ bốn mùa mai, lan, trúc, cúc hoặc sen, le hoặc Bát tiên quá hải...

Nhà vua hiểu được cái gì đang diễn ra trong lòng các cụ, bèn hỏi:

- Thừa các trưởng lão, các trưởng lão về triều hội có vui không, hay vì lệnh vua bắt thì phải đi thôi?

- Đâu có thể. Đâu có thể. Các cụ gần như đồng thanh đáp lời và lắc đầu quây quây. Một cụ ngồi cạnh nhà vua đặt chén nước xuống, và tựa cây gậy trúc ngả vào vai rồi nói:

- Bẩm ông, đây là nhà vua cho gọi đám bô lão chúng tôi về dự hội, chứ nhà vua có bắt phải về đâu. Vui lắm !Vui lắm! Vì từ thượng cổ chưa có chuyện này.

- Từ thượng cổ chưa có chuyện này! Một cụ khác nhắc lại.

Các cụ xúm nhau lại góp chuyện thật là vui vẻ, cười mở.

Nhân tông lại hỏi:

- Các trưởng lão đã biết vua triệu về có việc gì không?

Các cụ nhao nhao trả lời:

- Bẩm ông, chắc đức vua cho bàn quốc sự.

- Sao lão trượng biết vua cho bàn quốc sự?

- Bẩm ông, khắp bốn phương lúc nào cũng vang lên lời "Hịch" truyền. Thế thì ai mà chẳng biết giặc Mông - Thát kia sắp lần xâm vào cõi.

- Dân tình ta ở nơi thôn ấp có hãi sợ lũ giặc Mông - Thát này không? - Vẫn nhà vua hỏi.

- Sao lại sợ? Ai sợ lũ giặc Mông - Thát? - Các cụ trả lời với vẻ bức bối - Dân vùng tôi ấy à, họ còn muốn moi gan móc mắt lũ giặc kia ra mới hả.

Nhìn gương mặt các cụ đều hiện lên nét hân hoan rạng rỡ, nhà vua biết họ thật lòng, ngài lại lần vào trong đám quân cấm vệ rồi lui ra lúc nào không ai biết. Và mãi mãi không ai biết người lính cấm vệ kia lại chính là đức vua của họ.

Sớm ngày mừng bảy tháng chạp năm Giáp thân (1284) từng toán xe ngựa tề chỉnh tới các cung đón bô lão vào điện Diên Hồng. Nhà vua cho bày sẵn tiệc yến ở thềm điện để thết các bô lão.

Thượng hoàng Trần Thánh tông uy nghi trong triều phục hoàng đế, tay cầm cây tích trượng đứng đón các phụ lão ngay trước thềm. Xế một chút, vua Nhân tông cũng mặc một chiếc đại hoàng bào lộng lẫy, nom gương mặt nhà vua rực sáng như thiên thần.

Đại hội này nhà vua gia ân cho các phụ lão không phải rập đầu lạy mà chỉ cúi chào. Lại khi nói cũng cho miễn lễ, không phải quì.

Hai vua thân nắm tay từng bậc cổ lão và nói lời an ủi. Các cụ vừa lóa mắt trước cảnh vàng son rực rỡ, vừa lóa trước lung linh ánh bạch lạp. Nhưng xúc

động nhất là được tận mắt nhìn thấy hai đức vua mặt rồng rạng rỡ, như thể nước đang lên. Không những thế, vua còn tay bắt mặt mừng, cho nên không cụ nào cầm được nước mắt. Song đó là những giọt nước mắt hiềm hoi trong cuộc đời già nua của các cụ. Bước vào thêm điện rồi, nhiều cụ vẫn còn bàng hoàng như mơ. Nhiều cụ cứ rờ rờ mãi lên những cây cột sơn to tướng. Có chỗ tới bốn cụ nối vòng tay nhau ôm vẫn chưa khít cây cột, to hơn rất nhiều so với cột đình làng. Những hàng cột tròn sơn son, khắc họa những con rồng vàng quần quanh cột từ chân tới nóc điện, miệng phun đầy châu ngọc đang ở thế vút bay lên.

Khi các cụ đã an tọa gần xong, thì Chiêu Thành vương dẫn một cụ già do người của thượng tướng Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật đưa từ lộ Đà Giang về. Ấy là cụ già người Man độc nhất trong Đại hội. Cụ vận quần áo với nhiều màu sắc sỡ tựa bộ lông công. Vua Nhân tông vội đỡ cụ tới ngồi cạnh hai cụ già khác trên một hàng ghế lộng lẫy gần vua. Đó là cụ Mốc người Thanh Hóa chín mươi chín tuổi, và cụ Mốc người miền biển lộ Hải Đông, một trăm lẻ sáu tuổi, là người cao tuổi nhất nước; cụ người Man mới có chín mươi bảy tuổi.

Ban nhạc cung đình vừa tấu xong khúc nhạc thiều, thì vua Trần Thánh tông bước lên đài can vẫy chào các bô lão. Rồi vua dời gót đi về phía ba cụ Mốc cao tuổi nhất, và ban cho mỗi cụ một chiếc áo đỏ, một chiếc mũ đỏ bằng vóc đại hồng. Các cụ vừa reo hò vừa hô: Đức vua vạn tuế !... Vạn vạn tu... ế...! Nhà vua mời các cụ vừa ăn yến vừa nghe nói, bàn quốc sự. Đức vua không giấu giếm tình thế quân Mông - Thát sắp tràn vào cõi, và lực lượng hùng mạnh của chúng đã làm nghiêng đổ biết bao thành trì, hủy diệt biết bao quốc gia to lớn từ đông sang tây, từ bắc tới nam. Mệnh mông như nước Trung Hoa cũng bị chà nát dưới vó ngựa Hồ. Vua tôi bị giết, bị cầm tù, thần dân cúi đầu làm nô lệ. Nhà Tống tiêu vong.

Dừng lại, nhà vua nhìn khắp các bô lão, thấy gương mặt các cụ nhất loạt hướng về ngài. Không khí triều hội im phăng phắc. Các cụ mãi nghe tới mức đức vua đã mời dùng yến hai ba lần, vẫn chưa có cụ nào cầm đũa.

Trần Thánh tông lại nói:

- Đội quân hùng sói Mông - Thát kia nay đã gần kề biên ải nước ta, sớm tới chúng sẽ tràn vào tàn phá cõi bờ ta. Súc quân, súc dân trong nước thế nào ta đã nói, và các trưởng lão đây cũng đã biết. Liệu ta có kháng được giặc mạnh không ? Các bậc trưởng lão đây thay mặt cho toàn thể quốc dân, triều đình xin hỏi: "TA NÊN HÒA HAY NÊN ĐÁNH?!" - giọng Thánh tông dần xuống, nghe xót đau thống khổ.

Có người ấn vào tay cụ Mốc lộ Thanh Hóa bát yến sào.

Chợt nghe tiếng hét như sấm bên tai, cụ đánh đổ cả bát yến sào trên bàn ngà, liền đứng dậy hô theo:

- Đánh! - Muôn người như một vút lên tiếng hét - Xin bệ hạ cho đánh!
Đánh! Đánh ! Đ... á... nh ! Tiếng hô âm vang thống thiết như sóng cồn bão tố. Điện Diên Hồng - nơi biểu hiện ý chí của muôn dân đang nổi cơn thịnh nộ.

Giữa lúc đó, quan hàn lâm học sĩ Quốc sử viện Lê Văn Hưu đang tựa lưng vào cột điện quan sát, bỗng cúi xuống, tay run run mở tráp, lấy giấy bút chép sự việc này vào quốc sử.

CHƯƠNG 20

Tại Đại hội Diên Hồng, không khí chống giặc trong cả nước nổi lên như triều dâng thác đổ. An Tư công chúa có tham dự, và nàng cảm nhận cung Thiên Quang của nàng đóng góp cho nước còn sơ sài quá. Nàng tự ngượng. Thấy lòng bồn chồn, An Tư đi lại tha thần. Vừa bước xuống bậc thềm, nàng đã nhìn thấy cây ngâu và chợt nhớ: "Mới đêm nào Chiêu Thành vương từ biên ải về; con Hắc long đứng đây giận dữ nhìn vào cung hí lên một hồi dài đầy ghen tức, khi chàng đặt nộ hôn vào môi ta..."

Lãng đãng, nàng đưa gót tới hồ bán nguyệt nhìn dáng liễu mảnh mai, cành lá xác xơ soi bóng xuống mặt hồ nhòe sương, bỗng trong tâm não nàng hiện hiện gương mặt Yên Ly buồn rười và hao gầy, thường ra đứng tựa gốc liễu này mà nức nở nỗi buồn ly hương. "Yên Ly! Yên Ly? Giờ này em ở đâu? Em có còn nhớ đến ta?". An Tư gọi thầm người bạn hồi ấy có đôi mắt đượm màu sầu xứ. Tự nhiên nàng thấy nhớ Chiêu Thành vương, nhớ Yên Ly da diết. Nàng ghen với cả hai người. Một người thì thỏa chí tiêu dao hồ hải. Còn người kia đang yên bề gia thất? Tủi cho cảnh ngộ cô đơn, An Tư ao ước: giá như được đổi phận làm trai !

Mấy bữa nay tin tức dồn dập từ biên ải đưa về, rằng thế giặc lớn lắm. Chúng đã đánh tràn vào cõi bờ ta. Quốc công ngày đêm lẫn lộn cảnh giặc. Chiêu Thành vương cùng với đội cấm vệ quân của chàng, lúc nào cũng phải túc trực trong điện Thiên An cùng với hai vua. Bởi thế cũng từ mấy hôm nay, An Tư không gặp được mặt chàng. Nàng cứ quanh quẩn hết trong cung lại ra dạo ngoài hoa viên, vẫn thấy lòng trống vắng như sự tĩnh lặng đến cô đơn của kinh thành.

Lại nói đến đại quân của Thoát-hoan rầm rộ tiến vào đất ta lúc canh tư, ngày hai mươi một tháng chạp(Ngày 21 tháng chạp năm Giáp thân tức 27-1-1285). Quân chia làm hai cánh, áp sát một dải dài vùng biên ải Lạng Châu. Cánh phía tây do vạn hộ Bôn-kha-đa(Bolgada), chiêu thảo A-thâm (Atsim) là hai viên tướng chỉ huy tiến theo đường huyện Khâu-ôn mà vào. Cánh phía đông do Khiếp tiết Xa-tác-tai(Xatartai) và vạn hộ Lý Bang Hiến chỉ huy tiến theo đường Khâu-cấp. Đại quân của Thoát-hoan cũng đi theo cánh quân phía đông này. Dưới trướng của y còn có Lý Hằng là một viên tướng văn võ kiêm thông, mưu mô hiểm độc.

Ấy là nói về đường tiến quân của giặc chủ yếu ở Quảng Tây tràn sang đất Lạng Châu. Nhưng còn một cánh quân nữa theo đường Vân Nam xuống,

gồm cả quân bộ, quân thủy tràn vào lộ Đà Giang, do viên bình chương chính sự hành tỉnh Vân Nam là Na-xi-rút Đin thống lĩnh. Vậy là cả ba mặt giặc ào ạt đánh tràn vào đất ta như vũ bão. Căn giặc chỉ có quân của triều đình là chính yếu, còn quân của các thổ hào người Man như Nguyễn Thế Lộc ở châu Thất Nguyên, có tướng gia nô của Trần Hưng Đạo là Nguyễn Địa Lô giúp sức, và cha con Trịnh Giác Mật ở lộ Đà Giang đều không được giao chiến. Những toán quân này đã y lệnh của quốc công đưa đi dấu nhem cùng với khí giới, lương thảo chờ sai khiến.

Giặc đã phạm vào cỗi, Trần Thánh tông vẫn cố sức cứu vãn. Nhà vua cho gọi thiện trung đại phu Nguyễn Đức Dư, và triều thỉnh lang Nguyễn Văn Hàn đến trao mệnh:

- Vận nước lâm nguy, ta mong các khanh hãy vì ta mang biểu cầu hòa lên biên thùy trao cho Thoát-hoan.

Hai người cùng rập đầu tâu:

- Phận bề tôi, chúng thần chỉ mong được đáp đền ơn trên.

- Các người là tay chân thân tín của ta, nay đem thân vào trại giặc, lỡ có mệnh hệ nào ta sống sao nổi. Nói rồi Thánh tông bùng mặt khóc. Đoạn nhà vua trở tay về phương bắc mà mắng: - "Hỡi cha con Hốt-tát-liệt! Hỡi lũ giặc Mông - Thát, ta thề phanh thây uống máu chúng mày cho hả nỗi hờn oán chất chồng từ mấy chục năm qua".

Thấy tấm lòng nhà vua bi thiết quá, hai người lại rập đầu đến tóe máu van:

- Muôn tâu thánh thượng, xin thánh thượng bảo trọng tấm thân quý giá để dùng cho nước. Bọn chúng thần dù có bị phơi thây trên mũi dáo của loài giặc dữ kia, cũng chưa đủ báo đáp ơn tri ngộ của bề trên. Xin thánh thượng cứ giao việc cho lũ chúng thần. Thân nam nhi sinh vào thời loạn, được chết cho nước ở ngay chốn đao thương trong sào huyết giặc, có phải ai muốn mà cũng được như thế đâu, xin thánh thượng cứ bình tâm.

Thánh tông rất cảm kích tấm lòng trung của hai vị đại thần, nhà vua nói: "- Các khanh đi chuyến này, chín phần nguy chưa chắc có được một phần an. Cho nên vừa phải khôn khéo, vừa phải kiên cường; không chọc giận lũ chó sói, nhưng cũng không để mất thể diện quốc gia. Ta không tin việc văn hòa bình lại chỉ nằm trong sức mạnh của ngôn từ trong tờ biểu kia; song điều ta mong muốn là qua sự nhún mình của ta, để nuôi dưỡng lòng kiêu ngạo của giặc, mà từ đây chúng sẽ có những quyết sách hồ đồ, tạo kẽ hở cho việc dùng binh của quốc công tiết chế Hưng Đạo vương". Nói xong nhà vua đặt tờ biểu vào tay thiện trung đại phu Nguyễn Đức Dư.

Cả Nguyễn Đức Dư và Nguyễn Văn Hàn đều sụp lạy.

Căn dặn hai người xong, nhà vua thân tiễn tới cửa khuyết. Tự tay Thánh tông đẩy chiếc xe song mã khi chúng vừa lăn bánh.

Hai viên chánh phó sứ đều hết sức cảm động, và các ông cũng hiểu từ phút

này, trọng trách quốc gia đã đặt trĩu lên vai mình.

Tiền xong hai viên cận thần đi sứ, Trần Thánh tông tới thẳng bên Đông Bộ Đầu, xem vua Nhân tông đích thân chỉ huy đám thiên tử binh tập đánh thủy. Lại đi xem cả những cỗ song sảo pháo, ngũ sảo pháo và cự thạch pháo của thượng tướng Trần Quang Khải dàn bày thế trận, hướng về phía bắc bờ sông Cái. Phần nào yên tâm với công việc, nhưng nhà vua vẫn nóng lòng chờ tin báo tiếp từ biên cương.

Ở trên đó, giặc đang gặp sức kháng cự mãnh liệt của quân ta. Thoát-hoan đã tung tiền quân ra đánh suốt hai ngày mà vẫn chưa mở được đường tiến.

Từ đại bản doanh của quốc công tiết chế Hưng Đạo vương ở Nội Bàng, ngựa lưu tinh từ các vùng Khâu Ôn, Khâu Cấp liên tiếp chạy về cáo cấp. Hưng Đạo trầm ngâm trước tấm bản đồ, ông khuyên các dấu son lên những chỗ hiện thời quân ta đang kháng cự. Ông đã lường trước thế ta và sức giặc, nên ông cho các tướng biết chủ kiến của ông là cản giặc, chứ không phải quyết thắng giặc trong trận đầu. Song quả thực ông chưa lường được sức giặc lại lớn dường ấy, hung hãn dường ấy. Vậy mà hai ngày nay rồi, chúng vẫn chưa phá vỡ được các cửa ải để tràn vào. Như thế có nghĩa là binh sĩ của ông đang gồng sức lên đánh giặc. Tinh thần binh sĩ thế là tốt. Nhưng ông lại thấy lo.

Vì ông cần bảo tồn lực lượng, hơn là tung quân ra đánh, giữa lúc sức giặc đang cường. Hưng Đạo lại căng mắt nhìn tấm bản đồ và những vòng khuyên đỏ, vương vãi tay lên trán như đang kiếm tìm một phép màu gì trong đó.

Bỗng ông hình dung ra một dải đê cao vút và một dòng sông đầy ắp nước, gió mưa vùn vụt, sóng vỗ ào ào, nước sông réo sôi như có cả trăm ngàn loài thủy quái đang nổi cơn cuồng nộ. Rồi "ào" một tiếng như trời long đất lở, một mảng đê vỡ. Và chỉ trong chốc lát, chúng đã nuốt phăng cả một dải đê dài lút mắt. Nước trắng trời.

Quốc công dụi mắt, cái gì như là một ảo giác vừa tràn qua tâm trí ông. Bỗng Hưng Đạo "a" lên một tiếng - Đúng rồi, tức nước ắt vỡ bờ. Thế giặc lúc này không khác gì một con lũ lớn. Nếu ta mở nhiều cống cho nước tràn đi khắp các ngả, chắc đê không vỡ. Rồi sau liệu lúc nước rút mà bồi trúc, thì không những không bị liên năm thất bát mùa màng mà còn được con đê chắc chắn. Với tay lấy cây bút, ông viết lệnh gửi các tướng trấn ải bằng mật ngữ: "Vừa đánh vừa lui. Không được để quân tan vỡ. Hội quân tại Vạn Kiếp từ ngày... đến ngày...".

Khi tiền quân của Thoát-hoan đã vào đất ta, thì đại bản doanh của y vẫn còn đóng tại châu Tư Minh giáp biên thùy Đại Việt.

Thoát-hoan nói với tả hữu:

- Các người cứ đánh sâu vào đất giặc độ non trăm dặm, ta sẽ cho quân tiếp ứng. Chỉ ba ngày nữa ta bắt Hưng Đạo tại Nội Bàng, rồi thẳng tiến về Thăng Long bắt cha con Nhật Huyên trị tội cũng chưa muộn.

Thấy chủ tướng nói cứng, quân chúng hồ hởi lắm.

Thoát-hoan sai viên tổng bả A-li đem thư dụ vua Trần. A-li lập tức lên đường.

Ba ngày sau, A-li quay về, mặt mày hốc hác rạp đầu xin Thoát hoan tha tội chết.

Thoát hoan điềm đàm hỏi:

- Sao ngươi quay lại?

A-li chưa hết bàng hoàng lại đến kinh ngạc. Vì thờ cha con Thoát-hoan từ lâu, y biết tính chủ tướng nóng như lửa. Hễ đã sai hạ cấp đi là phải được việc, thất bại quay về, mất đầu như chơi. A-li nói:

- Muôn tâu Trần Nam vương; quân giặc đông như kiến, thần dẫu có cánh cũng không thể bay vào đất chúng được. Tiền quân chưa mở được đường, sức thần không vượt nổi.

Thoát-hoan bèn trở vào mặt vạn hộ Nghê Nhuận quát:

- Ngươi gốc người Tống quen thung thỏ. Ta cho năm trăm quân đi thăm thú binh tình giặc, để ta còn liệu kế tiến binh.

Thoát-hoan quay lại nhìn tả hữu nói tiếp:

- Xa-tác-tai, ta cho ngươi lĩnh ấn tiên phong để lập công đầu. Lý Bang Hiến, Tôn Hựu được theo làm tả hữu phó tướng. Các ngươi điếm lấy ba vạn quân mã ngày đêm đánh gấp vào đất giặc, khiến chúng trở tay không kịp.

Đám bộ tướng cúi đầu lạy tạ. Thoát-hoan dặn thêm:

- Phép làm tướng đánh trận gặp sông bắc cầu, gặp rừng rậm đầm lầy mở đường mà tiến, gặp giặc quây lại mà đánh, không được trù trừ. Các ngươi cứ đi, ta sẽ cho quân tiếp ứng.

Lần này Xa-tác-tai phải đích thân xông trận, y căn dặn hai viên phó tướng về các kế đánh ải, phá thành, vu hồi kẻ địch, làm cho chúng rối loạn, rồi dùng kỵ binh xông thẳng vào mà đánh. Cắt quân, chia phiên ra đánh suốt ngày đêm, khiến kẻ kia phải kiệt sức mà chết.

Quân viễn thám của Xa-tác-tai bắt được Nguyễn Đức Dư và Nguyễn Văn Hàn, mỗi người một ngựa với lá cờ sứ có viết hai chữ "Miễn chiến" dẫn về nộp trước quân. Hỏi han qua loa, Xa-tác-tai lại cho dẫn hai sứ về đại bản doanh của Thoát-hoan.

Trông thấy hai viên sứ giả của Đại Việt trong quân, Thoát- hoan mỉm cười kiêu ngạo:

- Có phải vua tôi các ngươi dâng biểu tạ tội? Bao giờ thì Nhật Huyền lên biên thùy đón ta?

Nguyễn Đức Dư vái Thoát-hoan rồi đáp:

- Quốc vương tôi đã nói rõ ở trong biểu dâng vương.

Nguyễn Văn Hàn dâng biểu đặt lên án. Viên quan nội hầu bèn cầm lấy tờ biểu dâng cho Thoát-hoan.

Thoát-hoan xé chỉ lệnh lấy biểu ra đọc:

“...Năm Tân dậu(1261) Thiên tử đã thương nước chúng tôi mà ban lời chiếu: Sắc riêng cho quân ta không vào bờ cõi nhà các ngươi lấn cướp nơi cương giới, quấy nhiễu nhân dân. Các quan liêu sĩ thứ nước ngươi đều nên yên trị như cũ.. ”

“...Lại y cho nước tôi cứ ba năm tiến cống một lần. Vâng mệnh thiên triều, không những ba năm đại cống mà thường niên đều có sai sứ mang đồ lễ vật sang cung hiến. Từ bấy, Thiên tử không có điều răn dạy nào khác. Thế mà nay thấy từ Ung Châu tới biên thùy nước tôi doanh trạm cầu đường quân nổi nhau san sát. Không những thế còn phạm vào bờ cõi nước tôi giết hại sinh linh vô kể, khiến biên tướng phải tức giận chống lại...”

Xin vương tuân lời chiếu của Thiên tử hãy thương lấy đám dân vô tội mà lui binh, chúng tôi xin cử người đến thương nghị...”

Thoát hoan ném tờ biểu vào mặt Nguyễn Đức Dư, thét mắng :

- Lũ chó lợn tanh hôi, ta lại thêm thương nghị với bọn bay à?

Hai quan chánh phó sứ lòng giận sôi, máu chảy rần rạt nóng ran cả mặt định liều, thà chết chứ không chịu để cho bọn lang sói này làm nhục vua, nhục nước. Nguyễn Đức Dư bèn nói:

- Nước tôi tuy nhỏ nhưng có văn hiến. Vua tôi tuy ít tuổi nhưng biết giữ lễ, ngay đến Khổng Tử, Mạnh Tử tái thế cũng không thể bắt bẻ vào đâu được. Đại vương cậy sức mạnh áp chế bức bách nước tôi thế là trái đạo. Không những trái đạo, mà còn trái mệnh thiên tử đã gia ân cho nước tôi từ năm Tân dậu.

Nguyễn Đức Dư nói chưa dứt lời, Thoát-hoan đã bùng bùng nổi giận, y vơ cả chiếc khay trà quăng vào mặt ông, máu chảy ròng ròng.

Nguyễn Đức Dư lòng thanh thản, dường như ông chấp nhận cái chết. Ông bật cười khanh khách mà rằng:

- Chắc đây là "lễ" của quý quốc? Từ thái cổ, ta chưa thấy nước nào tiếp sứ như nước Đại Nguyên. Thật là bất nhân!

Chợt nhớ lời vua dặn lúc ra đi: "... Vừa phải khôn khéo, vừa phải kiên cường; không chọc giận lũ chó sói, nhưng cũng không để mất thể diện quốc gia...", Nguyễn Văn Hàn nuốt giận chờ xem kẻ kia làm gì.

Thoát-hoan lại thét:

- Quân?

- Dạ ! Tiếng quân dạ ran.

- Lôi tên sứ giặc này ra chém, đầu bêu ngoài ải.

Bỗng A-lí Hải-nha (Aric Khaya) vội vã bước ra can:

- Xin Trần Nam vương nguôi giận. Viên sứ kia quả đáng tội chém vì đã dám mạn xược. Nhưng nghĩ cũng thương tình, vì u mê lầm lẫn chớ thực tâm không nghĩ thế.

Nguyễn Đức Dư hăm hực định thét vào mặt lũ giặc ăn nói càn rỡ thì A-lí Hải-nha tiếp:

- Vả lại, bẩm Trần Nam vương, xét tình cũng nên thương, họ từ xa lặn ngòi ngòi nước, trèo đèo, lội suối, băng rừng xiết bao nguy hiểm để tới châu. Lỗi chính là ở cha con Nhật Huyền, xin Trần Nam vương hãy vì lòng thương đám dân An Nam vô tội xuống chiếu dụ hàng. Nếu cha con Nhật Huyền vâng theo thánh ý, thời lập tức bãi bỏ can qua. Nhược bằng ngoan cố trái mệnh trời, vương triều sẽ biến thành gò mả. Y vừa nói vừa đảo mắt nhìn Thoát-hoan như ngầm bảo: "Xin ông hãy nghe lời tôi. Đây là kế dụ địch".

Thoát-hoan vờ nghiêm giọng đáp:

- Nể mặt ông, ta cũng thể tất cho mấy người này. Nhưng một trong hai người phải lập tức quay lại Thăng Long, đem chiếu dụ hàng của ta tới cha con Nhật Huyền. Phải đi thật nhanh - Thoát-hoan nói và nhìn thẳng vào mặt Nguyễn Đức Dư - nếu chậm trễ, e rằng đại quân của ta sẽ vào Thăng Long trước các người.

A-lí Hải-nha vẻ mặt niềm nở vội đón lời Thoát-hoan:

- Lại phiền túc hạ trở về cho một chuyến, y nói và hất hàm về phía Nguyễn Đức Dư - Tuy vậy - A-lí Hải-nha nói tiếp- Trần Nam vương tôi rất trọng những người có đức tính trung hậu như thiện trung đại phu đây.

Nguyễn Văn Hàn bèn giục:

- Chúng tôi xin lĩnh ý đại nhân, cấp kỳ trở lại Thăng Long gặp quốc vương tôi. Xin đại nhân nói với bề trên, cho chúng tôi được biết tôn ý, mà quốc vương tôi đã thỉnh cầu.

- Được, được, hai ông hãy lui ra ngoài chờ để Trần Nam vương còn thảo chiếu.

Khi hai người đã được viên nội nhân dẫn ra khỏi trung quân, Thoát-hoan bèn vỗ mạnh vào viên tỳ tướng cười ha hả và mắng yêu:

- Người tinh khôn như một con quỷ. Khá khen người đoán trúng ý ta. Vậy người thảo dụ đi cho ta ký.

Loáng một cái A-lí Hải-nha đã viết xong và dâng lên Thoát-hoan.

Xem xong, Thoát-hoan gật đầu cầm bút ký liền.

A-lí Hải-nha lại nói:

- Bẩm vương, xin cho viên tổng bả A-li cầm dụ này đi với tên Nguyễn Đức Dư về Thăng Long, Nguyễn Văn Hàn giữ lại trong quân, chờ bình xong An Nam có khi phải dùng đến.

- Được, người cứ thế mà làm. Nói rồi Thoát-hoan lui vào hậu trường, ở đấy đang lấp ló một bóng thị nữ mặt hoa da phấn, như đang nóng lòng chờ đợi Trần Nam vương.

Nguyễn Đức Dư và Nguyễn Văn Hàn được quân Mông Cổ dẫn mỗi người về ở một khu riêng biệt. Hai người không thông được tin tức cho nhau.

Nguyễn Đức Dư chưa dần hết nổi bực vì sự đối xử vô lễ của Thoát-hoan. Song ông cũng lấy làm lạ rằng, tại sao y lại chưa giết ông. Và cũng đang tự dò đoán, liệu giặc có cho ông cùng triều đình lang Nguyễn Văn Hàn về nước không. Ngẫm lời Trần Thánh tông dặn lúc ra đi, ông thấy nhà vua vô cùng sáng suốt. Đúng là lũ giặc này rồi sẽ chết vì kiêu mạn. Nhưng dù có căm ghét chúng tới tận xương tủy, ông vẫn phải thừa nhận binh lực của chúng nhiều vô kể. Đang ôn lại những gì đã diễn ra trong cuộc tiếp kiến sáng nay, Nguyễn Đức Dư bỗng giật mình, vì một chiếc xe ngựa đang phóng như bay thì dừng lại trước cổng dinh. Và một thiếu nữ thoát trông ông cứ ngỡ là từ cõi tiên tới. Nàng bước thoăn thoắt ngay vào nhà tân khách, khiến ông hơi bối rối. Tới cửa, nàng dừng lại vái, tựa như nàng là một công chúa hay một quận chúa từ Thăng Long tới.

Nàng nói ngay không để cho quan thiện trung đại phu làm lễ tương kiến.
- Thừa đại nhân, tôi đã được nghe cuộc đối đáp giữa sứ đoàn Đại Việt với Thoát-hoan. Tôi đến để bày tỏ lòng kính trọng. Nhân tiện cũng báo để đại nhân biết: nội trong đêm nay, viên tổng bá A-li đem thư dụ hàng về Thăng Long. Còn quan triều đình lang bị giữ lại làm con tin. Đại nhân phải đi thật nhanh về báo tin, lũ chúng nó đông lắm. Nói rằng năm mươi vạn nhưng quân tinh không nhiều. Quý quốc cứ vững tâm mà kinh chống. Lại nữa, hôm vừa rồi viên hàng tướng nhà Tống là Tôn Hựu, đồn ầm lên đã chém được đầu hai đại tướng nhà Trần trước ải Khả Ly là Đỗ Hựu và Đỗ Vỹ đem về dâng trước trướng. Đây là chúng phao trong quân để lấy khí thế. Vì đánh đã ba ngày vẫn chưa phá được cửa ải để dọn đường tiến quân. Xin đại nhân không cần biết tôi là ai. Chỉ biết rằng tôi là nghĩa nữ của Thăng Long. Đại nhân chuyển giùm tôi lời chào bi thiết tới An Tư công chúa...".

Nói xong, nàng quay gót đi liền, khiến quan chánh sứ thiện trung đại phu chưa hết ngỡ ngàng, đã lại bàng hoàng. Ông tự hỏi: Nàng là ai mà đem đến cho ta những tin quý giá này? Nàng là ai mà lại nắm được các điều cơ mật đường kia? Tại sao nàng lại tự nhận là "Nghĩa nữ của Thăng Long"? Tại sao nàng biết Đỗ Vỹ, Đỗ Hựu là những người làm việc ngoại gián ở xứ giặc từ lâu nay, mà ngay cả Thăng Long cũng ít người biết mặt? Hàng trăm điều đặt ra mà không giải đáp được, khiến Nguyễn Đức Dư rối trí. Song có một điều ông tin chắc chắn rằng, thiếu nữ kia là người đáng mặt nữ lưu.

Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương vừa đi xem xét lại các nơi phòng vệ quanh ải Nội Bàng, về tới đại bản doanh thì nhận được thư cấp báo từ các ải đưa tới. Trước hết ông đọc thư của Phạm Ngũ Lão, tướng trấn cửa quan Lão Thử (Chi Lăng)- viên tướng tài năng và nhiệt huyết đều dư dả được ông yêu trọng. Ông đã hứa gả nghĩa nữ cho chàng và định cho làm lễ kết tóc, nhưng tình thế cấp bách quá đành tạm nán lại, chờ dịp xong giặc nước.

Trong thư Phạm tướng quân nói: "...Giặc đang phá ải dữ dội. Quân chia ra

nhiều ngả cùng tiến đánh. Chúng bị giết trước ải xác chồng lên xác, nhưng vẫn xua hậu quân lên ùn ùn. Vâng mệnh quốc công, tiểu tướng vừa chặn giặc vừa lui binh..."

Vương lại xem đến thư của các tướng giữ ải: Khả Ly, Động Bản(Tức là vùng Biển Động thuộc huyện Sơn Động Bắc Giang ngày nay)... và các cửa quan Khâu Cấp, Khâu Ôn... thấy đều đã núng, nơi còn giữ được, nơi đã lui dần, nhưng không một nơi nào giặc vào được dễ dàng.

Trở lại nơi có treo tám bản đồ, quốc công lấy bút khuyên đỏ các ải vẫn còn đang kháng giặc và khuyên đen vào những nơi giặc đã tới. Nhìn lại, quốc công giật mình vì điểm đen nhiều hơn điểm đỏ. Trước đây Hưng Đạo đã dự liệu, nếu quân ta đủ sức cản giặc từ biên ải, thì trung quân sẽ tiếp ứng đánh bật chúng trở lại đất Nguyên. Nay chúng liều chết đánh vào như lũ thiêu thân, thêm nữa binh lực chúng hùng hậu, nếu ta dốc toàn lực ra chọi lại, thời coi như đã trúng kế của chúng.

Vương chấp tay đi lại trong doanh, không khí tĩnh lặng của buổi chiều đông trong những ngày áp tết, sao mà buồn thiu. Các bản làng quanh vùng dân đã bỏ đi lánh giặc tận rừng sâu, khiến thôn ấp trở nên hoang vắng đến lạnh lẽo. Dân cũng chuyển dấu hết các đồ ăn thức uống, lương thực cùng trâu bò gà lợn, chỉ bỏ lại cái xác nhà không, theo như kế "thanh dã" mà triều đình tuyên dụ. Chỉ có đình tráng là ở lại, họ chính là dân binh. Hiện thời giặc chưa đến, họ phục dịch quân triều đình. Khi quân triều đình rút đi, họ lại vào sâu trong rừng, tìm kế quấy rối giặc hoặc đánh vào những toán quân đi lẻ, quân tuần thám, viễn thám.

Hưng Đạo đang dự liệu xem trận đánh sắp tới diễn ra giữa ông và Thoát-hoan sẽ như thế nào. Ông băn khoăn tự hỏi: Tại sao y tiến quân cách ta hai ngày đường thì dừng lại hạ trại. Y sợ mắc kế ta, hay y thận trọng canh chừng ta. Hoặc là y đang chờ lấy thêm quân và tăng đồ binh khí để bủa vây ta, quyết chiến với ta.

Vương lại nghĩ: - Chẳng nhẽ thằng nhãi ranh này đã đủ dày dạn đến thế ư? Quốc công đang kiểm xét xem dưới trướng y có những tên nào thuộc hàng danh tướng đang ẩn mặt. Bỗng quốc công cười sằng sặc, khiến đám gia thần không biết có chuyện gì.

Các mưu sĩ như Phạm Lãm, Ngô Sĩ Thường, Trương Hán Siêu nhìn nhau ngơ ngác. Trình Giũ mạnh dạn hỏi:

- Bẩm quốc công, thế trận đang căng, chẳng hay có chuyện gì đáng để quốc công phải bật cười?

- Ta tìm ra nó rồi! Ta tìm ra nó rồi ! - Trần Hưng Đạo nói, và gương mặt ông bừng sáng hẳn lên - Số là thế này - Hưng Đạo nói tiếp, mấy hôm nay ta cứ băn khoăn, rằng dưới trướng Thoát-hoan có những viên tướng nào giúp rập, mà thế trận nó đánh xem ra có phong độ của một danh tướng lắm. Cứ như

tin tức Đỗ Vũ đưa về thì có tên A-lí Hải-nha và Lý Hằng, là hai danh tướng vào bậc nhất của Hốt-tát-liệt cho đi phò thái tử Thoát-hoan. Ta đã có kế sách kinh chống với hai tên đó. Nhất A-lí Hải-nha là một tên tướng giỏi, thuộc hàng khai quốc công thần của Hốt-tát-liệt, rất tàn bạo mà cũng rất gian hùng. Thế nhưng lại cũng có tin Thoát-hoan khởi binh, thì Hốt-tát-liệt có chiếu giữ A-lí Hải-nha ở lại làm bình chương chính sự hành tỉnh Kinh Hồ, chuyên lo việc quân lương cho cuộc xâm lăng Đại Việt của Thoát-hoan. Điều đó xem ra cũng có lý bởi đem năm mươi vạn quân đi đánh xa thì lương thảo là điều quan trọng bậc nhất. Hơn nữa, giao việc này cho một tướng tài lão luyện như A-lí Hải-nha, quả Hốt-tát-liệt còn sáng suốt lắm. Ta đã cho người đi xem xét, đúng là A-lí Hải-nha đang đốc thúc quân lương gấp gáp. Nay xem cách dàn bày thế trận, cách tiến cách dừng, đủ biết A-lí Hải-nha đang giấu mặt dưới trướng Thoát-hoan.

- Bẩm quốc công, nếu đúng như vậy thời Hốt-tát-liệt quả là một tên cáo già, y định lừa quốc công - Trương Hán Siêu nói.

Trần Hưng Đạo vuốt chòm râu rậm tới hai ba lần, rồi khen Trương Hán Siêu:

- Ông nói hợp ý ta lắm. Hốt-tát-liệt đúng là một con cáo thành tinh. Hiện thời y vẫn còn là một danh tướng chưa có địch thủ. Một tay cha con y thu phục gần hết cõi hoàn vũ này. Việc y điều binh khiển tướng kín nhem như thế, dễ lừa người lắm. Hưng Đạo nói chưa dứt lời thì ngựa lưu tinh từ các ngả lại về cáo cấp:

- Tướng Tần Sầm cự giặc trên ải Động Bản đã hy sinh.

- Đại liêu ban Đoàn Thai đang giao phong với tướng giặc, bị hai cánh kỵ binh Mông Cổ từ hai mé rừng xông ra bọc chặt rồi bắt sống. Quân liêu chết đánh trả, nhưng không cứu được.

- Giặc đã tràn vào ải Lão Thử, Phạm Ngũ Lão lấy tiền quân làm hậu quân vừa cự giặc vừa lui về bám giữ tuyến sau.

- Thượng tướng Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật đang giao tranh dữ dội với quân giặc trên mạn Đà Giang.

Nghe xong Hưng Đạo không biến sắc mặt, ông tự khen thầm: "Ngũ Lão quả là một viên trí tướng". Rồi ông truyền cho các cánh quân biên ải, cũng vừa chặn giặc vừa lui binh để bảo tồn lực lượng như Phạm Ngũ Lão. Đoạn ông quay nói với tả hữu:

- Ngày mai tất Thoát-hoan sẽ tiến đánh khắp ải Nội Bàng. Quân ta chỉ nghênh chiến với chúng tới cuối giờ Ngọ là lui về Vạn Kiếp. Quốc công quay ra dặn riêng Dã Tượng - Người báo cho Yết Kiêu biết, khi nào tiền quân lui thì cho chu sư xuôi về Lục Đầu Giang. Yết Kiêu để một chiếc thuyền nhẹ hai mươi tay chèo giỏi, hai mươi cung thủ thiện xạ với một lá buồm thật tốt đón ta ngay đầu Bãi Tân. (Trên sông Lục Nam huyện Lục

Ngạn, tỉnh Bắc Giang ngày nay.)

Thấy Hưng Đạo cất đặt công việc nhẹ nhàng thư thái như một người đánh cờ, và trong đó có nhiều điều chưa hiểu được, Phạm Lãm bèn hỏi:

- Bẩm quốc công, lũ thần không hiểu tại sao mới giao tranh sơ sơ, bên ta bên địch thiệt hại đều chưa đáng kể mà quốc công đã tính chuyện lui binh. Như thế có làm cho sĩ khí của quân giặc tăng thêm mà Thăng Long lại sớm bị uy hiếp không? Xin quốc công chỉ giáo cho.

Hưng Đạo đáp một cách chậm rãi, như người vừa giảng giải cho lớp hậu sinh họ mới chỉ biết một, mà chưa tính được sự lợi hại tới hai ba. Ông nói:

- Tướng đánh trận tựa như người chơi cờ. Lúc mới giàn trận, quân hai bên đều ngang nhau, nhưng kết cục cuộc cờ lại có bên được bên thua; là do tướng cờ không ngang tài. Nay ta thấy kẻ địch mới tới, sĩ khí đang hăng, người ngựa đều khỏe, lương thảo dư dả, binh khí sắc nhọn mà đầy đủ tới dư thừa, lại tập trung binh lực xoáy vào mấy đường tiến quân. Sức mạnh của chúng, có khác gì con nước lũ từ thác cao rót xuống một dòng suối hẹp. Nếu ta cố dốc toàn lực ra chống lại chúng, khác gì người ở chân thác ngoi lên đánh kẻ trên đỉnh thác; vừa nhọc sức quân, vừa khó thu được thành tựu. Nay ta vừa đánh lại vừa lui, là cũng có ý tập cho quân quen dần với chiến trận, quen dần với một kẻ thù vừa thiện chiến vừa có ưu thế về binh khí. Và có lợi thế về kỵ binh - Người lại hỏi nếu ta lui binh, thời có làm cho sĩ khí của quân giặc tăng thêm không? Có chứ. Nếu giặc đánh tới ba trận mà trận nào chúng cũng ưu thắng, ắt cả tướng lĩnh và sĩ tốt của chúng đều coi thường ta, khinh mạn ta, và tin rằng chúng là đạo quân vô địch. Khi ấy, chúng sẽ tự phụ, coi binh sĩ ta không hơn gì đám giặc cỏ. Chỉ khi ấy, ta mới nhắm được vào sự sơ hở của chúng để mà đánh. Cho nên tướng cao cờ, mỗi khi nhắc đi một quân là rung chuyển cả một thế cờ, rung chuyển cả cuộc cờ. Nhìn lại các gia tướng gia thần một lượt, Hưng Đạo tiếp - Các người lại hỏi - Nếu ta lui binh thời Thăng Long có bị uy hiếp không? Có chứ. Triều đình sẽ rút khỏi Thăng Long. Thăng Long cũng "Thanh dã" như các châu, quận khác. Giặc chiếm được nơi nào, thời nơi ấy là sa mạc cằn khô. Nếu binh ta còn, thời Thăng Long sẽ được khôi phục, lo gì.

Các tướng đều khâm phục đức bình tĩnh, tỉnh táo xét đoán công việc, cũng như sự uyển chuyển trong kế sách kháng giặc của quốc công.

Trương Hán Siêu lại hỏi;

- Bẩm quốc công, chu sư xuôi Vạn Kiếp mà không có quân bộ yểm trợ, nếu giặc dùng quân kỵ đuổi theo thì làm thế nào?

Hưng Đạo vương ve vuốt chòm râu, ông mỉm cười đôn hậu, đáp:

- Bây giờ không phải là lúc giảng hoặc bàn về binh pháp về mưu thuật. Ta mừng vì các ông là quan văn, lại ít tuổi đã để tâm đến việc binh. Song ta lo, kiến thức các ông khiếm khuyết nhiều lắm. Các ông có biết ngày mai là bao

nhieu tháng chạp không? - Ngày hai mươi bảy. Thế thì tháng chạp có mấy con nước? Nước triều xuống vào lúc nào? Đây, cái lỗi của việc có dùng quân yểm trợ hay không là ở đó. Vì rằng tiền quân của Thoát-hoan cách ta tới gần hai ngày đường. Nếu nửa đêm nay giặc xuất quân, thời đầu giờ Mão ngày mai mới giao chiến được. Thế mà chu sư ta ở phía sau, không tham chiến; cuối giờ Ngọ bắt đầu quay mũi thuyền, nước triều xuống lại gặp gió đông bắc thổi mạnh, giương buồm lên nửa thời kỳ binh nào đuổi kịp. Hơn nữa, còn có quân bộ của ta đoạn hậu, lo gì. Hưng Đạo thấp giọng - Nghiệp làm tướng không phải chỉ biết bày trận, tiền quân, đánh thành, phá ải, mà còn phải biết lui đúng lúc, biết thua đúng lúc. Ngoài ra, còn phải thông hiểu cả thiên văn, địa lý nữa, có thể mới tránh được cái họa bại vong. Hưng Đạo ngừng lời khá lâu, không khí nghiêm trang tới căng thẳng. Trần Thị Kiến bèn hỏi:

- Bẩm quốc công, đằng nào ta cũng lui binh, vậy sao không để chu sư lui từ đêm nay cho nhàn sức quân?

- Ha... ha... ha! Hưng Đạo cười to đến nỗi đám gia thần phải bối rối. Bật tiếng cười, ông nói luôn:

- Không được! Không được ! Quân thủy mà tách quân bộ ra chẳng khác nào người đi chỉ có một chân. Sở dĩ ta phải nán chu sư lại bởi ta dự phòng, nếu như cuộc giao tranh sớm mai có thời cơ chuyển từ phản công sang tiến công, thì phải đem cả chu sư vào trận.

Tất thấy đều đúng như Hưng Đạo vương dự liệu. Canh tư ngày hai mươi bảy tháng chạp(27 tháng chạp năm Giáp thân (2 - 2 - 1285), khi mặt trời chưa lên, sương còn phủ trắng cả núi rừng thì tiền quân của Thoát-hoan đã đến trước ải Nội Bàng khiêu chiến. Tại trung quân, Hưng Đạo theo sát diễn tiến của tiền quân từng khắc. Từ trên đài cao nhìn bằng mắt thường cũng thấy quân giặc đông như kiến. Quốc công tiết chế tự nhủ: "May mà đất ta ken dày rừng núi hiểm trở, khiến quân địch không phân phát được được sở trường của kỵ binh". Mặt trời càng lên cao, hai bên đánh nhau càng quyết liệt. Khi giặc lọt vào khe hẻm núi rừng có quân phục kích, thường là chúng không lùi, lớp trước ngã, lớp sau vọt lên. Gặp khi có bầy đá từ hai sườn núi lăn xuống, quân giặc chết như ngã rạ. Chúng không lấy xác nhau, không lấy cả khí giới mà dùng thân người và ngựa làm vật lót đường đi. Chỗ nào có thể đặt được hỏa pháo, hay thạch pháo, chúng chôn bệ bắn như mưa vào quân ta. Nhưng phần nhiều chúng bắn vào sau lưng bọn kỵ binh, bộ binh nhà để xua bọn kia tiến nhanh hơn. Quân ta kịch chiến với quân giặc, thế đã hơi núng. Hưng Đạo bèn cho lui trung quân lại phía sau hơn mười dặm.

Quân ta cự địch suốt từ đầu giờ sửu tới cuối giờ thìn (Khoảng từ 3 giờ sáng đến 10 giờ trưa) giết có tới hàng nghìn tên giặc trước ải. Máu người, máu ngựa chảy thành dòng lênh láng trên mặt đất. Máu nhuộm đỏ tím cả một

vùng cây cỏ. Mùi máu tanh lợm. Mùi khói hỏa pháo cay xè. Từng cơn lốc bụi bởi người, ngựa quần đảo bốc lên phủ kín cả một vùng trời. Lại âm âm trong đó tiếng ngựa hí dài, tiếng hò la thét lác, tiếng rống như bò bị chọc tiết của những tên lính Mông Cổ trúng lao. Tiếng rên, tiếng khóc của những tên bị thương chưa chết hẳn, tiếng thét thất thanh của những tên bị đá đuổi chưa kịp tránh, thì ngựa giẫm trúng mặt. Thúc giục hơn cả là tiếng kèn xung trận của quân Mông - Thát. Nhưng chắc khỏe hơn, vang xa hơn vẫn là tiếng trống đồng của quân ta, ném vào mặt quân thù lớp lớp những sóng âm như búa bổ. Tất cả những âm thanh, màu sắc, mùi vị đó, đều chìm trong trăm ngàn ngọn lửa reo phàn phật cùng với tiếng tre nứa, chum vại nổ lép bép, lớp lớp đổ từ vạn mái nhà do dân tự đốt, khi quân triều đình vừa rút khỏi. Thế là trận tuyến lửa ngăn giữa quân ta và quân thù bùng bùng nổi dậy, và khói nung chín đen cả một vùng trời. Ấy là thế trận của dân binh.

Tại trung quân, Thoát-hoan cùng A-lí Hải-nha đang say sưa chén rượu mừng, vì đại quân đang tiến như vũ bão. Ý đang trù liệu chỉ sớm tối ngày hôm nay là có thể vây gọn cả chục vạn quân của Hưng Đạo. Như cá nằm trong lưới. Hưng Đạo dù có dũng lược như Quan Công, mưu mẹo như Gia Cát Lượng cũng không tài nào trốn thoát. A-lí Hải-nha đang thưa với chủ tướng nhân thừa thắng đánh thốc về Thăng Long.

Giữa lúc chủ tứ đang say mùi máu thì quân vào bẫy: "Hưng Đạo đốt hết cả làng mạc, rừng cây thành biển lửa chặn đứng quân ta..." Thoát-hoan hốt hoảng kéo A-lí Hải-nha lên đài cao quan sát. Tàn than bay tán loạn khắp nơi. Tro rơi lên cả mặt Thoát-hoan. Chợt Trần Nam vương nhìn thấy một toán người, ngựa chừng vài trăm tên đang phóng như bay từ xa lại, khiến tóc gáy ngài dựng đứng lên. Nói líu cả lưỡi:

- Hưng Đạo! Hưng Đạo! - Ý Thoát-hoan muốn nói với A-lí Hải-nha rằng: Kỵ binh của Hưng Đạo đang tràn vào, nhưng ý không kịp nói nữa mà chỉ lắp bắp được cái tên hiệu của quốc công tiết chế. Rồi ý nắm lấy tay A-lí Hải-nha định kéo xuống đài.

Biết chủ tướng đang bối rối vì đòn phản kích bất ngờ, nên hốt hoảng nhìn quân ta ra quân địch, A-lí Hải-nha bình thản đáp :

- Tâu chủ tướng, ngài nhìn kỹ xem, đó là kỵ binh của ta đấy. Vì giống ngựa nòi này rất nhát lửa, cứ hề thấy mùi lửa khói là chúng quay đầu lại.

Thế là trận tuyến bằng lửa của dân binh đã làm chặn bước tiến của quân thù. Giữa lúc ấy, quốc công tiết chế Hưng Đạo vương lấy tiền quân làm hậu quân, yểm trợ cho đại binh lui về Vạn Kiếp.

Độc thúc cho quân sang sông hết thì đã quá ngọ, Hưng Đạo vương bèn quay lại nói với Dã Tượng:

- Hay là ta đi men đường núi rồi liệu vượt sông dưới hạ lưu Thoát-hoan dễ gì đuổi kịp?

Dã Tượng bèn thưa:

- Bẩm đức ông, Yết Kiêu chưa thấy vương, tất không chịu dõn thuyền. Sau một phút do dự, như thăm định lại nhân cách của người nô bộc, Quốc Tuấn bèn ra roi quất ngựa, và chỉ sai hơn mười dặm đường ông đã tới Bãi Tân. Quả nhiên, Yết Kiêu vẫn chờ ông. Hai mươi cung thủ thiện xạ đã sẵn sàng. Hai mươi tay thủy thủ cực khỏe, cực thạo nghề sông nước đã sẵn sàng. Hưng Đạo cảm động bước xuống thuyền cùng với Yết Kiêu, Dã Tượng. Ông vừa ghé xuống khoang thì cũng vừa lúc cánh buồm đã ăn gió lao đi vun vút. Cảm kích bởi tấm lòng nghĩa dũng của Yết Kiêu, quốc công tiết chế nói như nói với chính mình, và cũng có hàm ý khen ngợi hai gia tướng của mình:

- Ôi chim hồng hộc có thể bay cao được tất phải nhờ vào sáu trụ xương cánh, nếu không có thì cũng như chim thường thôi.

Được chủ tướng bày tỏ lòng yêu trọng, hai tướng cung kính thưa:

- Đội ơn đức ông.

Khoảng vàng vàng mặt trời khi Hưng Đạo về tới thái ấp An Sinh, tức là về hương Vạn Kiếp thì có chừng một trăm tên lính kỵ binh Mông Cổ với hai người khách trú (Khách trú: từ ám chỉ người Trung Hoa đã làm ăn sinh sống lâu đời ở Đại Việt, nhưng không được người Việt thừa nhận như người trong cộng đồng nên họ vẫn cứ là "khách") dẫn đường, đến đúng Bãi Tân thì dừng lại. Họ quanh quẩn sục sạo như đang kiếm tìm một cái gì. Rồi có một người giương cung kéo thật căng bắn xuống dòng nước đang chảy xiết. Hai ba người khác bắn theo, tên đều nổi lên ngay tức khắc. Họ hô hoán gọi nhau, và tất cả đều quay ngựa trở lại nẻo Nội Bàng. Rõ ràng toán lính Mông Cổ này được lệnh truy đuổi Hưng Đạo, nhưng chúng đến quá trễ, định vượt sông lại thấy tên nổi, biết là sông sâu không sang được, buộc chúng phải quay ngựa lại.

Về tới Vạn Kiếp chưa kịp thay áo bào, Hưng Đạo đã cho triệu các tướng đến bàn kế đánh, phòng, chấn chỉnh thủy binh, bộ binh, kỵ binh, cất đặt tướng và chia quân trấn giữ các nơi hiểm yếu, cản đường giặc đổ về Thăng Long; không cho chúng tràn về lộ Hải Đông - nơi kho của, kho người.

Lại nói về Thăng Long, từ khi giặc phạm vào cõi, thượng hoàng Trần Thánh tông vào ở hãn cung Quan triều với Trần Nhân tông để cùng lo việc nước cho tiện. Sớm ấy, khi nhà vua còn chưa dùng ngự thiện đã thấy ngựa lưu tinh từ biên ải trở về cấp báo:

- Giặc đã chiếm được ải Nội Bàng, Chi Lăng... Quốc công đã cho lui đại quân về Vạn Kiếp lập phòng tuyến chặn giặc.

Trần Thánh tông nghe tin như sét đánh mang tai, nhà vua không kịp ăn sáng, vội lấy chiếc thuyền nhẹ với vài chục tay chèo khỏe trong đội thiên tử binh của Trần Nhân tông đi thẳng ra Hải Đông. Xế chiều thuyền tới bến, vua cho người triệu Hưng Đạo đến. Lúc này vua mới thấy đói cồn cào, vì sức nhớ từ

sáng chưa kịp ăn gì.

Trong đám tiểu tót chèo thuyền có người cứ lăm lét nhìn vua rồi lại thu tay vào cái bọc của mình. Thấy khả nghi, vua hỏi:

- Tên kia thu giấu cái gì trong bọc đó?

Người ấy sợ quá, bèn thụp lạy:

- Muôn tâu thánh thượng, xin thánh thượng tha tội chết cho kẻ hèn mọn này.

Vua càng sinh nghi, người nghiêm giọng nói:

- Người giấu bọc gì ở trong bụng đó? Có định hại ta chăng?

Người kia luống cuống khóc mà tâu:

- Xin bệ hạ tha tội chết cho. Chẳng là sáng nay trước khi đi hầu bệ hạ, vợ con có nắm cho con một vắt cơm. Thấy bệ hạ từ sáng chưa ăn uống gì, đã mấy lần con định dâng, nhưng sợ phạm tội, vì đây là đồ ăn của sĩ tốt. Người ấy vừa nói vừa mở bọc lôi ra một nắm cơm bọc lá chuối, hai tay run run dâng lên, giọng nghẹn ngào:

- Muôn tâu bệ hạ, con chưa dám đụng tới một hạt nào, xin bệ hạ tha tội.

Thánh tông đỡ lấy, vội mở bọc lá chuối ra, thấy một nắm cơm gạo đỏ. Nhà vua cười và nói:

- Người có tội gì mà xin tha. May có người cứu ta khỏi đói, tấm lòng trung ấy sao ta quên được. Nói rồi nhà vua bẻ nắm cơm chia đều cho mọi người.

Ai nấy cảm động rung rung nước mắt. Vua hỏi:

- Vậy chớ người tên gì?

- Dạ bẩm đức vua, con tên là Trần Lai.

- Ta ban cho người tước thượng phẩm kiêm chức tiểu tư xã. Đẹp xong giặc ta cho người về quê quán nhậm chức ấy mà hưởng lộc.

Trần Lai sụp lạy mãi không thôi.

Nhà vua quay ra dặn viên quan phụng ngự đi theo:

- Người nhớ ghi vào sổ sách, khi yên bình nhắc lại ta việc này. Đừng để ta mang tiếng là một ông vua bất nghĩa, chỉ hứa hão.

Thấy thuyền ngự ghé vào đất hương Vạn Kiếp, lính viễn thám tức tốc về tâu.

Hưng Đạo vội vàng lên ngựa phóng ngay ra bên sông. Vẫn còn thấy tay nhà vua đang cầm miếng cơm gạo hẩm đưa lên miệng. Chứng kiến cảnh vua tội lam lũ, Hưng Đạo thực sự đau lòng, và ông cảm như chính mình có lỗi.

Quốc công chống kích nhảy xuống ngựa, rồi lật đật leo lên thuyền ngự sụp lạy:

- Để thượng hoàng phải khó nhọc thể này, tội thần đáng muôn chết.

Nói xong, Hưng Đạo ngừng nhìn nhà vua và đoàn hộ giá, không thấy nhà vua đáp lời, mà ai nấy đều chú mục gườm gườm nhìn mình. Linh tính, Hưng Đạo ngó xuống, thấy tay vẫn còn nắm ngang cây kích có đầu bịt sắt nhọn, ông bèn ném chiếc kích xuống sông, lại rập đầu tâu:

- Không can được giặc, để bệ hạ phải dãi dầu ngọc thể, tội thần đáng muôn

chết.

Thấy cử chỉ đằng hoàng, lời nói trung chính, Thánh tông như có ý hối, nhà vua đỡ Hưng Đạo dậy và hỏi han gấp gáp các trận giao chiến và việc lui quân. Hưng Đạo tâu trình mọi việc đầu ra đuôi. Thánh tông tạm yên tâm vì thế không giữ được, đành phải lui quân để bảo tồn sinh lực, âu cũng là một phương lược của kẻ làm tướng. Nhà vua ước hỏi:

- Thoát-hoan phao tin là chúng đánh ta để chiếm đất, để đặt các chức quan cai trị của chúng. Thế mà chúng tàn sát dân vô tội đầy đồng. Hay là... nhà vua ngập ngừng - Hay là ta có nên tạm hàng chúng để cứu sinh linh trăm họ. Hưng Đạo vòng tay thưa:

- Lời bệ hạ nói đúng là lời của bậc nhân giả. Nhưng còn tông miếu xã tắc thì sao?

Nỗi xót xa cay đắng dâng lên nghẹn ứ lòng vị quốc công tiết chế. Quốc Tuấn tự hỏi, vậy là từ bây nay ta đã làm tất cả, mà vẫn chưa hóa giải được lòng nghi kỵ cổ chấp của anh em Thánh tông. Phần vì căm tức loài giặc dữ; phần giận mình chưa đủ lực quật ngã chúng ngay từ ngoài biên ải để nhà vua phải lặn lội lo âu; phần tủi vì nhà vua chưa cảm thông được với tình thế và nỗi gian truân của kẻ làm tướng. Việc đánh giặc đâu có như đánh bạc, dộc túi đánh một nước liều, được ăn cả ngã về không. Đánh giặc mà liều, là đem cả một dân tộc, một quốc gia dâng hiến cho chúng, và tự biến mình thành một tên hề của lịch sử. Trần Quốc Tuấn nghiêm giọng nói tiếp:

- Nếu bệ hạ muốn hàng, trước hết hãy xin chém đầu thần. Đầu thần nếu còn, xã tắc cũng còn. Xin bệ hạ đừng lo, thần đã có kế đánh bại giặc.

Nói ra được đôi lời ẩn ức, Hưng Đạo thấy lòng vui nhẹ. Và bỗng cảm thông với nỗi lo của Thánh tông, ông lựa lời an ủi đức vua:

- Chắc bệ hạ còn nhớ chuyện Hán Sở tranh hùng? Lưu Bang bị Hạng Võ đánh cho chạy dài. Hạng Võ đã thu phục gần hết thiên hạ, ấy thế mà Hàn Tín chỉ bày có một trận Cai Hạ dồn trăm vạn quân Sở vào vòng khốn đốn, khiến Hạng Võ phải tự vẫn trên sông Ô Giang; thiên hạ về với nhà Hán. Lại trận giặc xâm lấn cõi bờ ta năm Đinh tị(1257) hãn bệ hạ cũng còn nhớ? Ngày ấy giặc dồn quân ta từ biên ải về đến tận Long Biên. Tiên quân ta đón đánh ở bến Đông, chỉ một trận mà phá được giặc. Nay Thoát-hoan mới vào cõi, lũ chúng khác nào như đàn hổ sông Chuông, ta phải lựa bắt sao cho khéo để chúng đỡ gây họa. Xin bệ hạ hãy tin vào sĩ tốt, tin vào thần dân mà vững tâm lèo lái con thuyền quốc gia vượt qua khúc quanh lịch sử này.

Thấy lời nói khẳng khái lại thêm khí sắc của Quốc Tuấn- người đứng đầu toàn quân nghe có vẻ ôn nhuần, tươi vượng lắm, nên Thánh tông đã thấy vững dạ tới tám chín phần. Hưng Đạo bèn rước nhà vua về đại bản doanh, đề cùng bàn việc điều động quân mã và kế sách chống giặc.

Quốc Tuấn đã điều thêm quân từ các lộ Hải Đông, Vân Trà, Ba Điểm, chọn

những người dũng cảm làm tiên phong Lại điều cả quân của các vương hầu về hợp lực. Riêng các vương, con Trần Hưng Đạo như Hưng Vũ vương Nghiễn, Hưng Trí vương Hiến; Hưng Hiếu vương Uất; Hưng Nhượng vương Tảng điều từ các xứ Bàng Hà(nay là đất huyện Thanh Hà, Hải Dương), Nà Ngạn(thuộc đất huyện Lục Ngạn, Bắc Giang ngày nay), Trà Hương(nay là đất huyện Kim Thành, Hải Dương), An Sinh (An Sinh là thái ấp của Trần Liễu, Hưng Đạo thừa kế, nay đất huyện Đông Triều (Quảng Ninh) thêm một phần đất huyện Chí Linh và Kinh Môn (Hải Dương). Long Nhân(Nay là đất thuộc vùng huyện Yên Dũng Bắc Giang và vùng phụ cận nơi hợp lưu giữa sông Thương và sông Lục Nam) về cũng ngót hai chục vạn quân cùng với trên một nghìn thuyền chiến. Tất cả đều về hội ở Vạn Kiếp dưới sự điều khiển của quốc công tiết chế thống lĩnh chư quân sự Trần Quốc Tuấn. Tin các đồn ải biên thủy và Nội Bàng thất thủ bay về làm chấn động cả Thăng Long.

Vua Nhân tông cho gọi quan đại an phủ sứ đến dụ: "phải thu xếp cho người già, đàn bà, trẻ con đi lánh nạn, chớ ham nán lại ăn tết ở kinh mà mắc vạ. Lại sai Nhân Túc vương Toàn là người coi sóc phủ Tông chinh đem phân tán bớt đồ tế khí, thờ tự về Long Hưng và thu xếp nơi ăn ở cho các người trong hoàng gia về lánh nạn".

(Long Hưng nay thuộc địa phận tỉnh Thái Bình - đất mở nghiệp của nhà Trần, nơi lưu giữ lăng mộ các vua Trần.)

Việc thu xếp các vật dụng đem theo về Long Hưng và cất giấu các đồ gia bảo, An Tư công chúa trao cho mục quản gia điều hành. Vậy mà nàng vẫn cứ bán lên. Sáu mươi tư thị nữ làm việc luôn tay suốt cả ngày, mà vẫn chưa đâu vào đâu. Vì rằng chốc chốc công chúa lại đổi lệnh. Tính nết nàng trở nên thất thường, ấy là bởi đã ba hôm nay, Chiêu Thành vương không ghé lại thăm nàng. Đã mấy lần nàng thảng ngửa đi tìm chàng, vẫn không gặp. Đúng là thời loạn, việc bình như việc ma. Nàng đã cảm thấy nản lòng. Hết đứng, ngồi lại đi dạo hoặc ngó xem đám ti nữ thu dọn đồ đạc ra sao. Có khi nàng xông vào giũ tung ra tất cả. Rồi truyền cho gói gọn lại tất cả. An Tư cay đắng nhủ lòng: "Có nhẽ nào trước khi tạm biệt Thăng Long, ta lại không gặp được chàng". Khuya lắm, nàng vẫn ngồi tựa án nhìn cây bạch lạp cứ ngẩn dần, ánh sáng lung linh vẽ hình nàng xiêu vẹo trên vách tường, nom chập chờn như một bóng ma. Ngoài hiên, gió bắc quét ào ào kéo theo cái lạnh tê tái. Mọi năm vào dịp này, trong các cung phủ tung bừng như hội. Ngoài phường phố chợ búa đông vui, dân đi sắm tết đông nghìn nghịt. Năm nay thì bốn bề gió thổi, kinh thành im phăng phắc như vừa trải qua một trận đại hồng thủy. An Tư đang gặm nhấm nỗi đau của chính mình, bởi nàng không chia sẻ được cùng ai, và cũng không có ai để chia sẻ. Vua cha và mẫu hậu đã từ giã cõi đời từ lâu. Hoàng thượng tuy có yêu chiều nhưng đấy chỉ là bôn

phận của thứ quyền huynh thế phụ. Nhũ mẫu thì điếc đần, nói như quát bà cũng chẳng thèm nghe, còn chia sẻ nỗi gì. Đám tì nữ thì vì thứ bậc dưới trên, dù có kết thân, chúng cũng không dám gần gũi bộc lộ tâm tình. Bởi thế, nàng sống trong cung, lựa là gấm vóc, của ngon vật lạ, kẻ hầu người hạ không thiếu một thứ gì mà nàng vẫn thấy thiếu thốn, cô đơn. Có bữa đi dạo, nàng đã lạc vào xóm Trích Sài, ghé thăm một căn nhà nhỏ như một túp lều của vợ chồng người tiểu phu. Cặp vợ chồng mới cưới nhau được cha mẹ cho ở riêng, làm nghề hái củi độ thân. Họ nghèo lắm. Nghèo đến mức nếu nàng không được nhìn tận mắt gia cảnh họ, thời nàng cũng không thể hình dung ra được. Song nàng lại ao ước được sống trong cảnh thanh bần mà yên ấm của họ.

Giữa lúc An Tư hờn tủi và chán chường đến cùng cực thì Chiêu Thành vương ào đến. Chàng đến như làn gió xuân tươi tắn làm cặp má nàng vụt đỏ au. Công chúa choàng ôm lấy chàng, gục đầu vào ngực chàng nức nở. Chàng cũng xiết chặt nàng trong vòng tay, và đặt lên má lên môi nàng những nụ hôn đắm thiết.

Hai người trò chuyện tíu tít như một cặp uyên ương, gương mặt họ trong sáng không hề có gợn ám chiến chinh. Bỗng từ đâu đó vang lên tiếng trống sang canh. Chiêu Thành vương giật mình buông cánh tay đang ôm ấp nàng ra, chàng ngơ ngác giây lâu và chợt hiểu, đã đến lúc phải chia biệt nàng. Nhìn nét thoáng hiện trên gương mặt Chiêu Thành vương, An Tư hoảng hốt như là nhìn thấy một cái gì đó lóa ra từ hai tròng mắt chàng thật khủng khiếp, như là sự chết; còn hơn cả sự chết, song rất khó nhận ra hình thù nó. Nàng hét lên:

- Không ! Không! Em không cho chàng đi đêm nay. Nàng ghì chặt lấy chàng như sợ có một tai họa nào sắp xảy ra, như có một lực lượng tàn bạo nào sắp đến cướp mất chàng. Toàn thân nàng run lên.

Chiêu Thành vương dìu An Tư vào giường. Gương mặt nàng bệch ra như đắp bằng sáp. Nằm bên nàng, chàng lựa lời an ủi cho nàng đỡ sợ. Bây giờ chàng mới hiểu cái gì làm cho nàng sợ. Một làn gió ập đến làm rung khung cửa, ném vào trong nhà một thứ mùi mà vương thấy vừa khác lạ, vừa ghê rợn. Hình như chàng đã một lần cảm nhận thấy nó ở đâu? Vương cố moi ký ức, và chàng đã tìm được. Đó là lần cách đây không lâu chàng lên biên ải, đi thám sát dọc một dải biên thùý trấn Lạng Châu, chàng đã ngửi thấy cái mùi tựa tựa như thế này; nó làm chàng sởn gai ốc, đến nỗi chàng phải lánh vào một ngôi chùa cho đỡ sợ. Và vị hòa thượng đã gọi tên nó là: "tử khí". Ngài tiên đoán sẽ có một tai họa, một cuộc đổ máu cực lớn sắp xảy ra. Ngài cầu việc đó với Phật tổ, và nguyện cầu cho trần gian thôi thù hận. Đáng tiếc, lòng tốt của hòa thượng, và đức từ bi của Phật cũng không ngăn được tham vọng cuồng khấu của cha con Hốt-tát-liệt.

Trước sự âu yếm vỗ về của Chiêu Thành vương, công chúa đã trở lại bình tâm, gương mặt nàng đã tươi tắn. Và trên lầu trống lại đổ sang canh. Vương nóng lòng muốn trở lại quân doanh, nhưng không nỡ dứt tình. An Tư nhìn chàng như cầu khẩn. Chàng nghe được tiếng nói từ mắt nàng: "... Xin chàng đừng bỏ em đi lúc này. Chàng là cánh chim bằng, em không thể cầm giữ và cũng không cầm giữ. Bởi chàng không còn là của riêng em. Chàng cũng không còn là của riêng chàng nữa. Mà chàng là của thiên liêng sông núi. Bôn phận chàng là phải gìn giữ non sông. Em khao khát được làm một đấng tu mi, để được thỏa chí cùng chàng vẫy vùng nơi hồ hải...".

Một tiếng nói khác thức tỉnh Chiêu Thành vương, chàng cảm thấy tự thẹn vì quá vương vấn tư tình mà lơ là trách phận. Chàng ghé cặp môi nồng vào môi nàng và lựa lời nói khẽ:

- Nàng tha thứ cho ta. Ta phải trở lại quân doanh. Sớm mai ta sẽ đến với nàng.

- Không! Giọng nàng quyết liệt. Nàng ghì siết lấy cổ chàng mà rít lên - Em không cần cái ngày mai ấy ! Ngày mai là dối trá ! Không có ngày mai! Không có ngày mai! Nàng hét lên. Và rời vòng tay không ghì siết cổ chàng nữa, giọng nàng mềm yếu hẳn đi - Xin chàng gia ân cho em chi lần này thôi - trọn đêm nay xin chàng ở lại cùng em. Em sợ lắm. Em linh tính như đêm nay là đêm hai ta vĩnh biệt. Nước mắt nàng nhoen đầy khuôn mặt trong sáng như gương. Nàng thấp giọng thì thầm... Em... em xin hiến dâng chàng đời thiếu nữ... Nàng lại ghì siết lấy chàng mà nức nở. Vừa lúc ngọn bạch lạp vụt sáng bùng lên rồi lụi tắt.

Chiêu Thành vương nén một hơi thở sâu vào đáy dạ, và thầm nghĩ: ta dù có dư sức lay thành chuyển núi, cũng không gỡ nổi đôi tay nàng. Và chàng... Khi Chiêu Thành vương đã chìm trong giấc ngủ say nồng thì công chúa lại tỉnh thức. Nàng ngẩng nhìn chàng trong bóng đêm huyền ảo. Nàng chưa kịp cảm nhận ra điều gì đã đi qua đời mình, mà chỉ xót xa vì cái ngày mai không có nữa. Ngày mai chàng là người của chiến chinh. Ngày mai ta vĩnh biệt Thăng Long.

An Tư vẫn dăm dăm nhìn chàng. Bóng đêm cũng không thể khóa lấp được gương mặt Chiêu Thành vương hiển hiện trong trí não nàng. Này vầng trán cao vuông vức. Này cặp mắt đen to, hơi xéch, ánh mắt lấp lánh như phát hào quang, đôi lông mày rậm, dài đen nhúc. Chiếc mũi thẳng, chuẩn đầu cao trông đến là xinh. Lưỡng quyền nở nang. Cằm bạnh hơi vuông, lại được đôi tai dài mà đầy đặn. An Tư đặt tay lên ngực chàng. Lồng ngực phập phồng, hơi thở trầm sâu. Nàng thầm nghĩ:

- Vậy là chàng vẫn chưa biết ngày mai là ba mươi tết. Chàng vẫn chưa biết ngày mai ta phải lánh nạn về Long Hưng. Mà cũng phải, nếu biết, chàng càng thêm khổ thêm buồn vì ta.

Trống tàn canh đổ nhịp thì thùng. Lần này chàng ngủ say không nghe được. Rạng sáng. Nàng nhìn rõ khuôn mặt chàng không có gì khác với nàng vẽ hình chàng trong tâm. Nàng đau đớn thốt ra lời: - Ôi ta phải xa chàng thật ư? Mãi mãi xa chàng ư? Có lẽ nào ta lại không được cùng chàng xum họp ấm êm, như cặp vợ chồng tiểu phu nơi xóm Trích Sài kia! Nước mắt nàng rơi lã chã trên tấm ngực trần của vương. Ngoài kia, tiếng vó ngựa khua mỗi lúc một gần.

Và có hiệu chuông nơi cổng báo gọi có hoàng thượng đến thăm. An Tư cuống quýt lay chàng:

- Vương ơi! Vương ơi, có hoàng thượng ghé thăm cung!

Chiêu Thành vương choàng dậy. Chàng vội chạy ra tàu ngựa. An Tư đón tiễn chàng nơi cổng sau. Nàng chỉ kịp nói một điều:

- Sớm mai em về Long Hưng lánh nạn.

Chiêu Thành vương gật đầu và ngoái dạn:

- Nàng đừng buồn? Rồi chàng vút ngựa.

An Tư thần thờ nhìn theo bóng chàng dần khuất trong sương, miệng thì thầm: - Em chờ vương. Em chờ vương !...

CHƯƠNG 21

Sớm ngày mừng một tết (Tết át dậu, tức ngày 6-2-1285), Thăng Long vắng ngắt. Hai cha con Trần Thánh tông, Trần Nhân tông cùng một vài quan đại thần vào dâng hương trong nhà thái miếu. Lễ vật do phủ Tông chinh dâng biền rất sơ sài, chỉ có hương đăng, sớ điệp. Hai vua làm lễ xong rồi trở về cung làm việc. Trần Nhân tông tự đốc thúc đội thiên tử binh, phối thuộc có Chiêu Thành vương đứng đầu các đội cấm vệ quân. Thượng tướng Trần Quang Khải cũng đã lo xong việc phòng thủ kinh thành; lại có thêm cả đội quân của tráng sĩ thiếu niên Trần Quốc Toản phụ trấn. Cũng từ hôm nay, nhà vua không dùng mũ áo hoàng đế như thời bình nữa, mà dùng y phục thường dân để đi lại cho tiện. Một lần nữa nhà vua lại cùng đi với quan đại an phủ sứ của kinh sư để úy lạo dân binh. Qua các phố phường, chỗ nào cũng thấy san sát các chữ "SÁT THÁT" to tướng viết lên các tường vôi, hoặc viết vào giấy dán lên tường. Nhà vua dừng lại xem hơi lâu trong một đám độ năm sáu cụ già, đang hý hoáy viết những dòng chữ: "Tất cả các quận, huyện trong nước, nếu có giặc ngoài đến phải liều chết mà đánh. Nếu sức không địch nổi thì cho phép lần tránh vào rừng núi, không được đầu hàng...". Các cụ vừa viết xong thì nhà vua tiến lại hỏi:

- Sao các cụ không đi lánh giặc?

Các cụ cùng cười trơ cả hai hàng lợi móm, đáp:

- Chúng tôi ở lại đánh giặc với con cháu. Một cụ chỉ vào những dòng chữ viết còn chưa ráo mực nói:

- Viết ra những lời kia, không phải để trốn chạy.

Đúng là các cụ không biết rằng mình đang nói chuyện với đức vua và quan đại an phủ sứ. Tới một quãng có bức tường vôi trắng của nhà quan ngự sử, các cụ dừng lại viết tiếp. Những bảng treo, những chữ viết như "SÁT THÁT", "THANH DÃ"... đã nhan nhản khắp phố phường Thăng Long; nhan nhản khắp nước.

Vua Trần Nhân tông rất đẹp lòng về thần dân của mình.

Quãng gần trưa ngày mừng một Tết, thì quan thiện trung đại phu Nguyễn Đức Dư, đi sứ đã về tới Thăng Long. Thấy cảnh kinh thành hoang vắng, trong bụng ông hơi lo. Nguyễn Đức Dư đi thẳng vào cung Thánh từ, nhưng phải trở ra cung Quan triều mới gặp được thượng hoàng Trần Thánh tông. Trước hết, ông trình vua việc Thoát-hoan giữ quan triều tỉnh lang Nguyễn Văn Hàn; rồi dâng bức thư của Thoát- hoan gửi vua Trần, nói lại các việc

mắt thấy tai nghe trên đường đi về, và tất cả những điều lượm lặt được trong trướng hồ của Thoát-hoan. Riêng việc một mỹ nữ đến báo cho các điều quan yếu, và xưng mình là "Nghĩa nữ của Thăng Long" thì tới nay ông vẫn chưa hiểu được người đó là ai. Còn viên tổng bả A-li, chỉ đưa sứ ta hết địa phận quân Thát-đát chiếm giữ, rồi y quay lại. Đức vua suy ngẫm giây lâu cũng không giải đoán được. Bỗng nhà vua "à" lên một tiếng rồi bảo:

- Hay hỏi bên phủ Chiêu Minh có đặt ngoại gián ở bên đó không? Nhà vua cho người đi triệu cả quan gia và thượng tướng Trần Quang Khải cùng tới nghị bàn.

Khi vua Nhân tông và thượng tướng Trần Quang Khải đã tới chầu, thượng hoàng mới cho mở thư của Thoát-hoan ra đọc. Trần Thánh tông giận dữ ném thư đi và mắng:

- Quân lang sói. Dem năm mươi vạn binh mã đánh tràn vào đất người ta, lại còn cứ nhai nhải đòi quốc vương người ta phải ra đón. Bỗng nhà vua cười ngất, rồi tiếp - Đến lúc này mà thằng nhãi ranh Thoát-hoan vẫn cứ mở mồm nói là: "Mượn đường đi đánh Chiêm Thành chứ không có ý dòm dò An Nam" - Khanh có biết tên nào thảo dụ này không? - Trần Thánh tông quay ra hỏi Nguyễn Đức Dư - Lý Hằng hay Ô-mã-nhi?

- Dạ, muôn tâu, dụ này do tên A-lí Hải-nha viết. Người tự xưng là "Nghĩa nữ của Thăng Long" đã nói với thần như vậy.

Bỗng Trần Quang Khải reo lên:

- Thánh thật! - Tâu bệ hạ, chính anh Quốc Tuấn đã đoán chắc có tên A-lí Hải-nha đang ở dưới trướng Thoát-hoan, nhưng y giấu mặt. Còn việc nàng nghĩa nữ của Thăng Long, gửi lời chào hoàng muội An Tư thần cũng chẳng biết là ai. Tiếc rằng hoàng muội vừa về Long Hưng lánh nạn hôm qua. Có nhẽ lại phải phiền quan thiện trung đại phu về Vạn Kiếp cho một chuyến, may ra sự việc mới được tỏ sáng.

Thánh tông cũng quyết: Tạm chấm dứt công việc bang giao với nhà Nguyên. Lại nói về Thoát-hoan sau khi chiếm được ải Nội Bàng, bèn hội tả hữu lại bàn. Y nói phủ đầu:

- Vậy là ngọn cờ nhà Đại Nguyên trở về đâu thì ở đó phải thành tro bụi. Ta tiếc các người tiến binh quá nhanh để cho Hưng Đạo trốn thoát. Nhân thừa thắng, ta định đưa đại quân đánh thẳng vào Vạn Kiếp bắt sống Hưng Đạo, rồi vào Thăng Long bắt cha con Nhật Huyền trị tội luôn thể. Ý các ông thế nào? - Thoát-hoan gặng hỏi.

Ô-mã-nhi bèn thưa:

- Cao ý của Trần Nam vương dạy rất phải. Nếu kẻ địch đã thua chạy, ta phải truy đuổi đến cùng, không cho chúng ngưng nghỉ một giây nào để chúng không có thời cơ tụ quân hồi sức.

- Phải, ông nói rất hợp ý ta - Thoát-hoan ngắt lời Ô-mã-nhi và hỏi tiếp - Vậy

chở thuyền bè hiện có trong tay ông là bao nhiêu? Thủy binh ta đã sẵn sàng khai chiến được chưa?

- Dạ bẩm, thần hiện có trong tay non bốn trăm chiếc thuyền. Đây là thuyền quân đi thu gom, phần nhiều là các thuyền chài lưới nhỏ bé, thuyền buôn mỏng mảnh mà dân quê đã chọc thủng hoặc đốt cháy dờ dang. Quân đang ngày đêm sửa chữa, gia cố để dùng tạm. Dù có sửa xong thì cũng chỉ dùng để chở quân chứ không thể làm thuyền chiến được. Một số khác đang cho quân vào rừng xẻ gỗ đóng, nhưng phải vài tháng công việc mới hoàn tất. Bẩm Trần Nam vương, quân đi do thám về nói rằng, chu sư của Hưng Đạo có trên một ngàn thuyền chiến; chiếc nhỏ cũng chở được một đô quân. Lại người Nam quen thuộc sông nước thạo nghề đánh thủy, cho nên ta không thể coi thường chúng được.

Ô-mã-nhi vừa dứt lời thì viên vạn hộ Bột-la-cáp-đáp-nhĩ (Bolquadar) tiếp luôn:

- Tâu Trần Nam vương, tiểu tướng đánh với giặc trên ải Lão Thử, do viên tướng Trần là Phạm Ngũ Lão trấn giữ, tuy có đuổi được giặc đi, nhưng không phải thắng được chúng dễ dàng đâu. Viên tướng này ranh ma lắm, và quân An Nam cũng không phải loại giặc cỏ như ta thường nói về chúng. Nghe Bột-la-cáp-đáp-nhĩ nói trái tai, Thoát-hoan đưa mắt lườm y và vẫy tay cho y an tọa.

Vạn hộ Lý Bang Hiến ngồi cạnh vạn hộ Nghê Nhuận cũng ghé tai nhau thì thầm: "Ông ta nói đúng. Thắng được quân An Nam không dễ đâu". Ấy là hai viên tướng người Hán nói nhỏ với nhau vậy thôi, chứ không dám hở môi trước người Mông Cổ.

Tả hữu im phăng phắc. Các tướng đều sợ nói hết sự thật về các thiệt hại trong quân, và tinh thần chiến đấu bền bỉ của người An Nam sẽ làm Trần Nam vương nổi giận. Mà không nói, cứ để tiến quân hồ đồ, chắc không tránh khỏi tai họa. Biết dưới trướng chỉ có hai người mà Thoát-hoan tin nể là A-lí Hải-nha và Lý Hằng, nên các tướng đều dòn mắt nhìn về phía họ.

A-lí Hải-nha và Lý Hằng đều biết vị thế của mình lắm. Không phải bọn họ không có chủ kiến trong thế trận mới này, mà họ muốn nghe các tướng đã đương đầu với quân Đại Việt nói về các chỗ mạnh yếu của đôi bên, để từ đó định ra kế sách tiến binh cho đắc lợi.

Sợ để lâu bầu không khí căng thẳng này sẽ khiến cho Thoát-hoan nổi nóng, Lý Hằng lên tiếng:

- Cái chí của Trần Nam vương là phải bắt Hưng Đạo trươsc, bắt cha con Nhật Huyền sau là vô cùng anh minh. Thật ra, nếu bắt được Hưng Đạo thì cha con Nhật Huyền phải tự trói mình đến lạy trước trướng, chứ vương cũng không cần phải tiến binh nữa. Tuy vậy, muốn bắt được con mãnh hổ này, ta phải tinh tuyền phương sẵn cho thật tốt, kéo lại vỏ hệt như trận Nội Bàng

vừa qua thì phí sức. Vừa rồi, tướng Ô-mã-nhi nói đang đốc thúc thuyền bè dùng cho thủy binh. Chắc không thể hoàn tất từng ấy con thuyền cùng dây buộc, buồm, lái mà chỉ trong một vài ngày. Lại nữa, ta cũng phải đợi một một vài ngày nữa cho quân từ Tư Minh còn sang kịp. Trận này xin vương cho quân đã tham chiến được tạm nghỉ, chỉ lấy thuần quân mạnh khỏe mới từ bên nước đưa sang để vào trận.

Thật ra, Lý Hằng cũng không thể nói hết các điều mà y nghĩ. Qua đầu tài độ sức với Hưng Đạo và quân sĩ nhà Trần y tự biết cần phải làm gì trước khi đối đầu trở lại với ông. Chính vì thế y muốn Thoát-hoan lui ngày tiến binh lại ít bữa để còn soạn sửa công việc cho thật chu đáo, kín nhem thì mới có cơ may đánh bại vương. Nếu đánh bại được Hưng Đạo, thì công việc còn lại chỉ là sắp đặt các chức quan cai trị trong toàn cõi Đại Việt mà thôi.

A-lí Hải-nha cũng nói:

- Trong quân có quá nửa là người Hán, người Miêu, phong tục của họ không có gì thiêng liêng bằng ngày tết, mà bữa nay đã là ngày hai mươi chín, xin Trần Nam vương gia ân cho họ hưu chiến ba ngày để họ vừa ăn tết, vừa lo nốt các việc quân đặng. Lại xét kỹ các nguồn tin do thám, thời số quân của Hưng Đạo đã điều về Vạn Kiếp ước khoảng hơn hai mươi vạn, nhất là thủy binh và tượng binh của họ không thể coi thường được.

Các điều do Lý Hằng, A-lí Hải-nha tâu xin, Thoát-hoan đều ưng ý cả.

Riêng A-lí Hải-nha thấy còn một việc nữa nên làm, ấy là dụ bảo vua Trần ra hàng. Y biết trụ cột của nước này là Hưng Đạo. Nếu Hưng Đạo bị vây khốn, vua Trần sẽ hốt hoảng mà ra hàng. Nhật Huyền đã hàng rồi thì lòng quân sinh biến, lúc ấy Trần Nam vương không dụ, Hưng Đạo cũng về hàng.

Nhưng vây bủa được viên tướng này cũng không phải là việc dễ. Và lại, nếu khinh xuất, lỡ để xảy ra điều gì thì ân hận suốt đời. A-lí Hải-nha nhớ, trước giờ xuất chinh, hoàng đế Hốt-tát-liệt còn tới thăm quân và gọi riêng y với Lý Hằng vào trong trướng để ủy thác. Thiên tử phán: “ Nay thái tử lĩnh ấn Nam chinh, vũ dũng tuy có thừa mà cơ mưu còn nông cạn, khiếm khuyết lắm. Hai người là chân tay thân tín của ta cùng phò thái tử, sao cho cuộc chinh phục đại thành tựu, thời công các người lớn lắm. Các người nên nhớ, năm Đinh tị, Ngột-lương-hợp-thai đã thua trận ở xứ này. Vậy ta ủy thác hai người phải trợ giúp thái tử cho viên mãn. Vạn nhất xảy ra điều gì rủi ro, thời tội của hai người cũng lớn lắm . . . ”.

Lời ủy thác nghiêm cẩn ấy như còn văng vẳng bên tai khiến A-lí Hải-nha lại càng phải cẩn trọng.

Thấy các tướng đều nói về sức mạnh của quân Đại Việt cùng với sự nể trọng trước tài cầm quân của Hưng Đạo, đã làm cho Thoát-hoan phải nghĩ lại. Bởi y không thể coi thường lời bàn của các tướng tài lỗi lạc, mà vua cha đã ưu ái cho theo để giúp rập trong quân. Thoát-hoan bèn cho tả hữu lui hết, chỉ lưu

A-lí Hải-nha và Lý Hằng dưới trướng.

- Ta hỏi thật các ông, có phải quân ta sợ quân An Nam không?

- Tâu đại vương, làm gì có chuyện ấy - Lý Hằng đáp.

- Sao ta thấy tướng nào cũng nói bọn chúng ghê gớm thế. Lại còn chuyện đám sĩ tốt An Nam dám hỗn xược thích hai chữ "Sát Thát" vào cánh tay. Ta hện, vào Thăng Long, ta sẽ cho quân chặt đủ một vạn cánh tay có chữ ấy, xếp chặt đến nóc điện Thiên An, rồi nhốt cha con Nhật Huyền cùng Hung Đạo vào đó.

- Tâu đại vương - A-lí Hải-nha điềm đàm nói - Các tướng chỉ muốn lưu ý: quân Đại Việt không phải là đám giặc cỏ, mà chúng là những binh sĩ đã được huấn luyện đầy đủ, chớ coi thường chúng.

Thoát-hoan dẫn giọng hỏi tiếp:

- Ta thấy các tướng có vẻ kính nể Hung Đạo, điều ấy có đúng không? Hai ông cho Hung Đạo là người như thế nào?

- Tâu đại vương, Hung Đạo là một tướng biết đánh trận, biết thua trận - A-lí Hải-nha đáp.

- Bẩm đại vương, Hung Đạo là một tướng quý quyết – Lý Hằng nói.

- Thế nào là biết đánh trận, biết thua trận ?

- Tâu đại vương - A-lí Hải-nha nói - Cứ xem cách bày trận, cách phòng chống của quân An Nam đủ biết Hung Đạo là người có kiến thức hơn đời nhiều lắm. Trận bày lộ mà kín như bưng. Thế trận tưởng như dễ phá, nhưng thực biến ảo khôn lường. Lại lấy quân ít chống quân nhiều mà quân không rối. Như thế gọi là tướng biết đánh trận. Nhưng biết thua trận mới thực là tướng giỏi. Tâu đại vương, đại quân ta tràn qua biên thùý, phá vỡ các ải, tiến sâu vào trong cõi họ, như thế là họ đã thua. Tuy chưa thua hẳn, nhưng vẫn là thua. Họ thua nhưng vẫn bảo tồn được binh lực, vẫn lập lại được trận tuyến tức thời để chống lại ta. Thế quân họ vẫn vững. Như thế gọi là tướng biết thua trận.

- Còn ông? - Thoát-hoan hắt hàm hỏi Lý Hằng - ông bảo Hung Đạo là một tướng quý quyết. Vậy thế nào là một tướng quý quyết ?

- Bẩm đại vương, Lý Hằng đáp - Khi đại quân ta đang ở Kinh Hồ, Hung Đạo đã cho quân củng cố các đồn ải vững chắc, lại cử các tướng lão luyện lên trấn chẹn các nơi hiểm yếu. Tưởng như họ phải quyết giữ ải đến người cuối cùng, nhưng họ đã bất ngờ rút đi thực là kín nhem. Khi quân ta chợt nhận ra truy đuổi, lập tức thế trận lửa lại đột ngột nổi lên. Cứ ngỡ họ đang tạo thế phản công, nhưng thực ra là họ lui hẳn. Tướng mà cơ mưu quyền biến khiến đối phương không dò đoán được ý đồ, như vậy là tướng sảo lắm chứ.

Khi Lý Hằng nói dứt lời, Thoát-hoan có vẻ tư lự. Con người này như đang có gì lao lung suy ngẫm. Chợt Thoát-hoan ngừng phất đầu lên nói với giọng quả quyết:

- Ta sẽ xin thiên tử cấp thêm hai mươi vạn binh nữa. Ta thề phải bắt bằng được Hung Đạo đưa về dưới trướng.

A-lí Hải-nha thâm nghĩ: "Ta với Lý Hằng chỉ răn đe, cho thái tử bớt nóng nảy hồ đồ, ai dè chính ông ta lại đâm nể sợ Hung Đạo. Đến nỗi quân chưa vào trận lớn đã vội xin

thêm viện binh, chắc gì thiên tử y cho. Dù thiên tử có cho thêm quân, thì cũng phải nửa năm nữa mới tới nơi được. Từ nay đến lúc đó, thế cuộc chắc đã đổi thay nhiều lắm".

Lý Hằng không nghĩ gì về việc Thoát-hoan đòi xin thêm viện binh, mà ông ta thực sự lo phải đối đầu với một tướng dày dạn như Hung Đạo, lại thêm tinh thần binh sĩ đã được phấn khích tới tức giận thích cả chữ vào người; đánh bại được đội quân ấy thực không dễ. Nghĩ vậy, nhưng Lý Hằng không dám tỏ lộ ra ngoài.

Sau khi đã bàn bạc việc sắp xếp tướng lĩnh chỉ huy, điều thêm binh lực, lương thảo, khí giới, thuyền bè và định ngày tiến binh, A-lí Hải-nha còn xin thêm một việc nữa. Y nói:

- Tàu đại vương, bữa trước ta giữ tên Nguyễn Văn Hàn lại trong quân, có nhẽ đã đến lúc phải đem dùng.

Thoát-hoan chưa hiểu ý của A-lí Hải-nha, bèn hỏi:

- Ý ông muốn nói đến khai đao tế cờ trước lúc xuất quân?

- Bẩm đầu có chuyện ấy, chỉ phiền đại vương cho thêm một đạo dụ, vờn cha con Nhật Huyền đến dưới trướng. Ta dùng Nguyễn Văn Hàn vào việc này.

- Lại dụ nữa à? - Thoát-hoan nhắc lại - Dụ mãi rồi, nó có đến đâu mà dụ.

Theo ta, cứ đánh thật dữ vào, tới khi cha con vua tôi nó không còn đất dung thân, thời chẳng cần dụ, vờn gì chúng cũng phải đến dưới trướng ta quỳ lạy.

A-lí Hải-nha mỉm cười:

- Tàu chủ tướng, "dụ" tức là đánh giặc bằng lý lẽ, bằng đe dọa, nhàn sức quân lắm. Xưa kia Hàn Tín chỉ gửi một bức thư mà lấy được cả nước Yên.

Sao ta không theo kế ấy?

Thoát-hoan phẩy tay:

- Ủ thi dụ. Ông đem sao lại bản lưu hôm trước mà gửi đi cũng được.

- Xin Trần Nam vương cho phép, thần thảo một dụ khác. Bởi tình thế lúc này đã khác trước nhiều lắm, không thể dùng lại đạo dụ cũ được.

- Vậy ông cứ thảo đi, ta ký.

Lại nói về Trần Hưng Đạo từ bữa lui quân về Vạn Kiếp, điểm lại quân mã từ khắp các cửa ải chỉ mất có vài trăm. Thi hài tướng Tần Sầm tử trận được đưa về quản làm lễ cầu siêu tại một ngôi chùa, gần đại bản doanh của quốc công rồi hỏa táng. Trước đông đảo tướng lĩnh và sĩ tốt, Hưng Đạo nói lời vĩnh biệt thống thiết, khiến mọi người xúc động. Tướng sĩ đồng lòng hứa giết nhiều giặc Thát để trả thù cho người anh hùng vừa ngã xuống. Mọi người đều gio

cánh tay trần lên trời hô lớn: Sát Thát ! Sát Thát ! S...á..t T..h...á...t !

Tiếng hô rung chuyển cả núi rừng. Trong hàng ngàn hàng vạn cánh tay giơ lên kia, không một cánh tay nào không lóa xanh hai chữ "SÁT THÁT".

Sau ba ngày từ Nội Bàng về, quốc công tiết chế đã điều xong quân các ngả tới Vạn Kiếp, và cắt cử đi trấn giữ những nơi hiểm yếu. Vua Nhân tông cũng vừa gửi đến quốc công một đạo dụ văn an tướng sĩ. Nhà vua hứa: "Đích thân trăm sẽ đem đại đội thủy bộ tiếp ứng cho Vạn Kiếp".

Hung Đạo cho thư nhi sao thành nhiều bản, gửi tới tận các đô để khích lệ tinh thần binh sĩ.

Đúng mười ngày sau khi đánh vào Nội Bàng, Thoát-hoan lại nhất loạt đánh vào Vạn Kiếp. Quân chia làm sáu ngả cùng tiến. Vạn Kiếp, Bình Than, Phả Lại là những nơi giặc liều chết đánh lấy. Quân ta đánh trả vô cùng mãnh liệt, giặc chết như rạ. Sau một ngày giao chiến, giặc bốn lần tiến lên là bốn lần bị đánh bật trở lại. Thế trận quân ta vững như bàn thạch. Ngay đêm đó Trần Nhân tông tự dẫn non một nghìn thuyền chiến và gần hai vạn quân đến tiếp ứng cho Hung Đạo. Được tin nhà vua tới đốc chiến, không khí mặt trận phần khích hân lên. Tới chiều ngày thứ hai của trận đánh, tướng giặc là vạn hộ Nghê Nhuận đang cố sống cố chết để chiếm lấy đất Phả Lại. Quân ta lừa suýt bắt được y. Y liều chết đánh để thoát thân lại rơi vào ổ phục kích. Trời sẩm tối, quân ta dùng nổ liên châu bắn như mưa vào quân giặc. Nghê Nhuận trúng tên tẩm độc chết ngay. Giặc bỏ cả khí giới cướp lấy xác Nghê Nhuận mà chạy. Ta thắng mấy ngày liền, nhưng Hung Đạo không cho thế là giặc đã suy yếu. Ngay đêm ấy quốc công tiết chế bàn với vua Nhân tông:

- Cứ xem cách đánh của bọn A-lí Hải-nha thì thế quân của giặc vẫn còn nhàn lắm. Vì sao vậy? Là vì chúng ra khỏi cỏi chưa được bao xa. Và với số quân đông dường ấy, mà chỉ tập trung vào một địa thế không lớn lắm, thời chúng sẽ có ưu thế về sức mạnh. Thêm nữa, sức quân nó còn đang hăng, lại binh khí lương thảo còn đầy đủ. Ta tuy có làm kế thanh dã, nhưng giặc chưa thiếu lương. Ta tuy có giết được quân chúng, nhưng chưa nhiều, chưa đến mức thiếu thốn, khốn đốn. Lại thời khí đang là mùa đông, rất hợp với người phương bắc. Quân ta tuy mạnh, nhưng lấy cái mạnh ít, áp chế cái mạnh nhiều, vị tất đã thắng. Cho nên phải để cho quân nó vào sâu trong cỏi ta, lực lượng nó phải tản ra để giữ các vùng đất vừa chiếm được. Rồi mùa hè đến nóng nực, mưa ẩm, các bệnh thời khí sẽ phát. Lúc ấy lực nó khác nào một bó đũa đã ném tung tóe ra mỗi nơi một chiếc, ta sẽ dùng kế đưa ngựa của Điền Ky, chắc chỉ vài trận là trừ xong giặc dữ, xin bệ hạ xét kỹ.

(Điền Ky- tướng quốc nước Tề thời Chiến quốc (Trung Hoa cổ đại) đã dám nhận đưa ngựa với vua Tề. ông cho ngựa loại ba của mình đua với ngựa loại nhất của nhà vua; lại cho ngựa loại nhất của mình đua với ngựa loại thứ hai của nhà vua, cuối cùng là ngựa loại hai của ông đua với ngựa loại ba của

vua. Kết quả, đàn ngựa thường của ông đã thắng ngựa đua nổi tiếng của vua với tỷ số 2/1.)

Trần Nhân tông khi vừa nghe Hưng Đạo nói về sức mạnh của giặc có vẻ không vui, sắc mặt ngài chợt ửng đỏ. Nhà vua hiểu ý Hưng Đạo muốn lui quân. Việc ấy thật khó chấp nhận. Vì chính nhà vua đã chỉ huy chiến thuyền đánh với nguyên súy Ô-mã-nhi và chiêu thảo Nạp-hải(Naquai) suốt một ngày bất phân thắng phụ, khí thế ba quân đang hăng, sao phải thoái? Nhưng tới khi nghe hết các điều phải quấy, cái mạnh yếu của mỗi bên, vua thấy rõ năng lực, quyền biến tới mức quán thông của quốc công tiết chế, liền phán: - Ngày hội quân, trăm đã trao cho quốc công cờ tiết cùng thanh bảo kiếm, cũng tựa như đời xưa các bậc thánh đế trao cái việt, cái phủ cho tướng khi ra trận. Tình thế như thế nào quốc công cứ tùy tiện. Sự có mặt của trăm ở đây cũng ví như là một sự thanh viện để khích lệ tinh thần quân sĩ, chứ không có nghĩa là ép quốc công phải liều đánh.

(Đời cổ khi sai tướng ra trận làm lễ ở nhà Thái miếu, vua thân cầm cái việt, nâng đầu trao chuôi nói: Từ đây trở lên trời là thuộc quyền tướng quân coi trị; lại cầm cái phủ, nâng chuôi trao lưỡi nói: Từ đây trở xuống là thuộc quyền tướng quân coi trị- ở đây vua Nhân tông muốn khẳng định lại quyền tối hậu quyết định cho Trần Hưng Đạo).

Hưng Đạo thấy ý nhà vua đã thuận, liền hạ lệnh lui binh về đóng giữ tại sông Thiên Đức. Nhiều tướng rút quân mà lòng vẫn còn hậm hực, bởi cuộc giao tranh còn chưa phân thắng phụ, sao đã vội rút, khiến giặc coi thường quân ta. Nhất là Trần Quốc Toàn theo đánh trong thủy đội của quan gia, đã hai ba lần suýt vây được Ô-mã-nhi, nhưng rồi viên trấn phủ Tôn Lâm Đức tung quân vào cứu nên chúng đều thoát. Cứ như sở nguyện của Trần Quốc Toàn, thì hôm sau quyết bắt Ô-mã-nhi tại trận, để lập chút công mọn dâng vua.

Rạng sáng, Thoát-hoan cho quân hò reo dậy đất. Khắp một dải dài từ Phả Lại về Bình Than, Vạn Kiếp, quân giặc hùng hổ bắn pháo, bắn tên ào ào. Hàng chục vạn quân dàn hàng ngang cứ tiến một đoạn lại dừng, lại nghe ngóng. Bất không có một tiếng pháo, một mũi tên bắn trả, chỉ thấy cờ, phướn hàng hàng nghiêm chỉnh và tiếng trống đồng thúc hối đến mê man. Quân ngơ ngác cho ngựa lưu tinh chạy về trung quân bẩm với Thoát-hoan. Thoát-hoan đưa mắt hỏi A-lí Hải-nha. A-lí Hải-nha nói:

- Coi chừng đây là kế của Hưng Đạo.

- Kế gì? - Thoát-hoan hỏi.

- Kế hư hư thực thực. Lấy thực làm hư, lấy hư làm thực để dụ địch.

Thoát-hoan ngựa mặt cười sáng sủa:

- Ông bình chương ơi, sao mà ông nhát vậy? Hưng Đạo sợ oai ta chạy trốn rồi. Phải bủa vây bắt lấy !

A-lí Hải-nha mặt biến sắc, can:

- Xin chủ tướng bình tâm. Chiến trận mới qua vài ngày. Quân thiên triều tuy có thắng nhưng giặc chưa thua. Đất nó, ta lần bắt quá chỉ nhích được non vài dặm. Quân nó, ta giết nhiều ít bao nhiêu chưa rõ. Thiệt hại hai bên chưa có gì đáng kể. Chưa có gì làm cho nó phải sợ ta mà chạy trốn. Xin chủ tướng hãy phòng bị kéo bị mắc mưu giặc.

- Vậy ta phải làm gì bây giờ? Tiến hay lui? Thoát-hoan hỏi dồn.

A-lí Hải-nha thưa:

- Không tiến cũng không lui.

- Không tiến, không lui tức là cho quân đứng làm bia đỡ đạn?

- Không phải cho quân đứng hứng đạn, mà cho quân reo hò thách đánh.

Chúng không ra, cho quân mạ lị Hưng Đạo, mạ lị cha con Nhật Huyền, mạ lị cả nước nó.

Thoát-hoan lại hỏi:

- Thách đánh nó không ra, mạ lị nó không ra thì làm gì nó? Kế này Khổng Minh đã dùng với Tư Mã Ý. Thậm chí Khổng Minh còn đưa khăn, yếm đàn bà làm nhục. Tư Mã Ý nhận khăn chứ không ra đánh. Nếu Hưng Đạo biết ta dùng kế của Khổng Minh, y lại dùng kế của Tư Mã Ý thì sao?

- Nếu nó nhất định không chịu ra, tiền quân ta hạ trại trước trại nó. Nghe ngóng thực hư thế nào rồi sẽ liệu.

Quân Thoát-hoan hết bắn pháo lại hò la chửi bới rồi thách đánh, rồi cắm trại nhỏ trại, tới quá nửa chiều mới biết Hưng Đạo đã lui binh.

A-lí Hải-nha bị Thoát-hoan làm cho bẽ mặt.

Trong khi bọn Thoát-hoan còn đang tranh cãi nhau, thì tiền quân của Hưng Đạo đã đồn trú tại bờ nam sông Thiên Đức lập phòng tuyến, và hậu quân đi thẳng về phía bắc sông Cái lập thế trận cản giặc.

Đúng ngày giặc đánh vào Vạn Kiếp (ngày mùng sáu tháng giêng năm Ất Dậu (11-2-1285), triều đình lang Nguyễn Văn Hàn thất thủ từ trại giặc về ra mắt thượng hoàng Trần Thánh tông và dâng thư của Thoát-hoan. Nhà vua hỏi cặn kẽ về nội tình giặc, cả việc chúng đối xử với ông và với Nguyễn Đức Dư trước đây.

Nguyễn Văn Hàn kể không sót một điều gì. Nhà vua lặng đi vì xúc động khi nghe mô tả việc Thoát-hoan hành hung quan thiện trung đại phu Nguyễn Đức Dư. Và rất hài lòng về khí phách Đại Việt đã được thể hiện qua lời lẽ cứng cỏi của Dư.

Ai ngờ Nguyễn Văn Hàn lại là người khiêm nhường quá mức, ông ta không kể những gì bản thân mình phải chịu đựng.

Thánh tông mở thư Thoát-hoan đọc. Vẫn là những lời lẽ láo xược, yêu sách quá đáng. Nào lừa phỉnh, chia rẽ: "...Thiên triều đem quân đánh Chiêm Thành, nhiều lần đưa thư

cho thế tử bảo mở đường đưa lương, không ngờ trái mệnh, để bọn Hưng Đạo vương đem quân chống lại, bắn quân ta bị thương..”. Nào dụ dỗ đe dọa: "... Thế tử hãy ra đón Trần Nam vương cùng bàn việc quân, nếu không, đại quân sẽ đóng lại ở An Nam để mở phủ. ".

Chưa hẳn đoạn tuyệt với nhà Nguyên, nhưng Trần Thánh tông không cử sứ vào trại giặc nữa.

Lại nói khi Thoát-hoan chiếm được vùng Vạn Kiếp xóc tới Bình Than, Phả Lại - Suốt một dải đất mênh mông ấy, quân giặc đi tới đâu cũng chỉ thấy toàn đồng không, nhà trống, và các khẩu hiệu chống lại chúng. Giặc tức lắm, đập phá đồ đạc, đốt cháy nhà cửa nhiều vô kể, lại cho lừa ngựa quần nát vườn tược, lúa má. Giận hơn nữa là chúng chẳng kiếm được thứ gì quý hiếm trong dân. Ngay đến trâu bò, gà lợn, hoa quả chín là những thứ ăn ngay được mà bọn lính ưa thích sục sạo cũng không tìm ra.

Kể từ mắc kế của Hưng Đạo, A-lí Hải-nha tức uất như bò đá. Uất vì biết Hưng Đạo dùng kế "hư, thực"; nhưng không đoán nổi đó là thực hay là hư, đến nỗi thẳng nhãi ranh Thoát-hoan cũng lừa được. A-lí Hải-nha nhớ đến những ngày tung hoành trên đất Tống. An Nam chỉ bằng cái mắt voi so với cả con voi Tống mênh mông không giới hạn. Người An Nam leo tèo thừa thớt, quân sĩ được là bao mà dám ngông nghênh. Tướng An Nam chỉ vài chục tên ỏe ọe, sao so được với hàng vạn tên tướng Tống tài ba. Vậy mà ta đã hạ không biết bao thành trì Tống. Ta đoạt Phàn Thành, hạ Tương Dương, Ngạc Châu, cướp Giang Lăng dễ như trở bàn tay. Vó ngựa quân ta trở về nam Trung Hoa, úp liền một dải hơn hai mươi châu quận từ Tần, Dung, Khâm, Hoàn, Ung, tới tận Hải Nam. Ta đã chôn sống hoặc chém rụng hàng chục vạn thủ cấp quân Tống, dân Tống ở hai thành Đàm Châu, Tĩnh Giang vì đã hỗn hào dám chống lại ta. Ta đã uống rượu bằng óc hai viên tướng Tống như óc khỉ. Ta đã lấp sông, phá cầu, tháo nước... Ta đã tung hoành dọc ngang trời bể không sức nào cản nổi ta. Ta - Hốt-tát-liệt cũng phải kính nể. Vậy mà Hưng Đạo kia, mi lại dám chống ta; cả gan lừa ta ! Ta thề sẽ lột da mi thay áo giáp, sẽ chém đầu mi lấy óc nhắm rượu trong đại điện Thiên An giữa Thăng Long. Ta sẽ... ta sẽ...Chỉ còn thiếu chút nữa là A-lí Hải-nha gầm lên, điên lên.

Thoát-hoan, bề ngoài có vẻ giận A-lí Hải-nha, nhưng thực y cũng biết nỗi lòng của con sư tử này. Vì vậy y sai Lý Hằng gom quân tức tốc đuổi theo Hưng Đạo đánh ập vào Thăng Long. Thế là lại một lần nữa, Hưng Đạo gọi được Thoát-hoan đem năm mươi vạn quân lật đật theo vết chân ông.

Hưng Đạo đem quân về tới Thăng Long liền cùng với Quang Khải xem xét lại việc phòng vệ hai bên bờ bắc, nam sông Cái. Hai ông cùng bàn tới việc phải đưa thêm quân về trấn tại Trường Yên, Thiên Trường cùng với những điểm xung yếu dọc sông Cái tới cửa bể. Khi hai ông ra tới bến Đông thì gặp

một chiếc thuyền đình vừa cập bến. Năm bô lão bước lên bờ râu tóc trắng phau. Mười hai dân binh đang neo chặt thuyền vào bến và dõi theo các bô lão. Quốc công và thượng tướng cùng đi về phía các cụ, và hỏi xem các cụ vào thành có việc gì. Vì hiện nay đang có lệnh cấm thuyền dân không được qua lại bến này, cứ sao thuyền các cụ lại lọt vào được.

Các cụ bèn xuất trình giấy tờ và vầy đám dân binh khiêng lên một sọt đầy kín rơm rạ, nặng lắm.

Thì ra đây là quan công bộ Nguyễn Hiền tự sáng chế ra mẫu chông, đặt cho dân phường gồm Bát Tràng làm. Hưng Đạo liền mở sọt lấy ra một vài chiếc xem. Ông giật mình nhận ra đây là một loại vũ khí rất lợi hại. Hưng Đạo quay ra nói nhỏ với Quang Khải:

- Vương đệ thấy không, chế tác cực khéo. Mỗi hòn gồm ba mũi, vút thế nào cũng có một mũi tên đứng thẳng. Nói rồi ông lẳng viên đất nung xuống đất. Quả có một mũi ngồi thẳng đứng.

Quang Khải lại cầm lên xem. Thì ra quan công bộ đã chế theo khối tam giác, mỗi mặt có một mũi tên bằng gốm trắng men không nhọn lắm, chiều dài mũi chông bất quá chỉ bằng một đốt ngón tay.

Xem xét giây lâu, Hưng Đạo vốc hẵn một vốc chông ném vội xuống đất.

Lập tức các hòn chông đều "ngồi" xồm, và có một mũi nhọn chĩa lên trời nom như các chú ếch cóc đang rình mồi. Hưng Đạo cười phá lên:

- Hay lắm, chú Chiêu Minh! Những con ếch ương này sẽ đón tiếp đám ngựa Hồ thiện chiến của Thoát-hoan.

Mấy ông lão sột ruột giục:

- Hai ông đã xem giấy tờ. Xin trả lại cho chúng tôi đi, kéo trể.

Quang Khải hỏi:

- Các cụ đi đâu bây giờ ?

- Chúng tôi phải đem những vật này đến phủ Thái sư, như lời quan công bộ dạy.

- Các cụ nung được nhiều chưa? Có mấy loại? Có màu gì khác không hay chỉ có màu xanh? - Hưng Đạo hỏi.

Các cụ hết nhìn hai vị lại nhìn nhau với vẻ ngần ngại, rồi đáp :

- Nếu hai ông đã xem xét xong để chúng tôi đi. Các điều ông hỏi, tôi chỉ có nghĩa vụ bẩm với quan thái sư thôi. Nói rồi các cụ thu nhặt hết các hòn chông nằm rải rác trên mặt đất. Lại lấy luôn cả hòn chông Quang Khải đang cầm.

Quang Khải bèn rút túi đưa cho các cụ xem tín bài có ghi : "Thái sư, thượng tướng Chiêu Minh vương". Trong đám các cụ có người biết chữ liền đọc cho cả năm người cùng nghe. Các cụ sững sốt, miệng há tròn xoe mà không nói được. Giấy lát bốt hồi hộp, cả năm cụ cùng sụp lạy.

Thượng tướng đỡ các cụ dậy và nói:

- Để các cụ phải khó nhọc thế này, triều đình thật có lỗi. Vậy chớ quan công bộ đã chi trả tiền công cho dân phường chưa? Các cụ đã làm được bao nhiêu lò rồi? Ngoài màu xanh lá cây này có làm được màu gì khác không? Thấy thái sư vỗ về hỏi han tận kẽ, các cụ vui vẻ lắm. Một cụ đáp:

- Bẩm quan thái sư, quan công bộ cũng nói triều đình sẽ chi viện tất cả mọi khoản. Nhưng dân phường Bát Tràng chúng tôi xin được cung hiến sản phẩm của nghề cho quân đánh giặc. Chúng tôi mới đốt được năm lò, chừng sáu vạn chiếc. Lại đang vào tiếp năm lò. Số chờ khô để nhúng men cũng còn được dăm bảy lò nữa. Nếu quân dùng bằng ấy chưa đủ, chúng tôi sẽ dùng bát đĩa, ấm, chén lại để làm chông trong vài tháng.

Thái sư gật đầu tỏ ý bằng lòng.

Một cụ khác nói tiếp:

- Bẩm thái sư, dân chúng tôi làm cả thấy được bốn màu: - xanh lá cây - màu nâu đất - màu đen bùn - màu mốc như màu lá mục. Dạy theo như quan công bộ thì bốn màu ấy, mỗi màu hợp với một loại địa hình. Dạy thừa tất cả chỉ có một loại. Chúng tôi có xin quan công bộ cho làm một loại dài hơn để bày trong các khu đồng lầy thụt. Quan ông nói: không cần. Vì lầy thụt ngựa cũng không dám đi, hà có gì mà bày.

- Bao giờ thì triều đình có thể cho người đến lấy chông được - thượng tướng hỏi.

- Bẩm đức ông, để quân giữ sức đánh giặc, đình tráng làng tôi tự chở đến nội trong đêm nay, xin đức ông cử người tới bến nhận.

Trong khi lò gốm Bát Tràng làm chông thì lò gốm Đông Sơn cũng làm chông để chu cấp cho quân hai lộ Hoan, Diên. Các lò còn định sau khi chu cấp đủ cho quân triều đình sẽ làm gấp rút để phân phát cho dân binh các trấn, lộ đánh giặc.

Bởi việc đánh chông này cực kì đơn giản, bất cứ một người nào cũng có thể đánh được, chỉ cần chọn màu chông cho hợp với địa hình để quân giặc không có thể nhìn thấy từ xa.

Nhưng cũng khó nhìn thấy được, bởi bọn kỵ sĩ mắt hí đã nhảy lên mình ngựa là phóng như bay.

Sau khi ở bến Đông Bộ Đầu, Hưng Đạo xuống thuyền đi kiểm xét mạn thượng lưu. Ở đây quân đang cắm cọc kè sông, ngăn không cho thuyền giặc xuôi về mạn Thăng Long. Quân còn đóng cọc ngầm và đặt pháo trên triền sông phía nam. Quốc công rất bằng lòng vì quân sĩ làm việc thật tận tình. Trời lạnh giá mà quân xoay tròn ngâm mình trong nước, vẫn cười nói vui vẻ. Quốc công còn nhận thấy mấy đám dân chúng gánh gồng các thứ quà bánh đem úy lạo binh sĩ. Cứ mỗi nhóm như thế lại có một hai cụ già râu tóc bạc phơ dẫn đầu. Từ bữa trở lại Thăng Long, thấy khắp phố phường la liệt các biển do dân tự viết những lời hiệu triệu của triều đình, cũng như dân chúng

tự nguyện làm các việc phục dịch trong quân, lòng ông như cũng được phần khích thêm lên. Lại mục kích cảnh dân phường Bát Tràng làm chông bẫy ngựa; dân Chèm, Vẽ và các làng lân cận đi úy lạo quân binh. Lại nữa, các chiến sĩ đã trải qua mấy trận đánh từ biên ải đến Nội Bàng, Vạn Kiếp đều tỏ rõ chí ngoan cường Đại Việt, khiến ông có cảm nghĩ hào hùng: tinh thần binh sĩ như vậy, lòng dân như vậy, thì không một kẻ thù nào có thể khuất phục nổi. Và ông yên tâm vào trận.

Đúng hai ngày sau khi quân ta rút khỏi Vạn Kiếp, giặc lại tràn từ biên ải về chiếm lấy vùng đất Bắc Giang. Một mặt quân từ Vạn Kiếp cũng dồn về đánh Thăng Long. Nhưng tới sông Thiên Đức, chúng bị cản lại. Cuộc đánh nhau ở đây không lớn như ở Vạn Kiếp. Hai bên thiệt hại không nhiều. Nhưng dọc đường từ bờ nam sông Thiên Đức tới Bồ Đề, quân ta nghi binh đoạn thì cờ xí nghiêm trang, đoạn thì đốt lửa, khói mù trời, đoạn thì trống chiêng khua inh ỏi. Đoạn thì có quân phục, đoạn thì không có một bóng người nào. Thế trận cứ hư thực kỳ ảo, khiến cho quân giặc không biết làm thế nào mà đoán được. Nhưng có một tiểu trận làm cho giặc kinh hồn. Ấy là sau khi quân ta đã rút khỏi bờ bắc sông Thiên Đức, phá cầu phao và chỉ trấn sơ sài bên bờ nam. Giặc bắn tên như mưa sang rồi cho quân ghép bè làm cầu vượt sông. Quân ta ở bên bờ nam hò hét thách đánh. Toán kỵ binh đầu tiên sang sông bèn thúc ngựa đuổi quân ta. Ngựa vừa chạy được vài trăm bước, con nào con nấy thét rống lên, chồm lên quật ngã kỵ sĩ rồi đổ lăn ra như một cây đại thụ vừa bị đốn. Cứ thế, ngựa giẫm lên ngựa, đạp lên người trong tiếng rống gầm, tiếng kêu thét thất thanh. Và xác người, xác ngựa ngổn ngang trong tiếng rên la giãy đạp khùng khiếp. Tướng giặc Ô-mã-nhi từ dưới thúc ngựa lên xem. Ngựa không dám bước. Dường như những tiếng gầm rống của đồng loại đã làm cho các chiến mã phía sau khiếp sợ. Và cả một đồng xác người, xác ngựa đang ngắc ngoải rên la cũng làm cho đám ngựa Hồ dạn dày chiến trận này chùn bước.

Ô-mã-nhi càng thúc, con chiến mã can trường vào bậc nhất của y càng lui bước, và đầu nó gục xuống không dám nhìn lũ đồng loại đang nằm ngửa, bốn vó đạp lên trời mà rên rỉ. Viên tướng bực tức xuống ngựa, sai bọn đô úy dẫn quân đổ bộ sục sạo vào hai mé rừng rậm bên đường. Quân về bắm, không tìm thấy dấu vết có quân phục. Xem lại người ngựa bị chết cũng chẳng có một mũi tên nào. Chúng chết là do hoảng hốt lòng lên, giầy xéo lẫn nhau - "Vậy cái gì đã gây ra hỗn loạn?" Ô-mã-nhi gầm lên. Rồi cuối cùng cũng có kẻ nhật lên được dăm bảy hòn chông lẫn vào cỏ. Và chúng lại tìm thấy các mũi chông xuyên vào khe móng chân ngựa, hoặc cắm phập vào bàn chân những con ngựa quy ngã nằm kia.

Ô-mã-nhi cầm hòn chông ba mũi trong tay, mồm méo xệch đi vì tức giận. Y lại thúc quân tiến lên. Lần này thì quân bộ đi trước quân kỵ. Vì thế, có một

đoạn đường ngắn từ bờ nam sông Thiên Đức về tới Bồ Đề, chúng phải đi suốt một ngày vẫn chưa tới. Ấy là chưa nói đến thỉnh thoảng chúng lại phải đánh trả các toán quân phục của ta.

Giặc gặp phải sức kháng cự mãnh liệt của quân triều đình ngay từ ngoại vi bờ bắc sông Cái. Nhưng rồi quân triều đình cũng lui qua phía bờ nam.

Thoát-hoan dẫn đại quân đến án ngữ đầy đặc trên bờ bắc sông Cái. Thăng Long đã đối mặt với quân thù. Chiến lũy dựng suốt một dải dài trên bờ nam để che chắn kinh thành. Khu bến Đông, các ụ pháo ken dày.

Trước giờ lâm trận, quốc công tiết chế Hưng Đạo vương gọi viên hồ tướng thiếu niên Trần Quốc Toản vào nội trướng căn dặn:

- Ta rất hài lòng vì cháu đã trưởng thành. Cháu đã có phong độ một vị tướng, tuy tuổi cháu còn quá trẻ. Trận thủy chiến ở Lục Đầu Giang vừa rồi, cháu đánh với Ô-mã-nhi quả là dũng lược. Khi viên trấn phủ Tôn Lâm Đức đến giải vây Ô-mã-nhi, trong đánh ra, ngoài đánh vào mà quân cháu không bị rối. Quân không bị rối khi lâm nguy, ấy là tài của người làm tướng. Được Hưng Đạo khen, Quốc Toản thích lắm. Đôi má chàng ửng đỏ, cặp môi thắm như môi con gái khê mấp máy.

Hưng Đạo thông thả tiếp :

- Hôm nay ta lại cho cháu đi tháp tùng quan gia trong thủy đội. Nhưng cháu phải nghe ta, không được ham lập công quá để mắc mưu giặc. Cứ xem cách đánh hôm trước, ta biết cháu định bắt sống Ô-mã-nhi. Việc ấy thật không dễ. Bọn này lão luyện lắm, không thể coi thường. Tôn Lâm Đức hơi hấp tấp, chứ nếu y cũng cáo già như Ô-mã-nhi, chắc ta phải tung Yết Kiêu vào tiếp ứng.

Sáng sớm, quân ta đã khai pháo vào trại giặc, rồi hò reo thách đánh. Lần đầu tiên quân ta dùng song sảo, ngũ sảo pháo, cự thạch pháo, và cả hỏa pháo bắn như mưa vào trại giặc, khiến chúng kinh hoàng.

Tại trung quân, Thoát-hoan, A-lí Hải-nha, Lý Hằng đang lên đài cao xem quân xung trận. Vào giờ này quân chúng nó đang giao chiến với quân ta ở thượng lưu. Chúng lại cho một đạo binh đánh vòng phía Tây Kết để quặp lên. Rồi cho bắc cầu phao để quân kỵ tấn sang. Thế trận này là đòn phục thù của A-lí Hải-nha. Ba mặt cùng tiến đánh dữ dội, y chắc mẩm sẽ bắt sống cả triều đình nhà Trần trong mảnh đất hẹp Thăng Long.

Chủ tớ đang hí hửng thì có ngựa lưu tinh vào bẩm báo:

- Quân Trần hò reo thách đánh. Chúng bắn đại thạch pháo, làm gãy lá đại kỳ trong đại trại của đại quân. Lại bắn hỏa pháo gây nhiều đám cháy. Tiền quân đang đóng bè sang sông cũng bị pháo bắn tan tác.

Thoát hoan sùng sốt, A-lí Hải-nha, Lý Hằng cau mày giận dữ.

A-lí Hải-nha bực giận ra mặt. Y thầm nghĩ: Mới hôm trước ta mắc lừa Hưng Đạo để y chạy thoát, đã là một bất ngờ đáng tiếc Lại vừa đây, chúng đánh

chông, làm quân kỵ của

ta bại hoại trên bờ sông Thiên Đức. Còn bây giờ thì hỏa pháo, thạch pháo. Lại thật, cái bọn man di này sao cũng lắm mưu thuật, sao cũng chế tác được các loại binh khí không kém binh khí thiên triều!".

Sau một giây đắn đo, A-lí Hải-nha bàn, nhưng thực là y ra lệnh:

- Xin chủ tướng cử tả thừa Lý tướng quân đốc thúc cánh quân đánh qua Tây Kết. Tôi xin đốc chiến việc bắc cầu phao đưa quân qua sông. Mời chủ tướng cứ lên đài cao xem chúng tôi phá giặc.

Thoát-hoan gật đầu. Hai viên tả thừa, hữu thừa vội vã xuống đài, lên ngựa đi liền.

A-lí Hải-nha nhìn dòng sông mùa nước cạn, hẹp lại khá nhiều. Phía bên kia, thuyền quân đi lại san sát. Những chiếc thuyền đóng theo kiểu của người La-mã vừa thon dài, vừa có hai tầng thật thuận tiện. Tầng dưới tùy loại to nhỏ mà có từ hai mươi, bốn mươi hoặc tới sáu mươi mái chèo. Thuyền bung kín, chỉ trổ ra từng ô để lắp mái chèo. Người chèo thuyền ngồi vào một bậc thang thấp hơn mép ô cửa, để tránh tên của đối phương bắn vào. Tầng trên dành cho binh sĩ chiến đấu. Tầng này không trổ các ô cửa mà trổ các loại lỗ vuông hoặc tròn để cho quân bắn tên, phóng lao, hoặc thổi ống sù đồng. Mỗi chiến binh trên thuyền đều sử dụng thành thạo nhiều loại binh khí như cung, nỏ, giáo dài, dao, câu liêm, dây thòng lọng... Và người nào cũng bơi lội giỏi như rái cá.

Suốt từ sáng sớm đến quá nửa chiều, giặc nhiều lần lấp bè qua sông, cố tránh những nơi trong tầm pháo ta, nhưng vẫn không qua được. Bởi nơi nào ngoài tầm pháo đã lại có các chiến thuyền dùng nỏ liên châu, tên tầm nhựa độc bắn như mưa rào, khiến quân giặc chết lả xuống sông như sung rụng. Thế là gần hết một ngày, giặc từ thượng lưu không thông xuống được, từ hạ lưu không vòng lên được, mà từ bên kia sông cũng không sang được tên nào. Chúng bị tử thương tới hàng ngàn tên, vẫn xua quân xốc tới. Đêm xuống, hai bên tạm hưu chiến, nhưng đều canh phòng cẩn mật.

Thoát-hoan hỏi A-lí Hải-nha:

- Đêm nay có cho quân tập kích qua sông không?

- Không.

- Sao vậy? Nay là đầu tháng, trăng thượng huyền lặn sớm. Đêm nước xuống cạn, sông hẹp. Canh ba nhất tề cho quân sang sông, giặc trở tay không kịp.

A-lí Hải-nha cười:

- Mẹo ấy không lừa được Hưng Đạo. Xin chủ tướng cho quân nghỉ lấy sức, mai liệu đánh. Cũng xin đề phòng giặc tới cướp trại ta.

Đêm ấy, trại quân ta cũng như quân giặc đều yên ngủ an toàn, bởi các tay kỳ phùng địch thủ đã quá hiểu nhau, nên không thể dùng ngón đòn đánh úp.

Sau khi đích thân đi kiểm xét việc tuần phòng các nơi hiểm yếu và căn dặn

các tướng, Trần Hưng Đạo đi thẳng vào ngự doanh. Từ mấy hôm nay, hai vua đều ở trong quân doanh chứ không về cung nữa. Quốc công xin phép hai vua được bàn quốc sự và xin cho mời cả tướng quốc Trần Quang Khải cùng bàn. Khi đã đông đủ, Hưng Đạo nói:

- Từ biên ải đến Nội Bàng - Vạn Kiếp - Thăng Long, giặc chạy theo ta như đèn cù. Khắp các mặt trận, quân ta đều tự chủ được, nên thiệt hại không đáng kể. Tinh thần binh sĩ đều đáng khích lệ. Tuy vậy, ta cũng chưa gây cho giặc thiệt hại nhiều lắm. Nếu ta quyết đấu với giặc tại Thăng Long thì có hai điều bất lợi. Một là địa thế quá chật hẹp, không đủ cho hai mươi vạn quân ta và khoảng ba mươi vạn quân giặc dàn trận. Hai là sức giặc đang cường, ta đánh không chắc thắng. Xin thượng hoàng, xin bệ hạ cùng quan tướng quốc cứu xét.

Nghe Hưng Đạo phân trần, cả hai vua cùng quan tướng quốc đều hiểu ý Quốc Tuấn, là phải bắt Thoát-hoan dần mỏng quân ra, để cho lực chúng yếu rồi ta mới đánh, mà đã đánh là chắc thắng.

Trần Thánh tông hỏi:

- Ý anh Quốc Tuấn lại muốn lui binh?
- Dạ, xin thượng hoàng gia ân.
- Bao giờ thì lui?
- Ngay đêm nay.

Khi nghe Hưng Đạo nói: "Ngay đêm nay" thì cả ba người đều kinh ngạc. Bởi trận này quân ta đang thủ lợi. Phải nhân cơ hội mà diệt cho thật nhiều quân nó, sao lại lui binh quá sớm?

Biết mọi người đang muốn đánh, Hưng Đạo nói tiếp:

- Không phải đêm nay ta rút hết. Mà bắt đầu từ đêm nay ta rút bớt lực lượng, chuyển dần về Trường Yên, về Thiên Trườfng, Long Hưng thủ hiểm - Tàu thượng hoàng, Quốc Tuấn nói và nhìn thẳng vào gương mặt ba người thăm dò. Thấy vua Nhân tông và Quang Khải có ánh mắt vui vui như là một sự hưởng ứng, Hưng Đạo nói tiếp - việc lui quân cũng phải kín nhem như tiến quân. Ngay cả các tướng dưới quyền cũng chỉ được biết như là tiến quân theo một hướng khác, nếu không, lòng quân sinh rồi. Việc rút chuyển cả một đạo quân lớn như thế này ngay trước mắt giặc, thấp mưu, thua trí sẽ là một đại họa.

Trần Thánh tông đã thấy êm tai. Nhà vua nói:

- Việc binh, triều đình đã trao toàn quyền cho quốc công, xin cứ tùy tiện.

Hưng Đạo nói thêm:

- Ngày mai xin thượng hoàng và quan gia vẫn cứ tham chiến như thường, nếu không, giặc sẽ ngờ, đêm mai khó mà rút êm được.

Thật tình trong khi Hưng Đạo đang xin ý chỉ của nhà vua về việc lui quân, thì nhiều đội quân đã lần lượt lên đường về các địa điểm mới, kể cả quân

thủy, quân bộ, quân kỵ. Nhưng các tướng cũng chỉ biết phải đưa quân thật nhanh về nơi mà giặc đang định tới. Quân đi không phải lo đoạn hậu, người ngậm tăm, ngựa bỏ nhạc, không gây tiếng động lớn; thuyền thì xuôi nước xuôi gió, không cần phải chèo cũng trôi băng băng như ngựa chạy. Cuối canh tư, quân đã vào trú trong các lán trại êm ru, đến dân trong vùng cũng không biết là có quân mới tới.

Trong khi đó, các binh đội đã tham chiến ngày hôm trước, vẫn giữ nguyên vị trí, để hôm sau lại tiếp tục đối đầu.

Quang Khải hỏi:

- Vậy là ta bỏ trống kinh thành?

Vua Nhân tông:

- Thì ta cho giặc ở trọ ít ngày, có phải không, thừa bá phụ, thừa thúc phụ? Cả bốn người cùng cười vui vẻ về câu nói khôi hài của nhà vua. Hưng Đạo chợt nhận ra đó không phải là lời nói vui, mà là một tiên đoán nghiêm chỉnh. Ông nói:

- Tâu, việc ấy sẽ diễn ra đúng như quan gia nói. Hiện Lý Bang Hiến và Lưu Thế Anh đã lập ra nhiều trại, trạm. Từ biên ải về các vùng đất giặc vừa chiếm được, cứ ba mươi dặm chúng lập một trại, cứ sáu mươi dặm chúng lập một trạm ngựa. Mỗi trại, trạm như thế có ba trăm quân đóng giữ và tuần tra từ trại nọ tới trạm kia. Ngoài ra, chúng còn xây thêm đồn lũy tại các nơi hiểm yếu và cắt quân ở lại. Cho nên, nếu ta căng nó ra trên một miền đất rộng thì quân nó càng phải dàn mỏng. Khi ấy dân binh của ta khắp nơi cũng đủ sức đánh tía các đồn quân nhỏ lẻ vài ba trăm tên ấy. Rồi chúng sẽ khốn đốn về lương thảo, sẽ khốn đốn về thể trận dân binh của ta. Lúc ấy ta muốn đuổi chúng ra khỏi nhà trọ sớm tối gì mà không được.

Mờ sáng hôm sau quân ta lại khai pháo, thách đánh. Trại giặc náo động hẳn lên. Khi trời sáng rõ, hai bên đánh nhau quyết liệt, nhưng giặc vẫn không sang được sông. Hôm nay giặc cũng bắn pháo ráo riết sang trận địa của quân ta. Pháo của chúng bắn vào các chiến lũy, trong ken dày tre gai, ngoài đắp đất bãi dẽo, các viên đạn đá dất đầy lũy, nom tựa như đám trẻ con chơi trò ném sỏi vào các bức tường đất ướt. Thấy pháo của giặc không bõ bèn gì, quân ta cười tưởng đến võ cả chiến hào, đồng thanh nói lời tục tĩu mạ lị Thoát-hoan. Đồng thanh hô: "Sát Thát!". Rồi tiếng trống đồng, trống đại lược, chuông, khánh, chiêng, cồng, tất cả đều dồn thúc hồi hã át tất cả các thứ tiếng kèn, tiếng pháo của quân giặc phía bên kia bờ bắc.

Cũng sớm nay, quan đại an phủ sứ cho dân binh đi từng nhà, kiểm xét xem còn ai chưa kịp đi lánh nạn, thời phải lập tức rời kinh thành trong buổi sáng. Thăng Long quang vợi hẳn. Thăng Long "thanh dã".

Tới nửa chiều, quân thủy vừa đánh vừa xuôi thuyền về hạ lưu và rút dần. Trên bộ, hậu quân cũng lục tục rút đi. Ngay cả điều ấy, giặc cũng không

biết. Bởi lúc quá nửa chiều Đỗ Khắc Chung còn một mình sang sông bằng chiếc thuyền nan, vói lá cờ sứ cắm chon von nơi đầu mũi. Đỗ Khắc Chung vào thẳng trại Ô-mã-nhi đưa thư của vua Trần, xin hòa. Ông ngủ qua đêm trong trại giặc. Chính điều đó càng làm cho giặc không ngờ Hưng Đạo lui binh.

Sớm tinh sương ngày hôm sau, Khắc Chung mới từ trại giặc vượt sông về còn kịp rút đi với đạo quân cuối cùng. Hôm ấy là ngày mười ba tháng giêng (18-2-1285), Thăng Long ngỏ cửa.

Sáng bạch thì bên trại quân Thoát-hoan khai pháo. Rồi lại đứng lệ bộ như ngày hôm trước. Nhưng điều lạ là không thấy bên bờ nam có động tĩnh gì. Cờ phướn cũng không; khói lửa cũng không; trống đồng trống cái cũng không. Không có một biểu hiện gì. Vì thế quân Thoát-hoan ra đến nửa sông rồi lại có kèn hồi thúc trở về. Trong tướng, Thoát-hoan, A-lí Hải-nha, Lý Hằng, Ô-mã-nhi, Khoan-triệt (Koncāk), Mang-cổ-đải (Mangqudai)... ngơ ngác nhìn nhau không còn biết thực hư ra sao nữa.

Các tướng đều hướng về phía A-lí Hải-nha và Lý Hằng. Thoát-hoan nhìn trân trân vào mặt A-lí Hải-nha chờ y khai khẩu.

Thực tình A-lí Hải-nha cũng đang bối rối, không biết Hưng Đạo giở ngón đòn gì. Y điểm nhanh lại các trận giao chiến với viên tướng Trần này, không một trận nào y không bị bất ngờ. A-lí Hải-nha không bức tức, vẫn nghĩ rằng vua tôi nhà Trần thủ hiểm ở Thăng Long để quyết chiến. Cho nên họ đã tạo ra một trận thế dày đặc, phòng thủ vững vàng. Quân ta đánh rát thế mà hai cửa thượng, hạ lưu đều chưa phá vỡ được. Đang định làm cho vua tôi nó khốn đốn phải vào lạy trước cửa quân. Ai ngờ nó lại bày ra thế trận gì đây. Xem như là kẻ “không thành”. Nhưng quân nó chạy đằng nào cho hết mấy chục vạn, mà mới tới hôm qua hai bên còn giáp chiến?

Thuần những chuyện rắc rối đến đâu đâu. Chợt nhớ mọi người đang trông đợi ở mình, A-lí Hải-nha nói:

- Sợ oai Trấn Nam vương, vua tôi nó chạy hết rồi. Nhưng đề phòng người Nam tráo trở, xin chủ tướng cho tiền quân nhỏ trại tạm lánh vào trong rừng. Toàn quân án binh bất động. Tới giờ ngọ, quân tuần thám về báo hư thực thế nào rồi hãy tiến binh cũng chưa muộn.

Qua giờ mùi thì Ô-mã-nhi cho quân bắc cầu phao, hoặc đóng bè chở quân qua sông. Thấy các cánh cổng thành đều ngỏ cửa, Thoát-hoan hạ lệnh cho quân lập trại dưới chân thành. Mãi đến trưa ngày hôm sau, Thoát-hoan cùng tả hữu mới dám tiến vào cung thất. Thoát-hoan bắt được mấy người khách trú ngoài phường Hà Khẩu (phố Hàng Buồm ngày nay, xưa là cửa sông) dẫn đường. Bọn này đưa Thoát-hoan vào cửa Đại Hưng rồi vào điện Thiên An. Bước lên thềm điện, Thoát-hoan thấy ngợp choáng trước cảnh vàng son lộng lẫy, kiến trúc nguy nga, tinh tế, y thầm nghĩ: đến Yên Kinh cũng không hơn

được. Thoát-hoan rất bằng lòng với việc vua cha cắt cho mảnh đất phương nam này. Y tự nhủ: “Đẹp xong đám vua tôi An Nam, ta sẽ xin với thiên tử ở lại mở phủ - mà thực ra là định đô. Mong sao vua cha không đổi ý”.

Sau khi cho quân tuần thám: nội ngoại thành Thăng Long đều yên tĩnh. Thoát-hoan cho mở dạ yến để khao thưởng các tướng tùy tùng. Lại cho quân nghỉ ngơi một ngày và ăn uống no say, Thoát-hoan đã cảm mến mảnh đất xa xôi này, mà vì nó y phải nhọc sức đi suốt từ Yên Kinh tới chinh phục.

Nhưng để tới được đây Thoát-hoan cùng bộ tướng đã phải trù liệu tới năm năm. Còn Hốt-tát-liệt đã phải khó nhọc gần ba chục năm.

Điều Thoát-hoan bức nhất là đi tới đâu, từ kinh thành đến thôn dã đều thấy các biên, biểu với hàng chữ đáng ghét: SÁT THÁT, THANH DÃ hoặc các lời kêu gọi dân chúng chống lại quân lính thiên triều. Bữa trước tại Nội Bàng, Vạn Kiếp, Thoát-hoan đã tự hẹn phải chặt đủ một vạn cánh tay có chữ SÁT THÁT đem chắt đầy điện Thiên An, và nhốt Hưng Đạo cùng cha con Nhật Huyền vào đó. Điều ấy tới nay vẫn chưa làm được. Vua tôi nhà Trần đã chạy khỏi Thăng Long. Còn cánh tay sĩ tốt cũng mới chỉ chém được vài chục chiếc, mà hôm trước Ô-mã-nhi đã đem hù dọa Đỗ Khắc Chung.

Sau khi ăn lễ thượng nguyên tại Thăng Long, Thoát-hoan muốn tiến binh ngay để truy quét vua tôi nhà Trần. Nhưng y vẫn chưa thấy dấu hiệu là đội quân Toa-đô chọc thủng được chiến lũy phòng thủ của Đại Việt, nơi tiếp giáp với Champa để hai mặt bắc, nam cùng ép. Thoát-hoan không hiểu điều gì cản trở Toa-đô, mặc dù y đã được Yên Kinh gửi thêm hai vạn quân tiếp ứng từ lâu.

Chợt nhớ đã mấy ngày yến ẩm, nghỉ ngơi, Thoát-hoan bèn triệu tả hữu lại thương nghị, và đòi các tướng phải chia nhau truy đuổi gấp gấp quân Trần. Lý Hằng dẫn Ô-mã-nhi đuổi theo đường thủy. Hữu thừa Khoan-triệt dẫn vạn hộ Mang-cổ-đải, vạn hộ Bột-la-cáp-đáp- nhĩ đuổi theo đường bộ.

Trong khi thầy tớ Thoát-hoan đang say sưa yến ẩm ở Thăng Long, thì Hưng Đạo đã hoàn tất cuộc lui binh. Cả hoàng gia, hoàng tộc, cả Thăng Long đã di chuyển an toàn. Trần Nhật Duật sau khi đánh nhau dữ dội với giặc trên mạn Đà Giang, cũng đã lui quân, và về Thiên Trường sau Hưng Đạo chỉ có một ngày. Trần Ích Tắc, Trần Lộng chống nhau kịch liệt với giặc trên vùng Tam Đái Giang cũng đã đưa quân về hội.

Ngay đêm ấy, Hưng Đạo cho gọi tướng quân Trần Quốc Toản và cả viên đô tổng quản Lê Như Hổ đến trại quân Trần Nhật Duật nhận lệnh.

Sau khi hỏi han sức khỏe Trần Nhật Duật và quân sĩ cùng các việc xảy ra trong thế trận Đà Giang, Hưng Đạo cũng nói diễn biến trong các trận từ biên ải đến Nội Bàng, Vạn Kiếp, Thăng Long. Nói về tình thế giữa ta và giặc cùng các việc cần làm để Chiêu Văn vương nắm được.

Chuyện trò thăm hỏi xong xuôi, Hưng Đạo ngỏ lời:

- Phiền vương đệ đi cho một chuyến. Việc này phi vương đệ không ai làm nổi.

Trần Nhật Duật cười phá lên. ông vẫn giữ được vẻ khả ái của một vị tướng tài hoa. Ông nói:

- Quốc công cho em vào hợp trấn với Tĩnh Quốc đại vương có đúng không? Hưng Đạo xúc động đến chảy nước mắt vì sự đồng điệu của người em thúc bá. Ông gật đầu.

- Vương đệ quả là một tướng thần đồng. Toa-đô đang đánh ráo riết. Y có trong tay khoảng bảy vạn quân tinh nhuệ. Nhưng vì ở vùng đất chết đã hơn ba năm, nên trong quân nó uể oải. Song nếu nó được tin Thoát-hoan đang vùng vẫy ở mặt bắc, thì sức quân nó tự khỏe lên nhiều lắm. Ta lại nghe Thoát-hoan dâng thư về xin Hốt-tát-liệt viện thêm binh cho Toa-đô, và thúc y tiến nhanh vào mạn sườn nam Đại Việt. Vì vậy, giữ vững được vùng Diên Châu không cho Toa-đô hội quân với Thoát-hoan thì chúng ta thủ thắng.

Trần Nhật Duật cúi lạy:

- Em xin lĩnh mệnh. Vậy chớ bao giờ thời xuất quân?

- Ngay đêm nay ! Hưng Đạo đáp - Vương đệ phải đi gấp, nếu không Toa-đô sẽ phá vỡ quân ta trước khi vương tới kịp.

Từ nãy, Trần Quốc Toàn vẫn ngồi nghe cuộc đối đáp của các bậc bề trên, mà không thấy đả động gì tới mình, đã toan hỏi. Chợt Trần Nhật Duật định đứng lên thì Hưng Đạo gọi lại:

- Còn một việc nữa- Ông vừa nói vừa chỉ vào Quốc Toàn.- Mấy trận vừa qua, Hoài Văn hầu tỏ lộ một tương lai kiệt xuất. Ta cho tiểu tướng quân cùng trợ giúp dưới trướng của vương. Vị đô tổng quản này - Hưng Đạo chỉ vào Lê Như Hổ ngồi cạnh đó - là phụ tá của Hoài Văn.

- Quốc công cho em bao nhiêu binh?

- Tất cả binh sĩ dưới trướng vương, dưới trướng Hoài Văn đều đi hết.

- Đa tạ.

Trước lúc chia biệt, Hưng Đạo nắm lấy tay viên đô tổng quản nói :

- Tiểu tướng quân là người dũng lược có thừa, ngặt vì tuổi trẻ chưa từng trải, đã phải gánh vác việc lớn quốc gia; phải xông vào nơi tên đạn để cứu nước. Ta dặn ngươi: Toa-đô và bè lũ rất xảo quyệt, chúng đã trải dư trăm trận, dạn dày nơi máu lửa, ngươi theo dưới trướng phải hết sức đề phòng mưu giặc chớ để lỡ ra điều gì sơ xuất làm ta phải ân hận.

Đô tổng quản và Quốc Toàn cùng vái lạy.

Lại nói Trần Bình Trọng cùng Nguyễn Khoái trấn cửa Tây Kết, có phận sự chặn không cho giặc tràn vào sông Cái. Bữa quân ta rút khỏi Thăng Long, khi thuyền quân xuôi gần hết thì Trần Bình Trọng phái Nguyễn Khoái đi đoạn hậu, còn ông cùng với một phần ba thủy đội ở lại phục kích trong khe lạch, chờ hễ có giặc là đổ quân ra đánh. Bởi thế khi thấy thuyền giặc lấp ló

từ xa, ông đã đem quân từ bến Tây Kết ra ngã ba sông phục kích. Và khi thuyền chúng đi được quá nửa, Trần Bình Trọng cho phát pháo hiệu, rồi quân từ ba mặt nhất tề xông vào thuyền giặc đánh xáp lá cà. Thuyền của quân ta lớn hơn thuyền giặc, chắc khỏe hơn thuyền giặc, cứ thế lao thẳng, khiến chúng mất đà xô nhau đắm hàng loạt. Giặc hét lên man rợ, kêu khóc như rì. Quân ta thừa thắng quây tròn giặc lại mà đánh. Quân giặc vốn người phương bắc không thạo nghề sông nước, mỗi khi vật lộn nhau trên thuyền, quân ta cố ghì níu rồi đẩy mạnh để cả hai cùng lặn xuống nước; và chìm chết giặc xong mới chịu ngoi lên. Trận đánh lúc đầu quân ta ưu thắng, khiến cho thuyền giặc dạt xô về một góc sông như lá tre bị bão. Nhưng rồi Lý Hằng ở phía sau cứ dồn mãi quân lên, Ô-mã-nhi ở phía trước cũng quay binh đội trở lại. Thuyền giặc vây thuyền ta kín tới mấy vòng. Chúng hí hửng nổi kèn trận lên vang cả một khúc sông, và hăm hở xông vào định bắt sống. Quân ta nổi trống đồng át cả tiếng kèn giặc, rồi nhất loạt dùng thông lọng, câu liêm, kéo không biết bao nhiêu tên giặc ném xuống sông. Giặc hốt hoảng giã ra. Trần Bình Trọng dẫn binh đội phá vây, cho thuyền chạy thẳng vào khe lạch bãi Mản Trờ. Quân ta bỏ thuyền lên bộ. Giặc bỏ vây, hai bên đánh nhau kịch liệt. Trần Bình Trọng cùng ba quân tả xung hữu đột, giặc chết nhiều vô kể. Nhưng vì quân chúng đông, giết mỗi tay vẫn không hết. Gậy giáo, mễ đao, quân ta dùng tay bóp cổ giặc. Nhưng số quân quá ít, lại sức người có hạn, cuối cùng đều bị giặc bắt.

Giặc biết tiếng Trần Bình Trọng nên rất nể ông. Chúng đưa thết ông rượu ngon cùng các đồ ăn quý bổ, ông ngoảnh mặt không nhìn. Dường như ông tự giận mình sơ hở nên bị giặc bắt. Bị giặc bắt trong khi ơn vua chưa báo, giặc nước chưa trừ xong, thật là điều thậm vô lý. Vì thế suốt ba ngày giặc dụ dỗ, ông không thềm nói một câu, không thềm đụng đến một hạt cơm, một giọt nước của chúng.

Trần Bình Trọng vốn dòng dõi Lê Đại Hành, nối đời ăn lộc nhà Trần. ông tính trung hậu. Sinh thời Thái tôn rất yêu quý. Nhà vua đem công chúa Thụy Bảo gả cho, lại ban quốc tính. Giặc cố tình dụ dỗ, Bình Trọng chửi rửa chúng không tiếc lời. Chúng vẫn nhẫn nhục mua chuộc: "Hay ta đưa ông về làm vương bên đất Bắc?". Ông thết: "Ta thà làm ma nước Nam chứ không thềm làm vương đất Bắc".

Giặc giết ông.

Nghe tin ông mất, người trong nước ai cũng xót xa, thương tiếc.

Trần Thánh tông được tin ông mất, thương khóc mãi. Vua truy tặng ông tước Bảo nghĩa vương, lại cho vẽ hình ông lưu lại.

CHƯƠNG 22

Tình thế chuyển xoay trở nên cấp bách, Thoát-hoan triệu các bộ tướng về điện Thiên An thương nghị.

Trần Nam vương nói:

- Quân thám từ các nơi về báo: - Hưng Đạo đã chia quân thủ hiểm tại Trường Yên, Thiên Trường, Long Hưng, lại điều hơn một ngàn thuyền chiến về Vạn Kiếp, khiến quân thiên triều ở vào tình thế lơ lửng. Lại dân Man ở các sách, động từ Lạng Châu đến Đà Giang, Lạng Giang... đều nổi dậy đốt phá kho lương, đầu độc lừa ngựa, quấy phá các trạm quân ta mới lập từ biên ải về tới đây. Vậy theo các ông, ta nên làm gì?

Thoát-hoan buông câu hỏi lửng rồi nhìn khắp mặt các tướng thăm dò.

Các tướng chưa ai nhúc nhích, nhưng trong lòng đã hơi núng. Vì quân thiên triều, tiếng rằng đánh đâu thắng đó; quân An Nam bị dồn đuổi, vua tôi bỏ cả kinh thành mà chạy. Vậy sao lực nó vẫn còn mạnh? Chủ tướng lại nói:

"Quân thiên triều ở vào vị thế lơ lửng", cũng như là bảo: quân ta đang bị bao vây. Hóa ra họ càng thua càng mạnh lên sao?

Giây lâu Lý Hằng nói:

- Bẩm Trần Nam vương, lại vừa có mật báo: "Hưng Đạo tiếp cử thượng tướng Chiêu Minh vương Trần Quang Khải, đem thêm hai vạn quân nữa vào hợp trấn Diên Châu cùng với Tĩnh Quốc đại vương Trần Quốc Khang, và thượng tướng Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật, tiểu tướng quân Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản... Số quân đó, nếu kể cả ở Hoan Châu gộp lại có trên mười lăm vạn.

- Mà, Toa-dô hiện thời vẫn chưa thấy tăm hơi gì? – Thoát- hoan bực bội cắt ngang lời nói của Lý Hằng. Rồi chiếu thẳng cặp mắt híp vào A-lí Hải-nha, Thoát-hoan hất hàm hỏi: - Thế nào ông bình chương, có phải tên học trò của ông án binh bất động, chờ khi nào ta mở phủ xong y mới ra để xin một chức quan văn?

Giọng thấp xuống, dần từng tiếng, Thoát-hoan vừa nói vừa đưa mắt nhìn khắp một lượt:

- Ta định nội trong ba ngày nữa sẽ tiến đánh Thiên Trường. Ta đích thân đánh vào đó, bắt cha con Nhật Huyền. Phiên ông. - Thoát-hoan chỉ tay vào A-lí Hải-nha - ông trở lại Vạn Kiếp bắt cha con Hưng Đạo. Còn ông - Thoát-hoan chỉ vào Lý Hằng - ông vây chặt Trường Yên để chúng không ứng cứu được Thiên Trường.

A-lí Hải-nha tỏ ra bức bối về lời trách Toa-đô của Thoát-hoan, y nghĩ: Phải chăng Trần Nam vương định đổ lỗi cho ta. Vì Toa-đô vốn là đệ tử dưới trướng ta". Y thầm chê Thoát-hoan thiển cận. Bởi tình thế đang rơi vào cảnh bị bao vây. Tuy vòng vây chưa khép, nhưng thế trận đã hình thành. Lại đúng lúc lương đang thiếu, mà đám thổ hào cùng dân binh khắp các châu, quận nổi lên đánh phá quan quân. Muốn giữ được các miền đất đã chiếm, phải lập các trạm quân dày gấp đôi, quân tăng gấp ba. Tình thế lúc này mới là lúc cần xin thêm viện binh, thì ông ta lại không nói đến.

A-lí Hải-nha nhìn khắp các tên học trò của y hiện có mặt dưới trướng Thoát-hoan như: Ô-mã-nhi, Triệu Tu Kỳ, Lưu Quốc Kiệt, Trình Bằng Phi, Bột-la-cáp-đáp-nhĩ... là những danh tướng - những con hổ đang vùng vẫy ngang dọc.

Thấy thầy đưa mắt khiến, Ô-mã-nhi bèn nói:

- Tàu Trần Nam vương, quân ta hiện đang lâm vào thế bất lợi, chưa thể tiến binh. Bởi lương thảo đang thiếu, lại luôn luôn bị giặc đốt. Đã cho quân đi lùng sục ráo riết trong thôn ấp, tịnh không kiếm được hạt gạo nào. Phần chúng cất giấu, phần chúng đốt đi.

- Sao không đi thật sâu vào các vùng miền nghi là chúng cất giấu mà tìm? - Thoát-hoan ngắt lời Ô-mã-nhi đột ngột.

- Bẩm Trần Nam vương, quân không thể đi xa hơn doanh, trạm mười dặm quanh vùng. Vì nếu đi xa hơn sẽ bị dân binh họ đánh lén. Thực, đại quân đã bị đánh nhiều lần như thế.

Thoát-hoan bức bối:

- Vậy chớ khoanh tay thúc thủ sao?

- Bẩm không, sao lại khoanh tay thúc thủ - A-lí Hải-nha đáp. Rồi y phân giải ngọn ngành tình thế mà quân Nguyên đang vấp phải. Kết thúc, A-lí Hải-nha nói:

- Bây giờ mới là lúc chủ tướng nên tâu với thiên tử cho thêm viện binh. Y thầm nhủ: "May mà sau trận Vạn Kiếp, ta đã gàn ông ấy không xin thêm viện binh" - Dạ, chí ít cũng phải xin thêm hai mươi vạn quân nữa, thời mới giữ nổi các vùng đất đã chiếm được. Đúng như Ô-mã-nhi nói, hiện thời ta chưa nên tiến quân. Hãy giữ vững thế trận, chờ thời cơ. Nếu như Toa-đô đánh thông được mặt nam, tình thế ắt đảo ngược, quân Trần lại bị rơi vào thế lơ lửng chớ không phải quân ta nữa. Xin chủ tướng cứ kiên tâm chờ đợi.

Thuật dùng binh, có khi hưu chiến lại có lợi hơn là giao chiến.

Tại Thiên Trường, Trường Yên, Long Hưng, Vạn Kiếp quân ta đang gấp rút chuẩn bị cho thế trận phản công. Quan hàn lâm học sĩ quốc sử viện Lê Văn Hưu cũng bận mãi vô cùng. Ông mong muốn không bỏ sót một sự kiện trọng đại nào đã diễn ra mà không được chép. Thế nhưng ông lại không thể rời quốc vương nửa bước. Vì rằng các sự kiện to lớn thường diễn ra trước

hoàng thượng, cho nên quan chép sử muốn tự mình chứng kiến và ghi lại. Song le, có quá nhiều sự kiện quan trọng cùng một lúc xảy ra mà ông thì không thể có mặt ở khắp nơi. Bởi thế, ông đã dạy cho đám thư nhi theo quân đi các ngả mà ghi lấy. Tuy nhiên, tìm cho ra một sự thật để chép vào quốc sử cũng không phải chuyện dễ. Như trận Nội Bàng, ông đã xin với Hưng Đạo vương cho ba gã thư nhi đi theo. Lúc về, ông xem lại thời thấy mỗi gã ghi một cách. Trận hỏa công khi quân ta đã rút, gã thứ nhất ghi:

- Khi lui, hậu quân của ta đốt các thôn ấp cùng những vật có thể cháy để cản giặc đuổi theo" ..

Gã thứ hai ghi:

- Giặc giận vì quân nó bị chết quá nhiều, nên khi binh ta đi khỏi, chúng nổi lửa đốt hết thôn ấp cùng các vật có thể cháy để trả thù.

Gã thứ ba ghi:

- Quân triều đình lui khỏi chỗ nào, thời dân binh chỗ ấy lập tức nổi lửa đốt hết nhà cửa trong thôn ấp cùng các vật có thể cháy. Thôn ấp trở thành biển lửa ngăn giặc".

Cùng một lúc sự việc diễn ra trước mắt ba người, mỗi người ghi một khác, thậm chí trái ngược nhau nữa. Lê Văn Hưu phải thốt lên:

- Khó thay nghề chép sử!

Cũng từ đây nơi nào ông không tới được, thời ông bắt ít nhất phải có hai người theo quân để chép. Họ được phép ghi theo ý mình rồi đem về nộp để tự ông cân nhắc, kiểm chứng rồi mới chép vào quốc sử.

Có khá nhiều việc sau này xảy ra dồn dập, sự ghi chép của đám thư nhi không đầy đủ, lại không thể kiểm chứng được, ông đành bỏ. Lê Văn Hưu thường nói với mọi người: "Thà tôi chịu tiếng chép sót chứ không mang tội chép sai quốc sử".

Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn đang dự liệu cho một thế trận to lớn nhằm đuổi giặc ra khỏi Thăng Long, thì tin đưa về như sét đánh: Toa-đô đã phá vỡ ải Nghệ An. Thế giặc như nước vỡ bờ đang tràn ra Thanh Hóa. Lập tức quốc công cho rút quân từ Vạn Kiếp về tăng viện cho Thiên Trường và Trường Yên để cản giặc từ Thanh Hóa đánh ra, Thăng Long đánh vào.

Tại Thăng Long, Thoát-hoan gọi A-lí Hải-nha vào trưởng hồ, tự tay rót một chén rượu bỏ đào ban cho, và nói:

- Tướng quân mưu việc như thần, người thường không hiểu nổi. Nay thời cơ đã đến. Theo ta, nên cấp tốc đánh thông vào Hoan Châu để đón quân của Toa-đô, ý ông thế nào?

A-lí Hải-nha nâng chén rượu lên ngang mày nói:

- Xin cầu chúc cho ngày mở phủ của thái tử không còn xa nữa. Y uống một hơi cạn chén. Và lại chìa ra xin thêm chén nữa. A-lí Hải-nha là một người

thâm trầm, mức độ. Hành vi của ông ta chỉ có thể cắt nghĩa là ông ta rất bằng lòng với nguyên sớ Toa-đô, đưa học trò yêu đã làm một việc đúng như ông ta dự cảm. Chiến công của y làm chuyển hẳn thế cờ và đang tạo thời cơ chuyển hẳn cuộc cờ. Vì vậy chén rượu bỏ đào ông ta xin thêm Thoát-hoan, lại chính là điều ông ta đòi phải ghi nhận công lao vĩ đại của cả hai thầy trò.

Thoát-hoan không phải không biết thâm ý của viên tỳ tướng bậc thầy này. Trần Nam vương cảm thấy khó chịu về thái độ cao ngạo của ông ta, nhưng lại không thể không kính trọng tài năng lỗi lạc của ông ta. Thoát-hoan vui vẻ hỏi lại:

- Ta định tiến binh gấp, ý ông thế nào?

- Đại vương cứ làm theo ý mình. Đó là ý định thần thánh. Xin đại vương cho hội quân thật nhanh, tiến binh như vũ bão, tạo ra một cơn lốc kinh hoàng khiến vua tôi Đại Việt không kịp chống đỡ. Khác với thế trận trước đây, lúc này đại vương cứ kéo quân qua đâu là ở đấy giặc tự tan vỡ, vua tôi tự trôi mình đến lạy trước trướng đại vương.

Đúng như A-lí Hải-nha dự liệu, quân Thoát-hoan đánh rất gấp, và sự chống đỡ của quan quân nhà Trần xem ra có phần núng hơn, yếu thế hơn.

Lại nói Trần Quang Khải, ngày hai mươi tám tháng giêng nhận mệnh vào tăng viện cho Diên Châu, ông điểm quân mã lên đường đi ngay; vào tới Châu Hoan, ông gặp Chương Hiến hầu Trần Kiện. Kiện mời vào dinh.

Quang Khải nói:

- Ta đem binh vào tăng viện cho thân phụ cháu. Nhưng nghe đâu cửa quan Nghệ An đã vỡ, quân Toa-đô đã tràn sâu vào cõi.

- Lạy thúc phụ - Trần Kiện nói - Tình thế bi đát lắm, thúc phụ tính sao?

- Ta định đem quân luôn vào những nơi quân giặc đã đi qua. Cháu nên hợp quân cùng ta đi theo đường biên ải giáp giới Lão qua(Lào) để trở vào Nghệ An. Ta chắc thân phụ cháu với Chiêu Văn vương cùng Hoài Văn hầu vẫn bảo toàn được lực lượng.

Trần Kiện đang băn khoăn, không biết trả lời chú như thế nào cho tiện, chợt có viên hỏa đầu vào bẩm.

- Tiệc đã bày xong.

Trần Kiện liền chấp tay mời Quang Khải:

- Mời thúc phụ thương tình xơi với cháu chén rượu nhạt, rồi nghỉ qua đêm tại đây cho lại sức, sớm mai hãy lên đường.

Quang Khải tròn xoe mắt nhìn Trần Kiện đáp:

- Việc binh như việc lửa, ta chỉ ghé thăm cháu, rồi phải vào gấp cứu thân phụ cháu, chớ làm sao có thể ở lại đây mà tiệc tùng, rồi lại còn ngủ qua đêm nữa, để mất đầu à?

Quang Khải bực mình vì ông không xin với quan gia đem theo binh phù, để

kéo cổ thẳng ranh con này cùng đi. Ông biết, nếu ông làm căng, nó sẽ kêu là nó vâng mệnh quốc công tiết chế sai khiến. Nó đã được lưu trấn ở đây, chưa có mệnh của quốc công, nó không dám rời nhiệm sở. Cứ nhìn đôi mắt nó lấm lét, gương mặt nó luôn cúi xuống như muốn che giấu điều gì khiến ông sinh nghi. Nhưng tình thế cấp bách, ông không thể ở lại, nên chỉ dặn:

- Thế giặc tuy có mạnh lên, nhưng đây chỉ là chỗ mạnh nhất thời. Ta nên đồng lòng gắng sức, sớm muộn rồi cũng dẹp xong. Cháu nên hiệp sức với Văn Túc vương. Chiêu Hiếu vương và Tá Thiên vương hãm giặc tại Hoan Châu. Ta sẽ đưa quân vào Diễn Châu cùng các vương trong đó đánh sau lưng giặc. Thế là giặc tuy có phá được cửa quan Nghệ An mà vào nhưng vẫn không thoát khỏi vòng vây. Thoát-hoan không vào được, Toa-đô không ra được, tức là chúng đầu đuôi không ứng cứu cho nhau được. Ta cứ khóa chúng lại mà diệt dần, chắc chỉ có một hai tháng là xong.

Nói rồi Quang Khải lên ngựa đi liền, Trần Kiện mặt đỏ phừng phừng như vừa chột nhận ra một điều gì. Kiện đang bực mình thì Lê Trắc đi thám thính về hỏi:

- Tướng quân vừa tiếp thúc phụ, chẳng hay có chuyện gì khiến phải bực giận?

Như người gãi đúng chỗ ngứa. Trần Kiện nói như hét:

- Ông ấy lại bảo ta phải hiệp quân với Tá Thiên vương? Ta còn căm ghét nó hơn cả lũ giặc. Thử hỏi, nó hơn gì mà nó được ở trên ta?

Lê Trắc thủng thẳng thêm vào:

- Hơn chứ sao lại không hơn? Vương cứ nghĩ lại mà xem.

- Vậy chứ ông bảo nó hơn ta cái gì? Nó có tài cán gì, ông nói thử ta nghe? - Trần Kiện bực tức gất lên - Mà ông cũng đừng gọi ta là "vương" nữa làm ta càng thêm bực.

- Được rồi, tôi không gọi "hầu" là "vương" nữa. Nhưng trước sau thì hoàng thượng cũng sẽ nghĩ lại mà phong vương cho hầu. Còn hầu hỏi tôi hoàng tử Đức Việp hơn gì hầu mà được phong Tá Thiên vương. Hơn ở chỗ Đức Việp là hoàng tử. Thế là đủ lắm rồi. Con vua thì lại làm vua.

- Ta không thèm nghe ông nói nữa đâu. Chính là anh em nó cướp ngôi của ta. Nhẽ ra ngôi thượng hoàng bây giờ là của cha ta. Lê Trắc vội chạy lại bịt miệng Trần Kiện mà rằng:

- Đừng nói nữa. Đừng nói nữa lại mang vạ vào thân. Ngôi thứ đã an bài rồi, không thay đổi được đâu, chớ có đại mồm đại miệng mà chết.

- Ta cũng đang muốn chết đây. Toa-đô đánh ra, Thoát- hoan đánh vào. Quân triều đình chạy như một lũ chuột. Đến như bá phụ Hưng Đạo vương còn chẳng xoay chuyển nổi tình thế, thử hỏi bọn ta làm được cái gì. Chợt nhớ, Kiện hát hàm hỏi Lê Trắc:

- Vậy chớ việc thám sát của ông ra sao?

Lê Trắc lắc đầu bước lại gần Kiện, nói nhỏ:

- Tôi có điều tâm huyết bày tỏ, không biết vương có chịu nghe?

Kiện đáp:

- Ông ăn ở với ta bấy nhiêu năm, còn không biết bụng ta sao? Ta với ông tuy không phải tình máu mủ ruột rà, nhưng có khác chi huynh đệ. Làm việc gì, ta chẳng hỏi ông. Ông cần điều gì ở ta mà không được. Ông cứ nói, kể cả việc bất trung như hàng giặc cũng chẳng sao.

Lê Trắc làm ra vẻ hốt hoảng ngăn lại:

- Chết chết, sao tướng quân lại có ý nghĩ phản loạn như vậy. Việc này mà hở ra thì cả tôi và tướng quân đều mất đầu.

- Người nhiều lời quá! Trần Kiện gắt - Ta đã nói thế mà người cứ còn rào đón mãi.

- Tôi không sợ sao được. Tướng quân coi tôi là thân, nhưng quân pháp vô thân. Vả lại tôi xuất thân nho học, được tướng quân tin dùng dưới trướng, chứ thực ra tôi có chân trong hoàng thân quốc thích đâu mà được bao dung. Dạ, tôi nói quân pháp vô thân, là vô thân với người ngoại tộc thôi, còn như trong hoàng tộc vẫn cứ là thân, dù kẻ đó có tội.

- Ta vẫn thấy ông loanh quanh mãi mà vẫn chưa nói ra được điều cần nói - Trần Kiện ngắt lời.

- Dạ, tôi xin nói. Chẳng là thế này, tướng quân cho tôi mang theo một kỵ đội đi viễn thám.

- Đúng ! Thế kỵ đội đâu? Trần Kiện sốt ruột hỏi.

- Dạ, bị giặc bắt hết cả rồi.

Trần Kiện hoảng hốt giục:

- Sự thế thế nào, ông kể ta nghe. Vậy là giặc đã tới gần ta lắm rồi sao?

- Dạ, bẩm tướng quân, ta đang bị bao vây. Ba mặt đều bị quân thiên triều phong tỏa.

- Thế thì thúc phụ ta nguy mất.

- Không. Không có gì đe dọa được tính mệnh thái sư.

- Ông ấy đầu hàng à?

- Dạ không. Tôi nghe thượng tướng nói lúc chia tay với chủ tướng, rằng ông ấy đem quân đi theo đường núi phía tây Hoan Châu mà vào Châu Diên. ấy là sự tính toán thiên tài. Hiện chỉ còn mặt ấy quân thiên triều bỏ trống.

- Ông nói ta nghe việc kỵ đội bị bắt?

- Dạ, khi được tin nguyên soái Toa-đô đã đem binh ra Thanh Hóa, tướng quân sai bọn tôi đi thăm dò hư thực. Kỵ đội chúng tôi cứ đi sâu vào mãi, ở đâu dân chúng cũng bảo không nên vào vì giặc sắp tới. Chúng tôi muốn được nhìn thấy bóng giặc rồi mới quay về. Ai ngờ đi quá ba mươi dặm thì gặp tiền quân của nguyên soái Toa-đô. Thấy kỵ đội của ta, là kỵ binh của chúng phóng ngựa ào tới vây lại thành vòng tròn. Cứ một cánh quân chạy

xuôi, lại một cánh quân chạy ngược như quân đèn cù. Cho tới lúc vòng vây nhỏ lại, thất kỵ đội của ta vón như tổ kiến gặp bão, họ bèn quăng dây lôi cổ kỵ sĩ của ta xuống, bắt sống cho bằng hết.

- Bắt sống bằng hết mà ông lại về được đây? Nói láo! Kiện quát.

- Bẩm tôi đâu dám nói láo. Rồi Trắc móc túi lôi ra một phong thư, nói như khóc: "Bẩm, đây là thư nguyên soái gửi tướng quân".

Trần Kiện đọc xong, mồ hôi toát ra như tắm. Lát sau, Kiện lẩm bẩm: "Sao nguyên soái biết hoàn cảnh của ta, biết cả nỗi uất ức của ta?" Đoạn Kiện quay lại bảo Lê Trắc:

- Đây là thư của nguyên soái Toa-đô mời ta ra hàng. Thế ông đã nói gì với nguyên soái chưa?

- Dạ chưa. Lê Trắc làm ra bộ ngơ ngác - Tôi biết ý chủ tướng ra sao mà dám nói.

- Chết cha, ông ta ước: nội trong hai ngày không trả lời thời tiến đánh. Làm thế nào bây giờ, ông chỉ giùm ta? Ông biết đấy, một vạn quân ngớ ngẩn của ta, sao địch nổi với cả chục vạn quân thiên triều thiện chiến. Chống lại họ, khác nào đem trứng mà thách chọi với đá. Thấy Trần Kiện luống cuống lo sợ, Lê Trắc nói:

- Tôi đã vì chủ tướng mà nhận lời với nguyên soái rồi. Nhưng nếu thấy quân ta có thể thủ thắng, xin tướng quân cứ bày trận nghênh địch. Và lời hứa của tôi coi như một kẻ trá hàng.

- Không được. Không được - Trần Kiện vội xua tay. Ông đã vì ta mà hứa với nguyên soái, cũng chính như ta đã hứa. Quân tử nhất ngôn, không thể thay đổi được, họ khinh.

- Họ khinh! Lê Trắc nhắc lại.

Hai người thu xếp cho một vạn binh trong một ngày phải về hội dưới trướng, để cho quân Toa-đô thít chặt vòng vây. Toa-đô cho gọi Trần Kiện vào hầu trong trướng an ủi:

- Trong cuộc đại nam chinh này của thái tử, người lập công đầu là ông. Ta sẽ tâu về Trần Nam vương kíp khen.

Toa-đô đòi Trần Kiện phải chia quân dẫn đường cho quân thiên triều, đi bắt sống các tướng còn lại của triều đình.

Trần Kiện cắt cử binh tướng dẫn đường cho quân Nguyên đi đánh các nơi phòng giữ của triều đình trong đất Hoan Châu. Riêng Kiện xin tự mình làm tướng tiên phong để đi bắt sống Tá Thiên vương Trần Đức Việp, nhưng Toa-đô không nghe. Y nói:

- Ta sẽ cử tướng khác đi bắt Đức Việp cho ông. Phần ông, ta muốn dùng vào việc lớn.

Kiện thưa:

- Nguyên sủng quá khen, tôi thân một hàng tướng, còn làm được việc gì lớn.

Toa-đô cười ngất:

- Ông thực khiêm nhường. Đúng là trời đem ông đến cho ta, việc lớn ta phải nhờ, nhưng cao kiến như ông chắc đã đoán biết tới tám chín phần rồi. Nói xong, Toa-đô rót rượu quý mời Trần Kiện.

Kiện đỡ lấy rượu, cúi đầu cảm tạ:

- Tiểu tướng chưa lập được chút công nào mà nguyên soái đã ban cho đặc ân, tự lấy làm thẹn.

- Chỉ riêng việc tướng quân đem lòng yêu mến về với ta, lại tặng cho ta thêm một vạn quân nữa, ơn ấy ta biết lấy chi báo đáp. Tuy vậy, còn một việc, phi tướng quân không ai làm nổi.

Toa-đô cứ nói nửa úp nửa mở khiến Trần Kiện thêm khó xử. Thực ra Kiện cũng đoán biết Toa-đô muốn dùng y vào việc gì. Nếu quả đúng như vậy, thì tên tướng Thát-đất này ác độc quá. Không thể chịu được nữa, Kiện bèn hỏi:

- Bẩm, có phải nguyên súy muốn sai tôi đi bắt Chiêu Minh vương Trần Quang Khải?

Toa-đô vỗ đùi đánh đét một cái rồi cười ha hả:

- Quả là tướng quân biết hết gan ruột ta. Đúng là trời đem đến cho ta một người bạn tri kỷ, một viên đại tướng.

- Nguyên súy bắt tôi làm một việc quá sức. Chắc nguyên súy đã biết tài cầm quân của thúc phụ tôi. Làm sao mà tôi có thể địch nổi Chiêu Minh vương. Vả lại, việc đó không hợp với đạo lý nước chúng tôi.

Toa-đô nhăn mặt lại, y lườm Trần Kiện có vẻ khinh bỉ:

- Ông thua trận là phải. Vì ông biết một mà không biết hai. Nhìn thẳng vào mặt Trần Kiện, Toa-đô nói như quát - Ai sai ông đi bắt thượng tướng Trần Quang Khải? Chẳng qua là ta thương tình chú cháu các ông, muốn cho các ông sớm đoàn tụ, nên ta cử ông đi đón thượng tướng. Còn nếu như ta phải tướng của thiên triều đi đón, e rằng tính mệnh ông ta khó toàn. Nói xong, y ném cho Trần Kiện một phong thư và giục.

- Cứ đọc đi ông khắc biết.

Trần Kiện mở thư đọc. Lúc đầu Kiện có vẻ bàng hoàng mặt tái đi. Nhưng càng đọc, mặt y càng tươi dần lại. Đoạn Kiện ngẩng nhìn Toa-đô:

- Vậy là Chiêu Quốc vương cũng có bụng về với nguyên súy ?

- Điều đó ông ta đã nói rõ trong thư. Không những thế, Trần Ích Tắc còn gửi công tử Nghĩa Quốc hầu sang chỗ ta trước, để làm con tin. Còn ông ta với gia thuộc sẽ về thẳng Thăng Long với Trần Nam vương. Nhiều vị đại thần khác của An Nam cũng đã gửi thư đến ta, hẹn xin được vào chầu Trần Nam vương. Cho nên việc ta cử ông đi là muốn tạo cho ông một cơ hội làm điều nghĩa. Việc ấy chắc hợp đạo lý nước ông. Toa-đô chợt đổi giọng êm ru - Chương Hiến hầu, chẳng hay ông có nhận ra lòng tốt của ta?

- Đa tạ nguyên súy, Trần Kiện đáp ứng, và tiếp - xin lĩnh mệnh nguyên

súy giao cho.

Toa-đô cười sằng sặc:

- Ta biết? Ta biết! Thế nào ông cũng nhận mệnh, bởi ông là người sáng suốt. Vậy thời ta cho ông đem theo năm ngàn quân bản bộ. Ta lại cấp thêm cho năm ngàn quân thiên triều, cùng với đại tướng Giảo Kỳ đuổi theo Quang Khải. Nhân đây, ta cũng báo để ông vui. Bộ tướng Lê Trắc của ông vừa lập công lớn. Y dẫn đại quân theo đường tắt qua kênh Vệ Bó lấy thành, và diệt gọn hai tướng Đinh Xa và Nguyễn Tất Thông. Các tướng khác cũng đang dẫn lộ cho quân thiên triều đi lung bắt Văn Túc vương, Tá Thiên vương, Chiêu Hiếu vương...

Tình thế cấp bách. Giặc đánh rất gấp vào Trường Yên, Thiên Trường. Phía Nam, Toa-đô cũng đánh ra dữ dội, kẹp quân ta giữa hai gọng kìm khốc liệt. Quang Khải sau khi chia tay Chương Hiền hầu Trần Kiện, không như lời ông nói, là sẽ đem binh đi theo đường núi phía tây Thanh Hóa mà vào Nghệ An để luôn sau lưng giặc. Trái lại, ông cho quân quay về Thiên Trường để hộ giá hai vua. Nhân tông đã mời vua cha cùng các tướng về bàn việc nước. Hưng Đạo, bố cáo tình thực quân ta bị thiệt hại ở vùng đất hai châu Hoan, Diễn. Trong đó việc phản bội của Chương Hiền hầu Trần Kiện, Lê Trắc đã gây thiệt hại lớn cho quân và làm nản lòng binh sĩ. Rồi ông tiếp:

- Toa-đô đánh vỡ mặt nam. Tình thế chuyển xoay thất lợi cho ta nhiều lắm. Giặc đang siết chặt hai gọng kìm, mưu toan tiêu diệt quân ta. Muốn thoát khỏi cuộc bao vây khủng khiếp này mà vẫn bảo tồn được lực lượng, chỉ có cách luôn lại phía sau Toa-đô, thời hai gọng kìm kia chúng tự kẹp vào nhau. Quang Khải hỏi luôn:

- Nếu lừa được hai gọng kìm chúng tự kẹp vào nhau là thượng sách. Nhưng trước sau giặc đều án ngữ dày đặc. Xin hỏi, bằng cách nào huynh trưởng có thể rút êm được mấy chục vạn quân mà không xảy ra ác chiến?

- Phải tạo ! Phải tạo ra tình thế đó.

Trần Nhân tông:

- Xin quốc công kiến giải cho mọi người cùng bàn. Hưng Đạo nhìn hai vua, nhìn Quang Khải và các tướng để dò tìm xem mọi người còn vững dạ hay đã lung lay. Đoạn, với giọng trầm, ấm ông nói:

- Toa-đô sau ba năm bị cầm chân tại miền Ô, Lý thiếu lương, thiếu thuốc, lòng quân đã nản. Y đánh mãi không qua được cửa quan Nghệ An. Chợt có tăng viện, y cho quân liều chết phá được ải. Thế là Thoát-hoan từ thế bị bao vây chuyển sang thế bao vây. Nhưng xét cách tiến binh của Toa-đô, thời chủ đích chỉ là việc siết cho nhanh hai gọng kìm để kẹp quân ta. Bởi thế, y tiến quân rất nhanh, ào qua như một cơn lốc, chứ không dừng lại lập trạm, trại giữ đất như Thoát-hoan ở ngoài này. Điều ấy tỏ rõ Toa-đô thiếu quân. Hiện binh giặc đã ra gần hết Hoan Châu. Vậy chỉ có cách như sao cho Toa-đô tiến

nhANH ra mạn bắc, tạo thành khoảng trống phía sau. Trong khi đó, quân ta sẽ hành binh bằng đường thủy, và đường xuyên rừng núi vào chiếm lấy đất Hoan, Diễn. Được vậy, thời quân ta chỉ phải chống giặc có một mặt bắc. Mặt nam, ta sẽ liên kết với Chiêm Thành.

- Nhưng làm thế nào như Toa-đô ra nhanh được ? - Trần Thánh tông hỏi.

Hưng Đạo đáp:

- Tâu, việc đó khó mà dễ. Khó ở chỗ phải biết dụ địch, không ham chiến và phải biết cách thua cho thật khéo, để giặc không ngờ đó là mẹo của ta. Khi giặc đã tin rằng thế quân ta yếu không chống nổi, thời chúng đuổi theo tới quên ăn. Phi tướng giỏi, không thực hiện được mẹo này tới ba ngày liền, mà không bị giặc phát lộ. Hưng Đạo mỉm cười nhìn khắp một lượt, rồi dừng cặp mắt nơi Quang Khải, ông nói tiếp: Nếu mưu ta giữ được kín nhem, lừa được giặc, thời việc bắt Toa-đô dồn nhanh quân ra mạn bắc, để trả lại đất Hoan, Diễn cho quân ta, là việc trở nên cực dễ.

Trần Nhân tông khẽ nhún mày như là một sự cân nhắc, nhà vua nói:

- Xin thượng tướng Chiêu Minh đi cho một chuyến, triều đình trông đợi ở vương.

Quang Khải cúi lạy:

- Thần xin lĩnh mệnh:

Trần Nhân tông:

- Thượng tướng nhận mệnh với quốc công.

Hưng Đạo lại nói:

- Trong khi ta như Toa-đô ở mạn nam ra, thời ta cũng lui dần mạn bắc để dồn quân về Long Hưng, dồn về các lộ ven biển phía đông để tiện cho cuộc đại lui binh vào phía sau lưng giặc - Dạ tâu, thần cũng đã chia binh, cử tướng lên các sách, động vùng Lạng Châu, Đà Giang, Tam Đái... hợp lực với các thổ hào, tù trưởng người thiểu số để đánh vào các trạm, trại quân và các kho lương, hoặc các đội vận chuyển quân lương của giặc. Dạ, trước mắt ta còn gặp vô vàn khó khăn, song chẳng bao lâu nữa giặc sẽ khốn đốn.

Việc bàn chưa dứt thì có quân viễn thám từ Hoan Châu ra báo: "Các ả võ gần hết, Trần Kiện thân dẫn giặc đi các đường hẻm đánh úp quân ta. Đại liêu Hộ và Chiêu Hiều

vương đã cự giặc tới cùng. Hai vị đã thọ tử. . . "

Không khí triều hội căng thẳng vô cùng. Không ai dám nói ra lời, nhưng nhiều người hẩn cùng một ý nghĩ:

"Khó mà thoát khỏi nạn nước thập phần nghiêng ngả này".

Trần Thánh tông xua tay, dường như người không muốn nghe, thấy những cảnh thương tâm, những điều đau đớn. Đoạn nhà vua nói:

- Bữa trước, ta cử Đỗ Khắc Chung vào trại giặc dò tìm tin tức. Chung đi sứ đã làm rạn tổ khí tiết Đại Việt, khiến Ô- mã-nhi cũng phải nể trọng. Các

điều ta bày tỏ với Thoát- hoan đều bị khước từ, nhưng Khắc Chung đã thấu được những điều bổ ích. Nay ta lại muốn thăm thú binh tình bên trại giặc, chẳng biết có ai vì trẫm, vì nước mà đưa quốc thư tới Thoát-hoan?

Thánh tông vừa dứt lời thì tông nhân Trung Hiến hầu Trần Dương bước ra cúi lạy:

- Thần xin được lĩnh mệnh.

Lại thấy Thiện Trung đại phu Nguyễn Nhuệ bước ra lạy :

- Xin bệ hạ trao việc ấy cho thần. Lỡ giặc có trở mặt giết đi, thân già được hy sinh cho nước không có gì phải ân hận. Bệ hạ nên giữ lại các đồng liêu còn sung sức của thần, để làm vốn dùng cho nước được lâu dài.

Trần Dương không chịu, hai người cứ tranh cãi nhau xin đi. Đến nỗi Nguyễn Nhuệ phải khóc mà phân trần:

- Việc vào trại giặc để chết, thời kẻ thất phu có lòng trung với nước cũng làm được. Tôi tuy không thuộc dòng dõi thất phu nhưng đã già, dầu giặc có giết, sự thiệt hại cũng không nhiều lắm. Tôi không có ý bảo trọng tấm thân cho riêng quan Trung Hiến hầu, mà tôi muốn lưu giữ một tài sản cho nước. Việc thắng giặc lúc này là muôn khó. Song việc trị bình sau thời loạn để nước không rơi vào thảm họa đói nghèo, tưởng còn khó gấp bội. Nếu không có những người sức lực sung mãn, tài đức vẹn toàn, thử hỏi lấy gì mà vực nước đi lên sau cơn binh lửa.

Nghe quan Thiện Trung đại phu phân giải, Trần Hưng Đạo lấy làm cảm kích tấm lòng trung với nước của ông, và kính nể hơn là sự nghĩ hiểu xa rộng của ông về một nước Đại Việt phú cường, ngay cả khi ông phải chết, thời cái chết ấy cũng không gây thiệt thòi cho nước nhiều lắm. Hưng Đạo tự nhủ: "Ông ta chỉ là một chức quan văn không có tiếng tăm trong triều, mà sao nhân cách ông ta chói ngời như một bậc thánh".

Vua đã nói tới cạn nhẽ, hai vị vẫn không chịu nhường nhau. Thánh tông đành phải cử cả hai người cùng đi sứ.

Đang đà thắng lớn, Thoát-hoan huyênh hoang như một tên mãi võ, và tiếp sứ thật là kiêu mạn. Y bắt hai vị sứ giả phải quỳ để dâng thư. Trung Hiến hầu Trần Dương tính cương nghị đã toan nổi xung, chợt thấy Thiện Trung đại phu Nguyễn Nhuệ đưa mắt nhìn như thăm nói: Hãy nhẫn nhục. Việc vua giao chưa làm xong, chưa được chết".

Nuốt hận vào lòng, hai người cùng quỳ dâng thư. Đọc xong, Thoát-hoan ném thư vào mặt sứ. Rồi thét:

- Quân trưởng các ngươi phải vào châu ta. Nếu cha con Nhật Huyền không tới lạy trước trưởng, nước ngươi sẽ thành bình địa, cung thất, tông miếu sẽ thành gò hoang.

Trước khi đuổi hai sứ ra ngoài, Thoát-hoan còn thét:

- Giam chúng nó lại.

Bữa nọ, Ô-mã-nhi gọi hai sứ giả lên trước trưởng cho uống nước, rồi hỏi chuyện thế sự. Cả hai người đều đòi Trần Nam vương phải có hồi âm và phải cho sứ về. Ô-mã-nhi ừ hử cho qua chuyện. Rồi y mở ống quyển lấy ra một bức tranh lụa treo ngay ngắn trên tường. Y hỏi:

- Các ông có biết người này là ai không?

Hai sứ giả nhìn nhau kinh ngạc. Thiện Trung đại phu Nguyễn Huệ bèn hỏi:

- Tại sao các ông có được bức họa chân dung quốc muội chúng tôi?

- Vậy các ông cũng nhận ra nàng là An Tư công chúa?

Trung Hiến hầu nói thẳng:

- Có phải các ông đem binh tới nước tôi cũng vì người này không?

Ô-mã-nhi cười ngất:

- Đâu phải chỉ vì má đào mới có can qua. Nhưng trong can qua lại cần có má đào, Trần Nam vương vì lòng thương người con gái này, ngài muốn được che chở. Vậy một trong hai các ông được mang theo dụ của Trần Nam vương trở về. Và bảo phải đưa công chúa đến hầu Trần Nam vương.

- Việc ấy có nói trong thư không? Nguyễn Huệ hỏi.

- Không. Nhưng các ông phải biết điều. Nếu nàng tới hầu, chắc Trần Nam vương sẽ nói tay. Các ông bàn bạc với nhau đi, ai về, ai ở?

Nguyễn Huệ nói luôn:

- Có gì phải bàn bạc. Trần Nam vương đang nóng lòng chờ quốc muội, thời phải người có sức khỏe như quan Trung Hiến hầu đây mới đi nhanh được. Tôi sức yếu, xin ở lại làm con tin.

Trung Hiến hầu hiểu ý quan Thiện Trung đại phu muốn cử mình về trước, nên không tranh cãi.

Hai ngày sau vẫn chưa thấy vua Trần đưa công chúa An Tư tới cổng. Thoát-hoan đòi Nguyễn Huệ quỳ trước trưởng để hỏi. Lần này, ông nhất định không chịu quỳ. Và bảo:

- Không có một luật lệ nào bắt sứ quỳ để tiếp chuyện.

Thoát-hoan giận quát:

- Ta khinh ngươi nên không cho ngồi. Sứ giả gì ngươi. Ta sắp bắt gọn cả triều đình nhà ngươi nấu trong vạc - Ta khinh ngươi? Thoát-hoan thét vào mặt Nguyễn Huệ - Chó! Người là đồ chó! Sứ chó!

Thiện trung đại phu Nguyễn Huệ bùng miệng cười. Rồi không ghìm được ông cười to thành tiếng.

Thoát-hoan lại quát: - Ngươi cười cái gì?

- Ta cười vì ông bảo ta là "Sứ chó". Vậy phải có nước chó, thời mới có sứ chó. Hóa ra ta phải đi sứ tới nước chó ! A ha... ha...!

Thoát-hoan giận tím mặt, thét đao phủ lôi Nguyễn Huệ ra chém. Trước khi bước ra khỏi trưởng, Huệ còn quay lại nhử vào mặt Trần Nam vương

Thoát-hoan.

Triều đình bàn đến nát nước về ý định ngang ngược của Thoát-hoan, đòi bằng được An Tư.

Hung Đạo không để ý nhiều tới thói ngạo mạn của Thoát- hoan, mà ông quan tâm đến kẻ nào đã vẽ chân dung công chúa? Kiểm đủ mặt các tài nhân danh sĩ ở Thăng Long không thấy có mặt nào đủ tư cách bắt được An Tư ngồi trước khung lụa, ngoại trừ Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc. Sau hỏi, quả An Tư có nhớ lại chuyện đó.

Nhưng làm sao bức vẽ ấy lại đến được tay Thoát-hoan? Nó đến bằng con đường nào? Có phải Ích Tắc gửi tặng để cầu thân, hay có kẻ nào lấy cắp đem đi?

Về chuyện An Tư, các đại thần không dám quyết. Thượng hoàng Trần Thánh tông nói: "Thân làm vua mà không bảo trọng được cho em gái thì nhục lắm". Với Nhân tông cũng rất khó xử, nhà vua nói: "Tiên đế mất đi, để lại hoàng cô bé bỏng, nay đem dâng cho giặc, hỏi còn mặt mũi nào nhìn thấy Người ở dưới suối vàng".

Sau Nhân tông hỏi riêng Hung Đạo, nhà vua nói:

- Thừa quốc phụ, việc Thoát-hoan đòi dâng hoàng cô, Quốc phụ dạy nên như thế nào?

Hung Đạo bản thân giây lâu rồi đáp:

- Các đại thần xin không lạm bàn trong chuyện này. Thượng hoàng không quyết, bệ hạ cũng không quyết. Đây là đối sách bang giao, thần là tướng võ, xin bệ hạ miễn cho phải bàn. Nhưng vì bệ hạ đã gặng hỏi, thời thần chỉ nói theo ý riêng mình. Cứ như chỗ thần được biết, bệ hạ có đem dâng cả mảnh giang sơn gấm vóc do tiền nhân để lại cho giặc, vẫn chưa là đủ, nói chi thân một quốc muội.

Những chuyện đó rồi cũng bay từ Thiên Trường về tới Long Hưng, và đến tai An Tư. Nàng đau lòng trước cảnh nước mất nhà tan. Đêm nằm nhức nhối không sao ngủ được. Phần thương anh, thương cháu, thương nước, thương dân. Phần xót xa mối tình trong sáng giữa nàng với Chiêu Thành vương.

Nhẽ ra không có nạn nước, thì mùa xuân này ta đã làm lễ kết tóc với chàng. Giá như Thánh tông, cứ lấy quyền huynh thế phụ ra mà quyết lại đi một nhẽ. Hoặc giả Nhân tông, lấy quyền là một bậc quân trưởng ra mà quyết, lại đi một nhẽ khác. Và ta sẽ dễ xử hơn. Hoặc thuận theo, hoặc cưỡng lại. Đàng này thì mọi người ngậm ngậm im lặng. Vì thương ta cũng có. Vì ngại ta cũng có.

Giặc đánh mỗi ngày một dữ dần thêm. Triều đình không ngày nào không phải chuyển dời địa điểm. Các đại thần, rồi hoàng thân, quốc thích ra hàng giặc ngày một nhiều thêm. Thế nước chung chiêng như con thuyền đang đi trong giông bão. Đêm trước buồn quá, An Tư ghé coi bọn giáo phường về Long Hưng trình diễn tích "Lý Thường Kiệt phá Tống". Về, thâu đêm không

ngủ được. Nàng tự hỏi: Lịch sử đất nước đã viết được những trang hào hùng thế. Chẳng nhẽ cháu con lại để ông cha phải ngậm tủi nuốt sầu dưới tuyến đài chăng?".

Phải làm gì đây? - An Tư tự hỏi. Lời hát: "Quốc gia hữu sự, thất phu hữu trách" của đám giáo phường, như còn văng bên tai. Chẳng lẽ không ai nói gì đến ta, ta lại coi như không biết sao? Ôi đau đớn! An Tư thốt lên rồi úp mặt xuống gối nức nở. Nỗi giằng xé trong nàng là bổn phận đối với tình yêu, và nghĩa vụ đối với đất nước. Nàng tự hỏi, sao người xưa nói "Gác tình riêng đền nợ nước", nó nhẹ nhàng và mau chóng làm vậy. Chỉ có ba chữ thôi mà dứt bỏ được tình sâu nghĩa nặng ư? "Gác tình riêng", nàng nhắc lại ba chữ thiêng liêng mà đau buốt đến tận tủy xương, óc não. An Tư lại nghĩ: Tình riêng gác được hay không là quyền ở mỗi người. Nhưng nợ nước mà không báo đền được, thời thân sống coi như đã thác! Nàng luống cuống không biết tìm ai, hỏi ai trong lúc cô đơn giữa khuya vắng này. An Tư bèn dựng nàng hầu yêu dậy hỏi chuyện:

- Kim Liên? Kim Liên! Dậy mau, ta có chuyện cần bàn với em.

Đang ngủ say bị dựng dậy bất ngờ, Kim Liên tưởng giấc đến, bèn hốt hoảng hỏi:

- Bẩm công chúa, chạy đi đâu bây giờ?

- Chưa, chưa phải chạy. Ta có chuyện muốn nói với em.

Kim Liên tưởng nghe nhầm, bởi nàng cho đây là một sự lạ bèn hỏi lại:

- Bẩm, công chúa có chuyện gì muốn nói với con?

- Phải. Không những nói mà ta còn bàn với em, còn phải hỏi em nữa.

- Ôi con đâu dám phạm thượng thế ạ. Xin công chúa tha cho, kéo con lại mang tội bất kính.

- Không. Kim Liên, ta cần em. Em không nên thủ lễ quá, tủi thân ta. Ta nói thật, ta rất cần em.

- Dạ thế thì con xin nghe công chúa nói đây, con không dám thủ lễ nữa ạ.

An Tư bèn kể hết khúc nhôi, kể hết cả nỗi lòng mình trước tình yêu tha thiết với Chiêu Thành vương, và trước nạn nước mà Thoát-hoan đang đòi nàng phải đem thân tới nạp.

Nghe xong, Kim Liên thở dài đáp:

- Dạ, bẩm thế thì công chúa khó xử thật.

- Nhưng nếu em ở vào địa vị ta thì em xử như thế nào?

Kim Liên giẫy nảy lên:

- Bẩm công nương sao lại ví thế được ạ. Con đâu dám ở vào địa vị công nương. Nhưng nói đại, giả như vị thế con mà gặp cảnh ngộ như vậy, kể cũng khó xử thật. Thôi, con chịu, làm sao mà công chúa lăm nỗi éo le phức tạp?

- Nhưng ít ra trong hai con đường ấy, em phải chọn một chứ? Vậy em chọn đường nào?

- Ôi, khó xử quá. Giả như con phải xô đẩy vào cảnh ngộ của công chúa, nhất định con phải hỏi ý chàng.

Gương mặt An Tư bừng sáng, nàng reo lên:

- Ôi Kim Liên, em giỏi quá! Việc giả đi đường ấy mà sao ta không nghĩ tới? Tuy vậy, gặp Chiêu Thành vương lúc này đâu phải chuyện dễ. Chàng là người của bốn phương. Như là một cánh chim bằng nay đây mai đó, biết đâu mà tìm. Chợt nàng quay hỏi Kim Liên:

- Ta định mai đi tìm chàng, liệu em có đi cùng ta?

- Dạ, bẩm công chúa, lên ngàn xuống biển, đi đâu con cũng xin được theo hầu.

- Em có biết cưỡi ngựa không?

- Dạ có, nhưng không được thạo như công chúa.

- Em có nghĩ rằng chàng trả lời ta sao không?

- Bẩm công nương, làm sao con biết được các điều đang ủ kín trong đầu vương.

- Nhưng nếu em là chàng?

- Bẩm công chúa tha tội cho con. Ban nầy công chúa bảo con là công chúa, bây giờ công chúa lại bảo con là vương. Cả hai điều đó đều xem như là nghịch lý.

Sớm tinh sương các nàng hầu đã gói gồm xong hành trang và đồ ăn cho công chúa cùng Kim Liên. Một thầy, một tớ thong dong hai ngựa lên đường. Mới sang đò được chừng non mười dặm thì thấy một người đang phóng ngựa như bay về phía mình. An Tư thầm ước: "Nếu như người kia lại đúng là chàng". Nàng phỉ phui ngay ý nghĩ đó. Bởi chàng đang bận việc quân. Số phận đất nước như chuông treo chỉ mảnh, mong sao chàng đừng vương vấn đến ta. Nhưng kỳ lạ làm sao. Người ấy đang thả lỏng dây cương cho ngựa đi nước kiệu. Và đúng là chàng. Nàng vút ngựa lao lên rồi hét:

- Vương ! Ném cương, nàng nhảy bổ sang ngựa chàng.

Chiêu Thành vương giơ hai tay đón nàng. Chàng đặt gọn nàng ngồi vào phía trước yên cương. Nàng ghì chặt cổ chàng, nước mắt đầm đìa, giọng run run:

- Vương! Vương ơi, em khổ lắm !

Chiêu Thành vương cúi xuống hôn nhẹ vào má nàng hỏi:

- Vậy chứ nàng định đi đâu bây giờ?

- Em định sang Thiên Trường tìm vương.

- Ta mới ở Hoan Châu ra đêm qua. Hoàng thượng cho nghỉ một ngày. Đêm nay phải tâu bày mọi việc. Ta ghé thăm nàng, khoảng giờ mùi lại phải chia tay, nàng tính sao?

- Chàng nhất thiết phải có mặt đêm nay ở Thiên Trường - Hay ta vào vắng cảnh chùa rồi chơi ở đó, để chiều vương còn kịp phiên châu.

Không còn cách nào tiện hơn, vương cho ngựa rẽ theo lối mòn vào chùa.

Kim Liên vẫn leo đèo theo sau, một mình một ngựa, giữ một khoảng cách vừa đủ để hai người được tự nhiên. Thấy vương rẽ ngựa, Kim Liên biết ngay công chúa sẽ dừng lại trong chùa. Tới cổng, nàng lấy cố phải coi cả ba con ngựa nên không vào được chùa trong.

Trụ trì tại ngôi chùa này là một sư bà, tuổi ngoại bảy mươi. Thấy khách lạ tới thăm chùa, bà sai đệ tử ra rước vào nhà thư trai.

Sư bà dáng người phúc hậu, ăn vận nâu sồng, đầu đội mũ ni, cổ đeo tràng hạt, tay chống cây thiền trượng, chân giẫm giày cỏ lật đặt bước ra thêm đón khách. Nhắc thấy hai cô cậu đáng bậc vương tôn, sư bà niềm nở đón chào:

- A-di-đà Phật, chẳng hay quý khách từ đâu tới thăm chùa?

Chiêu Thành vương và An Tư công chúa chấp hai tay vái dài:

- A-di-đà Phật! Chúng con từ Thăng Long tới.

Nghe khách nói từ kinh kỳ đến, sư bà rất mực cảm kích, liền hỏi thăm song thân và gia cảnh.

Lại hỏi cả việc giặc chiếm Thăng Long có tàn sát sinh linh, tàn phá kinh thành và các nơi tế tự, chùa, quán không. Rồi mặc khách thăm viếng cảnh chùa.

Chiêu Thành vương dẫn An Tư vào lễ Phật rồi ra chơi phía vườn chùa. Mãi góc phía tây, nơi gốc bồ đề có bãi cỏ non xanh mướt, hai người dừng lại giải bày tâm sự. An Tư kể hết nỗi niềm. Nào Thoát-hoan đòi triều đình phải nộp nàng cho nó. Nào triều đình đã bàn mà không quyết. Nào Thánh tông bắn khoản, Nhân tông day dứt. Cuối cùng chẳng đi tới quyết sách gì.

Nghe An Tư kể, Chiêu Thành vương thấy ớn lạnh cả sống lưng, phần thương nàng, phần căm giặc. Kể xong, nàng hỏi:

- Vương dậy em nên xử thế nào? Em yêu vương hơn cả yêu mình. Không gì có thể ngăn được tình em yêu chàng. Dù trời long đất sập, lòng em chẳng thể chuyển lay. Nhưng vương ơi, trước nạn nước, đặt em vào một tình thế khó xử. Đem thân làm mồi cho giặc dữ thời em phải phụ tình chàng! Vẹn nghĩa cùng chàng lại bất trung với nước! Nói xong, An Tư gục vào lòng chàng khóc như mưa như gió.

Nghe nàng nức nở, vương đâm bối rối, tới mức chàng cứ ngồi vuốt vuốt mái tóc nàng mà không tìm ra được lời yên ủi.

Chàng nghĩ: nước mắt đôi khi cũng làm cho vui vợi nỗi niềm. Tự đáy lòng mình, chàng không muốn xa nàng, còn nói chỉ ưng thuận cho nàng đem thân vào trại giặc. Chàng ao ước được lĩnh một đội binh mạnh, liều xông vào cùng sống chết với Thoát-hoan. Ôi việc ấy đặt ra trong lúc này là không hợp. Quốc công tiết chế đã dậy: “Muốn thắng giặc phải biết thua giặc”. Và bây giờ là lúc phải biết thua. Chàng cũng oán triều đình không có quốc sách rõ ràng, khiến nàng lâm vào tình thế khó xử. Lại thêm trách nàng khéo vợ lấy sự việc không đâu cho rắc rối. Phận nữ nhi, ai dám trách nàng. Nếu triều

đình không hỏi, sao nàng lại coi như không biết đến có hơn không. Nhưng bình tĩnh lại, chàng tự đặt vào vị thế của từng người. Như Thánh tông, Nhân tông cư xử thế cũng là phải. Chính An Tư vương xử thế cũng là phải. Nàng có thể vờ như không biết, nhưng cả nước biết, và nhất là không thể vờ vịt được với lương tâm. Vậy bây giờ đến lượt chàng phải xử sự thế nào cho phải đạo. Chàng phải có một chọn lựa. Hoặc quyết giữ nàng lại cho riêng mình. Hoặc vì nước mà phải quên hạnh phúc của riêng mình. Chàng đau đớn kêu lên ở trong lòng - ôi ta có thể nghìn lần xông vào chốn muôn chết không nề hà. Nhưng không một chút nào, dù một chút xíu thôi để nàng dần thân vào nơi nguy họa. Và cho dù vạn nhất nàng phải xông vào nơi nguy họa, khả dĩ còn có thể chấp nhận. Đằng này lại phải đem thân cho giặc dày vò. Ôi cái chuyện nhơ nhớp ấy chàng đã cố không nghĩ đến. Nhưng sao nó vẫn cứ lóe lên, cứ chập chờn bộ mặt xác xơ đầy thô bỉ của tên tướng giặc Thoát-hoan, như là một sự chọc giận, một thách thức không những với chàng, mà với cả dân tộc chàng. Chàng thề sẽ moi gan móc mắt tên giặc này mới nghe. Chiêu Thành vương chợt nhớ lời An Tư hỏi: "Vương dạy em nên xử thế nào?" Chỉ trượng phu trời dậy trong hồn chàng. Vỗ nhẹ vào bờ vai An Tư, chàng nói:

- Ta yêu em hết lòng. Ta cũng biết tình yêu em dành cho ta là tất cả. Nhưng trong tình thế đất nước lâm nguy, phải gác tình riêng đền nợ nước. Ta đau đớn nói với em điều này - Cả ta và em đều phải chấp nhận. Nếu không, sẽ rất hổ thẹn không những với hiện tại, mà còn cả với muôn đời con cháu. Chúng ta không còn một chọn lựa nào khác. Nhưng hứa với em, ta sẽ chiến đấu để đánh bại Thoát-hoan. Sẽ đón em về trong tiếng ca khải hoàn của đất nước. Với ta, mãi mãi em vẫn là An Tư trong trắng. Em là vợ yêu của ta từ phút này. Thoát-hoan sẽ phải đền tội ác. Nói xong, Chiêu Thành vương lại đặt nhẹ lên môi nàng một nụ hôn đầm ấm. Và hỏi:

- Vậy ý em thế nào?

An Tư ngược khuôn mặt trong sáng vừa được rửa bằng nước mắt, nhìn chàng với vẻ biết ơn. Từ đôi mắt nàng tỏa ánh hào quang khiến khuôn mặt nàng rực rỡ như một thiên thần, An Tư dịu dàng đáp:

- Những lời cao thượng của chàng khiến em vững tâm hiến mình cho nước. Em đầu vào trại giặc, nhưng lòng luôn ở bên chàng. Em mãi mãi trông chàng đánh tan giặc dữ, cứu giang san, cứu em.

Chiêu Thành vương nắm lấy hai tay nàng nhẹ nhàng dìu đứng dậy, chàng nói: - Sắp đến giờ ta phải lên đường. Em liệu trở về thu xếp xong thì sang ra mắt hoàng thượng, để triều đình còn có quyết sách.

- Không, em không còn gì phải thu xếp nữa. Em sẽ đi cùng chàng để đêm nay vĩnh biệt. Dường như An Tư cứng cõi hẳn lên, bởi nàng vừa có một chọn lựa đúng đắn. Nàng rất bằng lòng quyết định nơi chàng. Hành vi của

chàng chỉ có bậc đại trượng phu mới làm nổi.

Sư bà đã sắp sẵn một bữa cơm chay mời khách. Nhà sư không biết họ nói với nhau điều gì. Nhưng cứ xem ý tứ thì đây là một cuộc chia tay không có ngày tái ngộ. Lòng nhà sư buồn rười, bà lần tràng hạt thầm cầu xin đức Như Lai che chở cho họ.

Giã biệt sư già với bao mối cảm kích. Trước phút lên ngựa, An Tư gọi Kim Liên đến bảo:

- Em ngồi xuống đây cho ta nói đôi lời. Ta vô cùng biết ơn về lời chỉ dẫn của em trong đêm qua. Đúng là ta đã hỏi chàng và con đường chàng chỉ cho ta là cao thượng, như tâm hồn chàng cao thượng.

Kim Liên ngơ ngác về những lời nói của An Tư mà từ trước cô chưa hề thấy. Công chúa lại nói:

- Ta lay em hai lay này, là để đền ơn những năm tháng em đã hầu hạ ta. Vừa nói nàng vừa sụp lạy.

Kim Liên hoảng sợ, không biết phải làm gì. Giây lâu nàng ôm lấy công chúa khóc nức nở.

- Được ra vào nơi cung cấm, hầu hạ công chúa là hạnh phúc của đời con, sao người lại dạy thế.

An Tư tháo chiếc vòng ngọc và đôi xuyến vàng, gói trong chiếc khăn lụa màu cẩm thạch, đặt vào tay Kim Liên:

- Đây là chút tình ta gửi lại, mong được lưu dấu trong em. Em đừng từ chối mà phụ lòng ta. Nay mai ta vào trại giặc, không còn cần những thứ đó.

Kim Liên khẽ đẩy tay An Tư ra vật mình lẫn khóc thảm thiết. Chiêu Thành vương cũng không biết nói gì trước cảnh tứ thầy ly biệt, chàng đi lại nơi dựng tấm bia trước tam quan vờ chăm chú đọc.

Khi tiếng khóc chỉ còn là tiếng nức, An Tư mới tìm lời vỗ về Kim Liên.

Nghe xong, Kim Liên phân tỏ:

- Con được hầu hạ công chúa lâu ngày quen hơi bén nết. Ngoài là tình chủ tớ, nhưng trong thì công chúa coi chẳng khác chị em. Ôn nghĩa ấy con xin khắc cốt ghi tâm, nửa bước con cũng không rời công chúa. Những đồ trang sức quý giá kia, công chúa cho, con chẳng biết làm gì, nếu như nước mất mà công chúa cũng không còn.

Cảm kích trước tấm lòng nghĩa cả của Kim Liên, công chúa lựa lời an ủi:

- Cục chẳng đã, ta phải đem thân vào nơi ô nhục, cũng là vì nước, em không nên theo ta mà bị nhục lây. Có khi còn bị họa không chừng. Em cứ nên cầm lấy vài kỷ vật này của ta trở về gia hương mà phụng dưỡng song thân. Nếu nhớ đến ta, cứ ngày này hằng năm em thắp cho ta một nén nhang, và hãy thấy ngọn trúc trước nhà bay phơ phất, ấy là hồn ta lay động mừng em.

Kim Liên quyết liệt:

- Nếu thấy chủ nguy mà bỏ chạy thì con không bằng giống vật. Vả lại công

chúa ra đi vì nước, cũng vì nước mà con theo hầu công chúa. Nếu công chúa không nghe, con xin chết trước mặt người. Nói xong nàng bỏ chạy về phía tấm bia, toan đập đầu vào đó tự tử. Công chúa vội chạy theo kêu khóc. May mà có Chiêu Thành vương ở trong tam quan bước ra kịp ngăn lại.

Không dài vấn gì thêm nữa, cả ba người cùng lên ngựa sang Thiên Trường. Tình thế mỗi ngày một bức bách, lại nữa An Tư công chúa tự nguyện hiến mình cho nước, Trần Thánh tông phải gạt nước mắt để An Tư sang trại giặc. Viên quan cận thị Đào Kiên, vốn là người hầu cận trong cung, được Thánh tông ủy thác đưa công chúa tới trại Thoát-hoan.

Cảm thông với nỗi đau lẻ bạn của Chiêu Thành vương, và cũng để tránh cho chàng phải làm một cuộc tiễn đưa đau đớn, Nhân tông đặc cử chàng đi thăm thú trước con đường tới cảng Vân Đồn, Ngọc Sơn và tới tận nguồn Tam Trĩ (đất Ba Chẽ, Quảng Ninh ngày nay) để nay mai phải cần đến. Chiêu Thành vương thầm biết ơn đáng quân vương sáng suốt. Chàng ra đi như một người trốn chạy, và có đủ lý do để không tới biệt nàng.

Một chiếc thuyền rồng sơn màu anh vũ thả rèm the bốn mặt, hai lá buồm trắng như hai lá cờ tang để đưa An Tư công chúa ngược Thăng Long. Khó khăn nhất vẫn là chọn được hai mươi tay chèo khỏe mà không có vết sẫm "SÁT THÁT" trên người. Sắp tới giờ xuất phát mà việc trang điểm mãi không xong. Bởi cứ mỗi lần xoa phấn tô son vừa dứt, chỉ cần An Tư nấc lên một tiếng là suối lệ lại ào tuôn, và phấn son lại ố hoen gương mặt đẹp. Cuối cùng người ta phải chấp nhận, nàng vẫn ra đi mà không cần trát tô son phấn. Thật ra son phấn chỉ cần cho những người có nước da tối, và gương mặt có các đường nét không dịu hiền. Cho nên bỏ son phấn đi, An Tư bộc lộ được tất cả những gì gọi là mỹ lệ mà thiên nhiên ưu ái bù đắp cho số phận nàng cay đắng. Vết đơm buồn vẫn không làm giảm đi nét trong sáng thiên thần của gương mặt An Tư kiều diễm. Mỗi bước nàng đi, như hào quang tỏa sáng. Nàng là lướt như một thân cò bọ, tưởng như có thể gục ngã trên mỗi bước đi, nếu như không có hai người xốc nách.

Tiền nàng trên bến sông có nhiều các quan văn võ, cùng gia quyến họ, nhưng không có hai vua. Cũng không có Trần Hưng Đạo, Trần Quang Khải. Dường như đây là mối quốc hận chích vào đáy sâu lòng tự trọng mà các bậc chính nhân quân tử, các đáng trọng phu không chịu nổi.

Tiền nàng còn có các vương tôn công tử, các nhà tu hành và dân chúng Thiên Trường. Lại nữa một chiếc xe tam mã muện mẫm đang hối hả lao theo ra bến. Từ trên xe bước xuống, người ta nhận ra ngay Khâm từ hoàng hậu, và một thị nữ bước theo sau, tay ẵm một hài nhi.

Hài nhi đó chính là Huyền Trân công chúa, mới sinh vào ngày lễ thượng nguyên, trên đường hoàng hậu đi lánh giặc. (Khâm từ hoàng hậu là vợ vua Trần Nhân tông. Bà là con gái của Trần Hưng Đạo. Về thứ bậc, An Tư là cô

ruột của Trần Nhân tông, và cũng là cô họ của Khâm từ hoàng hậu. An Tư là con gái út của Trần Thái tông. Huyền Trân công chúa phải gọi An Tư bằng bà cô.)

Đám đông rẽ ra cho hoàng hậu đi về phía An Tư. Hoàng hậu vái lạy hoàng cô. An Tư hơi nghiêng mình đáp lễ.

Giọng đầm đầy nước mắt, Khâm từ nói:

- Hoàng cô đi, để làm thư quốc nạn. Ấy là mong muốn của triều đình. Cháu cứ nghĩ, hàng mấy chục vạn binh cản chúng còn chưa nổi, huống chi một thân liễu yếu?

An Tư thấy lòng trong lặng, tựa như mặt biển sau trận cuồng phong. Nàng không đáp lời Khâm từ mà đón bế Huyền Trân đang khóc giẫy giụa trong tay thị nữ.

Lạ thay, khi An Tư vừa đỡ tay vào thì Huyền Trân nín bật. miệng nhoẻn cười. An Tư mở vuông lót gắm xem thân hình cháu. Hai chân đạp chơi vơi, Huyền Trân nhìn đầm đẫm hoàng cô và cười nheo cả mắt.

Chợt trông thấy nốt ruồi son nơi gót sen bên tả Huyền Trân, An Tư tối sầm mặt lại, vội vàng quay đi giấu giọt lệ. Nàng đau đón thốt lên:

- Bất hạnh thay con gái họ Trần!

Trống tiền đưa gõ nhịp biệt hành. An Tư đi ngược xuống thuyền, lòng lưu luyến khôn cùng, tự nhiên lệ lại ướt nhòe đôi mắt. Công chúa thom nhẹ Huyền Trân, và trao cháu lại cho Khâm từ hoàng hậu, rồi chấp hai tay lạy bốn phía, lạy cả đất, trời.

Tất cả những người đưa tiễn không ai cảm nỗi lòng mình, không một gương mặt nào không nhoẻn lệ. Cả Thiên Trường đầm lệ.

Nửa giờ sau, hai cánh bướm chỉ còn lại một chấm trắng, như một cánh cò phiêu bạt trên nền trời tím sẫm.

CHƯƠNG 23

Quân ta khiêu chiến với cánh quân của Toa-đô từ Thanh Hóa đánh ra luôn thua chạy. Chẳng bao lâu, Toa-đô đã tiến tới gần Trường Yên. Quân của Thoát-hoan từ Thăng Long đánh mãi không phá được ải này vẫn cứ nằm án ngữ tại đó. Bỗng ta bỏ Trường Yên, thế là hai cánh quân bắc - nam chúng đã thông được với nhau. Giặc hợp quân cùng tiến đánh Thiên Trường. Đại quân của ta một phần từ Thiên Trường lui ra biển rồi vào thẳng Hoan Châu, Diễn Châu, một phần đã giấu nhem trong các lộ phía đông vùng ven biển.

Trần Thánh tông, Trần Nhân tông có Trần Hưng Đạo và Chiêu Thành vương hộ giá đã đi thuyền nhỏ theo cửa Giao Hải (Giao Thủy, Nam Định ngày nay) ra biển rồi ngược lên phía bắc vào nguồn Tam Trĩ. Quân giặc theo đường sông từ Thiên Trường đuổi tới Giao Hải thì không biết quân ta đi về nẻo nào, đành nán lại dò tung tích. Nhưng rồi giặc cũng tính được đường chạy của vua Trần. Thoát-hoan đưa hịch dụ: "

"Vua tôi các người đã cùng đường. Bảo nhau ra hàng sẽ được ta khoan thư. Nhược bằng cố tình chạy trốn, thời người chạy đường bộ, ta đuổi bằng ngựa; người chạy đường thủy, ta đuổi bằng thuyền; người chạy lên trời, ta cầm chân kéo xuống; người chui xuống đất, ta nắm tóc lôi lên..."

Khi thuyền của quan quân tới gần nguồn Tam Trĩ thời nghỉ phía sau có thuyền giặc đuổi, vội ghé lên bờ chạy bộ. Thượng hoàng Trần Thánh tông nhảy lên bờ trước, vô ý đạp chân sau vào mạn thuyền, khiến thuyền xa bờ hàng trượng. Trong lúc vội vã, Đặng Dương ghé mình cõng vua Nhân tông lấy đà nhảy phóc vào bờ. Phải nói, viên dũng sĩ trẻ tuổi này bay vào bờ mới đúng. May mà y gồng người đứng vững được, nếu không thì cả vua tôi ngã vào mấy tảng đá cạnh bờ, chưa biết tính mệnh sẽ ra sao. Cũng vì gồng người nhảy vào bờ đá rắn, Đặng Dương bị chồn xương sống, phải đứng lạng gậy lâu, rồi mới dùng thuật phi hành chạy theo vua.

Ta còn nhớ, chàng trẻ tuổi người mạn Đà Giang đi bán sản vật của rừng, lúc về ghé qua hội thi võ kén người tài của Hưng Ninh vương Trần Tung. Chàng đoạt ưu hạng. Hưng Ninh vương lưu chàng lại dưới trướng. Sau thấy chàng là người trung hậu, lại đem tặng cho nhà vua. Tới đây quả Đặng Dương đã biểu lộ được lòng trung, cũng đúng như điều Hưng Ninh vương dự cảm.

Sau khi lên bờ, nhà vua sai đem thuyền ngựa quanh về cửa Ngọc Sơn (Mũi Ngọc thuộc Trà Cổ, Móng Cái, Quảng Ninh) để lừa quân Nguyên.

Hai vua và đoàn hộ giá hết đi bộ lại đi ngựa tới nửa đêm thì đến một ấp nhỏ

thuộc đất Thủy Chú (Thủy Nguyên, Hải Phòng ngày nay) liền dừng lại. Dân trong hương ấp đem cơm rượu ra thết đãi, nhưng không biết trong đoàn ấy có hai vua và Trần Hưng Đạo.

Ăn xong, trần trọc mãi không ngủ được, Nhân tông bèn vời Trần Thị Kiến là gia thần của Hưng Đạo tới bên mình và hỏi :

- Ta nghe nói, người tinh thông Dịch lý, vậy người thử tính xem chiến cuộc này rồi sẽ đi tới đâu, quân ta có thắng được giặc không?

- Tâu thánh thượng - Trần Thị Kiến thưa.

- Không có thánh chúa gì ở đây cả - Nhân tông ngắt lời- Người phải biết, tai mắt giặc nhan nhản. Thôi bói đi.

- Dạ tâu, phép bói Dịch của cổ nhân, phải dùng cỏ thi bói trên mai rùa mới linh nghiệm. Nay những thứ đó khó kiếm, xin bệ hạ bốc tạm mấy que tằm. Nói rồi Trần Thị Kiến lấy một nắm tằm đưa cho Trần Nhân tông bốc. Tính ra được quẻ Lôi địa dự.

Nhằm tính một lát, Trần Thị Kiến nói:

- Tâu, quẻ này Chấn ở trên, Khôn ở dưới : Chấn có tính động, Khôn tính thuận. Quẻ này vui lắm.

- Vui là thế nào?

- Tâu, đó là điềm đại hỷ, suy từ lời tượng rằng: "Lôi xuất địa phần, dự, tiên vương dĩ tác nhạc sùng đức, ân tiến chi thượng đế, dĩ phối tổ khảo". Tức là Chấn lôi ở trên, Khôn địa

ở dưới, tượng là sấm ra khỏi mặt đất, khí dương ở dưới đất bùng lên mà thành ra tiếng. Vạn vật nhân lúc ấy hấp lấy khí dương mà nảy sinh. Tiên vương xem tượng ấy làm ra nhạc, nhạc đã thịnh, công đức khinh tiến lên tới thượng đế mà phối tổ khảo.

Soán từ lại nói: Lợi kiên hầu, hành sư. Thật là hợp với việc ra quân của bệ hạ. Cứ như lời quẻ này thì sang mùa hè quân ta lợi thế, giặc suy yếu cho tới khi bị diệt, và vào khoảng tiết hạ chí thì bệ hạ có thể làm lễ hiến phù trước nhà thái miếu.

(Lễ hiến phù là lễ thắng trận được tổ chức trước nhà thái miếu. Trong lễ này các tù binh được giơ tới và có thể chém một vài tên lấy máu tể.)

Vua vui lắm, nói:

- Nếu quả như lời người nói, sau này ta sẽ có thắng thưởng.

Đầu canh ba, Hưng Đạo gọi viên trưởng ấp đến căn dặn việc trông nom, gom góp dân binh đánh giặc, rồi cho một thanh kiếm. Hưng Đạo hộ giá hai vua ra cửa sông Nam Triệu (cửa sông Bạch Đằng) rồi qua cửa Đại Bàng theo đường biển mà vào Thanh Hóa. Vua đi rồi, đại quân cũng lui theo.(Việc Hưng Đạo tặng kiếm cho dân ấp. Để lưu dấu sự tích này,dân lấy luôn tên Lưu Kiếm để đặt tên ấp. Hiện huyện Thủy Nguyên vẫn còn thôn Lưu Kiếm).

Tám ngày sau, khi hai vua đã vào tới tận Thanh Hóa, bọn Lý Hằng, ô-mã-nhi, Giáo-kỳ, Đường-ngột-đãi theo lệnh của Thoát-hoan mới rải binh vây Tam Trĩ.

Khi binh ta và triều đình đã rút khỏi Trường Yên, Thiên Trường, Thoát-hoan chiếm trọn một dải từ Lạng Châu đổ về, khiến nhiều kẻ hoang mang rối trí, kéo nhau ra hàng giặc. Phần đông những kẻ ra hàng đó lại trong hoàng thân quốc thích cả. Như Vũ Đạo hầu cùng hai con trai là Văn Nghĩa hầu Trần Tú Hoãn và Minh Thành hầu. Lại thêm con trai của Hoãn là Minh Trí hầu, và con rể hán là Trung Hoài hầu cùng quyền thuộc về hàng quân Nguyên.

Tệ hại hơn là Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc, em ruột thượng hoàng Trần Thánh tông đã đem con trai là Nghĩa Quốc hầu và bọn Trần Lộng, Phạm Cự Địa, Lê Diên, Trịnh Long cùng cả gia quyến về hàng Thoát-hoan.

Đám vong thân của nhà vong Tống đang tá túc từ năm Kỷ mao(1279) được triều đình bao dung, nay cũng sợ hãi kéo nhau ra hàng như tham chính Tăng Uyển Tử, Tô Bảo Chương con trai của thiếu bảo Tô Lưu Nghĩa và nhiều người khác nữa.

Được biết tin này, Hưng Đạo vương tâu lại với vua Nhân tông. Nhân tông vừa lo lắng, vừa buồn phiền. Nhà vua nói với Quốc Tuấn:

- Những kẻ khác ra hàng giặc còn có thể hiểu được; đến như thúc phụ Chiêu Quốc vương cũng ra hàng thời con không hiểu nổi. Việc ô nhục này trong hoàng gia, biết bao giờ mới gột rửa được? Có nên để cho phụ vương con biết không?

- Bệ hạ nghĩ thế là làm theo đạo hiếu. Nhưng việc Trần Ích Tắc ra hàng, không còn là việc riêng của hoàng gia nữa. Mà là việc lớn quốc gia. Đó là viên thượng tướng của triều đình đã phản bội dân tộc ra hàng giặc. Là người trị nước, thượng hoàng không thể không biết đến.

Suy nghĩ giây lâu, Hưng Đạo nói tiếp:

- Nhân việc Ích Tắc theo giặc, tướng hoàng tộc ta cũng có phần trách nhiệm. Ấy là việc không uốn nắn để y sống buông thả, xa phí. Lại cũng không răn đe đám thuộc hạ và môn khách của y để hết lời tâng bốc, khiến y ngỡ là mình tài cao đức lớn mà không được cất nhắc xứng đáng.

- Dạ, quả có thế. Nhưng con tưởng tước trật đã đến cực phẩm rồi, còn cất nhắc gì hơn được nữa?

- Y không yên tâm với vị thế sắp đặt ấy. Lúc thường y đã khích bác kẻ nọ người kia rồi. Nay nhân giặc sang, y muốn nhờ tay giặc mà leo lên cái ghế quốc vương. Phải thừa nhận y có tài. Nhất là cái ngón thi, thư, họa, nhạc; y đạt tới mức trác việt. Song đây chỉ là những nét tài hoa xuất chúng trên đường nghệ thuật thôi, chớ trong công cuộc chính trị, y làm sao đủ tài đủ đức, đối với việc trị bình thiên hạ. Tưởng bệ hạ cũng nên lấy đó làm gương trong việc giáo dưỡng hoàng thái tử.

- Dạ, con xin lĩnh ý quốc phụ.

Lại nói An Tư công chúa vào Thăng Long được Thoát-hoan tiếp rước nồng hậu. Y vẫn ngự trong đại điện Thiên An với một bầy mỹ nữ đem theo từ hành sảnh Kinh Hồ.

Thoát-hoan sai mở dạ yến mừng được An Tư. Nhưng ngay từ phút đầu, công chúa đã thấy ghê tởm tên tướng giặc con trời này. Vừa thấy nàng, mặt y đã hớn hờ. Y nhìn như muốn nuốt chửng lấy nàng. Y gạt hết cả đám cận thần không cho theo. Ngay cả thị nữ theo hầu như Kim Liên cũng bị gạt lại và thân dẫn nàng vào cung Thúy Hoa trước hồ Ngọa Ngọc, ngay phía sau đại điện Thiên An. Cung Thúy Hoa nay không còn bài trí như xưa nữa. Hết thấy theo lối Hồ, từ màn trướng đèn, hoa đèn màu sắc, mùi vị đều kịch cỡm, trái khoáy. Mặc dù hương xạ xông khắp nơi, vẫn không át được mùi gây gây khó chịu như là mùi mỡ cừu, mỡ chó, khiến An Tư lợm giọng.

Vừa bước vào phòng the, Thoát-hoan bế thốc lấy nàng, quệt bộ râu dê cứng queo vào má nàng, phả theo mùi hôi nồng của rượu và cả mùi hôi ngựa. Y đặt nàng vào giữa giường thất bảo, rồi lùi ra xa vài bước kéo chiếc đôn ngồi ngắm nàng như ngắm một báu vật. Hết nhìn công chúa, y lại ngoái nhìn bức chân dung nàng treo trên tường. Và nói:

- Ta đi khắp gầm trời, chưa thấy có người con gái nào đẹp như nàng. Ta ao ước nàng từ lâu.

An Tư vẫn tưởng Thoát-hoan nói tiếng Thát-đát, hóa ra y lại dùng tiếng Hán để nói với nàng. May có mấy năm Yến Ly bầu bạn, An Tư cũng học được tiếng của nàng, nên hiểu điều Thoát-hoan nói.

Thoát-hoan cứ ngồi thế mãi, hết ngắm An Tư lại ngắm bức chân dung nàng. Lúc này An Tư đã bớt sợ. Nàng lấy can đảm nhìn thẳng vào mặt y. Trước hết nàng thấy đôi mắt híp một mí, mà nàng thường nghe nói đó là thứ mắt lươn, biểu hiện của kẻ gian xảo. Cặp lông mi thưa với nước da vàng sạm. Hai bên gò má y, thịt nổi cuộn thành múi. Vành môi trên lún phún bộ râu dê. Cằm tròn đầy, sệ xuống. Chiếc mũi hình củ tỏi tròn to như nắm tay nắm thù lù giữa mặt. Trán thấp, vuông, tóc đỏ hoe như râu ngô. Cổ ngắn, to như cổ trâu. Cả bộ mặt và con người y toát lên sự thô bỉ, nom tựa một con bò thiến được nuôi vỗ béo phì.

An Tư tự hỏi: Không biết trong vàng trán kia, y chứa chấp những gì? Cũng không biết đường nét thanh quý của dòng giống quý tộc y biểu hiện ở chỗ nào? Phải chăng tên giặc này ắt tướng? Phải chăng đây là tướng tinh của kẻ khát máu? Công chúa tự so sánh hình thù tên giặc này với vẻ tao nhã của Chiêu Thành vương. Thật là một trời một vực. Nàng ao ước, giả như Chiêu Thành vương lọt được vào đây mà hạ thủ nó. Chợt An Tư ngẩng nhìn về phía Thoát-hoan, thấy y vẫn chú mục nhìn bức chân dung của mình treo trên đó. Nàng sững sờ buột miệng hỏi:

- Xin thái tử làm ơn cho tiện thiếp biết, chẳng hay ai đã biểu thái tử bức vẽ xấu xí này?

Lời nói bất ngờ lọt vào tai Thoát-hoan, y sung sướng quá hét lên:

- Thì ra nàng nói được tiếng Hán! Hảo ló ! Hảo ló ! Ôi mới tuyệt diệu làm sao. Điều ta lo ngại nhất khi nói chuyện với nàng lại phải qua thông dịch. Và cả khi các chuyện kín đáo trong chốn buồng thê, mà không hiểu được ý tứ nhau, thời đáng buồn biết mấy!

Thoát-hoan nhảy dãi lại phía An Tư, ôm chặt lấy nàng, nói:

- Người đẹp nhất thế gian ơi, em thật là hoàn hảo. Ta không còn ao ước gì hơn.

Không thấy Thoát-hoan trả lời, An Tư vừa gỡ khéo vòng tay y ra, vừa hỏi lại.

Thoát-hoan ôm nàng chặt hơn, rồi bế nàng ra chỗ bức chân dung, trở vào dòng lạc khoản, thấy đề:

Thiệu bảo đệ tứ niên - Chiêu Quốc vương Trần ích Tắc phông họa.

(Thiệu bảo đệ tứ: nghĩa là Thiệu bảo năm thứ tư. Thiệu bảo là niên hiệu đầu tiên của triều Trần Nhân tông, bắt đầu từ năm Kỷ mao (1279). Năm thứ tư, tức là năm Nhâm ngọ (1282).

An Tư bức mình nghĩ lại cái buổi mà nàng cùng Hưng Đạo vương ghé thăm phủ Chiêu Quốc. Trần Ích Tắc đã giữ nàng lại vẽ một bức tương tự thế này. Đúng là bức này có khác hơn, sinh động hơn. Dường như anh ấy thể hiện được cái hồn của ta trong đó. Công chúa bức và thăm trách: "Sao anh ấy lại không cho ta xem bức họa này? Và vì sao nó lại lọt vào tay giặc?".

An Tư đã tụt khỏi vòng tay Thoát-hoan và ý tứ ngời vào chiếc đôn đối diện với y. Nàng lại hỏi:

- Xin Trần Nam vương cho biết, vì sao bức họa này lại tới tay ngài?

Thoát-hoan nheo mũi cười:

- Trần ích Tắc gửi Sài Thung đem về biểu ta từ năm Nhâm Ngọ. Có chuyện gì mà nàng phải bận tâm?

"Vậy là y đã câu kết với ngoại bang từ năm đó - An Tư nghĩ - Quân dê tiện, bán cả Tổ quốc, bán cả em gái".

Đêm ấy, Thoát-hoan lôi An Tư ra dự dạ yến. Lũ chúng nó xúm xít lại chúc mừng y và mừng nàng. An Tư thấy lòng lạnh tanh, chỉ mong sao quân ta đột nhập vào, ắt sẽ diệt gọn được bầy đàn đầu não chúng nó.

Khi tiệc vẫn còn đông, Thoát-hoan mặt đỏ ửng như chiếc hoa gạo rụng cuối mùa, không nói một lời, y kéo mạnh tay An Tư lôi một mạch về cung Thúy Hoa.

Và suốt đêm, y dày vò nàng. An Tư đau đớn hét lên:

- Quân vũ phu ! Nàng khóc tức tưởi và nghĩ đến Chiêu Thành vương. Lại bức giận vì nỗi phẩm tiên rơi xuống tay phạm.

Hôm sau, An Tư đòi Thoát-hoan trả lại Kim Liên cho nàng. Y còn đưa đến cho công chúa chọn lấy mười trong số sáu mươi tì, thiếp của y để vào hầu cận nàng. Đám tì, thiếp kia vừa xuất hiện, An Tư sững sốt khi nhìn thấy Yến Ly. Yến Ly vờ quay đi như thăm nhắc công chúa: "Hãy giữ kín mối quan hệ cũ". An Tư thoái thác vì không cần đến số người hầu cận quá đông. Ngoài Kim Liên, nàng chỉ chọn thêm một người. Người ấy là Yến Ly. Trong danh sách, nàng mang cái tên Bảo Bảo.

Thoát-hoan ưng thuận. An Tư đâu biết được, xung quanh nàng có tới cả chục đô quân cấm vệ thuộc dòng Thát-đát, giám sát việc ăn ở của nàng. Không sáng nào nàng không phải ra khỏi cung để cho lũ kia lục soát. Hai thị nữ hầu cận cũng bị khám xét thường ngày. Kể cả An Tư, bất luận ngày đêm, chỉ được quanh quẩn trong lâu đài, hoặc đi dạo từ hoa viên ra hồ Ngoạn Ngọc, chứ không được đi xa hơn. Và cấm không được tiếp xúc với ai. Cũng cấm ngặt An Tư, không được mời ép Thoát-hoan ăn uống bất cứ thứ gì trong phòng mình.

Đó là lời cảnh tỉnh nghiêm ngặt của viên đô tổng quản. Nói xong, y còn lưu ý:

- Nếu lệnh bà trái các lời dặn trên, lập tức bị lấy đi sinh mạng mà ngay đến thái tử cũng không kịp ngăn.

An Tư biết, y không dọa. Nàng còn lương, ngay cả khi không vi phạm các điều cấm kỵ, vẫn cứ bị lấy đi sinh mạng.

Khi chỉ riêng có hai người, Yến Ly mới thổ lộ:

- Em bị Sài Thung tiến dẫn làm tì thiếp cho Thoát-hoan. Cả song thân em và em đều chống lại nhưng không được. Em đã toan quyên sinh. Bỗng một hôm gặp Đỗ Vỹ, đại nhân cho biết Thoát-hoan đã đem năm mươi vạn binh sang chinh phục Đại Việt, và khuyên em hãy vì mối thù chung của cả hai nước mà theo Thoát-hoan vào trong quân. Phu nhân em cũng khuyên: "Cơ hội đáp đền ơn nghĩa Đại Việt đã tới, con không nên bỏ lỡ". Cụm chẳng đã, em phải nhận. Trên đường tiến quân của Thoát-hoan, đại nhân vẫn cho người tới, hai bên vẫn thông được tin tức cho nhau. Nhưng từ khi vào đất Đại Việt, không có tin tức gì của đại nhân nữa. Dạo chúng mới tràn qua biên ải, Tôn Hựu phao âm mưu là bắt được Đỗ Vỹ, và đã chém đầu. Em có đến tận nơi xem, nhưng không phải. Dạo đó sứ của Đại Việt là các ông thiện trung đại phu Nguyễn Đức Dư và triều đình lang Nguyễn Văn Hàn có qua trại quân Thoát-hoan thương nghị, em đã có mật báo, và có gửi lời thăm chị.

An Tư vội nắm chặt tay Yến Ly với vẻ xúc động:

- Trời ơi, thế mà chị không nghĩ ra. Không ngờ "nghĩa nữ của Thăng Long" lại hóa là em. Nhìn gương mặt dạn dày gió sương của Yến Ly, An Tư hỏi:

- Song thân em vẫn mạnh chớ?

- Đội ơn chị hỏi thăm, em cũng không biết thế nào. Dạo em giả biệt Yên

Kinh về hành tĩnh Kinh Hồ thì hai thân em đã yếu lắm.

An Tư ái ngại hỏi thêm:

- Thoát-hoan đối xử với em thế nào?

- Chao ôi, nó là hoàng tử nhà Đại Nguyên, nhưng em vẫn coi nó như một tên giặc của nhà Tống. Thằng này trở mặt như trở bàn tay ấy chị ạ. Mà nó thô bỉ lắm. Rồi chị sẽ thấy hết. Đạo em mới về với hắn, hắn chiều em như một thiên thần. Sự thật thì cô gái đẹp nào mới đến với nó cũng thế thôi. Nó là thằng háo sắc, háo dục, như giống sơn dương. Nó yêu ai là chết với nó suốt ngày đêm... Nói ra thêm ngượng, nhưng là chỗ bạn gái, lại chịu chung vận rủi, em không thể không nói hết với chị. Nhưng chị cho em hỏi nhé: Vì sao chị lại đến đây?

Nghẹn đắng ở trong lòng, An Tư không nói được thành lời. Nước mắt cứ ứa ra thành đôi dòng lăn trên hai gò má. Cảm kích nỗi lòng công chúa Đại Việt, một bậc quốc sắc thiên hương mà phải đem thân vào trại giặc cho nó dày vò, Yến Ly nói :

- Em chắc vì nạn nước chị mới phải vào đây. Lau khô hai hàng lệ, An Tư dịu dàng đáp:

- Số là có kẻ dâng cho Thoát-hoan bức chân dung chị kia kìa - Công chúa vừa nói vừa chỉ lên bức tranh treo trên tường - Thế là Thoát-hoan đòi Đại Việt phải nộp chị cho nó. Triều đình không ép chị. Thánh tông, Nhân tông đều không muốn chị vào trại giặc. Chị cũng không muốn. Nhưng rồi vẫn cứ phải đi. Bởi quân nó đánh rất quá. Thế là vì nạn nước, chị phải quên mình. Em có biết kẻ nào đã dâng bức tranh kia cho Thoát-hoan không?

- A ! Việc này thì em biết. Chính Sài Thung đem đồ được biểu từ Đại Việt về bán tại cửa hàng nhà em. Và y có đem bức chân dung này ra khoe. Nhận ra hình chị, em xin với phụ thân em mua lại, nhưng Sài Thung không bán. Y bảo đây là bức họa của một quan lớn Đại Việt tặng. Sau em thấy treo trong trướng phủ của Thoát-hoan. Đôi lần em tò mò hỏi, y nói là Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc nhờ Sài Thung đưa tặng chân dung em gái ông ta, để tỏ ý cầu thân.

An Tư tím mặt lại, nàng hết sức căm giận Ích Tắc đã táng tận lương tâm.

Yến Ly lựa lời:

- Em không bênh gì Chiêu Quốc vương. Bây giờ có đồ tới ngàn tội lỗi lên đầu ông ta cũng là hợp cả. Vì ông ta đã đi theo giặc rồi.

An Tư sùng sốt:

- Lại còn thế nữa?

- Chính mắt em trông thấy ông ta vào điện Thiên An. Sợ ông ta nhận ra, em phải lánh mặt. Trong việc này em thấy có điều gian dối nơi Sài Thung. Chị nhìn bức vẽ kia nhé. Dòng lạc khoản chỉ đề năm tháng và tên người họa. Không có lời đề tặng. Nếu như đó là vật tặng, không thể không có đôi lời.

Cho nên lai lịch bức họa này em nghi lắm. Hoặc là có kẻ nào lấy cắp, rồi do hạnh ngộ nào đó, nó về tay Sài Thung. Còn Sài Thung thì nhờ nó để mong tiến thân. Bởi từ trước, y đã được phong An Nam phó đô nguyên súy.

Nhưng chưa bình xong Đại Việt, y không có đất cai trị.

An Tư thở dài:

- Chị cầm thẳng giặc Thoát-hoan này lắm, nó tàn sát không biết bao nhiêu sinh linh Đại Việt; tội ác chất chồng, chị chỉ mong sớm tối có thể hạ thủ được nó. Em bảo chị phải làm gì bây giờ? Giúp chị nhé, Yên Ly!

Nắm chặt tay An Tư, Yên Ly thở dài:

- Phải cẩn trọng lắm chị ơi. Sức liễu yếu chúng ta làm gì nổi nó. Chị phải thấy, chúng canh phòng nghiêm ngặt lắm. Hờ ra mắt đầu như chơi. Nhưng em đã có cách giúp chị. Khẽ buông tay An Tư, nhìn vào tận mắt công chúa, Yên Ly hỏi:

- Chị có nhớ câu thành ngữ: "Sắc bất ba đào dị nịch nhân" (Sắc đẹp chẳng phải là sóng vẫn nhấn chìm được người).

An Tư hiểu ý, gật đầu:

- Đấy chúng ta phải đánh giặc bằng cách đó. Phải dụ cho nó đắm chìm trong tửu, sắc. Cho cơ thể nó hao mòn sinh lực. Cho thân hình nó phì nộn ra, bạc nhược ra, để cứ nghĩ đến hành binh là nó ngại, nghĩ đến cưỡi ngựa là nó chán, và chỉ thích đi kiệu, đi cang thôi. Làm nó được tới mức ấy, là chị em mình đã giết nó tới tám chín phần. Để nó chết theo cách ấy, lợi hơn nhiều là giết hẳn nó, thẳng khác lên thay, nó hung ác gấp bội.

Guơng mặt An Tư bừng sáng hẳn lên. Nàng nắm lấy hai bờ vai của Yên Ly lắc mạnh:

- Sao em cao kiến thế! Hẳn là trời phái em đến cứu chị, cứu Đại Việt.

- Chị An Tư - Yên Ly nói nhỏ - Có mấy điều em dặn chị, lỡ quên thì khôn. Tức là chị không bao giờ được lộ ra trước bất kỳ ai, mỗi thiện cảm giữa hai chị em mình. Em giữ đúng thân phận một con thiếp, bị giáng xuống làm nàng hầu. Hai là không bao giờ chị được nói tiếng Việt với em khi có mặt kẻ khác. Chị phải dặn Kim Liên thật cẩn thận, nếu không trước khi ta hạ sát nó, bộ hạ nó đã giết ta rồi.

Còn việc thông tin tức với bên ngoài, khó lắm. Ta cứ liệu dần, không nôn nóng. Một đảng chỉ có hai chị em mình. Đảng này là năm chục vạn đứa, tưởng chị em mình cẩn trọng đến mấy cũng không thừa.

Vừa gặp được Yên Ly có bầu có bạn, vừa ý thức được việc ra đi của mình không phải là vô ích, An Tư phấn chấn hẳn lên. Nàng cảm như mình là một con người khác, hoàn toàn khác. An Tư nắm lấy hai bờ vai Yên Ly lắc mạnh:

- Không. Nhất định không chỉ có hai chị em mình chống lại nó. Chị tin rằng Chiêu Thành vương của chị không để cho chúng sống yên. Cả Đại Việt cũng

sẽ vùng lên. Chì tin như thế, Yên Ly ạ.

Lại nói đại quân của Hưng Đạo và triều đình đã lui vào Thanh Hóa, bèn bắt tay ngay vào việc chỉnh bị quân ngũ, lương thảo, lo chống giặc từ mặt bắc tràn vào. Nhân tông cũng cử người qua Chiêm Thành vay lương, phòng công cuộc kinh chống Thất-đất còn kéo dài. Sở dĩ có mệnh này là do mấy năm trước, ta đã đem quân cứu Chiêm Thành, hai bên đã ước thúc phải trợ giúp lẫn nhau khi họa biến.

Từ sau ngày lập hạ, thời tiết nắng nóng thất thường. Bềng vào sự trải nghiệm trong dân gian như nhấm sai lúc liu, các giống cây, lá đều xanh mướt. Các loại côn trùng quen sống ở thấp như kiến, chuột đều dờn tổ lên cao. Và nữa xem tinh tượng, cũng thấy phù hợp với các loài côn trùng, thảo mộc, Hưng Đạo biết thời tiết khác thường; mưa nhiều, nắng ít, lụt lớn. Ông lại cho quân đi thám thính các vùng giặc đóng, xem chúng đã phát bệnh gì chưa. Quân về bẩm báo: trong trại giặc các bệnh thời khí như trướng bụng, ỉa chảy, đau lưng, nhức xương, sốt rét cùng các loại cảm mạo đã phát sinh. Loáng thoáng đã có tới vài trăm tên giặc chết về các loại bệnh này.

Hưng Đạo sai những đạo quân triều đình đã chia về các động, sách, nay phải phối hợp với dân binh người địa phương ở tất cả các châu, quận nổi lên đánh tía các trạm, trại giặc. Ngăn chặn các trạm, trại không cho chúng tiếp ứng với nhau. Lại phải nhằm vào các kho lương, kho cỏ mà đốt. Và làm bần tất cả các nguồn nước giặc thường phải ăn uống, tắm giặt.

Mùa hè đến, trại giặc bắt đầu uể oải. Khác với đạo mùa đông, sớm tinh sương khi mới nổi hiệu kèn đầu, lính đã rục rịch. Xong hiệu kèn thứ hai, quân ngũ đã chỉnh tề. Sang hiệu kèn thứ ba, quân có thể xông ngay ra các ngã theo hiệu cờ. Nay thì khác hẳn. Dứt hiệu kèn thứ ba rồi mới có vài tên thò mặt ra trước lều trại. Đứa nào đứa ấy mắt híp lại, vẻ mệt mỏi. Phải đến hàng giờ sau lính mới ra khỏi trại: đứa đứng, đứa ngồi, đứa ngáp, đứa thì ngã vật ra, nom không còn vẻ gì là thể thống của một đội quân.

Giặc lại đánh vào Thanh Hóa, Hưng Đạo tự đi xem xét thể trận hai bên. Tiểu tướng quân Trần Quốc Toàn xin được nghênh chiến. Ông ưng cho, nhưng dặn:

- Cháu phải hết sức cẩn trọng, không được ham đuổi giặc như trận Vạn Kiếp, lỡ mắc mưu chúng. Lại khi nghe thấy trống thu quân, phải cấp kỳ quay về, một bước cũng không tiến thêm.

Quốc Toàn cúi lạy:

- Tiểu tướng xin lĩnh mệnh.

Sáng sớm giặc đã đến trước trại ta hò la thách đánh. Chúng réo gọi cả tên hai vua ta mạ lì. Quân vào bầm, Quốc Toàn vẫn cười vui. Chàng tiểu tướng quân hôm nay ra trận với tư thế điềm đạm của một vị tướng đã từng trải. Dù sao thì chàng cũng đã so đao với Ô-mã-nhi ở Vạn Kiếp, lại đối mặt với viên

tả tướng Đường-ngột-đải (Tang utai) trong ải lũy Nghệ An. Bữa nay tuy tiết trời đã sang hạ, nhưng trước khi lâm trận, Quốc Toản có thói quen phải mặc tấm áo đại hồng rách, mà mẩu thân chàng đã vá tiếp vào đấy mấy miếng vải màu chàm.

Bà định vá cho đám gia nhân cày cuốc mặc đỡ. Ai ngờ Quốc Toản vì lòng kính yêu mẹ, cứ đòi mặc ra trận. Bà đã nghiêm dạy: "Ra trận con phải ăn mặc đàng hoàng như một

vị tướng của triều đình, kéo giặc nó khinh". Nhớ lời mẹ dạy, Quốc Toản chỉ dám mặc tấm áo đó trong lần sát với thịt da mình, như để có cái tình của mẹ, có bàn tay mẹ che chở. Mặc xong tấm áo vá cũ, chàng đeo mảnh giáp bộ tâm trước ngực rồi phủ ra ngoài bằng tấm áo bào màu tía có thêu đôi chim phượng trắng đang múa, lưng thắt đai dát bảy viên ngọc quý. Tấm áo này do An Tư công chúa, cô chàng và sẽ là người thím ruột may tặng. Trên đầu, chàng đội chiếc mũ đầu mâu có dát viên hồng ngọc ngay trước vành trán, luôn tỏa sáng, cứ như chàng có thêm con mắt tuệ. Lưng chàng dắt thanh đoản kiếm, chân đi hia đen, thêu hình hai con đại long sà leo quần quýt quanh thân hia, màu trắng. Y phục vừa xong, viên cận vệ nâng cây đại đao dâng chàng. Trước sân, con Ô long đã đóng sẵn yên cương, chờ chàng. Quốc Toản tay nắm đại đao, tay cầm cương ngựa, chàng khẽ gõ cán đao xuống đất lấy đà, loáng đã vút lên mình ngựa. Lập tức con Ô long tung cao hai vó sau phóng đi như bay. Ngọn cờ đỏ do mẩu thân chàng may, thêu sáu chữ vàng: "PHÁ CƯỜNG ĐỊCH BẢO HOÀNG ÂN" được một tiểu tướng giương cao trên lưng con tía mật, đang vun vút lao đi trước chàng.

Các tướng tả, hữu của Trần Quốc Toản hôm nay cũng được theo ra trận gồm mười dũng sĩ, trạc tuổi chàng, gương mặt cũng hao hao như chàng, do đô tổng quản Lê Như Hổ đích thân tuyển lựa và huấn luyện. Mười viên tiểu tướng quân này đã kinh qua thập bát ban võ nghệ, lại học thêm đủ các thuật phi hành nhanh như sóc, và bơi lặn dưới nước như đi trên bộ.

Mười viên tướng tả, hữu đó vận cũng gần giống như chủ tướng, chỉ có điều là áo của họ màu đỏ, trước ngực thêu hình con nghê đang múa, và mũ đầu mâu của họ không có dát ngọc. Cả mười viên tiểu tướng đều sử đại đao như Trần Quốc Toản, và cỡi trên lưng những con ngựa Ô long như ngựa của chàng.

Nom Trần Quốc Toản và mười viên bộ tướng của chàng, ai cũng phải có chung một cảm nghĩ: Đây là các thiên tiên đồng tử đi dạo chơi nơi hạ giới. Ấy vậy mà họ đang đi vào trận. Họ sắp phải đánh nhau với một đội quân tự xưng là thiên binh, và lũ tướng thì ngạo xung là thiên tướng của một tên vua hung bạo có cái tên là Hốt-tát-liệt, và y cũng mạo xưng là thiên tử trong một cái triều đình rần rết tiếm xưng là thiên triều.

Cách giặc chừng hai tầm tên bắn, Quốc Toản ghìm ngựa lại xem xét thế trận

bên kia.

Bên kia cũng có hai tên giặc mang cờ đại tướng xông ngựa ra thách đánh. Quốc Toản phẩy tay, hai tiểu tướng quân vút ngựa ra nghênh địch. Đánh nhau chừng mười hiệp, tướng giặc vờ chém hụt rồi quay đầu lại. Quân ta không đuổi, chỉ khua trống đồng thanh viện.

Giặc biết không lừa được bên ta, bèn nổi kèn xung trận, và có một viên hổ tướng vọt ngựa lên phía trước, mang hiệu cờ có dòng chữ "Ô-mã-nhi Bạt-đô".

(Bạt-đô, tiếng Mông Cổ: Ba atur có nghĩa là dũng sĩ. Đây là danh hiệu phong cho các dũng tướng.)

Vừa nhận ra tên tướng giặc đã bắt hụt ở Vạn Kiếp, Trần Quốc Toản thúc ngựa vút lên hươi đao chém liền. Ô-mã-nhi né được. Quốc Toản lại xông vào quần chặt lấy Ô-mã-nhi.

Lê Như Hồ ở phía sau luôn giám sát chủ tướng, xem chàng có sơ hở gì còn kịp tiếp ứng. Trên đài cao, quốc công tiết chế Hưng Đạo vương đích thân quan sát. Ông rất hài lòng với viên thiếu niên dũng lược. Và tuy còn ít tuổi, nhưng cháu ông đã tỏ ra có bản lĩnh. Càng đánh, đường đao của Quốc Toản càng linh lợi. Ô-mã-nhi cũng là một tay cự phách. Y sử cây đại đao với các nước đánh, đỡ chắc nịch, kín cạnh, song lại nặng về thế thủ. Chỉ những tay đao cáo già mới vừa đánh vừa giữ sức như thế, để nhằm sơ hở của đối phương mà hạ độc thủ.

Nhìn kỹ, Hưng Đạo còn thấy một luồng ám khí hãm nơi chính trung (giữa trán) của Ô-mã-nhi. Đây là điểm ứng vào chủ tướng y. Ngay gương mặt Ô-mã-nhi cũng gờn gợn nét hung khí.

Xem ra y có vẻ căng thẳng, mệt mỏi. Trái với Ô-mã-nhi, Trần Quốc Toản gương mặt sáng ngời, tay đao uyển chuyển luôn thay đổi thế đánh, khiến tướng giặc đã có phần nao núng. Khen cho viên tiểu tướng này cường sức, đánh tới dư ba trăm hiệp mà không có một sơ hở nào, Hưng Đạo chợt thấy ánh đao lóe lên; rồi Ô-mã-nhi bấm ngựa nhảy dài. Ông lo đến thót tim, vì tên giặc già này dùng miếng đà đao của Quan Vân Trường. Chợt nhìn thấy Quốc Toản ghim đứng cương ngựa lại, con Ô long chồm hai vó trước lên, và chàng đặt ngang cây đại đao trước ngực khảnh khách cười. Hưng Đạo thở phào và thầm khen: Giỏi!

Vừa lúc Ô-mã-nhi quay ngựa lại, bốn mắt nhìn nhau nảy lửa. Quốc Toản hét:

- Tên giặc kia, hôm nay ta quyết lấy đầu mi, chứ không cho mi chạy thoát như trận Vạn Kiếp?

Ô-mã-nhi cũng thét:

- Thằng nhãi ranh không bằng tuổi con út tao kia, hôm nay tao phải chặt đầu mày treo cổ ngựa mới nghe?

Hai tướng mạ lị nhau bằng hai thứ ngôn ngữ riêng của mình. Không ai hiểu được lời nói của ai, nhưng đều đoán rất chính xác các lời vàng ý ngọc của nhau.

Hai người lại xông vào quần nhau. Ô-mã-nhi vừa đánh vừa nghĩ: "Thằng ranh con này ghê thật, ta không làm sao lừa nổi nó". Đánh vài hiệp, y lại nghĩ: "Nếu không dùng mưu đánh lén mà diệt nó, nhiều tướng thiên triều sẽ khốn đốn với nó". Ô-mã-nhi dần lên dăm hiệp lại nghĩ: "Gương mặt thơ ngây kia sẽ làm cho nhiều tướng chết vì coi thường nó".

Ô-mã-nhi vận nội công đánh dần lên mấy đường đao, rồi vờ chém hụt để tháo chạy. Bên này Lê Như Hồ nổi trống thu quân. Trần Quốc Toàn quay ngựa lại, lòng đầy hậm hực.

Hung Đạo thấy Ô-mã-nhi đánh bậy mấy đường đao, biết y lại sắp giở mẹo lừa. Khi thấy y vờ chạy mà Lê Như Hồ nổi trống thu quân, thì ông hết lòng tin vào sự chín chắn và tài thao lược của Như Hồ. Và yên tâm, Quốc Toàn có người giám hộ đầy mưu lược.

Ô-mã-nhi vừa quay đầu vừa hươ đao lên, lập tức hai toán kỵ binh từ hai cánh xông ra định chụp lấy Trần Quốc Toàn.

Nhưng con Ô long đã đưa chàng về tới đầu trại, và mười dũng sĩ hộ vệ đã ở cạnh chàng. Khi đoàn người, ngựa Thát-đát xông lên, quân ta nhất tề bắn nỏ liên châu. Người, ngựa giặc trúng tên độc, ngã lăn quay, hét rống lên như hổ bị sa lầy. Lớp nọ chết chồng lên lớp kia, kể có hàng trăm tên. Lúc này Lê Như Hồ mới thúc trống cho quân ta xông ra đuổi. Giặc chạy xéo lên nhau chết vô số kể.

Ô-mã-nhi đóng chặt cửa trại năm ngày liền.

Hung Đạo vương cho quân đi thám về biết rằng: Thoát- hoan thấy quân ta đã vào Thanh Hóa, sai Toa-đô đem quân quay lại. Toa-đô cáo ốm nằm dài ở Trường Yên. Y phái tả hữu đem quân đi. Nhưng bọn này mới thoát cái nạn giam buộc từ mấy năm nay trên đất Chiêm Thành, cực chẳng đã chúng phải tuân theo. Song đều tỏ ra mệt mỏi, không muốn giao tranh. Bởi vậy, Thoát- hoan phải cử Ô-mã-nhi vào trợ chiến. Ngay quân của Ô-mã-nhi và chính hãn, cũng tỏ ra mệt mỏi trước thời tiết nóng, ẩm phương nam.

Lại nói về quân quân Nguyễn Lộc, đầu mục Nguyễn Lĩnh và tướng gia nô Nguyễn Địa Lô của Trần Hưng Đạo trên đất Lạng Châu, đã náu mình trong rừng sâu núi hiểm một thời gian dài. Nay cho quân đi thám, thời biết giặc đã lập ra các trại trạm quân để duy trì việc chiếm đất, và giữ cho đường tiếp lương, chuyển quân được an toàn, thông suốt. Lại thấy giặc đi đứng ngênh ngang, chè rượu lu bù như sống trên đất của chúng. Nguyễn Địa Lô bàn với hai tướng Nguyễn Lộc, Nguyễn Lĩnh:

- Theo ý tôi, hiện tình quân giặc đúng như lời quốc công dặn lại. Vậy ta nên kíp hành động.

Nguyễn Lộc nói:

- Tướng quân nói rất hợp với ý tôi. Quân về thám vùng xuôi cũng nói giặc đã chiếm được Thăng Long. Triều đình đã lui cả vào Hoan, Diễn. Vậy đã tới lúc ta phải ra tay.

Nguyễn Lĩnh tiếp lời:

- Hai ông nói rất phải. Giặc đã kéo về miền xuôi gần hết. Mỗi trại, trạm quân của chúng quanh vùng này chỉ có vài trăm tên, đóng rải trên trục đường từ ba mươi đến sáu mươi dặm. Nếu ta đánh trại này lại cho quân phục trại kia, thời chúng không ứng cứu được nhau. Diệt vài chục trạm quân như thế trên đất Thất Nguyên, Vĩnh Bình và cả trấn Lạng Châu này chỉ nửa tuần trăng là xong hết.

Nguyễn Địa Lô lại nói:

- Đúng như tướng quân Nguyễn Lĩnh dự liệu. Ta chỉ đánh nửa tuần trăng là hết giặc trên đất Lạng Châu. Nhưng theo tôi, ta nên bắt ngờ tập kích vào hàng loạt các kho quân lương, khí giới, diệt hết các trạm ngựa. Lại cũng diệt dăm ba trại quân, bắt lấy một ít tù binh rồi thả chúng về các trạm chưa bị đánh, để gây hoang mang cho quân chúng. Rồi cho các đội dân binh cứ đêm đêm vào quấy rối trại giặc, khiến chúng mất ăn mất ngủ. Ban ngày thì phục quanh trại, chờ chúng ra khỏi trạm chừng một vài dặm là đánh.

Các tướng đang bàn việc đánh giặc thì có quân vào bẩm: bắt được người lạ. Họ đòi gặp tướng quân Nguyễn Địa Lô.

Nguyễn Địa Lô nhận ngay ra người đó là Ngô Hùng, trong đoàn đội trạo nhi của ấp An Sinh.

Ngô Hùng chuyển lời thăm của quốc công tiết chế Hưng Đạo vương tới các tướng, rồi nói luôn công việc mà các quân trên trấn Lạng Châu phải làm. Đại loại cũng giống như những việc các tướng đang bàn.

Lại giao trọng trách cho các tướng phải đón đánh bằng được đoàn hộ tống các cửa cải châu báu, bạc vàng mà giặc lấy được trong các kho, và cướp của các nhà giàu ở Thăng Long, đưa về Yên Kinh theo đường bộ, qua ải Chi Lăng lên cửa khẩu Chi Ma trên ải Vĩnh Bình. Trong đoàn còn có một số tên phản bội ra hàng, giặc đưa về Yên Kinh, mưu toan lập triều đình bù nhìn. Phải đón bắt cho bằng được bọn chúng để trị tội. Các tướng liền chia nhau đem quân đi mai phục nơi đèo ải hiểm trở.

Minh-lý Tích-ban(Manglai-Siban) được Thoát-hoan sai dẫn bọn đầu hàng về nước. Công việc giấu kín, ngoài kẻ áp dẫn không một tướng nào được biết. Minh-lý Tích-ban đã cho bọn đầu hàng cải trang như lính Thất-đất, đi lẫn vào với đám quân tải lương. Đám này đi từ Thăng Long về tới địa đầu trấn Lạng Châu, không hề gặp một trở ngại trên đường. Chúng đã hí hửng nghỉ ngơi, chè chén, trò chuyện, cười đùa, cứ như là chúng đang ở đất Kinh Hồ. Khi bước vào đường hẻm qua ải Chi Lăng, nhìn con đường độc đạo heo hút

cứ thu hẹp lại như nút cổ chai. Hai bên vách núi dựng đứng, rừng cây âm u, gió ngàn vi vút, suối chảy róc rách, mây phủ trắng xóa, khiến có cảm giác đây là thuở hồng hoang, đất trời chưa phân biệt.

Đường mỗi lúc một hẹp dần, xe một ngựa kéo phải nghiêng bánh mới lách qua được. Thỉnh thoảng một trận gió ào qua, mây trắng sà xuống lòng đường, hai người nắm tay nhau mà không nhìn rõ mặt. Tiếng chim tu hú, tiếng tắc kè, tiếng "bắt cô trời cột" như từ các khe lách, hang hốc hoặc ngay từ một nhánh cây trên đầu văng tới, như xa như gần, như thực như mơ, gây cảm giác hư vô, chìm đắm. Là một tướng dạn dày. chiến trận, Minh-ly Tích-ban níu tay cương của Chương Hiến hầu Trần Kiện nói nhỏ vào tai: "Tướng quân thử xem có đường tắt nào khác không. Ta e đường này có quân phục". Trần Kiện cười sáng sặc:

- Ngõ tướng quân lo thiếu rượu uống dọc đường, chớ quân phục thì không lo. Phạm Ngũ Lão giữ ải này đã chạy bắn vào tới Diên Châu rồi.
- Tướng quân tự phụ quá. Ta xem ải này có cái thế nhất nhân địch vạn. Nếu phía trước bị chặn đường, hai bên đều có quân phục thời ta hết đường chạy.
- Tôi cam đoan với tướng quân, binh triều đình thua chạy tan tác hết rồi. Dân trong vùng ai cũng dạt cả vào rừng sâu, thử hỏi còn ai chống lại thiên binh? - Nói rồi Trần Kiện sầm sầm cho ngựa vượt qua anh em Văn Nghĩa hầu Trần Tú Hoãn, vượt cả Nghĩa Quốc hầu, con của Chiêu Quốc vương Trần ích Tắc, định tiến lên đầu đoàn quân cho Minh-ly Tích-ban yên tâm. Nhưng thuộc hạ của Kiện là Lê Trắc vội kéo y lại.

Đúng lúc ấy phía trước sông sộc đá lăn chặn lấp mất đường, bốn mặt đều có tên bắn ra như vãi và khói xông mù mịt. Kiện sợ quá tìm chỗ chúi, rúc cả vào háng ngựa.

Minh-ly Tích-ban cùng đội quân Thát-đát cụm lại để che mạng cho lũ hàng tướng, rồi cố sống cố chết tìm đường tháo chạy. Còn được vài chục con ngựa hợp lại để đi tiếp, khi vừa thúc cho ngựa chạy nước đại thì chúng lại lăn kên ra vì giẫm phải chông ba mũi. Cảnh tượng chúng thật thê thảm, phải bỏ ngựa què lại mà kéo nhau chạy bộ vào trạm quân gần đó để lấy thêm ngựa, thêm quân. Một ngày sau quân chúng bị săn đánh từ các ngả. Khi chúng chạy tới gần Khâu Ôn, tướng sắp thoát sang bên kia biên ải, lại bị trận đại phục kích của tướng Nguyễn Địa Lô.

Trong mấy trận Nguyễn Lộc, Nguyễn Lĩnh chặn đánh, tướng giặc Minh-ly Tích-ban đều đem quân ra đỡ cho bọn phản bội, nên chúng đều thoát chết. Nguyễn Địa Lô tức lắm, tướng quân quyết không tha chúng. Nhất là tên Trần Kiện, trong lúc thế nước đang nguy, nó đem theo cả một vạn quân đi hàng giặc. Lại dẫn đường cho giặc tìm bắt thái sư tướng quốc thượng tướng Chiêu Minh vương Trần Quang Khải là chú ruột, thật là táng tận lương tâm. Tên này không thể để cho sống được nữa.

Khi tướng giặc lọt vào trận địa, Nguyễn Địa Lô cho đi khỏi, rồi mới chặn khúc giữa. Một toán đánh hất Minh-lý Tích-ban về phía trước. Toán khác khóa chặt hậu quân giặc, trong đó có bọn phản bội để diệt.

Khi Minh-lý Tích-ban đã cắm đầu chạy, đám Trần Kiện cũng ngơ ngác tìm đường thoát. Nhìn rõ Trần Kiện, Nguyễn Địa Lô bèn gọi thật to:

- Chương Hiền hầu !

Trần Kiện vừa ngược nhìn về phía có tiếng gọi thì "vút" - một chiếc tên tẩm độc đã cắm trúng mắt y. Kiện không kịp kêu mà gục ngay xuống mình ngựa. Lê Trắc vội kéo xác chủ đặt lên lưng ngựa của mình, rồi theo lối quân Thát-đát mở đường máu mà chạy. Y chạy về tới Khâu Ôn thì bới đất chôn Kiện, rồi tìm đường trốn sang nước giặc. Trần Tú Hoãn cũng thoát được sang Nguyên. Nghĩa Quốc hầu, con trai Trần Ích Tắc đã trốn vào trại giặc vẫn còn run cầm cập, mặt tái mét có cát cũng không được một giọt máu.

Thế là cả đội quân của Minh-lý Tích-ban bị săn đánh, chết tới quá nửa. Các đồ vàng bạc chúng vợ vét đem về nước, đã bị quân ta chiếm lại. Bọn phản nước bì trùng trị, đứa bị giết, đứa chạy tán loạn, kinh hồn bạt vía.

Tin thắng trận tức tốc bay vào tới đại bản doanh của Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương. Lại đúng dịp nắng rất mưa nhiều, nước sông lên to. Hưng Đạo biết thời cơ đuổi giặc đã đến, bèn tâu với hai vua về sự sắp đặt chiến trận. Ông nói:

- Hạn cho giặc ở trại Thăng Long đã mãn, xin bệ hạ xuống chiếu thu hồi.

Vua Nhân tông mỉm cười. Nom gương mặt nhà vua rạng rỡ. Để mắt nhìn khắp quần thần, Trần Nhân tông phán:

- Quốc công cho nghe kế đuổi giặc.

Hưng Đạo nói:

- Sức giặc như cơn bão đã hầu tàn. Trận thắng của Nguyễn Lộc, Nguyễn Lĩnh, Nguyễn Địa Lô trùng trị giặc Thát và bọn phản bội, đã làm kinh động tới cả lũ giặc ở Thăng Long. Nay dân binh các nơi đều nổi dậy. Giặc đang khốn đốn về lương thực. Lại thời khí nóng ẩm, giặc ốm tới nửa số quân. Số còn lại mệt mỏi, thiếu đói, mất ăn mất ngủ, hoang mang hãi sợ. Quân thiếu, lại trong một thế trận trải dài. Vừa qua, chúng đã phải đưa binh ra khỏi Thiên Trường để tăng viện cho Thanh Hóa, Trường Yên, Thăng Long. Toa-đô cũng vừa vào với cánh quân cũ ở Hoan Châu. Thế trận tới đây cũng phải chia địch ra mà đánh, không cho chúng ứng cứu được nhau.

Hưng Đạo chợt dừng, vừa lúc Phạm Ngũ Lão treo lên một tấm bản đồ có đánh dấu các nơi giặc đóng quân. Chỉ ngọn roi vào dòng sông có màu nâu đỏ, quốc công nói:

- Ngược dòng từ Thiên Trường trở lên có vài thủy trại của giặc cực lớn án ngữ các cửa sông như A Lỗ, Tây Kết, Hàm Tử. Bóc hết các trại quân này về mặt thủy, ta đã tiến sát Thăng Long.

Mặt bộ- Quốc Tuấn nói tiếp, ông lấy cây bút đỏ vạch một đường cắt ngang giữa Trường Yên và Thanh Hóa; lại một đường chia Trường Yên và Thăng Long thành hai khu phân lập. Cây bút vạch một mũi tên đỏ ôm lấy Vạn Kiếp, quặp vào Nội Bàng, đan chéo qua Chi Lăng. Đoạn Hưng Đạo khoanh một vòng tròn, dai khít lấy Thăng Long, rồi nói:

- Cùng một lúc, ta sẽ tiến binh vào tất cả các nơi đó, chẹn hết đường giặc vào ra ứng cứu. Phải đánh cho giặc khốn đốn, không đường tháo chạy. Phải diệt cho chúng không gượng dậy được. Phải gây cho chúng nổi kinh hoàng để dạ, mỗi khi chỉ nghe thấy hai tiếng Đại Việt đã rụng rời - Hưng Đạo ngừng lời, nhìn khắp từ quan văn, tướng súy thấy gương mặt ai cũng tươi nhuận. Nhất là vua Nhân tông, đôi má nhà vua hồng lên, cặp mắt sáng linh lợi như tỏa ánh hào quang. Thật là vượng khí. Khác với bữa trước ông nhìn bộ mặt Ô-mã-nhi, thấy thần khí của y, và nơi ứng vào cung chủ của y, đều mờ xám. Ông thầm nghĩ: kỳ này ra quân chắc là quét xong giặc dữ. Khẽ đưa tay lên ve vuốt chòm râu, đó là thói quen của Hưng Đạo mỗi khi lòng thanh thản - chợt nhận ra: râu đã bạc trắng tự bao giờ. Ông nhủ thầm: hóa ra ta đã già rồi sao? Quốc công tiết chế mỉm cười, rồi tiếp:

- Hiện đang mùa nước lớn, chiến trường lầy lội. Kỵ binh của giặc kẻ như là vô dụng. Quân giặc vốn người phương bắc, không thạo nghề đánh thủy, mà phương tiện thuyền bè chúng đều thiếu thốn. Xét thấy mọi mặt, giặc đang ở vào thế hãm, thất lợi - Còn về phía quân ta, quốc công nói như một tiếng reo vui - Ta còn ém được hơn mười vạn quân từ Long Hưng đến các vùng ven biển lộ Hải Đông. Cũng còn được vài vạn nữa, đang sát cánh với đám dân binh người trên các sách, động miền ngược. Quân lương thì ta còn đủ dùng trong vài năm. Sức quân ta đang khỏe, chỉ mong giết giặc lập công, khôi phục lại giang sơn. Vậy xin thượng hoàng cùng quan gia cho ý chỉ, để các quan cùng bàn.

- Lòng trời còn tựa Đại Việt ta nhiều lắm. Thiên thời, địa lợi, nhân hòa như quốc công nói, ta đều hội đủ. Vậy bây giờ chính là lúc phải tiến binh gấp. Phương lược ấy coi như là thượng sách, song các quan văn võ, ai có kế hay xin góp thêm vào. Nhà vua nhìn về phía Lê Văn Hưu, hỏi vui:

- Sử quan thấy thế nào?

Lê Văn Hưu chỉnh lại vành khăn, xốc lại cổ áo, rồi tâu:

- Mọi lo nhất của thần là sao cho đủ tai đủ mắt để nghe, để thấy hết các sự kiện mà chép vào quốc sử cho nghiêm cẩn.

Trần Nhân tông cũng gắng hỏi, nhưng các quan đều cho phương lược của Hưng Đạo là viên mãn.

Chỉ có thượng tướng Trần Quang Khải nói thêm:

- Lòng quân đang náo nức chờ đánh giặc lập công, xin quốc công cử tướng rồi chọn ngày khởi binh là vừa.

Nhân tông lại nói:

- Quyền thống lĩnh ở trong tay quốc công, xin tùy nghi sắp đặt. Riêng trăm xin làm tướng đánh Trường Yên.

Quan quân đều hòa reo vạn tuế! Thế là các tướng đều tự mình xin được đánh vào chỗ nào, chỗ nào. Hưng Đạo thấy phần chán lạ thường. Ông hẹn với các tướng:

- Được hoàng thượng trao quyền, bản chức sẽ lập tờ ủy thác cho các tướng cùng số binh sĩ tùy tùng, chia nhau đi đánh dẹp bè lũ Thoát-hoan. Nhưng ai đã nhận đánh ở đâu đều phải lập kế sách đầy đủ, phải làm tờ quân lệnh, phải cam kết, xét thấy hợp mới được tiến binh.

Các tướng trở về trại mà lòng đang ở chiến trường.

*

Trâu Tôn, viên thầy thuốc nổi tiếng người Trung Nguyên bị bắt theo quân đi chinh phục thấy lính ốm đau, thiếu thốn đủ đường, lòng đau như cắt, xin gặp Thoát-hoan tới năm bảy lần đều không được. Sớm nay y lại vào trước cửa cung Thúy Hoa, tự hẹn: nếu Trần Nam vương xua đuổi, thời đập đầu chết còn hơn là sẽ phải trông thấy một đội quân ốm yếu cứ chết dần chết mòn. Thật là may mắn cho Trâu Tôn, ông chờ chưa tới giờ ngọ thời thấy Trần Nam vương vừa thức dậy ra dạo ngoài hoa viên.

Gạt đám nữ tì léo nhéo cản, Trâu Tôn chạy vào quỳ trước Thoát-hoan.

Thấy có kẻ đến làm phiền. Thoát-hoan giận lắm đã toan đuổi, nhưng chợt nhận ra Trâu Tôn liền hỏi:

- Người có việc gì đến tìm ta sớm thế ?

Trâu Tôn ngửa mặt nhìn trời, ánh nắng chói chang thiêu đốt, mặt trời gần đứng bóng. Lòng se lại, viên thầy thuốc nói:

- Tâu bề trên, giờ đã chính ngọ, còn sớm gì nữa.

- Ủ thì ngọ, Thoát-hoan đáp vẻ bức bối - Nhưng ở cái xứ này nóng lắm, ẩm lắm, mưa lắm. Nhà người có thấy mỗi lúc ta phải bước ra khỏi lâu đài là rất khó chịu.

Trâu Tôn được dịp nói luôn:

- Bẩm Trần Nam vương, thế mà người lính cứ phải phơi mình kiếm củi, kiếm cỏ, kiếm lương, đi đánh nhau suốt ngày chịu mưa nắng, nhiễm bệnh thời khí ốm tới nửa số quân rồi.

- Người là thầy thuốc đề quân ốm không chữa trị, còn kêu gì ta.

- Bẩm Trần Nam vương, có nhiều bệnh do thời khí phát sinh chưa lường hết được, mà thuốc từ phương bắc đem sang không hợp thủy thổ, trị không công dụng.

- Sao người không kiếm tìm vị thuốc quanh đây rồi sai lính hái về? Sao không bắt đám thầy thuốc bản xứ đến mà tra hỏi?

- Bẩm các việc đó đều đã có làm, nhưng không có kết quả.

- Vì sao? - Thoát-hoan gắt hỏi.
- Bẩm thầy thuốc người Nam, họ đi trôn hết cả. Các kho thuốc họ cũng chuyển đi hết. Quân tản ra tứ phía kiếm tìm, lòng sục đều vô vọng. Vì người Nam dùng kế thanh dã. Còn cây thuốc, vị thuốc cũng không hái được, là bởi khắp nơi ngập lụt.
- Vào rừng mà hái.
- Vào rừng, phải đổi cả chục mạng quân cũng chưa được một quây lá.
Vừa lúc đó thị nữ ra quỳ trước Thoát-hoan:
- Bẩm đức ông, lệnh bà con mời đức ông vào dùng trà.
Trâu Tôn bức bội đưa mắt lườm thị nữ. Á lườm lại rồi vênh mặt trêu tức.
Thoát-hoan quay vào, phẩy tay cho Trâu Tôn lui, còn dặn với:
- Cứ liệu mà làm, người đừng đến quấy ta nữa.
Trâu Tôn hậm hực bước ra, lòng đầy căm giận. Y thăm rửa Thoát-hoan: “
Nòi giống mày ngu, chết đến cổ rồi mà vẫn chưa biết. Sức mày khỏe là thế mà suy sụp rồi. Người béo đầy nhưng thịt nhão. Da bệch như sáo. Mắt lơ lơ như có sương phủ, ấy là bệnh sắc dục thái quá, khí hư từ can, thận bốc lên. Mặt mày lại có hôn ám, khó thoát được nạn này. Ôi, ta mong cho người An Nam chém đầu mày để dân tao đỡ khổ vì nạn đao binh, do cha con mày gây ra từ khắp bốn phương trời. .. ”

CHƯƠNG 24

Sắp đặt Công việc cho các tướng lĩnh của triều đình đầu vào đây, Quốc công tiết chế thống lĩnh chư quân sự bèn họp các tướng của phủ Hưng Đạo lại bàn kế tiến binh. Ông nói:

- Khắp các mặt trận, giặc đang ở vào thế thất lợi. Nhất là thời kỳ nóng ẩm, đang làm suy kiệt sức chiến đấu của đội quân Thoát-hoan từng ngày. Nếu ta không cấp kỳ khai triển lợi thế này, mà kẻ địch gượng trụ được đến sang thu, sang đông, sức người, sức ngựa chúng hồi phục lại, và có quân tăng viện nữa, thời sự thất lợi ấy lại rơi vào chính quân ta.

Hưng Đạo chỉ ngọn roi về phía chiếc bản đồ treo ngang bên phía tả. Nơi ngã ba sông, một ngã từ Thăng Long đổ về, một ngã rẽ vào đất Thiên Trường, ngã kia quặt sang đất Long Hưng rồi xuôi ra biển. Nơi đây là căn cứ của Vạn hộ hầu Lưu Thế Anh. Một trạm quân đóng liên hoàn từ mặt sông lên mặt đê án ngữ cả đường thủy, đường bộ, tạo thành thế ỷ dốc; vì vậy chúng có thể ứng cứu cho nhau mau lẹ.

Lấy ngọn roi chỉ bao quát cả một vùng mênh mông sông nước, và cả những cánh đồng lúa trải dài xa tít tắp. Dừng ngọn roi tại nơi có chiếc khuyển tròn màu đỏ son, Quốc công nói:

- Đây là đại bản doanh của Lưu Thế Anh. Nhân việc phải đối mặt với y, ta cho các người biết đôi điều về tên Hán gian này. Y thuộc dòng dõi quý tộc nhà Tống, nhưng cam tâm làm tay sai cho giặc đã được chúng tin dùng cất nhắc. Y rất có công trong việc tiêu diệt đồng bào mình. Dưới trướng Thoát-hoan lần này đáng mặt nhất có A-lí Hải-nha người Mông Cổ, là một võ tướng kiệt hiệt về kỵ binh. Lý Hằng thiên về bộ binh, còn Lưu Thế Anh giỏi về thủy binh. Vì vậy Thoát-hoan mới cho y đóng đại bản doanh đặc trấn vùng A Lỗ này. Vị trí của nó vô cùng quan yếu, nó vừa là yết hầu cả về hai mặt thủy bộ từ Thăng Long, từ Trường Yên xuống. Tới đây nó có thể thông ra biển bằng đường thủy qua cửa Thần Phù nằm kề Trường Yên, và cửa Đại Ác cách Thiên Trường nửa ngày ngựa.

Về mặt bộ, nó còn không chế con đường thiên lý thông thương từ Thiên Trường vào Hoan, Ái qua cửa quan Tam Điệp. Cửa quan này về mặt hiểm trở, có nhẽ nó chỉ thua có cửa quan Lão Tử.

Cho nên sống chết giặc cũng phải giữ cho bằng được. Bởi mất nó, cả vùng Thiên Trường, Long Hưng, rồi tuốt từ Trường Yên vào đến Hoan, Ái cũng sẽ mất luôn. Và Thăng Long sẽ không còn gì che chắn nữa; nó tựa như một

võ sĩ mình trần, chân đất tay không binh khí.

Đặt chiếc roi xuống, Hưng Đạo nhìn khắp lượt các vị tướng lĩnh dưới quyền, để dò xem ý tứ. Đoàn quốc công nói tiếp:

- Lưu Thế Anh đã được Hốt-tát-liệt phong tước "hầu", thực ấp một vạn hộ. Trong quân thường gọi là y "Lưu vạn hộ", còn cấp trên hoặc đồng liêu gọi y là "Vạn hộ hầu". Hiệp trấn với y ở đây còn có năm ngàn quân rút từ Chiêm Thành ra do Giáo Kỳ thống lĩnh. Tổng số quân của giặc đóng trong vùng A Lỗ này là một vạn bảy nghìn tên, chia ra như sau:

Mười ngàn tên lính thủy. Loại này đã được luyện tập kỹ càng, nên giỏi nghề chèo thuyền, bắn cung tên, ngoài ra chúng còn sử dụng được cả giáo mã tấu. Điểm yếu đáng nói của đám quân này là bơi lội rất kém. Tuy nhiên đám quân thủy này vẫn có thể dời thuyền lên đánh bộ được.

Về quân bộ, chúng có năm ngàn tên. Bọn này thuần quân tân phụ người Tống. Binh khí chúng quen dùng là giáo dài, cung nỏ. Một số tên biết sử dụng cả roi, thiết lĩnh, và thạo cả quyền, cước.

Số còn lại là hai ngàn tên kỵ binh, cả người và ngựa đều thuộc nòi Mông Cổ, do tướng Bột-la-cáp-đáp-nhĩ (Bolquadar) trực tiếp điều hành. Đám quân này có tài phi ngựa bắn cung. Trên sa mạc hoặc trên các bình nguyên khô ráo, chúng có thể ào đến và rút đi như một trận cuồng phong, khiến đối phương trở tay không kịp.

Đưa mắt nhìn bao quát các tướng một lượt, quốc công tiết chế lại ung dung nói:

- Trách phận của chúng ta, phải tiêu diệt đạo quân này, không cho chúng chạy thoát. Và cùng lúc ta đánh A Lỗ, thì các đạo quân khác trên toàn cõi đều nhất tề đánh vào trại giặc. Vậy bây giờ trong các ông, ai có kế gì hay, xin đưa ra nghị bàn. Nhưng phải gấp gáp. Ta nói trước để các ông tự liệu, nếu mùa mưa lụt này, ta không đuổi được giặc ra khỏi cõi bờ, thời tình thế sẽ giằng dai không biết đến bao giờ.

Như vậy là quốc công quyết đuổi bè lũ Thoát-hoan, chỉ trong vòng hai, ba tháng trong mùa nước ngập. Các tướng không ai không nghĩ như vậy. Và vì thế họ náo nức được xông ra chiến trường. Các tướng ai nấy đều có ý mong được quốc công cho bày tỏ kế sách của mình.

Thấy trong hàng gia tướng gia thần có Trương Hán Siêu, Phạm Ngũ Lão là hai tướng văn tướng võ trẻ nhất, Hưng Đạo muốn dò biết ý họ thế nào, người bèn trở tay vào Phạm Ngũ Lão.

- Tướng quân cho nghe diệu kế của mình đi.

Phạm Ngũ Lão vòng tay cung kính:

- Tiểu tướng chỉ mong sao được quốc công sớm sai khiến, để mau mau tống khứ lũ cáo cầy Thoát-hoan ra khỏi cõi thôi, chớ quả thật tiểu tướng không có mưu sâu kế lạ gì đâu ạ. Tuy vậy, theo ngu ý của tiểu tướng, nếu đánh vào A

Lỗ thì phải đánh thẳng vào ba sào huyết, tức là nơi đầu não điều hành ba đạo quân: kỵ binh, thủy binh và bộ binh.

Hiện nay đang là mùa mưa đầu, nắng lửa, bệnh thời khí đang lây lan nặng trong hàng ngũ quân giặc. Thần đã cho người dò xét, được biết đũa nào không ốm cũng mệt mỏi, tinh thần bải hoải, suốt ngày buồn ngủ, chân tay không muốn cử động. Người đã vậy, ngựa của chúng cũng không hơn gì. Lũ ngựa này thuộc nòi ngựa chiến Mông Cổ, mới sinh ra đã tung tăng trên thảo nguyên mênh mông, hoặc sải vó trên dặm dài sa mạc. Chúng được ăn loài cỏ thảo nguyên ngọt như mía, thơm như mật. Nay thứ cỏ khô ấy trong kho giặc đã cạn, chúng phải gặm loài cỏ tranh, cỏ gừng, cỏ chỉ, cỏ màn thầu của ta vừa ngắn ngắn, vừa đất cát bụi bặm, chất đắng. Không quen thủy thổ, lại gặp thức ăn lạ, đâm chướng bụng, ỉa chảy, con nào con ấy mông lép kẹp, đứng gục đầu lắc bồm, quật đuôi đuổi ruồi, đuổi muỗi. Và ra khỏi tàu là lội bì bõm, lầy thụt, nhiều con không đủ sức nhấc chân lên nữa, nói gì chạy. Kỵ binh với bộ binh như thế, còn đám thủy binh cũng chẳng hơn gì. Thuyền bè thì nhỏ bé, ọp ẹp nhiều thứ quân ta đã phá bỏ, giặc nhặt lấy đem về sửa chữa lại dùng. Ngay đám lính thủy cũng suốt ngày nôn với mửa, lại còn sợ nước và nhiều đũa còn không biết bơi.

Bầm quốc công, điều đó chỉ có nghĩa là sức chiến đấu của giặc đã suy giảm, chứ không phải là chúng không còn sức chiến đấu nữa. Vì vậy, để tiêu diệt hoàn toàn đạo quân này, ta phải huy động ít nhất ba vạn quân. Nhưng để đánh tan đạo quân này, ta chỉ cần năm ngàn quân tinh nhuệ, đánh thẳng vào trung quân của chúng. Theo thiên ý của tiểu tướng, ta nên chọn vào lúc nửa đêm, giặc đang vui mình trong giấc ngủ sâu mà đánh hỏa công. Thiêu cho cháy rụi đám thuyền bè doanh trạm, đốt cho cháy bùng lên mây dầy tàu ngựa, thế là người, ngựa chúng xéo giẫm lên nhau mà chết. Quân tướng sẽ tan tác, làm mồi cho dân binh của ta tiêu diệt.

Phạm Ngũ Lão vừa ngồi xuống thì Hưng Đạo đã chỉ vào Trương Hán Siêu. Siêu vòng tay nói:

- Thần cho rằng kế của Phạm tướng quân có thể dùng được. Ở đây, tướng quân đã dựa vào hai điều bất ngờ và thần dũng. Muốn chắc thắng thời phải giữ cho thật kín nhem. Ngay người lính chiến đấu, cũng chỉ được biết hướng tiến quân trước giờ xuất phát. Điều thứ hai quân phải thật tinh khỏe. Nhưng sao thần chưa thấy Phạm tướng quân nói đến việc phải bắt hoặc diệt cho bằng được bọn đầu sỏ. Còn một điều nữa, thần xin lạm bàn, rằng việc nhận định về sức chiến đấu của quân giặc, thì điều đó chỉ riêng các vị tướng biết để lường sức giặc mà điều quân vào trận, nhược bằng sĩ tốt của ta biết được điều này, sẽ đem lòng khinh giặc mà chủ quan kiêu mạn, không đề phòng thì dễ bại. Thần cứ nghĩ, một thằng giặc ốm yếu là một tên lính bỏ đi. Nhưng một trăm thằng, thậm chí một nghìn thằng ốm yếu cụm lại, lại được tướng

giỏi chỉ huy thì chưa chắc chúng đã là đội quân bỏ đi. Cứ xem như Tôn Vũ huấn luyện đám nữ binh thì đủ biết.

Nghe Trương Hán Siêu bày tỏ, Hưng Đạo lấy làm đẹp ý, người cứ vuốt vuốt mãi chòm râu đốm bạc và gật đầu tới hai ba lần. Trương vừa ngồi xuống, Phạm Ngũ Lão liền bật dậy vái hai vái với lời nói chân thành, cảm kích.

- Giã ơn tiên sinh đã có lời răn. Nếu không thì Ngũ Lão này dễ phạm vào điều cấm kỵ của nghiệp làm tướng. Ngũ Lão bèn cúi xuống lấy bút viết vào vạt áo bốn chữ: Bất khả khinh địch để tự nhắc nhở mình không lúc nào được phép coi thường giặc.

Việc hai tướng khiêm nhường thủ lễ với nhau, khiến Hưng Đạo cảm động.

Vương ôn tồn nói:

- Lời của Hán Siêu là đúng. Kế của Ngũ Lão bổ chính thêm có thể dùng được. Tướng quân cứ yên tâm, ta không cho lời nói của ông là có ý coi thường giặc. Bởi ta xem trận ông cản giặc trên ải Lão Thử cuối năm ngoái, đủ biết tài cầm quân của ông. Sức giặc tràn qua như nước vỡ đê trời, vậy mà ông cản được, lại lui được cả một đạo quân lớn an toàn như vậy, thời không thể nói ông hồ đồ, kém mưu lược được.

Các tướng còn bàn cãi khá lâu, Hưng Đạo bước ra sân ngó nghiêng bầu trời đầy mây xám, mưa lắt rắc; quay vào nhà, ông nói:

- Mưa này chỉ vào giờ Hợi là tạnh. Cả ngày mai và đêm mai trời vẫn quang, tạnh. Vậy các tướng phải chuẩn bị đầy đủ, cắt cử ai vào việc ấy, không để sót điều gì. Đêm mai nhất loạt phát hỏa vào đầu giờ Tý. Các tướng nhớ nhắc ba quân, chớ ham bắt, giết giặc mà làm chậm trễ việc tiến binh. Ta phải thần tốc, mới gây cho giặc nỗi kinh hoàng. Thỉnh thoảng phải vờ cho giặc "phá vòng vây" chạy thoát vài chục tên, rồi lừa cho chúng về các trạm, trại giặc chưa bị đánh, để chúng gieo rắc nỗi hoang mang, hãi sợ cho nhau - Đoạn ông quay ra sai khiến các tướng ai vào việc ấy.

Duy có bốn người con của đại vương chưa được cắt đặt, bèn đồng thanh lên tiếng:

- Xin quốc công cho chúng con được tham gia đánh giặc, lập công.

Hưng Đạo vuốt râu cười khoan khoái:

- Ta chỉ sợ các con không đủ sức - Rồi người vẫy tay cho các tướng đã lĩnh mệnh lui ra, đoạn ông chậm rãi nhấn từng lời: - Ta không nói, các người cũng biết, thời cơ đuổi giặc ra khỏi cõi để rửa mối nhục cho nước đã đến. Nhưng các người không được hấp tấp để hỏng việc lớn của ta.

- Hưng Vũ vương ! - Quốc công gọi.

- Dạ! - Nghe cha gọi, Trần Quốc Nghiễn vội đứng lên chắp tay thủ lễ.

- Con dẫn một vạn quân lên biên ải đón lữ đường giặc rút chạy qua cửa quan Khâu Ôn, Khâu Cấp. Con nhớ việc ém quân phải kín nhem, nếu không động chà, cá nhảy, nghe chưa !

- Dạ, con xin lĩnh ý phụ thân.

- Việc này hệ trọng lắm, ta biết tính con nghiêm cẩn nên ưu ái giao cho. Con nên nhớ, từ năm ngoái tới nay, giặc vào cõi bờ ta, chúng gây xiết bao tội ác, trời không dung đất không tha. Nay ta quyết bắt chúng phải đền tội. Nếu vì hấp tấp, sơ khoáng để giặc trốn thoát thì chắc chẳng bao lâu nữa, chúng sẽ lại sang xâm lấn cõi bờ ta. Con rõ chưa?

- Dạ, con xin ghi lòng lờì cha dạy.

Hung Đạo nghiêm mặt:

- Đây không phải việc trong nhà cha con dậy nhau. Mà là việc nước, việc quân, người là tướng nhận mệnh của triều đình ra biên thùy dẹp giặc - Nói xong, Hung Đạo thư thả nhắc tấm binh phù giơ ra cho các tướng nhìn rõ. Các vương và các tướng len lét nhìn vào gương mặt quắc thước của quốc công.

- Hưng Nhượng! - Quốc công lại gọi.

- Dạ ! - Trần Quốc Tảng vòng tay thủ lễ - Con xin nghe mệnh.

- Người đem tất cả quân bản bộ cùng thuyền bè chẹn cứng cửa sông Bạch Đằng, không cho một chiến thuyền nào, một tên giặc nào thoát ra được cửa sông này. Ngoài ải Vân Đồn, ngày đêm đốt lửa làm hiệu nghi binh. Ta không tin Hốt-tát- liệt kịp ra tay trước ta. phải binh sang cứu con hẩn.

Nhìn thẳng vào đôi tròng mắt người con út, Hung Đạo gắng hỏi một lần nữa:

- Người đã rõ các việc phải làm chưa, có cần điều gì ở ta nữa không?

- Dạ, con rõ phận sự cả rồi, xin cha cho con nhận mệnh.

- Được!

Quốc công lại ve vuốt chòm râu rồi thông thả gọi như đếm từng lời một:

- Hưng Trí, Hưng Hiếu, các con nghe mệnh đây.

Nghe cha gọi, Trần Quốc Hiến, Trần Quốc Uất đều đứng cả dậy vòng tay thưa :

- Chúng con xin nghe mệnh.

- Ta cho các người đem hết quân bản bộ cùng xe cộ, thuyền bè, khí giới đi suốt ngày đêm về bày trận nghênh địch tại vùng Vạn Kiếp. Giặc có thể dồn tới nửa số quân chạy theo đường sông Thiên Đức, sông Nguyệt Đức, sông Như Nguyệt về Lục Đầu. Nếu ở đây giặc không bị tổn thất lớn, ta chắc chúng sẽ rút theo đường biển. Nhược bằng giặc bị đại bại, hẩn chúng phải tháo chạy qua ải Nội Bàng rồi tắt Khâu Ôn, Khâu Cấp mà về Tư Minh.

Hung Đạo ngừng lời nhìn các con. Đoạn mỉm cười, quốc công lại nói :

- Trận kịch chiến với giặc ở Vạn Kiếp hồi tháng giêng, ta đã giết vạn hộ hầu Nghê Nhuận. Trận này các con phải tóm gọn lũ giặc Mông - Thát về cho ta. Các người nhớ phải nhử cho binh giặc chạy về Lục Đầu mà tiêu diệt. Ta không cho phép các người để sống một tên tướng giặc nào thoát qua Vạn Kiếp, Bình Than mà ra biển. Các người đã rõ chưa?

- Dạ, chúng con xin tuân mệnh.

Một giây im lặng, rồi Hưng Vũ vương Trần Quốc Nghiễn và cả Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tảng xin nói:

- Trình cha, cha cho bốn anh em con đón đánh quân giặc cả đường thủy lẫn đường bộ, vậy chớ Thoát-hoan chạy đường nào?

Hưng Đạo vuốt râu cười ha hả:

- Mấy tháng trước đây Thoát-hoan đe vua ta: Chạy đường bộ, chúng đuổi bằng ngựa; chạy đường thủy, chúng đuổi bằng thuyền; chui xuống đất, chúng nắm tóc lôi lên; bay lên trời, chúng cầm chân kéo xuống.

Nay lại đến lượt ta phải mượn nhờ Thoát-hoan để nói với y như vậy. Xuống đất, lên trời hẳn chúng không có tài. Duy có hai đường thủy, bộ, các con thử đoán xem, y chạy đường nào.

Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tảng nhanh nhẩu nói:

- Thừa cha, hẳn là Thoát-hoan chạy theo đường biển, nên cha ưu ái cho con phục quân tại Bạch Đằng, Vân Đồn.

Hưng Vũ vương Trần Quốc Nghiễn vội cướp lời em:

- Trình cha, hẳn là Thoát-hoan chạy theo đường bộ, nên cha cho con phục quân tại các cửa quan đón bắt.

Hưng Đạo mỉm cười, nói vui với các con:

- Thôi thì cả Hưng Vũ, Hưng Nhượng mỗi tướng bắt cho ta một Thoát-hoan đem về nộp. Nhưng ta e rằng tiểu tướng quân Hoài Văn hầu lại nhanh tay hơn các con đấy. Viên hỏ tướng này làm ta kỳ vọng.

Lời quốc công khen Hoài Văn, càng khích sâu vào lòng kiêu dũng của cả bốn anh em nhà vương. Và tất cả bốn người đều quỳ lạy:

- Con xin nộp đầu Thoát-hoan trước phụ thân. Xin phụ thân cho chúng con làm tờ cam kết.

Hưng Đạo bật cười, người cứ vuốt mãi chòm râu rồi gật gù nói:

- Khí thế quân ta quả là cao ngất. Ta mừng vì các con đều một lòng vì nước, quyết rửa mối hận Hốt-tát-hệt, bắt con y phải đền tội. Nhưng bây giờ thì chưa thể nói Thoát-hoan sẽ rút chạy đường nào, để ta phái các con đi bắt y về nộp. Đành rằng, giặc chỉ có hai đường để thoát. Về mặt thủy, ta dồn đánh chúng từ Thiên Trường trở về Thăng Long, vậy không có chuyện chúng tháo chạy qua các cửa Thần Phù, Đại Ác, mà chỉ có thể qua cửa Bạch Đằng rồi rút về Vân Đồn để ra biển. Mặt bộ có nhiều cửa quan giặc có thể vượt qua. Nhưng tựu trung có hai đường huyết mạch qua ải Khâu Ôn, Khâu Cấp là có khả năng giặc sẽ rút chạy qua đây. Còn cửa quan qua Quảng Nguyên thì cả đường bộ, đường thủy, tới đó đều xa mà hiểm trở, giặc sẽ không chạy theo đường đó, nên ta chẳng cần cho quân phục làm gì. Lần này giặc kéo sang, chủ yếu là bộ binh, nên khả năng giặc rút qua đường biển là ít hơn. Song các tướng cứ phải phòng bị kỹ càng. Bởi chung trong binh pháp được phép: "lấy

thực làm hư, lấy hư làm thực". Vì vậy việc phòng bị kỹ không bao giờ thừa cả. Tuy nhiên, phải chờ ta đánh xong trận này, mới có thể phán đoán chắc chắn chiều hướng rút chạy của giặc.

Nói xong, quốc công cho các tướng ai về trại nấy, lo liệu đêm mai tiến quân. Như quốc công đã sắp đặt:

- Tướng quân Phạm Ngũ Lão giữ án tiên phong, lĩnh ba ngàn tinh binh và pháo binh đánh thẳng vào đại bản doanh của Vạn hộ Lưu Thế Anh.

- Các tướng Phạm Lãm, Ngô Sĩ Thường mỗi người dẫn một ngàn quân, từ hai phía tả hữu đánh vào cánh quân của giặc rút từ Chiêm Thành ra, do tướng giặc là Giảo Kỳ thống lĩnh.

- Các tướng Trình Giũ, Trần Thi Kiến, mỗi tướng lĩnh một ngàn quân đánh vào đại trại của Đường-ngột-đãi.

- Hai tướng Yết Kiêu, Dã Tượng tháp tùng quốc công đem thủy đội khóa chặt ba mặt sông, không cho giặc lên bộ tháo chạy.

Lại nói trong trại của Lưu Thế Anh, mới vào hạ mà quân đã ốm tới non nửa, nửa còn lại cũng uể oải không làm sao mà giữ nổi kỷ cương. Ốm đau nhiều, lòng quân sinh nản. Có đứa vừa đôi gác về là gục chết. Có đứa đi cắt cỏ ngựa cũng chết rũ ngoài cánh đồng. Có đứa đang đứng gác thì miệng nôn trôn tháo, mặt xám như chàm, tay chân co quắp, mắt trắng dã, mồ hôi toát ra như tắm, không thuốc nào chữa trị được.

Sợ cứ để tình trạng này kéo dài dễ có biến trong quân. Hoặc giả như quân An Nam bất ngờ đánh vào, quân thiên triều khó mà chống cự được. Nghĩ vậy, Lưu Thế Anh bèn mời các tướng dưới quyền vào trung quân thương nghị.

Đại bản doanh của Lưu Thế Anh đóng trong ngôi chùa cổ, có tên "Sùng phúc tự", nằm trên doi đất cao, bốn bề cây cối xanh um. Những cây muỗm, cây đa gốc xù xì, thân cao vút, cành lá vươn dài, tuổi thọ của chúng có lẽ đến xấp xỉ với tuổi của ngôi chùa. Đây là ngôi chùa cổ được xây cất từ năm Nhâm Ngọ đời Lý Thánh tông, tính tới nay đã ngót 250 năm. Trụ trì tại ngôi chùa này là thiền sư Vô Lượng, một bậc cao tăng đời nay. Thiền sư năm nay đã 87 tuổi, người có khả năng thấy trước các việc. Một năm trước khi giặc Thát phạ vào cõi, Thiền sư đã có sở dâng về triều, nói tới các điều sẽ xảy ra. Thiền sư đã kíp cho di chuyển các pho tượng phật quý. Các kinh bản và phả hệ của chùa, cả các đạo sắc phong qua các đời vua, cùng các đồ thờ tự quý giá đưa đi cất giấu, không cho giặc phạm vào. Các sư tăng, người nào khỏe mạnh, có lòng đầu quân đi đánh giặc, Thiền sư khuyến khích cho đi. Các người già yếu cũng đưa về các vùng hẻo lánh khuất lấp. Chùa chỉ còn vài ba đồng tử ở lại với Thiền sư để hương đăng sớm chiều.

Khi mới đến chiếm đóng vùng này, thi thoảng Lưu Thế Anh có qua lại chùa thăm viếng Thiền sư.

Y nói, y cũng là đệ tử Phật nên nhà chùa sẽ được bảo vệ. Thiền sư chỉ cười cảm ơn.

Lưu Thế Anh hết lời khen ngợi ngôi chùa cổ kính, nghệ thuật kiến trúc tinh vi, lại tọa lạc trên thế đất đẹp như một viên ngọc minh châu.

Thiền sư bề ngoài vẫn xem Lưu Thế Anh là một chúng sinh như trăm ngàn chúng sinh khác. Nhưng trong sâu sa tiềm thức lại mách bảo Thiền sư phải canh chừng bởi nơi cơ thể y toát ra mùi tanh hôi, hết như mùi tử khí. "Phải rồi", Thiền sư tự nhủ, chính y đang cầm đầu một đạo quân xâm lược.

Không khí ngày càng ngột ngạt, Thiền sư cảm nhận như cuộc huyết chiến sắp tới gần, ngài đã đôi ba lần cáo trước Phật đài xin cứu vớt chúng sinh. Rồi một hôm ngài dắt theo mấy đồng tử ngồi trên con thuyền thúng bồng bênh sang sông.

Từ bữa ấy, Lưu Thế Anh ghé lại chùa nhưng không thấy Thiền sư, cũng không thấy đám tiểu tăng. Y đẩy cửa vào chùa thắp hương, thỉnh chuông, nhưng kỳ lạ thay hương vừa đốt, cắm vào bình, cúi đầu vái Phật xong, ngừng lên đã tắt ngấm. Tự xem đây là một việc bất thường, viên tướng giặc lại đốt ba nén hương khác, cắm vào bình, cúi đầu khẩn vái. Chợt ngừng lên, hương lại tắt. Y làm đúng ba lần, vẫn y hết như lần đầu. Y cho rằng Phật không chứng cho y. Vì vậy y sợ lạnh cả xương sống, người nổi hết da gà. Vừa quay ra, y vừa niệm hồng danh đức Quán Thế âm Bồ tát...

Trời vào hạ, mưa xối xả. Nước nguồn tràn về, ngập lụt đầy đồng. Muỗi bọ, rắn chuột chui cả vào buồng ngủ, vào giường ngủ. Nước dềnh vào nhà ở. Việc đi lại vô cùng khó khăn. Thuyền ít, lính di chuyển thuận lợi bộ, không quen đường, có khi cả một đội quân xông thẳng xuống nương ngòi, nước ngập lụt đầu, ướt như chuột. Trời vẫn cứ mưa xập xủi. Vì thế số quân đồ bệnh ngày một tăng.

Lưu Thế Anh đã chuyển trung quân tới hai ba lần. Mỗi lần lại đuổi một vài nhà phú hào đi để chiếm chỗ. Nhưng rồi nhà nào nước lũ cũng tràn vào, rắn rết, chuột bọ cũng bò vào. Cuối cùng Lưu Thế Anh nghĩ đến "Sùng phúc tự". Ngôi chùa xây trên gò đất cao, nên nước lụt chỉ bám quanh chân gò.

Thế bất đắc dĩ, y phải cho chuyển đại bản doanh vào đóng trong chùa. Bởi qua ba lần thắp hương không cháy, Lưu Thế Anh biết là chùa tối linh. Vì vậy y cấm không cho quan quân và lính tráng, xâm phạm vào bất cứ một thứ gì trong khuôn viên nội tự. Lại bắt viên tì tướng sớm chiều phải thắp hương, thay nước cúng trên các ban thờ Phật. Bản thân y và lũ bộ tướng chỉ dám ở nhà thụ trai và các tầng phòng.

Khi các tướng đã tề tựu đủ mặt, Lưu Thế Anh cất giọng hỏi:

- Trong quân thứ, các ông có do thám được điều gì về phía bọn giặc cỏ An Nam không.

Bôn-kha-da, viên tướng kỵ binh nghe giọng nói hách dịch của Lưu Thế Anh,

khiến y bức bối. Hấn giả vờ ho rồi khạc đờm, nhổ qua đầu mấy viên tướng người Hán ra phía cửa.

Lưu Thế Anh biết Bôn-kha-đa vốn không phục mình. Và cách nhổ bọt của y, là cố ý nhại theo thói quen của người Hán, nhằm trêu tức thượng cấp mà thôi. Bởi vậy, Lưu Thế Anh coi như không nhìn thấy gì hết. Y đưa mắt về phía viên tả thừa Tang-gu-tai cùng tham chính Hắc-địch, Giáo Kỳ và các tướng dưới trướng của Toa-đô bị quân Đại Việt ghìm chân ở biên ải Việt-chiêm từ mấy năm trước. Nay chúng mới phá vỡ được cửa quan Nghệ An đánh thông ra Trường Yên, được Thoát- hoan phái về hợp trấn với Lưu Thế Anh tại Thiên Trường.

Đám quân, tướng này suốt mấy năm bị cầm giữ tại mặt trận Champa, đầu óc căng thẳng, mệt mỏi, nay lại gặp thời tiết nắng mưa khắc nghiệt, lẽ ra chúng phải được nghỉ ngơi dưỡng sức, thì lại bị dồn đuổi về vùng đất ngập lụt trắng băng như thế này. Chúng đều cảm thấy chán nản, không có gì để nói.

Cuối cùng lại Lưu Thế Anh phải lên tiếng:

- Ta mời các ông đến để nghe tuyên dụ của Trần Nam vương. Thái tử rằng chúng ta phải phòng bị cho cẩn mật, vạn nhất có điều gì sơ xuất thì ngài sẽ trị tội gấp đôi - Ngài hữu thừa A-lí Hải-nha còn cho biết Trần Hưng Đạo đang gấp gấp điều quân, chưa biết chúng sẽ quấy rối ở vùng nào - Vậy chớ các ông có cao ý gì không?

Các tướng sang An Nam thủy thổ không hợp, căng thẳng kéo dài, nay lại bị nạn lụt vây hãm, nên trong lòng ai cũng bức dọc. Đã vậy, Lưu Thế Anh lại còn gạn hỏi.

Vứt chiếc mũ da dê đang cầm tay xuống sàn nhà, cời phăng hàng khuy áo đang làm nghệt thở, viên tả thừa Tang- gu-tai nói giọng giật cục:

- Khi bọn ta đang ở Champa, Trần Nam vương bao phen đưa thư thúc giục, nếu phá vỡ cửa quan Nghệ An thì Trần Nam vương sẽ cắt vó vua tôi nhà Trần, hoàn tất sự nghiệp Nam chinh, cùng hưởng phú quý. Bọn ta kéo năm vạn quân viễn chinh, đi suốt bốn năm ròng rã. Bốn năm bị giam hãm trong chiến trận Champa, quân chết tới phân nửa. Gồng sức lên đánh vỡ cửa quan Nghệ An, rong ruổi một lèo ra đến tận Trường Yên, tưởng rằng Trần Nam vương sẽ rước đại quân về Thăng Long khao thưởng. Ai ngờ, chân ướt chân ráo chưa hoàn sức hoàn hồn, Trần Nam vương lại bắt một nửa quay lại Ái Châu, một phần ở lại Trường Yên, còn tất cả phải về Thiên Trường tăng viện. Ta thật không hiểu sự thể ra làm sao cả. Và cái thứ chiến tranh chó chết này bao giờ mới tới hồi chung cuộc?

Lòng bức tức như một vết dầu loang, ai cũng muốn nói cho hả.

Tang-gu-tai vừa ngồi xuống thì Bôn-kha-đa, tướng kỵ binh liền đứng dậy tiếp lời:

- Ông Tả thừa họ Lưu gọi quân An Nam là đám giặc cỏ.. Giặc cỏ gì mà mấy

chục vạn hùng binh của thiên triều đánh. dẹp mãi không được. Và còn sợ nó gom quân sắp đánh ở đâu. Lại hỏi "có do thám được điều chi".

Ông là người chỉ huy cao nhất ở đây. Nhẽ ra điều ấy chúng ta hỏi ông mới phải - Ta muốn biết đến bao giờ mới có cỏ khô cho ngựa ăn. Nếu cứ bắt ngựa phải gặm cỏ hôi hám, bần thiêu thời ta chắc chỉ nửa tuần trắng nữa là số ngựa của ta quy hết. Thậm chí chết hết vì bệnh ỉa chảy - Bôn-kha-đa bực bội nhìn khắp cử tọa rồi văng ra một câu mà ai cũng cho là điều dở - Ta nói thật, bây giờ quân An Nam đánh vào, thời đến ngựa cho ông chạy trốn cũng không có, nói gì ngựa chiến. Ta không hiểu các ông am tường địa lý An Nam đến đâu mà để thiên tử phái đội kỵ binh bách chiến bách thắng của ngài đến vùng ngập lụt này. Ông nên nhớ, nếu đội kỵ binh của thiên tử sút mẻ thì ông mất đầu.

Mấy viên tướng Thát cậy mình là đồng bào, đồng hương của Trần Nam vương, nên nói năng chẳng cần giữ mồm giữ miệng. Ấy vậy mà Lưu Vạn hộ vẫn nhoen cười. Cái giọng cười mới thâm hiểm và cay độc làm sao. Y tự lượng sức mình không thể làm căng với lũ Mông - Thát được, đành đầu dúi dần hòa:

- Tôi biết các ông là bậc kỳ tài đời nay. Vì vậy thiên tử mới phái sang làm thủ túc cho Trần Nam vương chớ. Những việc các ông nói đều đúng cả. Nhưng xin chờ cho khi nước rút xuống đã. Chớ bây giờ các ông đòi từ lương cho người, cho ngựa đến thuốc men các thứ, quân lương không sao cung ứng được.

Mục đích của Lưu Thế Anh là mời các tướng đến để răn đe cảnh tỉnh, chớ vì thấy quân An Nam không có động tĩnh gì mà làm tướng họ tan rã hết. Thế nhưng chiều hướng xem ra không êm thuận. Mặc dù vậy, y vẫn cứ phải nhắc nhở:

- Ta lưu ý các ông, vài bữa nay mưa đã ngớt, nước đã nhúc nhắc rút được dăm bảy tấc, vì vậy quân An Nam có thể bất ngờ đánh lên. Các việc tuần tra cảnh giới đêm hôm nhất nhất không được lơ là. Mặt sông, mặt đê lúc nào cũng phải có hai toán quân tuần tiễu ngược chiều nhau. Vạn nhất giặc có đánh vào, phải giữ cho quân không rối, trước sau, trong ngoài phải ứng cứu được cho nhau; trụ bám chắc thì giặc không tạo được khe hở mà đánh vào. Giặc không vào được thì quân chúng sẽ tự rối. Khi quân chúng đã rối thì chia binh ra mà đánh, giặc ắt phải thua. Thôi, bây giờ các ông nên về với trại quân đi kéo muộn.

Các tướng đứng dậy cười khẩy.

Tham chính Hắc-dịch nói vừa đủ nghe, nhưng không phải Lưu Thế Anh không nghe được:

- Ta ngờ Lưu tướng quân vừa mới đọc Tôn Vũ đêm qua.

Các tướng cười khùng khục. Có ai đó nói:

- Ta cũng ngờ rằng ông ấy mới đọc được có một thiên "phòng bị" .
- Thảo nào, đêm qua ta nghe như có tiếng một nghìn sách- Một giọng giễu cợt khác xen vào rồi ai về trại này.

Nước rút nhanh, ngấn phù sa cứ khô dần trên vách tường nhà, trên các hàng giậu tre gai, và ngấn nước còn dai thít lấy thân cây như những vành khăn xếp màu nâu cháy.

Khắp vùng không còn bóng dáng một người dân, cũng chẳng còn trâu bò gà lợn, lúa gạo để cho quân thù vơ vét. Đường làng tuy còn lội lồm bồm, nhưng đám quân đã đi lại nói cười tươi tỉnh, đã có sinh khí.

Lưu Thế Anh do ba lần thấp hương không cháy y vẫn canh cánh lo, nên nước vừa rút đã bắt quân phải dời chùa về lại doanh trại cũ.

Đêm yên tĩnh và mát mẻ. Đã lâu lắm mới lại có một đêm như thế. Trăng hạ tuần mờ đục. Gió mơn man chạy dài trên mặt nước mênh mang. Thảng có tiếng cú rúc mơ hồ, và những cánh chim đêm đập gió ào qua.

Biết bao ngày vật lộn với nước ngập, với rắn rết, chuột bọ, với nắng hun như lửa đốt, khiến đám quân Thát-đất mất ăn mất ngủ, người cứ bã ra như xác con vờ. Vì vậy đêm nay họ ngủ như chết. Ngay đám lính tuần phòng trên sông nước cũng gác mái chèo lên ngủ. Đám kỵ binh đi tuần thám ban đêm thì ngủ ngay trên mình ngựa. Dường như hàng vạn quân Thát đêm nay không có một tên nào canh thức.

Đúng giờ tỵ, Phạm Ngũ Lão cho pháo khai hỏa vào đại bản doanh Lưu Thế Anh.

Mới thoáng lát ngọn lửa đã bốc cao.

Trong các trại quân bộ, quân kỵ của giặc, các tướng Phạm Lãm, Ngô Sĩ Thường, Trình Giũ, Trần Thi Kiến cùng lúc cho phóng hỏa và đánh thẳng vào trung quân. Bốn phương đều có ngọn lửa bốc cao, tiếng reo "Sát Thát !" dậy đất. Tiếng trống đồng xối xả, vang rền khắp mặt sông. Tiếng tù và rúc inh ỏi. Tiếng pháo lệnh nổ oàng oàng khiến đất rung chuyển âm âm như sắp toác vỡ ra.

Quân giặc bị đánh bất ngờ, vừa tỉnh giấc đã thấy lửa cháy bốn bề khiến chúng hoảng hốt, nhiều đứa cứ thế chạy thục mạng không kịp cầm binh khí. Trại giặc chưa bao giờ hỗn loạn như thế. Thoạt tiên là từ các tàu ngựa, những con ngựa chiến to đùng như những con voi nan, ôm gần hết. Con nào con ấy đứng rũ bồm lắc lư bên cạnh những con còn khỏe mạnh. Chợt thấy lửa cháy bùng bùng ngay trong tàu trại, chúng hí lên man dại. Những con khỏe thúc bật tàu lao ra. Những con yếu chạy theo. Bốn phương tám hướng không đâu là không có lửa cháy rát bỏng, đàn ngựa lồng lên rồi chạy quẩn. Bây giờ thì không còn phân biệt được con nào khỏe, con nào yếu, mà tất cả lũ chúng đều như những con hổ dữ, chúng lao đi tìm sự sống. Chúng hí hét, chúng nhảy, chúng húc, chúng đá, chúng dẫm đạp lên đầu, lên thân mình

đám lính bị trúng tên, trúng đạn đang vật vã, la hét. Trong khi đó từng loạt, từng loạt hết tên đến đạn bắn vào đám giặc đang vón cục lại như lũ kiến gặp nước, và quân ta ào ào xóc tới.

Phải nói, từ ngày quân Mông-thát tràn vào Đại Việt tới nay, chúng có bị quân Trần đánh trả ở hầu khắp các mặt trận. Nhưng đây là sự bị động chống trả chứ chưa có một lần nào quân Trần tiến công qui mô và mãnh liệt như thế này. Chính vì lẽ đó mà lũ kiêu binh đâm hoảng sợ. Cũng bởi một lẽ khác, là chưa một lần nào chúng được các chủ tướng dự liệu đến tình thế này. Mà chỉ nghe. "Bất triều đình nhà Trần đem về Yên Kinh trị tội", hoặc "Đạp đổ thành trì, biến tông miếu thành gò hoang" và "Làm cỏ xứ này"...

Tuy vậy, với Lưu Thế Anh thì lại khác, y là một tướng dạn dày trận mạc. Và nữa y phải luôn luôn đối phó với đồng bào của y, đối phó với cả đám chủ mới người Mông Cổ nữa. Bởi lẽ đám chủ mới dù có dùng y làm tay sai thì chúng cũng vừa khinh, vừa canh chừng. Nay đem quân đến đánh dẹp một xứ sở, tổ tiên y vẫn coi là đất phen dậu, là man di. Nhưng sao cái đám man di này nó buớng binh mà quật cường làm vậy. Nhớ triều Nam Tống, thời Tống Nhân tông, tướng Lý Thường Kiệt đã đem quân sang tận thành Ung Châu và Khâm Châu, giết và làm tan rã tới mười vạn quân của Tống thiên triều, rồi rút về êm ru, khiến tể tướng Vương An Thạch ứ đến hộc máu mồm.

Nhà Đại Tống của ta, Lưu Thế Anh tự nhủ, đất rộng mênh mông, kho người, kho của, vậy mà còn bị Hốt-tát-liệt đè bẹp, phải cam chịu dưới ách đô hộ của chúng. Thế nhưng người An Nam, nước nhỏ bằng cái bàn tay, dân cư lèo tèo mà dám chống lại thiên binh của nhà Đại Nguyên thì cũng là sự lạ. Chính vì sự lạ ấy nên lúc nào Lưu Thế Anh cũng nơm nớp canh chừng, phòng bị. Bởi vậy, khi quân Đại Việt tiến đánh, quả có làm cho y bất ngờ, song không phải trung quân của y đã rơi ngay vào tình thế trở tay không kịp. Thế nhưng đại quân của Lưu thì đã hỗn loạn không còn điều khiển được nữa. Ấy cũng bởi các viên tướng Thát-đát vốn tự phụ, coi thường quân Đại Việt, coi thường cả y là người Hán mà được cất nhắc tin dùng. Và vì thế việc phòng bị có phần lơ là. Từ đại bản doanh Lưu Thế Anh đã phát ra bao nhiêu mệnh lệnh, nhưng các tướng đều mạnh ai nấy chạy. Cuối cùng, Lưu Thế Anh cũng co cụm được một số quân hộ tống cho y rút chạy.

Bôn-kha-đa, viên tướng kỵ binh béo ị, không kiếm nổi cho mình một con ngựa, y gằm réo thuộc hạ tựa như một con bò điên. Và rồi y cũng lao vào đám quân hỗn loạn cùng lũ ngựa đang dầm dề, đang hụp lặn trong nước, lửa. Bốn mặt, chỗ nào cũng có lửa cháy rừng rực, chạy nẻo nào cũng gặp tên bắn như mưa. Lính tráng, ngựa nghèo đờn chết đờn bị thương nằm ngổn ngang, ùn tắc, giày xéo lên nhau.

Quân Trần kéo đến mỗi lúc mỗi đông, xiết chặt vòng vây trùng trùng điệp điệp không cho giặc thoát bằng đường bộ nhưng lại để hở phía mặt sông.

Trống thúc, chiêng khua, pháo nổ, quân reo hò dậy đất, khiến lũ giặc càng hoảng loạn. Và chúng ủa cả ra cánh đồng nước trắng băng. Chúng lội bì bõm như lũ chuột đồng, để tìm đường thoát tới nơi các chiến thuyền đang neo đậu.

Hung Đạo thân dẫn chu sư có Yết Kiêu, Dã Tượng là hai viên tì tướng dũng mãnh theo hầu, đang chẹn cứng dòng sông trên thượng lưu.

Phía hạ lưu, Nguyễn Thế Trục, cũng dẫn một thủy đội mạnh đang đánh ngược lên. Tiếng hô "Sát Thát" như những mũi dùi nhọn hoắt đâm vào tim óc giặc. Sóng cồn lên những đợt dữ dằn, khiến lũ giặc tưởng như quân Đại Việt đang dựng ngược dòng sông ụp xuống đầu chúng.

Thấy hạ lưu bị chặn, quân lại vào bằm phía thượng lưu yên tĩnh, chỉ có những đồng lửa đốt rải rác hai bên bờ sông, Lưu Thế Anh không thể nén giấu được nụ cười.

Bộ tướng của y thấy tình thế cấp bách mà y vẫn cười được, bèn hỏi:

- Còn chưa nguy kịch sao, thừa chủ tướng?

- Hung Đạo, người ta cứ đồn ông ta dùng binh như thần, nay mới thấy đó chỉ là ngoa truyền. Các tướng hãy nghe lệnh ta - Đại đội binh thuyền, tất cả ngược Thăng Long!

- Chủ tướng không nghe thấy Hung Đạo đã đốt lửa nghi binh hai bên bờ sông đó sao? Nhất định phải có quân phục. Ta chớ nên mắc vào quỷ kế của ông ta - Các tướng lĩnh đều xúm vào can.

Lưu Thế Anh nghiêm mặt:

- Các người đọc binh pháp không hơn một con vẹt. Đốt lửa, phục quân, đó là kế Khổng Minh dùng để bắt Tào Tháo trên Hoa Dung tiểu lộ, các đời sau ai chẳng biết. Đây là cách Hung Đạo đánh vào cân não ta. Kỳ thực ông ta cho đại quân phục ở hạ lưu. Vì sao lại như vậy? Vì rằng nước đang xuống mạnh nếu ta xô chiến thuyền vào đuổi họ, chỉ cần họ chằng dây cản trên mặt sông hoặc đóng cọc ngầm, là các chiến thuyền của ta lao vào nhau nát vụn như tương. Còn như ta ngược Thăng Long, tức là ngược nước, ngược gió, gian khổ biết chừng nào. Nhưng đó lại là kế an toàn, là thượng sách. Hung Đạo sao lừa nổi ta. - Dứt lời, mặt Lưu vạn hộ vênh lên.

Các tướng ai cũng phục Lưu tướng quân thật là người cao kiến, và răm rắp đốc thúc quân xuống thuyền. Thật ra, xuống được thuyền cũng không phải là chuyện dễ. Bởi cả quân bộ, quân kỵ đều chạy dạt về thủy trại và cùng xô nhau xuống thuyền. Thuyền đắm tại bến khá nhiều. Lưu Thế Anh lại phát lệnh.

"Quân bộ quân kỵ không được xuống thuyền, mà phải đi trên bờ sông để thủy bộ dựa vào nhau, yểm trợ cho nhau."

Quân thám về bằm: "Giặc đang thủy bộ cùng rút ngược dòng sông về nẻo Thăng Long". Hung Đạo cười thầm: "Thế là ta đã lừa được con cáo già

này". Quốc công hạ lệnh:

- Các trạm đốt lửa làm hiệu hai bên bờ sông, cứ một khắc đồng hồ phải dời một dặm, ngược về thượng lưu. Ngài cũng hạ lệnh cho tướng Nguyễn Thế Trục ở phía hạ lưu phải bám sát giặc: "Quân kia rút đến đâu phải lập tức lấy chèo chắt khỏe căng trên mặt sông đến đấy. Lại phục sẵn các tay nỏ cứng, khi thuyền giặc quay mũi cứ nhằm thẳng vào những quân chèo lái mà bắn. Khi giặc rối loạn thì dùng tên bụi nhùi lửa bắn cháy thuyền, giặc tắt bỏ thuyền chạy lên bộ. Xa thì dùng cung, nỏ; gần thì dùng giáo, mác tiêu diệt giặc. Đánh hất chúng xuống sông, không được cho chúng ngoi lên bờ chạy trốn".

Thuyền giặc nhỏ, lính tranh nhau xuống nhiều, nên chiếc nào cũng khẳm mạn, lại ngược nước, ngược gió nên chúng di chuyển ì ạch như rùa bò.

Lưu Thế Anh tuy đã lường trước mạn thượng lưu không có mai phục, nhưng vẫn cho quân đi viễn thám. Cứ tới ba toán nối nhau đi, nhưng chưa có toán nào quay lại, y đã thấy gợn lo. Giữa lúc Lưu Vạn hộ còn đang băn khoăn thì cả ba toán viễn thám nối nhau quay lại, trước mũi thuyền chủ tướng, chúng đồng thanh hô:

- Bẩm chủ tướng, quan Trần sợ oai chủ tướng chạy trốn hết rồi.

Cả ba toán cứ thế xuôi gió xuôi nước kéo buồm về hạ lưu gặp tướng Nguyễn Thế Trục, truyền lệnh của quốc công. Chẳng là các toán quân viễn thám của Lưu Thế Anh đều bị quân của Yết Kiêu, Dã Tượng vây bắt gọn. Hưng Đạo tương kế tựu kế, cho lột hết áo quần của quân Thát, cả phù hiệu, cờ hiệu, ám hiệu, rồi cho đám người Tống lưu vong hiện đầu quân dưới trướng mặc vào; trao cho họ mật kế. Quả nhiên, Lưu Thế Anh và các tướng dưới quyền không may mắn nghĩ ngờ. Bởi từ mật khẩu đến mật lệnh không sai một ly, lại áo quần thuyền bè, khí giới đều y hệt lúc ra đi. Còn tiếng nói, thì người Tống nói tiếng Tống, thử hỏi còn sai quấy nỗi gì.

Lưu Thế Anh từ khi được các toán quân viễn thám về bẩm báo, y càng yên tâm: Hưng Đạo là một tướng xoàng.

Tới cuối giờ sữu, tiền quân của Lưu Thế Anh đã vượt qua hai trạm đốt lửa trên bờ sông, mà vẫn không thấy dấu hiệu gì tỏ ra có quân phục. Tít tận phía xa, lẫn vào với những vì sao lấp lánh, còn nhận ra vài trạm lửa leo lét. Điều đó không đem lại một cảm giác nghi ngờ nào cho Lưu Vạn hộ. Y đã toan lui vào khoang thuyền trong, nghỉ cho lại sức. Bỗng có một tiếng "ầm" to như tiếng sét, rồi kéo theo một chuỗi những tiếng nổ rền như sấm. Và rồi những con thuyền to như những con quái vật, cháy bùng bùng lao thẳng vào đoàn thuyền giặc rệu rã đang ì ạch ngược dòng. Tại hai bên bờ sông, quân phục của ta lại nhất loạt bắn bụi nhùi lửa vào đoàn thuyền giặc đang hỗn loạn.

Lửa cháy trên mặt sông mỗi lúc mỗi to, rực sáng cả một vùng trời. Từ hai bờ sông, quân ta nhìn xuống thuyền giặc rõ như ban ngày. Các loại song sào,

ngũ sảo pháo của ta bắn thẳng vào đám giặc đang chìm dần. Chúng kêu gào, rống thét nghe thảm thiết đến ghê rợn. Sông rộng, nước chảy xiết, đám giặc bị đắm thuyền toan ngoi vào bờ, nhưng thay vì từng đứa một tự bơi, thì chúng lại bám vào nhau chặt chẽ như một xâu cua bị đóng gông, để rồi tất cả đều chìm ngấm.

Tình thế hỗn loạn, cả đạo quân lớn của Lưu Thế Anh bỗng trở nên bời rời, vật vờ như lũ rắn không đầu. Các thuyền lửa của quân Trần vẫn thả xuôi dòng, nó chạy băng băng và chỉ dừng lại khi đã bị xô dòn và làm đắm làm cháy hàng loạt thuyền giặc. Và song sảo, ngũ sảo pháo cùng tên lửa bụi nhùi vẫn xối xả rót vào đám quân thất đảm kinh hồn kia. Như một sự tự nhiên, những thuyền giặc ở phía sau liền quay mũi xuôi theo dòng nước, chạy về hạ lưu.

Quân ta ráo riết truy đuổi và đồng thanh hô lớn:

- Bắt sống Lưu Thế Anh !

- Bắt sống Lưu Thế Anh!

- Bắt sống Lưu Thế Anh!...

Tiếng hô mỗi lúc mỗi to hơn gần hơn, thúc hồi như quân Đại Việt sắp nhảy vào thuyền mình bắt sống, khiến Lưu Thế Anh hốt hoảng. Lúc này y đã bỏ thuyền to, chui vào thuyền nhỏ, lẫn trong đám quân hỗn độn kia trốn chạy, phó mặc cho số phận.

Trong khi những người lính kỵ binh Mông Cổ không có ngựa, chúng phải chạy bộ cùng đám quân tân phụ người Tống. thất thủ đến gần nơi đang hỗn chiến, thì gặp quân ta phục đón từ lâu. Một phát pháo hiệu nổ xé trời, rồi tiếng trống đồng khua vang dội, quân ta xuất hiện như các thiên binh từ trên trời phái xuống. Đám tàn quân từ đêm đã mấy phen chết hụt, hết ngoi ngóp trên dòng nước ngập lụt, lại chạy bộ trên mặt đê trơn lầy. Nhất là những tên lính Thát- đất sức lực đã kiệt cùng từ mấy năm chôn chân trên đất Cham-pa, rồi những ngày oi bức lụt lội trên cái xứ An Nam khốc liệt này, đến nỗi bây giờ không một tên nào dám nghĩ đến việc chống cự nữa. Chúng nó xin hàng. Tất cả, cả quân Thát-đất, cả quân tân phụ đều ngoan ngoãn giơ tay chịu trời để được yên thân. Chẳng mấy chốc, trời đã rạng sáng, đoàn thuyền giặc cứ ùn ùn trôi về hạ lưu, tới lúc chúng lơ mơ nhận ra cờ xí Đại Việt giăng ngợp lòng sông, thì những con thuyền lửa vẫn tới tấp dồn đuổi chúng ở phía sau. Và những tiếng hô "Sát Thát" đầy hào khí vẫn riết bám đám tàn quân. Dưới hạ lưu bật vang lên tiếng trống đồng, trống cái, tiếng tù và hòa trong tiếng pháo, và những tên lửa bụi nhùi, tới tấp lao vào thuyền giặc, như lửa trời cao ụp xuống đầu chúng. Và rồi tiếng hét đồng thanh bật lên:

- Lấy đầu Lưu Thế Anh !

- Lấy đầu Lưu Thế Anh !

- L... ấy đ... ầu Lưu Thế Anh!

Tiền quân giặc bị chặn đánh bất ngờ, lâm vào thế rối loạn. Thuyền giặc vấp phải dây chèo của quân ta căng trong lòng nước, xô nhau gẫy đổ ầm ầm.

Những chiếc đi sau theo đà đâm vào chiếc đi trước chìm ngấm. Và cứ thế nối đuôi nhau có tới cả trăm chiến thuyền giặc chìm dưới đáy sông.

Quân ta truy đánh tới non trưa thì thuyền giặc quang vợi hẳn. Lũ sống sót kéo cờ hàng. Có cả ngàn tên bị bắt sống, nối đuôi nhau đi, mặt mày xám ngoét, ủ rũ, bơ phờ như lũ gà rù.

Trận đánh từ giờ tí đến giờ tị thì kết thúc. Hưng Đạo có lệnh không truy đuổi những tên giặc thoát chết đang trốn chạy; mặc cho chúng tìm về các doanh trạm quân Thát-đát chưa bị tiến đánh, để chúng gieo rắc nỗi hoang mang hãi sợ cho nhau.

Chư tướng lần lượt về báo tiếp, quan yếu nhất là thu được tám binh phù và cả mũ áo của Lưu Thế Anh.

Quốc công lấy làm tiếc đã để cho tên giặc này chạy thoát. Ông ngồi trên mình ngựa viết biểu báo tiếp, và dâng vật báu thu được của viên tướng thua trận lên hai vua.

Và ngay lập tức ông sai ngựa lưu tinh đem lệnh cho các vương ở Vạn Kiếp:

“Thủy quân giặc đã bị quét sạch ở A Lỗ. Nay Thoát-hoan không thể rút theo đường thủy về nước nữa. Hưng Trí, Hưng Hiến, các người đem hết quân bản bộ quét sạch giặc tại Vạn Kiếp, rồi chia quân đón đánh chúng trốn chạy trên triền sông Thiên Đức, Nguyệt Đức dọc theo đường thiên lý.

Nhận được mệnh này, các người phải lập tức thi hành. Chậm trễ trị theo quân lệnh. ”

A Lỗ bị tiêu diệt, các doanh trại lẻ tẻ trên đất Thiên Trường đều bỏ chạy hết về Trường Yên. Thiên Trường sạch bóng giặc. Và một dải dài chạy theo hai triền sông Cái, từ A Lỗ đổ lên gần bến Tây Kết, cũng không còn một doanh trại giặc nào đồn trú nữa.

Một ngày sau khi trận đánh diễn ra, xác giặc nổi kín mặt sông. Nước đang rút mạnh, cuốn xác giặc đi từng mảng như những mảng bèo vỡ tan tác, khiến thuyền bè không đi lại được.

Thăng Long Nổi Giận

CHƯƠNG 25

Lưu Thế Anh tháo chạy không kịp đem theo binh phù, ấn tướng, lại lột trút hết cả áo mũ đại thần và nhờ vào sức khỏe của mấy viên võ sĩ hầu cận nên mới thoát chết. Ba ngày sau y về đến Thăng Long, xin vào yết kiến Thoát-hoan.

Trần Nam vương miễn cưỡng tiếp viên Vạn hộ ngoài đại sảnh cung Thúy Hoa. Thoát-hoan mặt ửng, các cơ bắp của y đều nổi cuộn lên thành múi hình tròn. Mặt y bạnh ra, da nhầy nhờn, khiến ta có cảm giác như cái bộ mặt kia vừa được vớt ra từ chảo mỡ.

Trần Nam vương cười trần, giữa ức có một nam lông đen, bụng y phồng to như một cái trống, và chiếc rốn lõm sâu như một lỗ đáy. Vừa đi, y vừa gãi bụng, vừa kêu nóng.

Chợt thấy thái tử, Lưu Thế Anh vội quì mọp xuống sàn điện, miệng lắp bắp:

- Tội thần đáng muôn chết, xin Trần Nam vương soi xét.

- Người có tội gì. Thoát-hoan giọng mệt mỏi như người ngái ngủ. Bỗng y dụi mắt rồi nhìn Lưu Thế Anh từ đầu đến chân. Về hốt hoảng, Thoát-hoan hỏi: - Ủa sao người ăn mặc thế này? Người có còn là tướng của thiên triều nữa không? Mà sao bộ hạ người không có kẻ nào theo hầu? Hay là người...?

Lưu Thế Anh chợt nhìn lại bộ dạng mình thật là thiếu não. Đầu không mũ, chân không giày dép, y phục tồi tệ, rách bươm. Y thầm nghĩ: "Cũng lạ, lúc mới ra mắt Trần Nam vương, trong bụng ta rất lo lắng, sợ sệt. Mà sao vừa nghe giọng Trần Nam vương cất lên, ta lại thấy bình thản. Ta linh cảm nếu như Trần Nam vương giết ta, chắc ông cũng không thoát khỏi tay quân Đại Việt". Chợt nhớ chưa trả lời bề trên, Lưu Thế Anh rập đầu tâu:

- Xin Trần Nam vương tha tội, y nhắc lại lời kêu cầu lúc trước - Hưng Đạo lấy mất A Lỗ rồi - Thiên Trường mất rồi!

Cũng như Hốt-tát-liệt, Thoát-hoan chưa bao giờ chấp nhận sự bại trận, chưa bao giờ tha mạng sống cho tướng nào thua trận. Nhưng khác với thông lệ đó, Thoát-hoan mỉm cười, sai đám thuộc hạ đi triệu A-lí Hải-nha và Lý Hằng đến.

Lát sau, hai viên tả, hữu thừa đã có mặt và Thoát-hoan cũng đã khoác lên mình chiếc áo lụa bạch, do An Tư sai mấy tì nữ đưa tới.

Trông thấy bại tướng Lưu Thế Anh, hai viên tả, hữu thừa không những không ngạc nhiên mà còn mừng rỡ. Lý Hằng nói như reo:

- Mừng tướng quân đã trở về !

A-lí Hải-nha cũng mấp máy đôi môi:

- Mừng thoát chết.

Hữu thừa A-lí Hải-nha và tả thừa Lý Hằng không ngạc nhiên, là bởi có một số quân của Lưu Thế Anh chạy thoát về đây bẩm báo từ đêm qua. Vẫn nghĩ viên Vạn hộ hầu này với tài cầm quân thao lược, lại chuyên nghề đánh thủy, chắc không để trắng tay. Không ngờ ông ta trắng tay thật, mà thần khí xem ra đã bạc nhược.

Trước thái độ của các bộ tướng, Thoát-hoan chưa biết nên xử sự thế nào, y buông một câu nửa như là câu hỏi, nửa như là một thứ mệnh lệnh không rõ ràng: - Vậy chớ ta nên chém đầu người để răn các tướng, hay phải thăng thưởng cho viên tướng hèn nhất đầu tiên trong quân ta?

Dường như đây là điểm khởi đầu của cơn thịnh nộ.

Đúng lúc đó thì một lũ người nhếch nhác kéo vào sân điện. Đi đầu là tướng Bôn-kha-đa, tiếp theo là Tang-gu-tai, Giảo Kỳ... và vài chục tên quân rách rưới theo sau. Lũ bại tướng này ăn mặc cũng từa tựa như Lưu Thế Anh. Tất cả đều sụp lạy, và không nói một lời.

Thoát-hoan chưa hết căm giận Lưu Thế Anh, đã chột thấy hoang mang. Y hỏi, giọng đau đớn:

- Sao đến nông nổi này, các người nói ta nghe. Thôi, đứng dậy, không phải quì nữa.

Lưu Thế Anh, viên tướng được Thoát-hoan tin cậy ủy thác cho coi sóc cả một đạo quân lớn, trấn giữ một vùng quan yếu có quan hệ đến sự mất còn, sự thành bại của đại cuộc. Vậy mà y đã để mất sạch, khiến đại quân của Thoát-hoan đang từ thế thắng, thế bao vây chuyển sang thế bị bao vây, thế thua. Và như vậy thì cái mộng làm vua xứ này, cái mộng vương bá đã được vương phụ nhen nhóm cho, bỗng chốc lụi tàn. Chỉ riêng điều đó thôi, cũng đủ làm cho Lưu Thế Anh lên đoạn đầu đài. Và biết đâu, nếu thiên tử nhà Đại Nguyên nổi giận, thì cửu tộc nhà họ Lưu bị chu di cũng là chuyện thường tình.

Lưu Thế Anh khúm núm giải bày, nào là thủy thổ bất phục, người, ngựa ốm tới quá nửa. Nào là nắng dãi, mưa dầm quân lính bị cầm chân trong nước không tập luyện được. Nào là thiếu lương, thiếu cỏ, thiếu thuốc, thiếu cả từ cọng rau, con cá bởi người Nam đã dùng kế "thanh dã". Nào các tướng lơ là thiếu tận tâm. Điều này y muốn đổ tội cho mấy viên tướng Thát-đát, như Bôn-kha-đa, Tangutai...

Lưu Thế Anh nói chưa dứt lời thì các viên tướng Thát-đát gầm lên. Chúng nhất tề đổ lỗi cho Lưu Thế Anh chuyên quyền, độc đoán dẫn đến sơ hở để Hưng Đạo tiêu diệt gần hết một đạo quân hùng hậu, trong đó có cả đội kỵ binh bất khả chiến bại, mà thiên tử đã ưu ái ban cho Trần Nam vương. Mấy viên bại tướng cứ gân cổ đổ lỗi cho nhau khiến Thoát- hoan sôi máu, y

đập án quát:

- Các người không câm họng, ta chém đầu tất cả. Thân làm tướng của thiên quốc, thiên tử ban cho các người tước cao, lộc hậu, các người đã làm nhục mệnh trên, để thua cả bọn man di, sao không biết hổ thẹn mà còn về tranh cãi trước ta. Tội các người, lãnh án chém vẫn còn nhẹ.

- Quân đầu! Thoát-hoan hét gọi. Mặt y đỏ như mặt trời, hai bàn tay run rẩy như người mắc chứng kinh phong.

- Dạ ! Viên đô tổng quản đội quân cấm vệ bước ra, nghiêm trang chờ lệnh.

- Người đem tất cả lũ kia ra chém, bêu đầu trước cửa thành ba ngày, để làm gương cho những kẻ làm tướng nhát hèn. Vừa nói, Thoát-hoan vừa chỉ vào đám bại tướng đang run cầm cập. Mặt chúng tái mét đưa mắt nhìn A-lí Hải-nha và Lý Hằng cầu cứu.

Lý Hằng đưa mắt ra hiệu cho A-lí Hải-nha như thầm nói: - Ông xin cho họ đi. Rồi tôi sẽ phụ họa thêm vào. Ông là chỗ thân cận với Trần Nam vương. Vương nể ông hơn là nể ta.

A-lí Hải-nha trả lời qua ánh mắt và cái gật đầu. Đại loại: - Lũ hèn nhát này không giết để làm gì. Nhưng thôi, ta sẽ vì tình đồng loại mà xin cho chúng. Nghe Trần Nam vương xuống lệnh, viên đô tổng quản cảm như có tiếng sấm nổ rền ở trong đầu, y không còn tin vào tai mình nữa.

Giữa lúc đô tổng quản còn đang phân tâm chưa kịp nhận lệnh, thì A-lí Hải-nha bước ra tâu:

- Xin Trần Nam vương bớt giận. Đúng là tội của Lưu Thế Anh đáng chết. Nhưng trong khi giao chiến, thì thắng thua là việc thường của nghiệp làm tướng. Nếu cứ mỗi lần thua trận, lại chém tướng nhà thì kẻ thù của ta được nhân đôi chiến thắng, mà bên ta thì cả quân cả tướng đều nản lòng. Chi bằng nhân cơ hội, Trần Nam vương rộng lượng tha cho họ, để họ lập công chuộc tội - Liếc nhìn, thấy gương mặt Thoát- hoan có phần dịu lại, A-lí Hải-nha nói tiếp:

- Vả lại xin Trần Nam vương lưu tâm, tội lớn nhất thuộc về đám vua tôi nhà Trần. Họ đã cả gan chống mệnh của thiên tử khiến ngài nổi giận cử đại binh sang thảo phạt. Thái tử phải thân chinh mà họ vẫn còn ngoan cố chống lại. Không những thế, Hưng Đạo còn dùng quỷ kế chỉ một trận đã phá tan thủy binh của ta, lột hết cả thủy trại của quân ta trên một chiến trường trải dài mấy chục dặm, khiến đại quân của ta bỗng rơi vào thế lơ lửng.

A-lí Hải-nha vừa dứt lời, Lý Hằng bước ra xin nói: - Tâu Trần Nam vương, các tướng của ta đều đã dạn dày chiến trận, nhưng vẫn bị thua Hưng Đạo, là bởi người Man họ sống theo cách của họ, họ đánh cũng theo cách của họ. Về bộ binh, thủy binh họ không theo cách đánh của Tôn Vũ, Ngô Khởi. Về kỵ binh, họ không tuân theo cách đánh của các binh gia Đại Hãn hoặc của Vũ hầu Gia Cát.

Thoát-hoan đã có vẻ chú ý lắng nghe các tướng phân trần, Lý Hằng lại tiếp:
- Tâu, Trần Nam vương hãy xem, khi đại quân của thiên triều đánh vào xứ này, lúc ấy là mùa khô. Nếu như họ bày trận nghênh chiến, thì kỵ binh nhà Đại Nguyên chỉ một trận cũng phá nát nước này. Nhưng họ đã lẩn trốn, tới khi mưa lũ, nước ngập trắng trời, người, ngựa của ta đều khoanh tay thúc thủ, thì họ lại ra quân đánh lén. Ấy là chưa kể thời khí nóng ẩm, làm quân ta ốm đau bệnh tật. Thử hỏi, họ đánh như thế, khác nào nhằm vào lúc nhà người ta có tang xua quân đến cướp, phá. Lưu Vạn hộ cùng các tướng dưới quyền bị giặc đánh trong cảnh ngộ như vậy, hèn gì không thất thủ. Xin Trần Nam vương lượng tình gia ân. Cũng mong Trần Nam vương tâu xin thiên tử, phái thêm quân sang làm cỏ xứ này, bắt cho kỳ được vua tôi nhà Trần về trị tội thật nặng.

Sắp phải mất đầu, nhưng nghe Lý Hằng biện bạch gỡ tội. Lưu Thế Anh không khỏi bật cười. Y tự nhủ: gã này khinh Trần Nam vương đến thế là cùng. Phải nói Hưng Đạo và quân Nam đã phát huy được thế mạnh sở trường của họ. Tức là họ lựa đúng lúc cái sở trường và sở đoản của mỗi bên đều ở vào đỉnh điểm. Dùng được cái mạnh sở trường, lại tiến công vào lúc đối phương yếu nhất, bất ngờ nhất thì họ đã thủ thắng tới chín chục phần trăm. Ấy là chưa kể đến thời khí, là đội quân yểm trợ vô hình vĩ đại, chỉ giúp cho phía họ. Họ thắng là phải. Ta biết, nhưng không đối phó được, là bởi các tướng dưới quyền không chịu nghe ta, mà còn coi thường đội quân của người Nam nữa, cho nên quân thiên triều phải chuốc lấy phần đại bại là xứng đáng.

Nghe các tướng bày tỏ, thấy xuôi tai, Thoát-hoan liền phán:

- Nể mặt các viên tả, hữu của ta, nên lần này ta tạm tha tất cả. Các người phải lo lập công chuộc tội. Nếu còn để thua trận, mất quân mất đất nữa, ta sẽ cộng tội mới với tội cũ trị nặng gấp đôi.

Các tướng được thoát chết, rồi rít lấy tạ rồi lui hết ra ngoài. Trong cung chỉ còn Thoát-hoan và hai viên cận thần tả hữu thừa. Bất chợt A-lí Hải-nha lên tiếng:

- Trình chủ tướng, tình thế nguy ngập lắm, xin chủ tướng cho ý chỉ kéo nước đến chân muốn nhảy thì đã muộn.

Lý Hằng cũng nói thêm:

- Chủ tướng nên sớm dời đại bản doanh sang bờ bắc sông Cái để tiện bề đối phó với Hưng Đạo.

Thoát-hoan trừng mắt nhìn A-lí Hải-nha và Lý Hằng:

- Ta không ngờ các ông lại bạc nhược đến thế. Ráng chờ qua hạ sang thu, người ngựa hồi phục, lương thảo được chở sang, lại có thêm mười lăm vạn viện binh, ta sẽ bắt sống cha con Nhật Huyền và Hưng Đạo. Ta thề với các người, sẽ lột da Hưng Đạo căng mặt trống. Ta đã năn nỉ xin thiên tử cho

thêm hai chục vạn quân nữa, nhưng phụ vương ta chỉ hứa cho có mười lăm vạn. Tiếc rằng quân gửi sang quá trễ, nếu không ta đã vật lòng Hưng Đạo từ lâu rồi.

Lý Hằng nhìn A-lí Hải-nha như muốn bảo: "Sao ông không khuyên thái tử đi".

A-lí Hải-nha chưa kịp nói thì Thoát-hoan đã cất vắn:

- Ta thấy hai người đang cùng lo lắng một điều gì. Có phải thế chẳng?

- Dạ thưa Trần Nam vương, quả là chúng thần đang lo lắng lắm - A-lí Hải-nha đáp.

- Điều chi vậy? Thoát-hoan mỉm cười vẻ như giễu cợt.

- Dạ. Hưng Đạo và quân Trần sắp đồng loạt tiến công quân ta, tiến công vào Thăng Long.

- Trời ơi ! Ta không còn muốn nghe các người nói nhảm nữa. Mới mất có một khu doanh trại với chưa đầy hai vạn quân mà đã hoang mang sợ giặc.

Đúng là các người chỉ thích vẽ ma ra để dọa nạt nhau. Hưng Đạo chẳng qua ăn may nhờ vào nước lụt, cướp trại của Lưu Thế Anh thôi chứ, tài nghệ sao bằng Lưu Vạn hộ của ta. Cứ để ông ta nghỉ một vài bữa, rồi ta cho quân đi mà đánh phục thù. Thôi, nếu không còn gì để nói thì các người về đi.

Hai tướng lui thối ra về thì gặp mấy đứa nữ tì, mặt hoa da phấn đẹp như tiên, đang ngấp nghé phía ngoài cửa.

A-lí Hải-nha lườm mấy đứa hầu gái. Y nhìn như muốn băm nát họ ra. Hai người lững thững trở về quân doanh, vừa đi họ vừa trò chuyện.

Lý Hằng nói:

- Hữu thừa tướng quân có thấy, từ khi con yêu tinh Đại Việt nhập cung, thời ý chí của chủ tướng cứ nhụt dần.

A-lí Hải-nha đáp:

- Tả thừa nói chí phải. Chủ tướng suốt ngày đêm đắm chìm trong sắc dục. Tôi đã mấy lần mời chủ tướng đi thám sát rồi định lừa giết con yêu nghiệt, mà ông không chịu rời nó nửa bước chân.

Lại nói về phía quân ta. Sau khi Hưng Đạo phá tan thủy trại lớn nhất của giặc, thế quân ta nổi như sóng cồn, trong quân sôi sục khí thế "Sát Thát". Dân binh khắp nơi chặn đánh giặc không cho chúng đi tìm rau, tìm cỏ, tìm lương thực trong các thôn ấp, khiến giặc càng khôn đói. Tại Châu Ái, dân binh nổi lên nhất loạt tiến công các trạm, trại giặc. Toa- đô phải lật đật từ Trường Yên vào cứu. Đúng lúc Tĩnh Quốc đại vương dẫn quân từ Hoan Châu đánh thốc ra. Toa- đô bị thiệt hại nặng không trụ được, phải bỏ đất tháo chạy về Trường Yên. Dọc đường quân Toa- đô cuốn rút, bị dân binh trong các hương ấp phục đánh, chúng không dám dừng lại chống cự, nên bị chết khá nhiều. Tính ra, ba vạn quân Nguyên đóng trên đất Ái Châu, chạy về đến Trường Yên không còn nổi bảy ngàn tên. Toa- đô sai đóng cửa trại canh

phòng cẩn mật. Và dọa, tướng nào xin mở trại ra đánh nhau với quân Trần, sẽ bị chém bêu đầu.

Như đã nhận trước quốc công tiết chế và các tướng lĩnh trong cuộc nghị bàn kế sách phản công giặc, Trần Nhân tông phái tiền quân theo đường núi đi tắt về Trường Yên, còn nhà vua thân dẫn chu sư đi đường biển đánh thẳng vào cửa Thần Phù. Như vậy sẽ cô lập giặc giữa Trường Yên và Thanh Hóa, không ứng cứu cho nhau được.

Thế nhưng, nhà vua chưa ra đến cửa Thần Phù, cũng như tiền quân của ngài chưa vượt qua cửa quan Tam Điệp, thì giặc đã bị đánh tan ở Thanh Hóa, và chạy về chốt chặt trong Trường Yên.

Vài ngày sau, hai cánh quân thủy bộ do Trần Nhân tông chỉ huy đã áp sát Trường Yên. Toa-đô nhất định không chịu "miễn chiến bài".

Trong khi đó quân báo tiếp của quốc công tiết chế Hưng Đạo vương, chạy như đèn cù mới tìm được hai vua. Đọc xong biểu, thượng hoàng Trần Thánh tông nở nụ cười rạng rỡ. Có lẽ từ ngày giặc Thát rục rịch vào cõi tới nay, đây là lần đầu tiên mọi người được thấy niềm vui bộc lộ nơi thượng hoàng. Đọc xong, ngài chuyển tờ biểu cho quan gia, rồi tự tay ngài mở hòm chiến lợi phẩm do Hưng Đạo gửi về.

Vừa đọc biểu, đức Nhân tông vừa liếc nhìn vua cha mở hòm đồ. Bỗng thấy chiếc mũ và đai áo đại tướng của Lưu Thế Anh, cả hai cha con cùng reo lên sung sướng. Và dường như cùng một lúc, hai vua đồng thanh nói câu này: "Thế là Hưng Đạo đã lập được công đầu".

Một ý nghĩ chợt lóe ở trong đầu, Trần Nhân tông vừa cầm cái đai áo của Lưu Thế Anh vừa nói - Tâu phụ hoàng, con trộm nghĩ, hay là ta đưa các thứ này vào trong thành cho Toa-đô coi thử.

Thoáng ngần ngừ, Trần Thánh tông đáp:

- Quan gia cứ để ta cân nhắc đã.

Tin báo tiếp đưa về dồn dập. Nhân tông thấy lòng mình thôi thúc, nhà vua không thể kìm nổi sức trai tráng lại cứ ở lì đây mà hãm thành Toa-đô. Ngài tự nghĩ: Dăm bảy ngàn quân thất trận tụ họp lại, ta có cố sức đánh quí chúng cũng chẳng ích gì. Chi bằng ta dùng thể thượng phong thừa thắng đánh lên Tây Kết, Hàm Tử, Chương Dương rồi vào thẳng Thăng Long.

Một khi Thoát-hoan bị đánh đuổi khỏi Thăng Long, Toa-đô và bè lũ cố thủ tại Trường Yên, có nghĩa là chúng tự nguyện xin làm tù binh rồi, cần gì phải đánh.

Vì vậy Nhân tông chỉ để lại vài đô quân hợp lực với dân binh bao vây thành Trường Yên. Còn đại quân giao cho Chiêu Thành vương, Hoài Văn hầu làm tả hữu tướng quân, lập tức lên đường tiến đánh Tây Kết. Trước đó, nhà vua đã cử tướng Nguyễn Khoái lĩnh án tiên phong, dẫn chu sư về Tây Kết.

Nhân tông dặn các tướng kỹ càng: - Tây Kết là cửa ngõ của Thăng Long.

Cũng như A Lỗ là tiền đồn của Thiên Trường, Long Hưng. Vì vậy quốc công đánh tan Lưu Thế Anh ở A Lỗ, lập tức giặc phải bỏ Thiên Trường và cả một dải mây chực dậm áp sát Tây Kết. Nay ta phá giặc ở Tây Kết, thời Thăng Long kể như ngỏ cửa. Vậy các tướng phải cùng binh sĩ dốc lòng đánh giặc.

Quân ta thủy bộ tiến vào Tây Kết, đánh vỡ mặt giữa ban ngày. Giặc không ngờ quân ta tiến nhanh và táo bạo đến thế. Các trại giặc đóng trên bờ bị song sảo, ngũ sảo pháo của ta từ xa rót tới. Quân bộ ào theo đánh xáp lá cà. Giặc vừa mới, vừa kêu ngạo nay bị tiến công mãnh liệt trở nên hoang mang, rối loạn. Chúng vừa đỡ vừa chạy về phía các trại quân thủy. Trong khi thủy đội của giặc đã bị quân ta áp sát. Ta dùng thuyền lớn, quân khỏe vây chặt giặc trên mặt sông rộng. Nổ cứng tên nhọn của quân ta bắn như mưa vào thuyền giặc đang hỗn loạn quay cuồng ở giữa ngã ba sông. Vòng vây ngày càng thít nhỏ lại. Trong khi trống đồng, trống cái, chiêng, cồng, tù và hồi thúc tạo thành một sóng âm nhọn hoắt xoáy vào tim óc quân thù, khiến giặc càng thêm hoang mang, hoảng loạn.

Quân ta đang xiết vòng vây thì có đội khinh thuyền rẽ nước như bay, tiến về phía sau thuyền ngự. Tưởng giặc dùng thuyền nhỏ đánh tập hậu, nhưng nhìn kỹ hiệu cờ lại là tiểu tướng Hoài Văn.

Thuyền vừa áp mạn, Hoài Văn sai quân bung chiếc hòm đầu lâu giặc sang dâng quan gia.

Quốc Toản thưa:

- Tàu thánh thượng. Toa-đô vẫn giấu mình trong trại Trường Yên, khi nhận được mũ, đai áo và binh phù của Lưu Thế Anh, y hoảng sợ, đang đêm mở đường máu chạy. Y lại kiếm được thuyền, mưu trốn về Thăng Long bằng đường thủy.

- Hẳn là y không biết quân ta đang đánh Tây Kết. Nhân tông nói.

- Dạ đúng như vậy, y đã bị đội thủy binh tuần thám của ta bắt được. Các tướng đã chém đầu, lấy được cả binh phù của y, thần lập tức đem dâng để bệ hạ phán quyết.

Nhà vua vén tay áo mở nắp hòm gỗ. Chiếc hòm đựng tên của dân binh đóng rất sơ sài. Khi ngài vừa kéo miếng vải che mặt y, máu vẫn còn rỉ ra đỏ nhòe đầy hòm. Nhân tông không để lộ nét buồn vui, nhà vua nói thông thả:

- Ta có lời chào nguyên soái. Nguyên soái đến thăm nước ta không hợp đạo trời, nên kết cục thật là bi thảm. Rồi với vẻ thương hại, ngài bảo: "Người làm tôi phải như thế này". Và với tấm lòng bác ái, ngài cởi tấm ngư bào đang mặc, đắp phủ cho Toa-đô, sai quân đem liệm chôn viên tướng giặc. Nhân tông ủy lạo tiểu tướng Hoài Văn hầu cùng đám sĩ tốt. Nhà vua hứa: "Đẹp xong giặc dữ, ta sẽ ban thưởng cho toàn quân".

Báo tiếp xong, Trần Quốc Toản lại dẫn quân lao vào trận. Từ xa chàng đã

thấy hiệu cờ của thúc phụ Chiêu Thành vương, dẫn đầu chiến thuyền xông thẳng vào đám giặc đang quay cuồng, như một đồng lá bị cuốn vào trung tâm vùng nước xoáy. Vòng vây đã khép kín. Tiếng hô "Sát Thát" vang khắp mặt sông. Quân ta nhảy ủa sang thuyền giặc đánh xáp lá cà. Lúc này nỏ, giáo đều không dùng được nữa, mà phải sử đao, búa hoặc túm lấy giặc mà đùn, đẩy xuống sông. Có khi một lính ta co kéo tới bốn năm tên giặc lặn ùm cả xuống nước. Một lát, chỉ thấy tăm nổi lên, rồi quân ta cũng tìm được cách ngoi lên. Còn quân Thát, đâu có quen về sông nước để có thể bơi lặn mà ngoi lên được.

Mặt trời đứng bóng. Nắng như xối lửa. Lũ đã bớt cường, nhưng nước vẫn còn mênh mang, mặt nước ngầu đỏ. Chẳng hiểu đó là phù sa hay máu giặc. Quốc Toàn dẫn quân đánh dần vào. Giặc lùi, lùi mãi. Xuôi nước, hai bên cứ co kéo theo dòng chảy. Bỗng phía trước vòng vây giãn ra, tướng Nguyễn Khoái cho thuyền chạy xé vào bờ bãi Mạn Trò. Theo đà hút cả binh thuyền giặc ở phía sau. Quân ta nhanh chóng bỏ thuyền nhảy hết lên bờ. Thuyền quân ta trở thành một chiến hào nổi. Thuyền giặc lao theo không hãm được, xô vào dãy thuyền bỏ trống của quân ta, khiến thuyền giặc vỡ, gãy và chìm nghim chôn theo hàng ngàn tên lính dưới đáy sông.

Chiêu Thành vương, Trần Quốc Toàn dồn đám giặc còn sống sót lên bờ. Trong bãi rậm rạp đầy lau sậy, cỏ lác, quân ta đã phục chờ. Trận giao chiến cuối cùng của mặt trận Tây Kết xảy ra trên bãi Mạn Trò. Đây là trận Nguyễn Khoái, Chiêu Thành vương, Trần Quốc Toàn quyết đánh trả thù cho người anh hùng Trần Bình Trọng, cách đây đúng 5 tháng đã bỏ mình trên doi đất này. Quân ta đánh quyết liệt, giặc không chống đỡ được, cũng không chạy được. Vì vậy kẻ nào không chịu hàng tất phải bỏ mạng. Biết không chạy thoát, dù chỉ còn vài chục dặm nữa tới Thăng Long, nhưng tổng quản nhà Nguyên là Trương Hiến buộc phải đầu hàng. Mặt y xám ngoét, hai tay run run bê chiếc mũ Tổng binh cùng thanh gươm và ấn tướng, trao tận tay quân ta.

Tới nửa chiều thì giặc tan. Chiến trường lặng ngắt, không một âm thanh. Trên mặt sông lập lòe trôi những cán giáo gãy, những áo quần, cờ xí, những mảnh buồm, những ván thuyền, và đó đây những chiếc thuyền chìm còn thoi thóp lên chiếc cột buồm đơn côi, như những nén hương không lò cắm rải khắp một quãng sông dài, tựa như một bãi tha ma dưới nước. Và dòng sông đỏ lựng màu máu cứ lững lờ trôi xuôi.

Như đã cam kết theo quân lệnh, Thượng tướng Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật đánh vào trại giặc ở cửa quan Hàm Tử. Thượng tướng Thái sư Chiêu Minh vương Trần Quang Khải đánh vào Chương Dương, rồi tất cả hội quân đánh vào Thăng Long, bắt Thoát-hoan phải đền tội.

Khi quân ta đại thắng ở Tây Kết, Thăng Long trở nên rối loạn. A-lí Hải-nha,

Lý Hằng, Lý Quán, Bôn-kha-đa, Triệu Tu Kỳ, Lưu Quốc Kiệt, Bột-la-cáp-đáp nhĩ, Trình Bằng Phi, Lưu Thế Anh, Giảo Kỳ, Tang-gu-tai... vô cùng lo lắng. Tất cả đều kéo vào cung Thúy Hoa ép Thoát-hoan phải tính chuyện đối phó với quân Trần.

Mở đầu, A-lí Hải-nha nói:

- Giặc vừa lấy mất A Lỗ. Trần tuyển chưa vá lại được thì chúng lại lấy nốt Thanh Hóa, Trường Yên. Nguyên soái Toa- đô, tướng tâm phúc của thiên tử bị mất đầu. Một ngày sau, ta lại mất luôn Tây Kết, tổng quản Trương Hiền buộc phải ra hàng. Hiện nay quân Nam đang gấp rút tiến đánh Hàm Tử, Chương Dương. Thăng Long không những bị uy hiếp mạnh, mà còn bị đe dọa tiến công trong sớm tối. Vậy xin Trần Nam vương liệu định.

Nghe A-lí Hải-nha nói, Thoát-hoan ngây mặt ra. Y bực bội, muốn cùng Trần Hưng Đạo quyết đấu một trận, chứ không để cho quân Nam lấn át quân thiên triều mãi. Tuy nhiên, Thoát-hoan còn muốn nghe các tướng bẩm báo. Y vẫy tay ra hiệu cho các tướng nổi lời.

Bôn-kha-đa nói:

- Ở đây không đánh được đâu, kỵ binh của ta đưa vào đầm lầy, vào sông nước là thất sách. Đường huyết mạch của quân ta là chẹn giữ các cửa sông, các ngã ba sông lớn. Nhưng quân ta không quen thủy thổ, không thạo bơi lội, đánh nhau thuận bất lợi.

Tả thừa Lý Hằng tiếp lời Bôn-kha-đa:

- Tình thế quân ta thật bi đát. Lúc này không thể nói chiếm lại các đồn ải đã mất. Mà phải lo sao giữ được Thăng Long. Nếu không phải lập tức lui về phía bắc sông Cái, đề phòng giặc đánh bất ngờ. Thứ nữa là phải giữ lấy hai con đường huyết mạch để đón viện binh, hoặc bất đắc dĩ phải lui binh thì cũng rút được an toàn. Tức là đường bộ từ đây tới Lạng Châu qua cửa quan Khâu Ôn, Khâu Cấp nối với Tư Minh. Đường thủy từ các sông Nguyệt Đức, Nhật Đức, Như Nguyệt xuôi về Lục Đầu Giang, qua cửa Bạch Đằng tới cảng Vân Đồn rồi ra biển.

- Đường thủy tắc rồi - A-lí Hải-nha ngắt lời Lý Hằng. Y giơ lên bức điệp vừa nhận được và nói - Các con của Hưng Đạo lấy mất Vạn Kiếp đêm qua rồi. Quân ta tan tác chạy cả về Nội Bàng. Phải bỏ Thăng Long thôi, xin chủ tướng quyết sớm đi.

Thoát-hoan lòng lộn như một con hổ bị hãm chuồng. Y bực mình hét toáng lên:

- Cái xứ quỷ quái không có được mảnh đất bằng phẳng, khô ráo để quyết đấu. Ta chẳng thèm làm vương làm bá gì ở đây nữa, nhưng phải bắt bằng được Hưng Đạo về trị tội mới hả - Nhìn khắp mặt tướng lĩnh, y lại quát - Sao các ông hèn thế, ta không thấy tướng nào dám khai khẩu bàn việc đánh, thuận chỉ có lui. Ta không muốn nghe nữa, các ông cút đi!

Thoát-hoan xô đổ bàn ghế rồi quay vào hậu cung. Các tướng lui thủi ra về. A-lí Hải-nha, Lý Hằng bàn với nhau:

- Phải rút dần quân qua sông Cái, giữ vững con lộ thiên lý từ Thăng Long đi Lạng Châu. Ngay đêm nay phải rút hết quân ở Hàm Tử về hợp trấn với Chương Dương, chẹn đường giặc vào Thăng Long, nếu không sẽ mất tất cả, cả Thăng Long.

Hàm Tử vốn là một trại quân lớn, nó là chiếc áo giáp che chắn cho Thăng Long, nên Thoát-hoan phái những đơn vị đã dạn dày chiến trận cùng các tướng sừng sỏ tới trấn. Ít bữa nay quân thất trận dồn về, quả có làm cho tinh thần binh sĩ động dao. Nhất là đám quân ốm yếu còn tỏ ra lo sợ nữa. Nhưng các viên chiêu thảo Nạp-hải, A-thâm, Xa-tác-tai đã đến từng đô quân Thát-dát thăm hỏi, nhằm lấy lại khí thế lúc mới xuất chinh. Các viên vạn hộ Lý Bang Hiến, Triệu Tu Kỷ, Lưu Quốc Kiệt... cũng xuống tận các đô quân tân phụ, vừa vỗ về, vừa thăm hỏi sĩ tốt.

Từ bữa mất A Lỗ, lại mất luôn Tây Kết, Thoát-hoan như người ngủ mê chợt tỉnh. Y thấy tình thế quả thực nguy hiểm. Đúng như lời các tướng nói, nhưng vì quá giận nên Thoát-hoan không thừa nhận. Bây giờ lực lượng được tăng cường, tướng soái dạn dày trận mạc cũng đưa thêm về Hàm Tử, Thoát-hoan tạm yên tâm. Dù sao thì thái tử nhà Đại Nguyên cũng không thể hiểu nổi, việc viên tổng quản Trương Hiến đầu hàng Trần Hưng Đạo. Phải chăng quân An Nam mạnh tới mức khiến quân thiên triều khiếp nhược, phải ra hàng. Quả thật từ trước, ta chưa nghe nói đến sức mạnh của họ. Suy ngẫm giây lâu, Thoát-hoan lại tự hỏi: "Đến như đại nguyên soái Omar - ba atur (Toa-đô dũng sĩ), một tướng tâm phúc của thiên tử, mà cũng bị chết thê thảm về tay Đại Việt, thì quả chúng là đội quân ghê gớm. Ta không thể coi thường được. Nhưng ta quyết không để cho bọn man di này muốn làm gì thì làm.

Lần này, nếu chúng dám đụng vào Hàm Tử của ta, thì chính chúng tự đem thân vào cửa tử. Thăng Long mãi mãi sẽ là nơi ta dưỡng nhàn. Chờ sang thu này, ta nhận viện binh, củng cố lại lực lượng, ta sẽ tóm gọn vua tôi chúng nó bỏ vạc dầu cho bồ lúc chúng chọc giận ta". Tự an ủi mình, Thoát-hoan yên tâm lui vào trong trướng. Hai tú nữ đẹp như tiên sa đỡ lấy tấm thân đồ sộ của Trần Nam vương, rồi chia nhau xoa bóp từng bộ phận thân thể của thái tử. Ấy là phút thư giãn thường ngày của Trần Nam vương.

Quân Trần đang trong thế chẻ tre, lại được hai vua Thánh tông, Nhân tông vỗ về. Thượng tướng Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật đem đại binh đánh gấp đạo quân giặc đóng tại Hàm Tử.

Trên hai vạn quân tinh nhuệ của thượng tướng Chiêu Văn, giương cao lá đại kỳ màu vàng thêu hai chữ "Đại Việt" đỏ thắm. Ở mỗi đô quân lại có cờ đuôi nheo, tức cờ hiệu của chính đô đó, để các tướng dễ phân biệt mà điều hành. Trung quân là cờ của thượng tướng màu xanh thêu hai chữ "Chiêu Văn" màu

vàng.

Trong số hơn hai vạn quân của thượng tướng, có năm ngàn quân người Tống chạy sang ta tình nguyện chiến đấu dưới cờ của vương, và dưới sự chỉ huy trực tiếp của tướng Triệu Trung. Họ xin được mặc quần áo theo lối của binh sĩ nhà Tống trước khi diệt vong. Điều đó đã được vua Nhân tông và cả quốc công tiết chế Hưng Đạo vương cho phép, từ cuộc đại duyệt toàn quân ở Đông Bộ Đầu hồi cuối năm ngoái. Bởi lẽ, việc ấy sẽ có hai điều lý thú. Thứ nhất là những người Trung Hoa lưu vong này, sẽ có cơ hội dồn trút lòng căm thù quân Thát-đát lên đầu mũi tên, ngọn giáo. Thứ nhì là khi quân Thát-đát nhìn thấy binh Tống, sẽ gây cho chúng tâm lý hoảng sợ.

Chính vì hai dân tộc cùng có chung một kẻ thù, nên Chiêu Văn vương đã vỗ về những tân khách lưu vong tá túc trong thái ấp của vương, cho họ lập thành một đội quân chiến đấu dưới ngọn cờ Đại Việt. Vương tin họ sẽ chiến đấu khác thường. Phần họ đánh Thát-đát để trả thù cho chính họ. Phần họ đánh Thát-đát để đáp đền cái ơn tri ngộ của vương, và của cả đất nước đã cứu mang họ. Nhược bằng họ có phụ lòng vương, mà quay giáo trở cờ, thì xá gì năm ngàn quân, so với năm chục vạn quân Thát-đát kia đang sống dở chết dở.

Thượng tướng chia quân làm bốn đạo. Một đạo do tiểu tướng Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản chỉ huy đánh bọc phía sau, không cho giặc chạy về Thăng Long. Một đạo do đại tướng Trần Thông cầm đầu đánh vào tả quân của giặc. Một đạo do đại tướng Nguyễn Truyền cầm đầu đánh vào hữu quân của giặc. Một đạo do Triệu Trung chỉ huy đánh vào tiền quân của giặc.

Thượng tướng giữ trung quân, đứng giờ sửu phát hỏa. Mở đầu là một loạt pháo hiệu thăng thiên, tiếp đến loạt pháo sáng tam thanh. Phát nổ đầu tiên đẩy quả pháo sáng lên cao tới hai, ba chục trượng, phát nổ thứ hai, bung ra một dải lụa có chữ Đại Việt màu xanh lục to như chiếc chiếu; phát nổ thứ ba, bung ra một dải lụa có hai chữ "Sát Thát" màu đỏ như máu, cũng to xấp xỉ dải lụa trước. Đó là hiệu lệnh tiến công của vị thượng tướng quân tài hoa - Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật. Đúng vào lúc ấy đại pháo của ta, hỏa pháo của ta rót thẳng vào trại giặc. Rồi những dàn trống đồng, trống cái, chiêng, cồng xen lẫn tiếng tù và cùng tiếng quân reo "Sát Thát" gây không khí náo loạn.

Rạng sáng, quân ta đã dồn quân giặc vào bốn khu phân lập. Tiểu tướng quân Hoài Văn hầu dồn đám quân thủy lên bờ, bắt chúng phải đánh bộ. Hai tướng Trần Thông, Nguyễn Truyền cũng dồn hai cánh quân bộ của hai bên tả hữu xuống sát mé sông.

Tướng Triệu Trung đánh thốc vào trại quân kỵ Thát-đát dồn chúng vào vùng bãi lầy xâm xấp nước. Tất cả các cánh quân của giặc đều ở vào thế bất lợi. Mặt trời lên, Triệu Trung đứng trên gò cao nhìn đám người ngựa Thát-đát

lút chân trong bùn mà cả cười. Chợt tướng quân trông thấy hiệu cờ của tướng giặc Nạp- hải, ông bèn phát cờ hạ lệnh cho quân bắt sống. Ngàn người như một đồng thanh reo: "Bắt lấy Nạp-hải!" "Bắt lấy Nạp-hải!".

Khi nghe thấy giọng hô đánh thép bằng tiếng Hán, Nạp- hải và cả đám quân Thát-đát kinh ngạc nhận ra đội binh đông nghìn nghịt kia, binh trang giống hệt binh trang Thát- đát. Tiếng gọi í ới cũng thuần tiếng Hán. Nạp-hải chợt nghĩ: "- Nếu như lại có nghĩa quân Tống tham gia cuộc chiến thì nguy to. Không những chỉ nguy trên đất này, mà ngay cả Trung Nguyên, chắc gì người Mông Cổ chúng ta đã đứng vững.

Trong khi Nạp-hải còn vẩn vương suy nghĩ. Triệu Trung đã cho khép vòng vây. Quân của Triệu Trung ngồi trên các lá thuyền nan nhẹ, mỗi thuyền chỉ chở năm, sáu người. Gặp chỗ nước cạn một vài người nhảy xuống đẩy thuyền lướt trên bùn sệt. Những người trên thuyền vẫn đều tay cung, tay nỏ bắn vào người, ngựa Thát-đát. Càng ra xa, bùn càng sâu. Ngựa đã cắm bốn chân lút vào trong bùn, như bốn cột đá vững vàng, không một con nào nhúc nhích được nửa bước. Lính Thát-đát cứ ngồi trên mình ngựa lấy khiên che tên, đạn. Triệu Trung lại sai nhất loạt bắn vào ngựa. Những con ngựa chiến to, cứ phơi mông ra trước hàng ngàn cánh cung thiện xạ. Chẳng mấy chốc cả bầy ngựa nòi thảo nguyên đã lăn kềnh ra đầy dẫy. Lính Thát-đát buộc phải nhảy xuống bùn nước. Triệu Trung không truy kích vội. Ông cho quân bắn cầm chừng rồi nổi chiêng trống, làm cho quân kia rối rạ.

Chờ cho nước và bùn đã ngấm, đã làm trương sinh những chiếc giày da, quần áo da của lính Thát-đát, Triệu Trung mới phát cờ cho toàn quân xiết chặt vòng vây, hất bằng hết lũ Thát-đát xuống dòng sông ngầu đỏ đang cuộn cuộn chảy kia. Ông biết, lúc này quân giặc có muốn cởi bỏ giày cùng binh trang ra, cũng không cởi nổi.

Khắp bốn phương, quân ta đều khép chặt vòng vây. Trận đánh mỗi lúc mỗi thêm dữ dội. Quân ta khí thế đang hăng, lại được thượng hoàng Thánh tông cùng quan gia xông xáo úy lạo.

Thấy sắc binh trong quân Triệu Trung giống hệt binh trang Thát-đát, vua Nhân tông phải sai đám lính trạo nhi, đi thông dẫn cho các cánh quân của Quốc Toản, Trần Thông, Nguyễn Truyền rằng: Phải nhận cho kỹ cờ hiệu kéo bắn nhằm vào quân Thát-đát của chú Chiêu Văn".

Đúng như thượng tướng Chiêu Văn vương lượng định, quân của Triệu Trung đánh với sức mạnh phi thường, khiến quân Thát-đát cứ co rúm lại. Các tướng A-thâm, Xa-tác-tai, Bôn-kha-đa... đã bò sát mép nước mà không có thuyền bè nào đến cứu.

Triệu Trung sai thít chặt vòng vây hơn nữa, bắt cho kỳ được mấy viên tướng Thát-đát về trị tội. Đúng lúc ấy có mấy lá thuyền xuất hiện, nhìn kỹ thấy hiệu cờ của vạn hộ Triệu Tu Kỷ. Lập tức Triệu Trung cho quân hô: "Bắt

sống tên Hán gian Triệu Tu Kỷ"!

Triệu Tu Kỷ nghe thấy giọng Hán đồng thanh, y giật mình. Nhìn ngó hồi lâu thấy hiệu cờ "Triệu Trung"; Kỷ hốt hoảng. Y biết tiếng Triệu Trung từ lâu. Không ngờ Trung lại chạy sang Đại Việt, chiêu mộ người đồng hương hiệp lực đánh lại thiên triều.

Tiếng hô: "Bắt sống tên Hán gian Triệu Tu Kỷ" cứ sôi lên sùng sục, nghe như có cả tiếng lửa giận bùng bùng. Triệu Tu Kỷ không dám ghé thuyền vào cứu lũ tướng Thát-đát đang chờ chết kia. Y vừa quay ngoắt lại thì gặp đội khinh thuyền của tiểu tướng quân Trần Quốc Toản với sắc cờ sáu chữ đang phấp phới tung bay. Quốc Toản, như một tướng nhà trời oai phong凛凛, cùng với mười tướng hộ vệ dàn thuyền hàng ngang thành thế bao vây. Các tướng đều giáp trụ gọn gàng, binh khí sáng loáng, lăm lăm nhảy sang thuyền của Triệu Tu Kỷ.

Thương thay viên bại tướng này cùng vài chiếc thuyền mỏng manh, với lũ quân đang sợ co rúm lại kia, loáng đã chìm ngấm dưới đáy sông.

Chẳng là Trần Quốc Toản, sau khi đã tiêu diệt xong hậu quân giặc, chàng bèn chia binh đánh vu hồi để hợp chiến cùng các tướng.

Được Quốc Toản chặn mặt sông, quân Thát-đát bị ghìm đứng lại như những tên phồng đất. Chúng rơi vào hoàn cảnh thảm hại, không còn khả năng kháng cự. Cũng không còn khả năng chạy trốn nữa.

Triệu Trung và cả đoàn quân Tống lưu vong, với lòng căm giận nung nấu tới cả chục năm ròng, họ ào lên hét gào và tàn sát cho kỳ hết cánh quân Thát-đát. Cảnh đầu rơi máu chảy thật là thảm thương.

Thoáng chốc, chiến trường đã im phắc. Chỉ nghe thấy hơi thở nghẹn ngào của dòng sông ngầu đỏ mùi máu lợm tanh. Và từng đoàn linh điều bay về. Từ thình không, chúng thả ra những tiếng kêu "quà... quà..." như những tiếng reo vui.

Trận đánh Hàm Tử khởi từ giờ sủu, khép lại ở giờ thân. Thừa thắng quân ta kéo cả về Chương Dương hợp sức với Thái sư thượng tướng Trần Quang Khải. Thượng tướng cũng khởi đánh Chương Dương vào giờ sủu sáng nay. Hẳn lúc này, quốc công tiết chế Hưng Đạo vương, đã cùng với thượng tướng đang vây bắt Thoát Hoan tại Thăng Long rồi.

Các trại A Lỗ, Trường Yên bị đánh tan, Thăng Long rung chuyển. Tiếp lại mất Tây Kết, Thăng Long hỗn loạn. Thoát Hoan đã phải bỏ cung Thúy Hoa chạy sang điện Thiên An, họp bàn với tả hữu lo cự địch.

An Tư dò biết giặc muốn giết mình. Nàng không sợ chết, mà lo chưa làm được việc gì đáng kể cho nước. Lại lo Chiêu Thành vương phải sống cô đơn. Công chúa bàn với Yến Ly giúp mình một số việc, và nói tất cả dự liệu của nàng. Yến Ly ra sức can ngăn. An Tư lại nói:

- Ta thấy cả Lý Hằng, A-lí Hải-nha đều muốn giết ta. Nếu Thoát Hoan cố

che chở cho ta mà khi đại quân đánh vào, y đem ta chạy về Bắc quốc, thời đó lại là cái nhục muôn đời. Ta không bao giờ chịu tuân theo. Mà bây giờ thì "thiên võng nan đào" (lưới trời khó thoát). Ta nghĩ khi đại quân đánh vào, thế nào giặc cũng hỗn loạn, nhân cơ hội đó ta sẽ hành động. Ta thề chết với Thăng Long chứ nửa bước không theo giặc.

Yến Ly ngâm ngùi làm các việc mà An Tư nhờ cậy.

An Tư lại nói với Kim Liên:

- Quân ta sắp vào Thăng Long. Ta nhờ em vài việc. Nhưng trước hết em phải cứng cỏi lên, lại phải tinh khôn nữa, may mới thoát khỏi tai mắt giặc. Tức là khi quân ta đánh vào, em phải tìm nơi ẩn nấp cho khéo, nếu không, giặc sẽ giết chị em mình trước khi chúng tháo chạy. Nước mắt chảy quanh, An Tư nói - Vạn nhất chị không còn mà em may thoát nạn, thời em nói với chàng giùm ta. Rằng ta vẫn một dạ yêu chàng. Vì nước, xin chàng tha tội. Kim Liên vội nắm chặt hai tay An Tư để tránh không òa thành tiếng khóc. Nàng thầm thì bên tai An Tư, giọng nhòe nước:

- Con không bao giờ quên lời công chúa. Ước gì công chúa cho con được chết cùng người.

- Vì ta, em gắng sống.

Khi Yến Ly nói mọi việc đã xong xuôi, kín nhem, An Tư mừng lắm. Nàng nắm lấy tay Yến Ly bảo:

- Duyên khởi trùng trùng nên Trời Phật cho ta lại được gặp em. Em giúp ta nhiều việc lớn quá. Công lao đuổi giặc khỏi xứ này, có phần em đóng góp. Nay mai xa cách, nghìn trùng họa có kiếp sau mới mong gặp lại. Em về thưa với song thân, cho ta kính lạy người. Ta có một vật quý muốn em lưu giữ. An Tư thò tay vào túi nách lôi ra một vật. Nàng đặt vào lòng tay Yến Ly - "Đây là chiếc gối quạ, mẫu hậu thường đeo vào cổ cho ta ngày bé, để kỷ niệm, bệnh tật. Ta giữ chiếc gối quạ trong người, nên không bao giờ ốm. Hơn nữa, tinh thần trở nên bạo dạn, không biết sợ hãi là gì ở trên đời nữa. Gặp các bệnh nguy cấp, mãi một chút xiu hòa với rượu hâm nóng, uống xong khỏi liền".

Yến Ly thầm nghĩ: "Chị ấy tưởng ta dễ dàng nghe theo lòng tốt của chị ấy chắc. Ôi sao người Đại Việt họ trung hậu làm vậy?".

Nắm chặt chiếc gối quạ trong tay. Yến Ly bảo: "Em giữ cũng như chị giữ".

Vừa đánh tan giặc ở Hàm Tử, Chương Dương, quân ta tiến thẳng vào Thăng Long. Tiếng reo dậy đất, lửa cháy ngút trời. Lại tiếng trống đồng thúc hồi ầm ầm như tiếng triều dâng, thác đổ. Trong thành náo loạn. Vừa nghe tiếng quân reo, lửa cháy, Thoát-hoan vội biến vào trung quân, không kịp dặn An Tư lấy một lời.

Khoảng vài giờ sau thì quân ta đã áp sát chân thành.

Đúng lúc ấy An Tư đã cải dạng thành một viên tướng Thát-đát, Yến Ly cải

trang thành lính hầu, nàng quyết không chịu rời An Tư nửa bước. Nàng xách trong tay một buộc gùi đồ, đeo vội vào lưng, tay cầm tù và, tay dắt ngựa. An Tư cầm cương nhảy lên mình ngựa rồi kéo Yến Ly lên phía sau mình. Ngựa phóng vút đi. Tiếng tù và rúc vang... Lính Thát-đát chạy bắn ra xa. An Tư vừa rời khỏi cung thì Kim Liên lên ra ao Liên Trì vui mình dưới đám sen rợp lá.

An Tư phóng ngựa như bay về phía dãy nhà sau cung Cảnh Linh. Nơi ấy là kho thuốc đạn, kho cung tên. Đám lính canh phòng nghe tiếng tù và inh ỏi, lại lấp loáng áo mũ tướng quân trên mình ngựa, chúng kéo nhau chạy dạt ra. An Tư ghé ngựa vào sát nhà kho. Yến Ly quăng tù và, bật bụi nhùi, đốt vào đuốc thông tâm nhựt. Năm đuốc cháy rực trên tay Yến Ly. An Tư dẫn ngựa chạy quanh từng dãy nhà cho Yến Ly ném lửa. Lát sau khắp một dãy nhà kho biến thành biển lửa, và tiếng của các loại thuốc đạn đơn sáo pháo, song sáo pháo nổ oàng oàng. Con chiến mã thấy lửa cháy rát, hoảng sợ lao đầu vào kho thuốc rực hồng...

Chiêu Thành vương sau khi đánh bại đám lính Thát-đát trên bến Chương Dương cản trở bước tiến của chàng, thì áo bào đã đỏ máu. Chàng vội dẫn toán kỵ binh vượt qua tên bay, lửa cháy áp thẳng tới chân thành. Ánh sáng rực đỏ kinh thành. Chiêu Thành vương mồ hôi đầm áo, vượt hoàng thành, tiến thẳng vào điện Thiên An. Cung điện tối om. Thoát Hoan đã tháo chạy sang sông. Tay đao, tay đuốc, Chiêu Thành vương tìm khắp điện Thiên An, lại chạy qua cung Cảnh Linh, chàng luôn réo gọi:

- An Tư! An Tư, nàng ở đâu...! Ở... ở... ở... âu...!

Lát sau thấy Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản dẫn đầu một đoàn dũng sĩ, tay đuốc, tay đao, tìm khắp tam cung lục viện. Quốc Toản cũng luôn tiếng gọi:

- Hoàng cô An Tư! Hoàng c... ô...!

Hoài Văn Hầu gặp Chiêu Thành vương tại dãy nhà cháy rụi sau cung Cảnh Linh. Hai chú cháu gương mặt buồn thiu đi quanh đám lửa tàn, mà không hề biết trong đồng tro than kia, có hai dũng sĩ đã đến trước mình - hai bậc nữ lưu ấy sẽ còn mai danh ẩn tích tới cả ngàn thu.

Thoát-hoan, A-lí Hải-nha, Lý Hằng chạy tháo thân sang bờ bắc sông Cái chưa hoàn hồn, thì Hưng Đạo vương lại dẫn đại quân cùng Hưng Ninh vương Trần Tung và chư tướng bốn mặt vây đánh. Giặc mở đường máu chạy luôn đêm ngày tới bờ sông Như Nguyệt, chưa kịp dừng chân đã trông thấy lá cờ thêu sáu chữ vàng. Dẫn đầu là viên thiếu niên dũng tướng Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản, áp tới đánh liền. Tướng giặc hoảng sợ không dám đối đầu, vì đã biết tiếng chàng mấy phen kịch chiến, khiến Ô-mã-nhi bạt đô khiếp vía.

Trong cơn khốn quẫn, A-lí Hải-nha sai đám cung thủ có tài Hậu Nghệ núp sau mông ngựa bắn lén. Quốc Toản bị hai mũi tên độc bên cánh tay tả vẫn

không chịu lui. Lê Như Hổ cho hai dũng sĩ dìu Hoài Văn hầu về phía sau cứu chữa. Ông tự làm tướng dẫn đoàn quân xông vào đuổi giặc. May cho Thoát-hoan đã trốn được sang sông, nhưng quân sĩ của y bị Lê Như Hổ và toàn quân giết, xác lấp đầy một khúc sông.

Khi trở lại, Lê Như Hổ đã thấy toàn thân Hoài Văn tái ngắt. Thầy thuốc rút tên, cởi áo bào và giáp hộ tâm, Quốc Toản chỉ còn mặc lót chiếc áo vóc đại hồng đã bạc phếch, với vài mụn vá màu chàm của mẹ.

Lê Như Hổ quỳ xuống lay gọi. Quốc Toản mở mắt, chàng hỏi:

- Bắt được Thoát hoan chưa?

- Dạ, quân đang truy đuổi.

Khẽ mấp máy môi, giọng run run, Quốc Toản nói:

- Nâng ta dậy.

Lê Như Hổ đỡ chàng dậy, mười tráng sĩ tả hữu của chàng cũng đang quì gối bên cạnh chàng. Hoài Văn hầu nói nhỏ vào tai Lê Như Hổ:

- Ông về lay mẹ giùm ta. Trọn trung thôi đành thất hiếu. Lay ông ba lay.

Ông mãi mãi là sư phụ của ta. Dứt lời, mắt chàng lóc lên rồi khép lại. Chàng đã đi vào cõi mệnh mang của vũ trụ như một vì sao vừa vụt tắt.

Thoát-hoan vừa thoát chết bên sông Như Nguyệt, chạy tháo thân đến sông Sách Giang lại lọt vào trận địa của quân Trần chờ sẵn. Tớ thầy toi tả. A-lí Hải-nha xông pha mở đường máu che chở cho Thoát-hoan. Lý Hằng đoạn hậu, chặt vật lăm mới vượt được qua sông. Số quân bị giết, bị bắt tới quá nửa. Luôn ngày đêm, quân binh, dân binh khắp nơi đuổi đánh giặc. Càng lên miền ngược, giặc càng sợ nỏ cứng tên độc của người thiểu số. Lý Hằng bèn bắt quân đan rọ, ngoài bọc đồng lá cho Thoát-hoan chui vào trong rồi bắt lính khiêng, cáng.

Tại ải Vĩnh Bình, Hưng Vũ vương Trần Quốc Nghiễn đã đem quân phục sẵn. Giặc khôn đồn không sao vượt được trùng vây. Quân chúng chết như châu chấu nhảy vào lửa. Lý Hằng sai các tướng liều chết mở đường máu rút chạy. Quân buộc dây kéo rọ Thoát-hoan lê trên mặt đất để tránh tên, như kéo một con chó dại. Lý Hằng đoạn hậu.

Chưa ra khỏi đất ta, Hằng đã bị trúng tên độc, biết không thể sống được, y bèn trao quyền làm tướng cho viên tỳ tướng Lý Quán.

Nằm trong chiếc rọ, ngoài bọc đồng lá che chắn tên đạn, tối như nằm trong bụng cá. Gặp khúc đường ổ gà hoặc lúc bị đạn pháo bắn đuổi, hoặc lúc có quân phục, đám lính lôi kéo không còn biết nương tay nữa. Thoát-hoan cứ lăn tròn trong rọ, chân tay quờ quạng, mặt mày bị va đập xây xước tóe máu. Y tự nghĩ: "Ta đường đường là thái tử của thiên triều, mà thân phận có khác gì một con chó. Nếu ta thoát chết, phải xin vua cha đại binh sang phá nát xứ này. Ta thề không đội trời chung với Hưng Đạo và cha con Nhật Huyền!".

Quân giặc liều chết mới kéo được cái rọ bọc đồng lá, có Thoát-hoan chúi ầu

trong đó chạy về bên kia biên ải.

Thừa thắng, Hưng Vũ vương kéo quân truy đuổi sâu vào đất giặc tới mấy chục dặm.

Sợ chủ bị hại, Lý Quán thân đoạn hậu, cản quân ta, mong cứu Thoát-hoan trốn chạy.

Cầm giận bọn Hạng, Quán đã lén hại tiểu tướng quân Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản bên bờ sông Như Nguyệt bữa trước, nay y lại cản đường quân ta, khiến vương không bắt được Thoát-hoan; Trần Quốc Nghiễn quyết bắt y phải đền mạng. Ông nhẹ lật bả vai, cây cung đã nằm gọn trong tay, giây cung vừa buông "phút" một tiếng, mũi tên độc đã cắm phập vào yết hầu Lý Quán, Quán chết, quân giặc tan tác khóc lóc xin hàng. Vương tha mạng chết cho chúng rồi thu quân về nước.

CHƯƠNG 26

Bị đánh bật khỏi Thăng Long, quân giặc không kịp phóng hỏa đốt trụ kinh thành như chúng thường dọa dẫm. Nhưng mấy tháng "ở trọ" chúng cũng cướp bóc, tàn phá đến thâm hiểm. Các kho tàng, châu báu triều đình đã di chuyển vội, cái gì còn sót lại chúng đều lấy đem về nước. Cái gì không lấy, không cướp mang đi được thì chúng đập, phá. Ví như trong nhà thái miếu, các đồ tế khí, phủ Tông chính đã dời hết về Long Hưng từ trước Đại hội Diên Hồng, chỉ còn lại những con rồng đá, nghê đá, phỗng đá trước sân điện. Vậy mà lũ giặc cũng đập nát ra từng mảnh. Hai chiếc đầu rồng châu mặt trời hình lá đề bằng đất nung, gắn trên nóc điện, giặc cũng trèo lên đập nham nhở. Các đầu đao có đắp hình phượng chúng bẻ gãy hết. Cả mấy bia đá ghi chép lịch sử nhà Trần từ thời dựng nước, chúng cũng phá bể. Các đồ đồng như chuông, trống, chuông, đỉnh, vạc chúng đều lấy đi hết. Ngay giữa nền điện thờ, giặc đào bới tìm của, còn để lại một vũng sâu như đáy giếng.

Ngoài sân, ngoài vườn xưa trang nghiêm là thế, hoa lá cây cối sum xuê tỏa bóng, bốn mùa hương thơm ngào ngạt, giờ đây la liệt những bếp quân ngoài trời với các đồ ăn uống thái bỏ dòi bọt lúc nhúc, ruồi nhặng tanh hôi đến lợm mửa. Hành, tỏi hàng đống đã nảy mầm xanh, ớt cay thối nhũn như bùn. Trong nhà thái miếu giặc còn biến thành nơi đóng quân, bếp quân, cho nên các cung điện, các vương phủ, các đình thự không nơi nào giặc không làm hoen ố. Cung Cảnh Linh, điện Thiên An, Thoát-hoan, Lý Hằng, A-lí Hải-nha chiếm lấy làm nơi hành lạc. Điện Tập Hiền là nơi giặc nhốt gái đi càn quét bắt được đem về để cho lũ tướng soái giải khuây.

Về lại Thăng Long, đi thị sát khắp kinh thành, vua Nhân tông thấy hết các cảnh mà giặc dữ gây ra. Vừa xót xa nơi thờ tự tôn nghiêm bị thương tổn, vừa thương dân chúng mới thoát khỏi cảnh khói lửa chiến tranh đã phải lo dựng lại nhà cửa, tìm kiếm người thân, lo ăn, lo làm đủ thứ.

Việc đầu tiên nhà vua thấy cần phải làm lúc này, là chấn cấp ngay cho dân chúng các vùng bị giặc tàn phá nặng nề, để khôi phục sản xuất. Nhân tông cũng cho gấp gấp tu bổ nhà thái miếu để sớm làm lễ hiến phù, và sức cho các chùa, quán, đền miếu cả nước lo liệu lễ đại cầu siêu trong một tuần, cho tất cả những ai đã bỏ mình vì nạn nước.

Lại nói về Kim Liên, sau khi giã biệt An Tư công chúa thì kinh thành đã bốn bề rực lửa. Quân ta công thành dữ dội. Giặc Thát tháo chạy hỗn loạn. Nhân

lúc xuất kỳ bất ý, Kim Liên tấp vào bóng tối, rồi lặn nhanh xuống dòng kênh dẫn tới hồ Liên Trì phía trước cung Cảnh Linh. Đang tiết mạnh hạ, sen lên xanh tốt che kín cả mặt hồ rộng. Lá sen to như những chiếc nón thúng, chen chúc nhau giống hết cảnh các bà các cô ghé nón xúm quanh một đám rước, hoặc đám diễu trò trong ngày hội xuân. Đầu đây những đài sen xòe nở, những búp hoa lấp ló trên mặt nước, tỏa một thứ hương thơm ngạt ngào, thanh khiết, tưởng như nó chẳng hề liên can gì đến cảnh chiến trận đang hỗn loạn ở trên bờ kia.

Kim Liên nghiêng rặng dùng hết sức mình ấn mãi đôi chân lút trong bùn, rồi ghì mình dưới những tàn sen. Nàng run sợ nhìn ánh lửa bốc cao, và những tiếng nổ kinh hoàng, từ dãy nhà kho trại lính phía sau cung Cảnh Linh. Nàng thất thần khi chợt nhớ, An Tư và Yên Ly quất ngựa chạy về nẻo ấy. Trời rạng sáng, tiếng nổ đã dứt, ánh lửa cũng hầu tàn, chợt ào đến một trận mưa lớn. Nước xối xả tuôn thành dòng. Lá sen không còn đủ che chắn cho Kim Liên nữa, và hồ dềnh nước lên. Kim Liên rét, hai hàm răng tự nhiên cứ gõ vào nhau lộc cộc. Thấp thoáng trên bờ, bóng quân ta đi lại. Khi nhận biết đích xác quân ta đã chiếm thành, Kim Liên mới lóp ngóp nhoai vào bờ.

Mưa tạnh. Trời quang. Mặt trời mùa hè rực rỡ như cùng với Thăng Long, cùng với quân dân Đại Việt mừng cuộc sống thanh bình trở lại.

Quân cấm vệ lượm được Kim Liên ngắt xiu trên bờ hồ, đem vào cho sưởi ấm một lúc sau thì tỉnh lại. Nàng khóc tức tưởi ai hỏi cũng không nói được ra lời.

Chợt có quân vào bẩm viên đô úy:

- Trình thượng cấp, quan gia đi úy lạo binh sĩ, xa giá đã tới đầu trại.

Viên đô úy và cả bọn tùy tòng hấp tấp chạy ra cổng đón vua. Kiệu vừa hạ xuống. Nhân tông đã đi thẳng vào trại. Quân xúm quanh tung hô: "Đức vua thiên tuế !" "Thiên tuế !"...

Nhìn thấy người con gái mặt mày ngơ ngác, nhà vua ngờ ngợ như đã gặp nàng ở đâu, nhưng không thể nhớ ra. Nhân tông bèn hỏi:

- Thị nữ, ta trông ngươi quen quá, chẳng hay ngươi ở cung nào, phủ nào mà lạc tới đây?

Kim Liên nhận ngay ra đức vua, bởi trước khi thầy trò An Tư vào dinh Thoát-hoan, còn được hai vua úy lạo; nàng bèn phục lạy khóc lóc thưa lại tình đầu. Nàng thuật hết khúc nhồi đoạn trường, kể cả việc gặp lại Yên Ly và các kế sách mà An Tư và Yên Ly vạch ra, để kim chân tướng giặc Thoát-hoan.

Nhân tông nghe như uống lấy từng lời, bụng thăm phục hoàng cô An Tư phận liễu yếu, mà lòng trung với nước thật chẳng thua một đảng tu mi hào kiệt nào. Vua hỏi:

- Vậy chớ hoàng cô ta hiện giờ ở đâu?

- Lạy đức vua, đó là điều con đang muốn biết.
- Người vẫn hầu hạ hoàng cô ta kia mà?
- Dạ, đúng là như vậy. Nhưng từ chiều tối qua, khi quân ta khai pháo công thành, hoàng cô đã không cho con theo; người bắt con đi trốn, để rồi còn nói lại mọi điều người nhắn gửi đức Chiêu Thành vương. Dạy bảo con xong, công chúa lên ngựa cùng với Yến Ly đi về phía sau cung Cảnh Linh. Loáng cái, lửa từ dãy nhà kho trại lính Thất bốc cháy bùng bùng, con sợ quá. Chính lúc ấy Thoát-hoan được A-lí Hải-nha, Lý Hằng cùng bộ tướng dẫn chạy ra phía bờ sông Cái. Chúng chưa kịp hăm hại hoàng cô con đâu. Xin đức vua phái người đi tìm kiếm mau mau. Ôi, con chỉ sợ tên rơi đạn lạc. Nói đến đây Kim Liên bùng bật khóc thảm thiết.

Nhân tông vỗ về khuyên giải mãi nàng mới tạm nguôi nguôi. Chợt nhớ, Kim Liên quì hỏi:

- Muốn tâu bệ hạ, đức ông Chiêu Thành vương hiện giờ ở đâu con xin được gặp để trao lời.

Nhân tông rầu rĩ đáp:

- Ta rất lấy làm đau buồn phải báo cho người tin này.

Tướng Chiêu Thành vương đã mất, Kim Liên gào lên, toan gieo đầu vào tường tự vẫn. Mấy người lính cấm vệ kịp giữ nàng lại.

Kim Liên giọng hỗn hển: - Công chúa biệt tích, đức ông cũng không còn nữa, tôi sống để làm gì! Nhà vua ôn tồn dẫn dụ:

- Ta nói chưa hết lời, người đã vội khóc. Ta chỉ muốn bảo rằng tướng quân Hoài Văn hầu đã bỏ mình vì nước, nên Chiêu Thành vương phải đưa thi hài về hương ấp mai táng.

Ta chắc úy lạo mẫu thân Hoài Văn hầu dăm ba bữa, rồi vương sẽ trở lại kinh thôi, con cứ yên tâm nán chờ.

Theo lời Kim Liên, quân đi sục vào kho trại cháy rụi phía sau cung Cảnh Linh, quả người ta bới được hai xác người một xác ngựa. Kim Liên nhận ngay ra chủ mình và Yến Ly. Nàng nấc lên rồi lịm ngất.

Đám tang An Tư công chúa và Yến Ly khiến cả kinh thành rơi lệ. Nếu như ngày ở Thiên Trường, chỉ có một số các đại quan và ít nhiều dân chúng đưa tiễn nàng xuống thuyền vào trại giặc, thì nay cả kinh thành đưa tiễn An Tư và người con gái tự coi mình là nghĩa nữ của Thăng Long - nàng Yến Ly về nơi an nghỉ ngàn thu. Chiêu Thành vương cũng vừa về kịp. Chàng lặng lẽ đi theo linh cữu, mình mặc đồ tang. Chàng đau đớn tới mức không khóc được, chỉ âm thầm như một chiếc bóng.

Chôn cất mộ yên mả đẹp xong, đích thân Trần Thánh tông gắn mộ chí có dòng chữ: “ Dực bảo trùng hưng liệt nữ chi mộ”, phía dưới là ngày sinh, ngày mất và tước hiệu của An Tư.

Song song với mộ An Tư là mộ của Yến Ly. Vị quốc công tiết chế thống

lĩnh chư quân sự Hưng Đạo vương, tự tay đặt mộ chí ghi công ơn nàng. Tấm bia mộ Yên Ly mang dòng chữ: “Lưỡng quốc liệt nữ chi mộ”. Phía dưới, vì không biết ngày sinh, nên chỉ ghi quê quán và ngày mất.

Bạc anh hùng cân quắc như quốc công, như Thánh tông mà cũng không ngăn được dòng lệ ứa.

Mọi người về hết, chỉ còn lại Chiêu Thành vương và Kim Liên. Kim Liên xin được ở lại săn sóc phần mộ hai nàng. Chiêu Thành vương không nỡ cản. Thật ra, chàng chỉ muốn một mình chàng ở lại với An Tư.

Hai thầy trò đi chặt cây que về dựng hai tấm nhà mồ, để che nắng che mưa cho hai liệt nữ.

Suốt mấy ngày liền. Chiêu Thành vương bắt Kim Liên thuật lại từng chi tiết chuỗi ngày An Tư phải sống trong trại giam. Kim Liên nói lên tất cả tấm lòng công chúa đối với nước, với chàng. Nhất những lời trước lúc vĩnh biệt. An Tư nhảu gửi lại cho vương.

Mắt chàng nhòa lệ, nhìn sâu vào lòng đất, như thấy nàng cùng Yên Ly đang thiếp ngủ. Chuỗi ngày nối tiếp là cả một sự khó khăn đối với Chiêu Thành vương. Phần thương Trần Quốc Toản, thương hiền tâu góa bụa, cô đơn, nhất là thương nhớ An Tư. Nỗi nhớ thương không bao giờ vơi nguôi được, bởi nàng đã đem cả tình yêu của chàng về nơi huyết mộ. Chàng thơ thẩn vào ra nơi nhà mồ như vào ra lầu Thiên Quang thuở trước. Chàng hình dung rất rõ nàng cắm cúi ngồi thêu. Cả gốc ngâu già hương đưa thoang thoảng, con Hắc long gõ móng hí dài bữa chàng từ biên ải trở về. Lại cả đêm trước khi An Tư lánh nạn về Long Hưng. Tất cả những kỷ niệm xưa, những lời ăn tiếng nói, những cử chỉ tao nhã và tình yêu rực lửa nàng trao trọn vẹn cho chàng, khiến giờ đây chàng càng thêm đau đớn. Chàng không nghĩ trên cõi thế này lại có thể tìm thấy An Tư. Vì vậy Chiêu Thành vương quyết đi tìm nàng. Cũng không biết tìm nàng ở đâu; nhưng nhất định chàng phải ra đi. Và thế là vào một đêm trời đầy sao, Chiêu Thành vương áp má xuống ngôi mộ thì thầm trò chuyện với An Tư, rồi chàng lấy một nắm đất gói vào chéo khăn nàng thêu tặng với khúc "Lương Châu từ" của Vương Hàn. Chàng cũng sang mộ Yên Ly nói lời vĩnh biệt. Rồi chàng khoác chiếc tay nải nhẹ tênh lên vai.

Bước chân vô định đưa chàng về nẻo nào không ai biết nữa. Họa chăng đêm ấy chỉ có vì sao khuê lấp lánh tận xa xanh kia tiễn biệt chàng... và biết chàng đi đâu, về đâu.

Nhà thái miếu đã tu bổ xong, các đồ tế khí phủ Tông chính đã đem về bày lại, cảnh trang nghiêm đã phục chế lại được tới bảy, tám phần.

Sắp đến ngày làm lễ hiến phù, vua Nhân tông bèn nhóm họp triều hội, hỏi ý các quan:

- Trong công cuộc kinh chống xâm lăng vừa qua, giặc Thát đại bại, một cuộc đại bại nhục nhã chưa từng có đối với triều đại Hốt-tát-liệt.

Nhưng ta giành được thắng lợi này thật không dễ. Tới mấy phen, Thoát-hoan làm cho ta nghiêng ngã, cơ hồ như sắp đổ ngã. Giành được thắng lợi này, ngoài sự hy sinh lớn lao của toàn dân tộc, còn phải kể đến công của các liệt tử và oai linh của các vị anh hùng dân tộc từ các triều đại trước. Cả sự độ trì của Phật tử, cùng chư vị thần linh và hồn thiêng sông núi, thậm chí cả cỏ cây nữa. Vì vậy, ta không thể không làm lễ hiến phù, để tri ân các liệt tử và chư vị thánh thần. Trong lễ hiến phù, lại không thể không chém vài tên tướng giặc đã gây nhiều tội ác với dân ta, để tế cáo Trời - Đất, tế cáo tiên tổ, tế cáo vong linh các liệt sĩ, và lấy máu giặc rửa binh khí của quân ta. Song, ta e việc ấy đến tai, để làm kinh động triều đình nhà Nguyên, làm ô nhục tiếng tăm của cha con Hốt-tát- liệt, do đó can qua lại nhen nhóm chăng?

Nhà vua vừa dứt lời, lập tức các quan đều háng háng nói lên khí phách của quân dân Đại Việt và thách: “ Nếu giặc kia lại dám xâm phạm cõi bờ ta một lần nữa, thì ta lại đánh cho chúng đau đớn hơn lần vừa rồi... ”.

Thấm mệt vì chiến trận, vua Nhân tông như không muốn nghe những lời cao ngạo của những kẻ suốt đời sống trong nhung lụa, sống nhờ vào máu xương sĩ tốt.

Mãi sau thượng tướng Trần Quang Khải mới nói:

- Tâu bệ hạ, việc làm lễ hiến phù để tri ân liệt tử và cổ súy sức quân, là việc không thể trì hoãn. Ta sẽ có cách che tai, bịt mắt tù binh Thát-đất, che tai bịt mắt đám khách trú và lũ tay sai giặc.

Quốc Tuấn cũng xen vào, giọng ông trầm sâu, đầy uy lực. Ông nói:

- Tâu quan gia, ý thượng tướng thái sư là chí phải. Quan gia cứ cho cử hành lễ hiến phù như đã định, chúng thần đã có kế sách giữ kín nhem việc này.

Khi còn năm mươi vạn quân Thát-đất rải khắp nước ta, với không biết bao nhiêu tay chân, tai mắt giặc, mà Thoát-hoan vẫn như một kẻ mù lòa sống trên đất ta, huống chi bây giờ.

Hưng Đạo ve vuốt chòm râu bạc, tự nghĩ: "Lễ hiến phù tới, có nhẽ ta phải xin với quan gia, cho chém vài viên tướng giặc hung hăng gây nhiều nợ máu nhất. Ta đã cho nhốt riêng từng đứa ngay từ ngày mới bắt được chúng.

Chẳng cứ gì mấy tên này, mà hàng trăm viên tướng bị bắt, ta đều cho cách ly hết. Ta cũng còn cân nhắc xem sẽ tha đứa nào về nước, còn những đứa nào mãi mãi không có ngày về. Làm việc đó, là ta muốn ngừa hậu họa, song cũng là một việc vạn bất đắc dĩ. Bởi biết đâu, Hốt-tát-hệt không phải binh sang xâm lấn cõi bờ ta nữa". Tự nhiên đôi hàng mi quốc công trĩ xuống. Dường như ông chợt buồn.

Vững dạ, vua Nhân tông lại hỏi:

- Vậy chớ kiểm điểm tù binh, lo liệu cho chúng hồi hương, quốc công và thái sư đã làm đến đâu rồi?

- Tâu bệ hạ, Hưng Đạo vương đáp - Tất cả số tù binh ta bắt được là hơn

mười vạn tên. Xin bệ hạ mở lượng tha hết bọn này về nước.

Về nước, chỉ cần chúng nói một phần sự thật trên chiến trường Đại Việt mà chúng đã nếm trải, cũng đủ làm nản lòng hàng trăm vạn quân kiêu hùng của Hốt-tát-liệt. Dạ, thần sẽ phiên chế cho đám lính thủy về theo đường bộ, còn đám quân kỵ, quân bộ về theo đường biển. Dạ muôn tâu, việc ấy chỉ cốt gây cho chúng sự xáo trộn tâm thần là đủ. Còn tàu, thuyền, xe, ngựa, lương thảo, cấp cho chúng ăn đường như thế nào, do bên phủ Thái sư lo cả.

Thượng tướng Trần Quang Khải đứng trước ban tâu:

- Trình bệ hạ, mọi việc đã tính toán xong xuôi. Chờ qua lễ hiến phù, cho đoàn cống sứ của ta sang Yên Kinh trước vài ngày, rồi thả đám tù binh về nước sau. Đây là việc làm mang tính hậu thuẫn cho cuộc bang giao mà bấy lâu bệ hạ vẫn quan hoài.

Lo tính xong việc cứu trợ khẩn cấp cho dân chúng các vùng bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Lo làm lễ cầu siêu cho tất cả những ai bỏ mình vì nước. Lại lo làm lễ hiến phù để tri ân các liệt tổ sau khi thắng giặc. Và sai sứ sang thông hiếu với nhà Nguyên, để cha con Hốt-tát-liệt đỡ bề bàng.

Lo liệu xong các việc lớn, hai vua Trần Thánh tông, Trần Nhân tông mở đại triều hội để cùng các quan văn võ bàn thảo xem vì sao ta thắng giặc.

Có người nói - Nước ta binh mạnh, lương nhiều, tướng giỏi nên thắng giặc.

Lập tức có người bác luôn - Binh ta không mạnh bằng binh Thát-đát. Nước ta quá nhỏ, không giàu bằng nước Nguyên.

Lại có người nói - Dân ta đoàn kết, muôn người như một đồng lòng đánh giặc, giữ nước...

Nghe mọi người bàn thảo. Trần Nhân tông lấy làm đẹp ý, nhà vua mỉm cười phán:

- Các khanh nói đều đúng cả, nhưng sao ta vẫn thấy thiếu một cái gì khác kia. Nhà vua có ý chờ đợi.

Bỗng thượng tướng Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật nói:

- Thắng được giặc dữ, công lao không chỉ do một người, một nhóm người mà thuộc về toàn dân. Bởi nhẽ đi lính đánh giặc cũng là dân. Cày ruộng lấy lúa gạo nuôi quân cũng là dân. Tái lương, tái thương vận chuyển binh khí cũng là dân. Nhưng để cho người dân được no đủ, yên tâm cho chồng con rèn luyện tinh thông võ nghệ, khi nước có giặc sẵn sàng giết giặc hy sinh của cải, máu xương bảo vệ giang san bờ cõi, thì phải nhờ vào chính sách của nhà nước. Ấy là "PHÚ QUỐC CƯỜNG BINH SÁCH".

"Phú quốc cường binh sách" khởi từ phủ Hưng Đạo. Đây là việc làm cực khó. Bởi làm việc này, vương phải chịu biết bao thiệt thòi cho riêng mình, như thả bớt nông nô, cho họ ruộng đất cấy trồng. Ai có sức cày được nhiều ruộng, thì bán chịu cho họ trả dần. Nhớ hồi phủ Hưng Đạo làm việc này, các vương, hầu nhao nhao phản bác. Vì sao vậy? Vì họ sợ hao tổn đến lợi quyền

của họ.

Chiêu Văn vương đôi mắt sáng như hai vì sao, nhìn khắp trên dưới, thấy mọi người hào hứng còn có ý muốn nghe, vương tiếp:

- Nhớ hồi đó, phủ Hưng Đạo thực hiện được đâu một hai vụ, thì thóc lúa, trâu bò, lợn gà trong dân thật là sung mãn. Thượng hoàng và quan gia cho phổ cập "Phủ quốc cường binh sách" của phủ Hưng Đạo, thành quốc sách để hưng thế nước. Hồi ấy thượng hoàng phải cưỡng chế, các vương hầu mới chịu tuân theo. Nhưng chỉ một năm sau, dân trong cả nước no đủ, lương thực dư thừa, thế nước nổi hẳn lên. Vì vậy, theo ý thần "Phủ quốc cường binh sách" là một khởi đầu căn bản, cho công cuộc kinh chống giặc Nguyên đại thắng.

Mọi người lấy làm tâm đắc, về các điều mà thượng tướng Chiêu Văn vương nói.

Phiêu kỵ thượng tướng quân Trần Khánh Dư, một người vốn ít nói, nhưng thấy việc cần phải nói, ông bèn đứng lên:

- Tâu, việc này thần thấy thấm thía. Nếu như thần chỉ là một kẻ đốt than ở xó rừng chắc là thần không tha thiết đánh giặc lắm. Tựa như người nông dân có ruộng đất trong tay, khác với người nông nô nhiều lắm. Đúng như thượng tướng Chiêu Văn nói, thắng giặc là nhờ chính sách "Phủ quốc cường binh" tức nhà nước hữu sản hóa cho người dân. Dân giàu, nước mạnh, binh nhiều. Dân tham gia đánh giặc giữ nước, kỳ thực cũng là giữ nhà mình, giữ tài sản của mình. Nhà và nước gắn bó với nhau như thế, giặc nào không bại.

Song ngoài "Phủ quốc cường binh sách", còn phải kể đến "Binh thư yếu lược", nhằm dạy cho binh sĩ biết các phép tắc của việc binh, biến người lính ngoài việc tinh thông võ nghệ, còn có mưu trí, quyền biến trong khi chiến đấu nữa. Lại phải kể đến: "Vạn kiếp tông bí truyền thư", là một thứ binh pháp thâm viển dùng cho các bậc trí tướng, nhân tướng. Công lao ấy của Quốc công tiết chế, thật không gì có thể so sánh được.

Hưng Đạo từ lúc vào triều hội, ông vẫn ngồi yên nghe ngóng. Ông ngồi đó điềm đạm thư thái, như một nhà tu hành đắc đạo ông không nói và cũng không định nói gì. Bởi có gì cần nói, ông đã dồn vào các trước tác, và các việc làm cả rồi. Ông không quan hoài đến việc khen chê của người đời.

Trong số các vương có mặt tại triều hội, có nhẽ Tĩnh Quốc đại vương Trần Quốc Khang, là người có tâm tư trĩu nặng hơn cả. Bởi lẽ con trai của đại vương - gã Trần Kiện đã đem cả một vạn quân đầu hàng giặc. Y còn dẫn đường cho giặc lùng bắt thượng tướng thái sư Trần Quang Khải, là em ruột ông. Mặc dù trong trận chiến vừa qua, ông đã tận lực đánh giặc và lập không ít công lao. Vậy mà ông vẫn cảm như mình có tội. Trong thâm tâm, ông rất muốn nói lên sự sáng suốt của thái sư, trong việc xin nhà vua cho mở Đại hội Diên Hồng, để cổ kết lòng dân trước khi vào cuộc chiến. Đó là nút thắt

cuối cùng trong công cuộc chuẩn bị kinh chống giặc từ nhiều năm trước, cần phải nói ra để bàn thảo, cũng như phải lưu sử sách cho con cháu các đời sau chung soi. Thế nhưng ông vẫn cứ im lặng. Bởi ông sợ các đồng liệt lại ngờ ông nịnh thái sư, để hòng gỡ tội cho thằng con phản bội. Có nhẽ, các tướng lĩnh văn võ đại thần bàn thảo đã thấu đáo. Nhưng sao Hưng Đạo vẫn cứ im lặng ngồi kia. Thượng hoàng Thánh tông bèn lên tiếng gạn hỏi:

- Các quan đã có nhời tất cả, xin Quốc công cho nghe cao ý.

Hưng Đạo bước ra khỏi ban, sửa lại mũ, áo rồi vòng tay cung kính:

- Tâu thượng hoàng, tâu quan gia, thần trộm nghĩ, các quan bàn thảo tướng đã rõ và đã đủ. Thần chỉ xin tâu lại một đôi điều, mà thần cho là tâm đắc nhất. Tức là trong cuộc kinh chống giặc vừa qua, sở dĩ ta thắng được, trước hết là nhờ vào phúc âm của tổ tông và đức lớn của bệ hạ, nên vua tôi đồng lòng, anh em hòa mục.

Hưng Đạo hơi cúi xuống đặt cho ngay ngắn chiếc đai áo, và tiếp - quả thật, nếu vua tôi chia lòng, anh em bất mục, hẳn là giặc đã biến được nước ta thành quận huyện của chúng rồi.

Còn một điều nữa thần tâm đắc là bệ hạ đã ban hành chính sách thả nô, hạn điền, làm cho người cày có ruộng, nhờ đó mà thế nước mạnh hẳn lên. Ấy cũng là gốc rễ sâu xa của việc thắng giặc. Cho nên từ nay, theo ý thần, phải luôn khoan nói sức dân, đó là kẻ sâu gốc bền rễ, cũng là thượng sách để giữ nước vậy.

Lại nữa, còn một điều thần không thể không nhắc đến, ấy là sự sáng suốt dùng người của triều đình. Xét trong cuộc kinh chống giặc vừa qua, không một người có lòng yêu nước nào, một tài năng nào mà không được triều đình trọng, sắp đặt đúng người, đúng việc. Thiết tưởng bệ hạ nên biến điều đó thành quốc sách trong công cuộc hồi sinh đất nước.

Đại triều hội kéo suốt hai ngày. Tới ngày thứ ba, nhà vua xem xét ban thưởng.

Công đầu thuộc về các phủ của Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn, Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật, Chiêu Minh vương Trần Quang Khải, Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư... và các tướng Chiêu Thành vương, Trung Thành vương. Tuệ Trung thượng sỹ Trần Quốc Trung, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Khoái, Đặng Dương, Nguyễn Thế Trục, Phạm Lãm, Trần Thì Kiến, Ngô Sỹ Thường, Trần Quốc Khang, Trần Quốc Nghiễn, Trần Quốc Hiến, Trần Quốc Uất, Trần Quốc Tảng, Trần Đạo Tái, Yết Kiêu, Dã Tượng, Nguyễn Địa Lô, Trương Hán Siêu, Nguyễn Đức Dư, Nguyễn Văn Hàn, Đỗ Khắc Chung, Nguyễn Nhuệ...

Tướng Triệu Trung và cả đội quân người Tống được đặc cách tuyên dương, và được nhà vua ban cho thực ấp để an cư lạc nghiệp.

Các đầu mục người thiểu số như Hà Đặc, Trịnh Giác Mật, Nguyễn Lộc...

cùng các động, sách có công đánh giặc đều được triều đình ban khen xứng đáng.

Các nghĩa liệt như Trần Bình Trọng, Trần Quốc Toản, An Tư công chúa, Yên Ly, Đỗ Vỹ, Tàn Sầm... đều được vẽ hình khắc bia, lập đền thờ, tên lưu sử sách.

Các đội Long dục, Hồ dục, Thần dục, Thiết hạm đô... đều xếp vào ưu hạng. Sử quan Lê Văn Hưu, trạng nguyên công bộ Nguyễn Hiền... đều là những bậc quốc sĩ tận tâm với nước, liệt vào hàng đệ nhất công thần.

Nghe các đại thần bình công, báo công vui vẻ, vua Nhân tông lấy làm đẹp ý, ngài ban khen không tiếc lời. Đoạn nhà vua như phấn hứng hẳn lên, ngài nói:

- Trận này, tướng nào, phủ nào, đô, chủng quân nào cũng đều lập được công lớn cả, khiến ta phải lúng túng cân nhắc. Song phải thừa nhận phủ Chiêu Văn lập được nhiều công nhất. Mà đặc sắc nhất là "đội quân Thát-đát của chú Chiêu Văn". Nhà vua cười, cả triều hội đều cười nói vui vẻ.

Bổng thượng hoàng Trần Thánh tông như sức nhớ, ngài vẫy tay cho mọi người im lặng, rồi nói:

- Suýt nữa ta quên mất Trần Lai. Quan gia xét hỏi xem Trần Lai, hiện có còn sống ở đô quân nào để ban khen cho y. Nhớ bữa chạy ra Vạn Kiếp, ta chưa kịp ăn sáng, tới xế chiều đói quá, Trần Lai có dâng ta nắm cơm hầm. Vua tôi chia nhau ăn rất ngon miệng. Ta hứa, dẹp xong giặc, sẽ cho Trần Lai về quê quán phụng dưỡng cha mẹ, và cho làm câu đương. Ngoài các điều trên, quan gia nhớ cấp thêm cho y ba mẫu ruộng nữa.

Nhân sự kiện thượng hoàng hồi nhớ, vua Nhân tông cũng nhắc hỏi Trần Thi Kiến:

- Khanh có nhớ bữa vua tôi chạy từ Tam Trĩ về Thủy Chú ta có sai khanh bói một quẻ Dịch. Quẻ gì khanh có nhớ không ?

Trần Thi Kiến bèn đứng dậy tâu:

- Bẩm quan gia, quẻ "Lôi địa dự" ạ.

- Khanh giải đoán khoảng hạ chí, quân ta đuổi được hết giặc. Ta nói, nếu đúng như lời sẽ có thưởng. Nay quả đúng như lời. Việc khen thưởng khác ta chưa tính, riêng việc bốc Dịch và giải đoán đúng, ta ban cho khanh tước bốn tư. Đây là chuyện nghiêm chỉnh, thiên tử không có nói đùa.

Thấy nhà vua đang đà vui vẻ, có người thưa:

- Xin bệ hạ khen thưởng các tướng trọng hậu hơn nữa ạ.

- Ta cũng muốn như thế đấy, vì công các người, công quân sĩ to lớn lắm. Ta biết thưởng, khen và tôn vinh như vậy vẫn chưa tương xứng. Nhưng nếu các khanh dám đoán chắc rằng, giặc Thát-đát không xâm phạm cõi bờ ta nữa, thời ta có tiếc gì. Chỉ sợ khen thưởng ưu hậu cực phẩm rồi, tới lúc giặc sang, ta lại thắng thì lấy gì mà khen.

Nhà vua vừa dứt lời, cả triều hội hô vang:

- Thượng hoàng vạn tuế!

- Quan gia thiên tuế !... thiên tuế !

Im lặng trở lại, vua Nhân tông nói, mắt ngài rung rung lệ:

- Vua tôi ta mãi tôn vinh nhau, mà suýt quên mất những người công lao không kém chúng ta, nhưng lại gánh chịu thiệt thòi lớn nhất. Các khanh có biết đó là ai không?

- Dân chúng ạ! Cả triều hội đồng thanh.

- Phải rồi. Chính là dân chúng đây. Vậy ta có dụ rằng: Các vùng bị chiến trận tàn phá nặng nề, đều tha tô, thuế ba năm. Các vùng bị tàn phá nhẹ hơn được tha tô thuế một năm. Nội lệnh sử phải xem xét phân loại từng vùng cho thật công bằng, rồi bố cáo sớm nhất cho dân chúng được biết.

Ngưng lại trong giây lát, Nhân tông lại nói: Còn về sĩ tốt, nhất loạt được thăng một bậc. Những thương binh, phế binh được nuôi dưỡng, chu cấp trọn đời. Người nào đánh giặc mà bị chết, bị mất tích thì cha mẹ, vợ con họ được cấp tiền, cấp ruộng theo lệ cũ, và hưởng ân trạch suốt đời. Những người già cả, cô đơn không nơi nương tựa, những trẻ mồ côi cha mẹ, đều được nhà nước săn sóc nuôi dưỡng. Làm xong các việc trên, nhà vua cảm thấy lòng thanh thản.

Vừa xong việc khen thưởng thì quan tri khu mật viện ra trước ban tâu:

- Bệ hạ đã ban chính sách khen thưởng, vớ về mọi người trong công cuộc kinh chống xâm lăng, xin bệ hạ cũng ban chính sách trừng trị những kẻ phản dân, phản nước làm tay sai cho giặc. Những kẻ đã theo giặc Thát về Bắc quốc, xin được tịch thu hết điền sản và gia nô của chúng. Lại cũng phải trừng trị đích đáng một số kẻ trong đám khách trú, chuyên đưa lối chỉ đường cho giặc đánh phá quân ta, hoặc cướp đốt kho tàng.

Vua Nhân tông gật đầu khen phải . Đoạn ngài nói:

- Ta đã đọc kỹ "Nhị thập thất điều" (Hai mươi bảy điều) về các tội danh do bên Đàng văn viện khởi thảo, cùng danh sách những kẻ bị ghép vào các tội đồ trên của bên Khu mật viện. Song ta thiết nghĩ, việc này phải cân nhắc kỹ lắm. Khi ta khen thưởng, nếu có khen nhầm, khen sai, chắc chỉ có lợi cho kẻ bị nhầm ấy thôi. Còn như trừng trị sai, là gây tội ác không gì biện minh được cho kẻ cầm quyền. Bởi mỗi sai sót của triều đình, đều có thể gây án mạng, hoặc chí ít cũng tan cửa nát nhà cho người bị xử oan. Vả chăng, nó sẽ làm hoen ố chính sách đại nghĩa của ta. Ngừng một lát, nhà vua lại nói - Tuy vậy, triều đình không thể không trừng trị nghiêm khắc, những kẻ đã có tội danh rõ ràng. Không thế thì lễ luật, kỷ cương phép nước của ta sẽ ngày một lu mờ, gian, ngay, trung, nịnh khó phân, khiến kẻ tận tâm với nước cũng phải nản lòng. Mai đây, nếu giặc lại xâm lấn cõi bờ, thử hỏi ai còn muốn hy sinh tài sản, tính mệnh nữa.

Nhà vua vừa nói xong thì một viên quan nội hầu khệ nệ bê lên một chiếc tráp, ông ta đặt trước hai vua rồi nói hỏn hên qua hơi thở:

- Trình bệ hạ, hôm qua dọn phía sau điện Thiên An, thần nhặt được cái này, do A-lí Hải-nha bỏ lại... Tưởng văn thư gì của giặc, hóa ra... Thần sợ quá, xin đem nộp bệ hạ.

Nhà vua mở xem qua loa, nhưng lòng thì trĩu nặng. Vì rằng những kẻ ăn lộc triều đình ưu hậu là thế, kíp khi thế nước lâm nguy, thì chúng lại nghĩ đến thân hơn đến nước. May thay, nếu không có quốc công cùng các hàng tướng lĩnh tài ba đốc lòng trung với nước; nếu không có hàng vạn sĩ tốt lấy máu xương mình cản giặc; lại không có toàn thể quốc dân hy sinh hết thảy vì sự nghiệp cứu nước, thời làm sao ta thắng nổi giặc dữ.

Nhân tông vội đưa mớ thư từ xin hàng, hoặc ước hàng của một số đại thần đã vắng mặt, hoặc đang có mặt tại đây cho vua cha coi. Vua Thánh tông cũng xem qua rồi an ủi viên quan nội hầu:

- "Giữa lúc thế giặc đang cường như thác lũ, như sấm sét từ trời cao giáng xuống, thế nước chung chiêng như chuông treo chỉ mảnh, đến ta có lúc còn hoang mang hãi sợ nữa là các quan".

Vua Nhân tông cũng nói thêm vào để viên quan nội hầu vững dạ:

- "Họa Thát-đất vừa dẹp xong, nhưng nguy cơ chưa dứt. Bây giờ là lúc vua tôi phải đồng lòng, gắng sức kiến thiết quốc gia, lo cho dân giàu, nước mạnh, chớ không phải lúc bới móc ra để vua tôi nghi kỵ nhau". Rồi vua sai đem đốt hết đi.

Để cổ súy lòng hăng hái của ba quân, triều đình cho mở tiệc khao thưởng toàn thể binh sĩ trong cả nước suốt ba ngày. Tại Thăng Long, tiệc yến khao thưởng binh sĩ đặt trong điện Thái Bình.

Tiếng rằng nhà nước chỉ mở hội khao thưởng trong quân thôi, vì vừa ra khỏi chiến tranh, quốc khổ đã vơi cạn. Nhưng không gì có thể ngăn được dân chúng khắp nước mở hội mừng vui. Thôi thì từ Thăng Long tới tứ trấn, và tận các vùng miền heo hút, đâu đâu cũng giăng đèn, kết hoa. Khắp bốn phương trời, ngày đêm vang vang tiếng nhạc, tiếng hát và cả tiếng reo vui từ các cuộc chơi. Như kéo co, đánh vật, đánh đu, múa sư tử. Trong quân thì bơi chải, đua ngựa, bắn cung, bắn nỏ, đấu vật, đấu quyền, đấu kiếm...

Ngày thì vui chơi, đêm về tiệc yến. Trong tiệc vui không hạn chế này, các tướng đều cho phép binh sĩ bầu tửu lệnh. Tiệc vui có tửu lệnh, vui đến nổi trời. Bởi nó không còn sự phân biệt tướng, binh, trên, dưới nữa. Tất cả đều phải theo người giữ tửu lệnh, do lính tráng tự bầu ra.

Trong tiệc khao quân, tướng lĩnh và binh sĩ chan hòa như tình anh em, tình cha con.

Họ ôm lấy nhau, vừa vỗ tay vừa vỗ grom mà hát mà múa, mà khóc vì sung sướng. Trong tiệc, binh sĩ được phép uống say, được phô diễn các trò vui

không hạn chế. Nhiều người đóng giả gái, hát múa cặp đôi với con trai, đến là duyên. Nhiều người khéo đóng vai Thoát-hoan, trong tích trò "Tam thập lục kế". Khi diễn lại cảnh Thoát-hoan chui vào rọ, bọc đồng lá ở ngoài rồi kéo lên trên mặt đất. Thoát-hoan co rúm người nhăn nhó như khi ăn phải mắm tôm, khiến mọi người cười đến nôn cả ruột.

Cha con vua Trần Thánh tông, Trần Nhân tông cùng hòa vui với binh sĩ trong tiệc rượu. Nghiêm như quốc công tiết chế Hưng Đạo vương, mà lính còn dám bê rượu đến mời. Ông uống và mời lại họ. Và cùng nắm tay nhau vui đùa, nhảy múa.

Thượng tướng Trần Quang Khải tay cầm chiếc bát to, men nâu có hình bốn lực sĩ ném lao, tay kia xách hũ rượu đến trước Trần Hưng Đạo và hai vua, thân rót đầy bát rượu dâng lên Trần Thánh tông. Nhà vua đỡ lấy bát rượu uống một hớp rồi đưa cho Trần Nhân tông, Nhân tông lại đưa mời Hưng Đạo, Hưng Đạo trao cho Quang Khải, Nhật Duật, Khánh Dư, Phạm Ngũ Lão... Cứ vui lại rót, bát rượu chuyển khắp lượt từ hai vua qua các vị tướng rồi đến tay từng người lính...

Trong không khí thoải mái ấm áp tình người, và chất chứa hào khí của một đội quân vừa lập chiến công nghiêng trời lệch đất, thượng tướng Trần Quang Khải lòng đầy thi hứng, ông xúc động xuất khẩu đọc luôn:

Đoạt sáo Chương Dương độ.

Cầm Hồ Hàm Tử quan.

Thái bình tu trí lực.

Vạn cổ thử giang san.

(Bến Chương Dương cướp giáo.

Cửa Hàm Tử bắt thù.

Thái bình nên gắng sức.

Non nước ấy muôn thu.).

Giảng Võ mùa xuân năm Tân mùi (1991)

HẾT

Nguồn: Thuvien-Ebook

Người đăng: ms

Thời gian: 28/06/2007 9:50:58 SA